

CHRISTOPHER
MCDUGALL

Một bộ lạc ẩn dật, những vận động viên
siêu phàm và cuộc đua vĩ đại nhất mà thế
giới chưa từng được chứng kiến

SMITH DICKINSON BORN TO RUN

Nguyễn Kiến Quốc dịch



NHÀ XUẤT BẢN
THẾ GIỚI

SINH RA ĐỂ CHẠY

Tác giả: **Christopher McDougall**

Thể loại: **Truyện dài - Tiểu thuyết, Văn học**

Nhà xuất bản: **NXB Thế Giới**

Ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

LỜI GIỚI THIỆU

Sinh ra để chạy không phải là một cuốn sách giáo khoa về chạy bộ. Bạn sẽ không tìm thấy những kiến thức chuyên sâu, có tính kỹ thuật của môn chạy bộ, hay các bài tập, hướng dẫn giúp bạn chạy nhanh hơn, xa hơn. Thay vào đó, tác giả Christopher McDougall lại dẫn dắt người đọc vào một câu chuyện vượt cả không gian và thời gian, tới các góc ngách tận cùng của Trái đất, đi ngược về lịch sử xa xưa của nhân loại, để tìm hiểu về chạy bộ như một trong những bản năng cơ bản nhất của con người. Đan quyện vào cuộc du hành xuyên thời gian, không gian đó, là câu chuyện về những cá nhân cụ thể, có đời sống xã hội bình thường như mỗi chúng ta, nhưng khi xỏ chân vào đôi giày chạy và lướt xuống đường mòn, họ bỗng lột xác thành dị nhân siêu đẳng, với khả năng chạy bộ ở cự ly siêu dài trong thời gian không tưởng. Và để đối chứng với những siêu nhân chạy bộ thời hiện đại ấy, Christopher đã tìm thấy một đối thủ hoàn hảo, một bộ tộc ẩn nấp sâu trong vùng núi cao Sierra ở Mexico, những người vẫn giữ được tác phong và lối sống thanh bạch như chính tổ tiên của họ hàng nghìn năm trước, người Tarahumara. Cao trào của cuốn sách, là một cuộc tỷ thí vượt thời gian, một giải chạy vô tiền khoáng hậu, giữa những người chạy bộ giỏi nhất thời hiện đại của nước Mỹ và những người thổ dân đại diện cho người chạy bộ nguyên thủy.

Dù kể chuyện về những dị nhân siêu phàm nhất, nhưng tác giả Christopher McDougall đã khéo léo phản chiếu chính hình ảnh của bản thân mình, một người chạy bộ nhập môn, vào mạch kể. Do đó, bất kỳ ai đọc Sinh ra để chạy cũng sẽ tìm thấy ở đâu đó hình bóng của chính mình trong sách. Cuốn sách không chỉ là một cuộc phiêu lưu, một cuộc tìm hiểu cội nguồn của chạy bộ, mà còn lột tả những cảm xúc chân thực, những nỗi niềm suy nghĩ, những tình cảm buồn vui, những vỡ òa của các nhân vật xoay quanh từng bước chạy.

Với những ai chưa từng chạy bộ, cuốn sách có thể là một lời giải đáp cho bản khoăn “chạy để làm gì?” hoặc “chạy bộ có gì hay?”, còn đối với những người đã trót đem lòng yêu môn chạy bộ, cuốn sách là một thiên sử thi, vừa lãng mạn, vừa hùng tráng, tràn đầy lòng tự hào của một giống loài “Sinh ra để chạy”.

Hội những người thích chạy đường dài Việt Nam LDR là nguồn cảm hứng, động viên đối với người dịch, cũng như đã có những hỗ trợ quý báu giúp người dịch hoàn thành bản dịch cuốn sách này.

Người dịch Nguyễn Kiến Quốc

“Để sống với những bóng ma, bắt buộc phải về nơi hoang dã.”

– Anne Michaels, *Fugitive Pieces* (Những mảnh vụn phù du)

Đằng đẳng nhiều ngày, tôi lùng khấp dẫy Sierra Madre, Mexico theo dấu một bóng ma được biết đến với cái tên Caballo Blanco – Ngựa Trắng. Cuối cùng, tôi dừng chân ở điểm cuối đường mòn, nơi rất cuộc tôi có thể ngờ sẽ thấy anh ta – không phải giữa sâu thẳm chốn hoang sơ như người ta đồn đoán, mà trong sảnh tối tăm của một khách sạn cũ kỹ, ngay rìa thị trấn bụi mù miền sa mạc.

“Sí, El Caballo está.” Cô lễ tân gật đầu. Có, Ngựa Trắng ở đây.

“Thật không?” Sau quá nhiều lần phải nghe rằng vừa vượt mất anh ta, ở quá nhiều địa điểm kỳ quặc, tôi bắt đầu nghi ngờ rằng Caballo Blanco chỉ là một huyền thoại không hơn, một quái vật hồ Loch Ness được thêu dệt để đe dọa trẻ nít và bịp mấy gã nước ngoài khờ khạo.

“Anh ta luôn trở lại đây đúng năm giờ.” Cô nói thêm. “Như một nghi lễ.”

Tôi không biết nên ôm chầm cô gái vì sung sướng hay đập tay mừng chiến thắng. Tôi nhìn đồng hồ. Tôi sắp tận mắt trông thấy bóng ma chỉ sau... mà khoan đã.

“Nhưng đã hơn sáu giờ rồi.”

Cô lễ tân nhún vai. “Có lẽ anh ta đã đi rồi.”

Tôi ngồi sụp xuống chiếc ghế xô-pha cổ lỗ sĩ. Tôi hôi hám, đói mềm, và thảm bại. Tôi đã cạn kiệt sức lực, và cạn kiệt cả đầu môi.

Có người nói Caballo Blanco là dân tệ nạn; người khác lại nghe, anh là võ sĩ quyền anh bỏ trốn để trừng phạt bản thân sau khi đánh chết một đấu thủ trên võ đài. Không ai biết tên, tuổi hay lai lịch. Anh như những tay súng miền Viễn Tây, chỉ để lại dấu vết là các câu chuyện nhiều hư cấu hay một hơi khói xì gà thoảng qua. Những lời mô tả và những lần chạm trán xuất hiện ở khắp mọi nơi trên bản đồ; người dân ở những ngôi làng cách xa nhau đến phi lý lại thề thốt rằng cùng nhìn thấy anh một ngày và những lời mô tả về anh khác nhau một cách kỳ lạ, từ “hài hước và dễ gần” cho đến “kỳ quặc và khổng lồ”.

Nhưng trong tất cả các phiên bản về huyền thoại Caballo Blanco, vẫn có một số chi tiết cơ bản giống nhau: Anh tới Mexico từ nhiều năm trước và chuyển vào sâu trong vùng Barrancas del Cobre hoang vắng – Copper Canyon – để sống giữa những người Tarahumara (trong tiếng Tây Ban Nha, “h” là âm câm nên từ này được đọc là: Ta-ra-u-ma-ra), một bộ lạc kỳ bí, có những vận động viên siêu phàm từ thời kỳ đồ đá. Người Tarahumara có lẽ là giống người khỏe mạnh và thanh thản nhất Trái đất, và là những người chạy bộ vĩ đại nhất mọi thời đại.

Nói tới các cự ly siêu dài, chẳng gì có thể đánh bại một người chạy bộ Tarahumara – kể cả ngựa đua, báo đốm, hay vận động viên marathon Olympic. Có rất ít người từng nhìn thấy người Tarahumara thể hiện sức mạnh, nhưng những câu chuyện kỳ thú về sức bền bỉ siêu phàm và sự bình thản của họ đã vượt khỏi các hẻm núi từ nhiều thế kỷ trước. Một nhà thám hiểm thề rằng ông ta đã nhìn thấy một người Tarahumara tay không bắt hươu, sau khi rượt đuổi con vật dẻo dai “đến long móng guốc” và khiến nó gục chết vì kiệt sức. Một người phiêu lưu mạo hiểm khác thì kể anh ta phải mất tới 10 tiếng đồng hồ trên lưng một con la để vượt qua một đỉnh trong Copper Canyon; trong khi một người Tarahumara chạy bộ hết chính quãng đường đó chỉ vón vện 90 phút.

“Thứ thứ này xem!” Có lần, một người phụ nữ Tarahumara nói với một nhà thám hiểm kiệt sức đã quy ngã dưới chân một ngọn núi. Bà đưa cho anh một quả bầu đựng thứ chất lỏng sẫm màu. Anh uống vài ngụm, và sừng sốt khi cảm thấy nguồn năng lượng mới chảy rần rật trong mạch máu. Anh

lại đứng lên và leo tới đỉnh núi như một Sherpa uống quá liều caffeine. Người Tarahumara, theo như lời nhà thám hiểm đó sau này kể lại, còn giữ bí mật về công thức chế biến một loại thực phẩm cung cấp năng lượng đặc biệt, giúp họ giữ được thân hình thon gọn, mạnh mẽ vô địch: chỉ một vài miếng loại thực phẩm đó là đủ dinh dưỡng chạy cả ngày không cần nghỉ.

Nhưng bất cứ bí mật nào người Tarahumara gìn giữ, họ đều giữ rất kín. Ngày nay, người Tarahumara vẫn sống trên rìa những vách đá còn cao hơn tổ chim điều hâu, tại một vùng đất không còn mấy người từng thấy. Barrancas là một thế giới đã mất, nằm ở vùng hoang sơ hẻo lánh nhất Bắc Mỹ, một kiểu Tam giác Bermuda trên cạn, nổi tiếng vì đã nuốt chửng những kẻ không biết lượng sức hay liều lĩnh lạc bước vào đây. Đây rẫy hiểm nguy chực chờ dưới những hẻm núi này; có sống sót được trước lũ báo ăn thịt người, rắn độc hay sức nóng đến rộp da, thì bạn vẫn còn phải đối phó với “con sốt hẻm núi”, một nỗi sợ chết người do cảm giác hoang vắng dị thường của Barrancas mang lại. Càng đi sâu vào Barrancas, bạn sẽ càng cảm thấy như bị đóng chặt lại trong một hầm mộ. Những bức tường khép lại, những cái bóng trải rộng ra, lời thì thầm của những bóng ma vắng vắng; lối đi nào tưởng như cũng dẫn đến những vách đá dựng đứng. Những người đi khai khoáng trước đây đã từng rơi vào tình trạng điên loạn và tuyệt vọng như thế, để rồi nhiều kẻ đã tự tay cắt cổ chính mình, hoặc gieo mình xuống vách đá. Vì vậy, chẳng lạ khi có rất ít người từng nhìn thấy mảnh đất quê nhà của người Tarahumara, chứ chưa nói đến chuyện gặp được người dân bộ lạc này.

Nhưng bằng cách nào đó, Ngựa Trắng đã tới được những nơi sâu thẳm của Barrancas. Và ở đó, như người ta kể lại, anh được người Tarahumara chấp nhận như một người bạn và như một linh hồn thân thiện; một con ma giữa những bóng ma. Anh chắc chắn đã rèn luyện được hai kỹ năng của người Tarahumara – khả năng giấu mình và sức chịu đựng khác thường – bởi vì mặc dù người ta trông thấy anh khắp nơi trong hẻm núi, nhưng có vẻ như không ai biết anh sống ở đâu hay có thể tiếp tục xuất hiện ở nơi nào. Nếu có ai đó giải thích được những bí mật cổ đại của người Tarahumara, như tôi được nghe kể, thì đó chính là kẻ lang thang cô đơn này trên vùng núi cao Sierra.

Tôi bị ám ảnh bởi việc tìm Caballo Blanco tới mức lúc ngủ gật trên ghế xô-pha ở sảnh khách sạn còn tưởng tượng ra giọng nói của anh. “Chắc là giống như giọng gấu Yogi hỏi mua burrito ở Taco Bell.” Tôi thầm nghĩ. Một người như thế, một kẻ lang thang đi bất cứ đâu, nhưng chẳng phù hợp với bất kỳ chốn nào, hẳn chỉ sống trong tâm tưởng của bản thân và hiếm khi nghe thấy tiếng của chính mình. Anh chắc sẽ kể các câu chuyện cười kỳ cục, và tự làm mình cười phá lên. Anh hẳn phải có tiếng cười bùng nổ và một giọng Tây Ban Nha tồi tệ. Anh chắc phải ồn ào, nói nhiều và... và...

Chờ đã. Tôi đang nghe thấy những âm thanh đó thật. Tôi mở choàng mắt và nhìn thấy một xác chết bụi bặm, đội chiếc mũ rom tá tôi đang đùa cợt với cô lễ tân. Bụi đường bám thành vệt trên gương mặt hốc hác như những vệt sơn vẽ mặt của thổ dân đang nhạt bớt, và đám tóc rối bù cháy nắng thò ra dưới vành mũ, như được cắt tìa bằng một con dao sần. Với bộ dạng háu chuyện trước mặt cô lễ tân đang uể oải, anh trông hệt như một kẻ bị lạc trên hoang đảo.

“Caballo?” Tôi thốt lên.

Cái xác chết kia quay người lại, mỉm cười, và tôi tự thấy mình như một thằng ngốc. Anh ta không tỏ vẻ gì là cảnh giác; mà bối rối, hệt như bất cứ một vị khách du lịch nào khi bất thần chạm trán một gã điên ngồi trên ghế xô-pha hét gọi “Ngựa!”.

Đây không phải là Caballo. Chẳng có Caballo nào cả. Tất cả chỉ là một trò bịp, và tôi đã bị lừa.

Thế rồi, cái xác cất tiếng: “Anh biết tôi à?”

“Trời ơi!” Tôi lập cập đứng dậy. “Gặp được anh tôi mừng quá!”

Nụ cười biến mất. Cặp mắt của cái xác phóng thẳng ra cửa, như muốn nói rằng chỉ sau một giây nữa, anh cũng sẽ phóng ra theo.

Tất cả bắt đầu từ một câu hỏi đơn giản nhưng không ai đáp nổi.

Câu hỏi năm từ này đã dẫn tôi đến với tấm ảnh một người đàn ông chạy rất nhanh trong chiếc váy ngắn cũn cỡn, và rồi kể từ đây, những người tôi gặp ngày một thêm kỳ quái. Không lâu sau đó, tôi dính líu đến một vụ giết người, các băng đảng ma túy, và cả một gã đàn ông cụt một tay, với cái chén pho mát kem buộc trên đầu. Tôi đã gặp một nữ kiểm lâm tóc vàng xinh đẹp, cởi bỏ hết quần áo và tìm thấy sự cứu rỗi linh hồn khi chạy khóa thân trong những khu rừng Idaho, một nữ vận động viên lướt sóng trẻ tuổi, tóc thắt bím, chạy thẳng vào chỗ chết ngoài sa mạc. Một thần đồng chạy bộ yếu mệnh. Hai người khác suýt cũng mất mạng.

Tôi tiếp tục tìm kiếm, và còn tình cờ gặp cả Người Dơi Chân Đất... Gã Khóa Thân... Những người sống trong bụi rậm ở Kalahari... Người cụt móng chân... và cuối cùng là bộ lạc Tarahumara cổ xưa, cùng gã học trò bí ẩn của họ, Caballo Blanco.

Cuối cùng, tôi đã có được câu trả lời, nhưng chỉ sau khi nhận ra mình đang ở ngay trong cuộc đua vĩ đại nhất thế giới ngày nay: Giải vô địch Đối kháng môn chạy bộ, cuộc tỷ thí đỉnh cao giữa những người chạy bộ cự ly siêu dài giỏi nhất thời đại chúng ta với những người chạy bộ siêu dài giỏi nhất mọi thời đại, trong cuộc đua 50 dặm trên những con đường mòn bí ẩn chỉ có dấu chân người Tarahumara. Tôi sẽ giật mình phát hiện ra rằng lời dạy cổ xưa của Lão Tử – “Kẻ khéo đi không để lại dấu vết” – không phải lời thuyết giảng sáo rỗng, mà thực sự là chỉ dẫn luyện tập nghiêm túc, cụ thể và thực tiễn.

Tất cả bắt đầu vào một ngày tháng 1 năm 2001, khi tôi hỏi bác sĩ:

“Tại sao chân tôi đau?”

Tôi đã tới gặp chuyên gia hàng đầu về y học thể thao trong nước bởi có một cái que chọc vô hình nào đó cứ đâm thẳng vào gan bàn chân tôi. Tuần trước, khi đang chạy nhẹ nhàng khoảng ba dặm trên một con đường nông trại tuyết phủ, thì đột nhiên, tôi thét lên đau đớn, nắm chặt lấy bàn chân phải mà la hét chửi thề rồi ngã lăn xuống tuyết. Khi trấn tĩnh lại, tôi kiểm tra bàn chân, đỉnh ninh là đã đập trúng mảnh đá nhọn, hoặc một cái đinh cũ kẹt trong lớp băng nào đó. Nhưng không hề có một giọt máu, thậm chí, giày cũng chẳng có lỗ thủng.

“Chạy bộ chính là vấn đề của anh.” Bác sĩ Joe Torg khẳng định khi tôi lết vào phòng khám của ông ở Philadelphia vài ngày sau đó. Ông hẳn rõ hơn ai hết; bác sĩ Torg không chỉ gây dựng toàn bộ nền y học thể thao, mà còn là đồng tác giả cuốn *The Running Athlete* (Vận động viên chạy bộ), phân tích cụ thể bằng cách chụp X-quang tất cả các chấn thương có thể xảy ra khi chạy bộ. Ông kiểm tra X-quang và nhìn tôi tập tễnh đi loanh quanh, rồi kết luận rằng tôi đã làm thương tổn xương hộp, cụm xương nằm song song với hõm bàn chân mà tôi không hề biết là nó tồn tại, cho tới khi nó tự biến thành một que chích điện ngay trong bàn chân mình.

“Nhưng tôi hầu như chẳng chạy mấy.” Tôi nói. “Tôi chỉ chạy mỗi lần khoảng hai đến ba dặm, cách một ngày chạy một lần. Và thậm chí tôi còn không chạy trên đường nhựa. Chủ yếu là đường đất.”

Cũng chẳng ý nghĩa gì. “Cơ thể người không phải sinh ra để bị hành hạ như vậy.” Bác sĩ Torg trả lời. “Đặc biệt là cơ thể của anh.”

Tôi hiểu ý ông. Với chiều cao 1,93 m, nặng 104 cân, tôi nhiều lần được khuyên rằng người có kích cỡ như tôi được tạo hóa sắp đặt đứng chắn dưới vòng bóng rổ hoặc đỡ đạn cho tổng thống, chứ không phải nện thân xuống nền đường. Và bước sang tuổi 40, tôi đã hiểu; trong năm năm từ khi ngừng chơi bóng rổ nửa sân và cố biến mình thành vận động viên marathon, tôi đã rách gân kheo

(hai lần), bong gân Achilles (liên tục), lật cổ chân (cả hai bên, lúc bên này, lúc bên kia), đau hõm bàn chân (thường xuyên), phải đi giết lùi xuống cầu thang trên đầu ngón chân vì gót chân quá đau. Và bây giờ, điểm lạnh lặn duy nhất trên bàn chân tôi cũng tham gia nốt vào cuộc nổi loạn.

Kỳ quặc là, với các hoạt động khác, tôi cứ như mình đồng da sắt. Là phóng viên cho tờ Men's Health và một trong những người phụ trách đầu tiên của chuyên trang "Người không ngừng nghỉ" trên Esquire, phần lớn công việc của tôi là thử sức với các môn thể thao cực hạn. Tôi từng lướt ván xuôi những khúc sông có độ khó Cấp IV, trượt ván trên các đồi cát khổng lồ, đạp xe địa hình xuyên Badlands, Bắc Dakota. Tôi từng đi lấy tin ở ba vùng chiến sự cho Associated Press và ăn đêm nằm đẽ trong những khu vực hỗn loạn ở châu Phi, mà không hề hấn gì. Nhưng chỉ dợm chạy bộ vài dặm xuống phố, là tôi lại vật ra đất như thể vừa bị một kẻ lái xe ngang qua bắn hạ.

Với bất kỳ môn thể thao nào khác, một chấn thương như vậy sẽ xếp tôi vào hàng phế phẩm. Trong chạy bộ, trường hợp như tôi lại là bình thường. Bất thường lại chính là những ai chạy bộ không bị chấn thương. Hằng năm, cứ 10 người chạy bộ thì có tám người bị chấn thương. Bất kể béo hay gầy, chạy nhanh hay chậm, nhà vô địch marathon hay người nổi hứng chạy cuối tuần, bạn đều có khả năng bị chấn thương đầu gối, ống đồng, gân kheo, hông hoặc gót chân. Lần tới, khi xếp hàng ở vạch xuất phát của một cuộc đua, hãy nhìn những người đứng bên trái hay bên phải bạn: theo số liệu thống kê, chỉ một người trong số các bạn có thể về đích mà vẫn dự được cuộc đua sau.

Cho đến nay, chưa có cách nào để làm chậm lại sự tàn phá này; bạn có thể mua giày chạy bộ có lò xo thép đệm ở phần đế và các đôi giày Adidas đời mới điều chỉnh độ êm bằng vi mạch, nhưng tỷ lệ chấn thương lại không hề giảm bớt trong suốt 30 năm qua. Thậm chí, thực tế là còn tệ đi; tình trạng bong gân gót chân Achilles đã tăng khoảng 10%. Chạy bộ dường như là phiên bản thể thao của việc lái xe khi say rượu: bạn có thể bình an trong một thời gian, thậm chí có cả lúc vui thú, nhưng thảm họa luôn rình rập ngay sau mỗi lối rẽ.

Các dữ liệu y học thể thao như đang đồng thanh cất lời chế nhạo: "Ngạc nhiên chưa!" Mà cũng không hẳn. Thế này thì đúng hơn: "Vận động viên chơi các môn thể thao có liên quan đến chạy bộ tạo áp lực khủng khiếp lên đôi chân." Tập san Chấn thương Thể thao công bố. "Mỗi bước giẫm xuống tác động lên chân một lực lớn gấp đôi trọng lượng cơ thể. Cũng như gõ búa liên tục lên một tảng đá tưởng như không thể phá hủy, tảng đá rồi cũng tan thành bụi, mức va chạm phải chịu trong khi chạy bộ rồi sẽ phá hủy xương, sụn, cơ, gân và dây chằng của bạn." Một bài báo của Hiệp hội các phẫu thuật gia Chấn thương Chính hình Hoa Kỳ đã kết luận rằng chạy đường dài là "mối đe dọa nghiêm trọng đến tính nguyên vẹn của đầu gối."

Và thay vì "một tảng đá không thể phá hủy", mối đe dọa nghiêm trọng đó lại dồn lên một trong những điểm nhạy cảm nhất trên cơ thể bạn. Bạn có biết bàn chân mình có những loại dây thần kinh nào? Nó giống như dây thần kinh nối với bộ phận sinh dục vậy. Bàn chân bạn chứa đầy nơ-ron thần kinh cảm nhận, luôn khắp các vị trí để thu nhận cảm giác. Chỉ cần kích thích nhẹ các dây thần kinh đó thì xung cảm giác sẽ phóng khắp toàn bộ hệ thần kinh; đó là lý do tại sao cù vào gan bàn chân lại làm cho hệ thống bị quá tải và khiến cả cơ thể co rút.

Không khó để hiểu tại sao các nhà độc tài Nam Mỹ lại thích "chơi đùa" với bàn chân khi xử lý những kẻ cứng đầu. Bastinado, phương pháp trói nạn nhân và đánh vào gan bàn chân, được Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha phát triển và những kẻ tàn bạo bệnh hoạn nhất thế giới hân hoan đón nhận. Khmer Đỏ và người con trai độc ác Uday của Saddam Hussein là những kẻ đặc biệt ưa chuộng bastinado, bởi họ rành rẽ về giải phẫu học. Chi mắt và bàn tay là sánh được với bàn chân về khả năng truyền tín hiệu nhanh tới não bộ. Để cảm nhận những vuốt ve mềm mại nhất hay hạt cát nhỏ bé nhất, thì ngón chân có khả năng truyền tín hiệu tốt không kém môi hay đầu ngón tay.

"Vậy, tôi không thể làm gì được hay sao?" Tôi hỏi bác sĩ Torg.

Ông nhún vai. "Anh có thể tiếp tục chạy, nhưng rồi sẽ trở lại đây nhiều hơn vì cái này." Ông nói, và gõ gõ móng tay vào ống tiêm to tướng đầy cortisone chuẩn bị tiêm vào gan bàn chân tôi. Ngoài ra,

tôi cần có thêm các miếng đệm chỉnh hình (giá 400 đô-la) để nhét vào trong đôi giày kiểm soát chuyển động (giá 150 đô-la, mà thực ra là hơn, vì tôi sẽ cần phải dùng hai đôi để thay đổi, thành ra là 300 đô-la). Nhưng đó cũng mới chỉ là để trì hoãn thêm thời gian trước khi nhận tờ hóa đơn thực sự tốn kém: hóa đơn thanh toán cho lần khám tiếp theo.

“Anh biết tôi khuyên điều gì không?” Bác sĩ Torg kết luận. “Hãy mua một chiếc xe đạp.”

Tôi cảm ơn, hứa sẽ nghe theo lời khuyên của ông, và ngay sau đó, lập tức lén đi gặp một bác sĩ khác. Tôi tự nhủ, bác sĩ Torg đã nổi danh nhiều năm qua. Vì vậy, có thể ông hơi bảo thủ với lời khuyên của mình và hơi vội vàng sử dụng cortisone. Một người bạn giới thiệu cho tôi vị bác sĩ chuyên chữa bệnh thể thao về chân, đồng thời là vận động viên marathon, tôi bèn đặt lịch ngay tuần sau đó.

Vị bác sĩ này lại cho tôi chụp X-quang, rồi dùng ngón cái khám xét bàn chân tôi. “Có vẻ anh bị hội chứng xương hộp.” Ông kết luận. “Tôi có thể ngừng tình trạng viêm bằng cortisone, nhưng sau đó anh sẽ phải dùng lót chỉnh hình.”

“Khốn nạn thật!” Tôi lẩm bẩm. “Torg cũng nói y như vậy.”

Vị bác sĩ nọ đã chuẩn bị ra khỏi phòng lấy kim tiêm, nhưng nghe vậy liền dừng lại. “Anh đi gặp Joe Torg rồi à?”

“Đúng vậy.”

“Anh đã được tiêm cortisone rồi chứ?”

“Vâng!”

“Vậy anh đang làm gì ở đây?” Ông hỏi, bỗng nhiên tỏ ra mất kiên nhẫn và pha chút nghi ngờ, như thể nghĩ tôi thực sự thích việc bị đâm kim vào vùng mỏng manh nhất dưới bàn chân vậy. Có lẽ ông nghi ngờ tôi là một kẻ nghiện khổ dâm, vừa nghiện đau và nghiện cả thuốc giảm đau nữa cũng nên.

“Anh biết bác sĩ Torg là bố già trong y học thể thao, phải không? Kết quả khám của ông ấy thường được mọi người rất tôn trọng.”

“Tôi biết. Tôi chỉ muốn kiểm tra lại.”

“Tôi sẽ không tiêm cho anh thêm lần nữa, nhưng ta có thể hẹn một buổi thử lót chỉnh hình. Và anh nên nghiêm túc suy nghĩ về việc tìm một môn thể thao khác ngoài chạy bộ.”

“Nghe hay đấy!” Tôi nói. Vị bác sĩ này, một người chạy bộ giỏi mà tôi sẽ không bao giờ sánh được, vừa khẳng định lại lời phán quyết của một bác sĩ mà ông thừa nhận là cây đa cây đề trong ngành y học thể thao. Như vậy thì chẳng mong tranh luận gì được nữa. Vì vậy, tôi lại đi tìm một người khác.

Không phải do tôi quá buồn bực. Cũng không phải tôi thích chạy bộ đến phát điên. Nếu tính tổng quãng đường mà tôi từng chạy, thì phải đến một nửa số đó là lê lét trong đau đớn. Nhưng có một điều, mặc dù suốt 20 năm qua chưa đọc lại cuốn *The World According to Garp* (Thế giới theo lời kể của Garp), tôi vẫn không quên một cảnh nhỏ, mà chắc không phải là cảnh mà bạn đang nghĩ tới đâu. Tôi cứ nghĩ về cái cách Garp lao ra khỏi cửa giữa một ngày làm việc để chạy năm dặm. Cảm giác ấy có điều gì phổ quát, cái cách mà chạy bộ kết hợp hai xung động nguyên thủy nhất của loài người: sự sợ hãi và cảm giác hài lòng. Chúng ta chạy khi sợ hãi, chúng ta chạy khi ngây ngất, chạy trốn khỏi các rắc rối và chạy để tận hưởng niềm vui.

Và khi mọi việc tồi tệ nhất, thì chúng ta thường chạy bộ nhiều hơn cả. Nước Mỹ đã ba lần chứng kiến phong trào chạy bộ đường dài bỗng nhiên dâng lên, và những lần bùng nổ đó luôn xuất hiện giữa một cuộc khủng hoảng cấp độ quốc gia. Đợt bùng nổ đầu tiên là trong Đại suy thoái, mở màn là cuộc chạy xuyên nước Mỹ của hơn 200 người chạy 40 dặm một ngày trong cuộc đua Great American Footrace. Sau đó, chạy bộ lại lắng xuống, và chỉ được nhen nhóm trở lại vào đầu những năm 70, khi nước Mỹ gắng gượng sau Chiến tranh Việt Nam, Chiến tranh Lạnh, các cuộc bạo loạn sắc tộc, một tổng thống phạm tội, và cuộc ám sát ba nhà lãnh đạo được yêu mến. Và đợt bùng phát chạy dài thứ ba? Một năm sau cuộc tấn công Ngày 11 tháng 9, chạy đường mòn bỗng nhiên trở thành môn thể thao ngoài trời phát triển nhanh nhất nước. Có thể đó chỉ là ngẫu nhiên. Hoặc có một cái công tắc nào đó

trong mỗi con người, được lập trình trước để kích hoạt kỹ năng sinh tồn đầu tiên và quan trọng nhất khi cảm thấy thú dữ tới gần. Nói về việc làm giảm căng thẳng và thỏa mãn xác thịt, thì chạy bộ là thứ bạn có trong đời trước khi quan hệ tình dục. Cả công cụ lẫn ham muốn đã có sẵn ngay từ đầu; tất cả những gì bạn cần làm là lao ra đường và chạy.

Đó chính là điều mà tôi tìm kiếm; chẳng phải miếng nhựa đất tiền nhét vào trong giày, không phải các mũi tiêm giảm đau hàng tháng, mà chỉ là một cách nào đó khiến tôi có thể lao ra đường mà không hành hạ bản thân mình. Không phải là tôi yêu chạy bộ, nhưng tôi muốn yêu được môn này. Và điều đó đưa tôi đến gặp vị bác sĩ thứ ba: Bác sĩ Irene Davis, chuyên gia về cơ sinh học và là người đứng đầu Phòng khám Chấn thương chạy bộ của Đại học Delaware.

Bác sĩ Davis bắt tôi lên máy tập chạy, đầu tiên là với chân trần và sau đó là thử ba loại giày chạy khác nhau. Bà yêu cầu tôi đi bộ, chạy chậm và chạy hết sức. Rồi bà lại yêu cầu tôi chạy ngược chạy xuôi trên một tấm đệm đo lực, để đo sốc chấn động từ các bước chạy. Và rồi, tôi ngồi đó, kinh hoàng khi xem lại đoạn phim được quay.

Tôi luôn nghĩ mình nhẹ nhàng và uyển chuyển như thổ dân Navajo đi săn. Tuy nhiên, cái gã trên màn hình lại trông như quái vật của Frankenstein đang tập nhảy Tango. Tôi nhảy nhót quá nhiều, đầu tôi còn biến mất khỏi khung hình. Cánh tay tôi thì chém từ trước ra sau như trọng tài bóng chày chìa tay ra hiệu người chơi về chốt an toàn, còn bàn chân cỡ 13 của tôi thì động xuống đất nặng như thế đoạn phim quay trên nền nhạc trống bongo vậy.

Như thế thế còn chưa đủ tệ hại, bác sĩ Davis sau đó còn cho tôi xem lại đoạn phim ở tốc độ chậm, để cả hai có thể ngồi thoải mái thưởng thức cách bàn chân phải của tôi xoắn lại, đầu gối trái ngã vào trong, còn lưng khòng xuống, co quắp tới mức nếu ai đó trông thấy, họ sẽ tức tốc nhét giẻ vào miệng tôi và gọi cấp cứu. Làm thế nào tôi có thể tiến nổi về phía trước với tất cả những chuyển động trời lên sụp xuống, sàng qua sàng lại, và gãy giụa như cá mắc câu như vậy?

“Được rồi!” Tôi nói. “Vậy, chạy như thế nào mới đúng?”

“Đó là câu hỏi muôn thuở.” Bác sĩ Davis trả lời.

Còn câu trả lời muôn thuở thì... chà, có phần lắt léo hơn. Tôi có thể sửa bước chạy thẳng thớm hơn và giảm được chấn động nếu tiếp đất giữa bàn chân, thay vì phần gót chân xương xẩu, nhưng, lại nhưng... có thể tôi sẽ chỉ đánh đổi những vấn đề này để rước lấy các rắc rối mới. Gò ép vụng về theo một dáng chạy mới có thể bất ngờ tạo áp lực lớn lên gót chân và gân Achilles, gây ra một loạt chấn thương khác.

“Chạy bộ có hại cho chân.” Bác sĩ Davis nói, giọng đầy thương cảm. “Đặc biệt là với chân anh, anh chàng to xác ạ.”

Vậy là tôi đã trở lại đúng điểm xuất phát. Sau nhiều tháng đi gặp các chuyên gia và tìm hiểu các tài liệu sinh lý học trên mạng, cuối cùng tôi lại thấy câu hỏi của mình dội ngược trở về:

Tại sao chân tôi đau?

Bởi vì chạy bộ có hại cho bạn.

Tại sao chạy bộ có hại cho tôi?

Bởi vì nó làm chân bạn đau.

Nhưng tại sao? Linh dương không bao giờ bị đau ống đồng. Sói không bao giờ phải chườm đá đầu gối. Và tôi ngờ rằng 80% lũ ngựa hoang không tàn phế mỗi năm vì chấn thương. Điều này khiến tôi nhớ lại một câu cách ngôn của Roger Bannister, nhà nghiên cứu y học, đồng thời làm việc với tư cách nhà nghiên cứu lâm sàng, tác giả của nhiều câu châm ngôn, và cũng chính là người đầu tiên vượt qua được ngưỡng kỷ lục chạy một dặm trong bốn phút: “Mỗi buổi sáng ở châu Phi, một con linh dương thức giấc.” Bannister nói. “Nó hiểu rằng mình phải chạy nhanh hơn con sư tử chạy nhanh nhất, nếu không nó sẽ bị ăn thịt. Mỗi buổi sáng, một con sư tử thức dậy. Nó hiểu rằng nó phải chạy nhanh hơn

con linh dương chạy chậm nhất, nếu không nó sẽ chết đói. Là sư tử hay linh dương không quan trọng – khi Mặt trời mọc, bạn phải bắt đầu chạy.”

Vậy tại sao tất cả động vật có vú trên hành tinh này đều có thể dựa vào đôi chân mình, còn loài người chúng ta thì không? Và nghĩ kỹ hơn một chút thì, tại sao người như Bannister có thể hằng ngày lao ra khỏi phòng thí nghiệm, nện chân xuống nền đường rải xi than cứng với đôi dép da mỏng, không chỉ chạy ngày càng nhanh hơn, mà còn không bao giờ bị đau? Tại sao vài người trong chúng ta mỗi sáng khi Mặt trời mọc có thể chạy như chúa sơn lâm hay Bannister, trong khi đám còn lại cần cả vốc thuốc giảm đau ibuprofen chỉ để đặt bàn chân xuống sàn nhà?

Tất cả đều là những câu hỏi thú vị. Nhưng tôi sắp sửa phát hiện ra rằng, những người duy nhất biết câu trả lời – những người là câu trả lời sống – lại không thích nói chuyện.

Đặc biệt là không nói chuyện với một gã như tôi.

Đó là vào mùa đông năm 2003, tôi đang có việc ở Mexico và tình cờ lật qua một quyển tạp chí du lịch bằng tiếng Tây Ban Nha. Bất ngờ, mắt tôi bị hút vào một tấm hình Chúa Jesus chạy xuống dốc đá.

Đó có thể không phải Chúa Jesus, nhưng chắc chắn là một người đàn ông mặc áo choàng, đi dép xăng đan đang chạy nước rút xuống sườn núi đầy đá vụn. Tôi bắt đầu dịch từ lời tựa bức ảnh, dù không hiểu sao nó lại ở thì hiện tại; trông bức ảnh như kiểu minh họa cho huyền thoại lục địa Atlantis, một đế chế lụi tàn của những khối óc thông thái. Rồi đọc tiếp, tôi nhận ra mình đã đoán đúng gần hết, trừ phần “lụi tàn” và “huyền thoại”.

Lúc đó, tôi đang ở Mexico theo dấu một ngôi sao nhạc pop mất tích và giáo phái bí mật đã tẩy não cô, để viết bài cho Thời báo New York, nhưng so với bài báo trên tay, bài viết của tôi thành ra tẻ nhạt. Đám ngôi sao đồng bóng đến rồi đi, nhưng người Tarahumara thì tồn tại mãi. Sống yên ổn trong thung lũng kỳ bí, bộ lạc nhỏ ẩn dật này đã giải quyết được hầu như mọi vấn đề của loài người. Bất kỳ điều gì – tâm trí, thể xác, hay linh hồn – họ đều đạt tới mức độ hoàn hảo. Cứ như thể họ đã bí mật biến hàng động của mình thành lồng ấp sản sinh ra chủ nhân của giải Nobel, tất cả đều lao động cặm cuội để chấm dứt hận thù, bệnh tim mạch, con đau ống đồng hay các loại khí nhà kính.

Ở vùng đất của người Tarahumara, không có tội ác, chiến tranh hay trộm cắp. Không có tham nhũng, béo phì, nghiện ngập, lòng tham, ngược đãi, bóc lột phụ nữ và trẻ em, bệnh tim, chứng cao huyết áp, hay phát thải carbon. Họ không bị tiểu đường, phiền muộn, thậm chí còn chẳng già đi; người 50 tuổi có thể chạy thẳng cả thanh niên, cụ già 80 tuổi vẫn có thể chạy marathon trên triền núi. Tỷ lệ mắc bệnh ung thư gần như bằng không. Sự tài tình của người Tarahumara còn vươn sang cả kinh tế học, họ tạo ra một hệ thống tài chính độc nhất, dựa vào rượu và hành động từ tế: thay cho tiền, họ trao đổi các ân huệ và các bình lớn chứa bia ngô.

Bạn nghi ngại rằng bộ máy kinh tế chạy bằng cồn và ân huệ miễn phí sẽ biến thành lễ hội cướp bóc của một lũ say xỉn, như những con bạc cạn túi trong một bữa buffet, nhưng ở miền đất Tarahumara, cơ chế kinh tế này lại có hiệu quả. Sở dĩ như vậy bởi người Tarahumara cần cù và thật thà khác người; một nhà nghiên cứu đã nhận xét rằng sau bao thế hệ chỉ biết thành thật, bộ não của người Tarahumara đã thực sự không thể hình thành lời nói dối.

Như thế là những người tử tế nhất, hạnh phúc nhất trên hành tinh này vẫn là chưa đủ, người Tarahumara còn là những người bền bỉ nhất: thứ duy nhất có thể sánh với sự bình thản siêu phàm của họ, có vẻ như, chính là sức chịu đựng siêu đẳng của họ đối với cơn đau và lechuguilla, loại rượu tequila nấu tại nhà từ xác rắn chuông và nhựa xương rồng. Theo lời kể của một số người từng tận mắt chứng kiến cơn say hết cỡ của người Tarahumara, các bữa tiệc từng trở nên phấn khích tới mức các bà vợ bắt đầu xé áo nhau trong một cuộc đấu vật, còn một ông già đi xung quanh cười khúc khích và dùng lời ngô ngậm vào miệng họ. Trong khi đó, các ông chồng ngồi bất động theo dõi bằng những ánh mắt vô hồn. Thành phố Cancún vào kỳ nghỉ xuân cũng không là gì so với vùng Barrancas dưới ánh trăng thu.

Người Tarahumara sẽ tiệc tùng như vậy thâu đêm, rồi khua nhau dậy vào sáng hôm sau để tỷ thí trong một cuộc đua chạy bộ có thể kéo dài không chỉ hai dặm, không phải hai tiếng đồng hồ, mà là hai ngày trời. Theo sử gia người Mexico Francisco Almada, một nhà vô địch người Tarahumara đã từng chạy 435 dặm, tương đương với việc ra khỏi nhà chạy bộ qua thành phố New York và chỉ dừng lại khi gần tới Detroit. Những người chạy bộ Tarahumara khác thì được kể là đã chạy 300 dặm trong một lần chạy. Quãng đường đó tương đương với 12 cuộc chạy marathon liên tục khi Mặt trời mọc, lặn, rồi mọc trở lại.

Và người Tarahumra không chạy trên những con đường nhựa, mà chạy lên chạy xuống các con dốc trên lối mòn trong thung lũng, được tạo ra bởi chính bàn chân họ. Lance Armstrong là một trong các vận động viên sức bền vĩ đại nhất, và đã phải gắng gượng lết hết được cuộc marathon đầu tiên của mình, sau khi phải ăn một túi gel năng lượng mỗi dặm. (Tin nhắn mà Lance gửi cho vợ cũ sau giải Marathon New York City: “Ôi. Chúa. Ôi. Ôi. Khủng Khiếp.”) Vậy mà những người này lại có thể chạy 12 lần cự ly đó một lượt?

Vào năm 1971, một nhà sinh lý học người Mỹ đã vượt núi vào Copper Canyon để rồi ngỡ ngàng bởi thể lực của người Tarahumara tới mức phải quay lại 2.800 năm trước mới có được thước đo phù hợp để xếp hạng cho họ. “Có lẽ từ thời người Sparta cổ đại tới nay mới có một giống người đạt tới ngưỡng thể lực cao như vậy.” Tiến sĩ Dale Groom đã kết luận trên tờ *American Heart Journal*. Tuy nhiên, khác với người Sparta, những người Tarahumara lại hiền từ như bồ tát; họ không dùng sức mạnh phi thường của mình để chiến đấu, mà để sống hòa bình. “Xét về văn hóa, họ là một trong những bí ẩn chưa được giải đáp vĩ đại nhất.” Tiến sĩ Daniel Noveck, một nhà nhân chủng học tại Đại học Chicago chuyên nghiên cứu về người Tarahumara nói.

Người Tarahumara bí ẩn tới mức, trên thực tế, họ chỉ được biết đến với biệt danh của mình. Tên thật của họ là Rarámuri – Người Chạy Bộ. Họ bị người Tây Ban Nha chiếm đất, những kẻ không hiểu được ngôn ngữ bộ lạc của họ, đặt cho cái tên “Tarahumara”. Cái tên lai căng đó gắn với họ, bởi vì người Rarámuri giữ nguyên bản sắc của mình, thà chạy đi chỗ khác còn hơn ở lại để tranh luận. Đáp trả các cuộc xâm lược bằng cách quay gót bỏ đi vẫn luôn là cách thức của người Rarámuri. Kể từ đội quân xâm lược mang giáp trụ của Cortés âm ỉ tiến vào quê hương họ, cho tới các cuộc xâm lấn của kỵ binh Pancho Villa và trùm ma túy Mexico, người Tarahumara luôn đáp trả các cuộc tấn công bằng cách chạy xa hơn, nhanh hơn nữa sao cho không ai có thể đuổi kịp, rút chạy vào sâu hơn nữa trong vùng Barrancas.

Trời ơi, họ chắc phải vô cùng có kỷ luật. Tôi nghĩ. Tập trung và chuyên tâm hoàn toàn. Các nhà sư Thiếu Lâm trong môn chạy bộ.

Mà, cũng không hẳn vậy. Nói về chạy đường dài, người Tarahumara thích cách tiếp cận kiểu lễ hội Mardi Gras hơn. Từ chế độ dinh dưỡng, lối sinh hoạt, đến ý chí chiến đấu, họ sẽ là cơn ác mộng của các huấn luyện viên kiểu truyền thống. Từ khi trưởng thành, họ uống như thể đêm Giao thừa là sự kiện hằng tuần, nốc bia ngô quanh năm suốt tháng đủ để cứ ba ngày một lần lại ở trong trạng thái say xỉn hoặc chuẩn choáng. Không như Lance, người Tarahumara không nạp thêm các thức uống thể thao giàu điện giải. Họ không tái tạo cơ giữa các bài tập bằng thanh protein; trên thực tế, họ hầu như chẳng ăn chút protein nào, chỉ sống nhờ vào ngô, có gia giảm chút sơn hào là thịt chuột nướng. Đến ngày chạy đua, người Tarahumara cũng chẳng luyện tập hay giảm khối lượng. Họ chẳng căng giãn cơ hay khởi động. Họ chỉ dạo bước đến vạch xuất phát, cười nói và trêu đùa nhau... rồi chạy như điên trong 48 giờ tiếp sau đó.

Tại sao họ lại không gặp chấn thương? Tôi thắc mắc. Cứ như lỗi đánh máy nào đó đã sắp các số liệu thống kê vào nhầm hàng cột: chẳng phải chúng ta, những kẻ có giày chạy với công nghệ hiện đại nhất và miếng lót chế tác riêng – lẽ ra mới là người có tỷ lệ thương tật bằng không, còn người Tarahumara – chạy nhiều hơn trên nền sỏi đá, với đôi giày thậm chí không thể gọi là giày – phải thường xuyên chịu thương tổn chứ?

Chân họ chắc là bền bỉ hơn, vì họ đã chạy bộ suốt cuộc đời mình, tôi thử lý giải. Và rồi tôi lại nhận ra giả thuyết của mình là phi lý. Bởi nếu vậy, đáng ra họ phải bị đau nhiều hơn, chứ không phải ít hơn. Nếu chạy bộ là không tốt cho chân, thì càng chạy nhiều phải càng tệ hại hơn chứ?

Tôi gạt bài báo sang một bên, cảm thấy vừa tò mò, vừa bức bối. Tất cả mọi thứ về người Tarahumara đều phi lý, như trâu ngơoi và khó hiểu đến khó chịu, như câu đố của một thiền sư. Những người mạnh mẽ nhất lại hiền lành nhất; những đôi chân tưởng chừng nát tan vì chạy bộ lại nhanh nhẹn nhất; những người khỏe nhất lại có chế độ dinh dưỡng nghèo nàn nhất; bộ lạc ít học nhất lại thông thái nhất; những người làm việc mệt nhọc nhất lại có nhiều niềm vui nhất...

Và chạy bộ thì có liên quan gì đến tất cả những điều này? Liệu có phải là tình cờ khi tộc người sáng suốt nhất thế giới lại đồng thời sở hữu khả năng chạy bộ đáng kinh ngạc nhất? Người ta trước đây thường leo lên dãy Himalaya để tìm học bí thuật, còn lần này, tôi nhận ra, mình chỉ cần vượt qua bên kia biên giới bang Texas.

Tuy nhiên, tìm được điểm nào ở biên giới để vượt qua, lại khá phức tạp.

Tạp chí *Runner's World* giao nhiệm vụ cho tôi đi vào vùng Barrancas để tìm người Tarahumara. Nhưng trước khi bắt đầu tìm kiếm những bóng ma, tôi cần tìm được người săn ma. Tôi được mách nước rằng Salvador Holguín là người duy nhất làm được việc này.

Ban ngày, Salvador 31 tuổi là một nhân viên hành chính tại Guachochi, thị trấn vùng biên ngoài rìa Copper Canyon. Đêm đến, anh trở thành ca sĩ hát nhạc mariachi tại quán bar, và quả thực, nhìn anh cũng hợp với việc đó; với cái bụng bia và cặp mắt đen, vẻ điển trai lãng mạn, anh đích xác là hình ảnh một người có cuộc sống chia đôi, nửa cho bàn giấy và nửa cho ghế tròn quán bar. Anh trai Salvador lại là mẫu Indiana Jones của hệ thống trường học Mexico; năm nào anh cũng chất đầy lên lưng lừa nào bút chì, sách vở và lên vào vùng Barrancas để cung cấp cho các ngôi trường dưới lòng thung lũng. Vì Salvador luôn sẵn sàng tham gia mọi trò vui, nên anh thỉnh thoảng lại trốn việc đi theo anh mình trong các chuyến thám hiểm này.

“Không hề gì đâu ông bạn!” Anh trả lời khi tôi tới gặp. “Chúng ta có thể đi gặp Arnulfo Quimare...”

Nếu anh dừng ngay ở đó, thì tôi hẳn đã mừng. Trong khi đi tìm người dẫn đường, tôi mới hay Arnulfo Quimare là người Tarahumara chạy bộ vĩ đại nhất hiện còn sống, và anh đến từ một thị tộc gồm những người anh em họ, anh em ruột, anh em vợ cùng các cháu đều giỏi ngang ngựa mình. Đi thẳng đến các căn lều bí ẩn của họ tộc Quimare còn hơn cả những gì tôi mong mỏi. Duy có điều Salvador vẫn nói liên hồi.

“... Tôi *chắc chắn* là mình biết đường.” Anh tiếp. “Tôi thực ra chưa bao giờ tới đó. “*Pues, lo que sea.*” Ôi dào, sao cũng được. “Chúng ta sẽ tìm được thôi. Kiểu gì cũng tìm được!”

Thường thì, đó có vẻ là điềm xấu, nhưng nếu so với tất cả những người mà tôi từng trò chuyện, Salvador xem ra có vẻ lạc quan. Từ khi trốn chạy vào vùng đất không người 400 năm trước, người Tarahumara đã dành thời gian để biến nghệ thuật tàng hình của mình thành hoàn hảo. Đa phần người Tarahumara vẫn đang sống trong các hang động cheo leo trên vách đá, chỉ có thể leo lên bằng các cây sào dài; khi đã vào bên trong, họ sẽ rút cây sào ra và biến mất sau bờ đá. Những người khác lại sống trong các túp lều được ngụy trang tài tình tới mức, nhà thám hiểm người Na Uy Carl Lumholtz từng giật thột khi đi qua cả ngôi làng Tarahumara mà tịnh không thấy bóng người hay nhà cửa.

Lumholtz thực sự là một tay lang thang cự phách ở vùng hẻo lánh, ông từng sống nhiều năm giữa đám săn đầu người ở Borneo trước khi tiến vào lãnh địa của người Tarahumara vào cuối những năm 1890. Nhưng bạn có thể thấy ngay sức chịu đựng ngoan cường của ông cũng bị mài mòn sau bao năm tháng lê thân qua các sa mạc và vách đá tử thần, để rồi cuối cùng, khi tới được trái tim xứ Tarahumara, vẫn chẳng tìm thấy ai.

“Ngắm nhìn những rặng núi này sẽ cho ta cảm giác phấn chấn tinh thần, nhưng leo qua chúng lại làm kiệt quệ cả cơ bắp lẫn lòng nhẫn nại.” Lumholtz đã viết như vậy trong *Unknown Mexico: A Record of Five Year's Exploration Among the Tribes of the Western Sierra Madre* (Một Mexico chưa được biết đến: Ghi chép về năm năm thám hiểm các bộ lạc ở dãy Sierra Madre phía Tây). “Không ai, trừ những người từng vượt qua các ngọn núi ở Mexico, có thể hiểu hết nỗi nhọc nhằn và lo lắng khi tham gia một hành trình như vậy.”

Và đây là nếu như bạn có thể tới được những ngọn núi ấy. “Khi mới tới nơi, vùng đất của người Tarahumara cứ như thể không cách gì tiếp cận được.” Nhà biên kịch người Pháp Antonin Artaud đã cần nhằn như vậy, sau khi ông ta phải vã mồ hôi mới nhích được từng xentimét trên đường vào Copper Canyon tầm sư học đạo. “Nhiều lắm cũng chỉ có vài lối mòn được đánh dấu sơ sài, mà cứ vài chục mét lại như thể biến mất vào lòng đất.” Khi Artaud và đội dẫn đường cuối cùng cũng phát hiện thấy một lối đi, họ cũng phải trấn tĩnh một lúc trước khi tiến bước: bởi người Tarahumara luôn theo phương sách tốt nhất để làm nản lòng những kẻ đuổi theo mình là đi tới những nơi mà chỉ có kẻ điên mới dám vào theo. Cứ như thế, họ đã tạo nên những lối mòn ngoằn ngoèo trên những địa hình dốc đứng mà việc đi theo chẳng khác nào tự sát.

“Một bước sẩy chân,” nhà phiêu lưu Frederick Swatka ghi vào sổ tay trong chuyến thám hiểm Copper Canyon vào năm 1888, “sẽ ném thẳng người leo núi xuống đáy vực sâu từ 60 đến 90 mét, chết không toàn thây.”

Swatka hoàn toàn không phải thi sĩ Paris kiểu cách, ông là một trung sĩ Lục quân Hoa Kỳ, từng vào sinh ra tử ngoài chiến trận và sau đó từng sống giữa cộng đồng người Sioux với tư cách một nhà nhân học nghiệp dư, nhờ vậy, ông biết thế nào là chết không toàn thây. Ông cũng từng kinh qua những vùng đất tệ hại nhất, trong đó có cả một cuộc thám hiểm khủng khiếp trong hai năm ở Vòng Bắc Cực. Nhưng khi tới Copper Canyon, ông đã phải sửa lại bảng xếp hạng của mình. Lướt nhìn biển hoang mạc chung quanh, Swatka chợt dâng lên niềm ngưỡng mộ – “Trái tim dãy Andes hay các đỉnh của dãy Himalaya cũng không có nhiều cảnh quan hùng vĩ hơn tầng tầng lớp lớp núi non hoang dã chưa được biết tới của dãy Sierra Madre ở Mexico.” Và rồi ngay lập tức, ông bị kéo trở lại với nỗi hoang mang đến phát bệnh: “Làm thế nào nuôi dạy lũ trẻ trên những vách đá với tỷ lệ sống sót 100% hàng năm, đối với tôi, là một trong những điều bí hiểm nhất ở những con người kỳ lạ này.”

Ngay cả ngày nay, khi mạng Internet đã thu hẹp thế giới lại thành một ngôi làng và các vệ tinh của Google cho phép bạn nhìn trộm sâu sau nhà người lạ ở tận đầu kia đất nước, thì những người Tarahumara truyền thống vẫn sống lẫn lộn như những bóng ma, hết như 400 năm trước. Khoảng giữa những năm 1990, một nhóm thám hiểm đã dẫn sâu vào vùng Barrancas và bất ngờ bối rối khi cảm nhận thấy những con mắt vô hình đang dõi bước:

“Nhóm nhỏ của chúng tôi đã leo núi suốt nhiều tiếng đồng hồ xuyên qua Barranca del Cobre của Mexico – Copper Canyon – mà không thấy dấu vết con người.” Một thành viên của đoàn thám hiểm viết. “Và giờ đây, nơi trái tim thung lũng còn sâu hơn cả Grand Canyon, chúng tôi nghe thấy văng vẳng tiếng trống của người Tarahumara. Những nhịp trống ban đầu rất yếu ớt, rồi dần đập mạnh lên. Tiếng vang vọng khắp các mỏm núi, thật khó biết họ có bao nhiêu người và ở đâu. Chúng tôi hỏi người dẫn đường về hướng đi. ‘¿Quién sabe?’ Cô nói. ‘Ai mà biết được? Người Tarahumara đã không muốn thì sẽ chẳng ai thấy nổi.’”

Mặt trăng hãy còn trên cao khi chúng tôi khởi hành trên chiếc xe bán tải hai cầu đáng tin cậy của Salvador. Mặt trời vừa ló rạng, chúng tôi đã rời xa đường lớn, và đang xóc nảy trên con đường đất trông giống lòng suối hơn là một lối đi. Chiếc xe về số, nhích lên từng chút, chốc chốc lại chồm lên, lao xuống như con tàu giữa con bão biển.

Tôi cố theo dấu vị trí hiện tại của mình bằng la bàn và bản đồ, nhưng đôi lúc cũng không dám chắc Salvador đang chủ đích rẽ hay chỉ đang né một tảng đá lớn. Và chẳng lâu sau thì chúng tôi đang ở đâu cũng không còn quan trọng nữa, vì đó không phải là phần thế giới đã được biết đến; chúng tôi vẫn đang đi ngoằn ngoèo dọc theo một lối nhỏ giữa rừng cây cối, nhưng trên bản đồ thì chẳng có gì ngoài rừng rậm chưa được đánh dấu.

“*Mucha mota por aquí.*” Salvador nói, chỉ tay về phía các ngọn đồi xung quanh. Quanh đây, có rất nhiều cây cần sa.

Bởi là vùng bất khả xâm phạm đối với cảnh sát, nên Barrancas trở thành căn cứ của hai băng đảng ma túy kinh địch, Los Zeta và New Bloods. Tất cả đều là cựu binh đặc nhiệm Hoa Kỳ hung hãn. Băng

Zeta khét tiếng với việc ném các cảnh sát không chịu hợp tác vào thùng dầu đang cháy, và đem tù binh của băng kinh địch cho linh vật – hổ Bengal – ăn thịt. Sau khi nạn nhân ngừng la hét, những cái đầu cháy sém hoặc bị hổ gặm sẽ được cẩn thận thu hồi lại làm công cụ marketing; các băng đảng thích đánh dấu lãnh địa của mình, có lần đã cắm đầu hai viên cảnh sát phía ngoài một trụ sở công quyền với tấm biển đề dòng chữ bằng tiếng Tây Ban Nha: HÃY HỌC CÁCH TÔN TRỌNG. Cùng trong tháng đó, năm cái đầu khác được ném lên sàn nhảy của một hộp đêm đông đúc. Ngay cả ra tới tận đây, ở rìa vùng Barrancas, mỗi tuần lại xuất hiện thêm sáu xác chết.

Nhưng Salvador gần như chẳng bận tâm. Anh lái xe xuyên qua rừng, cất giọng khàn khàn ca cảm về một cô ả Maria rắc rối nào đó. Đột nhiên, bài ca chết lặng. Anh tắt máy phát nhạc, nhìn trần trời vào một chiếc xe Dodge bán tải đỏ có cửa kính đen khói vừa lao ra từ màn bụi trước mặt chúng tôi.

"Narcotraficantes." Anh lẩm bẩm.

Bọn buôn ma túy. Salvador cho xe ép sát vào mép vách đá bên phải và nhả bót chân ga, giữ tốc độ ở mức gần như dừng hẳn, nhường đường chiếc Dodge màu đỏ.

Anh cố sức ra hiệu rằng không có chuyện gì ở đây. *Chúng tôi chỉ đang lo chuyện riêng, không liên quan gì đến ma túy. Chỉ là, chúng tôi không được dùng xe...* bởi chúng tôi biết nói gì đây, nếu họ chặn chúng tôi lại, lừa ra khỏi xe, bắt chúng tôi đứng trước họng súng trường tấn công và giải thích rành rọt rằng chúng tôi đang làm cái việc quái quỷ gì ở giữa vùng đất cần sa của Mexico.

Chúng tôi đâu thể nói sự thật; và giả như chúng tin, thì chúng tôi chết chắc. Những kẻ mà các băng đảng ma túy Mexico thù ghét ngang cảnh sát, chính là ca sĩ và đám phóng viên. "Ca sĩ" ở đây không phải là từ lóng chỉ mấy tay chỉ điểm; chúng ghét ca sĩ thực sự, các nhạc công đánh ghi-ta, diễn nhạc trữ tình. 15 ca sĩ đã bị các băng đảng ma túy xử tử trong vòng 18 tháng, trong đó có Zayda Peña, ca sĩ hát chính xinh đẹp 28 tuổi của ban nhạc Zayda y Los Culpables, người bị bắn sau một buổi hòa nhạc; cô thoát chết, nhưng nhóm sát thủ lại theo dấu đến tận bệnh viện và bắn chết cô khi cô còn đang hồi phục sau ca mổ. Chàng trai trẻ hào hoa Valentín Elizalde bị giết dưới làn đạn AK-47 ngay bên kia biên giới, ở McAllen, Texas, và Sergio Gómez bị giết không lâu sau khi được đề cử giải Grammy; bộ phận sinh dục của anh ta bị đốt, rồi bị bóp cổ cho đến chết và vứt xác ngoài đường. Người ta đồn đoán, họ bị giết bởi danh tiếng, vẻ đẹp và tài năng. Tầm ảnh hưởng của họ đã thách thức các tay trùm ma túy, và vì vậy, họ bị xử tử.

Án tử kỳ quái với những ca sĩ nhạc trữ tình này vừa mang tính cảm xúc, vừa khó đoán, nhưng đối với phóng viên thì lại thuần túy công việc. Tin bài về băng đảng ma túy được đăng trên các báo Mỹ, khiến giới chính khách Mỹ xấu hổ và gây áp lực lên Cục phòng chống Ma túy, buộc họ phải điều tra gắt gao hơn. Bị chọc tức, băng Zeta ném lựu đạn vào phòng tin tức và thậm chí còn cử sát thủ qua biên giới Mỹ để hạ sát các nhà báo thích gây phiền hà. Sau khi 30 phóng viên bị giết trong vòng sáu năm, tổng biên tập tờ Villahermosa tìm thấy một cái đầu của gã tép riu trong băng ma túy bên ngoài văn phòng mình với tờ giấy cảnh cáo: "Tiếp theo là mày." Tình trạng giết chóc này tệ tới mức, Mexico cuối cùng đã đứng hàng thứ hai, chỉ sau Iraq về số phóng viên bị giết hoặc bắt cóc.

Và lúc này đây, chúng tôi đã bót cho các băng đảng một đồng rắc rối; một ca sĩ và một nhà báo lái xe thẳng vào sân sau nhà chúng. Tôi giấu ngay cuốn sổ tay vào túi quần và liếc nhanh ghế trước xem còn gì phải giấu đi không. Nhưng vô vọng, Salvador bày băng nhạc do ban của anh ta chơi khắp nơi, trong ví tôi có một tấm thẻ nhà báo đỏ tươi, còn dưới chân tôi là một ba lô chạt cứng máy ghi âm, bút và máy ảnh.

Chiếc xe Dodge màu đỏ lăn bánh sát cạnh xe chúng tôi. Đó là một ngày nắng chói, với ngọn gió mang hương gỗ thông dịu mát, nhưng tất cả cửa của chiếc xe kia đều đóng chặt, cho phép những người trong xe ẩn mình hoàn toàn sau những tấm kính đen. Chiếc xe kia chậm dần lại như bò trên đường.

Cứ đi tiếp đi, tôi niệm thầm trong đầu. Đừng có dừng lại, đừng dừng lại, đừng, đừng...

Chiếc xe bán tải dừng hẳn. Tôi liếc sang trái, thấy Salvador đang nhìn chăm chăm về phía trước, hai bàn tay khóa cứng trên vô lăng. Tôi lại phóng tầm mắt ra phía trước và không dám nhúc nhích.

Chúng tôi ngồi im.

Chúng tôi ngồi im.

Chúng tôi im lặng.

Chúng tôi im lặng.

Sáu vụ án mạng trong vòng một tuần, tôi nghĩ bụng. Đốt cháy bộ phận sinh dục. Tôi thấy như đầu của mình lẫn giữa những gót giày hoảng loạn trên một sàn nhảy nào đó ở Chihuahua.

Thình lình, một tiếng rồ máy xé tan bầu không khí. Mắt tôi lại liếc sang trái lần nữa. Chiếc Dodge màu đỏ không lồ bắt đầu động đậy và lăn bánh tiếp.

Salvador quan sát gương chiếu hậu cho tới khi chiếc xe chết chóc biến mất hẳn sau màn bụi. Sau đó, anh ta vỗ nhịp lên vô lăng và lại bật băng nhạc vang những tiếng yay-yay-yay của mình.

“¡Bueno!” Anh ta hét. *“¡Ándale pues, a más aventuras!”* Tuyệt vời! Tiếp tục phiêu lưu nào!

Các cơ bắp co cứng đến độ bóp vỡ hạt dẻ của tôi dần dần giãn ra. Nhưng chẳng được lâu.

Vài giờ sau, Salvador lại đạp phanh. Anh lùi xe, rẽ gắt sang phải khỏi lối mòn, và bắt đầu băng giữa rừng cây. Chúng tôi càng lúc càng vào sâu trong rừng, lăn bánh trên thảm lá thông và xóc nảy trên những cái rãnh sâu tới mức đầu tôi cụng hẳn vào trần xe.

Rừng càng tối, Salvador càng im lặng. Lần đầu tiên kể từ lúc chạm trán với Chiếc xe Chết chóc, anh phải tắt hẳn nhạc. Tôi cứ nghĩ anh đang tận hưởng sự tĩnh mịch nên cố ngả lưng ra và tận hưởng cùng. Nhưng cuối cùng, khi tôi phá vỡ bầu không khí bằng một câu hỏi, thì anh bực bội ra mặt. Tôi bắt đầu lơ mơ hiểu chuyện: chúng tôi bị lạc và Salvador không muốn thừa nhận điều này. Tôi quan sát anh kỹ hơn và nhận ra rằng anh đang đi chậm lại để xem xét các thân cây, như thể trên các cành cây đó có bản đồ chỉ đường được mã hóa.

“Toi rồi!” Tôi nhận ra. Chúng tôi chỉ có một phần tư khả năng để lối rẽ này là đúng, ba khả năng còn lại là: quay trở lại lãnh địa của băng Zeta, lao xuống một vách đá trong bóng đêm, hoặc đi lòng vòng giữa chốn hoang vắng cho tới khi hết nhả kẹo Clif Bar và một trong số chúng tôi sẽ ăn thịt kẻ còn lại.

Và sau đó, khi Mặt trời bắt đầu lặn, chúng tôi cũng hết luôn đường đi.

Chúng tôi thoát ra khỏi rừng cây và thấy cả một khoảng không gian hoang hoải phía trước – một đứt gãy lớn tới mức phía bên kia vực rất có thể nằm ở múi giờ khác. Phía dưới trông như một vụ nổ ngày tận thế bị đông đá, cứ như một vị thần giận dữ đang phá hủy hành tinh này dờ dang thì bỗng dừng đổi ý. Tôi đang nhìn vào 20.000 dặm vuông hoang mạc, bị cắt ngẫu nhiên thành các hẻm núi sâu, rộng hơn cả Grand Canyon.

Tôi bước tới rìa vực, thấy tim mình loạn nhịp. Ngã xuống đây thì chắc rơi mãi không tới đáy. Xa xa phía dưới, lũ chim đang chao lượn. Tôi nhận ra dòng sông lớn chảy xiết dưới đáy vực sâu; nó trông như một mạch máu nhỏ xíu màu xanh trên cánh tay già nua. Bụng tôi quặn thắt. Làm thế quái nào chúng tôi xuống được dưới đó đây?

“Ta sẽ làm được thôi.” Salvador trấn an tôi. *“Người Rarámuri làm suốt ấy mà.”*

Khi thấy tâm trạng tôi có vẻ chẳng khá hơn là bao, Salvador an ủi thêm. *“Này, thế cũng tốt đấy. Chỗ này dốc tới mức bọn buôn ma túy chẳng dám bén mảng dưới đó đâu.”*

Tôi không biết anh thực sự tin là vậy, hay chỉ đang nói dối để làm tôi vững dạ. Dầu gì chẳng nữa, thì thà anh đừng nói vậy còn hơn.

Hai ngày sau, Salvador đặt ba lô xuống, vuốt mồ hôi và cất tiếng. “Tôi nơi rồi!”

Tôi nhìn quanh. Chẳng có gì ngoài đá và xương rồng.

“Tôi đâu cơ?”

“*Aquí mismo.*” Salvador nói. “Tôi đây. Đây là nơi bộ tộc Quimare sinh sống.”

Tôi chẳng hiểu anh ta đang nói gì. Trong mắt tôi, nơi đây trông như nửa tối của một hành tinh bị lãng quên mà chúng tôi vừa phải đi qua trong suốt mấy ngày trời. Sau khi bỏ lại chiếc xe bán tải ở rìa thung lũng, chúng tôi vừa trượt, vừa dò dẫm đi xuống đá. Thật nhẹ nhõm vì cuối cùng chúng tôi cũng được bước đi trên đất bằng, nhưng chẳng được bao lâu; sau khi đi ngược dòng sông vào sáng hôm sau, chúng tôi càng lúc càng bị các tường đá cao vút siết chặt dần. Chúng tôi dần bước, đội ba lô trên đầu khi lội ngược dòng nước sâu đến tận ngực. Mặt trời dần khuất lấp sau vách đá dốc đứng, cho tới khi chúng tôi phải dò dẫm xuyên qua bóng tối giữa tiếng nước chảy róc rách, tưởng như đang nhón bước chầm chậm dưới đáy biển sâu.

Cuối cùng, Salvador cũng nhìn thấy một lỗ hổng trên bức tường trơn tuột, và chúng tôi trèo qua đó, bỏ lại dòng sông phía sau. Đến giữa ngày, thì tôi lại chỉ mong có bóng tối âm u như lúc trước; với ánh mặt trời thiêu đốt trên cao và chẳng có gì ngoài các tảng đá trần trụi xung quanh, thì việc kéo lê thân qua triền dốc cứ như leo lên một tấm phản bằng thép. Cuối cùng Salvador cũng dừng lại, ngồi xuống một tảng đá để nghỉ ngơi.

Quý thật, anh ta bền bỉ quá. Tôi nghĩ. Mồ hôi túa ra trên khuôn mặt cháy nắng của Salvador, nhưng anh vẫn đứng vững. Về mặt anh mong ngóng đến kỳ lạ.

“*¿Qué pasa?*” Tôi hỏi. “Gì vậy?”

“Họ ở chỗ này.” Salvador nói và chỉ tay lên một ngọn đồi nhỏ.

Tôi vội vã đứng lên. Tôi đi theo anh xuyên qua một khe đá, thấy trước mặt là một lỗ hổng tối tăm. Ngọn đồi nọ thực chất là một túp lều nhỏ, được xây bằng các viên gạch làm từ bùn và tiệp vào sườn núi khiến nó như thể vô hình, cho tới khi bạn đứng ngay trên nó.

Tôi nhìn quanh lần nữa để xem mình còn bỏ qua căn nhà nào đó được nguy trang hay không, nhưng khắp nơi chẳng có dấu hiệu của con người. Người Tarahumara thích sống biệt lập, thậm chí là biệt lập cả với nhau, đến mức các thành viên trong cùng một ngôi làng thậm chí chẳng chịu ở gần nhau trong khoảng cách có thể nhìn thấy khói bếp của nhà khác.

Tôi mở miệng định cất tiếng gọi, rồi lập tức ngậm ngay lại. Ai đó đã đứng sẵn ở đó, ngay trong bóng tối và quan sát chúng tôi. Và rồi, Arnulfo Quimare, người chạy bộ Tarahumara đáng gờm nhất, bước ra.

“*Kuira-bá.*” Salvador nói câu duy nhất trong tiếng Tarahumara mà anh biết. “Chúng ta là một.”

Arnulfo đang nhìn tôi.

“*Kuira-bá.*” Tôi lặp lại.

“*Kuira.*” Arnulfo thì thầm, nhẹ như tiếng thờ. Anh chìa tay ra để bắt tay theo kiểu Tarahumara, trượt nhẹ các đầu ngón tay qua nhau. Sau đó anh lại biến mất vào trong căn lều. Chúng tôi đợi, rồi... đợi thêm một lúc nữa. Chỉ có vậy thôi sao? Không một tiếng thì thầm nào bên trong lều, không một dấu hiệu nào cho thấy anh định trở ra. Tôi men theo góc lều để xem anh có chuồn ra phía sau hay không. Một người Tarahumara khác đang nằm ngủ dưới bóng râm của bức tường sau nhà, nhưng chẳng có dấu vết nào của Arnulfo.

Tôi bước lại gần Salvador. “Anh ta có quay lại không?”

“No sé.” Salvador nhún vai và nói. “Tôi không biết. Có thể chúng ta đã làm anh ta bực mình.”

“Thật sao? Tại sao vậy?”

“Ta không nên đột ngột đến đây.” Salvador tự đá đá chân mình. Anh đã quá phấn khích và vi phạm một quy tắc xã giao của người Tarahumara. Trước khi đến một cái hang của người Tarahumara, bạn phải ngồi xuống nền đất cách đó khoảng chục mét và chờ đợi. Sau đó, bạn phải nhìn theo hướng ngược lại một lúc, như thể chỉ tình cờ tha thân đi ngang qua. Nếu ai đó xuất hiện và mời bạn vào hang, vậy là tuyệt vời. Nếu không, bạn phải đứng lên và đi nơi khác. Bạn không nên đi thẳng vào, như Salvador và tôi đã làm. Người Tarahumara chỉ thích được nhìn thấy khi họ muốn; nhìn họ mà không được mời giống như xông thẳng vào phòng tắm có người.

Thật may mắn, Arnulfo có vẻ là người độ lượng. lát sau, anh quay lại, mang theo một giỏ chanh ngọt. Chúng tôi đến không phải dịp, anh giải thích; cả gia đình anh đang bị cúm. Người nằm phía sau túp lều là anh trai của anh, Pedro, hiện sốt cao tới mức chẳng buồn dậy nữa. Nhưng Arnulfo vẫn mời chúng tôi nghỉ ngơi.

“Assag.” Anh nói. Xin mời ngồi.

Chúng tôi ngồi sụm xuống dưới bóng cây tình cờ tìm được rồi bắt đầu bóc chanh, và đưa mắt nhìn dòng sông chảy xiết. Trong lúc chúng tôi ăn ngẫu nhiên và phun hạt chanh xuống đất, thì Arnulfo chăm chú nhìn xuống mặt nước. Thình thoảng, anh quay đầu lại và nhìn tôi dò xét. Anh không hề hỏi xem chúng tôi là ai hay tại sao lại đến đây; như thể anh muốn tự mình giải đáp.

Tôi cố gắng không nhìn, nhưng thật khó rời mắt khỏi một gã điển trai như Arnulfo. Anh có nước da màu nâu như da thuộc, cặp mắt đen dị thường sáng lấp lánh với vẻ tự tin đáng kinh ngạc dưới mái tóc đen “úp nôi”. Anh khiến tôi nhớ đến thời kỳ sơ khởi của ban nhạc Beatles; với các thành viên ban đầu, quỳn vào nhau thành một tổng hòa của sự lạnh lợi, vui vẻ, điển trai theo kiểu lạng lẽ tràn đầy sức mạnh. Anh vận trang phục thường ngày của người Tarahumara, một chiếc váy ngắn đến đùi và cái áo đỏ rực lửa, gọn sóng như áo khoác cướp biển. Mỗi khi cử động, cơ bắp anh dịch chuyển và cuộn lại như kim loại nóng chảy.

“Nhớ không, chúng ta từng gặp nhau rồi.” Salvador nói với anh bằng tiếng Tây Ban Nha.

Arnulfo gật đầu.

Ba năm liền, Arnulfo bỏ ra nhiều ngày vượt núi để có mặt ở Guachochi tham dự một cuộc đua 60 dặm xuyên qua thung lũng. Đó là một cuộc đua hằng năm của những người Tarahumara sống ở khắp các góc ngách của dãy Sierra, cùng vài người chạy bộ Mexico hiếm hoi sẵn sàng thử thách đôi chân và vận may với người dân bộ lạc. Ba năm liền, Arnulfo giành chiến thắng. Anh đoạt được danh hiệu từ anh trai Pedro và bám sát nút Arnulfo ở vị trí thứ hai và thứ ba là anh họ Avelado và anh rể Silvino.

Silvino là trường hợp đặc biệt, một người Tarahumara đứng giữa lần ranh của thế giới mới và cũ. Nhiều năm trước, một giáo sĩ dòng La San quản lý một ngôi trường nhỏ của người Tarahumara đã đi cùng Silvino tới cuộc đua marathon ở California. Silvino thắng giải và giành được số tiền đủ mua một chiếc xe bán tải cũ, một chiếc quần bò, và một dãy nhà mới cho trường học. Silvino để chiếc xe bán tải trên đỉnh thung lũng, thình thoảng lại leo lên đó và lái tới Guachochi. Mặc dù tìm được mối kiếm tiền chắc cú như vậy nhưng anh vẫn không bao giờ quay lại các cuộc đua.

Đối với phần còn lại của thế giới, người Tarahumara sống rất mâu thuẫn; họ xa lánh người lạ, nhưng lại bị thế giới bên ngoài quyến rũ. Theo cách nào đó, thì điều này có lý: khi bạn yêu thích việc chạy những cự ly dài đến phi thường, thì hẳn bạn sẽ bị cám dỗ bởi sự buông lơi, mặc cho đôi chân đưa bạn tới tận đâu. Một người Tarahumara từng có lần xuất hiện ở Siberia. Người ta không hiểu bằng cách nào mà anh ta lại lạc lên một con tàu hơi nước và lang thang qua các thảo nguyên nước Nga trước khi bị bắt và gửi trả về Mexico. Vào năm 1983, người ta bắt gặp một phụ nữ Tarahumara

trong bộ váy truyền thống lòa xòa, đi lang thang trên một con phố tại Kansas; cô phải trải qua 12 năm trong một nhà thương điên trước khi một nhân viên xã hội nhận ra cô đang nói một thứ ngôn ngữ bị lãng quên, chứ không phải những lời làm nhảm vô nghĩa.

“Anh có định chạy đua ở Mỹ không?” Tôi hỏi Arnulfo.

Anh tiếp tục nhai chanh và phun hạt. Một lúc sau, anh nhún vai.

“Anh có tiếp tục chạy ở Guachochi không?”

Nhai. Nhai. Nhún vai.

Giờ thì tôi đã hiểu ý của Carl Lumholtz khi nói về đàn ông Tarahumara, rằng họ rụt rè đến mức nếu không có bia thì bộ lạc này đã tuyệt chủng rồi. “Nghe có vẻ kỳ lạ,” Lumholtz kinh ngạc, “tôi không do dự gì khi tuyên bố rằng trong suốt quá trình tồn tại, đàn ông Tarahumara man mọi quá rụt rè và khép nép trong việc thực hiện đặc quyền trong hôn nhân; và chủ yếu nhờ có bia mà chủng tộc này vẫn còn tồn tại và tăng trưởng.” Dịch ra là: Đàn ông Tarahumara chẳng có nổi can đảm để có chút lãng mạn với vợ mình nếu như không chìm chết sự rụt rè trong món bia tạt ứ.

Mãi sau này tôi mới biết mình đã tự làm hỏng việc khi mắc lỗi ngớ ngẩn thứ hai trong lúc làm thân với anh: Tra hỏi như cảnh sát. Không phải Arnulfo đang im lặng một cách khiếm nhã; mà chính tràng câu hỏi của tôi làm anh sợ. Đối với người Tarahumara, đặt câu hỏi trực diện là thể hiện quyền lực, là đòi hỏi sự sở hữu trong đầu họ. Họ chắc chắn sẽ không đột ngột mở lòng và chia sẻ bí mật với người lạ. Người lạ chính là lý do khiến người Tarahumara lẩn trốn tận nơi đây. Lẩn gần đây nhất người Tarahumara cởi mở với thế giới bên ngoài, thì thế giới bên ngoài đã xiềng xích họ và cắm đầu họ trên các cọc cao gần ba mét. Những người Tây Ban Nha đi tìm bạc chiếm cả đất đai và sức lao động của người Tarahumara – bằng cách chặt đầu tù trưởng của họ.

“Người Rarámuri đã bị quây lại như lũ ngựa hoang và bị bắt làm nô lệ trong hầm mỏ.” Một sử gia viết. Bất kỳ ai chống đối sẽ bị sử dụng trong màn diễn trò kinh dị. Trước khi chết, tù nhân Tarahumara sẽ bị tra tấn để lấy thông tin. Đó là tất cả những gì người Tarahumara sống sót cần biết về chuyện sẽ xảy ra khi có người lạ hiếu kỳ tìm đến.

Mối liên hệ giữa người Tarahumara và phần còn lại của thế giới sau đó còn tệ hại hơn nữa. Những thợ săn tiền thưởng miền Viễn Tây được trả 100 đô-la cho mỗi mảng da đầu của người Apache, nhưng không lâu sau, chúng nghĩ ra một cách tàn độc để tối đa hóa tiền thưởng và tối thiểu hóa rủi ro. Thay vì gây sự với những chiến binh có khả năng chống trả, chúng thăm sát người Tarahumara không có sức chống cự và đổi tiền thưởng bằng các mảng da đầu của họ.

Người tốt thậm chí còn gieo rắc chết chóc nhiều hơn cả kẻ xấu. Các giáo sĩ dòng Tên với Kinh Thánh trên tay và bệnh cúm trong phổi, hứa hẹn về cuộc sống vĩnh hằng nhưng lại phát tán cái chết tức thì. Người Tarahumara không có kháng thể của bệnh này, nên dịch cúm Tây Ban Nha lan nhanh còn hơn lửa cháy, quét sạch các ngôi làng chỉ trong ít ngày. Một thợ săn Tarahumara rời nhà đi săn trong một tuần, khi quay lại chỉ thấy thân ma và ruồi nhặng.

Không khó lý giải sự bất tin tưởng của người Tarahumara đối với người lạ lại kéo dài 400 năm và đưa họ tới đây, nơi trú ẩn tận đáy cùng Trái đất. Cũng vì vậy, vốn từ vựng miêu tả con người của họ cũng bị cắt xén triệt để. Trong tiếng Tarahumara, chỉ có hai loại người: Rarámuri, người chạy trốn khỏi rắc rối và *chabochi*, người gây ra rắc rối. Đó là một cách nhìn cay nghiệt với thế giới, nhưng với sáu xác chết bị ném xuống thung lũng mỗi tuần, thì khó lòng phán xét họ sai.

Đối với Arnulfo, anh đã làm đúng phép xã giao khi mang chanh tới. Anh đã đảm bảo rằng những người khách phương xa được nghỉ ngơi và phục hồi sức khỏe, rồi sau đó, anh lại thu mình lại theo cách mà bộ lạc vẫn lánh vào thung lũng. Tôi có thể ngồi cả ngày và truy vấn anh đủ kiểu. Nhưng tôi sẽ không tài nào hiểu được anh.

Đúng, anh phải ở dưới này *rất lâu* thì họ mới quen thân.” Đêm đó, tôi được nghe Ángel Nava López giải thích. Ángel đang quản lý ngôi trường dành cho người Tarahumara ở Munerachi, cách căn lều của nhà Quimare vài dặm xuôi theo hướng hạ lưu. “*Años y años* – phải mất nhiều năm. Như Caballo Blanco.”

“Chờ đã!” Tôi ngắt lời anh ta. “Ai cơ?”

Ángel giải thích Ngựa Trắng là một người đàn ông da trắng bóc, cao, gầy, nói chuyện lúng búng bằng thứ ngôn ngữ kỳ lạ, cứ bất thành linh hiện ra trên các ngọn đồi, đột ngột ló mặt trên đường mòn và lê bước vào làng. Anh xuất hiện lần đầu tiên cách đây 10 năm, không lâu sau bữa trưa, trong một chiều chủ nhật nóng bức. Người Tarahumara không có chữ viết, lại càng không có ghi chép về những lần chạm trán với những con người kỳ quặc, nhưng Ángel lại biết chắc như đinh đóng cột rằng cuộc chạm trán đó diễn ra ngày nào, năm nào và kỳ lạ đến đâu, bởi vì anh chính là người trong cuộc.

Ángel vừa về đến nơi, sau khi đi quan sát các tường vách của thung lũng để theo dõi lũ trẻ quay trở về trường. Học sinh của anh ngủ lại trường trong tuần, tảo đi vào thứ sáu và leo lên các ngọn núi cao để trở về nhà. Vào chủ nhật, lũ trẻ lại tung tăng đến trường. Ángel thích đếm học sinh khi chúng đi tới. Đó là lý do anh đứng ngoài trưa nắng, khi hai cậu bé phi như bay từ trên triền núi xuống.

Hai cậu bé chạy hết sức bình sinh tới con sông, rồi vội vàng lội qua như ma đuổi. Và khi về tới trường, chúng bám chặt lấy Ángel như thể đã gặp ma thật.

Chúng kể, khi đang đi chăn dê trên núi thì có một sinh vật kỳ dị phóng qua hàng cây phía trên. Sinh vật đó có hình dáng con người, nhưng lại cao hơn bất kỳ người nào chúng đã từng nhìn thấy. Nó trắng bệch và xương xẩu như một cái xác, có các lọn tóc màu lửa chĩa ra từ hộp sọ. Nó cũng chẳng mặc quần áo. So với thân mình trần truồng khổng lồ, sinh vật này chạy khá nhanh; nó biến mất vào bụi cây trước khi mấy cậu bé kịp nhìn kỹ.

Mà lũ trẻ cũng chẳng dám ở lại để ngó thêm. Hai đứa bé cúp đuôi chạy một mạch về làng, bối rối vì không biết vừa nhìn thấy ai, hay *cái gì*. Nhưng sau khi tới chỗ Ángel, chúng bắt đầu trấn tĩnh lại, hít thở sâu và rồi nhận ra đó là ai.

“Đó là *chuhuí* đầu tiên mà em thấy.” Một cậu bé nói.

“Là ma à?” Ángel nói. “Sao em lại nghĩ nó là ma?”

Lúc này, nhiều lão niên Rarámuri đã thông thả đi tới để hỏi chuyện. Lũ trẻ kể lại, mô tả dáng vẻ như bộ xương của sinh vật nọ, mớ tóc bù xù của nó, cách nó chạy trên đường mòn phía trên bọn chúng. Các cụ già nghe hết chuyện, rồi mới chấn chỉnh bọn trẻ. Những cái bóng trong thung lũng có thể chơi khăm bất kỳ ai, nên chẳng lạ gì khi trí tưởng tượng của lũ trẻ lại đi xa đến thế. Tuy vậy, chúng không nên làm cho đám nhóc ít tuổi hơn hoảng sợ bằng các câu chuyện kỳ dị.

“Nó có bao nhiêu chân?” Các cụ già hỏi.

“Hai ạ!”

“Nó có nhổ nước bọt vào các cháu không?”

“Không ạ!”

À, vậy là rõ rồi. “Đó không phải là ma.” Các cụ đáp. “Đó chỉ là một *ariwará*.”

Linh hồn người chết, vậy có lý hơn nhiều. Ma là cái bóng độc ác đi lại vào ban đêm, bò bằng bốn chân, giết cừu và nhổ nước bọt vào mặt con người. Nhưng linh hồn người chết lại không làm hại ai và chỉ giải quyết nốt chuyện vương bận trần gian. Ngay cả với cái chết, người Tarahumara vẫn tôn thờ

sự trốn chạy. Sau khi chết, linh hồn họ lang thang khắp nơi để lấy lại từng dấu chân, sợi tóc do cái xác để lại. Người Tarahumara cắt tóc bằng cách kéo căng tóc qua một chạc cây rồi dùng dao cứa đứt, vì vậy, các đụn tóc thừa cần phải thu lại hết. Sau khi linh hồn người chết đã xóa hết dấu vết của mình trên mặt đất, nó mới có thể đi vào cõi vĩnh hằng.

“Chuyến đi đó kéo dài ba ngày.” Các cụ già nhắc nhở mấy đứa nhỏ. “Nếu là phụ nữ, thì mất bốn ngày.” Vì vậy, dĩ nhiên *ariwará* sẽ trông hơi bù xù, với đám tóc bị cắt rời cắm ngược trở lại đầu; và đương nhiên nó sẽ đi nhanh hết sức, vì chỉ có vài ngày để hoàn thành bộn việc. Nghĩ lại thì bọn trẻ thật phi phàm khi nhìn thấy được một *ariwará*, vì linh hồn người Tarahumara thường chạy rất nhanh, tất cả những gì nhìn thấy chỉ là một đám bụi cuốn lên trên mặt đất. Ngay cả khi đã chết, các cụ già nhắc nhở bọn trẻ, họ vẫn là Người Chạy Bộ.

“Các cháu sống được là vì cha các cháu có thể chạy đuổi được một con hươu. Cha các cháu sống được là vì ông nội các cháu có thể chạy nhanh hơn một con ngựa chiến của người Apache. Khi bị trì xuống bởi *sapá* (thân xác) này mà còn chạy nhanh được đến vậy, thì các cháu thử tưởng tượng xem mình sẽ lướt nhanh thế nào khi vứt bỏ nó đi?”

Ángel ngồi nghe và băn khoăn rằng có nên chỉ ra một khả năng khác hay không. Ángel là một trường hợp không điển hình ở Munerachi, một người Mexico lai Tarahumara, đã rời khỏi thung lũng ít lâu và đi học ở một ngôi làng Mexico. Anh vẫn đi dép xăng đan truyền thống của người Tarahumara và buộc tóc bằng dây *koyera*, nhưng không giống các cụ già xung quanh mình, Ángel mặc quần dài vải thô thay vì mặc váy. Con người bên trong anh cũng đã thay đổi. Mặc dù vẫn thờ các vị thần của người Tarahumara, nhưng anh vẫn băn khoăn không biết sinh vật kỳ lạ chạy trên hoang mạc đó liệu có phải chỉ là một *chabochi* lang thang từ thế giới bên ngoài vào hay không.

Dù vậy đi nữa, thì đi cùng đường với một hồn ma lang thang vẫn có vẻ an toàn hơn. Chưa ai từng đi sâu vào tận đây, trừ khi có chuyện chẳng đúng. Có thể là một kẻ ngoài vòng pháp luật? Một ẩn sĩ đi tìm ảo mộng? Hay một gã đào vàng hóa điên vì sức nóng?

Ángel nhún vai. Một *chabochi* đơn độc có thể là bất kỳ ai trong số những kẻ nói trên và vẫn không phải là người đầu tiên xuất hiện trong lãnh thổ của người Tarahumara với một trong các lý do đó. Như một định luật tự nhiên (hoặc siêu nhiên, nếu bạn cứ nhất định nghĩ như vậy), những điều kỳ quặc thường xuất hiện ở nơi con người hay biến mất. Rừng rậm châu Phi, các hòn đảo ngoài Thái Bình Dương, các vùng đất hoang ở Himalaya – cứ nơi nào có các đoàn thám hiểm mất tích, là nơi đó lại xuất hiện các sinh vật cổ xưa, những người xếp đá kiểu Stonehenge, bóng dáng của người tuyết, và các chiến binh Nhật không chịu đầu hàng.

Vùng Copper Canyon cũng chẳng phải ngoại lệ, và theo cách nào đó, thì còn tệ hơn. Sierra Madre là đường nối của một dãy núi chạy liên tục từ Alaska tới Patagonia. Một tay liều lĩnh với đủ mảnh tìm đường có thể cướp nhà băng ở Colorado rồi lẫn trốn vào Copper Canyon, chạy tắt qua đường mòn vắng vẻ và hoang mạc mà không đụng mặt người nào trong vòng 10 dặm.

Là chỗ trú ẩn lộ thiên an toàn nhất trên lục địa, theo lẽ tự nhiên, đất Copper Canyon không chỉ sản sinh mà còn thu hút cả những kẻ dị thường. Vài trăm năm qua, vùng thung lũng này đã là nơi trú ngụ của đủ các thành phần bất hảo: băng cướp, ẩn sĩ, sát nhân, kẻ ăn thịt người, chiến binh da đỏ Comanche, kẻ cướp người da đỏ Apache, những người đi khai khoáng bị hoang tưởng, và phiến quân của Pancho Villa đều đã thoát khỏi vòng truy đuổi bằng cách lẫn trốn vào vùng Barrancas.

Geronimo từng trốn vào Copper Canyon khi lẩn tránh kỵ binh Hoa Kỳ. Cả người được anh ta bảo trợ, Nhóc Apache, kẻ có khả năng “lướt như bóng ma trên hoang mạc”, theo lời một nhà chép sử, cũng từng lẩn trốn ở đây. “Hắn không theo một quy luật nào. Không ai biết lần sau hắn xuất hiện ở đâu. Cảm giác hoang mang luôn thường trực khi bạn chặn gia súc, hay đi khai mỏ. Mỗi cái bóng, mỗi tiếng động nhẹ, đều có thể là Nhóc Apache đang tiến lại để ra tay hạ sát. Một cư dân luôn sống trong lo lắng ở vùng này đã miêu tả chính xác nhất: ‘Thường đến lúc thấy được Nhóc Apache thì đã là quá muộn.’”

Đuổi theo họ vào trong mê cung này đồng nghĩa với việc chấp nhận rủi ro không bao giờ quay ra được nữa. “Ngắm thiên nhiên nơi đây thật là hùng vĩ; nhưng đi lại trong đó thì chẳng khác nào địa ngục.” Đại úy Kỵ binh Hoa kỳ John Bourke đã viết như vậy sau khi suýt mất mạng trong một cuộc truy đuổi Geronimo bất thành trong vùng Copper Canyon. Tiếng lách cách của một viên sỏi lăn có thể vang vọng khắp nơi đến loạn trí, nó mỗi lúc một to hơn chứ không chìm xuống, nó nảy qua phải, qua trái rồi trên đầu. Tiếng loạt soạt của hai cành bách cọ vào nhau có thể khiến cả đại đội kỵ binh vội vàng rút súng, cái bóng của chính họ vượn xoắn ma quái trên vách khi họ hoảng loạn tìm khắp hướng.

Tiếng vọng và những hình ảnh tương tượng thót tim không chỉ khiến Copper Canyon trở nên ma mị; sự dẫn vật này có thể nhanh chóng chuyển thành nỗi dằn vặt khác, đến mức thật khó để không tin rằng vùng Barrancas được bảo vệ bởi các linh hồn giận dữ có khiếu hài hước tàn độc. Sau nhiều ngày chịu đựng ánh mặt trời tàn nhẫn thiêu đốt, những người lính có thể sẽ phấn khởi khi nhìn thấy một vài đụn mây đen. Nhưng chỉ trong vài phút, họ sẽ bị kẹt trong một cơn nước lũ mạnh hơn vòi cứu hỏa, và tuyệt vọng chạy tán loạn, bầu lên các gờ tường đá trơn trượt. Đó chính xác là cách mà kẻ nổi loạn người Apache tên là Massai đã quét sạch một tiểu đội kỵ binh: “Bằng cách dụ họ vào một hẻm núi cạn vừa đúng lúc một cơn mưa giông miền núi cuốn qua.”

Vùng Barrancas hiểm ác tới mức, ngay cả một ngụm nước cũng có thể giết chết bạn. Thủ lĩnh da đỏ Apache Victorio thường dẫn các toán kỵ binh Hoa Kỳ vào một cuộc đuổi bắt kiểu mèo vờn chuột ở sâu trong thung lũng, và rồi phục sẵn gần một hồ nước. Các kỵ binh chắc chắn biết rằng anh ta đang ở đó, nhưng không thể ngăn nổi chính mình. Bị lạc lối và điên loạn bởi sức nóng, họ thà nhận một cái chết nhanh chóng từ một viên đạn vào đầu hơn là dần dần chết ngạt với cái lưỡi khát khô sưng phồng trong miệng.

Ngay cả những tay cừ khôi nhất trong lịch sử quân đội Hoa Kỳ cũng không chống cự nổi vùng Barrancas. Khi các đạo quân của Pancho Villa tấn công một thị trấn ở New Mexico vào năm 1916, Tổng thống Woodrow Wilson đã đích thân ra lệnh cho cả Pershing Xi dách (Black Jack Pershing) và George Patton phải lừa hấn ra khỏi hang ổ ở Copper Canyon. 10 năm sau, Báo Đốm Pancho vẫn nhỏ nhoi. Ngay cả khi có lực lượng hùng hậu, Patton và Pershing vẫn lúng túng trước 10.000 dặm hoang mạc, với nguồn thông tin duy nhất là người Tarahumara, những người thường xuyên biến mất khi mới chỉ nghe thấy một tiếng hắt xì. Kết quả là: cả Tướng quân Xi dách lẫn Tướng quân Gạo cội, Đẫm máu và Gan lì, những người có thể hạ gục quân Đức trong hai cuộc Thế chiến, đều phải chịu thúc thủ trước vùng Copper Canyon.

Dần dần, các nhà chức trách Mexico đã tìm ra được một chiến lược tinh táo hơn. Họ nhận ra rằng, địa ngục dành cho người truy đuổi cũng chẳng tốt đẹp hơn cho kẻ bị truy đuổi. Bất kỳ điều gì xảy đến với những kẻ trốn chạy trong đó – con đói, thú dữ tấn công, cơn loạn trí, hay bản án chung thân dưới hình thức giam hãm tự nguyện trong cô độc – đều đáng sợ hơn bất kỳ hình phạt nào của hệ thống tòa án Mexico. Vì vậy, thường thì *nhà chức trách liên bang* sẽ ghìm cương ngựa, để mặc lũ kẻ cướp đã vào tới vùng thung lũng tự thử vận may với nhà tù do chúng tự tạo ra.

Nhiều người mạo hiểm đã thử bước chân vào đây và không bao giờ quay trở ra, tạo nên danh tiếng cho thung lũng này, như Tam giác quỷ Bermuda trên bộ. Nóc Apache và Massai đã cưỡi ngựa theo Lối mòn Bạch cốt vào Copper Canyon lần cuối cùng và không ai còn nhìn thấy họ nữa. Năm 1914, Ambrose Bierce, nhà báo chuyên trang nổi tiếng và là tác giả cuốn sách bán chạy *The Devil's Dictionary* (Từ điển Ác quỷ) lên đường tới một điểm hẹn gặp Pancho, nhưng rồi bị cuốn theo sức hút của Copper Canyon và mất dạng. Cứ thử tưởng tượng Anderson Cooper biến mất khi đang làm nhiệm vụ cho CNN, bạn sẽ hình dung được cuộc tìm kiếm Bierce lớn tới mức nào. Nhưng chẳng ai tìm thấy nổi một dấu vết.

Có phải những linh hồn lạc lối vùng thung lũng đã phải chịu chung một số phận nghiệt ngã, hay các số phận nghiệt ngã cứ chồng lấn lên nhau? Chẳng ai hay biết. Ngày trước, họ có thể bị giết bởi sư tử núi, bọ cạp, rắn cạp nong, cơn khát, cái lạnh, cơn đói hoặc cơn sốt thung lũng, còn ngày nay, bạn có thể thêm một viên đạn bắn

tỉa vào danh sách này. Kể từ khi các băng đảng ma túy chuyển vào vùng Copper Canyon, chúng bảo vệ mùa màng của mình bằng các ống ngắm viễn vọng mạnh tới mức có thể thấy rõ chiếc lá lay động ở cách đó vài dặm.

Điều đó khiến Ángel băn khoăn rằng liệu anh có thể nhìn thấy sinh vật kia được hay không. Ngoài đó, quá nhiều thứ có thể giết chết kẻ này, và chuyện đó rất dễ xảy ra. Nếu sinh vật đó không biết cách giữ khoảng cách với các cánh đồng cần sa, thì anh thậm chí sẽ chẳng kịp nghe thấy tiếng súng đã bắn nát đầu mình.

“¡Hooooooooaaaaa! ¡Amigooooooooooooos!”

Bí ẩn về gã lang thang cô độc được làm sáng tỏ còn sớm hơn Ángel mong đợi. Khi đang nheo mắt dưới nắng để theo dõi đám học sinh trở về trường, anh nghe thấy một tiếng hú vang và nhìn thấy một kẻ trần truồng đang huơ tay, chạy dọc xuống đường mòn về phía dòng sông.

Nhìn gần hơn, hóa ra sinh vật đó không hoàn toàn khỏa thân. Nhưng gọi là có mặc quần áo thì cũng không phải, và chắc chắn là không theo tiêu chuẩn ăn mặc của người Tarahumara. Là tộc người không thích bị nhìn thấy, nhưng người Tarahumara lại khá ăn diện. Đàn ông thì khoác áo choàng màu sáng, phủ lên một miếng vải quấn quanh phần thân dưới, rủ xuống như một chiếc váy ngắn, cả trước lẫn sau. Họ buộc tất cả lại với nhau bằng một cái khăn màu cầu vồng, và trang trí thêm bằng một chiếc khăn quấn đầu cùng màu sắc. Phụ nữ Tarahumara trông còn lộng lẫy hơn, với váy ngắn sặc sỡ và áo choàng đồng màu, làn da nâu sậm được trang điểm thêm bằng các chuỗi vòng đeo cổ và vòng đeo tay làm từ các viên đá màu san hô. Bất kể đang mặc bộ đồ leo núi diêm dúa cỡ nào, thì chắc chắn bạn vẫn sẽ cảm thấy mình cứ như đang khỏa thân khi đứng trước người Tarahumara.

Ngay cả xét theo tiêu chuẩn thời trang của những người đi khai khoáng bị sức nóng Mặt trời làm cho điên loạn, thì sinh vật kia vẫn ăn mặc quá tồi tàn. Anh ta chỉ mặc một chiếc quần cộc màu nâu đất của dân *chabochi*, xỏ xăng đan, và đội chiếc mũ bóng chày cũ rìn. Chỉ có vậy. Không ba lô, không áo xống, và có vẻ như chẳng có thức ăn, bởi vì ngay khi chạy đến chỗ Ángel, anh ta hỏi xin ‘*agua*’ (nước) bằng thứ tiếng Tây Ban Nha ngọng nghịu và làm động tác xúc xúc vào miệng – chắc anh ta muốn ăn gì đó?

“*Assag.*” Ángel nói với anh bằng tiếng Tarahumara và ra hiệu ngồi xuống. Ai đó mang ra một cốc pinole, loại cháo ngô của người Tarahumara. Kẻ lạ mặt húp sục một hơi. Xen giữa những tiếng ừng ực, anh ta cố gắng nói chuyện. Anh khua khoáng và thè lưỡi thờ hờn hờn.

“*¿Corriendo?*” Người thầy giáo hỏi. Anh vừa mới chạy à?

Sinh vật kia gật đầu. “*Todo día.*” Anh nói bằng thứ tiếng Tây Ban Nha bồi. “Suốt cả ngày.”

“*¿Por qué?*” Ángel hỏi. “*¿Y a dónde?*” Tại sao? Và chạy đi đâu?

Sinh vật nọ bắt đầu tuôn ra một câu chuyện dài, khiến Ángel cảm thấy thích thú như thể đang xem trình diễn nghệ thuật, nhưng câu chuyện đó chẳng mạch lạc chút nào. Từ những gì Ángel rút ra được, gã lang thang cô độc này hoặc là hoàn toàn mất trí, hoặc chẳng hề cô đơn chút nào; anh tuyên bố rằng mình có một người đồng hành còn bí ẩn hơn nữa, một kiểu chiến binh người Apache mà anh gọi là Ramón Chingón – “Ray, gã Đều cáng Xấu xa.”

“*¿Y tú?*” Ángel hỏi. “Còn tên anh là gì?”

“*Caballo Blanco.*” Anh nói. Ngựa Trắng.

“*Pues, bueno.*” Người thầy giáo nhún vai đáp. Vậy là được rồi.

Ngựa Trắng không ở lại lâu; sau khi uống thêm chút nước và ăn xong bát pinole thứ hai, anh chào tạm biệt và lại chạy ngược lên đường mòn. Anh giậm chân và hí lên như ngựa hoang khi rảo bước, làm bọn trẻ thích thú, cười phá lên và đuối theo cho tới khi anh biến mất một lần nữa vào hoang vu.

“*Caballo Blanco es muy amable,*” Ángel kết lại, “*pero un poco raro.*” Ngựa Trắng là người tốt, nếu anh hợp với mấy gã quai quái.

“*Vậy, anh nghĩ rằng anh ta vẫn ở ngoài đó?*” Tôi hỏi.

“Gã đó, claro.” Ángel nói. “Anh ta vừa ở đây hôm qua. Tôi đã cho anh ta uống nước bằng cái cốc đó.”

Tôi nhìn quanh. Chẳng có cái cốc nào cả.

“Cái cốc vừa ở đó mà.” Ángel quả quyết.

Từ những điều Ángel lượm lặt được trong nhiều năm qua, Caballo sống trong một căn lều tự dựng lên đầu đó bên kia núi Batopilas. Mỗi khi xuất hiện ở trường của Ángel, anh luôn đến với đôi chân chì xỏ xăng đan, áo quàng trên lưng (nếu có), và một túi cháo ngô khô vắt trên hông, như người Tarahumara. Dường như, anh kiếm ăn luôn ở vùng đất mà mình chạy, sống dựa vào korima, một trong các nền tảng của nền văn hóa Tarahumara.

Korima đọc gần giống như *karma* (nghiệp) và có ý nghĩa tương tự, chỉ khác là nó ở hiện tại, ở đây và ngay lúc này. Nghĩa vụ của bạn là phải chia sẻ tất cả những gì chia sẻ được, ngay lập tức và không được trông mong gì: một khi món quà đã rời tay, thì ngay từ đầu nó cũng chưa từng là của bạn. Người Tarahumara không có hệ thống tiền tệ, vì vậy *korima* là cách họ giao thương: nền kinh tế của họ dựa trên việc trao đổi các ân huệ và thỉnh thoảng là các thiệp bia ngô.

Dáng vẻ, cách ăn mặc, cũng như cách nói năng của Ngựa Trắng hoàn toàn không giống người Tarahumara, nhưng sâu thẳm bên trong, anh là một trong số họ. Ángel đã nghe nói về những người chạy bộ Tarahumara dùng túp lều của Ngựa Trắng làm trạm nghỉ trong các chuyến đi dài xuyên qua vùng thung lũng. Đôi lại, Ngựa Trắng luôn được mời ăn, mời nghỉ khi đi qua làng của Ángel trong các cuộc chạy lang thang.

Ángel vẫy cánh tay, khoát mạnh ra đằng xa – vượt qua con sông, qua đỉnh thung lũng, về phía vùng đất không phải của người Tarahumara, nơi chẳng có điều gì tốt đẹp.

“Ồ đó, có một ngôi làng tên là Mesa de la Yerbabuena.” Anh nói. “Anh có biết nơi đó không, Salvador?”

“Ừm...” Salvador lí nhí.

“Anh có biết điều gì đã xảy ra với nó không?”

“Ừ hử...” Salvador đổi giọng như muốn nói: Ừ, tất nhiên là biết.

“Những người chạy bộ giỏi nhất phần lớn đến từ Yerbabuena.” Ángel nói. “Họ từng có một con đường mòn rất tốt, có thể chạy được quãng đường rất dài chỉ trong một ngày, xa hơn nhiều so với quãng đường mà anh có thể đi được từ đây.”

Thật không may, lối mòn đó tốt tới mức chính phủ Mexico cuối cùng quyết định trải nhựa lên và biến nó thành đường. Xe tải bắt đầu xuất hiện ở Yerbabuena, và mang theo các loại thực phẩm mà người Tarahumara hiếm khi dùng – nước ngọt có ga, sô cô la, gạo, đường, bơ, bột mì. Người dân Yerbabuena bắt đầu thích ăn tinh bột và bánh kẹo, nhưng họ cần tiền để mua những thứ đó, do vậy, thay vì làm việc đồng áng, họ bắt xe tới Guachochi để rửa bát và làm công ban ngày, hoặc bán đồ lưu niệm tại nhà ga ở Divisadero.

“Đó là chuyện từ 20 năm trước.” Ángel nói. “Bây giờ, ở Yerbabuena chẳng còn người chạy bộ nào nữa.”

Câu chuyện về Yerbabuena làm Ángel sợ, bởi mới có tin đồn rằng chính quyền đã tìm ra cách làm đường dọc theo nền thung lũng và đi thẳng vào khu định cư này. Ángel không hiểu nổi tại sao họ lại muốn làm đường ở đây. Người Tarahumara không muốn vậy và họ là những người duy nhất sống ở nơi này. Chỉ có bọn buôn ma túy và đám lâm tặc hưởng lợi từ các con đường trong Copper Canyon, điều này khiến cho nỗi ám ảnh muốn làm đường ở vùng hẻo lánh của chính quyền Mexico có vẻ lạ lùng, nhưng cũng chẳng mấy ngạc nhiên, khi nghĩ xem bao nhiêu binh sĩ và chính trị gia dây dưa với dân buôn ma túy.

“Đó chính là điều Lumholtz lo sợ.” Tôi tự nhủ. Một thế kỷ trước, nhà thám hiểm có tầm nhìn xa ấy đã cảnh báo rằng người Tarahumara đang có nguy cơ biến mất.

“Các thế hệ sau sẽ chẳng tìm thấy ghi chép nào khác về người Tarahumara ngoài những gì mà các nhà khoa học thời nay khơi gợi từ miệng họ và từ việc nghiên cứu các công cụ, phong tục của họ.” Ông đoán định. “Ngày nay, họ nổi lên như một di tích thú vị của một thời đại đã trôi qua từ lâu; một đại diện trong giai đoạn quan trọng bậc nhất của lịch sử loài người; một trong những bộ lạc nguyên thủy phi thường từng viết nên lịch sử nhân loại.”

“Nhiều người Rarámuri không tôn trọng truyền thống được như Caballo Blanco đâu.” Ángel than phiền. “*El Caballo sabe* – Ngựa Trắng hiểu.”

Tôi ngồi sụp xuống bên bức tường ngôi trường của Ángel, chân giật giật, còn đầu thì căng ra vì kiệt sức. Để tới được đây, tôi đã liếng xiếng lắm rồi, vậy mà, có vẻ như cuộc săn tìm mới chỉ bắt đầu.

Cứ như trò bịp vậy.”

Salvador và tôi khởi hành vào sáng hôm sau, đua với Mặt trời về phía rìa thung lũng. Salvador đi nhanh khủng khiếp, chẳng thèm để ý các chỗ ngoặt gấp và lấy tay cào thẳng lên vách núi như tội phạm bò lên tường trại giam. Tôi cố sức bám theo, mặc dù ngày càng tin mình bị lừa.

Càng bỏ xa ngôi làng của Ángel, cái ý nghĩ rằng câu chuyện về gã Ngựa Trắng chỉ là hàng phòng thủ cuối cùng chống lại những kẻ bên ngoài đến đây tìm kiếm bí mật của người Tarahumara càng trở lên. Như mọi phi vụ lừa bịp vĩ đại, câu chuyện về một gã Độc Hành trên vùng núi cao Sierra nằm lửng lơ giữa hoàn hảo và hoang đường; tin tức về một môn đệ đến từ thế giới hiện đại thực hành theo phương thuật Tarahumara còn hơn những gì tôi trông đợi, khiến nó hấp dẫn đến khó tin. Gã Ngựa Trắng có vẻ giống lời đồn đại hơn, khiến tôi nghĩ Ángel vì mệt mỏi với những câu hỏi nên đã sáng tác ra một nhân vật hư cấu thể thân, rồi trỏ chúng tôi về phía đường chân trời, biết rằng chúng tôi sẽ phải vượt hàng trăm dặm khó khăn trước khi tỉnh ngộ.

Tôi không bị hoang tưởng. Đây không phải lần đầu tiên một câu chuyện phù phiếm được dùng để phủ một màn khói hư ảo lên những Người Chạy Bộ. Carlos Castaneda, tác giả của cuốn *Don Juan* nổi tiếng vào thập niên 60, đã không hề do dự kể về những người Tarahumara khi miêu tả các pháp sư Mexico với sự uyên thâm và sức bền đáng kinh ngạc. Nhưng trong nỗi cảm thông day dứt, Castaneda đã cố tình gọi nhầm tên bộ lạc này thành Yaquis. Rõ ràng là Castaneda đã cảm thấy rằng, trong trường hợp sách của ông làm dấy lên một cuộc xâm lược của đám hí pi mê xương rồng đất Mễ, thì người Yaquis mạnh mẽ sẽ tự bảo vệ mình tốt hơn nhiều so với người Tarahumara hiền hậu.

Nhưng dù có nghi ngờ rằng mình vừa bị lừa kiểu Castaneda, thì tôi vẫn bị một sự kiện bất thường thôi thúc dẫn bước vào cuộc săn tìm này. Ángel đã cho chúng tôi trọ lại một đêm trong căn phòng trống duy nhất của anh, một túp lều đắp bùn nhỏ bé, được dùng như trạm xá của trường. Sáng hôm sau, trước khi chúng tôi rời đi, anh nhã nhặn mời bữa sáng có món đậu và bánh ngô nặn bằng tay. Buổi đó trời se lạnh và khi chúng tôi ngồi ngoài, hơ tay trên những cái bát nghi ngút khói, một lũ trẻ con tùm tùm đi ra khỏi phòng học, ngang qua chỗ chúng tôi. Không để bọn trẻ phải chịu lạnh trên ghế ngồi, thầy giáo đã cho chúng nghỉ để làm nóng người theo kiểu Tarahumara – đồng nghĩa với việc tôi may mắn được chứng kiến raráji pari, trò chơi chạy bộ của người Tarahumara.

Ángel đứng lên và chia bọn trẻ ra làm hai đội, trai gái lẫn lộn. Sau đó, anh ta lấy ra hai quả bóng bằng gỗ, mỗi quả to bằng một quả bóng chày, và tung từng quả về từng đội. Anh giơ sáu ngón tay, nghĩa là chúng sẽ chạy sáu lượt từ trường xuống bờ sông, với tổng cự ly khoảng bốn dặm. Hai cậu bé thả quả bóng xuống và cong bàn chân đỡ quả bóng lên, bóng được giữ thẳng bằng trên các ngón chân. Chúng chậm chậm cong người thấp xuống và...

¡Vayan! Đi!

Hai quả bóng bay vụt qua chỗ chúng tôi, tâng khói bàn chân của hai cậu bé như thể bị bắn đi từ súng ba-zô-ka, và lũ trẻ chạy ào theo bóng dọc đường mòn. Hai đội có vẻ khá ngang tài ngang sức, nhưng tôi sẵn sàng đặt cửa cho bên được dẫn dắt bởi Marcellino, một cậu bé 12 tuổi trông như Đuốc Sống; màu áo đỏ tươi phất phơ sau lưng cậu như ngọn lửa và chiếc váy trắng phấp phới quanh đôi chân như một làn khói. Đuốc Sống đuổi kịp bóng của đội mình khi bóng còn đang lăn. Cậu lấy ngón chân quặp nó lên một cách tài tình và đá tung nó xuống đường mòn mà hầu như không hề làm chậm đi nhịp chạy.

Cách chạy của Marcellino kinh ngạc đến mức khó mà cảm nhận hết ngay lập tức. Hai bàn chân của cậu nhảy nhót như điên loạn giữa các viên đá, nhưng tất cả phần cơ thể phía trên đôi chân lại tĩnh

lặng, gần như không chuyển động. Nhìn từ phần hông trở lên, bạn sẽ nghĩ rằng cậu bé đang trượt patanh. Với chiếc cằm ngẩng cao và mái tóc đen xõa ra trên trán, trông cậu như vừa bước thẳng ra từ áp phích Steve Prefontaine trên tường phòng ngủ của các ngôi sao điền kinh trường trung học Mỹ. Tôi thấy như vừa tìm thấy được Tương lai của Chạy Bộ Hoa Kỳ, sống cách đây 500 năm trước. Một đứa trẻ tài năng và đẹp đẽ nhường vậy sinh ra để được in hình trên các hộp ngũ cốc.

“*Sí, de acuerdo.*” Ángel nói. Có, tôi nghe thấy anh rồi. “Chạy bộ đã ăn vào máu cậu bé. Cha nó là một nhà vô địch vĩ đại.”

Cha của Marcelino, Manuel Luna, có thể đánh bại gần hết người tham gia trận *rarájipari* xuyên đêm, phiên bản người lớn của trò chơi mà tôi đang được chứng kiến. Ángel giải thích, môn bóng *rarájipari* là trái tim và tâm hồn của người Tarahumara; mọi điều làm nên sự độc đáo của người Tarahumara đều được phô bày trong “sức nóng” của một trận *rarájipari*.

Trước tiên, hai ngôi làng sẽ gặp nhau và dành cả đêm để đặt cược, đồng thời cung ly *tesguino*, loại bia ngô tự ủ, nặng đến rộp cả họng. Khi Mặt trời mọc, đội bóng của hai làng sẽ bắt đầu thi đấu, với khoảng từ ba đến tám người chạy bộ mỗi bên. Người chơi sẽ chạy ngược xuôi trên một dải đường mòn dài, đưa bóng của mình lên phía trước như cầu thủ bóng đá dẫn bóng bút phá. Cuộc đua có thể kéo dài đến 24, thậm chí là 48 giờ, tùy thuộc vào thỏa thuận từ đêm hôm trước. Thế nhưng, các cầu thủ chẳng bao giờ được ra nghỉ hay ngồi bước. Với quả bóng nảy tung tung và 32 cái chân di chuyển như điện xẹt, họ hầu như chỉ đứng trên đầu ngón chân, lúc thì dăng lên, đổi hướng hay chạy hình chữ chi.

“Chúng tôi nói *rarájipari* là trò chơi của cuộc sống.” Ángel nói. “Anh không biết nó khó khăn đến thế nào. Anh không biết bao giờ nó kết thúc. Anh không thể điều khiển nó. Anh chỉ có thể điều chỉnh.”

Và, anh nói thêm, không ai có thể vượt qua cuộc chơi đó một mình. Ngay cả một siêu sao như Manuel Luna cũng không thể chiến thắng nếu không có cả một ngôi làng phía sau. Bạn bè và gia đình tiếp năng lượng cho các đấu thủ bằng *pinole*. Khi đêm xuống, dân làng sẽ đốt acate, các cành thông nhiều nhựa, và những người chạy bộ đua xuyên màn đêm dưới ánh đuốc. Để chịu đựng nổi một thử thách như vậy, bạn phải hội tụ đủ phẩm chất của người Tarahumara – sức mạnh, lòng kiên trì, khả năng hợp tác, lòng quyết tâm và sự kiên định. Và hơn hết, bạn phải yêu chạy bộ.

“Thằng nhóc đó sẽ giỏi không kém gì cha nó.” Ángel nói, gật gật đầu về phía Marcelino. “Nếu được tôi cho phép, nó có thể chơi như vậy suốt cả ngày.”

Khi Marcelino tới bờ sông, cậu vòng lại và chuyền bóng tới một cậu bé sáu tuổi đã mất một chiếc răng đan và đang loay hoay với dây lưng. Trong vài khoảnh khắc huy hoàng, Nhóc Một Giày dẫn đầu đội của mình và vui sướng về điều đó, cậu bé vừa nhảy nhót trên một chân trần vừa cố giữ cho váy khỏi tuột xuống. Đó là lúc tôi bắt đầu cảm nhận được sự vĩ đại của *rarájipari*. Chính vì đường mòn khắp khênh và các vòng lặp lại, trò chơi này tự thân nó có khả năng làm cân bằng. Quả bóng nảy khắp nơi như viên bi trong trò pinball, nhờ đó, những đứa trẻ chậm chạp hơn vẫn có thể theo kịp mỗi khi Marcelino phải moi quả bóng ra từ một kẽ đá. Sân chơi có khả năng tự cân bằng, khiến ai cũng bị thách thức và không ai bị đẩy ra ngoài cuộc.

Lũ trẻ cả trai lẫn gái thi nhau chạy ào ào lên và xuống con dốc đường mòn, nhưng không ai màng đến chuyện thắng thua; không có tranh cãi, chẳng có phô diễn, và đáng chú ý nhất là, không có chỉ đạo. Ángel và thầy giáo đang vui vẻ theo dõi trận đấu và tập trung cao độ, nhưng không hò hét chỉ dẫn. Họ thậm chí còn không cổ vũ. Bọn trẻ tăng tốc khi cao hứng, giảm tốc khi bớt phấn khích, và thỉnh thoảng dừng lại lấy hơi dưới bóng cây khi chạy quá sức và bắt đầu hỗn hển.

Nhưng khác với hầu hết các đứa trẻ khác, Marcelino dường như không chậm lại. Cậu chẳng hề biết mệt, lướt ngược lên hay đổ dốc nhẹ nhàng, hai chân cậu khua theo nhịp bước ngắn kinh ngạc nhưng chuyển động vẫn mượt mà, không giật cục. Cậu khá cao so với đám trẻ con Tarahumara, và có nụ cười mỉm lướt qua trên mặt giống Michael Jordan trong khoảnh khắc hồi hộp của trận đấu, khi đồng

hồ đang tiến gần đến giờ kết thúc. Trong lượt chạy cuối của đội mình, Marcelino tung một cú đá đưa bóng đi chéo vào một tảng đá phía bên trái, tính toán hướng bóng nảy, và chạy đúng đến vị trí trí để nhận đường chuyền của chính mình, đỡ bóng khi đang ở trên không và chạy nốt quãng gần 50 m còn lại, trên mặt đường mòn khắp khảnh đá như dưới lòng sông, chỉ trong vài giây.

Ángel cầm xẻng gõ vào một thanh sắt. Trận đấu kết thúc. Lũ trẻ lại trở vào trong trường, mấy đứa lớn hơn thì bê củi để tiếp cho đồng lứa ngoài trời. Một vài đứa đáp lại lời chào của chúng tôi; nhiều trong số chúng lần đầu tiên nghe tiếng Tây Ban Nha khi bắt đầu đi học. Tuy nhiên, Marcelino bước ra khỏi hàng và tiến lại gần. Ángel kể cho cậu bé về dự định của chúng tôi.

“*Que vayan bien.*” Marcelino nói. Chúc lên đường may mắn. “Caballo Blanco es muy norawa de mi papá.”

Norawa? Tôi chưa từng nghe từ này bao giờ. “Ý cậu bé là gì?” Tôi hỏi Salvador. “Caballo là huyền thoại mà bố cậu ta biết à? Hay là câu chuyện ông ta hay kể?”

“Không!” Salvador nói. “Nowara nghĩa là *amigo*.”

“Caballo Blanco là bạn tốt của bố cháu à?” Tôi hỏi.

“Sí.” Marcelino gật đầu, trước khi biến mất vào trong trường. “Ông ấy thực sự là một người tốt.”

Được rồi! Tôi thầm nghĩ vào buổi chiều sau đó. *Có thể Ángel muốn lừa chúng tôi, nhưng cậu bé Duốc Sống thì tin được.* Ángel nói rằng Caballo có thể đang đi đến thị trấn Creel, nhưng chúng tôi phải thật khẩn trương: nếu không bắt kịp anh, thì chẳng thể biết được anh sẽ xuất hiện ở nơi nào sau đó. Ngựa Trắng thường biến mất trong vài tháng; không ai biết anh đi đâu và khi nào anh quay lại. Nếu bỏ lỡ, thì chúng tôi có thể không còn cơ hội nữa.

Và Ángel chắc chắn đã không nói dối về một chuyện, khi tôi cảm thấy sức mạnh lạ lùng ở đôi chân mình: ngay trước khi bắt đầu chuyển leo ra khỏi thung lũng, anh đưa cho tôi một cái ca thiếc méo mó chứa đầy một thứ gì đó mà anh hứa là sẽ có ích.

“Anh sẽ thích nó cho mà xem.” Anh trấn an tôi.

Tôi ngó vào cái ca. Trong đó có một thứ chất lỏng nhầy nhót, trông giống bánh pudding gạo nhưng không có gạo, và bong bóng có đốm đen mà tôi tin chắc là trứng ếch đang ấp dờ. Nếu đang ở bất kỳ nơi nào khác, tôi sẽ nghĩ đây là một trò đùa; như kiểu một đứa trẻ múc cặn bồn trong bể cá rồi lừa tôi nếm thử. Tôi đoán, đó là một loại rễ cây lên men trộn với nước sông – nghĩa là nếu mùi vị của nó không quật ngã tôi, thì đám vi khuẩn sẽ lo việc đó.

“Tuyệt!” Tôi nói và nhìn quanh xem có cây xương rồng nào để lên đỡ xuống. “Nó là cái gì vậy?”

“Iskiate.”

Nghe có vẻ quen quen... và tôi chợt nhớ ra. Ngài Lumholtz kiên cường đã từng bước lão đảo vào một căn nhà người Tarahumara để xin thức ăn giữa chuyến thám hiểm gian nan. Ngọn núi mà ông phải lên tới đỉnh trước khi Mặt trời lặn đã phủ bóng trước mặt. Lumholtz khi ấy đã kiệt sức và tuyệt vọng, không còn chút sức lực nào để leo lên nữa.

“Chiều hôm đó, tôi bước vào hang đúng lúc một người phụ nữ đang làm thức uống này.” Sau này, Lumholtz viết. “Tôi mệt lử và không biết làm cách nào leo lên triền núi để tới chỗ cắm trại ở độ cao 600 m. Nhưng sau khi được thỏa mãn cơn đói khát với một chút iskiate,” ông viết tiếp, “tôi lập tức thấy một nguồn sinh lực mới, và chính tôi cũng phải ngỡ ngàng khi leo được đến độ cao đó mà không cần vận hết sức. Kể từ đó, tôi luôn coi iskiate là người bạn thiết thân, vừa củng cố sức mạnh, vừa làm tỉnh táo, tới mức có thể gọi nó là một khám phá mới.”

Red Bull tự chế! Cái này thì tôi nhất định phải thử. “Tôi sẽ để dành nó.” Tôi nói với Ángel. Tôi trút chỗ iskiate vào một bình nước đeo hông chứa khoảng nửa bình nước đã khử trùng bằng mấy viên i-ốt, rồi bỏ vào đó thêm khoảng hai viên nữa cho chắc. Tôi đã mệt lử, nhưng không giống như Lumholtz, tôi chưa tuyệt vọng đến mức sẵn sàng chấp nhận rủi ro bị tiêu chảy mãn tính do nhiễm khuẩn.

Nhiều tháng sau, tôi biết được rằng *iskiate* còn được biết đến với cái tên *chia fresca* – “chia mát lạnh”. Nó được chế bằng cách hòa tan hạt chia vào nước, thêm chút đường và một vắt chanh. Xét về giá trị dinh dưỡng, một muỗng lớn chia tương đương sinh tố làm từ cá hồi, rau chân vịt, và hormone tăng trưởng. Dù rất nhỏ nhưng các hạt này có hàm lượng cao omega-3S, omega-6S, protein, canxi, sắt, kẽm, chất xơ và các chất chống oxy hoá. Nếu phải chọn một loại thức ăn duy nhất để sống sót trên đảo hoang, bạn không thể tìm thấy thứ gì tốt hơn hạt chia, ít nhất là nếu bạn quan tâm đến việc tạo cơ bắp, hạ cholesterol, và giảm nguy cơ các bệnh tim mạch; sau một vài tháng ăn hạt chia, bạn thậm chí có thể bơi từ đảo hoang vào đất liền. *Chiat* từng được quý trọng tới mức người Aztec thường dâng thứ hạt này lên cho nhà vua để tỏ lòng kính trọng. Những người chạy bộ Aztec đã từng ăn hạt chia khi tham gia chiến trận, và người Hopis thì nạp năng lượng bằng hạt chia khi tham gia các cuộc chạy huy hoàng từ Arizona tới Thái Bình Dương. Bang Chiapas của Mexico thực ra được đặt tên theo loại hạt này. Nó từng đứng thứ hạng ngang với ngô và đậu trong nông sản hàng hóa. Mặc dù có giá trị cao như vậy, nhưng chia lại dễ trồng kỳ lạ; nếu bạn có một Chia Pet (hình nộm con thú dùng để trồng chia), bạn chỉ cần thêm vài bước đơn giản để tạo ra một mẻ thức uống ma thuật.

Và sau khi viên i-ốt đã tan đủ để đánh liều thử vài ngụm, tôi mới phát hiện ra rằng thứ đồ uống ma thuật ấy ngon ghê gớm. Dù lẫn cả vị thuốc i-ốt, nhưng món *iskiate* vẫn trôi xuống như rượu punch hoa quả thoảng vị chanh dễ chịu. Cũng có thể, đó là cảm giác phấn khích với cuộc săn tìm, đầu thế trong vài phút, tôi đã có cảm giác thực sự tuyệt vời. Ngay cả cơn đau đầu nhẹ suốt buổi sáng do ngủ trên nền đất lạnh đêm trước cũng biến mất luôn.

Salvador liên tục thúc bách, chạy đua với ánh nắng tới rìa thung lũng. Chúng tôi suýt nữa thì kịp. Nhưng khi còn khoảng hai giờ leo thì Mặt trời biến mất, bóng đêm phủ khắp thung lũng, tối tới mức chỉ còn thấy đủ các sắc thái đen. Chúng tôi tranh luận xem có nên trải túi ngủ ra và cắm trại qua đêm ngay tại đó hay không, nhưng thức ăn và nước uống thì đã hết từ hơn một giờ trước, còn nhiệt độ đang tụt xuống âm độ. Nếu có thể lần đường trèo lên thêm khoảng một dặm nữa, chúng tôi sẽ tới được rìa thung lũng đủ ánh sáng để ra được bên ngoài. Rồi chúng tôi quyết định thử phương án thứ hai. Tôi ghét cái ý nghĩ phải nằm run rẩy cả đêm trên một đoạn đường mòn ngay rìa vách đá.

Trời tối tới mức, tôi chỉ có thể bám theo Salvador nhờ tiếng ủng lạo xạo của anh. Làm thế nào anh có thể tìm thấy các lối rẽ trên những chỗ ngoặt dốc mà không rơi khỏi bờ đá, tôi thực sự không muốn biết. Nhưng anh đã chứng minh là tôi sai bằng khả năng dò đường siêu phàm khi lái xe xuyên qua rừng cây, vì vậy, tôi phải chấp nhận im lặng, tập trung chú ý tới tất cả các chuyển động của anh và... và...

Chờ đã. Tiếng ủng lạo xạo của anh đâu rồi?

“Salvador?”

Không có tiếng trả lời. Chết tiệt!

“Salvador!”

“¡No pases por aquí!” Anh gọi vọng từ đâu đó phía trước tôi. Đứng đi lối này!

“Có chuyện gì....”

“Calla.” Im đi.

Tôi nín bật, đứng yên trong bóng tối và không hiểu thứ quái quỷ gì đã xảy ra. Vài phút trôi qua. Không có tiếng động nào của Salvador. “Anh ta sẽ quay lại.” Tôi tự nhủ. “Anh ta chắc chắn đã phải hét lên nếu bị ngã. Mình chắc sẽ phải nghe thấy gì đó. Một tiếng va đập. Một điều gì đó. Nhưng quái thật, mãi mà anh ta....”

“Bueno.” Một tiếng hét vọng tới từ đâu đó phía trên tôi và dịch về bên phải. “Đằng này ổn rồi. Nhưng đi từ từ thôi!” Tôi xoay về phía giọng nói và nhích dần về phía ấy. Bên trái, tôi cảm thấy nền đất tụt sâu xuống. Salvador suýt nữa thì bước thẳng vào khoảng không nào, tôi không muốn biết.

Khoảng 10 giờ đêm hôm đó, chúng tôi lên tới rìa vách núi và chui vào túi ngủ, lạnh thấu xương và mệt rũ rời. Sáng hôm sau, chúng tôi tỉnh dậy trước khi Mặt trời mọc và đi thật nhanh về chỗ chiếc xe bán tải. Khi bình minh lên, chúng tôi đã đi được một quãng trên con đường mòn xóc nảy, uốn lượn, con đường được đôn là của gã Ngựa Trắng.

Mỗi lần gặp một nông trang hay một ngôi làng nhỏ, chúng tôi đều dừng lại để hỏi xem có ai biết Caballo Blanco hay không. Và tất cả mọi nơi – trong khu làng mạc ở Samachique, trong ngôi trường ở Huisichi – chúng tôi đều thấy người ta trả lời giống nhau: Sí, tất nhiên! Anh ta vừa đi qua tuần trước... một vài ngày trước... ngày hôm qua... Các anh *vừa* bỏ lỡ anh ta xong...

Chúng tôi tới một khu lều lá lụp xụp và dừng lại để tiếp thêm thực phẩm. “*Ahhh, ten cuidado con ese.*” Bà già đứng phía sau quầy trong một cái lán bên lề đường nói khi đưa cho tôi một túi khoai tây phủ bụi và một lon Coke ấm bằng đôi bàn tay gầy, run rẩy. “Cẩn thận với gã đó. Tôi đã nghe kể về Caballo. Anh ta là một võ sĩ hóa điên. Có ai đó chết, nên anh ta bị mất trí. Anh ta có thể tay không giết chết anh đấy. Và,” bà ta nói thêm, đề phòng tôi quên mất, “anh ta bị điên.”

Nơi cuối cùng người ta nhìn thấy anh là thị trấn mỏ cũ kỹ Creel, nơi một người phụ nữ ở quầy bán taco bảo chúng tôi rằng cô vừa nhìn thấy anh sáng nay, đi bộ trên đường ray xe lửa ra phía rìa thị trấn. Chúng tôi đi theo tới tận cuối đường ray, vừa đi vừa hỏi thăm, cho tới khi đến được tòa nhà cuối cùng: khách sạn Casa Pérez. Ở đó, tôi vừa hồi hộp, vừa lo lắng, khi biết anh phải có mặt ở đây vào đúng lúc này.

Có thể, chuyện tôi ngủ quên trên chiếc ghế xô-pha trong góc phòng là một điều hay. Nhờ đó, ít nhất là, tôi được ẩn mình trong bóng tối và ngắm nhìn gã lang thang cô độc kia kỹ lưỡng một chút – trước khi anh nhìn thấy tôi và phóng chạy mất vào hoang vu.

May thay, tôi đứng gần cửa hơn.

“Này! Ồ..., anh có biết Ángel không?” Tôi lấp bắp khi bước ra đứng chắn giữa Caballo và lối thoát duy nhất của anh ta. “Thầy giáo ở ngôi trường của người Tarahumara? Còn Esidro ở Huisichi? Và, ừm... Luna, Miguel Luna...” Tôi liên tục bắn ra những cái tên, hy vọng anh sẽ nhận ra cái tên nào đó trước khi huých tôi văng vào tường và chạy trốn lên những ngọn đồi phía sau khách sạn. “... À, không phải, là Manuel. Không phải Miguel Luna. Là Manuel. Con anh ta nói rằng anh ta và anh là bạn. Marcelino? Anh biết Marcelino chứ?”

Nhưng tôi càng nói, thì anh càng cau có, cho tới khi trông như muốn đe dọa. Tôi lập tức ngậm miệng. Tôi đã có bài học sau thất bại ở khu nhà của Quimare; có thể anh sẽ đụ bót nếu tôi giữ im lặng và cho anh cơ hội để đánh giá tôi. Tôi đứng yên trong khi anh ta nheo mắt nhìn tôi dưới viền chiếc mũ rom của nông dân Mexico, tỏ vẻ nghi ngại và khinh miệt.

“Ồ!” Anh làu bàu. “Manuel là một người bạn. Còn anh thì là thằng quái nào?”

Vì không chắc điều gì đã khiến anh trở thành kẻ bất kham như vậy, nên tôi bắt đầu trình bày rằng tôi không phải là những ai. Tôi bảo mình không phải cảnh sát hay nhân viên Cục Phòng chống Ma túy. Tôi chỉ là một nhà văn và một người chạy bộ dính chấn thương, muốn học hỏi bí quyết của người Tarahumara. Nếu anh là một kẻ đang lẩn trốn, thì đó là việc của anh. Có chăng, điều đó chỉ làm tăng tính tin cậy trong câu chuyện về anh ta mà thôi: bất kỳ ai có thể trốn tránh luật pháp trong suốt chừng ấy năm mà không có bất kỳ phương tiện lẩn trốn nào ngoại trừ đôi chân mình, thì ắt hẳn đã phải học theo người Rarámuri. Tôi có thể bỏ qua các nghĩa vụ của mình với luật pháp đủ lâu để nghe hết câu chuyện lẩn trốn độc nhất trên đời ấy.

Vẻ cau có của Caballo chẳng hề giảm – nhưng anh cũng không cố tránh tôi để đi ra. Mãi sau đó, tôi mới phát hiện ra rằng mình đã vô cùng may mắn chạm trán anh ở một thời điểm lạ kỳ trong cuộc đời kỳ lạ của anh: theo cách của riêng mình, Caballo Blanco cũng đang đi tìm tôi.

“Được rồi, ông bạn!” Anh nói. “Nhưng giờ tôi phải đi kiếm ít đậu đã.”

Anh ta dẫn tôi ra khỏi khách sạn và đi dọc xuống một ngõ hẻm bụi bặm, tới một cánh cửa nhỏ không có biển hiệu gì hết. Chúng tôi bước qua một cậu bé đang chơi với chú mèo con trên bậc cửa và vào một phòng khách nhỏ. Một người phụ nữ lớn tuổi ngược nhìn lên từ một chiếc bếp ga cũ kỹ trong hốc tường kề đó, bà đang khuấy một nồi đậu hầm thơm ngào ngạt.

“*Hola, Caballo!*” Bà cất tiếng chào.

“*¿Cómo está, Mamá?*” Caballo đáp lời. Chúng tôi ngồi bên một chiếc bàn gỗ ọp ẹp trong phòng khách. Anh kể mình có “mamá” ở khắp thung lũng, đó là các bà già sẵn lòng cho anh ăn đậu và bánh ngô với giá chỉ vài xu giữa các cuộc chạy lang thang.

Mặc dù *Mamá* có vẻ bình thản, nhưng tôi có thể hiểu tại sao người Tarahumara lại kinh hãi khi Caballo xuất hiện lần đầu và phóng qua các cánh rừng của họ. Kỳ tích chạy bền không tưởng dưới ánh mặt trời không khoan nhượng đã biến Caballo thành một kẻ hoang dã. Anh cao trên một mét tám, nước da vốn sáng màu nhưng đã bị nắng gió tô vẽ loang lổ thành các sắc khác nhau, từ màu hồng trên mũi cho đến màu hạt dẻ dưới cổ. Với chân tay dài và cơ bắp săn gọn, anh trông như một bộ xương quái thú; quảng Kẻ hủy diệt vào vạc axit, thì ta sẽ có Caballo bò ra.

Ánh nắng chói chang trên sa mạc làm mắt anh thường xuyên nheo lại, khiến gương mặt anh chỉ có hai trạng thái biểu cảm: hoài nghi hoặc thích thú. Dù nói bất kỳ điều gì trong phần còn lại của buổi tối hôm đó, thì tôi cũng không thể biết anh nghĩ tôi hài hước hay toàn nói nhăng nói cuội. Một khi

Caballo chú ý đến bạn, anh thực sự rất chú tâm; anh chăm chú nghe như người thợ săn đang theo dấu con mồi, như thể cố gắng đọc ra điều gì từ chính giọng bạn chứ không phải chỉ từ lời lẽ bạn đang nói. Mặc dầu vậy, kỳ lạ là khả năng nghe giọng địa phương của anh vẫn dở tệ hại – sau hơn một thập kỷ ở Mexico, tiếng Tây Ban Nha của anh vẫn bập bẹ như đang phát âm từ thẻ tập đọc.

“Tôi bực anh vì...” Caballo bắt đầu nói, nhưng đột nhiên dừng lại, mắt lồi lên vẻ đói khát, khi thấy Mamá đặt mấy cái bát lớn trước mặt chúng tôi và loay hoay thêm vào đó rau mùi, ớt xanh jalapeños và vài vắt chanh. Cái nhìn hằm hè mà anh tặng tôi lúc ở khách sạn không phải vì tôi đang đứng chắn giữa anh và tự do; mà là vì tôi đang chắn giữa anh và đồ ăn. Sáng hôm đó, Caballo định thực hiện một chuyến leo núi ngắn tới hồ nước nóng tự nhiên trong rừng, nhưng ngay khi nhìn thấy một vết đường mòn xuyên qua rặng cây mà trước đây anh chưa từng thấy, thì vụ leo núi và hồ nước nóng lập tức bị lãng quên. Anh bắt đầu chạy, và chạy mãi nhiều giờ sau đó. Anh đung một quả núi, nhưng thay vì quay lại, anh lại gò lưng leo lên độ cao gần một cây số, tương đương với việc leo lên đỉnh tòa nhà Empire State hai lần liền. Cuối cùng, anh cũng tới được lối quay về Creel, và buổi ngâm mình thư giãn trong nước nóng đã biến thành một cuộc chạy marathon đường mòn gian khổ. Lúc bị tôi tóm trong khách sạn, anh chưa ăn chút gì từ lúc Mặt trời mọc và sắp lả đi vì đói.

“Tôi luôn bị lạc và phải trèo dốc dựng đứng, với chai nước cắn giữa hai hàm răng, và lũ chim ó lượn vòng trên đầu.” Anh nói. “Thật tuyệt.” Một trong những điều đầu tiên và quan trọng nhất mà anh học được từ người Tarahumara là khả năng vọt chạy đi bất kỳ lúc nào, giống như việc con sói sẽ làm khi đánh hơi được một con thỏ. Đối với Caballo, chạy bộ đã trở thành cách di chuyển ưu tiên số một, như dân ngoại thành lái ô tô; đến bất kỳ nơi nào, anh cũng bước đi với tâm trạng phấn chấn, lên đường và mang theo rất ít đồ đạc, như những thợ săn thời Đá mới và chẳng quan tâm đến chuyện sẽ đi tới điểm nào hoặc xa tới tận đâu.

“Nhìn này!” Anh nói, chỉ tay vào cái quần leo núi cũ mềm và đôi xăng đan Teva đáng vứt vào thùng rác từ lâu. “Tôi chỉ ăn mặc như vậy thôi, và tôi luôn luôn mặc như vậy đó.”

Anh ngừng lại, xúc món đậu cay đổ vào miệng, và nhồi đám thức ăn đó xuống bằng cách tu một hơi dài từ chai Tecate. Caballo đánh sạch một bát và được Mamá tiếp thêm nhanh tới mức anh chẳng chậm lại một nhịp, đưa tay từ bát, lên miệng, tới chai bia với hiệu suất tối ưu, như thể bữa tối này không phải là điểm kết thúc của một buổi tập dài, mà là phần tập luyện tiếp theo vậy. Âm thanh mà anh phát ra từ phía bên kia bàn nghe như tiếng bom xăng vào bình xăng xe: *xúc, nhồm nhoàm, nhồm nhoàm, ừng ực, xúc, nhồm nhoàm, nhồm nhoàm, ừng ực...*

Thình thoảng, anh lại ngẩng đầu lên và kể tiếp một đoạn ngắn theo mạch câu chuyện, sau đó lại cắm đầu vào bát. “Đúng rồi, anh bạn, tôi từng là võ sĩ, hạng năm trên thế giới.” Rồi lại quay lại với cái thìa. “Anh làm tôi nổi cáu vì thỉnh linh từ đâu chui ra. Ở đây có đủ các vụ bắt cóc và giết người. Toàn những vụ bản thiêu dính đến ma túy. Một người quen của tôi bị bắt cóc, vợ anh ta trả một khoản tiền chuộc lớn, song anh ta vẫn bị giết. Tóm tắt. May là tôi chẳng có gì hết. Tôi chỉ là gã lạ mặt lang thang, chạy bộ cùng người Rarámuri khiêm nhường.”

“Xin lỗi!” Tôi định mở lời, nhưng thấy anh đã cắm mặt vào món đậu.

Tôi chưa muốn làm Caballo khó chịu với những câu hỏi, dù nghe anh kể chuyện chẳng khác nào đi xem một bộ phim nghệ thuật tua nhanh; những tổn thương, những chuyện đùa, ảo tưởng, những hồi tưởng, hận thù, tội lỗi từ những hận thù đó, những mảnh tri thức cổ xưa luôn ám ảnh – tất cả đều tuôn ra vừa mờ ảo vừa chóng vánh khó mà nắm bắt hết được. Anh kể một câu chuyện, rồi lại nhảy sang câu chuyện khác, rồi bỏ qua và chuyển sang câu chuyện thứ ba, quay trở lại để sửa một chi tiết trong câu chuyện thứ nhất, phàn nàn về một gã trong câu chuyện thứ hai, rồi lại xin lỗi vì đã phàn nàn về gã kia bởi vì, gã đã dành cả cuộc đời mình để kiểm soát con giận dữ, và đó lại là cả một câu chuyện khác...

Tên anh là Micah True, theo lời anh kể, đến từ bang Colorado. À, mà thực ra là California. Và nếu như tôi thực sự muốn hiểu được người Rarámuri, tôi đáng nhẽ phải có mặt ở đây khi một ông già 95

tuổi leo 25 dặm qua một ngọn núi. Biết tại sao ông ấy có thể làm được điều đó không? Vì chẳng ai từng nói là ông không thể làm được. Chưa từng ai nói với ông rằng ông nên chờ chết trong một trại dưỡng lão. Anh bạn ạ, hãy sống như chính mình mong đợi. Giống như lúc anh tự đặt tên mình theo con chó cưng. Cái tên “True” thực ra bắt nguồn từ đó, tên con chó già của anh. Anh chẳng bao giờ xứng với con chó già ngoan ngoãn tên True, nhưng đó cũng lại là một câu chuyện khác...

Tôi chờ đợi, cào cào móng tay lên nhãn chai bia, và bắn khoản liệu anh có lúc nào dịu bớt xuống để tôi kịp hiểu anh đang nói gì. Dần dần, tay thìa của Caballo cũng chậm lại và dừng hẳn. Anh tu hết chai bia Tecate thứ hai và ngời ngả ra, thỏa mãn.

“Guadajuko!” Anh cười nhe răng và nói. “Từ đó đáng để học đấy. Theo tiếng Rarámuri, nó nghĩa là ‘ngầu’.”

Tôi đẩy tiếp chai Tecate thứ ba sang phía bên kia bàn. Anh nheo mắt nhìn về nghi ngại, như dưới ánh mặt trời chói chang vậy. “Tôi không chắc đâu!” Anh đáp. “Cả ngày đã chẳng ăn gì rồi. Tôi không bền sức được như người Rarámuri đâu.”

Nhưng anh cầm chai bia lên rồi nhấp một ngụm. Leo trèo khát khô cả ngày lên đỉnh núi cao vút. Anh tu ừng ực một hơi dài, rồi ngả người thư giãn trên ghế, gác chân lên và đan tay trước cái bụng phẳng lì của mình. Có điều gì đó vừa lóe lên trong đầu anh; tôi có thể cảm nhận được trước khi anh tiếp tục nói. Có vẻ như anh cần nốt chỗ bia cuối cùng để thả lỏng, hoặc cần phải xả nốt chút căng giác cuối cùng trước khi đi vào câu chuyện chính.

Vì khi Caballo mở miệng lần này, tôi như bị mê hoặc. Anh nói chuyện đến tận khuya, kể một câu chuyện kinh ngạc trải suốt 10 năm từ khi anh biến mất khỏi thế giới bên ngoài, trong đó có bao nhiêu nhân vật kỳ dị, những chuyến phiêu lưu sừng sốt, và những trận so găng quyết liệt. Và, ở cuối câu chuyện đó, là một kế hoạch. Một kế hoạch táo bạo.

Một kế hoạch, mà tôi dần dần nhận ra, là có cả tôi trong đó.

Để thấu hiểu tầm nhìn của Caballo, bạn phải quay lại đầu thập niên 90, khi một nhiếp ảnh gia chuyên chụp cảnh hoang dã đến từ bang Arizona tên là Rick Fisher tự hỏi mình một câu hỏi hiển nhiên: nếu như người Tarahumara là những người chạy bộ bền bỉ nhất, thì tại sao họ không tung hoành khắp các giải đấu khó nhằn nhất trên thế giới? Có lẽ, đã đến lúc họ cần gặp Fisherman – Ngư Ông.

Ai cũng sẽ có lợi, Fisher nhìn ra điều đó. Mấy thị trấn lười biếng hay được lên sóng truyền hình vì có các cuộc đua kỳ quặc, Ngư Ông sẽ biến thành Thọ Săn Cá Sấu đi tìm các Bộ lạc Mất tích, còn người Tarahumara được lăng xê tột đỉnh và trở thành mật ngọt của giới truyền thông. Tất nhiên, người Tarahumara là đám người rụt rè trước công chúng nhất hành tinh, và suốt nhiều thế kỷ qua đã trốn tránh khỏi các mối dây dưa với thế giới bên ngoài, nhưng...

Thực ra, Fisher sẽ phải lo đối phó với vương mắc đó sau; còn hiện giờ, anh có vài rắc rối rất khó nhằn. Chẳng hạn, anh chẳng biết chút gì về chạy bộ, và hầu như không nói được tí tiếng Tây Ban Nha nào, chứ đừng nói đến tiếng của người Rarámuri. Anh không biết phải tìm người chạy bộ Tarahumara ở đâu, và cũng chẳng biết phải thuyết phục họ thế nào để họ đi theo, rời bỏ chỗ trú ẩn an toàn trong các hang động và đi thẳng vào hang ổ của Quỷ Râu Rậm. Và, đó mới chỉ là các tiểu tiết: giả sử như anh ta tập hợp được một đội điền kinh gồm toàn người Tarahumara, thì làm cách nào anh có thể đưa họ ra khỏi vùng thung lũng mà không có xe cộ, và vào được nước Mỹ mà không có hộ chiếu?

May thay, Fisher có một số biệt tài hữu dụng. Đứng đầu bảng là khả năng dò đường như gắn sẵn GPS trong đầu. Fisher giống như chú mèo nhà bất thành linh xuất hiện tại nhà ở Wichita sau khi bị lạc trong chuyến đi nghỉ tận Alaska. Khả năng đánh hơi tìm đường xuyên qua vùng thung lũng rối rắm của anh có thể nói là không có đối thủ trên cả hành tinh này, và gần như là bản năng thuần túy. Fisher chưa từng nhìn thấy thứ gì sâu hơn một cái rãnh trước khi rời vùng trung tây đến Đại học Arizona, nhưng khi tới nơi, anh ngay lập tức lao mình vào những nơi không ai dám đến. Khi còn là sinh viên, anh đã bắt đầu khám phá dải thung lũng Mogollon rắc rối như mê cung của bang Arizona, cả gan đi vào đây ngay sau khi trường nhóm thám hiểm Phoenix's Sierra Club vừa mất mạng trong đó vì một con lũ quét chẳng hiếm gặp. Fisher, hoàn toàn không có kinh nghiệm và đồ nghề của Hướng đạo sinh, chẳng những đã sống sót, mà còn quay trở lại với những bức ảnh đẹp mê hồn của một vùng kỳ ảo dưới lòng đất.

Ngay cả Jon Krakauer, nhà thám hiểm tài ba và là tác giả của cuốn *Into Thin Air* (Tan biển), cũng phải thán phục. "Rick Fisher hoàn toàn có thể tuyên bố chủ quyền cao nhất đối với dải thung lũng Mogollon và vô số những bí ẩn trong đó." Krakauer đã kết luận như vậy từ đầu sự nghiệp của Fisher, sau khi Fisher dẫn ông tới "một lát cắt mê hoặc của Trái đất, không như bất kỳ nơi nào mà người ta từng thấy" – một thế giới kiểu Willy Wonka¹ với các hồ nước xanh như ngọc, các tòa tháp pha lê màu hồng, và những thác nước ngầm dưới đất.

1 Nhân vật ông chủ nhà máy sôcôla kỳ dị trong cuốn sách thiếu nhi kinh điển *Charlie và nhà máy sôcôla* của Roald Dahl. (BTV)

Điều này lại gợi nhắc tới một số kỹ năng khác của Rick Fisher: khi nói tới việc lôi kéo công chúng và thuyết phục người ta làm những điều đáng ra không nên làm, Fisher có thể khiến các mục sư giảng đạo trên ti vi phải hổ thẹn (và nếu quả thực họ biết hổ thẹn). Hãy nghe Krakauer kể lại câu chuyện kinh điển của Ngư Ông, chuyện Fisher thực hiện một chuyến đi bằng bè ở Copper Canyon khoảng giữa những năm 1980. Fisher thực sự không rõ mình sẽ đi tới đâu, nhưng anh bị cảm dỗ bởi so sánh của Krakauer, "chuyến thám hiểm vào vùng thung lũng đó cũng tương tự như khám phá

Himalaya.” Vậy mà anh ta vẫn xoay xở để thuyết phục được hai người bạn – một chàng trai và cô bạn gái của anh này – đi cùng. Mọi chuyện đều diễn ra suôn sẻ... cho tới khi Fisher chẳng may dừng chiếc bè lại ngay cạnh một cánh đồng bồ đề. Bất thành linh, một tên lính gác của băng ma túy xuất hiện với khẩu súng trường đạn đã lên nòng.

Không hề gì. Fisher chỉ việc rút ra một mớ bài báo về mình mà anh mang đi khắp nơi (đúng vậy, ngay cả trên bè mảng ước nhẹp xuyên qua vùng đất nguy hiểm không nói tiếng Anh ở Mexico). Thấy chưa! Các anh không muốn gây rắc rối cho tôi đâu. Tôi, ờ, nói thế nào nhỉ – importante! ¡Muy importante! – Tôi quan trọng lắm đấy!

Tên lính gác lúng túng, đành phải để họ chèo bè qua, để rồi sau đó, Fisher lại cập bến vào một nơi cắm trại khác của dân buôn ma túy. Sự việc lần này nghiêm trọng hơn. Nhóm của Fisher bị bao vây bởi một đám côn đồ – thiếu đàn bà giữa chốn hoang vu – đang say xỉn và cực kỳ thèm khát. Một trong bọn chúng tóm lấy cô gái người Mỹ. Khi bạn trai cô cố kéo cô lại, anh ta bị động một nòng súng vào ngực.

Và Fisher nổi đóa. Lần này, thay vì khoe đám tranh ảnh, bài báo; anh nổi điên lên. “Chúng mày là muy malos hombres!” Anh hét lên trong cơn giận dữ tột đỉnh, gọi đám côn đồ là “quân mất dạy” với vốn tiếng Tây Ban Nha của trẻ con cấp hai. “¡Muy muy malos!” Anh tiếp tục gào thét lên cho tới khi, theo lời kể của Krakauer, đám buôn ma túy cuối cùng phải ngăn gã điên gào thét bằng cách xô anh sang một bên và bỏ đi. Fisher vừa thoát án tử bằng cách cào mặt ăn vạ – và tất nhiên, anh phải đảm bảo rằng nhà báo Krakauer biết việc này.

Fisher thích tự lăng xê mình, điều này không có gì phải nghi ngờ, và vì vậy, anh tìm đủ có để khuếch trương danh tiếng. Trong khi hầu hết những nhà thám hiểm miền hoang dã trong những năm 80 đang hướng lên trên, đua với Reinhold Messner để leo lên 14 đỉnh cao nhất trên dãy Himalaya, thì Rick Fisher lại rúc sâu xuống các vương quốc lạ kỳ dưới nền đất. Dựa trên các ghi chép của Đại úy Frederick Bailey, điệp viên người Anh tình cờ phát hiện ra một thung lũng ẩn mình ở Tây Tạng vào những năm 1930 khi đang do thám các nhóm phiến loạn ở châu Á, Fisher đã giúp tìm ra Kintup trong truyền thuyết, một thác nước gầm gào che giấu lối vào hang động sâu nhất hành tinh. Từ đó trở đi, Fisher mò vào được tới những thế giới đã mất trên năm lục địa, lướt qua các vùng chiến sự và những đám phiến quân sát nhân để đi tiên phong trong việc leo sâu xuống lòng đất ở Bosnia, Ethiopia, Trung Quốc, Namibia, Bolivia và lại Trung Quốc nữa.

Các điệp viên, những viên đạn rėjo, những vương quốc từ thời tiền sử... ngay cả Ernest Hemingway cũng sẽ phải nín lặng và nhường bước khi Fisher bước vào trong quán bar. Nhưng dù đã đi được tới những đâu, Fisher vẫn luôn quay lại quê hương để theo đuổi mối tình sâu đậm nhất của mình: cô hàng xóm quyến rũ, Copper Canyon.

Trong một chuyến thám hiểm vào Barrancas, Fisher và vị hôn thê, Kitty Williams, đã làm bạn với Patrocinio López, một chàng trai Tarahumara trẻ tuổi lang thang vào thế giới hiện đại khi một con đường lấy gỗ lấn vào mảnh đất quê hương anh. Patrocinio đẹp trai như tài tử Hollywood và chơi loại đàn hai dây chabareke của người Tarahumara rất giỏi, sẵn lòng làm việc với Quý Râu Rậm tới mức Văn phòng Du lịch của Chihuahua lấy anh làm gương mặt cho Copper Canyon Express, chuyến tàu cổ điển hạng sang thường nổi còi dừng lại dọc vùng Barrancas, du khách ngồi trong các toa tàu có điều hòa, được chăm sóc bởi các nhân viên phục vụ đeo nơ, trong khi nhìn ngắm thiên nhiên hoang dã phía dưới. Công việc của Patrocinio là tạo dáng trên các bức áp phích với một cây vĩ cầm tự chế bằng tay (một di sản thủ công từ thời thổ dân còn làm nô lệ cho người Tây Ban Nha), ngụ ý rằng người Tarahumara dưới thung lũng chỉ là một đám người hiền hậu suốt ngày chơi vĩ cầm.

Rick và Kitty ngờ ý nhờ Patrocinio dẫn họ tới xem một trận raráji pari, môn chạy đua dẫn bóng cổ đại của người Tarahumara. Có thể. Patrocinio trả lời, trước khi thể hiện rằng anh đã hòa nhập với thế giới hiện đại đến mức nào. Nếu ông bà sẵn sàng trả tiền. Anh đề nghị với Rick và Kitty rằng sẽ kêu gọi một số người chạy bộ, nếu họ cho ngựa chở thực phẩm vào cho cả làng anh.

Được chứ?

Đồng ý.

Rick và Kitty cung cấp thực phẩm, và Patrocinio tổ chức một cuộc đua nảy lửa. Khi Rick và Kitty vào làng, họ không phải chỉ được thấy một trận đấu hữu nghị quy mô nhỏ. Thay vào đó, là 34 người đàn ông Tarahumara không mặc gì ngoài mớ khố vải và dép xăng đan, đang được các thầy lang xoa bóp trước cuộc đua và ăn nốt cốc iskiate cuối cùng. Sau tiếng hô của già làng, họ lao đi, chạy dọc xuống đường mòn nền đất dài 60 dặm, cả đám người cuồng nhiệt gần như mất kiểm soát, không khoan nhượng, chạy từ sáng sớm tới đêm khuya, ào qua Rick và Kitty với tốc độ và đội hình chặt chẽ như có thần giao cách cảm với nhau, chẳng khác nào đàn chim sẻ di cư.

Ôi! ĐÂY mới thực sự là chạy bộ! Kitty, một người chạy bộ đường dài dày dặn kinh nghiệm, cũng bị mê hoặc. Cô lớn lên được ngắm nhìn cha mình, Ed Williams, dù cho ông sống ở vùng hạ lưu sông Mississippi, vẫn trở thành một tay đua chạy bộ đường núi không ai ngăn cản nổi. Bằng chứng về sự đáng gờm của Ed là trong tất cả các giải đua chạy bộ trên thế giới, ông thích nhất là giải Leadville Trail 100 khét tiếng, cuộc đua cự ly siêu marathon 100 dặm được tổ chức ở bang Colorado mà ông ta đã hoàn thành 12 lần. Và đến nay, ở tuổi 70, ông vẫn tiếp tục chạy bộ.

Một cuộc hôn phối đẹp đẽ đang hình thành trong đầu Rick: Patrocinio có thể kiếm người chạy bộ và cha vợ tương lai của anh, Ed, có thể giúp anh móc nối với nội bộ giải đua danh tiếng này. Tất cả những gì còn lại mà anh phải làm là kêu gọi tài trợ ngô để dụ dỗ người Tarahumara, và tìm một công ty sản xuất giày để cung cấp cho họ thứ gì đó bền chắc hơn mấy đôi xăng đan kia, và rồi...

Fisher tiếp tục vạch kế hoạch, mà hoàn toàn không hay mình đang chuẩn bị kỹ lưỡng cho một thất bại.

Làm bạn với cơn đau, bạn sẽ không bao giờ đơn độc.

- **Ken Chlouber**, *Người khai mỏ ở Colorado và là người kiến tạo giải đua Leadville Trail 100*

Sơ hở lớn trong kế hoạch của Rick Fisher chính là việc giải đua Leadville được tổ chức ở Leadville.

Nằm trong một thung lũng khoảng hai dặm đi ngược lên rặng núi Colorado Rockies, Leadville là thành phố cao nhất Bắc Mỹ và trong nhiều ngày, đó còn là thành phố lạnh nhất (đến mức sờ cứu hỏa không thể rung chuông vào mùa đông, sợ rằng nó sẽ vỡ vụn). Ngay từ lần đầu nhìn thấy những đỉnh núi đó, những người đầu tiên đến định cư đã thấy lạnh run. “Vi ở đó, trước những cặp mắt ngơ ngàng, mờ mờ đằng xa là hiện tượng địa chất kỳ vĩ và bí hiểm nhất hành tinh.” Christian Buys, sử gia Leadville, kể lại. “Họ như đến một hành tinh khác. Nơi này xa xôi và đáng sợ đối với bất kỳ ai, nhưng cũng khơi gợi nguồn đam mê thám hiểm bậc nhất.”

Tất nhiên, từ đó tới nay mọi việc đã được cải thiện: đội cứu hỏa bây giờ dùng còi hiệu. Còn những chuyện khác thì... “Leadville trở thành quê hương của thợ mỏ, con nợ, và những kẻ đếu cáng.” Theo lời của Ken Chlouber, một gã bá vợ, chuyên đi thuần dưỡng ngựa hoang, cưỡi xe Harley, từng là thợ mỏ cứng cựa, khi anh ta tạo nên giải đua Leadville Trail 100, vào năm 1982. “Những người sống ở độ cao hơn 3.000 m có khí chất khác biệt.”

Dù biết họ bền bỉ đến mấy đi nữa nhưng khi nghe đến ý tưởng của Ken, bác sĩ hàng đầu ở Leadville cũng phải nổi đóa. “Anh không thể để người ta chạy 100 dặm trên độ cao này được.” Bác sĩ Robert Woodward phản đối. Ông tức giận tới mức đã chĩa ngón tay vào mặt Ken, tất nhiên là số phận ngón tay đó chẳng thể tốt đẹp gì. Nếu bạn đã từng nhìn thấy Ken, với đôi ủng mũi thép chứa đôi bàn chân cỡ 13 và cái nhãn mặt rúm rỏ như tảng đá mà anh ta thường xuyên trưng ra để kiếm sống, bạn sẽ hiểu ngay rằng đừng có dại mà đưa tay lại gần mặt anh ta, trừ khi đang say be bét hoặc cực kỳ nghiêm túc.

Bác sĩ Woodward lúc đó không say. “Anh sẽ giết chết bất cứ kẻ nào ngu ngốc đi theo anh!”

“Đếch sao!” Ken đáp trả. “Giết bớt vài người sẽ làm chúng ta nổi tiếng trở lại trên mặt bản đồ.”

Không lâu trước cuộc tranh cãi nảy lửa của Ken và bác sĩ Woodward vào ngày mùa thu năm 1982 lạnh lẽo đó, mỏ Climax Molybdenum đã bị đóng cửa, và hầu hết mọi người ở Leadville mất việc. “Moly” là chất khoáng làm gia tăng độ bền chắc cho thép, dùng trong sản xuất tàu chiến và xe tăng, vì vậy, khi Chiến tranh Lạnh dịu xuống, thì thị trường chất moly cũng hạ nhiệt. Gần như chỉ sau một đêm, Leadville không còn là thị trấn náo nhiệt với cửa hiệu kem lâu đời trên con phố chính cổ kính, mà biến thành thành phố tuyệt vọng, đói việc nhất Bắc Mỹ. Cứ mười người lao động ở Leadville thì có tám người làm việc ở mỏ Climax, và hai người còn lại thì phụ thuộc vào tám người này. Từng tụ hào là nơi có thu nhập trên đầu người cao nhất bang Colorado, nơi này bỗng chốc trở thành vùng nghèo nhất bang.

Thành phố đã ở tình trạng không thể tồi tệ hơn. Và rồi nó đã trở nên tệ hại hơn nữa.

Những người hàng xóm của Ken suốt ngày say xỉn, đánh đập vợ mình, rồi rơi vào trầm cảm, hoặc phải bỏ xứ mà đi. Một dạng rối loạn tâm thần quy mô lớn xảy ra trên khắp thành phố, màn đầu của một xã hội văn minh tàn lụi: người ta mất công việc vốn mang lại miếng cơm manh áo; để rồi, sau các vụ đâm chém, bắt bớ, những lời cảnh báo tịch biên tài sản, họ mất luôn cả khát vọng cuộc đời.

“Số người thu dọn đồ đạc và bỏ đi lên đến con số hàng trăm.” Bác sĩ John Perna, người phụ trách phòng cấp cứu Leadville, nhớ lại. Phòng cấp cứu của ông bận rộn như trạm quân y dã chiến và phải

đối mặt với đủ chấn thương mới. Thay vì các chấn thương kiểu sái chân, kẹp nát ngón tay do tai nạn lao động, bác sĩ Perna phải cắt bỏ ngón chân của thợ mỏ say ngất ngoài trời tuyết, và gọi cảnh sát cho các bà vợ đi cấp cứu giữa đêm với xương gò má bị vỡ, mang theo lũ trẻ con sợ hãi.

“Chúng tôi đang trượt dần vào tình trạng chán nản chết người.” Bác sĩ Perna kể. “Và cuối cùng, chúng tôi phải đối mặt với sự biến mất của cả thành phố.” Quá nhiều thợ mỏ đã bỏ đi, và số công dân cuối cùng của Leadville còn chẳng ngời kín mắng khán đài lộ thiên ở sân bóng trong một giải đấu cỡ nhỏ.

Niềm hy vọng duy nhất của Leaville là du lịch, và nó cũng vô vọng nốt. Kẻ ngu ngốc nào lại đi nghỉ ở một nơi có đến chín tháng lạnh giá, chẳng có sườn núi nào đáng để trượt tuyết, và không khí thì loãng đến mức ngay cả hít thở thôi cũng đã là bài tập cardio. Vùng nông thôn của Leadville thì khắc nghiệt tới mức, Sư đoàn Sơn cước số 10 tinh nhuệ của lục quân thường lấy làm nơi luyện tập tác chiến Alpine (chiến đấu trên núi tuyết khắc nghiệt).

Tồi tệ hơn nữa, tai tiếng của Leadville cũng đáng sợ như địa lý của nó. Trong nhiều thập kỷ, nơi đây là thành phố man dại nhất tại Miền Tây hoang dã, “một cái bẫy chết người,” như một sử gia từng ghi lại, “mà còn vỗ ngực huênh hoang về sự suy đồi của bản thân.” Holliday, một nha sĩ biến chất thành con bạc tay lăm lăm súng, thường hay giao du tại quán rượu với gã bạn Wyatt Earp, nổi danh với tài bắn nhanh và cuộc đọ súng ở O.K Corral. Jesse James cũng thường lén đến nơi này, bị cuốn hút bởi các toa tàu chở vàng và những nơi ẩn trốn tuyệt hảo trong các ngọn núi gần đó. Đến tận cuối những năm 1940, lính đặc nhiệm của Sư đoàn Sơn cước số 10 vẫn bị cấm đi vào trung tâm Leadville; họ có thể đáng sợ đối với quân phát xít Đức, nhưng chẳng là gì với đám bộm bạc cũng như gái điếm sát nhân, những tay trùm kiểm soát State Street.

Leadville quả thực là một nơi khắc nghiệt, Ken biết rõ điều này. Ở đây, đàn ông rất khó nhằn, và phụ nữ còn ghê gớm hơn nữa, và...

Khốn thật! Tất cả chỉ có vậy.

Nếu điều đáng giá duy nhất còn lại của Leadville là sự gan góc, thì phải lấy chính nó làm thế mạnh. Ken đã nghe nói về một gã ở California, một thổ dân tóc dài miền sơn cước tên là Gordy Ainsleigh, con ngựa của gã bị què ngay trước khi diễn ra sự kiện thi đấu sức bền ngựa đua lần đầu trên thế giới, giải đua ngựa đường mòn Western States Trail Ride. Gordy vẫn quyết định thi đấu. Gã xuất hiện tại vạch xuất phát với đôi giày thể thao và chạy bộ hết 100 dặm xuyên qua Sierra Nevada. Gã uống nước từ các con suối, được bác sĩ thú y kiểm tra sức khỏe tại các trạm y tế, và hoàn thành trước thời gian giới hạn 24 giờ cho đám ngựa, mà vẫn còn thừa 17 phút. Hẳn nhiên, Gordy không phải kẻ điên khùng nhất California, năm sau, một người chạy bộ khác xuất hiện trong cuộc đua ngựa... và năm tiếp sau đó nữa... cho tới năm 1977, người đua đã đông hơn cả ngựa, và giải Western States đã trở thành giải chạy bộ 100 dặm đầu tiên trên thế giới.

Ken chưa từng chạy marathon, nhưng nếu một gã lập dị nào đó ở California có thể chạy hết 100 dặm, thì nó có khó lắm không? Thêm nữa, một cuộc đua bình thường sẽ chẳng mấy ý nghĩa; nếu muốn trụ được, Leadville cần một sự kiện với sức mạnh khiếp hãi, để bật lên giữa các cuộc đua 26,2 dặm nhàn nhàn như nhau.

Vì vậy, thay vì một giải marathon, Ken đã tạo ra một con quái vật.

Để hình dung thứ mà Ken nghĩ ra, bạn hãy thử chạy giải Boston Marathon hai lần liền với một chiếc tất nhét trong miệng và sau đó leo lên đỉnh Pikes Peak.

Xong chưa nào?

Tuyệt! Bây giờ, làm lại tất cả các việc đó một lần nữa, lần này, nhắm mắt. Về cơ bản thì giải Leadville Trail 100 là như vậy: gần bốn cuộc marathon, một nửa trong số đó là trong bóng đêm, cộng thêm việc phải leo gần 800 m ở quãng giữa. Điểm xuất phát giải Leadville cao gấp đôi độ cao mà các máy bay bắt đầu phải điều chỉnh áp suất trong khoang, và từ điểm đó, bạn chỉ có đi lên cao hơn.

“Bệnh viện kiểm bọn tiền từ chúng tôi.” Ken Chlouber vui vẻ xác nhận, sau 25 năm kể từ cuộc đua đầu tiên và cuộc tranh cãi nảy lửa giữa anh ta với bác sĩ Woodward. “Đó là dịp cuối tuần duy nhất mà tất cả giường trong khách sạn và phòng cấp cứu đồng thời kín chỗ.”

Ken biết rõ điều này. Anh đã chạy tất cả các giải Leadville, dù đã phải nhập viện do mất nhiệt trong lần chạy thử đầu tiên. Các tay đua giải Leadville thường xuyên ngã khỏi bờ dốc, vỡ mắt cá, bị phơi quá lâu ngoài trời, gặp các chứng loạn nhịp tim kỳ lạ và say độ cao.

May thay, giải Leadville chưa từng lấy mạng ai, có thể là bởi nó thường ép người ta đến nước đầu hàng, trước khi họ kịp gục ngã. Dean Karnazes, tự xưng là “Người chạy siêu marathon”, đã không thể hoàn thành giải đua trong hai lần đầu tiên; sau khi chứng kiến anh ta bỏ cuộc hai lần, người Leadville tặng cho anh ta biệt danh: “Ofer” (“O fer one, O fer two... “ – “Trắng tay lần một, trắng tay lần hai...”). Hằng năm, chưa đến một nửa số người tham dự hoàn thành được giải này.

Không có gì ngạc nhiên, một giải đua với số người thất bại nhiều hơn số người hoàn thành sẽ thu hút đám vận động viên rất khác thường. Trong năm năm liền, nhà vô địch giải Leadville là Steve Peterson, thành viên của một giáo phái tâm thức bậc cao tên là Divine Madness (Con điên loạn thần thánh), giáo phái tìm kiếm niết bàn thông qua các bữa tiệc tình dục, chạy bộ đường mòn cực hạn, và cung cấp dịch vụ lau dọn nhà cửa giá rẻ. Một huyền thoại của giải Leadville là Marshall Ulrich, một ông trùm ngành thức ăn cho chó, một người nhả nhện, và đã gọt giữa bản thân bằng cách phẫu thuật gỡ bỏ móng chân. “Đằng nào thì nó cũng rụng suốt.” Marshall nói.

Khi Ken gặp Aron Ralston, người leo núi đã tự cắt bỏ bàn tay bằng một lưỡi dao cùn trong bộ dụng cụ đa năng vì kẹp tay vào một tảng đá lăn, Ken đã đưa ra một lời đề nghị kinh ngạc: nếu Aron muốn chạy giải Leadville, anh sẽ không phải đóng phí. Hết thầy đều sừng sốt. Nhà đương kim vô địch muốn trở lại thi đấu trong giải cũng phải đóng tiền. Đại tông sư anh hùng Ed Williams vẫn phải trả tiền. Ken cũng phải trả tiền. Nhưng Aron lại được chạy miễn phí – Tại sao?

“Anh ta chính là tinh hoa của Leadville.” Ken nói. “Chúng ta có một khẩu hiệu: bạn mạnh mẽ hơn bạn nghĩ, và bạn có thể làm được nhiều hơn bạn tưởng. Người như Aron, anh ta cho đám còn lại chúng ta thấy mình có thể làm được gì nếu quyết tâm nỗ lực hơn nữa.”

Bạn có thể nghĩ rằng Aron tội nghiệp đã phải chịu đựng đủ rồi, nhưng chỉ hơn một năm sau tai nạn, anh đã nhận lời đề nghị của Ken. Với cánh tay giả vung vẩy bên mình, Aron đến vạch đích sớm hơn thời gian 34 tiếng giới hạn của giải và về nhà với một mặt thất lưng bạc, và là minh chứng rõ hơn cho lời Ken về chuyện làm thế nào hoàn thành được giải Leadville này:

Bạn không cần phải nhanh. Bạn chỉ cần không biết sợ hãi.

Thật hoàn hảo! Leadville chính là buổi trình diễn hoang dại, dữ dằn đến nghẹt thở mà Rick Fisher đang tìm kiếm. Như thường lệ, anh muốn phải thật nổi đình nổi đám, và một ngày hội như giải Leadville chính là cơ hội. Có lẽ nào ESPN lại không nhảy cẫng lên khi quay được cảnh những anh chàng đẹp trai mặc váy, phá tan kỷ lục của một cuộc đua huyền thoại nổi danh là giải chạy ăn thịt người? Tất nhiên là phải cắn câu rồi!

Vì vậy, tháng 8 năm 1992, Fisher lại rò máy, quay trở lại làng của Patrocinio trên chiếc Chevy Suburban cũ kỹ. Anh lấy được giấy thông hành từ Bộ du lịch Mexico, và có một khoản trả công bằng ngô cho các tay đua. Trong khi đó, Patrocinio dụ dỗ được năm người cùng làng tin tưởng vào gã *chabochikỳ* lạ và sốt sắng với cái tên chẳng thoát nổi khỏi miệng họ. Tiếng Tây Ban Nha không có âm “sh”, vì vậy Fisher nhanh chóng được thưởng thức óc hài hước tinh ranh của người Tarahumara khi được đội hình mới thành lập gọi bằng cái tên Pescador – Ngư Ông (the Fisherman). Dĩ nhiên, như vậy dễ phát âm hơn; nhưng nó cũng đồng thời mô tả chính xác tính cách tham lam của anh này, với con thèm khát câu được con cá lớn luôn tỏa ra như từng đợt hơi nóng phả ra từ mui xe ô tô đang nổ máy.

Thầy kệ. Fisher chẳng quan tâm. Họ cứ việc gọi anh là Tiến sĩ Ốc Ngán cũng được, miễn là họ nghiêm túc khi cuộc đua bắt đầu. Ngư Ông tổng đội chạy của mình lên chiếc Chevy và giảm ga tiến đến Colorado.

Vào ngày diễn ra giải đua, ngay trước bốn giờ sáng, đám đông ở vạch xuất phát tại Leadville đã phải cố kiềm chế để không nhìn chòng chọc vào năm người đàn ông mặc váy, đang loay hoay với đám dây buộc xa lạ của đôi giày bóng rổ bằng vải đen mà Ngư Ông đã kiếm cho họ. Những người Tarahumara thay nhau rít vài hơi cuối từ điều thuốc lá màu đen, rồi rụt rè di chuyển về cuối đoàn đua trong khi 290 người còn lại đồng thanh hô *Ba... hai...*

Bùùùùm! Thị trường Leadville nổ phát đạn ra hiệu lệnh xuất phát từ khẩu súng săn nòng loe cỡ lớn cũ kỹ và những người Tarahumara lao vào cuộc đua để thể hiện tài năng.

Nhưng chỉ được một lúc. Chưa chạy được nửa đường, tất cả các tay đua Tarahumara đều bỏ cuộc. Khốn kiếp thật! Fisher gằn lên vào bất cứ cái tai nào mà anh túm được. *Đáng lẽ tôi không nên bắt họ đi mấy đôi giày đó, và chẳng ai nói cho họ biết rằng họ sẽ được ăn tại các trạm tiếp tế. Tất cả là lỗi của tôi. Họ chưa nhìn thấy đèn pin bao giờ, vì thế, họ cứ bị hút theo mấy ánh đèn đó như những ngọn đuốc...*

Ồi dào, chuyện xưa như Trái đất. Vẫn là câu chuyện về người Tarahumara gây thất vọng, vẫn là những lý do kiểu Tarahumara cũ nhách. Chỉ có vài sự gia điền kinh thực sự bị ám ảnh bởi môn này mới biết rằng, Mexico từng đưa một cặp vận động viên người Tarahumara đến thi đấu nội dung marathon tại Olympic năm 1928 ở Amsterdam và cả kỳ Olympic 1968 tại Mexico City. Cả hai lần, người Tarahumara đều không giành được tấm huy chương nào. Lý lẽ của những lần đó là cự ly 26,2 dặm quá ngắn, cuộc dạo chơi marathon ngắn ngủi đó đã kết thúc trước khi họ có cơ hội cài sang số cao.

Có thể là như vậy. Nhưng nếu những người này thực sự là siêu nhân tốc độ như đồn đại, tại sao họ không bao giờ chiến thắng được ai? Không ai quan tâm khi bạn ném rổ ba điểm bách phát bách trúng ở sân sau. Quan trọng là bạn phải thể hiện được điều đó trong trận đấu. Và trong suốt một thế kỷ, người Tarahumara chưa bao giờ thi đấu ở bên ngoài mà không gây thất vọng.

Fisher bắn khoản mồi về điều này trên chặng đường dài trở về Mexico, và rồi, một ý nghĩ lóe lên. *Tất nhiên rồi!* Cũng giống như tại sao bạn không thể nhặt bất kỳ năm đứa trẻ trong một sân trường ở Chicago và rồi mong đợi chúng đánh bại được đội Bulls: không phải cứ là người Tarahumara thì bạn sẽ là người chạy bộ Tarahumara vĩ đại. Patrocinio cố sức giúp Fisher bằng cách tuyển mộ những

người chạy bộ sống gần con đường mới trải nhựa, vì anh nghĩ họ sẽ cảm thấy thoải mái hơn khi bị đám người bên ngoài vây quanh, và cũng dễ dàng hơn để tập hợp họ cho chuyển đi. Nhưng cũng như điều mà Ủy ban Olympic Mexico đáng lẽ phải nhận ra nhiều năm trước, những người Tarahumara dễ tuyển mộ nhất có thể không phải là những người đáng tuyển mộ.

“Cứ thử thêm lần nữa!” Patrocinio giục giã. Các nhà tài trợ của Fisher đã quyên cả núi ngô cho làng của Patrocinio, và anh không muốn mất món của trời cho ấy. Lần này, anh mở rộng đội hình ra khỏi làng mình. Anh đi sâu vào trong vùng thung lũng – và quay trở lại kịp thời. Lần này là một đội hình Tarahumara kỳ cựu.

Quả là “kỳ cựu” theo nghĩa đen.

Ken không thấy ấn tượng mạnh với đội Tarahumara mới xuất hiện ở giải Leadville tiếp theo. Người đội trưởng lần này trông như yêu tinh Keebler đã giải nghệ sớm về bãi biển Miami: đó là một ông già 55 tuổi, thấp bé, mặc váy choàng màu xanh dương điểm những bông hoa màu hồng lấp loáng, thêm nụ cười vô tư lự, một chiếc khăn hồng và cái mũ len kéo sụp xuống che hết đôi tai. Một người khác thì khoảng ngoài 40, còn hai đứa trẻ nhút nhát đứng sau thì trông chỉ như con của anh ta vậy. Cả đội hình lần này còn được trang bị tệ hơn năm ngoái; ngay khi đội Tarahumara đến nơi, họ lập tức biến mất vào bãi rác của thị trấn, và xuất hiện trở lại với những dải lốp cao su được chế thành dép xăng đan. Lần này thì không lo mấy vụ xây xát chân nữa nhé.

Chỉ vài giây trước khi cuộc đua bắt đầu, đám người Tarahumara lại biến mất. Lại đứng tinh thần thi đấu năm ngoái. Ken ngao ngán; cũng như lần trước, những người Tarahumara lại bẽn lễn giấu mình phía sau đoàn đua. Khi tiếng súng vang lên, họ lại tà tà chạy ở cuối đoàn. Và họ cứ ở vị trí sau cùng như vậy, thờ ơ và chẳng màng kết quả...

... cho đến dặm thứ 40, khi Victoriano Churro (ông già trông như yêu tinh Keebler trong bộ đồ lam nhạt) và Cerrildo Chacarito (gã chần dề bốn mươi mấy tuổi) bắt đầu nhẹ nhàng, gần như lãnh đạm, rảo chân dọc theo lề đường mòn, và vượt qua vài tay đua mỗi lần, khi họ bắt đầu bước vào ba dặm leo núi lên tới Hope Pass. Manuel Luna đuổi kịp, khóa đội hình vào bên cạnh họ và ba người lớn tuổi dẫn dắt đám người Tarahumara trẻ hơn như một đàn sói đi săn.

Heeya!

Ken hú lên như một tay cười bò khi trông thấy những người Tarahumara quay trở lại về phía mình sau chỗ quay đầu ở dặm thứ 50. Có điều kỳ lạ gì đó đang diễn ra; Ken có thể nhận ra từ vẻ mặt lạ lùng của họ. Anh ta đã quan sát từng tay đua giải Leadville trong suốt thập kỷ qua, và chẳng ai trong số họ lại có vẻ mặt... *bình thản* đến vậy. 10 giờ liên tục chạy trên núi hoặc làm bạn quy ngã, hoặc phải để lại vết hằn trên gương mặt bạn, không có ngoại lệ. Ngay cả những người chạy cự ly siêu dài cừ khôi nhất ở thời điểm này cũng phải cúi gằm xuống, bước nặng nề, tập trung một cách nhọc nhằn vào nhiệm vụ gần như bất khả thi là đưa chân này lên trước chân kia. Nhưng còn ông già kia thì sao? Victoriano thì sao? Hoàn toàn bình thản. Như thể ông vừa tỉnh dậy sau khi chớp mắt, xoa xoa bụng và quyết định thể hiện cho đám trẻ biết người lớn chơi trò chơi này như thế nào.

Tới dặm thứ 60, những người Tarahumara như đang tung cánh. Giải Leadville bố trí cứ khoảng 15 dặm lại có một trạm tiếp tế, nơi những người hỗ trợ có thể bổ sung cho vận động viên của họ thức ăn, tất khô và pin nhưng những người Tarahumara chạy nhanh tới mức, Rick và Kitty chẳng kịp lái xe vòng quanh núi để đuổi kịp họ.

“Họ như thể mang theo cả mặt đất dưới chân mình.” Một khán giả thốt lên. “Cứ như một đám mây, hay sương mù bay qua sườn núi.” Lần này, Đội Tarahumara không còn là hai người dân bộ lạc thiếu số cô đơn trôi dạt giữa biển vận động viên Olympic. Họ cũng chẳng phải là năm thổ dân ngờ ngác trong đôi giày vải đáng sợ, không phải những người đã thôi chạy bộ từ khi người ta san ủi con đường tiến vào làng. Lần này, họ khóa theo đội hình đã được tập luyện từ khi còn nhỏ, với những cự bộ binh dày dặn và mưu lược chạy phía trước và đám nai con hăm hờ bám sát theo sau. Họ chạy với những bước chân vững chắc và hoàn toàn tự tin vào bản thân. Họ là Người Chạy Bộ.

Cùng lúc đó, một cuộc thi sức bền khác đang diễn ra cách vạch đích vài dặm nhà. Hằng năm, đám dân chơi ở Sixth Street của thị trấn Leadville lại kéo nhau ra tiệc tùng suốt kỳ nghỉ cuối tuần, cố gắng thi gan với các tay đua chạy bộ. Họ bắt đầu cụng ly từ lúc phát súng báo hiệu bắt đầu cuộc đua vang lên, và uống liên tục cho tới khi cuộc đua chính thức kết thúc, 30 giờ sau đó. Giữa các lần cạn ly Jäger và Jell-O, họ cũng đồng thời thực hiện một chức năng cố vấn hệ trọng cho cuộc đua: báo hiệu cho những người tính giờ ở vạch đích bằng cách hò reo ầm ĩ ngay khi nhìn thấy một tay đua hiện ra từ bóng đêm. Lần này, đám say xin đó suýt nữa làm hỏng việc; vào lúc hai giờ sáng, Victoriano già nua cùng với Cerrildo khẽ lướt vèo qua – “như một đám sương mù bay qua sườn núi” – tới mức gần như chẳng ai hay.

Victoriano chạm đến dải băng đầu tiên, còn Cerrildo chỉ chậm hơn vài giây. Manuel Luna, dù đôi xăng đan mới đã đứt ròi ở dặm thứ 83 và khiến đôi chân róm máu, vẫn băng lên qua lối mòn đầy sỏi đá quanh hồ Turquoise để cán đích ở vị trí thứ năm. Người về đích đầu tiên không phải là người Tarahumara cán đích sau Victoriano gần một giờ đồng hồ – với khoảng cách gần sáu dặm. Những người Tarahumara đã không chỉ lội ngược dòng từ vị trí cuối cùng lên dẫn đầu, mà còn phá một loạt kỷ lục giải đua.

Victoriano là người chiến thắng cao tuổi nhất trong lịch sử, chàng trai 18 tuổi Felipe Torres là người về đích trẻ tuổi nhất, và đội Tarahumara là đội duy nhất nắm được ba trong số năm vị trí dẫn đầu – mặc dù hai người về đích đầu tiên của đội này có độ tuổi cộng gộp lên tới gần 100.

“Quá sức kinh ngạc!” Một vận động viên dự thi kỳ cựu tên là Harry Dupree đã trả lời tờ Thời báo New York. Sau khi đã tham gia giải Leadville 12 lần, Dupree nghĩ rằng chẳng còn điều gì có thể khiến anh ngạc nhiên trong giải đua này hơn thế. Và sau đó anh được chứng kiến Victoriano và Cerrildo lướt qua mình.

“Họ là mấy người đàn ông nhỏ bé, chạy bằng những đôi xăng đan và chưa từng tập luyện cho cuộc đua này. Và họ đã hạ gục những người chạy bộ đường dài cừ khôi nhất thế giới.”

Tôi đã bảo mà!” Rick Fisher hoan hỉ.

Anh ta đã đúng về một chuyện khác nữa: đột nhiên, tất cả mọi người đều muốn giành phần từ Người Chạy Bộ. Fisher hứa hẹn rằng Đội Tarahumara sẽ trở lại vào năm sau, và cây đũa thần đó đã biến Leadville, từ một giải đua sức bền khó nhằn, ít tên tuổi thành một sự kiện truyền thông lớn. ESPN giành được quyền phát sóng; *Wide World of Sports* phát số đặc biệt “Những Tay Đua Siêu Đẳng Đây Là Ai”; hãng bia Molson ký hợp đồng tài trợ cho giải Leadville. Hãng giày Rockport Shoes trở thành nhà tài trợ chính thức của đội chạy bộ duy nhất trên thế giới ghét giày chạy bộ.

Các phóng viên từ các tờ *Thời báo New York*, *Sports Illustrated*, *Le Monde*, *Runner’s World* và nhiều tờ báo khác liên tục gọi Ken và đặt ra cùng một câu hỏi:

“Liệu có ai đánh bại được những gã này không?”

“Có!” Ken đáp. “Annie làm được.”

Ann Trason. Một giảng viên 33 tuổi dạy môn khoa học ở trường đại học cộng đồng đến từ California. Nếu bạn nói rằng có thể nhận ra Ann giữa đám đông, thì ắt hẳn bạn phải là chồng cô ấy, hoặc bạn đã nói dối. Ann hơi thấp, hơi gầy, có dáng vẻ uể oải, gần như vô hình sau mớ tóc mái màu nâu lông chuột – chuẩn hình dung về một giảng viên khoa học ở trường đại học cộng đồng. Cho đến khi tiếng súng hiệu lệnh xuất phát vang lên.

Nhìn Ann phóng vọt đi tại điểm xuất phát cũng giống như nhìn chàng phóng viên rụt rè Clark Kent² tháo bỏ cặp kính và khoác lên tấm áo choàng siêu nhân màu đỏ. Cằm ngẩng cao, hai bàn tay nắm lại, mái tóc đập dòn như dải khói sau đuôi máy bay phản lực, phần tóc mái bị thổi ngược ra sau, làm lộ ra cặp mắt báo màu nâu lấp lánh. Trong trang phục thường ngày, Ann chỉ nhỉnh hơn một mét rưỡi; còn khi mặc quần chạy bộ, cô như biến thành người mẫu Brazil, với đôi chân thon gọn và lưng thẳng như nghệ sĩ múa ba lê, phần bụng màu nâu rám nắng, rần ròi đến mức gây bóng chày quật vào cũng phải gãy nát.

2. *Vỏ bọc đời thường của siêu anh hùng Superman trong loạt comic-phim cùng tên của hãng DC Comics (BTV).*

Ann từng chạy đua ở sân vận động hồi học phổ thông, nhưng đã chán ốm việc chạy vòng vòng như chuột lang trên đường chạy hình ô van nhân tạo. Vì vậy, khi vào đại học, cô từ bỏ môn chạy bộ để theo học ngành hóa sinh (đối với cô, chạy trong sân còn chán hơn cả bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học). Trong nhiều năm liền, cô chạy chỉ để khỏi hóa điên. Khi nào như phát nổ vì học hành, hay sau khi tốt nghiệp và bắt đầu làm nghiên cứu ở San Francisco, Ann lại giải tỏa căng thẳng bằng một buổi chạy ngắn quanh công viên Golden Gate.

“Tôi yêu chạy bộ chỉ vì thích cảm giác gió lùa qua tóc.” Cô nói. Cô chẳng màng đến các cuộc đua, mà chỉ bị cuốn theo cảm giác thoát khỏi cảnh tù túng. Chẳng lâu sau, cô bắt đầu giải tỏa căng thẳng bằng cách chạy bộ quãng dài chín dặm đến phòng thí nghiệm mỗi buổi sáng. Và khi cô nhận ra rằng chân mình lại khoẻ khoắn hoàn toàn vào lúc kết thúc giờ làm, cô lại chạy về nhà. Rồi sau đó, khi quen nếp chạy 18 dặm một ngày trong tuần làm việc, thì sẽ chẳng có gì to tát khi thư giãn trong một ngày thứ bảy lười biếng với một buổi chạy 20...

hay 25...

hay 30 dặm...

Vào một ngày thứ bảy, Ann dậy sớm và chạy 20 dặm. Cô nghỉ ngơi ngay trong bữa sáng, rồi lại quay ra chạy tiếp 20 dặm nữa. Cô phải làm mấy việc vặt liên quan đến đường ống nước trong nhà,

nên sau khi chạy xong cuộc thứ hai, cô lôi đồng dụng cụ ra và bắt tay vào việc. Cuối ngày, cô cảm thấy rất hài lòng với bản thân; cô đã chạy 40 dặm và tự mình giải quyết được một việc khá rắc rối. Và để tự thưởng cho bản thân, cô chạy thêm 15 dặm nữa.

55 dặm trong một ngày. Các bạn cô bản khoăn lo lắng. Có phải Ann mắc chứng rối loạn ăn uống? Hay chứng ám ảnh về vận động? Hay cô đang chạy trốn khỏi một con dằn vặt tâm lý vô thức? “Các bạn tôi thường bảo tôi không nghiện ma túy, mà là nghiện endorphins.” Ann nói và cách cô đáp lời bạn bè cũng chẳng làm họ yên dạ: cô thích nói với họ rằng chạy nhiều dặm như vậy trên núi “rất thơ mộng.”

Rõ rồi. Chạy điên cuồng một mình trên đường mòn, mệt rã, thậm chí đổ máu, lại giống như nhấm nháp sâm-panh dưới ánh trăng.

Nhưng đúng là như vậy, Ann quả quyết, chạy bộ rất thơ mộng; và tất nhiên, bạn bè cô chẳng thể hiểu được điều này, vì họ chẳng bao giờ làm thử. Đối với họ, chạy bộ là hành xác hai dặm để ních vừa chiếc quần bò cỡ 6. Họ leo lên bàn cân, cảm thấy thất vọng, rồi đeo tai nghe vào, cầm cúi chạy cho xong. Nhưng bạn không thể gồng mình kiểu đó trong suốt năm giờ, mà phải thả mình nhẹ nhàng vào chạy bộ, như trườn người vào một bồn tắm nước nóng, cho tới khi cơ thể không chống cự con sóc nữa và bắt đầu tận hưởng.

Thư giãn thả lỏng đúng mức thì cơ thể của bạn sẽ quen với nhịp điệu đều đặn như đưa nôi đó, tới mức bạn gần như quên rằng mình đang di chuyển. Và khi bạn vượt ngưỡng trạng thái trôi chảy nhẹ nhàng, nửa như đang lơ lửng đó, thì ánh trăng và rượu sâm-panh sẽ xuất hiện: “Bạn sẽ hoà nhịp với cơ thể mình, và biết khi nào có thể gắng thêm và khi nào cần phải thả lỏng.” Ann thường giải thích như vậy. Bạn phải chú ý lắng nghe hơi thở của chính mình; nhận biết được bao nhiêu giọt mồ hôi đang rịn ra trên lưng. Bạn phải đảm bảo rằng mình uống đủ nước mát, kèm theo đồ ăn nhẹ có muối, và thường xuyên thành thực tự vấn bản thân, rằng mình đang cảm thấy thế nào. Còn gì vui thú hơn là quan tâm tinh tế tới cơ thể của chính mình. Và vui thú có được tính là thơ mộng?

Chỉ chạy chơi cho vui mà Ann đã đạt được số dặm nhiều hơn đa phần vận động viên marathon chuyên nghiệp. Vì vậy, tới năm 1985, cô nhận ra đã tới lúc thử sức với những người chạy bộ thực thụ. Giải Marathon L.A chẳng? Hừm, cô thà trở thành chuột lang chạy vòng quanh sân vận động trường học còn hơn là tốn ba giờ đồng hồ chạy quanh các tòa nhà trong thành phố. Cô muốn tham gia một cuộc đua hoang dại và thú vị để có thể đắm mình trong đó, y như cách mà cô vẫn thường làm với các cuộc dạo chơi trên núi.

Vụ này thú vị đây! Cô nghĩ, khi nhìn thấy mẫu quảng cáo trong một tờ tạp chí thể thao địa phương. Cũng như Western States, giải American River Endurance Run 50 dặm là một cuộc đua ngựa không có ngựa, một cuộc đua việt dã kiểu trên một đường đua trước đây là lối đi của kỵ sĩ cuối ngựa qua thôn trang. Nhiệt độ nóng bức, đường đầy dốc và cơ man hiểm hoạ. (“Cây sồi độc mọc khắp lối đường mòn.” Các tay đua được cảnh báo như vậy. “Bạn có thể sẽ gặp cả ngựa hoang và rắn chuông. Tốt hơn cả là đầu hàng chúng.”) Kể cả tránh được rắn hay vó ngựa, thì bạn vẫn phải chuẩn bị tinh thần cho một cú thốc thẳng mặt luôn đón đợi: sau 47 dặm chạy đường mòn, bạn sẽ đụng phải một con dốc cao hơn 300 m ở ba dặm cuối cùng.

Tóm lại: giải đua đầu tiên của Ann sẽ là một cuộc marathon kép, có điểm xuyết thêm vết rắn cắn và ánh mặt trời thiêu đốt cháy da. Vậy là yên tâm không lo nhầm chán.

Và, chẳng ngạc nhiên, Ann chật vật đủ đường khi bắt đầu giải siêu marathon đầu tay. Nhiệt kế chỉ mức nhiệt độ trong phòng tắm hơi, và cô còn quá tay mơ để nhận ra rằng đáng nhẽ phải mang theo một chai nước khi chạy dưới sức nóng hơn 42 độ của ngày hôm đó. Cô cũng chẳng biết tí gì về tính toán tốc độ (liệu cô sẽ chạy hết chặng đua trong bảy giờ? Mười? Hay mười ba?) và còn nghèo nàn hơn về chiến thuật chạy giải đua đường mòn (những gã đi bộ lên dốc và chạy vọt qua cô khi xuống dốc bắt đầu làm cô nổi cáu. Chạy cho ra dáng đàn ông xem nào, lũ khốn!)

Nhưng khi cảm giác bất ổn qua đi, cô bắt đầu thả mình vào nhịp chân đều đặn đưa nôi của mình. Đầu cô ngẩng cao, tóc mái hất ra sau, và cô lấy lại được sự tự tin của một con linh miêu. Tới dặm thứ 30, hàng tá tay đua bắt đầu lao đảo chùn chân dưới sức nóng, như lún vào một cái bánh nướng mới ra lò. Mặc dù bị mất nước trầm trọng, Ann dường như chỉ trở nên mạnh mẽ hơn, tới mức trên thực tế, cô đã đánh bại tất cả các nữ vận động viên khác trong giải và phá kỷ lục ở nội dung nữ, hoàn thành độ dài bằng hai cuộc marathon trên đường mòn chỉ với bảy giờ chín phút.

Chiến thắng gây sốc đó chỉ là khởi đầu cho một chuỗi thành tích rực rỡ. Ann tiếp tục trở thành nhà vô địch nữ của giải Western States 100 – được coi như giải Super Bowl của môn chạy đường mòn – 14 lần, một kỷ lục được bảo vệ suốt ba thập kỷ và khiến Lance Armstrong, tay đua bảy lần vô địch giải Tour de France trông chỉ như một ánh sáng lóe lên rồi vụt tắt. Và thậm chí chỉ là một ánh sáng mờ nhạt: Lance chẳng bao giờ đạp xe mà không có đội ngũ chuyên gia bám sát để theo dõi lượng calo nạp vào và liên tục phân tích từng chặng vào tai nghe của anh, trong khi Ann chỉ có chồng cô, Carl, chờ đợi trong rừng với một chiếc đồng hồ Timex và nửa cái bánh kẹp thịt gà tây.

Và không như Lance, người chỉ tập luyện để cạnh tranh vào một giải duy nhất hằng năm, Ann điên cuồng với các cuộc đua. Có giai đoạn, cô chạy trung bình hai tháng một giải siêu marathon, cứ như vậy liên tục trong vòng bốn năm. Cường độ hành xác ấy đáng ra đã đánh quỵ Ann, nhưng cô đã hồi phục như một dị nhân; cô dường như vừa chạy vừa tái tạo năng lượng, và trở nên mạnh mẽ hơn ở những thời điểm đáng nhẽ ra phải bị suy yếu. Cứ mỗi tháng trôi qua, cô chạy càng nhanh thêm, và chỉ có một trận cảm cúm mới khiến cô vượt mất kỷ lục hoàn hảo: cô đã chiến thắng 24 giải đua trong suốt bốn năm đó, và chỉ tụt xuống vị trí thứ hai ở giải đua 60 dặm khi mà đáng nhẽ cô phải nằm bẹp trên ghế xô-pha với khăn giấy hỉ mũi cùng bát xúp nóng.

Tất nhiên, có một điểm yếu trên giáp trụ của cô. Chắc chắn phải có. Chỉ có điều... chưa ai tìm thấy nó. Ann cứ như một tay lực sĩ trong gánh xiếc, dễ dàng hạ gục gã đàn ông đáng gờm nhất thị trấn: cô chiến thắng cả trên đường nhựa lẫn đường mòn... trên đường bằng phẳng lẫn núi non lồm chồm... ở châu Mỹ, châu Âu và châu Phi. Cô đã phá kỷ lục thế giới các cự ly 50 dặm, 100 km và 100 dặm, lập thêm 10 kỷ lục thế giới nữa trên cả đường chạy sân vận động và đường nhựa. Cô vượt qua kỳ sát hạch cự ly Marathon Olympic, chạy với tốc độ 6 phút 44 giây một dặm trong 62 dặm và vô địch ở World Ultra Title, và sau đó chiến thắng cả giải Western States lẫn Leadville trong cùng một tháng.

Nhưng có một danh hiệu cứ liên tục tuột khỏi tay cô: trong nhiều năm, Ann không thể vô địch chung cuộc ở bất kỳ một cuộc đua cự ly siêu dài danh tiếng nào. Cô đã đánh bại tất cả các vận động viên nam và nữ ở nhiều cuộc thi nhỏ hơn, nhưng ở các giải thi đấu đỉnh cao, luôn luôn có một người đàn ông nào đó về đích trước cô vài phút.

Không thể để như vậy mãi được. Vào năm 1994, cô biết, thời cơ của mình đã tới.

Mọi sự trở nên kỳ cục ngay khi chiếc Chevy bụi bặm của Rick Fisher dừng bánh ở ngoài trụ sở giải đua Leadville và hai người đàn ông mặc áo choàng trắng như pháp sư bước ra khỏi xe.

“Này!” Ken Chlouber cất tiếng gọi khi bước ra ngoài để chào đón họ. “Các quái vật tốc độ đây rồi!” Ken chìa tay ra và cố gắng nhớ cách phát âm từ “chào mừng” vừa học được từ thầy giáo tiếng Tây Ban Nha ở trường trung học trong thị trấn.

“Ờ... Bee en benny...” Anh ta mở lời.

Một trong hai người mặc áo choàng mỉm cười và cũng chìa tay ra. Bất thành hình, Fisher chen ngay vào giữa.

“Không!” Fisher nói. “Anh không được đụng chạm vào họ như sai khiến, nếu không anh sẽ phải trả giá. Trong văn hóa của họ, đó là tội hành hung.”

Cái quái gì! Ken thấy máu sôi lên trong não. *Có muốn biết hành hung là thế nào không? Thử giật tay thẳng này lên nữa xem.* Fisher chắc chắn không bao giờ quan tâm đến chuyện bắt tay lúc nấn nỉ Ken tìm giúp chỗ trọ cho mấy người này. Giờ thì sao nào, Fisher nắm trong tay nhà vô địch và túi tiền tài trợ của Rockport; tất cả mọi người phải đối xử với họ như ông hoàng sao? Ken chực tống mũi ủng bọc thép vào mông Fisher, nhưng rồi chợt nghĩ đến điều gì đó, gã thở hắt ra, thư giãn, rồi tự nhủ rằng mình đã hơi nóng giận.

Ann chắc chắn đang khiến anh ta lo ngại. Ken nghĩ. *Đặc biệt là cách mà truyền thông chơi trong vụ này.*

Các câu chuyện trên bản tin đã thay đổi đột ngột từ khi Ann xác nhận sẽ có mặt ở Leadville. Thay vì bản khoản không biết người Tarahumara liệu có chiến thắng hay không, câu chuyện giờ đây lại chuyển thành: không biết đội của Rick Fisher có bị bẽ mặt lần nữa hay không. “Người Tarahumara coi việc thua phụ nữ là nhục nhã” là tiêu đề được nhắc đi nhắc lại trên mặt báo. Đó trở thành một câu chuyện có sức hút khó cưỡng: cô giáo nhút nhát đang dũng cảm đi tới rặng núi Rocky để thi đấu với các đấng trượng phu thổ dân đất Mỹ, và bất kỳ ai khác nữa, dù là nam hay nữ, dám chen vào giữa cô và dải băng chiến thắng ở một sự kiện thể thao lớn như vậy.

Dĩ nhiên, vẫn có một cách để Fisher giảm áp lực từ truyền thông cho Đội Tarahumara: anh ta chỉ cần ngậm miệng. Chưa từng có ai nhắc đến tính ngạo nghễ nam nhi của người Tarahumara cho tới khi Fisher kể cho các phóng viên. “Họ không chịu thua phụ nữ.” Anh nói. “Và sẽ chẳng chịu thua từ lần này đâu.” Đó là một tiết lộ có sức hấp dẫn – đặc biệt là với người Tarahumara, những người chẳng hiểu anh đang nói gì.

Thực ra xã hội người Tarahumara rất bình đẳng; đàn ông dịu dàng và tôn trọng phụ nữ, và người ta thường xuyên trông thấy họ địu con đằng sau lưng, giống như các bà vợ. Đàn ông và phụ nữ đua riêng biệt, điều đó là sự thật, nhưng chủ yếu vì lý do hậu cần: các bà mẹ với đàn con cần chăm bẵm không thể tự do chạy nhảy hai ngày liền trong các hẻm núi được. Họ phải ở gần nhà, vì vậy, các cuộc đua của họ thường ngắn hơn (và theo tiêu chuẩn của người Tarahumara, “ngắn” có nghĩa là từ 40 đến 60 dặm). Phụ nữ vẫn được tôn trọng như người chạy bộ cừ khôi, và thường giữ nhiệm vụ cho kéame – sự kết hợp giữa đội trưởng và người cầm cái – khi những người đàn ông chạy đua. So với những người đàn ông Mỹ tôn sùng giải Bóng bầu dục, thì đàn ông Tarahumara như người hâm mộ ban nhạc nữ Lilith Fair.

Fisher đã từng một lần phải hổ thẹn vì cả đội hình của anh bỏ cuộc giữa chừng. Giờ đây, nhờ lần nhõ miệng kia mà anh đã đứng vào giữa tâm điểm truyền thông của Cuộc chiến Giới tính, mà rất có thể, anh sẽ thua. Kỷ lục cá nhân của Ann tại Leadville hai năm về trước chỉ chậm hơn thời gian 20 giờ

3 phút của Victoriano khoảng 30 phút, và cô đã tiến bộ vượt bậc kể từ lúc đó. Hãy xem giải Western States; cô đã rút ngắn được đến 90 phút chỉ trong vòng một năm. Không ai có thể nói trước được rằng cô sẽ làm gì khi xuất hiện tại Leadville, khi đang ngùn ngụt quyết tâm giành chức vô địch.

Hơn nữa, Ann đang có lợi thế: Victoriano và Cerrildo không dự giải năm nay (họ phải trông ngó và không có thời gian để tham gia một cuộc chạy đua khác nữa), vì vậy Fisher đã mất đi hai tay đua cự phách nhất.

Ann đã từng vô địch giải Leadville hai lần, vì vậy, không giống mấy tay mơ Fisher mới tuyển mộ được, cô có lợi thế to lớn nữa là nắm rõ từng khúc ngoặt gập bồng rỏi trên đường chạy. Chỉ cần bỏ lỡ một điểm đánh dấu tại giải Leadville, bạn có thể sẽ phải lang thang nhiều dặm trong bóng tối mới bắt lại được vào đường đua.

Ann cũng có khả năng thích nghi khí hậu rất nhanh với những cao độ lớn, và cô biết rõ hơn ai hết cách phân tích và giải quyết vấn đề hậu cần cho một cuộc chạy đua cự ly 100 dặm. Về bản chất, giải đua siêu dài là một phương trình nhị phân, tạo nên từ hàng trăm câu hỏi dạng có/không: Ăn ngay bây giờ hay chờ thêm? Lao nhanh xuống con dốc này, hay giảm tốc độ, để dành cơ tứ đầu cho đoạn đường bằng phẳng? Có nên kiểm tra xem cái gì đang gây ngứa ngáy trong tất, hay bỏ mặc để chạy tiếp? Cự ly siêu dài sẽ khiến mọi vấn đề dù nhỏ nhất biến thành rắc rối lớn (một vết rộp dẫn đến một chiếc tất dẫm máu, từ chối một thanh PowerBar có thể gây mù mắt đầu óc tới mức chẳng thể chú ý được mốc đánh dấu đường chạy), vì vậy, chỉ cần một câu trả lời sai là có thể làm cuộc đua bị đổ bể. Nhưng điều này không bao giờ xảy ra với Ann, cô học trò tài năng; cứ vào các cuộc chạy siêu dài là cô lại hoàn thành xuất sắc các bài trắc nghiệm này.

Nói ngắn gọn: Người Tarahumara rất đáng khen vì đã thể hiện là những tay nghiệp dư có khả năng gây sùng sốt, nhưng lần này, họ phải chạm trán với dân chuyên nghiệp đỉnh cao trong bộ môn này (đúng theo nghĩa đen; Ann hiện đã là vận động viên chuyên nghiệp do Nike tài trợ). Người Tarahumara đã có được khoảnh khắc tỏa sáng ngắn ngủi với tư cách là các nhà vô địch giải Leadville; còn bây giờ, họ trở lại đây với thế cửa dưới.

Điều này lý giải sự có mặt của những người mặc áo choàng trắng phù thủy.

Tuyệt vọng trong việc thay thế hai cự binh vắng mặt, Fisher đã đi theo Patrocinio lên một ngôi làng trên ngọn núi Choguita cao hơn 2.700 m. Ở đây, anh tìm được Martimano Cervantes, một bậc thầy môn bóng chạy 42 tuổi và truyền nhân, chàng trai Juan Herrera 25 tuổi. Choguita khá lạnh vào buổi đêm và bị ánh mặt trời thiêu đốt vào ban ngày, vì vậy, ngay cả khi chạy bộ, người Tarahumara ở làng Choguita vẫn giữ ấm cơ thể bằng các tấm áo choàng len dài gần đến gót chân. Mỗi khi họ sai bước chạy xuống đường mòn, trong tấm áo choàng tung bay, trông họ như những ảo thuật gia, hiện ra từ một làn khói.

Juan và Martimano có vẻ nghi ngại. Họ chưa từng rời làng, và chuyến đi này hứa hẹn một khoảng thời gian dài cô đơn giữa lũ Quỷ Râu Rậm. Fisher đã đập ngay ý định phản đối của bọn họ; anh có tiền và sẵn sàng trả hậu hĩnh. Năm đó, mùa đông trên cao nguyên tại Choguita khô hạn và mùa xuân còn tồi tệ hơn, và anh biết rằng nguồn thực phẩm của họ đã xuống thấp đến mức nguy hiểm. “Hãy đến và chạy đua cùng chúng tôi.” Fisher hứa hẹn. “Và tôi sẽ cung cấp cho làng một tấn ngô, nửa tấn đậu.”

Ừm. 50 bao tải ngô cũng chẳng phải quá nhiều cho một ngôi làng... nhưng ít nhất là nó được đảm bảo. Nếu họ có bạn bè đi cùng, thì chắc sẽ ổn thôi.

Chúng tôi còn có một số người khác cũng chạy rất nhanh, họ bảo Fisher. Có thể thêm vài người đi cùng không?

Không được, Fisher đáp. Chỉ mình hai anh thôi.

Ngư Ông thực ra đang bí mật thực hiện một mưu đồ khác: bằng việc chọn những người chạy bộ từ càng nhiều ngôi làng khác nhau càng tốt, anh hy vọng sẽ làm chính những người Tarahumara cạnh

tranh với nhau. Họ sẽ cắn xé lẫn nhau và giành chiến thắng ở Leadville trong cuộc cạnh tranh này. Đây là mưu kế ranh ma – và hoàn toàn lầm lạc. Nếu Fisher biết rõ hơn về văn hoá của người Tarahumara, anh sẽ hiểu rằng chạy đua không làm chia rẽ các ngôi làng; mà khiến họ đoàn kết lại. Đó chính là cách mà các bộ tộc ở xa nhau thắt chặt tính gắn kết và tình thân giữa những người cùng bộ lạc, và cũng giúp tất cả mọi người trong hẻm núi đều trong tình trạng sẵn sàng tương trợ khi có tình huống khẩn cấp. Tất nhiên, đua là phải có tính cạnh tranh, nhưng nó chỉ như một ván bóng chày trong gia đình vào buổi sáng ngày Lễ Tạ ơn. Người Tarahumara xem cuộc đua như một lễ hội của tình bằng hữu; còn Fisher thì lại cho rằng đó là một trận đánh.

Nam đấu với nữ, làng nọ đấu làng kia, giám đốc giải đua đấu với người quản lý đội – chỉ sau vài phút kể từ lúc tới Leadville, Fisher đã trù tính bão tố trên cả ba mặt trận. Và sau đó anh thực sự bắt tay vào việc.

“Này, tôi chụp chung một bức ảnh với họ được không?” Một tay đua dự giải hỏi khi nhìn thấy những người Tarahumara trong thị trấn trước khi cuộc đua diễn ra.

“Tất nhiên rồi!” Fisher đáp. “Anh có 20 đô chứ?”

“Để làm gì?” Tay đua kia giật mình hỏi lại.

Vì những tội ác chống lại nhân loại. Vì một thực tế là “người da trắng” đã đối xử không ra gì với người Tarahumara và những tộc người thiểu số khác suốt nhiều thế kỷ qua, Fisher giải thích. Và nếu anh không thích điều này, thì rất tiếc: “Tôi chẳng quan tâm chút nào đến cộng đồng chạy bộ siêu dài.” Fisher sẵn sàng nói vậy. “Tôi không quan tâm đến người da trắng. Tôi thích người Tarahumara nên một trận ra trò vào đám mông trắng.”

Mông trắng? Chắc phải rất lâu rồi Fisher không ngoái lại để ngắm cái bàn tọa của chính mình. Và anh ta đang làm gì ở đây cơ chứ: một giải đua, hay một cuộc chiến?

Chẳng ai có thể tới trò chuyện với những người Tarahumara, thậm chí chẳng thể vỗ vai họ và nói “Chúc may mắn” mà không bị gã Ngư Ông chen vào giữa. Ngay cả Ann Trason cũng nhận thấy có cả một bức tường thù địch chắn trước mặt cô. “Rick cố gắng cô lập những người Tarahumara một cách không cần thiết.” Sau này, cô phàn nàn. “Anh ta còn chẳng để cho chúng tôi nói chuyện với họ.”

Các quan chức của hãng Rockport cảm thấy bối rối. Họ vừa ra mắt một loại giày chạy đường mòn, và toàn bộ chiến dịch marketing được xây dựng xoay quanh giải Leadville. Loại giày đó thậm chí còn được đặt tên là Leadville Racer. Khi Rick Fisher kêu gọi họ tài trợ (“Hãy nhớ là chính anh ta tìm đến chúng tôi”. Tony Post, phó chủ tịch hãng Rockport kể với tôi như vậy), Rockport đã làm rõ rằng người Tarahumara sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá. Rockport sẽ rót tiền, và đổi lại, người Tarahumara sẽ phải đi những đôi giày màu vàng đó, đi trước đám đông, xuất hiện trong một số mẫu quảng cáo. Như vậy có được không?

Hoàn toàn nhất trí, Fisher hứa hẹn.

“Rồi, tôi đến Leadville và gặp cái gã kỳ lạ này.” Tony Post kể tiếp. “Anh ta luôn nóng nảy một cách thiếu kiềm chế. Thật mâu thuẫn. Mấy người hết sức hiền lành lại nằm dưới sự quản lý của một kẻ đại diện tột độ bậc nhất của văn hóa Mỹ. Như thế...” Post ngừng lời để hồi tưởng lại, và trong sự im lặng đó, bạn gần như có thể nghe thấy được cơn bùng tình trong đầu ông. “Như thế anh ta ghen tỵ vì họ đang thu hút hết những sự chú ý.”

Và cứ thế, với các cuộc chiến cứ âm ỉ vây quanh, người Tarahumara đập điều thuốc và rón rén ngại ngần lách qua các tay đua khác để đi đến điểm xuất phát, là mặt trước tòa án Leadville, nơi mà trước đây họ treo cổ những tên trộm ngựa. Giữa bạt ngàn những cái ôm, những cái bắt tay, tình bằng hữu của những người chuẩn bị cùng vào sinh ra tử mà các tay đua khác chia sẻ cho nhau trong loạt đếm ngược cuối cùng, những người Tarahumara trông thật cô độc.

Nụ cười hòa nhã của Manuel Luna biến mất và gương mặt anh ta rần rần như gỗ sồi. Juan Herrera chỉnh lại chiếc mũ Rockport và xỏ chân vào đôi giày Rockport mới màu vàng chóc có đế dày như ủng

leo núi giá 110 đô-la. Martimano Cervantes thì thu mình vào tấm áo choàng trong cái lạnh về đêm trên núi Rocky. Ann Trason bước lên trước mặt họ, làm các động tác thả lỏng, và nhìn sâu vào màn đêm phía trước.

Kẻ nào quý trọng thân thể mình hơn cả việc chiếm lấy thiên hạ thì có thể giao cho việc cai trị thiên hạ được.

- Lão Tử, Đạo đức kinh

Bác sĩ Joe Vigil, 65 tuổi, đang một mình trực chiến. Ông áp bàn tay quanh cốc cà phê khi chờ đợi luồng sáng đèn pin đầu tiên chiếu xuyên qua rừng về phía mình.

Không còn huấn luyện viên cao cấp thế giới nào khác ở quanh Leadville, bởi lẽ, chẳng vị huấn luyện viên cao cấp nào hiểu nổi điều gì đang diễn ra trong cái nhà thương điên lộ thiên khổng lồ trên rặng núi Rocky này. Những kẻ thích hành xác, lũ khốn đời bại hoặc bất cứ cái tên nào khác mà họ tự nhận – những người này thì liên quan gì đến chạy bộ chân chính hay chạy thi Olympic? Hầu hết các huấn luyện viên chính quy đều xếp hạng môn chạy bộ siêu dài trong khoảng năm đầu đó giữa ăn thi và khổ dâm giải trí.

Tuyệt thật! Vigil nghĩ trong lúc đang giậm chân liên tục để chống chọi cái rét. *Các người cứ đi ngủ đi, và để cái lũ ngòm này cho tôi.* Bởi ông biết chắc rằng lũ người kỳ dị này sắp làm nên một điều gì đó thật khác biệt.

Bí quyết thành công của Vigil nằm ngay trong cái tên (Vigil: Canh gác buổi đêm): không huấn luyện viên nào thận trọng hơn ông trong việc dò tìm những chi tiết nhỏ nhặt quan trọng. Ông vẫn luôn như vậy trong suốt đời mình, kể từ khi còn là một cậu nhóc Latin nhỏ thó loi nhoi chơi bóng bầu dục trong một giải bóng trung học chẳng có nổi mấy người gốc Latin, chứ đừng nói đến những người thấp bé. Joey Vigil không thể đo cơ bắp với những tảng thịt bên đối phương, vì vậy, ông dùng khoa học để đánh bại họ. Ông nghiên cứu các mẹo đòn bẩy, thức tối, và tính toán thời gian, tìm cách đặt bàn chân sao cho có thể vọt lên từ tư thế xuống tấn như một cái đe có lò xo nén. Khi tốt nghiệp đại học, cậu nhóc gốc Latin ấy đã là một hậu vệ hàng đầu trong giải All-Conference. Sau đó, ông chuyển sang điền kinh và sử dụng cái mũi thính như chó săn để trở thành bộ óc vĩ đại nhất trong lịch sử chạy đường dài của nước Mỹ.

Bên cạnh bằng tiến sĩ y khoa và hai bằng thạc sĩ, Vigil còn theo đuổi nghệ thuật thất truyền của môn chạy đường dài, vào sâu tới tận vùng xa xôi hẻo lánh của nước Nga, lên những ngọn núi cao ở Peru, vượt xa khỏi vùng cao nguyên Rift Valley của Kenya. Ông muốn biết tại sao các vận động viên nước rút của Nga lại bị cấm không được chạy bước nào trước khi có thể nhảy xuống từ cái thang cao sáu mét với chân trần, và làm cách nào những đứa trẻ chần chừ sáu tuổi ở Machu Picchu leo được lên đỉnh Andes với một thực đơn chết đói chỉ có sữa chua và thảo dược, và tại sao các vận động viên chạy bộ Nhật Bản được Suzuki và Koide huấn luyện có thể biến chuyển ảo diệu từ đi bộ chậm sang chạy marathon nhanh. Ông đã săn tìm những bậc thầy nhiều tuổi và moi móc từ bộ óc của họ, tìm cách lôi ra những bí mật trước khi biến mất xuống mồ sâu. Đầu ông chẳng khác nào Thư viện Quốc hội về tri thức chạy bộ, mà nhiều trong số đó đã hoàn toàn biến mất trên đời.

Những nghiên cứu của ông đã mang lại thành quả tuyệt vời. Ở trường ông, Đại học Adams State tại Alamosa, Colorado, Vigil đã đứng ra phụ trách chương trình chạy việt dã đang thoi thóp và biến nó thành một nổi kinh hoàng trong giới chạy bộ. Những tay đua việt dã của trường Adams State đã giành được 26 danh hiệu quốc gia trong 33 năm, trong đó có một cuộc phô diễn sức mạnh phi thường ở giải vô địch toàn quốc: năm 1992, những vận động viên chạy bộ của Vigil đã giành năm vị trí đứng đầu trong Giải vô địch NCAA Division II, một thành tích chưa từng xuất hiện. Vigil cũng đã huấn luyện Pat Porter, giúp anh tám lần giành danh hiệu tại USA Cross Country (nhiều gấp đôi người giành huy chương vàng Olympic Frank Shorter, gấp bốn lần so người giành huy chương bạc Olympic Meb Keflezighi), và ông đạt kỷ lục 14 lần nhận danh hiệu Huấn luyện viên Trường đại học Cấp quốc

gia của năm. Năm 1988, Vigil được bầu làm huấn luyện viên cho đội tuyển chạy đường dài Hoa Kỳ đi thi đấu tại Olympic Seoul.

Và điều đó giải thích tại sao, lúc này, Joe Vigil già nua lại là huấn luyện viên duy nhất ở Mỹ đứng run rẩy trong khu rừng lạnh giá vào lúc bốn giờ sáng, chờ đợi được nhìn thấy một cô giáo dạy môn khoa học và bảy người đàn ông mặc váy. Vậy đấy, đối với chạy bộ siêu dài, chẳng điều gì là có vẻ có lý, và khi Vigil không thể giải thích được, thì ông hiểu rằng ông đang bỏ sót điều gì đó hết sức quan trọng.

Chẳng hạn, hãy xem xét so sánh này: tại sao hầu hết tất cả các nữ vận động viên tham gia Leadville đều về đích và chỉ có chưa đến một nửa số vận động viên nam hoàn thành được giải đua này? Mỗi năm, hơn 90% nữ vận động viên chạy bộ mang được mặt thất lưng hoàn thành giải về nhà, trong khi 50% đám nam giới lại phải tìm cách vin đũa lý do. Ngay cả Ken Chlouber cũng không thể giải thích được tỷ lệ hoàn thành cuộc đua cao ngất trời của nữ giới, nhưng anh ta cũng tận dụng rất giỏi điều này: “Tất cả những người dẫn tốc độ của tôi đều là nữ.” Chlouber nói. “Và họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.”

Hãy thử một vấn đề khác: nếu bỏ người Tarahumara trong cuộc đua năm ngoái, thì bạn có gì?

Câu trả lời: một người phụ nữ lao qua dải băng vạch đích.

Trong số những ồn ào về người Tarahumara, một trong số ít điểm mà Vigil quan tâm là Christine Gibbons suýt nữa về đích thứ ba. Nếu chiếc xe của Rick Fisher không hỏng quạt tản nhiệt ở Arizona, thì một người phụ nữ chỉ thiếu 31 giây để giành chức vô địch chung cuộc.

Tại sao điều đó có thể xảy ra? Chưa từng có người phụ nữ nào đứng trong top 50 người chạy một dặm nhanh nhất thế giới (kỷ lục thế giới cho chạy một dặm của nữ, 4 phút 12 giây, đã bị nam giới đánh đổ từ cách đây một thế kỷ, và bây giờ thì thường xuyên bị đánh đổ bởi các cậu trai trung học). Một phụ nữ có thể len vào vị trí 20 người đứng đầu trong một giải marathon (năm 2003, kỷ lục thế giới của Paula Radcliffe 2 giờ 15 phút 25 giây vẫn chậm hơn 10 phút so với kỷ lục thế giới của nam giới 2 giờ 04 phút 55 giây do Paul Tergat xác lập). Nhưng trong các cuộc đua siêu dài, phụ nữ lại giành được nhiều giải cao. Tại sao, Vigil thắc mắc, mà khoảng cách giữa các nhà vô địch nam và nữ lại nhỏ đi khi cuộc đua kéo dài thêm – đáng nhẽ phải ngược lại mới đúng?

Chạy siêu dài dường như nằm trong một vũ trụ khác, nơi mọi định luật trên Trái đất đều bị vô hiệu hóa: nữ giới mạnh hơn nam giới; người già mạnh hơn người trẻ; những gã sống thời đồ đá đi dép xăng đan lại mạnh hơn hết thảy. Và cự ly chạy tổng cộng nữa chứ! Sức ép đè lên chân họ vượt qua mọi kỷ lục. Chạy 100 dặm mỗi tuần đáng nhẽ phải là đường đi thẳng vào bệnh viện chấn thương chỉnh hình, nhưng những người chạy bộ siêu dài kỳ quặc này lại thực hiện cự ly đó trong một ngày. Vài người trong số họ còn chạy gấp đôi số đó mỗi tuần khi tập luyện và vẫn chẳng bị đau. Liệu có phải môn chạy siêu dài có tính tự chọn lọc, Vigil băn khoăn, có phải môn này chỉ thu hút những người chạy bộ với cơ thể không thể bị phá vỡ? Hay những người chạy bộ siêu dài đã tìm ra bí quyết để chạy được số dặm không tưởng?

Vì vậy, Joe Vigil đã phải lê thân mình ra khỏi giường, ném vào xe một bình giữ nhiệt chứa cà phê, và lái xe xuyên màn đêm để đến xem những thiên tài về cơ thể học này trình diễn. Ông nghi ngờ rằng, những người chạy bộ siêu dài cừ khôi nhất thế giới đang sắp sửa tìm ra được những bí mật mà người Tarahumara chưa từng quên lãng. Giả thuyết của Vigil đã đưa ông đến với một quyết định rất quan trọng, một điều có thể khiến cuộc sống của ông đảo lộn, và ông hy vọng, có thể thay đổi cuộc sống của hàng triệu người khác nữa. Ông cần phải nhìn thấy người Tarahumara để xác nhận một điều. Đó không phải là tốc độ của họ; ông còn hiểu rõ chân cẳng của họ hơn chính bản thân họ. Điều mà Vigil thèm khát, là nhìn được vào trong đầu của họ.

Bất thành linh, ông hít sâu một hơi. Có thứ gì đó vừa lướt ra khỏi những rặng cây. Thứ đó trông giống như những con ma... hay nhà ảo thuật, hiện ra từ một làn khói.

Ngay từ khi tiếng súng khai cuộc vang lên, Đội Tarahumara đã khiến tất cả bất ngờ. Thay vì đeo bám ở cuối đoàn như hai năm vừa qua, họ lao lên theo đội hình, nhảy lên vỉa hè Sixth Street để len qua đám đông và nắm các vị trí dẫn đầu.

Họ chạy nhanh – Có vẻ quá nhanh! Don Kardong, vận động viên marathon Olympic 1976 và là tay bút kỳ cựu cho tờ *Runner's World*, trầm nghĩ khi quan sát từ bên lề. Năm ngoái, Victoriano đã thể hiện sự khôn ngoan khi kiểm chế bằng cách chậm rãi vượt lên từ vị trí cuối cùng lên vị trí thứ nhất, tăng tốc dần dần khi đến gần vạch đích. Đó là cách để chạy cự ly 100 dặm.

Nhưng Manuel Luna đã bỏ ra cả năm trời để nhớ lại cách chạy đua của những người không thuộc bộ tộc này, và anh đã thực hiện tốt nhiệm vụ phổ biến lại cho đồng đội. Anh ta nói với họ rằng, đường chạy mở rộng dưới ánh đèn và rồi bất ngờ thắt cổ chai vào một lối mòn độc đạo tối tăm khi tiến vào rừng. Nếu không ở trong nhóm chạy trước, bạn sẽ kẹt lại sau một bức tường người vì các tay đua sẽ dừng lại và loay hoay với đèn pin, sau đó sẽ kẹt hàng một trên lối mòn. Tốt nhất là tăng tốc sớm để tránh chỗ kẹt, Luna khuyên đồng đội, rồi hạ tốc độ xuống sau.

Bất chấp tốc độ nguy hiểm đó, Johnny Sandoval đến từ thị trấn Gypsum, Colorado gần đó, bám chặt Martimano Cervantes và Juan Herrera. *Mặc mọi người phát điên lên vì Ann và đám người Tarahumara*, anh ta nghĩ, *minh sẽ lên lên giành chiến thắng*. Sau khi về thứ chín trong giải năm ngoái với thời gian 21 giờ 45 phút, Sandoval đã có một năm luyện tập tuyệt vời. Anh đã lặn lẽ đến Leadville suốt mùa hè, chạy từng chặng của cuộc đua nhiều lần cho tới khi thuộc lòng hết các lối rẽ ngoặt, từng cái rãnh, và các điểm băng qua suối. Chạy trong 19 giờ thì có thể chiến thắng, Sandoval tính toán, và đã sẵn sàng để thực hiện điều này.

Ann Trason dự định sẽ dẫn đầu, nhưng tốc độ tám phút một dặm ngay khi vừa xuất phát thì quá là điên rồ. Vì vậy, cô hài lòng khi giữ những ánh đèn nhấp nhô của Đội Tarahumara trong tầm mắt khi họ tiến vào khu rừng quanh hồ Turquoise, tự tin rằng cô sẽ dần bắt kịp họ không lâu sau đó. Đường mòn phía trước tối tăm, đầy đá và rễ cây chằng chịt, và điều này phù hợp với một trong những thế mạnh dị thường của Ann: cô yêu các buổi chạy đêm vô cùng. Ngay từ hồi đại học, nửa đêm chính là khoảng thời gian yêu thích để cô cầm một chiếc đèn pin, rủ thêm một người bạn và chạy quanh khuôn viên tĩnh lặng, khi cả thế giới thu lại trong ánh sáng lấp lóa của ngọn đèn bé nhỏ. Nếu ai đó có thể rút thời gian bằng cách chạy như mù trên một con đường mòn hiểm hóc, thì đó chính là Ann.

Khi tới trạm tiếp tế đầu tiên, Sandoval và những người Tarahumara đã bứt lên với khoảng cách hơn nửa dặm. Sandoval ghi danh tại trạm, xem thời gian – khoảng 1 giờ 55 phút cho 13,5 dặm – và lao ngay trở lại đường mòn. Tuy nhiên, những người Tarahumara, lại rẽ vào bãi đỗ xe và chạy về phía chiếc xe thùng của Rick Fisher. Họ cởi tung mấy đôi giày Rockport màu vàng như thể trong đó đầy kiến lửa. Rick và Kitty, đúng theo kế hoạch, đang đứng đó với các đôi huaraches của họ. Trình diễn sản phẩm như vậy là đủ rồi.

Những người Tarahumara quỳ xuống, cuốn dây da vòng quanh phần mắt cá, rồi vòng cao lên bắp chân, điều chỉnh độ chặt lỏng như thể lên dây đàn ghi ta. Đó là cả một nghệ thuật, tinh chỉnh vừa vặn một miếng cao su dưới lòng bàn chân chỉ với một sợi dây da sao cho nó không xộc xệch hay lỏng lẻo trong suốt 87 dặm đường mòn đầy sỏi đá. Rồi họ bật dậy và chạy đi, bám sát gót Johnny Sandoval. Khi Ann Trason tới trạm tiếp tế, Martimano Cervantes và Juan Herrera đã khuất khỏi tầm mắt.

Tốc độ này thì bệnh thật! Sandoval nghĩ, khi ngoái lại nhìn. Có ai nói cho mấy gã này biết rằng ở đây trời vừa mưa liền hai tuần qua không? Sandoval biết rằng họ đang hướng thẳng tới một vùng sinh nhóp nhép quanh các bãi lầy Twin Lakes và dọc xuống nửa sau đầy bùn của Hope Pass. Dòng sông Arkansas đang gầm vang sẽ là một vấn đề rắc rối; họ sẽ phải nhích lên, tay nọ chông tay kia, dọc theo một sợi dây an toàn để vượt qua, rồi bò lên đỉnh Hope Pass ở độ cao 600 m. Sau đó chạy vòng lại và lặp lại đường đua một lần nữa để quay về đích.

Được rồi, thế này là tụt sát! Sandoval quyết định khi anh vượt qua mức 23,5 dặm trong 3 giờ 20 phút. Mình sẽ giữ sức và hạ gục mấy gã này khi họ xuống sức. Anh ta để Martimano Cervantes và Juan Herrera chạy trước – và gần như ngay lập tức, bị Ann Trason vượt qua. Cô ta chui ra từ chỗ quái quỷ nào vậy? Ann phải biết rõ chứ; đây là tốc độ đi tới diệt vong.

Tới điểm đánh dấu 30 dặm ở khu cắm trại Half Moon, Martimano và Juan đã sẵn sàng ăn sáng. Kitty Williams đặt vào tay họ những cái bánh burrito nhân đậu mỏng dính. Họ lại vui vẻ vừa chạy vừa ăn và nhanh chóng bị mảng rừng già quanh núi Elbert nuốt chửng.

Ann chạy tới đó chỉ sau vài phút, bực mình và quát tháo. “Carl đâu? Anh ta ở chỗ quái nào vậy?” Lúc đó đã là 8 giờ 20 phút sáng và cô đã sẵn sàng giảm bớt cân nặng bằng cách bỏ lại đèn đeo trán cùng áo khoác. Nhưng mặc dù cô chạy chậm hơn nhiều so với tốc độ kỷ lục, chồng cô vẫn chưa tới được trạm tiếp tế.

Kệ xác anh ta; Ann giữ lại đồng hồ chạy đêm, và biến mất theo lối mòn của những người Tarahumara vô hình.

Ở dặm thứ 40, đám đông đứng vòng quanh căn nhà trạm cứu hỏa bằng gỗ cổ kính trong ngôi làng Twin Lakes với các túp lều nhỏ, nhìn ngó đồng hồ. Những tay đua dẫn đầu chắc sẽ không xuất hiện sau khoảng...

“Cô ấy kìa!”

Ann vừa lên đến đỉnh đồi. Năm trước, Victoriano phải mất 7 giờ và 12 phút để tới được đây; Ann thì chưa cần tới sáu tiếng. “Chưa từng có phụ nữ nào dẫn đầu đoàn đua ở vị trí này của giải.” Scott Tinley nói với vẻ nghi hoặc, anh là người hai lần vô địch cuộc thi ba môn phối hợp Ironman, lúc đó đang làm bình luận viên truyền hình cho chương trình *Wide World of Sports* của đài ABC. “Chúng ta đang chứng kiến cuộc trình diễn khó tin của lòng can đảm trong thể thao hiện đại.”

Chưa đầy một phút sau, Martimano và Juan tiến ra khỏi rặng cây và lao xuống đồi theo cô gái. Tony Post của hãng giày Rockport bị choáng ngợp bởi cảnh đó, ông chẳng màng đến khoảnh khắc đội của ông không những đang thua mà còn quăng đi đôi giày do chính ông trả tiền từ lúc nào. “Thật sững sờ!” Post nói, ông từng là một vận động viên marathon có thứ hạng quốc gia, với kỷ lục khoảng hơn 2 giờ 20 phút. “Chúng tôi kinh ngạc, nhìn người phụ nữ này vươn lên nắm vị trí kiểm soát.”

Thật may, chồng của Ann lần này đã có mặt đúng giờ. Anh đưa cho Ann một quả chuối, rồi dẫn cô vào trong trạm cứu hỏa để thực hiện kiểm tra y tế. Tất cả các tay đua giải Leadville phải kiểm tra mạch và cân nặng ở điểm mốc 40 dặm, vì cân nặng sụt giảm quá nhanh là dấu hiệu sớm của tình trạng mất nước nghiêm trọng. Chỉ khi bác sĩ Perna cho phép, họ mới được gieo mình vào cái cối xay thịt phía trước: ở đó, lưng lửng bên kia bãi lầy, là cuộc leo gần 800 m lên đỉnh Hope Pass.

Ann tranh thủ ăn chuối trong khi một cô y tá tên là Cindy Corbin điều chỉnh cái cân. Chỉ một lát sau, Martimano bước lên chiếc cân bên cạnh Ann.

“¿Cómo está, Mamá?” Kitty Williams hỏi Martimano, đặt tay lên lưng anh để khích lệ. Anh cảm thấy thế nào sau gần sáu giờ liên tục chạy trên đồi cao ngất, với tốc độ nhanh không tưởng?

“Hãy hỏi xem anh ta cảm thấy thế nào khi bị phụ nữ đánh bại.” Ann nói vọng sang. Vài tiếng cười e dè cất lên trong phòng, nhưng Ann thì không; cô gườm gườm nhìn Martimano như thể cô là võ sĩ đai đen còn anh ta là chồng gạch. Kitty nhìn lại với ánh mắt đe dọa, nhưng Ann lò đi và tiếp tục khóa cặp mắt vào Martimano. Martimano quay sang nhìn Kitty với vẻ ngỡ ngàng, nhưng Kitty quyết định không dịch lại. Trong suốt nhiều năm chạy bộ siêu dài và chạy dẫn tốc độ cho cha mình, đây là lần đầu tiên Kitty từng nghe thấy một tay đua chế nhạo một tay đua khác.

Không giống như hầu hết mọi người trong phòng lúc đó nghe thấy, một đoạn băng miêu tả sự kiện này sau đó cho thấy điều Ann nói thực ra là: “Hãy hỏi xem anh ta cảm thấy thế nào khi thi đấu với một phụ nữ.” Nhưng dù cho lời lẽ chính xác của cô có thể còn phải tranh cãi, nhưng thái độ của cô thì

không thể nhầm lẫn: Ann không chỉ chiến thắng bằng cách nỗ lực chạy, cô chiến thắng bằng nỗ lực ganh đua. Cuộc độ sức này sẽ trở thành trận đấu sinh tử.

Khi Martimano xuống khỏi chiếc cân, Ann len qua và vội lao ra cửa. Cô cài chiếc túi bụng – vừa chứa thêm gel carbohydrate, găng tay, và một chiếc áo mưa, đề phòng gặp phải mưa tuyết hoặc những đợt gió lạnh công trên đỉnh rặng cây – và bắt đầu chạy xuôi xuống con đường hướng về ngọn núi tuyết phủ. Cô chạy ra quá nhanh, Martimano và Juan vẫn còn đang cắn mấy lát cam trong khi Ann đã đi tới chỗ ngoặt và khuất khỏi tầm mắt.

Chuyện gì xảy ra với cô vậy? Câu nói móc mỉa, rồi việc ra đi trong vội vã – Ann còn chẳng có thời gian thay áo, tắt khô, hay nhồi thêm calo xuống cổ họng. Và hơn nữa là tại sao cô lại vượt lên dẫn đầu? Dặm thứ 40 mới chỉ là hiệp đầu trong một cuộc chiến rất dài. Khi vọt lên dẫn đầu, bạn sẽ dễ bị hạ; bạn từ bỏ hết mọi yếu tố bất ngờ, và trở thành tù nhân của tốc độ của chính mình. Ngay cả những đứa trẻ học cấp hai thi chạy cự ly một dặm cũng hiểu rằng chiến thuật thông minh nhất là ngồi trên vai của người dẫn đầu, chỉ chạy nhanh hết sức khi bắt buộc phải làm, sau đó tăng tốc và vượt lên ở vòng cuối cùng.

Một ví dụ kinh điển: Steve Prefontaine. Pre tăng tốc quá nhanh hai lần trong cùng một cuộc đua ở kỳ Olympic năm 1972; cả hai lần, anh ta đều bị bắt kịp. Ở vòng cuối, Pre chẳng còn lại gì và để tuột mất huy chương khi về đích thứ tư. Trận bại lịch sử đó đã cho ta một bài học: không ai từ bỏ vị trí truy đuổi nếu như không bị buộc phải làm như vậy. Trừ khi bạn là kẻ ngốc, hoặc một kẻ liều mạng – hoặc bạn là Garry Kasparov.

Trong giải Vô địch Cờ vua Thế giới năm 1990, Kasparov mắc một lỗi tai hại và mất luôn quân hậu ngay ở đầu ván cờ quyết định. Các kiện tướng cờ vua khắp thế giới rên lên đau đớn; tay chơi trên bàn cờ nay trở thành môi ngon để bị triệt hạ (một người quan sát kém lịch thiệp của tờ *Thời báo New York* nhạo báng). Nhưng, đó không phải là lỗi; Kasparov đã cố tình hy sinh quân cờ mạnh nhất của mình để có được lợi thế tâm lý mạnh hơn nhiều. Anh cực kỳ lợi hại khi bị dồn đến chân tường, bị ép phải tung ra những đòn hiểm ác, và trở nên ngẫu hứng để tìm lối thoát. Anatoly Karpov, đối thủ xứng tầm của anh, đã quá bảo thủ khi dồn ép Kasparov ngay từ đầu ván đấu, và Kasparov đã tự tạo áp lực lên bản thân mình bằng canh bạc với quân hậu – và giành chiến thắng.

Đó là điều mà Ann đang làm. Thay vì săn đuổi những người Tarahumara, cô đã lựa chọn chiến lược đầy rủi ro, nhưng cũng tràn đầy hứng khởi, đó là để người Tarahumara phải săn đuổi mình. Xét cho cùng thì, ai thềm muốn chiến thắng hơn: con vật ăn thịt hay con mồi? Con sư tử có thể thất bại và trở lại cuộc săn vào một ngày khác, nhưng con linh dương thì chỉ được sai sót đúng một lần. Để đánh bại những người Tarahumara, Ann biết rằng cô cần nhiều hơn là sức mạnh ý chí: cô cần nỗi sợ. Khi vượt lên dẫn đầu, bất kỳ tiếng rảng rắc của cành cây nào phía sau lưng cũng sẽ khua cô nhanh hơn về vạch đích.

“Đứng vào vị trí dẫn đầu đồng nghĩa với việc hành động thật dữ dằn và phải thật tự tin.” Roger Bannister đã có lần ghi chép. “Nhưng nỗi sợ cũng đóng vai trò trong đó... phải tuyệt đối không được lo lắng, và phải để sự thận trọng tan đi theo gió.”

Ann có đủ sự dữ dằn và tự tin. Giờ đây, cô đã quẳng đi hết thận trọng và để nỗi sợ trở lên cầm cương. Lần đầu tiên, chạy bộ siêu dài được chứng kiến canh bạc với quân hậu.

Cô ấy thật điên rồ! Cô ấy... thật đáng sợ.

Huấn luyện viên Vigil là một người luôn bị ám ảnh bởi các dữ liệu khô khan, nhưng khi chúng kiến Ann lao đi trên rặng Rocky với kế hoạch liều mạng của mình, ông lại thấy yêu cái thực tế rằng chạy bộ siêu dài chẳng có khoa học gì hết, không có sách vở, không có hướng dẫn tập luyện, và chẳng có kiến thức phổ thông. Chính cái kiểu tự sáng tạo hoàn toàn tự do mới đem lại những bước đột phá, và Vigil hiểu điều này (Columbus, ban nhạc The Beatles, hay Bill Gates chắc cũng hân hoan tán thành). Ann Trason cùng đồng bọn như những nhà khoa học điên khùng quậy phá với đồng chai lọ trong phòng thí nghiệm dưới lòng đất, lờ đi tất thảy trong môn thể thao này và được tự ý thách thức tất cả các nguyên tắc đã từng biết về giày dép, thức ăn, cơ sinh học, cường độ tập luyện... *tất cả mọi thứ.*

Và bất kỳ đột phá nào họ tìm ra cũng đều có lý. Với những người chạy bộ siêu dài, Vigil luôn cảm thấy nhẹ nhõm như đang làm việc với mẫu vật thí nghiệm thuần khiết nhất. Ông không bị lừa bịp bởi những trò biểu diễn siêu năng lực tầm phào, như sức bền bỉ “thần kỳ” của các tay đua xe đạp giải Tour de France, hay sức mạnh phi thường của một tay chày đầu quả dưa bất thành linh đánh toàn những cú home-run ăn điểm, hay tốc độ bùng nổ của những nữ vận động viên chạy nước rút giành được năm huy chương vàng trong một kỳ Olympic trước khi vào tù vì gian lận sử dụng steroid. “Ngay cả nụ cười tươi sáng nhất,” một người quan sát nói về nỗi nhục nhã ê chề của nữ hoàng điền kinh Marion Jones, “cũng có thể đang che giấu một lời nói dối.”

Vậy, ta có thể tin vào ai? Dễ thôi, nụ cười của những gã khùng chạy trong rừng.

Những người chạy bộ siêu dài chẳng có lý do gì để gian lận, vì họ chẳng đạt được lợi lộc gì: không danh tiếng, chẳng giàu sang, không huy chương chiến thắng. Chẳng ai biết họ là ai, hay quan tâm xem ai chiến thắng trong cuộc du ngoạn kỳ lạ trong rừng của họ. Họ còn chẳng giành được giải thưởng bằng tiền; tất cả những gì bạn giành được khi chiến thắng trong một cuộc chạy đua siêu dài là cái mặt thất lưng giống y như của người về đích thứ bét. Vì thế, là một nhà khoa học, Vigil có thể tin tưởng vào những dữ liệu từ một cuộc đua siêu marathon; và với tư cách một người hâm mộ, ông có thể tận hưởng cuộc trình diễn mà không hề có chút coi thường hay nghi hoặc. Ann Trason không có EPO (hormone dùng để doping máu) trong máu, không có máu mua tộm giấu trong tủ lạnh, và chẳng có các ống tiêm steroid đồng hóa mua từ Đông Âu trong tài khoản FedEx.

Vigil biết rằng nếu ông có thể hiểu được Ann Trason, ông sẽ biết một người cừ khôi có thể làm nên điều gì. Nhưng nếu có thể hiểu được người Tarahumara, ông sẽ biết *tất cả mọi người* có thể làm gì.

Ann hít từng hơi thở sâu và run bắn. Lướt chạy thúc lên đỉnh Hope Pass quả thật đau đớn, nhưng cô liên tục tự nhắc nhở mình rằng từ lần Carl chửi mắng cô, chưa ai từng đánh bại cô trong một cuộc leo dốc nữa. Khoảng hai năm trước, cô và Carl đang chạy trong một ngày mưa, Ann bắt đầu cần nhằn về ngọn đồi trơn trượt, tưởng chừng như kéo dài mãi phía trước. Carl mệt mỏi vì phải nghe phàn nàn nên đã rửa xả cô bằng từ ngữ thậm tệ nhất mà anh có thể nghĩ ra.

“Đồ hèn!” Ann sau này kể lại. “Đồ hèn! Ngay từ khi đó, tôi quyết định sẽ tập luyện để trở thành người leo dốc giỏi hơn anh ta.” Và không chỉ giỏi hơn Carl, mà phải là hơn bất kỳ ai khác; Ann đã biến mình thành một con sơn dương leo dốc khoẻ tới mức các con dốc trở thành nơi yêu thích của cô để tung ra đòn quyết định và bút phá trong các cuộc đua.

Nhưng giờ đây, khi tiến gần tới đỉnh Hope Pass, cô liếc lại phía sau và thấy Martimano và Juan đang từ từ rút ngắn khoảng cách, lướt đi nhẹ nhàng trong những tấm áo choàng phấp phới quanh mình.

“Chúa ơi!” Ann hỗn hển. Cô đang cúi gập người về phía trước tới mức gần như có thể lòi mình lên dốc bằng tay. “Tôi không hiểu tại sao họ làm được như vậy.”

Xa hơn chút nữa phía dưới núi, Manuel Luna và phần còn lại của Đội Tarahumara cũng đang đuối theo. Họ bị tản ra trong những dặm đầu tiên bởi tốc độ nhanh đến giật mình, nhưng lúc này – như một đám chất nguyên sinh của người ngoài hành tinh tụ lại và mạnh hơn mỗi khi bạn đập tan chúng ra thành từng mảnh – họ lại đang khóa chặt lại thành đội hình sau lưng Manuel Luna.

“Chúa ơi!” Ann thốt lên lần nữa.

Cuối cùng, cô cũng lên tới đỉnh. Quang cảnh thật hùng vĩ; nếu Ann quay người lại, cô có thể nhìn thấy toàn bộ 45 dặm cây đại trai dài từ chỗ cô đứng tới tận Leadville. Nhưng cô thậm chí còn chẳng dừng lại để uống lấy một ngụm nước. Cô đang có trong tay con át chủ bài, và cô phải dùng tới nó ngay bây giờ. Cô bị chóng mặt vì không khí loãng và hai gân kheo đang gào thét, nhưng Ann vẫn bước thẳng qua đỉnh và bắt đầu rảo chân xuống dốc.

Đây là một biệt tài của cô: dùng địa hình để hồi phục khi đang di chuyển. Sau lượt đổ dốc đứng đầu tiên, đợt xuống dốc ở mặt lưng núi nhanh chóng chuyển thành quãng ngoặt quay đầu bằng phẳng hơn, và Ann có thể ngả người ra, lỏng bớt chân, và thả mình để trọng lực làm việc. Một thoáng sau, cô đã bắt đầu cảm thấy những chỗ giật giật ở bắp chân dịu bớt và sức mạnh dần trở lại với phần đùi. Khi tới đáy con dốc, đầu cô đã lại ngẩng cao và tia sáng lấp lánh lại xuất hiện trong cặp mắt báo.

Đã đến lúc bật động cơ phản lực. Ann rẽ khỏi lối mòn lầy lội và tiến lên mặt đường cứng rắn, đôi chân cô guồng nhanh và lỏng khỏi hông khi cô tăng tốc vào ba dặm cuối trước khi tới điểm quay đầu.

Trong khi đó, Juan và Martimano lại bị phân tâm một chút. Ngay khi vừa qua khỏi rặng cây phía trên, họ giật mình nhìn thấy một đàn quái vật kỳ dị, lông lá – trong đó có cả súc vật. “XÚP ĐÂY, CÁC ANH!” Một giọng khàn khàn từ đâu đó trong đàn quái thú hướng về phía những người Tarahumara đang ngo ngác. Những người Tarahumara vừa trợn mắt nhìn đầu với một bộ lạc man dại khác: nhóm Hopeless Crew.

12 năm trước, Ken Chlouber đã vận động đủ láng giềng để lập ra hơn nửa tá trạm tiếp tế, nhưng từ chối không đưa ai lên đỉnh Hope Pass; ngay cả gã thợ mỏ gai góc vốn vui thích với tỷ lệ nhập viện cao của giải đua này cũng cho rằng việc làm đó là bất nhân. Một người tình nguyện trên Hope Pass sẽ buộc phải đưa đủ đồ tiếp tế lên núi để cho đoàn người chạy bộ bệ rạc lần lượt kéo nhau lên ăn, uống, sơ cứu, và phải cắm trại hai đêm trên đỉnh một ngọn núi tuyết với những cơn gió mạnh thổi ào ào. Không thể nào; nếu Ken đưa bất kỳ ai lên đó, anh ta sẽ phải trả cả núi tiền nếu người đó không bao giờ đi xuống.

May thay, một nhóm nông dân chăn lạc đà không bước ở Leadville nhún vai và nói, ày, có quái gì đâu. Nghe như một buổi tiệc tùng vậy. Họ chất lên lưng lũ lạc đà đủ thức ăn và rượu để sống sót hết cuối tuần, và cắm cọc dựng lều ở độ cao gần 3.900 m. Từ đó trở đi, nhóm Hopeless Crew phát triển thêm và trở thành một đội tám mươi mấy con người mạnh mẽ gồm cả chủ lạc đà và bạn bè của họ. Trong hai ngày, họ chống chọi với những trận gió dữ dội và những ngón tay bị bỏng lạnh để cung cấp đồ cứu thương và xúp nóng, đưa những tay đua bị chấn thương xuống bằng lạc đà, và họ vẫn tiệc tùng trong suốt thời gian đó như một bộ tộc người tuyết dễ thương. “Hope Pass là một nơi khủng khiếp kể cả trong một ngày đẹp trời.” Ken nói. “Nếu không có lũ lạc đà đó, chúng tôi hẳn đã mất rất nhiều người.”

Juan và Martimano rụt rè đập tay đáp trả khi họ chạy qua đám Hopeless Crew đã khàn cả giọng. Họ dừng lại để uống nước, khu trại của đám dân du mục vẫn trong tầm mắt (và cả mấy cốc mì rất ngon mà ai đó dúi vào tay họ nữa), rồi nhanh chân chạy xuống mặt sau quả núi. Ann đã hoàn toàn ra khỏi tầm mắt.

Ann tới mốc 50 dặm vào lúc 12 giờ 05 trưa, nhanh hơn gần hai giờ so với thời gian của Victoriano năm ngoái. Carl đưa thêm cho cô đồ uống thể thao và gel carbohydrate Cytomax, rồi đeo cái túi bụng

của mình lên và thắt nút dây giày. Theo luật của giải Leadville, một “cửu vạn” có thể chạy cùng với một tay đua trong 50 dặm sau, đồng nghĩa với việc Ann sẽ có đội hỗ trợ ngay bên mình từ đây cho đến tận vạch đích.

Người dẫn tốc độ tốt có thể trợ giúp rất nhiều trong cuộc đua siêu dài, và Ann có được một trong những người giỏi nhất: Carl không chỉ đủ nhanh để hối thúc cô, mà còn đủ dày dặn kinh nghiệm để kiểm soát trong trường hợp đầu óc của Ann mất tỉnh táo. Sau khoảng 20 giờ chạy bộ liên tục, một tay đua siêu dài có thể bị tê liệt đầu óc đến mức không thay nổi pin cho đèn đeo trán, hoặc nhầm lẫn các chỗ đánh dấu đường mòn, và thậm chí, như trong trường hợp không may của một tay đua giải Badwater năm 2005, nhầm lẫn rằng con nhu động ruột sắp xảy ra, trong khi nó lại đang thực sự diễn ra rồi.

Và đó vẫn là các tay đua còn tỉnh táo. Đối với những người còn lại, ảo giác không có gì xa lạ; một người chạy bộ siêu dài đã từng liên tục hò hét và nhảy tránh vào rừng cây mỗi khi nhìn thấy một ánh đèn pin, vì cho rằng đó là một đoàn tàu đang chạy tới. Một người khác lại vui vẻ với người đồng hành là một cô nàng nóng bỏng mặc bộ bikini màu bạc, trượt trên giày patin song hành với anh ta nhiều dặm liền dọc theo Thung lũng Chết cho tới khi cô ta tan vào màn hư ảo của cái nóng. Người ta nói rằng trong năm đó tại giải Badwater, có sáu trong số 20 tay đua gặp phải ảo giác, bao gồm cả một người nhìn thấy các xác chết đang phân huỷ trên đường và “quái vật chuột biến đổi gen” bò trên đường nhựa. Một người dẫn tốc độ hoảng hồn sau khi cô thấy tay đua của mình chăm chú nhìn vào khoảng trống và nói với không khí rằng: “Tôi biết bạn không phải là thật.”

Vì vậy, một người dẫn tốc độ bền bỉ có thể cứu vãn cuộc đua của bạn; một người dẫn tốc độ tỉnh táo có thể giữ tính mạng cho bạn. Tiếc thay cho Martimano, lúc đó, hy vọng lớn nhất của anh là gã tóc bù xù kỳ quặc mà anh gặp trong thị trấn sẽ xuất hiện – và thực sự có thể chạy được.

Đêm trước ngày đua, Rick Fisher đã dẫn Đội Tarahumara đi ăn mì spaghetti tại sảnh VFW của thị trấn Leadville, hy vọng có thể tuyển mộ được vài người dẫn tốc độ. Đây không phải điều dễ dàng; dẫn tốc độ rất khó và chẳng được ai để tâm, thông thường chỉ có người thân trong gia đình, những gã ngu ngốc, và bạn cực kỳ thân thiết mới bị dụ dỗ làm việc này. Nhận làm người dẫn tốc độ đồng nghĩa với việc đứng run rẩy giữa nơi hẻo lánh hàng giờ liền cho tới khi tay đua của bạn xuất hiện, sau đó xuất phát lúc hoàng hôn và tham gia một cuộc chạy xuyên đêm qua các ngọn núi heo hút. Bạn sẽ đổ máu trên ống chân, nôn oẹ xuống giày, và thậm chí chẳng nhận được một chiếc áo giải mặc dù hoàn thành hai cuộc marathon liên tục trong một đêm. Các yêu cầu của công việc này bao gồm cả việc phải thức canh trong khi tay đua của bạn tranh thủ chợp mắt giữa đồng bùn lầy; chọc thủng một vết rộp giữa khe móng của cô ta bằng móng tay bạn; nhường áo khoác ngay cả khi bạn đang đánh đàn răng, bởi vì môi của cô ta tím ngắt.

Trong bữa tối với món spaghetti, Martimano liên tục đánh mắt với một người dân bản địa tóc dài và chẳng hiểu sao, gã này cười phá lên. Martimano cũng cười; anh thấy gã tóc xù kia hay ho và ngộ nghĩnh. “Tôi chạy cùng nhé, người anh em!” Tóc Xù nói. “Anh có hiểu không đấy? Tú và yo. Anh mà cần cửu vạn, thì có tôi đây.”

“Ôi, ôi, gượng đã!” Fisher chen ngang. “Anh chắc là mình chạy đủ nhanh để theo những người này chứ?”

“Anh có mang lại ân huệ gì cho tôi đâu!” Tóc Xù nhún vai. “Anh còn có ai đang xếp hàng nhận làm việc này nữa chắc?”

“Ờ!” Fisher nói. “Đành vậy.”

Và đúng như đã hứa, Tóc Xù đang hú hét và vẫy tay ở trạm tiếp tế vào buổi chiều hôm sau, khi Juan và Martimano chạy tới điểm quay đầu ở mốc 50 dặm. Họ uống một hơi dài nước mát, lấy một ít pinole và bánh burritos nhân đậu mỏng từ Kitty Williams. Rick Fisher cũng đã kiếm được một người dẫn tốc độ khác, một người chạy siêu dài thuộc loại cừ khôi đến từ San Diego, cũng đã từng học theo cách thức của người Tarahumara từ lâu. Bốn người chạy bộ trao đổi những cái bắt tay kiểu

Tarahumara – khẽ chạm các đầu ngón tay – và quay lại hướng về Hope Pass. Ann đã khuất khỏi tầm mắt.

“Thắng yên vào nào!” Tóc Xù nói. “Hãy cùng đi bắt mụ *bruja*.”

Juan và Martimano hầu như chẳng hiểu anh ta nói gì, nhưng nắm được đúng ý: Tóc Xù đang gọi Ann là một mụ phù thủy. Họ nhìn kỹ lại xem anh ta có nói thật hay không, rồi quyết định rằng anh ta đang đùa cợt, và bắt đầu cười to. Gã này đúng là một cú hích tốt.

“Phải đấy, cô ta là *bruja*, nhưng vậy cũng hay.” Tóc Xù nói tiếp. “Chúng ta có các *mojo* mạnh hơn. Các anh có hiểu từ đó không, *mojo*? Không à? Chẳng sao! Chúng ta sẽ săn *bruja* đó như một con hươu. Như một con *venado*. Đúng vậy, *venado*. Hiểu chứ? Ta sẽ săn đuổi *bruja* như một con *venado*. Poco a poco – dần từng tí một.”

Nhưng *bruja* không chùn bước. Tới thời điểm lên đỉnh Hope Pass lần thứ hai, Ann đã nói rộng khoảng cách từ bốn phút lên tận bảy phút. “Tôi đang hướng lên Hope Pass, và cô ta bay vọt qua tôi từ hướng ngược lại – vèo!” Một tay đua trong giải Leadville tên là Glen Vaassen sau này kể lại với tạp chí *Runner's World*. “Cô ta đang ngon trốn.”

Cô ta lần ngược lại xuống tới đáy của điểm ngoặt và lao xuống đi xuyên qua dòng sông Arkansas, cố gắng chống đỡ để không bị quét xuống hạ lưu trước con nước cao tận ngang hông. Lúc đó là 2 giờ 31 phút chiều, khi cô và Carl trở lại trạm cứu hoả Twin Lakes ở mốc 60 dặm. Ann đăng ký tên, kiểm tra y tế, và lê ngược lên con dốc đất cao ba mét để tới được đầu đường mòn. Khi Tóc Xù và những người Tarahumara đến nơi, Ann đã đi khỏi đó được 12 phút.

Tình cờ, Ken Chlouber cũng vừa đi đến trạm tiếp tế Twin Lakes và chuẩn bị ra ngoài khi Juan và Martimano bắt đầu đoạn đường quay trở về. Tất cả mọi người trong trạm cứu hoả đều náo loạn về tốc độ kỷ lục của Ann và việc cô càng ngày càng bỏ xa ở vị trí dẫn đầu, nhưng khi Ken quan sát Juan và Martimano rời khỏi trạm cứu hoả, anh bỗng ngẩn ra vì một chuyện khác: khi hai người này leo lên con dốc đất, họ vừa leo vừa cười.

“Tất cả mọi người đều đi bộ lên con dốc đó.” Chlouber nghĩ, khi Juan và Martimano khuấy tung bụi đất trên con dốc như đám trẻ con đùa nghịch trong đồng lá. “Tất cả mọi người đều như vậy. Và chắc chắn là chẳng ai lại vừa chạy lên dốc vừa cười như thế.”

Da thịt quanh cơ thể tôi mềm ra và thư giãn, như một thử nghiệm trong nhạc nền có mục đích.

- Richard Brautigan, Trout Fishing in America (Câu cá hồi ở Mỹ)

T rông họ mới vui làm sao!” Huấn luyện viên Vigil kinh ngạc thốt lên. Ông chưa bao giờ thấy điều này. “Kỳ lạ thật!” Niềm vui sướng và lòng quyết tâm thường là hai cảm xúc đối kháng với nhau, vậy mà những người Tarahumara này lại tràn ngập cả hai sắc thái, cứ như việc chạy đến chết làm họ tràn trề sức sống hơn vậy.

Vigil hăng hái ghi chép lại (*Hãy nhìn cách họ chạy với ngón chân hướng xuống dưới, chứ không hướng lên trên, giống như các vận động viên thể dục dụng cụ đang tập trên thảm. Và lưng họ nữa! Họ có thể đội cả xô nước mà chẳng sánh ra ngoài một giọt. Đã bao nhiêu năm mình dạy học trò phải giữ thẳng lưng và chạy từ phần thân giữa cơ thể như vậy?*) Nhưng chính những nụ cười mới làm ông chấn động.

Đây rồi! Vigil nghĩ, và cảm thấy ngậy ngât. Mình đã tìm thấy rồi!

Có điều, ông vẫn không chắc chắn là mình tìm thấy điều gì. Phát hiện ông hằng mong đợi giờ đây đang ở ngay trước mắt, nhưng ông vẫn không thực sự nắm bắt được. Ông chỉ có thể cảm nhận được chút ánh sáng hé lộ, như tìm thấy bìa một cuốn sách quý hiếm trong một thư viện chỉ được chiếu sáng bằng ánh nến. Nhưng dù “nó” là gì chẳng nữa, thì ông cũng biết đó chính xác là điều mình đang tìm kiếm.

Vài năm qua, Vigil đã bị thuyết phục rằng bước đột phá tiếp theo trong thể thao sức bền của nhân loại sẽ đến từ một lĩnh vực mà ông sợ hãi khi tiến vào: Tâm tính. Không phải kiểu “tâm tính” mà các huấn luyện viên khác suốt ngày ra rả. Vigil không phải đang nói đến “khí phách” hay “sự thèm khát” hoặc “kiểu khí chất bên trong”. Điều ông muốn nói đến lại hoàn toàn trái ngược. Quan điểm của Vigil về tâm tính không phải là tính bền bỉ cứng rắn. Đó là lòng thương cảm. Lòng tốt. Tình yêu.

Đúng vậy: Tình yêu.

Vigil hiểu rằng điều này nghe có vẻ ủy mị ướt át, và đừng hiểu nhầm, chính ông đã từng cảm thấy hạnh phúc hơn nhiều khi bám lấy các thông số định lượng cụ thể như chỉ số VO2 tối đa, hay các bảng kế hoạch tập luyện có tính chu kỳ. Nhưng sau khi dành ra gần 50 năm nghiên cứu sinh lý học về phong độ, Vigil đã đi tới một kết luận không dễ chịu chút nào, rằng tất cả các câu hỏi dễ dàng đã được trả lời hết, ông càng ngày càng học được ít điều mới mẻ hơn. Ông có thể cho bạn biết chính xác một thiếu niên Kenya đã tập chạy được nhiều hơn bao nhiêu dặm so với thiếu niên Mỹ khi bắt đầu tập luyện (18.000 dặm chạy tập). Ông đã phát hiện ra tại sao các vận động viên chạy nước rút người Nga lại nhảy xuống từ thang (ngoài việc làm rắn chắc thêm cơ mặt ngoài chi dưới, thì chấn động đó sẽ dạy cho các dây thần kinh phản ứng nhanh hơn, làm giảm nguy cơ chấn thương trong luyện tập). Ông cũng đã phân tích được bí mật về chế độ ăn uống của những người nông dân Peru (sống ở trên độ cao lớn có tác động kỳ lạ đối với hệ trao đổi chất) và ông có thể nói chuyện hàng giờ về tác động của một phần trăm nhất định trong hiệu quả tiêu thụ oxy.

Ông đã hiểu rõ về cơ thể, vì vậy, bây giờ thì đến bộ não. Đặc biệt là: Làm thế nào bạn có thể khiến ai đó thực sự muốn làm những điều như thế này? Làm cách nào bạn bắt được công tắc bí mật biến chúng ta trở lại thành Người Chạy Bộ Bẩm Sinh như trước đây? Không phải tìm kiếm ở tận đâu trong lịch sử xa xưa, mà chính trong cuộc đời của bạn thôi. Bạn có nhớ không? Khi còn là một đứa trẻ và phải bị quát mắng thì bạn mới chịu chậm bót? Bạn chơi mọi trò với tốc độ nhanh nhất, chạy như điên khi đá ống bơ, hay chơi đuổi bắt ở sân sau nhà hàng xóm. Một nửa của niềm vui khi làm bất cứ điều

gì là làm điều đó với tốc độ kỷ lục, như thể đó là lần cuối cùng trong đời bạn có thể bị than phiền vì chạy quá nhanh vậy.

Đó mới thực sự là bí mật của người Tarahumara: họ chưa từng quên tình yêu dành cho chạy bộ. Họ nhớ được rằng chạy bộ chính là nghệ thuật đỉnh cao đầu tiên của nhân loại, là hoạt động sáng tạo theo cảm hứng nguyên thủy. Rất lâu trước khi chúng ta nguệch ngoạc vẽ lên trên vách hang động, hay vỗ theo nhịp vào những thân cây rỗng, chúng ta đã hoàn thiện nghệ thuật kết hợp hơi thở, trí não và các cơ bắp thành chuyển động tự thân tiến lên phía trước, vượt qua địa hình hoang dã. Và khi tổ tiên của chúng ta cuối cùng cũng vẽ nên những bức tranh đầu tiên trong hang động, thì các hình vẽ đầu tiên là gì? Một vết cắt xuống, hình tia sét xuyên qua một hình ảnh – Người Chạy Bộ.

Chạy đường dài được tôn sùng vì nó thiết yếu; đó là cách chúng ta sống sót, phát triển và nhân rộng ra khắp hành tinh này. Bạn chạy để kiếm ăn và để tránh bị ăn thịt; bạn chạy để tìm kiếm bạn tình và gây ấn tượng với nàng, và cùng nàng, bạn lại chạy để xây dựng một cuộc sống mới. Bạn phải yêu thích chạy bộ, nếu không, bạn sẽ chẳng còn sống để yêu bất kỳ thứ gì khác. Và cũng như mọi điều khác mà chúng ta yêu thích – tất cả những gì ta hay gọi một cách uỷ mị là “đam mê” và “ham muốn” – nó thực sự là một điều tất yếu được lập trình sẵn về mặt di truyền. Chúng ta sinh ra để chạy; chúng ta sinh ra bởi vì chúng ta chạy. Tất cả chúng ta đều là Người Chạy Bộ, điều mà người Tarahumara luôn hiểu rõ.

Nhưng, theo cách tiếp cận của Mỹ thì – ôi chao. Thối rữa từ bên trong. Quá nhiều thứ nhân tạo và gương ép, Vigil tin như vậy. Mọi thứ đều hướng về chuyện thành tích, và làm sao giành được nó ngay: những tấm huy chương, hợp đồng tài trợ với Nike, hay cặp móng đẹp đẽ. Nó không còn là một nghệ thuật nữa; tất cả là làm ăn, là đổi chác trần trụi. Không lấy gì làm lạ khi có nhiều người ghét chạy bộ đến vậy. Nếu bạn nghĩ rằng nó chỉ là một phương tiện để đi đến một điểm kết thúc nào đó – một khoản đầu tư để trở nên nhanh hơn, thon thả hơn, giàu có hơn – thì việc gì phải gắn bó với nó nếu bạn không nhận đủ lợi ích từ vụ đổi chác này?

Nhưng mọi việc không phải vẫn luôn như vậy – đã có lúc, chạy bộ là điều tuyệt vời. Hồi những năm 70, các vận động viên marathon của Mỹ rất giống với người Tarahumara, họ như một bộ lạc gồm toàn những kẻ bơ vơ bị cách ly với bên ngoài, chạy vì tình yêu và tin tưởng vào bản năng cùng với những dụng cụ đơn giản. Cắt bỏ phần trên của một đôi giày chạy những năm 70, bạn sẽ có một chiếc xăng đan: những đôi giày cũ của Adidas và Onitsuka Tigers chỉ bao gồm một lớp đế phẳng và dây buộc, chứ chẳng có kiểm soát chuyển động, nâng đỡ hõm chân hay miếng lót gót. Người ở thời những năm 70 chẳng biết đến mấy khái niệm “tiếp đất má ngoài” và “tiếp đất má trong”; mấy từ ngữ dùng trong các cửa hàng chạy bộ đó còn chưa được phát minh ra.

Việc tập luyện của họ cũng thô sơ như những đôi giày vậy. Họ chạy quá nhiều: “Chúng tôi chạy hai lần một ngày, thỉnh thoảng thì ba lần.” Frank Shorter nhớ lại. “Tất cả những gì chúng tôi làm là chạy – chạy, ăn và ngủ.” Họ cũng tập quá nặng: “Bài tập thông thường là để cho các vận động viên chạy cạnh tranh với nhau, chạy thi hằng ngày dưới hình thức các cuộc đua xe tự phát ngoài đường.” Một người quan sát miêu tả. Và họ quá thân thiện với nhau để có thể gọi là đối thủ cạnh tranh. “Chúng tôi thích chạy cùng nhau.” Bill Rodgers, một thủ lĩnh chạy bộ hồi những năm 70, từng bốn lần vô địch giải Boston Marathon, hồi tưởng. “Chúng tôi tận hưởng niềm vui với chạy bộ và chẳng phải chịu áp lực.”

Họ vô tư tới mức chẳng nhận ra rằng họ đáng ra phải bị kiệt quệ, tập quá sức, và bị chấn thương. Thay vào đó, họ chạy nhanh; rất nhanh. Frank Shorter giành được huy chương vàng Olympic năm 1972 và huy chương bạc năm 1976, Bill Rodgers được xếp hạng vận động viên marathon số một thế giới trong ba năm, còn Alberto Salaza chiến thắng ở giải Boston, New York, và giải siêu marathon Comrades. Tới đầu những năm 80, câu lạc bộ điền kinh Greater Boston đã có khoảng nửa tá vận động viên có khả năng chạy marathon với thành tích 2 giờ 12 phút. Sáu người, trong một câu lạc bộ nghiệp dư, trong một thành phố. 20 năm sau, bạn chẳng thể tìm thấy một vận động viên có khả năng chạy

được marathon 2 giờ 12 phút trên khắp cả nước. Nước Mỹ còn chẳng thể có nổi một vận động viên đạt ngưỡng 2 giờ 14 phút để đạt tiêu chuẩn dự Olympic 2000; chỉ duy nhất Rod DeHaven đổ vót vào Thế vận hội với tiêu chuẩn “B” 2 giờ 15 phút. Anh ta về đích ở vị trí 69.

Vậy thì, điều gì đã xảy ra? Tại sao chúng ta từ người đứng đầu, lại trở thành những kẻ thua cuộc và bị bỏ lại phía sau? Đương nhiên, khó có thể xác định một nguyên nhân đơn lẻ nào trong cái thế giới hỗn tạp này, nhưng nếu bắt buộc phải chọn, thì câu trả lời phù hợp nhất có thể được tóm tắt như sau:

Lẽ dĩ nhiên, sẽ có nhiều người đưa ra lý do để bào chữa, rằng người Kenya có một dạng biến đổi gen gì đó về các sợi cơ, nhưng đây không phải chuyện tại sao người khác chạy nhanh hơn; mà vấn đề là tại sao chúng ta chạy chậm đi. Và thực tế là, môn chạy bộ đường dài của nước Mỹ đã rơi vào một vòng xoáy diệt vong khi chuyển tiền nông xuất hiện trong bức tranh toàn cảnh. Các kỳ Olympic bắt đầu mở cửa cho các vận động viên chuyên nghiệp từ sau Olympic 1984, đồng nghĩa với việc các hãng sản xuất giày có thể lôi môn chạy bộ đường dài ra khỏi “chốn hoang dã” và đưa vào khu bảo tồn “được trả lương”.

Vigil đã đánh hơi thấy ngày tận thế đang cận kề, và ông đã cố gắng cảnh báo học trò. “Có hai vị nữ thần trong trái tim các bạn.” Ông nói. “Nữ thần Thông Thái và Nữ thần Giàu Sang. Tất cả mọi người đều nghĩ rằng họ phải trở nên giàu có trước, rồi sự khôn ngoan sẽ tới. Vì vậy, họ chỉ lo đuổi theo đồng tiền. Nhưng họ đã nhầm. Bạn phải dâng trái tim mình cho nữ thần Thông Thái trước, dâng cho nàng toàn bộ tình yêu, sự quan tâm chăm sóc, nữ thần Giàu Sang sẽ ghen tỵ và theo đuổi bạn.” Hay nói cách khác, đừng đòi hỏi bất kỳ điều gì từ chạy bộ, và bạn sẽ có được nhiều hơn cả những gì bạn tưởng tượng.

Vigil chẳng phải đang vỗ ngực về tính thanh cao của sự nghèo khó, hay mơ tưởng về một cộng đồng những vận động viên marathon rỗng túi sống khắc kỷ như những thầy tu. Thậm chí, ông còn chẳng biết chắc là mình có thực sự tìm thấy mấu chốt của vấn đề hay không, chứ đừng nói là nghĩ ra được giải pháp. Tất cả những gì ông muốn, là tìm ra Người Chạy Bộ Bẩm Sinh – một người nào đó chạy bộ thuần túy chỉ vì niềm vui, như một người nghệ sĩ đang đắm chìm trong cảm hứng – và nghiên cứu xem anh ta, hay cô ta tập luyện, sống và suy nghĩ như thế nào. Dù suy nghĩ đó là gì, thì có thể Vigil sẽ tìm cách cấy nó vào văn hóa Mỹ như một hạt giống báu vật truyền đời và quan sát nó lại được mọc lên một cách hoang dại một lần nữa.

Vigil đã có một mẫu vật hoàn hảo. Đã từng có một anh lính người Séc, một chàng trai hiền lành nhút nhát, chạy bộ với dáng xấu khủng khiếp đến mức “như vừa bị dao đâm trúng tim”, theo lời một cây bút thể thao. Nhưng Emil Zatopek yêu chạy bộ nhiều đến mức ngay khi còn là lính trong trại huấn luyện, anh từng nhiều lần vớ lấy cây đèn pin và biến vào rừng để chạy 20 dặm một lượt giữa đêm khuya.

Với đôi bốt quân đội.

Giữa mùa đông.

Sau một ngày dài toàn các bài huấn luyện bộ binh.

Khi tuyết rơi quá dày, Zatopek thường giậm chân tại chỗ trên đồng quần áo bẩn đang giặt, để vừa tập bài sức bền, vừa giúp cho quần áo trắng tinh. Ngay khi tuyết tan đến mức đủ để ra ngoài, anh liền hóa điên; anh sẽ chạy 400 m hết tốc lực, lặp đi lặp lại, 90 lần liền, nghỉ giữa các lần bằng cách chạy chậm 200 m. Kết thúc buổi chạy, anh đã thực hiện xong một bài tập tốc độ dài 33 dặm. Hỏi về tốc độ chạy, anh sẽ nhún vai; anh chẳng bao giờ tự bấm giờ. Để luyện tập cho khả năng bút phá, anh ta cùng vợ, Dana, thường chơi đuổi bắt với một mũi lao, phóng mũi lao đó cho nhau qua một sân bóng, như thể đang chơi môn đĩa ném Frisbee hình que hết sức nguy hiểm. Một trong những bài tập yêu thích của Zatopek kết hợp tất cả các tình yêu của anh vào một: anh chạy chậm xuyên qua rừng, chân đi bốt quân đội, và cõng người vợ yêu thương vô bờ bến trên lưng.

Đương nhiên, tất cả những việc đó chỉ làm uổng phí thời gian. Người Séc giống như đội tuyển xe trượt tuyết của Zimbabwe; họ chẳng có truyền thống, chẳng có huấn luyện viên, chẳng có tài năng thiên bẩm, chẳng có cơ hội chiến thắng. Nhưng việc bị gạt ra ngoài lề lại mang đến sự tự do; chẳng có gì để mất, nên Zatopek được thoải mái thử mọi cách để giành chiến thắng. Hãy xem giải marathon đầu tiên của anh: mọi người đều biết rằng cách tốt nhất để chuẩn bị cho cuộc chạy 26,2 dặm: chạy các cự ly dài với tốc độ chậm. Mọi người, chỉ trừ Emil Zatopek; anh tập bằng các lượt chạy nước rút 100 m.

“Tôi đã biết cách để chạy chậm rồi!” Anh đưa ra lý do. “Tôi nghĩ rằng vấn đề là làm thế nào để chạy nhanh.” Dáng chạy góm ghiếc, nhìn như đang giãy chết của anh là dấu chấm hết rành rành trong sách giáo khoa điền kinh (“Hình ảnh khủng khiếp đáng sợ nhất kể từ quái vật Frankenstein.” ... “Anh ta chạy cứ như bước tiếp theo sẽ là bước cuối cùng vậy.” ... “Anh ta trông như đang đánh vật với một con bạch tuộc trên một băng tải đang chạy”), nhưng Zatopek chỉ cười xoà. “Tôi không đủ tài năng để vừa chạy vừa tươi cười!” Anh nói. “Thật may đây không phải là trượt băng nghệ thuật. Bạn được tính điểm theo tốc độ, chứ không phải động tác.”

Và Chúa ơi, anh mới thích tán chuyện làm sao! Zatopek coi những cuộc thi cứ như những cuộc hẹn hò tốc độ vậy. Ngay cả khi đang ở giữa cuộc đua, anh vẫn thích tán dóc với những người chạy bộ khác và thử vốn tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Đức lỗm bỗm của mình, khiến một vận động viên người Anh phải lên tiếng phàn nàn. Những lần gặp mặt bạn bè phương xa, đôi khi anh có nhiều bạn mới trong phòng khách sạn tới mức phải nhường giường và đi ra ngoài ngủ dưới một gốc cây. Có lần, ngay trước một giải đua quốc tế, anh đánh bạn với một vận động viên người Úc đang cố phá kỷ lục 5.000 m của Úc. Zatopek chỉ đăng ký nội dung chạy 10.000 m nhưng anh đã nghĩ ra một kế hoạch; anh bảo anh chàng người Úc kia bỏ cuộc đua và xếp hàng cạnh Zatopek trong nội dung thi của mình. Zatopek dành nửa đầu cuộc đua 10.000 m để dẫn tốc độ cho người bạn mới đạt được kỷ lục, sau đó tăng tốc để lo việc của mình, và giành chiến thắng.

Nhưng, đó đúng là kiểu của Zatopek; các cuộc đua với anh giống như lang thang vào quán rượu. Anh thích thi đấu tới mức thay vì giảm khối lượng và chọn điểm roi, anh nhảy vào bất kỳ giải đua nào. Trong một khoảng thời gian hưng hực nhiệt huyết cuối những năm 40, Zatopek tham gia các giải đấu gần như cứ hai tuần một lần trong vòng ba năm liền và không bị thua lần nào, với 69 lần chiến thắng liên tục. Và ngay cả với một lịch đua dày đặc như thế, anh vẫn chạy trung bình 165 dặm một tuần trong suốt thời gian tập luyện.

Khi đến dự Olympic 1952 tại Helsinki, Zatopek chỉ là chàng hói 30 tuổi, không có huấn luyện viên, sống trong căn hộ chung cư vùng Đông Âu cũ kỹ và tù túng. Vì đội Séc quá mỏng, nên Zatopek được tùy ý lựa chọn nội dung thi đấu. Anh chọn tất cả. Anh xếp hàng ở nội dung 5.000 m và giành chiến thắng với một kỷ lục Olympic mới. Sau đó, anh lại ra xếp hàng tiếp ở nội dung 10.000 m, và giành huy chương vàng thứ hai, với một kỷ lục mới nữa. Anh chưa từng chạy cự ly marathon trước đó, nhưng có quái gì; với hai huy chương vàng, anh chẳng có gì để mất, vì thế, sao không chơi nốt cho xong và thử hết sức xem sao?

Sự thiếu kinh nghiệm của Zatopek đã nhanh chóng hiển hiện. Đó là một ngày nóng, vì vậy, Jim Peters, vận động viên người Anh, người đang giữ kỷ lục thế giới, quyết định dùng sức nóng để dạy cho Zatopek một bài học. Ở mốc 10 dặm, Peters đã đạt thời gian thấp hơn 10 phút so với chính tốc độ đạt kỷ lục thế giới của mình, và bứt xa khỏi đoàn đua. Zatopek không chắc là có ai chịu nổi tốc độ nhanh đến rộp da như vậy. “Xin lỗi!” Anh nói, khi chạy sánh vai với Peters. “Đây là lần đầu tôi chạy marathon. Chúng ta có đang chạy nhanh quá không?”

“Không!” Peter đáp. “Quá chậm.” Nếu Zatopek ngu ngốc đến mức đi hỏi, thì anh cũng đủ ngốc để hứng chịu bất kỳ câu trả lời nào.

Zatopek ngạc nhiên. “Quá chậm?” Anh hỏi lại. “Anh có chắc tốc độ này là quá chậm không?”

“Đúng vậy!” Peter nói. Và sau đó anh ta ngỡ ngàng.

“Được rồi. Cảm ơn anh.” Zatopek tin Peters và phóng đi.

Khi ra khỏi đường ống và chạy vào sân vận động, anh được chào đón bằng những tiếng gầm vang của sân vận động: không chỉ từ khán giả, mà cả các vận động viên từ mọi quốc gia xúm lại quanh đường chạy để cổ vũ. Zatopek lao qua dải băng vạch đích với kỷ lục Olympic thứ ba của mình, nhưng khi các đồng đội của anh ùa tới để chúc mừng, họ đã quá muộn: các vận động viên chạy nước rút của Jamaica đã nhắc bổng anh lên vai và đưa anh vào khu vực sân trong. “Ta hãy sống sao cho khi ta chết, đến người làm dịch vụ tang lễ cũng phải cảm thấy tiếc thương.” Mark Twain từng nói. Zatopek đã tìm ra cách để chạy mà khi giành chiến thắng, ngay cả các đối thủ cũng cảm thấy vui mừng.

Bạn không thể trả tiền cho ai đó để chạy với một niềm vui có tính lây lan như vậy. Bạn cũng chẳng thể cưỡng ép họ làm, như Zatopek đã chứng minh. Khi Hồng quân tiến vào Prague năm 1968 để đàn áp phong trào ủng hộ dân chủ, Zatopek đã buộc phải lựa chọn: đi theo những người Xô viết và thực hiện vai trò một đại sứ thể thao, hoặc dành quãng đời còn lại để cạo nhà xí trong một khu mỏ uranium. Zatopek đã chọn nhà xí. Và cứ như thế, một trong những vận động viên được yêu thích nhất thế giới đã biến mất.

Cùng thời điểm đó, tình cờ, đối thủ của anh trong việc giành danh hiệu người chạy bộ đường dài vĩ đại nhất thế giới cũng đang phải chịu trận. Ron Clarke, một chàng trai người Úc tài năng dị thường, với vẻ đẹp u tối và mơ màng như Johnny Depp, lại là kiểu người mà Zatopek có quyền ghen ghét. Trong khi Zatopek phải tự rèn luyện bằng cách chạy trên tuyết vào buổi đêm sau khi tan gác, anh chàng người Úc xinh trai lại được tận hưởng những buổi chạy nhẹ nhàng dưới ánh mặt trời, dọc theo các bãi biển ở bán đảo Mornington và được dạy bảo bởi các huấn luyện viên lão luyện. Tất cả những gì Zatopek mong ước có được, thì Clarke có thừa: Tự do. Tiền bạc. Nét thanh lịch. Tóc.

Ron Clarke là một ngôi sao – nhưng vẫn chỉ là một kẻ thua cuộc dưới con mắt của dân tộc mình. Mặc dù đã phá được 19 kỷ lục ở tất cả các cự ly từ nửa dặm cho tới sáu dặm, “gã tắc thờ” vẫn chưa bao giờ dành được danh hiệu quan trọng nào. Mùa hè năm 1968, anh bỏ lỡ cơ hội cuối cùng: trong lượt chạy chung kết cự ly 10.000 m tại Thế vận hội Mexico, Clarke bị hạ gục bởi cơn chóng mặt độ cao. Đoán trước được rằng có cả một trận sĩ nhục đang đợi tại quê nhà, Clarke hoãn chuyến trở về bằng cách nhả nhận ghé qua Prague để thăm hỏi người chưa từng thất bại. Cuối buổi gặp mặt, Clarke liếc thấy Zatopek lén bỏ thứ gì đó vào vali của mình.

“Tôi nghĩ chắc mình đang tuồn một thông điệp gì đó ra thế giới bên ngoài giúp ông, vì vậy, tôi không dám mở cái gói đó ra cho tới khi máy bay đã hoàn toàn rời khỏi mặt đất.” Clarke kể. Zatopek tạm biệt anh với một cái ôm thật chặt. “Bởi vì cậu xứng đáng.” Clarke thấy thật dễ chịu và xúc động; người thầy già nua đang phải đối mặt với những vấn đề tồi tệ hơn nhiều, nhưng vẫn vui vẻ tặng cậu trai trẻ một cái ôm như khi đứng trên bục chiến thắng, điều mà cậu vừa vượt mất.

Mãi sau đó anh mới phát hiện ra rằng Zatopek lúc đó không phải đang nói về cái ôm; trong vali của mình, Clarke tìm thấy chiếc huy chương vàng Olympic cự ly 10.000 m của Zatopek. Việc Zatopek tặng nó cho người thay mình đứng vào sách lưu giữ kỷ lục là vô cùng cao thượng; việc trao tặng nó đúng vào thời điểm mà anh sắp sửa mất hết mọi thứ trong cuộc đời mình, là một hành động cảm thông tột bậc.

“Lòng nhiệt tình, sự thân thiện, tình yêu cuộc sống của ông soi chiếu qua từng cử động.” Ron Clarke, sau này khi vượt qua được thời điểm khó khăn, đã nói. “Không có ai, và chưa từng có ai, vĩ đại hơn Emil Zatopek.”

Vì vậy, đây là điều mà huấn luyện viên Vigil đang cố làm rõ: Zatopek là một người vĩ đại tình cờ chơi môn chạy bộ, hay một người vĩ đại vì chạy bộ? Vigil không chắc về câu trả lời, nhưng linh tính mách bảo ông rằng có một mối liên hệ giữa khả năng yêu thương và khả năng yêu chạy bộ. Điều kiện là hoàn toàn giống nhau: cả hai đều phụ thuộc vào việc từ bỏ các ham muốn của riêng mình, gạt sang một bên những gì bạn muốn và trân trọng những gì bạn đang có, kiên nhẫn, vị tha và không đòi hỏi.

Tình dục và tốc độ – chẳng phải hai yếu tố này đều là biểu trưng cho hầu hết sự tồn tại của chúng ta; chúng ta đã không thể sống sót nếu không chạy; và có thể chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu như giỏi hơn ở yếu tố này có thể làm ta cừ khôi hơn ở yếu tố kia.

Hãy nhớ, Vigil là một nhà khoa học, không phải thầy tu giảng đạo. Ông ghét việc lan man sang những chuyện kiểu như Phật tọa đài sen, nhưng ông cũng không định lờ nó đi. Ông phải tìm ra mối liên kết giữa những gì mà mọi người cho là sự tình cờ, và càng nghiên cứu kỹ mối liên hệ cảm xúc này, ông càng thấy nó hấp dẫn hơn. Liệu có phải là tình cờ mà trong ngôi đền của những người chạy bộ chuyên tâm nhất bao gồm cả Abraham Lincoln (“Ông có thể đánh bại tất cả các chàng trai trong cuộc đua chạy bộ”) và Nelson Mandela (một vận động viên trường đại học nổi bật trong môn chạy việt dã, người mà ngay cả khi bị cầm tù, vẫn tiếp tục chạy bảy dặm mỗi ngày trong xà lim)? Có thể Ron Clarke đã không thi vị hóa khi mô tả Zatopek – có thể con mắt tinh nhạy của anh ta đã hoàn toàn chính xác: *Tình yêu cuộc sống của ông soi chiếu qua từng cử động.*

Đúng! Tình yêu cuộc sống! Chính xác là như vậy! Đó là điều khiến tim Vigil đập rộn lên khi ông nhìn thấy Juan và Martimano vô tư chạy ngược lên con dốc đó. Ông đã tìm thấy Người Chạy Bộ Bẩm Sinh của mình. Ông đã tìm thấy cả một bộ lạc toàn những Người Chạy Bộ Bẩm Sinh, và từ những gì ông đã được thấy, họ vừa vui tươi lại vừa đẹp đẽ như ông mong đợi.

Vigil già nua đứng một mình trong rừng cây, đột nhiên cảm nhận một luồng sinh khí bất tử. Ông nhen nhóm một kế hoạch to lớn. Không phải là chạy thế nào; mà là sống thế nào, bản chất giống loài và ý nghĩa của sự tồn tại của chúng ta. Vigil đã đọc về Lumholtz, và tại thời điểm đó, những lời lẽ của nhà thám hiểm vĩ đại đã bộc lộ ra kho báu ẩn giấu: đó là ngụ ý của Lumholtz khi ông gọi những người Tarahumara là “người kiến tạo lịch sử nhân loại.” Có lẽ, tất cả những rắc rối của chúng ta – tất cả những bạo lực, sự trì trệ, đau ốm, nổi mụn phiền và lòng tham mà chúng ta không thể vượt qua được – bắt đầu khi chúng ta ngừng sống như Người Chạy Bộ. Từ chối bản chất tự nhiên của mình, nó sẽ bùng nổ theo một cách khác, xấu xí hơn.

Sứ mệnh của Vigil đã rõ ràng. Ông phải lần tìm ngược lại con đường, từ chỗ chúng ta đã trở thành như thế nào, quay về chỗ người Tarahumara vẫn luôn sống ra sao từ trước tới nay, và tìm ra điểm mà chúng ta bị lạc bước. Tất cả các bộ phim hành động đều miêu tả sự hủy diệt của nền văn minh theo kiểu thảm họa đột ngột, một cuộc chiến tranh hạt nhân, một vết sao chổi chết chóc, hay một cuộc nổi dậy của người máy biết tư duy nhưng biến cố lớn thực sự có thể đang nhen nhóm ngay trước mắt chúng ta: vì tình trạng béo phì bị mất kiểm soát mà cứ ba đứa trẻ sinh ra tại Mỹ thì có một đứa có nguy cơ bị tiểu đường – đồng nghĩa với việc, chúng ta có thể sẽ là thế hệ người Mỹ đầu tiên sống lâu hơn chính con cái của chúng ta. Có thể người Hindu cổ đại giỏi hơn Hollywood khi tiên đoán rằng thế giới sẽ diệt vong không phải với một vụ nổ lớn mà là một cái ngập dài. Thần phá hủy Shiva sẽ tận diệt nhân loại bằng cách... chẳng làm gì hết. Ngài cứ tiếp tục luòl biếng. Ngài hút dần sức lực từ nguồn máu nóng của ngài khỏi cơ thể chúng ta. Để mặc chúng ta trở thành những con ốc sên.

Tuy nhiên, huấn luyện viên Vigil cũng chẳng điên rồ. Ông không định đề nghị chúng ta chạy hết vào hẻm núi với người Tarahumara để sống trong hang và ăn thịt chuột. Nhưng hẳn phải có những kỹ năng có thể truyền thụ được, phải không nào? Những nguyên tắc cơ bản Tarahumara có thể tồn tại và cảm rễ được trên đất Mỹ?

Bởi vì Chúa ơi, hãy tưởng tượng xem ta sẽ thu được những gì. Nếu bạn có thể chạy bộ hàng thập kỷ và không bao giờ bị chấn thương... và chạy được hàng trăm dặm mỗi tuần, tận hưởng từng dặm một... thấy nhịp tim mình hạ bớt, cảm giác căng thẳng cũng như cơn giận dữ mờ nhạt đi trong khi năng lượng của bạn trào dâng? Thử tưởng tượng tội ác, cholesterol, và lòng tham tan biến, khi một dân tộc gồm những Người Chạy Bộ Cuối Cùng đã tìm lại được bước chạy của mình. Hơn cả những học trò tham gia Olympic, cao hơn những thành tích và kỷ lục của chính ông, đây mới là di sản của Joe Vigil.

Ông chưa có tất cả các câu trả lời – nhưng nhìn thấy những người Tarahumara vọt qua trong những tấm áo choàng phù thủy, ông biết mình có thể tìm thấy chúng ở đâu.

T hật buồn cười, vì Tóc Xù cũng đang nhìn vào cùng khung cảnh đó và tất cả những gì anh thấy là một người đàn ông trung niên với một cái đầu gối bị quý ám.

Tai của Tóc Xù nghe thấy vấn đề trước tiên. Nhiều giờ liền, anh đã nghe tiếng loạt soạt nhẹ nhàng từ các đôi xăng đan của Juan và Martimano, nghe như tay trống đang gõ nhịp bằng chổi. Phần đế dép không giống như đập xuống nền đất mà giống vuốt ve hơn, cào nhẹ ra sau mỗi khi bàn chân của họ đá cao lên phía móng và vòng trở ra trước cho bước chạy tiếp theo. Giờ này qua giờ khác: soạt... soạt... soạt...

Nhưng khi họ chạy xuống núi Elbert trên con đường mòn độc đạo về phía mốc 70 dặm, Tóc Xù phát hiện thấy một lỗi nhỏ trong nhịp chạy ấy. Martimano dường như đang nâng niu một chân, đặt nó xuống cẩn thận hơn, thay vì vung nó mạnh như trước. Juan cũng nhận ra; anh liên tục liếc nhìn Martimano với vẻ không yên tâm.

“¿Qué pasa?” Tóc Xù hỏi. “Sao vậy?”

Martimano không trả lời ngay lập tức, chủ yếu là vì ông đang tập trung rà soát lại 12 giờ vừa qua để xem liệu mình có thể chỉ ra đích xác nguyên nhân gây ra cảm giác đau này hay không: liệu có phải vì ông đã chạy 13 dặm với giày chạy đường mòn lần đầu tiên trong đời? Hay là vì ông đã dùng chân đó làm trụ xoay ở các chỗ ngoặt gấp trong bóng tối? Hay là do bị trượt chân trên các tảng đá trơn nhầy dưới lòng sông chảy xiết? Hay là tại...

“La bruja.” Martimano nói. Chắc chắn là do mụ phù thủy. Quang cảnh bên trong trạm cứu hỏa bỗng nhiên hiện ra mồn mọt. Ánh mắt nhìn chòng chọc của Ann, mấy câu nói gì đó mà cô quát về phía ông, những ánh mắt kinh sợ của mọi người, còn Kitty thì không chịu dịch lại ra tiếng Tây Ban Nha, lời nhận xét của Tóc Xù – tất cả đã rõ. Ann đã nguyên rủa ông. “Tôi đã vượt qua cô ta.” Martimano sau này nói. “Nhưng sau đó cô ta đã yểm bùa chú lên đầu gối của tôi.”

Martimano đã sợ những điều như thế này từ khi gã Ngư Ông từ chối đưa thầy pháp của họ theo. Ở quê nhà Barrancas, các pháp sư bảo vệ iskiate và pinole khỏi phép thuật phù thủy, và chống lại tất cả các bùa chú yểm lên hông, đầu gối, móng của người chạy bộ bằng cách xoa vào các chỗ đó những viên đá nhẵn cùng thảo dược nghiền nát. Nhưng ở Leadville, người Tarahumara không có pháp sư nào bên cạnh và hãy xem điều gì đã xảy ra: lần đầu tiên sau 42 năm, đầu gối của Martimano gặp rắc rối.

Khi Tóc Xù hiểu được điều gì đang xảy ra, anh ta bỗng cảm thấy một cơn trào dâng cảm xúc. Anh nhận ra, họ không phải là thần thánh, họ chỉ là con người. Và như mọi người khác, thứ mà họ yêu thích nhất có thể mang lại cho họ nỗi buồn và sự băn khoăn. Chạy 100 dặm cũng làm cho người Tarahumara bị đau; họ phải đối mặt với những nghi ngờ, và phải cố gắng bịt miệng con quỷ đang ngồi trên vai họ, thò thẻ vào tai họ những lý do tuyệt vời để bỏ cuộc.

Tóc Xù quay sang Juan, lúc này đang bị giằng xé giữa việc tung vó chạy đi hay ở lại với người thầy của mình. “Đi trước đi!” Tóc Xù nói với Juan và người dẫn tốc độ của anh ta. “Tôi sẽ lo cho anh ấy. Hãy chạy và hạ gục mụ phù thủy đó như săn một con hươu!”

Juan gật đầu và nhanh chóng biến mất ở một lối rẽ trên đường mòn.

Tóc Xù nháy mắt với Martimano. “It’s tú y yo, amigo.” Chỉ còn tôi với anh thôi, anh bạn.

“Guadajuko.” Martimano nói. Thế cũng được.

Cái cảm giác được chạm đến vạch đích làm Ann ngửa mũi. Lúc Juan tới trạm tiếp tế Halfmoon ở dặm thứ 72, Ann đã gần như tăng gấp đôi quãng cách biệt; cô chạy trước 22 phút và chỉ còn 28 dặm

nữa.

Để hòa được với Ann, Juan sẽ phải rút bớt gần như một phút mỗi dặm, và anh sắp tới đoạn tồi tệ nhất để bắt đầu nỗ lực: đoạn đường dài bảy dặm trải nhựa. Ann, với kinh nghiệm chạy đường nhựa và đôi giày Nike có đệm khí, sẽ có khả năng co đôi chân dài và tung cánh. Juan, người chưa từng chạy trên nền nhựa đen cho tới tận ngày hôm đó, sẽ phải đối phó với mặt đường lạ bằng đôi xăng đan tự chế.

“Chân anh ấy sắp phải chịu trận rồi.” Người dẫn tốc độ của Juan nói vọng tới một nhóm ghi hình bên lề đường. Ngay khi Juan rời khỏi đường đất và chạm đến nền cứng, anh chùng gối và thu ngắn bước chạy, hấp thụ chấn động nhiều hết mức có thể bằng chuyển động nén lên xuống chân. Juan điều chỉnh tốt tới mức, trên thực tế, người dẫn tốc độ đang ngỡ ngàng của anh bị tụt lại phía sau, không theo kịp nổi.

Juan một mình rượt đuổi theo Ann. Anh chạy hết bảy dặm tới Fish Hatchery trong thời gian gần như đúng bằng khoảng thời gian anh chạy đoạn đó buổi sáng, rồi rẽ trái vào lối mòn lầy lội dẫn đến Dốc leo Powerline đáng sợ. Nhiều tay đua giải Leadville sợ dốc Powerline không kém gì Hope Pass. “Tôi từng nhìn thấy có người ngồi khóc bên vệ đường.” Một người từng tham gia giải Leadville nhớ lại. Nhưng Juan trườn lên đó như thể anh đã chèo nó suốt cả ngày, chạy thẳng lên các chỗ dốc gần như dựng đứng vẫn buộc hầu hết các tay đua phải chống tay vào đầu gối mà leo.

Phía trước, Ann đang tiến dần lên tới đỉnh, nhưng cặp mắt của cô đang díp lại vì kiệt sức, như thể cô chẳng thể nhìn nổi đoạn cuối của con dốc nữa. Hết chỗ rẽ này đến chỗ ngoặt khác, Juan dần dần thu hẹp khoảng cách – cho tới khi bất ngờ, anh ta co chân và bắt đầu nhay lò cò. Tai hoa ập tới; dây buộc một trong hai chiếc xăng đan của anh bị đứt, và anh chẳng có gì để thay thế. Trong lúc Ann đang leo lên đỉnh núi, Juan ngồi xuống một tảng đá và xem lại đoạn dây buộc. Anh xỏ lại dây dép, và nhận ra còn vừa đủ dây để giữ phần đế dính vào bàn chân. Anh cẩn thận buộc sợi dây ngăn đó, thử chạy vài bước. Ổn rồi!

Trong khi đó, Ann đã tới chặng cuối cùng. Cô chỉ còn 10 dặm đường mòn nền đất quanh Hồ Turquoise trước khi những tiếng hò hét của đám tiệc tưng Sixth Street thúc cô lên dốc và về đích. Lúc đó mới hơn tám giờ tối và cây cối quanh cô bắt đầu chìm vào bóng đêm – đúng lúc đó, có thứ gì đó lao vút khỏi rặng cây sau lưng cô. Nó tiến tới cô nhanh tới mức, Ann chẳng kịp phản ứng; cô đứng ngây ra giữa lối mòn, hoảng hốt tột độ, khi Juan phóng vọt qua phía trái cô bằng một bước chạy và trở lại lối mòn trong bước tiếp theo, tấm áo choàng trắng tung bay khi anh ta lao vút qua Ann và biến mất trên đường mòn.

Anh ta thậm chí trông chẳng có vẻ gì mệt mỏi! Cứ như đang... vui chơi vậy! Ann đã bị nghiền nát, cô quyết định bỏ cuộc. Cô chỉ còn cách đích chưa đến nửa giờ, nhưng vẻ phoi phới của người Tarahumara, điều khiến Joe Vigil ngây ngất, đã khiến cô nhụt chí. Vừa mới đây, cô còn cảm thấy như sắp chết đến nơi mới giữ được vị trí dẫn đầu, còn gã này trông như có thể giật khỏi tay cô vị trí đó bất kỳ lúc nào. Thật nhục nhã; lúc này cô nhận ra rằng, ngay khi cô chơi bài Đánh cược Quân Hậu, Juan đã đánh dấu cô để hạ gục. Cuối cùng, chồng cô đã giúp cô tiếp tục di chuyển, vừa kịp lúc; Martimano và đám người Tarahumara còn lại đang tiến lên rất nhanh phía sau.

Juan qua vạch đích sau 17 giờ 30 phút, lập ra kỷ lục mới cho giải Leadville với 25 phút cách biệt. (Anh cũng lập một kỷ lục mới khác bằng cách bẻ lên chui qua dải băng thay vì chạm ngực, vì chưa từng thấy nó bao giờ.) Ann về đích gần nửa giờ sau, với thời gian 18 giờ 06 phút. Ngay sau lưng cô, Martimano cùng với cái đầu gối bị yếm bùa, về đích thứ ba, và Manuel Luna cùng những người Tarahumara còn lại ào về với các vị trí thứ tư, năm, bảy, mười và mười một.

“Một giải đua kinh ngạc!” Scott Tinley nói lạc cả giọng với khán giả truyền hình khi chĩa chiếc micro vào mặt Ann Trason. Cô chớp mắt dưới ánh sáng của chiếc camera, trông như sắp ngất xỉu, nhưng cuối cùng vẫn thốt ra được vài lời hiếu chiến cuối cùng.

“Đôi khi,” cô nói, “phải nhờ có đàn bà thì một người đàn ông mới có cơ hội thể hiện hết sức.”

Ồ, nói đi cũng phải nói lại! Những người Tarahumara có thể đáp rằng; nhờ có sự liều lĩnh quả cảm của Ann, định một mình đánh bại cả một đội toàn những nhà bác học trong chạy bộ đường dài, mà cô đã tự phá tan kỷ lục tại Leadville của chính mình, bớt thêm hơn hai tiếng đồng hồ, và thiết lập một kỷ lục mới của nữ mà chưa ai từng phá nổi.

Nhưng những người Tarahumara chẳng được tự do nói bất kỳ điều gì lúc này, kể cả khi họ sẵn sàng muốn chia sẻ. Họ rời khỏi đường đua và bước thẳng vào một mớ bong bóng rắc rối.

Đó đang nhẽ là thời khắc của họ. Cuối cùng, sau nhiều thế kỷ kinh hoàng bị săn đuổi để lấy mảng tóc da đầu, bị bắt làm nô lệ vì sức khỏe, và bị hiếp đáp vì đất đai của họ, người Tarahumara đã được kính trọng. Họ đã chứng tỏ được bản thân, mà không ai có thể chối cãi được, là những người chạy bộ siêu dài vĩ đại nhất Trái đất. Thế giới sẽ nhìn nhận rằng họ có những kỹ năng tuyệt hảo xứng đáng để học hỏi, một phong cách sống đáng để gìn giữ, và một mảnh đất quê hương xứng đáng được bảo tồn.

Joe Vigil phấn khích đến mức sẵn sàng để bán nhà và bỏ việc; Giờ đây, Leadville đã xây một cây cầu nối nước Mỹ với nền văn hóa Tarahumara, ông đã sẵn sàng thực hiện kế hoạch ấp ủ từ lâu. Ở tuổi 65, ông đang nào cũng sắp nghỉ hưu ở Đại học Adams State. Ông và vợ mình, Caroline, sẽ chuyển đến sống tại vùng biên giới Mexico ở bang Arizona, nơi ông định lập ra một cơ sở nghiên cứu về người Tarahumara. Có thể mất thêm vài năm, nhưng trong thời gian đó, ông sẽ quay trở lại Leadville mỗi mùa hè và thắt chặt thêm mối quan hệ của mình với các tay đua Tarahumara. Ông sẽ bắt đầu học ngôn ngữ của họ... cho họ chạy trên máy tập cùng với dụng cụ đo nhịp tim và lượng khí oxy tiêu thụ tối đa... thậm chí, có thể tổ chức các cuộc hội thảo cùng với các vận động viên Olympic của ông! Vì đó là phần thú vị nhất. Ann đã ở đó cùng với họ, vậy thì bất kỳ điều gì mà những người Tarahumara đang làm, chúng ta đều có thể học hỏi được!

Tất cả thật là đẹp đẽ. Trong vòng vài phút.

Đừng hòng dùng một bức hình nào người Tarahumara của tôi, Rick Fisher tuyên bố khi Tony Post và các nhà chức trách khác của hãng Rockport ủa tới để chúc tụng, các anh phải bỏ thêm tiền.

Tony Post bàng hoàng. “Anh ta thực sự lên con. Anh ta xông tới cứ như nổi trận lôi đình, kiểu người sẵn sàng hạ sát đối phương. Cũng không hẳn là như thế!” Post vội thêm. “Anh ta như một gã nóng đầu, sẵn sàng tranh luận đến cùng và không bao giờ chịu nhận là mình sai.”

“Anh ta quả thực là rất khó chịu.” Ken Chlouber nói thêm. “Anh ta lúc trước chẳng khó chịu như vậy, cho tới khi có các nhà tài trợ lớn và đám phóng viên truyền hình, và sau đó anh ta bắt lỗi Rockport vì sử dụng đoạn phim về những người thổ dân này. Anh ta làm cho tôi khốn khổ với tư cách là giám đốc giải, anh ta chỉ vì bản thân mình, và chẳng chăm lo cho họ chút nào.”

Phản ứng của Fisher là nổi cơn điên, y như cách anh ta đã từng làm hồi bị bao vây bởi đám buôn ma túy trong Copper Canyon và chỉ thoát nạn bằng cách phát rồ. “Đây là một cuộc đua đã bị sắp đặt!” Fisher phàn nàn. “Họ đã có một cô nàng tóc vàng, mắt xanh mà họ muốn về nhất, và cô ta đã không giành được chiến thắng.” Fisher tố cáo rằng tất cả các nhà báo đều đã bị mua chuộc trong một cuộc chè chén suốt ba ngày do ban tổ chức giải Leadville tài trợ tại khu nghỉ dưỡng sang trọng ở Aspen. Fisher kể với tôi, một nhà báo thậm chí còn cố gắng hối lộ anh ta, muốn đưa Fisher tiền để bắt Juan ghìm chân và hòa với Trason. “Tay nhà báo này, khá tên tuổi, nói rằng sẽ là thảm họa nếu Juan vô địch, và thực tế là, trong con mắt của những người chạy bộ da trắng, đó là một thảm họa kinh khủng nếu người Tarahumara giành chiến thắng.” Tại sao? “Bởi vì cái ý nghĩ bệnh hoạn của Mỹ cho rằng phụ nữ có thể cạnh tranh với đàn ông.” (Khi hỏi tên nhà báo đó, Fisher từ chối trả lời.)

Việc buộc tội Ken Chlouber và “những người tên tuổi trong giới truyền thông” âm mưu chống lại ngôi sao thu hút khán giả của sự kiện nghe chẳng hợp lý chút nào, nhưng Fisher mới chỉ đang khởi động. Anh ta còn tố cáo rằng một trong các tay đua của mình bị tuần cho một lon Coke có độc, khiến người này “sụi sụi và ốm thập tử nhất sinh,” trong khi một người khác lại bị quấy rối tình dục bởi “một gã da trắng” nào đó, lợi dụng việc xoa bóp sau giải để lừa tay xuống dưới váy của người

Tarahumara kia và xoa “bộ phận sinh dục của anh ta.” Đối với Rockport, Fisher tố cáo rằng gói tài trợ của công ty này là đáng tức giận, thậm chí là tội ác. “Họ hứa sẽ đặt một nhà máy sản xuất giày ở Copper Canyon... toàn bộ thương vụ đó chỉ là tham nhũng bản thủ... khi Rockport xem lại sổ sách, họ phát hiện ra rằng họ đã bị lừa và tổng giám đốc công ty này đã bị buộc thôi việc...”

Những người Tarahumara nhìn đám *chabochi* gào thét vào mặt nhau. Họ nghe thấy những tiếng nói giận dữ, và nhìn thấy những cái chém tay thù hận hướng về phía mình. Những người Tarahumara không biết người ta đang nói gì, nhưng họ đã hiểu được thông điệp. Khi đối mặt với nỗi giận dữ và sự thù địch, những vận động viên vĩ đại nhất thuộc thế giới ngầm này lại phản ứng theo cách mà họ vẫn luôn làm; họ trở lại hẻm núi quê hương, tan đi như một giấc mộng và mang theo những bí mật của mình. Sau thành tích của mình năm 1994, người Tarahumara không bao giờ trở lại Leadville nữa.

Nhưng có một người đã đi theo họ. Cũng chẳng ai nhìn thấy anh ta ở Leadville nữa. Đó chính là người bạn mới kỳ lạ của người Tarahumara, Tóc Xù – người sau đó sớm được biết với cái tên Caballo Blanco, kẻ lang thang cô độc của vùng núi cao Sierra.

Và bây giờ nếu không có những người man rợ nữa, thì chúng ta sẽ là gì?

Họ chính là lời giải đáp.

- **Constantine Cavafy**, “Đội chờ những người man rợ”

Đó là chuyện cách đây 10 năm.” Caballo kết lại. “Còn tôi thì vẫn ở đây suốt từ khi ấy.”

Mamá đã tổng khứ chúng tôi ra khỏi nhà hàng trong phòng khách của bà từ nhiều giờ trước để đi ngủ. Caballo vừa kể chuyện vừa dẫn tôi xuống các con phố vắng vẻ của thị trấn Creel rồi đi vào một quán rượu trong ngõ hẻm. Chúng tôi lại ở đó cho tới khi đóng cửa. Khi Caballo đưa tôi từ năm 1994 đến được thời điểm hiện tại, thì đã là hai giờ sáng và đầu tôi thì đang quay cuồng. Anh đã kể cho tôi nghe nhiều hơn mức tôi mong đợi, về khoảng thời gian huy hoàng của người Tarahumara trên các cung đường chạy bộ siêu dài nước Mỹ. Anh còn mách nước cho tôi cách để kiếm thêm thông tin từ việc tìm Rick Fisher, Joe Vigil và những người khác. Nhưng trong tất cả những câu chuyện đó, anh chưa bao giờ trả lời câu hỏi duy nhất của tôi:

Anh là ai?

Cứ như thể anh chưa từng là gì trước khi chạy bộ xuyên rừng với Martimano – hoặc anh đã làm nhiều việc mà không muốn nhắc tới. Mỗi lần tôi dò hỏi, anh lại lảng tránh bằng một câu cợt nhả hoặc đáp lầy lệ và đóng chặt chủ đề bằng cánh cửa hầm ngục (“Tôi kiếm đâu ra tiền á? Tôi làm cho mấy người giàu những việc mà họ không muốn tự làm”). Sau đó, anh lại chuyển sang huyền thuyên về chuyện khác. Các lựa chọn của tôi rất rõ ràng; tôi có thể đeo bám lẳng nhặng rồi làm anh nổi cáu, hoặc cố gắng kiềm chế để được nghe những câu chuyện ly kỳ.

Tôi được biết sau giải Leadville năm 1994, Rick vẫn tiếp tục con đường nỗ lực. Vẫn còn các giải đua và những người chạy bộ Tarahumara khác, nên chẳng lâu sau Fisher đã tập hợp được đội hình mới và dẫn dắt họ hết từ thất bại này đến thảm họa khác, y như một cuộc đi phượt đường trường của một cậu trai trung học. Đầu tiên, Đội Tarahumara bị đuổi khỏi giải đua 100 dặm Angeles Crest Endurance Run ở California vì Fisher cứ liên tục xông vào khu vực dành riêng cho các tay đua trong lúc đang thi đấu. “Tôi chẳng muốn loại tay đua.” Giám đốc giải đua phân trần. “Nhưng Rick không cho chúng tôi lựa chọn.”

Sau đó, ba tay đua Tarahumara lại bị loại sau khi về đích ở vị trí thứ nhất, nhì và thứ tư ở giải Utah Wasatch Front 100 vì Fisher từ chối đóng phí tham dự giải. Tiếp đó là giải Western States, nơi Fisher lại phô diễn con thịnh nộ một lần nữa. Ở đó, anh cáo buộc những tình nguyện viên của giải đã bí mật đánh tráo các mốc dấu chỉ đường để lừa người Tarahumara và – chuyện này thì có thật – *lấy trộm máu của họ*. (Tất cả tay đua tham gia giải Western States đều được yêu cầu cung cấp mẫu máu để phục vụ nghiên cứu khoa học về sức bền, nhưng riêng Fisher thì không hiểu sao lại đánh hơi thấy một âm mưu và lại làm âm ỉ mọi chuyện. “Máu của người Tarahumara rất rất hiếm.” Người ta kể lại rằng anh cứ khẳng khẳng như vậy. “Giới y học chỉ muốn trộm lấy nó để làm thí nghiệm về di truyền.”)

Tới lúc đó, ngay cả người Tarahumara cũng phát ngán chuyện phải dây dưa với gã Ngư Ông. Họ cũng nhận ra rằng anh ta liên tục có những chiếc xe SUV mới toanh và đẹp đẽ, trong khi họ chỉ nhận được vài bao tải ngô cho hàng tuần đăng đặng xa nhà và hàng trăm dặm chạy đường núi. Một lần nữa, làm việc với đám *chabochi* khiến người Tarahumara lại cảm thấy mình như nô lệ. Và đó là dấu chấm hết cho Đội Tarahumara. Họ giải tán đội – mãi mãi.

Micah True (hoặc bất kỳ cái tên nào khác mới là tên thật) cảm thấy gần gũi với người Tarahumara và căm ghét hành vi của đám đồng hương người Mỹ, tới mức anh cảm thấy phải sửa chữa những lỗi

lâm ấy. Ngay sau khi chạy dẫn tốc độ cho Martimano trong giải Leadville năm 1994, anh đã dùng lời lẽ thuyết phục để lên sóng đài phát thanh ở Boulder, Colorado, đề nghị tất cả mọi người ai có áo khoác cũ thì hãy mang đến để quyên góp. Sau khi đã có một đồng áo, anh đóng gói hết lại và lên đường đến Copper Canyon.

Anh chẳng có chút manh mối nào về việc phải đi tới đâu, nên khả năng tìm thấy anh bạn Martimano chẳng nhiều hơn so với việc Shackleton sống sót và trở về từ Nam Cực. Anh lang thang qua sa mạc, xuyên qua các hẻm núi, nhắc đi nhắc lại cái tên Martimano với bất kỳ ai mình gặp, và cuối cùng, anh khiến chính mình và cả Martimano phải ngỡ ngàng bằng việc có mặt trên đỉnh một ngọn núi cao hơn 2.700 m, ngay giữa làng của Martimano. Người Tarahumara chào đón anh theo cái kiểu kiêu kiệm lời cổ hũ: họ hầu như không nói chuyện gì với anh, nhưng mỗi buổi sáng khi Caballo thức dậy, anh lại thấy một đồng *tortilla* và *pinole* mới nấu ở chỗ mình cắm trại.

“Người Rarámuri không có tiền, nhưng không ai nghèo khó.” Caballo nói. “Ở Mỹ, khi hỏi xin một ly nước, người ta sẽ đưa bạn đến trại tế bần. Ở đây, người ta dẫn bạn vào nhà và cho ăn uống. Bạn muốn cắm trại ở bên ngoài, thì họ sẽ nói: ‘Tất nhiên là được, nhưng anh không thích vào nằm ngủ trong nhà cùng chúng tôi hơn sao?’”

Nhưng Choguita trở lạnh vào ban đêm, quá lạnh đối với một gã gầy còm đến từ California (mà cũng chẳng biết có phải anh thực sự đến từ đó hay không nữa), vì vậy, sau khi đã cho hết đồng áo khoác, Micah vẫy tay *adiós* Juan và Martimano, rồi một mình rời khỏi đó, đi sâu vào những nơi ẩm áp trong hẻm núi. Anh lang thang qua hang ổ của bọn buôn ma túy và những kẻ liều mạng khác mà chẳng hề hay biết, tránh được các bệnh tật và cơn sốt vùng hẻm núi, rồi cuối cùng cũng phát hiện ra một nơi yêu thích, ngay tại khúc uốn dòng chảy của một con sông. Anh khuôn đá tới để dựng lều, và nó trở thành nhà của anh.

“Tôi quyết định phải tìm được nơi tốt nhất trên thế giới để chạy, và đã thấy nó ở đây.” Anh ta nói khi chúng tôi trở lại khách sạn đêm hôm đó. “Quang cảnh đầu tiên làm tôi ngỡ ngẩn. Tôi quá phấn khích, chẳng thể chờ đợi thêm để được chạy trên những lối mòn đó. Tôi đã bị choáng ngợp, chẳng biết phải bắt đầu từ đâu. Nhưng đây là chốn hoang vu. Tôi vẫn phải chờ đợi một thời gian.”

Anh cũng chẳng có sự lựa chọn nào khác. Lý do anh chạy dẫn tốc độ ở Leadville mà không dự giải là bởi vì đôi chân anh đã bắt đầu phản chủ sau tuổi 40. “Tôi từng gặp rắc rối với chấn thương, đặc biệt là với mấy sợi gân mắt cá.” Micah nói. “Mấy năm trước đó, anh đã thử đủ các phương thuốc khác nhau – bó, xoa bóp, các đôi giày đắt tiền có lớp lót hỗ trợ – nhưng chẳng ích gì. Khi tới vùng Barrancas, anh quyết định bỏ qua logic và tin tưởng rằng người Tarahumara biết rõ những gì họ đang làm. Anh không định mất thời gian tìm hiểu bí mật của họ; mà cứ nhắm mắt đưa chân làm theo, và hy vọng vào kết quả tốt nhất.

Anh vứt các đôi giày chạy và bắt đầu chuyển sang đi xăng đan. Anh bắt đầu ăn sáng bằng *pinole* (sau khi học cách nấu món này theo kiểu cháo yến mạch với nước và mật ong), và mang món *pinole* khô trong một túi đeo hông khi đi chạy xuyên qua vùng hẻm núi. Anh bị ngã những cú nhó đời và vài lần suýt không thể tự lết về lều, nhưng vẫn nghiến răng, rửa các vết thương dưới dòng sông buốt giá, và bụng bảo dạ rằng mình đang bỏ ra các khoản để đầu tư. “Phải chịu đau đớn thì mới biết khiêm nhường. Phải trả giá thì mới hiểu đòn đau.” Caballo nói. “Tôi nhanh chóng hiểu ra rằng mình phải tôn trọng Sierra Madre, bởi vì dãy núi này sẽ thải anh ra sau khi đã nhai anh đến như nát.”

Đến năm thứ ba ở đây, Caballo đã chạy trên những lối mòn mà nếu không có con mắt của người Tarahumara, chúng gần như vô hình vậy. Lòng dạ ngổn ngang vì hoang mang lo lắng, anh vẫn dẫn thân qua mép những gò dốc xuống lởm chởm, dài hơn, dốc hơn và ngoằn ngoèo hơn bất kỳ dốc trượt tuyết cấp độ kim cương đen nào. Anh đã trượt, bò trườn, và lao dốc xuống nhiều dặm, gần như không kiểm soát, phụ thuộc hoàn toàn vào phản xạ đã được trui rèn trong vùng hẻm núi, và trong thâm tâm, vẫn tiếp tục chờ đợi tiếng rắc của một cái sụn đầu gối, vết rách gân kheo, hay chứng viêm bóng rât của sợi gân gót chân bị tàn phá mà anh vẫn nghĩ sẽ xuất hiện bất kỳ lúc nào.

Nhưng chúng lại không hề xuất hiện. Anh chẳng hề bị đau nữa. Sau vài năm trong hẻm núi, Caballo đã mạnh mẽ hơn, khỏe khoắn hơn, và nhanh hơn hẳn. “Cách tiếp cận của tôi với chạy bộ đã hoàn toàn thay đổi kể từ khi đến đây.” Anh bảo. Để kiểm nghiệm, anh thử chạy trên một lối mòn xuyên qua các dãy núi mà thông thường người ta phải mất ba ngày đi ngựa; anh đã chạy hết chỉ với bảy tiếng đồng hồ. Anh không chắc là tại sao mình đạt được điều này, và những chiếc xăng đan, hay món *pinole* và *korima* đã đóng vai trò như thế nào, nhưng...

“Này!” Tôi ngắt lời. “Anh có thể dạy tôi được không?”

“Dạy gì cơ?”

“Làm thế nào để chạy được như vậy ấy.”

Có gì đó trong nụ cười của anh khiến tôi lập tức thấy hối hận. “Ồ, tôi sẽ dẫn anh chạy.” Anh ta nói. “Gặp tôi ở đây, lúc Mặt trời mọc.”

“Ngờ... ! Ngờ.....!”

Tôi cố gắng gọi, nhưng chỉ phát ra tiếng thờ hốt hên. “*Ngựa*”, cuối cùng tôi cũng thốt ra lời, và nó kịp lọt vào tai của Caballo Blanco ngay trước khi anh biến mất sau một lối rẽ lên dốc. Chúng tôi xuất phát từ các quả đồi sau thị trấn Creel, trên một lối mòn nhiều đá và lá thông, dốc lên, xuyên qua đám cây rừng. Chỉ chạy chưa tới 10 phút mà tôi đã ngáp ngáp không khí. Điều khiến tôi cảm thấy ngộp không phải là chuyện Caballo chạy quá nhanh; mà có vẻ như thân thể anh rất nhẹ, chỉ cần dùng ý chí để nâng mình lướt lên dốc chứ chẳng cần cơ bắp.

Anh quay lại và thủng thẳng chạy xuống. “Được rồi, anh bạn, bài học số một. Theo sát sau tôi này.” Anh ta bắt đầu chạy nhẹ, lần này thì chậm hơn, và tôi cố gắng bắt chước tất cả các động tác của anh. Hai cánh tay tôi lơ lửng cho tới khi bàn tay ở tầm ngang xương sườn; các bước chạy của tôi chia nhỏ ra; lưng tôi dựng thẳng tới mức gần như có thể nghe thấy tiếng cột sống kéo kẹt.

“Đừng cố gắng chống cự lại đường mòn!” Caballo nói vọng qua vai. “Hãy đón nhận những gì nó mang tới cho anh. Nếu anh có thể lựa chọn bước một bước hay hai để vượt qua đám đá, thì hãy bước thành ba.” Caballo đã dành nhiều năm trời để dò đường trên các lối mòn, tới mức anh còn đặt biệt danh cho các tảng đá dưới chân: một số được gọi là *ayudantes*, người nâng đỡ, cho bạn điểm tựa để bật tung về phía trước; một số khác là “lưu manh,” trông giống như *ayudantes* nhưng lại lăn đi một cách xảo trá khi bạn giẫm lên nó để bật nhảy; một số nữa là *chingoncitos*, lũ khốn nạn chỉ rình rập để làm bạn ngã sấp mặt.

“Bài học số hai.” Caballo gọi. “Hãy nghĩ như thế này: Dễ dàng, Nhẹ nhàng, Tron tru và Nhanh. Anh hãy bắt đầu với Dễ dàng, vì ban đầu anh cũng sẽ chỉ làm được như vậy mà thôi, và làm được như vậy cũng đã khá rồi. Sau đó hãy tập để trở nên Nhẹ nhàng. Làm sao để không phải nỗ lực nữa, như kiểu anh chẳng bận tâm quái gì đến việc ngọn đồi đó cao thế nào, hay phải chạy xa bao nhiêu. Khi anh đã tập luyện lâu tới mức quên rằng mình đang tập luyện, thì hãy chuyển sang Tron tru. Và anh cũng sẽ chẳng phải lo nghĩ gì đến cấp độ cuối cùng đâu. Khi đã thực hiện được ba mức đầu, tự khắc anh sẽ được Nhanh.”

Tôi chú ý nhìn vào đôi bàn chân đi dép xăng đan của Caballo, cố gắng bắt chước theo kiểu chạy lạ mắt, kiểu chạy như đang nhón chân của anh. Tôi cứ cúi nhìn như vậy mãi, tới mức không nhận ra rằng chúng tôi đã ra khỏi khu rừng.

“Ồ!” Tôi thốt lên.

Mặt trời vừa ló rạng phía trên dãy Sierra. Mùi khói gỗ thông lan tỏa trong không khí, bốc lên từ những ống khói méo mó trên các túp lều gỗ thông ở rìa thị trấn. Xa xa, những tảng đá khổng lồ dựng đứng như những bức tượng trên đảo Phục Sinh, mọc lên từ bình nguyên, với những ngọn núi tuyết phủ làm nền. Nếu như không phải đang hóp lấy hóp để không khí, thì chắc hẳn cảnh tượng ấy sẽ khiến tôi ngộp thở.

“Tôi đã bảo mà!” Micah hả hê.

Chúng tôi đã tới chỗ vòng lại, và mặc dù biết rằng sẽ là ngu ngốc nếu như tôi cố chạy nhiều hơn tám dặm, nhưng con đường mòn này vẫn mang lại nhiều cảm hứng đến mức tôi thấy ghét việc phải quay về. Caballo hiểu rất rõ cảm nghĩ của tôi lúc đó.

“Tôi cũng cảm thấy như vậy trong suốt 10 năm.” Anh nói. “Và bây giờ tôi vẫn chỉ đang học hỏi thôi đấy.” Nhưng lúc đó anh đang vội; ngày hôm đó, anh phải quay về lều và chỉ có vừa đủ thời gian để về kịp trước khi trời tối. Đó là lúc anh bắt đầu giải thích việc đang làm ở Creel.

“Anh biết không,” Caballo bắt đầu, “rất nhiều chuyện đã xảy ra từ sau giải Leadville năm đó.” Chạy bộ siêu dài trước đây chỉ là một nhóm người kỳ quặc chạy trong rừng với đèn pin, nhưng trong vài năm qua, nó đã trở thành một cuộc xâm lăng của Những Tay Súng Trẻ. Ví dụ như Karl Meltzer, người liên tục nghe bài hát “Strangelove” từ chiếc iPod của mình trong khi thắng giải Hard rock 100 ba lần liên tiếp; và “Diva Đường Đất”, Catra Corbett, cô gái trẻ trung, xinh đẹp, theo phong cách Goth, toàn thân xăm trổ như hình ảnh trong ống kính vạn hoa, người từng có lần, chỉ để giải trí, đã chạy hết 211 dặm đường mòn John Muir xuyên qua Công viên Quốc gia Yosemite rồi quay lại, chạy hết quãng đường trở về; hay Tony “Khoả Thân” Krupicka, gã này hầu như chẳng chịu mặc gì ngoài chiếc quần đùi thiếu vải, ngủ nhờ trong tủ của một người bạn trong suốt một năm trời luyện tập, để rồi giành chiến thắng tại giải Leadville 100; hay Anh Em Người Bay nhà Skaggs huyền thoại, Eric và Kyle, đã đi nhờ xe tới Grand Canyon trước khi lập một kỷ lục mới cho chuyển chạy bộ khứ hồi nhanh nhất từ rìa bên này tới rìa bên kia.

Những Tay Súng Trẻ này muốn điều gì đó mới mẻ, dữ dằn, hoang dại, và họ gia nhập bộ môn chạy đường mòn theo từng đoàn lớn, để tới năm 2002, môn này đã trở thành môn thể thao ngoài trời phát triển nhanh nhất nước Mỹ. Họ không chỉ yêu việc chạy đua trong giải; mà còn say mê cảm giác hồi hộp khi khám phá cả một chân trời mới của lòng can đảm ngay trong chính bản thân mình. Thánh chạy siêu dài Scott Jurek đã tổng kết tín ngưỡng không chính thức của thế hệ Những Tay Súng Trẻ này bằng cách trích dẫn câu nói mà William James luôn đề ở cuối tất cả các thư điện tử: “Vượt qua ngưỡng cực hạn của sự mỏi mệt và nỗi gian nan, ta có thể sẽ tìm thấy sự thanh thản và cả sức mạnh, nhiều tới mức nằm mơ cũng không thấy; những nguồn sức lực đó chưa từng được ghi nhận, bởi lẽ, ta chưa bao giờ ép mình vượt qua được trở ngại.”

Khi Những Tay Súng Trẻ này tiến vào rừng, họ mang theo tất cả những kiến thức về khoa học thể thao từng được biết tới trong suốt cả thập kỷ qua. Matt Carpenter, một người chạy bộ đường núi ở Colorado Springs, dành hàng trăm giờ trên một chiếc máy chạy bộ để đo đạc các biến đổi về dao động cơ thể, chẳng hạn như khi thực hiện động tác uống một ngụm nước (để rồi đưa ra kết luận rằng cách có hiệu quả cao nhất về cơ sinh học để mang theo chai nước là kẹp dưới nách, chứ không phải cầm trên tay). Carpenter sử dụng một máy mài loại dùng dây đai và một lưỡi dao cạo thẳng để loại bỏ bớt từng phần nghìn ounce khỏi giày chạy, nhấn giày vào bồn tắm, rồi nhấc ra để đo khả năng thoát nước cũng như độ nhanh khô của giày. Năm 2005, áp dụng những hiểu biết luôn ám ảnh bản thân ấy, Carpenter đã phá kỷ lục giải Leadville – về đích với thời gian choáng váng 15 giờ 42 phút, nhanh hơn người Tarahumara nhanh nhất đến gần hai tiếng đồng hồ.

Nhưng, liệu người Tarahumara có thể làm được những gì nếu như bị thúc ép? Đó chính là điều mà Caballo muốn biết. Victoriano và Juan đã chạy như những người thợ săn, theo cách mà họ từng được truyền dạy: chỉ cần chạy đủ nhanh để bắt được con mồi chứ không cần nhanh hơn nữa. Ai biết được họ có thể chạy nhanh tới mức nào khi đối đầu với một kẻ như Carpenter? Và không ai biết họ có thể làm tốt tới đâu khi chạy ở địa hình quê hương họ. Là một nhà đương kim vô địch, chẳng phải họ có quyền được hưởng lợi thế sân nhà, ít nhất một lần sao?

Nếu người Tarahumara không thể quay trở lại nước Mỹ, Caballo lập luận, thì người Mỹ sẽ phải đến với người Tarahumara. Nhưng anh biết những con người e dè khùng khiếp, chuyên chui lúi trong hẻm núi này sẽ biến mất sau các ngọn đồi nếu bị bao vây bởi một đám người chạy bộ Mỹ hỏi han luôn mồm và những chiếc camera kêu lạch xạch.

Tuy nhiên – và đây chính là ý tưởng mà Caballo đang nung nấu – nếu như anh tổ chức một cuộc đua theo kiểu Tarahumara thì sao? Đó sẽ là một đại nhạc hội của những tay gậy ghi ta cổ điển – một tuần lễ dành cho biểu diễn, trao đổi các bí kíp, học hỏi phong cách và kỹ thuật của nhau. Vào ngày cuối cùng, tất cả các tay đua sẽ hiện nguyên hình trong một cuộc tỷ thí dài 50 dặm dành cho các nhà vô địch.

Đó là một ý tưởng tuyệt vời – và, dĩ nhiên, cũng hoàn toàn có thể sẽ thất bại thảm hại. Sẽ chẳng có người chạy bộ hàng đầu thế giới nào chấp nhận rủi ro ấy. Đó không chỉ là điểm chấm hết cho sự nghiệp, mà là tự vẫn. Để đến được vạch xuất phát, họ sẽ phải lèn qua bọn trộm cướp, leo núi vượt qua vùng đất dữ, theo dõi kỹ từng ngụm nước, từng miếng đồ ăn. Nếu bị thương, họ coi như xong đời, có thể không phải là ngay lập tức, nhưng cái chết sẽ là điều khó tránh. Sẽ phải mất vài ngày mới tới được đường cái gần nhất, và mất nhiều giờ mới đến được nguồn nước sạch, mà cũng chẳng có chiếc máy bay trực thăng nào len lách nổi giữa những vách đá chập chững này để giải cứu.

Mặc kệ: Caballo đã bắt đầu thực hiện kế hoạch. Đó là lý do duy nhất anh có mặt ở Creel. Anh đã phải rời lều ở tận đáy cùng hẻm núi, để đi tới thị trấn mình chán ghét, vì nghe nói rằng có một chiếc máy tính bàn kết nối dial-up ở phía sau một cửa hàng kẹo tại Creel. Anh biết sơ sơ về máy tính, có một tài khoản thư điện tử, và đã bắt đầu gửi đi các thông điệp ra thế giới bên ngoài. Và vai trò của tôi xuất hiện ở đó. Lý do duy nhất khiến “gã thổ dân nước ngoài” này quan tâm khi tôi đánh úp anh ở khách sạn là bởi tôi xưng là phóng viên. Có thể, một bài báo về cuộc đua này sẽ thực sự thu hút được một vài tay đua.

“Vậy, anh định mời những ai?” Tôi hỏi.

“Mới chỉ một gã thôi.” Anh ta nói. “Tôi chỉ muốn mời những người chạy bộ có tinh thần phù hợp, những nhà vô địch thực sự. Vì vậy, tôi gửi thư tới Scott Jurek.”

Scott Jurek? Người bảy lần vô địch giải Western States và ba lần đoạt danh hiệu Người chạy bộ siêu dài của năm? Caballo chắc đang say thuốc khi nghĩ rằng Scott Jurek sẽ tới đây để đua với một đám vô danh tiểu tốt, ở một chốn cũng vô danh nốt. Scott là người chạy bộ siêu dài hàng đầu đất nước, thậm chí, có thể là hàng đầu thế giới. Khi Scott Jurek không tham gia giải, anh giúp Brooks thiết kế giày chạy đường mòn là biểu trưng của hãng này, giày Cascadia, hoặc tổ chức các hội trại chạy bộ luôn kín chỗ, hoặc đưa ra quyết định xem sẽ chạy giải nổi tiếng nào tiếp theo ở Nhật, Thụy Sĩ, Hy Lạp, hay Pháp. Bản thân Scott Jurek như một công ty kinh doanh mà sự sinh tồn hay tàn lụi của nó phụ thuộc vào sức khỏe của Scott Jurek – nghĩa là công ty này sẽ không bao giờ muốn tài sản lớn nhất của nó chấp nhận rủi ro bị đau ốm, bị bắn, hoặc bị đánh bại trong một cuộc đua ngẫu hứng cò con, ở một xóm xỉnh tại Mexico, nơi có những tay súng bắn tỉa tuần tiễu.

Nhưng Caballo đã đọc được ở đâu đó một cuộc phỏng vấn Jurek và ngay lập tức cảm thấy như tìm được anh em. Theo cách riêng của mình, Scott cũng bí ẩn gần như Caballo vậy. Trong khi những ngôi sao chạy siêu dài thấp kém hơn rất nhiều như Dean Karnazes và Pam Reed tự tâng bốc trên truyền hình, viết những cuốn hồi ký vẽ vang, và (như trong trường hợp của Dean) quảng cáo cho một loại đồ uống thể thao bằng cách coi trần chạy trên một máy chạy bộ, được quay bằng máy camera từ trên cao ở quảng trường Thời Đại, thì người chạy bộ siêu dài vĩ đại nhất nước Mỹ lại gần như vô hình. Anh cứ như một con mãnh thú chạy đua thuần chủng, điều này giải thích hai thói quen kỳ lạ của anh: tại thời điểm xuất phát của mỗi giải chạy, anh luôn cất lên một tiếng hét ghê rợn, và sau khi giành chiến thắng, anh ta sẽ lăn lộn dưới đất như một con chó săn lên con tăng động. Sau đó, anh ta sẽ đứng dậy, phủ bụi, và lại biến mất về Seattle cho tới khi tiếng hét lâm trận của anh lại một lần nữa vang vọng trong màn đêm.

Đó chính là kiểu nhà vô địch mà Caballo đang tìm kiếm; không phải những tay khoe mẽ, chỉ muốn lợi dụng người Tarahumara để khoa trương thương hiệu bản thân, mà là một môn đệ thực thụ của môn thể thao này, người có khả năng nhìn nhận tính nghệ thuật và đánh giá cao nỗ lực ngay cả ở những người chạy bộ chậm nhất. Mặc dù Caballo chẳng cần thêm bất kỳ bằng chứng nào về sự xứng

đáng của Scott Jurek, nhưng anh vẫn có được nó: vào cuối buổi phỏng vấn, khi được yêu cầu kể tên các thần tượng của mình, Jurek đã nhắc đến cái tên Tarahumara. “Để lấy cảm hứng,” bài báo viết, “anh ta nhắc lại một câu ngạn ngữ của thổ dân Tarahumara: ‘Khi bạn chạy trên mặt đất và chạy cùng với đất, bạn có thể chạy mãi mãi.’”

“Anh xem!” Caballo quả quyết. “Anh ta có một linh hồn Rarámuri.”

Nhưng, chờ đã... “Kể cả nếu Scott Jurek đồng ý tham dự, còn những người Tarahumara thì sao?” Tôi hỏi. “Họ có đồng ý không?”

“Có thể!” Caballo nhún vai. “Người tôi muốn có mặt là Arnulfo Quimare.”

Chuyện này sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi biết rằng Arnulfo thậm chí sẽ chẳng buồn trò chuyện với người ngoài, chứ đừng nói tới việc ở gần một nhóm người như vậy trong một tuần và dẫn họ qua những lối mòn bí mật trên mảnh đất quê hương anh. Tôi ngưỡng mộ thị hiếu và tham vọng của Caballo, nhưng rất nghi ngờ tính thực tế của người này. Không một người chạy bộ ở Mỹ nào biết anh là ai, và hầu hết người Tarahumara đều không dám chắc anh ta là thứ gì. Vậy mà anh ta vẫn mong đợi tất cả bọn họ tin tưởng mình?

“Tôi tin chắc là Manuel Luna sẽ tới.” Caballo nói tiếp. “Có thể có cả con anh ta nữa.”

“Marcelino?” Tôi hỏi.

“Ừ!” Caballo nói. “Nhóc đó cừ đấy.”

“Cậu ta quá cừ ấy chứ!”

Trong đầu tôi vẫn in hình ảnh cậu thiếu niên Đuốc Sống lao đi trên lối mòn đường đất ngày hôm ấy, nhanh như ngọn lửa lan theo dây ngòi nổ. Chà, nếu vậy, thì ai thèm quan tâm xem Scott Jurek hay bất kỳ mấy gã nổi đình đám nào khác có đến hay không cơ chứ? Cơ hội được chạy cùng với Manuel, Marcelino, Caballo đã là quá tuyệt vời rồi. Cách Caballo và Marcelino chạy là kiểu di chuyển gần với bay lượn nhất của con người. Tôi đã được ném thử nó một chút trên những lối mòn ở Creel, và vẫn muốn được thưởng thức nhiều hơn nữa; cứ như bạn vỗ hai cánh tay thật mạnh và nhắc mình được khoảng một phân khối mặt đất vậy, sau khi làm được điều đó, thì bạn còn nghĩ được điều gì khác nữa, ngoài việc thử làm lại?

“Mình làm được!” Tôi tự nhủ. Caballo đã ở đúng vị trí của tôi lúc này khi mới tới đây; anh là một gã đàn ông ngoại tứ tuần với đôi chân bệ rạc, và chỉ trong một năm, anh đã lướt như bay trên các đỉnh núi. Nếu điều đó có hiệu quả với anh, thì tại sao lại không được với tôi? Nếu áp dụng được các kỹ thuật mà anh đã chỉ dạy, liệu tôi có đủ sức chạy 50 dặm xuyên qua Copper Canyon hay không? Cuộc đua này thực sự khó có thể xảy ra, trên thực tế là không thể. Nó sẽ chẳng xảy ra đâu. Nhưng nếu nhờ một điều kỳ diệu nào đó mà anh có thể xoay sở, thu xếp được một giải đua như vậy với những người Tarahumara chạy giỏi nhất trong thế hệ này, thì tôi muốn được có mặt ở đó.

Khi trở về tới Creel, Caballo và tôi bắt tay nhau.

“Cảm ơn vì bài học!” Tôi nói. “Anh đã dạy tôi rất nhiều.”

“*Hasta luego, norawa.*” Caballo trả lời. Hẹn gặp lại, anh bạn. Rồi anh lại lên đường.

Tôi nhìn theo. Có điều gì đó buồn bã kinh khủng nhưng đồng thời gây cảm hứng ghê gớm khi thấy nhà tiên tri của môn nghệ thuật chạy bộ đường dài quay lưng lại với mọi thứ trên đời, trừ ước mơ của chính mình, để đi về với “noi tuyệt vời nhất trên thế giới để chạy bộ.”

Một mình.

Anh đã bao giờ nghe nói về Caballo Blanco chưa?”

Sau khi trở về từ Mexico, tôi gọi cho Don Allison, tổng biên tập kỳ cựu của tạp chí *UltraRunning*. Caballo đã hé lộ về quá khứ của mình hai chi tiết đáng để lần theo: anh ta từng là một kiểu võ sĩ chuyên nghiệp gì đó, và từng giành chiến thắng trong một số giải chạy siêu dài. Đối với thi đấu võ thuật thì việc dò thông tin cực kỳ khó khăn. Có cả đồng chuyện ly kỳ về kỷ luật luyện tập cùng vô số lời đồn thổi, nhưng trong chạy bộ siêu dài, tất cả mọi con đường đều dẫn tới Don Allison ở Weymouth, Massachusetts. Là trung tâm xác nhận tất cả các lời đồn, kết quả các giải đua, và các ngôi sao đang lên trong môn thể thao này, Don Allison biết tất cả mọi người, tất cả mọi thứ, và đó là lý do tại sao lời đầu tiên thốt ra từ miệng ông lại khiến tôi thất vọng:

“Ai cơ?”

“Tôi nghĩ anh ta còn có tên khác là Micah True.” Tôi nói. “Nhưng tôi không chắc đó thực sự là tên anh ta hay tên con chó của anh ta.”

Im lặng.

“A lô?” Tôi nói.

“Ờ, chờ đã!” Cuối cùng thì Allison cũng đáp lời. “Tôi đang tìm cái này. Vậy anh ta có thật hay không?”

“Ý ông là, anh ta có nghiêm túc không à?”

“Không, anh ta có thật không? Anh ta thực sự tồn tại à?”

“Có, anh ta có thật. Tôi đã tìm thấy anh ta ở tận Mexico.”

“Được rồi!” Allison nói. “Vậy, anh ta có bị điên không?”

“Không, anh ta...” Đến lượt tôi ngập ngừng. “Tôi không nghĩ vậy.”

“Có một gã tên như vậy gửi cho tôi vài bài báo. Nhưng tôi phải nói với anh rằng mấy bài đó không đăng được đâu.”

Chuyện trở nên hấp dẫn rồi đây. *UltraRunning* chẳng giống như một tạp chí, mà giống những lá thư đông dài của các thành viên trong gia đình gửi cho nhau thay vì thiệp chúc mừng Giáng sinh. Khoảng 80% của mỗi số ra chỉ toàn là các danh sách, tên người, thời gian, kết quả các cuộc đua mà chưa ai từng nghe nói tới, ở những nơi ít người biết, và chỉ toàn là người chạy bộ siêu dài mới có thể tìm thấy. Bên cạnh các báo cáo về giải đua, mỗi số ra đều có vài bài do người chạy bộ tự nguyện viết, nêu ý kiến về các nỗi ám ảnh gần nhất của họ, như “Dùng cân để xác định nhu cầu uống nước tối ưu cho bạn” hoặc “Kết hợp giữa đèn đeo trán và đèn pin thường.” Đơn giản là, bạn phải cố gắng lắm mới bị từ chối đăng bài ở *UltraRunning*, điều đó khiến tôi cảm thấy sợ khi phải hỏi rằng, Caballo, cô độc một mình trong căn lều như tên khủng bố Unabomber, đã tuyên bố những gì.

“Có phải... anh ta... dọa nạt gì không?”

“Không! Allison nói. “Chỉ là, những gì anh ta viết không phải chỉ về chạy bộ. Nó như một bài thuyết giảng về tình anh em, về nhân quả và những kẻ lạ mặt tham lam.”

“Trong đó có nhắc gì đến giải chạy của anh ta không?”

“Có, trong đó có nói về giải chạy với người Tarahumara. Nhưng theo tôi thấy, thì anh ta là người duy nhất tham gia. Anh ta, và khoảng ba người thổ dân nữa.”

Huấn luyện viên Vigil cũng chưa từng nghe nói đến Caballo. Tôi hy vọng rằng may ra họ đã gặp nhau ở giải Leadville hùng tráng ngày đó, hoặc sau này ở vùng Barrancas. Nhưng ngay sau giải

Leadville, cuộc đời của huấn luyện viên Vigil đã có một lối rẽ bất ngờ và kịch tính. Nó bắt đầu với một cuộc điện thoại: một người phụ nữ trẻ ở đầu dây bên kia, hỏi rằng liệu huấn luyện viên Vigil có thể giúp cô đạt tiêu chuẩn dự Olympic hay không. Cô từng thi thử hội đại học, nhưng rồi lại chán môn chạy bộ tới mức bỏ hẳn và thay vào đó, nghĩ đến chuyện mở một hiệu cà phê bánh ngọt. Trừ khi huấn luyện viên Vigil cho rằng cô nên tiếp tục cố gắng...?

Vigil là bậc thầy tạo cảm hứng, nên biết ngay cần phải nói gì: Hãy quên đi. Đi mà làm món mochaccino ấy. Deena Kastor (sau này là Drossin) nghe có vẻ ngọt ngào, nhưng cô chẳng có lý do gì để nghĩ tới chuyện làm việc với Vigil. Là một cô gái trên bãi biển California, cô đã quen với việc chạy ra khỏi nhà, dọc theo các lối mòn Santa Monica dưới nắng trời Thái Bình Dương ấm áp. Còn những gì Vigil đang thực hiện lại là công việc của các chiến binh Sparta thực thụ – một chương trình kiểu người mạnh nhất sẽ sống sót, kết hợp khối lượng tập luyện chết người với những ngọn núi ở Colorado gió thổi lạnh cóng.

“Tôi đã cố gắng làm cô ấy nản lòng, bởi vì Alamosa không phải một thị trấn ở California.” Vigil sau này kể lại. “Nơi đó hẻo lánh, ở tận trên núi, và rất lạnh – đôi khi xuống tới âm 30 độ. Chỉ có những người dữ dằn nhất mới có thể sống sót được trên đó để chạy bộ.” Khi Deena vẫn quyết tâm có mặt, Vigil đã đủ tử tế và thương cho lòng cương quyết của cô bằng bài kiểm tra sức khỏe cơ bản, cũng như tiềm năng luyện tập. Kết quả kiểm tra cũng chẳng làm Vigil thay đổi ý định: cô chỉ thuộc hạng xoàng.

Nhưng huấn luyện viên Vigil càng đẩy cô đi, thì Deena càng cảm thấy hứng thú hơn. Dán trên tường văn phòng của Vigil là một công thức ma thuật để chạy nhanh, mà theo Deena, thì chẳng hề liên quan gì đến chạy bộ: nó bao gồm những câu như “Hãy thực hành sống dư dật bằng cách cho đi” và “Cải thiện các mối quan hệ cá nhân” hay “Hãy thể hiện tính toàn vẹn trong hệ thống giá trị của bạn”. Lời khuyên của Vigil về dinh dưỡng cũng chẳng có tính thể thao hay khoa học gì cả. Chiến lược dinh dưỡng của ông cho một vận động viên marathon Olympic tiềm năng là: “Hãy ăn như một người nghèo khổ.”

Vigil đang xây dựng một thế giới Tarahumara thu nhỏ của riêng mình. Cho tới khi hoàn thành công việc còn dang dở và dời bản doanh về Copper Canyon, ông sẽ cố gắng hết sức để tái tạo lại Copper Canyon ngay ở Colorado. Nếu Deena muốn nghĩ đến chuyện luyện tập với Vigil, thì cô phải sẵn sàng tập luyện như người Tarahumara. Điều đó đồng nghĩa với việc phải sống thanh đạm và quan tâm xây đắp cho phần tâm hồn không kém gì phần thể chất.

Deena hiểu được điều này, và hăm hở muốn bắt đầu. Huấn luyện viên Vigil tin rằng phải trở thành một người khỏe mạnh trước khi trở thành người chạy bộ mạnh mẽ. Đời nào cô chịu từ bỏ? Vì vậy, huấn luyện viên Vigil miễn cưỡng cho cô một cơ hội. Năm 1996, ông bắt đầu cho cô tham dự vào hệ thống tập luyện mang hơi hướng Tarahumara của mình. Trong vòng một năm, cô thợ bánh nhiệt huyết này đã bước chân trên con đường trở thành một trong những người chạy bộ đường dài vĩ đại nhất lịch sử nước Mỹ.

Cô đã nghiền nát các đường đua, giành nhiều chức vô địch quốc gia về chạy việt dã, và tiến lên phá kỷ lục Hoa Kỳ ở nhiều cự ly khác nhau, từ ba dặm cho tới marathon. Trong Thế vận hội 2004 tại Athens, Hy Lạp, Deena đã vượt qua cả người giữ kỷ lục thế giới, Paula Radcliffe, để giành huy chương đồng, huy chương Olympic đầu tiên cho một vận động viên marathon người Mỹ trong suốt 20 năm. Mặc dầu vậy, nếu hỏi Joe Vigil về các thành tích của Deena, thì đối với ông, đứng đầu danh sách sẽ luôn là danh hiệu Vận động viên Nhân đạo của năm mà cô giành được năm 2002.

Cứ thế từng chút một, huấn luyện viên Vigil dần sâu vào chạy bộ đường dài của Mỹ, và càng ngày càng xa các kế hoạch về Copper Canyon của mình. Trước Thế vận hội 2004, ông được đề nghị thiết lập một trại huấn luyện cho các vận động viên tiềm năng Olympic trên vùng núi cao California tại Mammoth Lakes. Khối lượng công việc quá lớn với một người đàn ông 75 tuổi, và Vigil đã phải trả

giá: một năm trước Thế vận hội, ông bị một cơn đau tim và cần phẫu thuật bắc cầu mạch vành ba chỗ. Vigil nhận ra rằng, cơ hội cuối cùng để được học hỏi từ những người Tarahumara đã trôi qua.

Như vậy, chỉ còn một nhà nghiên cứu cuối cùng trên thế giới còn đang theo đuổi nghệ thuật chạy bộ bí ẩn của người Tarahumara: Caballo Blanco, với các khám phá được lưu giữ trong bộ nhớ của các nhóm cơ trên thân thể.

Khi bài viết của tôi đăng trên tạp chí *Runner's World*, nó đã nhen nhóm lên một mối quan tâm đáng kể về người Tarahumara. Thế nhưng, chuyện cả một đoàn các vận động viên chạy đường mòn hàng đầu sẵn sàng đăng ký tham dự giải đua của Caballo đã không xảy ra. Thậm chí, thực tế là chẳng có nổi một người.

Điều đó có thể phần nào là do lỗi của tôi. Tôi cảm thấy không thể miêu tả anh một cách chân thực mà không dùng những từ ngữ kiểu như “trông giống xác chết”, hoặc nhắc đến chuyện những người Tarahumara nói rằng anh “có gì đó hơi kỳ quặc.” Hậu quả là, dù hào hứng phát điên lên vì giải chạy này, thì bạn vẫn phải suy nghĩ lại về việc đặt mạng sống của mình vào tay một gã cô độc bí ẩn, với một cái tên giả, chỉ làm bạn với những người sống trong hang và ăn thịt chuột, mà chính họ cũng cho rằng anh không ổn lắm.

Và chuyện càng khó khăn hơn khi khó đoán định giải đua này diễn ra ở đâu, vào lúc nào. Caballo lập một trang web riêng, nhưng việc trao đổi các mẫu tin với anh cũng giống như chờ đợi một cái chai đựng thư dạt vào bờ biển vậy. Để kiểm tra thư điện tử, Caballo phải chạy hơn ba mươi dặm qua một quả núi và lội qua một con sông để tới thị trấn nhỏ bé Urique, nơi anh phải thuyết phục một giáo viên cho phép dùng chiếc máy tính cũ mèm của trường, với một đường kết nối dial-up duy nhất. Anh chỉ có thể thực hiện chuyến đi khứ hồi hơn 60 dặm đó trong thời tiết tốt, nếu không sẽ phải chịu rủi ro mất mạng do trượt ngã khỏi một vách đá trơn nhầy nước mưa, hoặc bị kẹt lại giữa những con suối gầm thét. Dịch vụ điện thoại mới chỉ đến được Urique năm 2002, vì vậy, việc duy trì vận hành cũng rất giới hạn; và Caballo, sau khi mệt mỏi với chuyến chạy đường mòn, có thể đến Urique chỉ để nhận ra rằng đường dây điện thoại đã bị mất liên lạc nhiều ngày qua. Có lần, anh ta không kịp kiểm tra tin nhắn vì bị chó hoang tấn công và phải hủy chuyến đi để đi tìm thuốc tiêm phòng dại.

Chỉ cần nhìn thấy cái tên “Caballo Blanco” xuất hiện trong hòm thư là tôi lại thấy nhẹ nhõm. Cùng với cách mà anh thờ ơ với các rủi ro, Caballo cũng sống một cuộc sống cực kỳ nguy hiểm. Mỗi lần anh chạy đều có thể là lần chạy cuối cùng. Anh vẫn thích tin rằng đám sát thủ buôn ma túy đã đánh dấu anh là một gã “thổ dân nước ngoài” vô hại, nhưng ai mà biết được những tên sát thủ đó nghĩ gì? Hơn nữa, anh còn bị một thứ bùa ám bất tinh kỳ lạ: thỉnh thoảng, Caballo lại bất ngờ ngất xỉu. Ngay cả khi sống ở nơi có dịch vụ 911, thì những lần bất tinh ngẫu nhiên đó đã rất rủi ro. Còn ở đó, nơi hoang vu rộng lớn của vùng Barrancas, một gã Caballo bất tinh nhân sự sẽ chẳng ai bắt gặp. Anh ta đã từng có lần suýt chết khi bị ngất ngay khi vừa chạy tới một ngôi làng. Khi tỉnh dậy, anh ta thấy có một miếng băng dầy sau gáy và tóc dính bê bết máu. Nếu ngất sớm hơn nửa giờ, thì chắc chắn anh đã nằm bẹp đầu đó giữa nơi hoang vắng với một vết nứt trên hộp sọ.

Ngay cả khi sống sót được trước những tay xạ thủ bắn tia và chứng bệnh huyết áp đầy phản trắc của mình, thì cái chết vẫn luôn cận kề ngay gần đôi chân của anh. Chỉ cần đánh giá sai một hòn đá chingoncito trên một lối mòn Tarahumara hẹp như sợi chỉ nha khoa ấy, thì thứ duy nhất mà Caballo để lại sẽ là âm vọng từ tiếng thét của anh trước khi biến mất dưới khe núi.

Nhưng chẳng có gì ngăn được Caballo. Chạy bộ như thể là niềm khoái lạc duy nhất trong đời anh, và anh thường thức nó không như một bài tập, mà giống như một bữa yến tiệc. Ngay cả khi căn lều của anh gần như bị phá hủy hoàn toàn bởi một trận lở đất, Caballo vẫn kịp chạy một lượt trước khi dựng lại mái che trên đầu mình.

Nhưng tới mùa xuân, tai họa ập đến. Tôi nhận được bức thư điện tử này:

này, amigo, tôi đang ở Urique sau một cuộc chạy đầy biến cố và đã phải lê lết. Lần đầu tiên sau nhiều năm, tôi tự làm hỏng bết mắt cá chân trái của mình rồi. Tôi không quen chạy trên đế giày nữa,

vì cái tội huênh hoang nên mới ra nông nỗi này đây, vì tôi cố đi giày và để dành dép xăng đan nhẹ lúc chạy nhanh và chạy giải! Mới chạy được 10 dặm từ Urique en La Sierra, tôi biết cái tiếng “khục” đó là không hay rồi, sau đó tôi đã phải bò xuống Urique trong đau đớn, vì tôi chẳng có lựa chọn nào khác ngoài quay trở về đó, và chân trái của tôi giờ như bị bệnh chân voi vậy!

Chết tiệt! Tôi ngờ rằng tai nạn của anh chính là do lỗi của tôi. Ngay trước lúc tạm biệt nhau ở Creel, tôi nhận ra rằng chúng tôi có cùng cỡ chân, vì vậy, tôi lôi một đôi giày chạy đường mòn mới của Nike ra khỏi ba lô và tặng nó cho Caballo như quà cảm ơn. Anh buộc dây giày và đeo chúng trên vai, cho rằng chúng có thể sẽ hữu ích lúc nào đấy, chẳng hạn như khi đôi xăng đan bị hỏng. Anh đã rất lịch sự không đổ lỗi khi thông báo về tai nạn của mình, nhưng tôi chắc chắn rằng khi đề cập đến chuyện bị trật cổ chân vì chạy nhảy trên lớp đất dày, anh muốn nhắc đến đôi giày tôi tặng.

Lúc này, tôi cảm thấy tội lỗi khôn cùng. Tôi đã phá Caballo trên mọi phương diện. Đầu tiên, tôi đã vô tình đặt một quả bom nổ chậm bằng cách đưa cho anh đôi giày đó, và rồi tôi đã viết một bài báo khiến tính cách lập dị của anh ta trở nên nổi bật quá mức, làm cho việc quảng bá gặp trở ngại. Caballo đang liều lĩnh với mạng sống của chính mình để thực hiện việc này, và giờ đây, sau nhiều tháng nỗ lực, có thể, người duy nhất có mặt ở giải đua ấy sẽ là tôi: người chạy bộ kém cỏi, đáng xấu hổ, kẻ chỉ mang đến cho anh đau khổ.

Caballo đã tự lừa dối bản thân với những cuộc chạy lang thang, nhưng khi anh nằm đó, bị thương và bất lực ở Urique, thì thực tại đã đổ ập xuống. Chẳng ai có thể sống theo cách của anh mà không trông giống như một gã quái gở, và bây giờ anh đang phải trả giá: chẳng ai chịu tin lời anh. Chính bản thân anh cũng không chắc là liệu có thuyết phục được những người Tarahumara tin tưởng vào mình hay không, và họ gần như là những người duy nhất trên đời này biết anh ta. Vậy thì cố gắng để làm gì? Tại sao anh lại theo đuổi một giấc mơ mà tất cả mọi người đều cho là một trò đùa cợt?

Nếu như không tự làm trật mắt cá chân, thì hẳn là anh đã phải mất rất nhiều thời gian để chờ đợi câu trả lời cho câu hỏi đó. Thế nhưng, chính trong lúc đang nằm bẹp tại Urique để chờ chấn thương hồi phục, anh nhận được lời nhắn của Chúa. Ít nhất, đó cũng là Đức Chúa trời duy nhất mà anh vẫn hằng cầu khẩn.

Tôi luôn bắt đầu các giải đua này với những mục tiêu cao ngất, như thể mình sắp làm nên điều kỳ diệu. Và khi cơ thể đã rệu rã tới một điểm nào đó, các mục tiêu sẽ được đánh giá lại, và hạ thấp xuống tới điểm thực tế của tôi hiện tại – lúc này đây, điều tôi hy vọng nhất chỉ là đừng có nôn xuống giày mình.

- Kỹ sư vật lý hạt nhân và người chạy bộ siêu dài EPHRAIM ROMESBERG, sau khi chạy tới ngưỡng 65 dặm trong giải chạy Siêu marathon Badwater.

Vài ngày trước đó, trong một căn hộ nhỏ bé ở Seattle cùng vợ mình và một núi chiến lợi phẩm, người chạy bộ siêu dài vĩ đại nhất nước Mỹ cũng đang đối mặt với những giới hạn của cơ thể mình.

Cơ thể đó trông vẫn rất tuyệt, đủ khiến phụ nữ phải ngoái nhìn mỗi khi Scott Jurek và cô vợ tóc vàng duyên dáng của anh, Leah, đạp xe quanh khu Capitol Hill, đến các hiệu sách, quán cà phê và nhà hàng đồ chay Thái. Một cặp dân chơi trẻ tuổi đẹp đôi, trên xe đạp địa hình mà họ dùng thay cho xe hơi. Scott cao ráo, cơ bắp gọn gàng, cặp mắt nâu biểu cảm và nụ cười như ca sĩ trong các ban nhạc trẻ. Anh chưa cắt tóc kể từ lần được Leah húi cua trước khi anh giành chiến thắng lần đầu tiên ở giải Western States, và rồi sáu năm sau, trên đầu anh lại là những lọn tóc xoắn như những vị thần Hy Lạp, cứ bồng bênh mỗi khi anh chạy.

Vì sao một anh chàng loẻo khoẻo, từng bị gọi là “Gã Cà Giật”, lại trở thành ngôi sao chạy siêu dài, là điều vẫn khiến những ai biết anh từ thời niên thiếu ở Proctor, Minnesonta không hiểu nổi. “Bọn tôi bắt nạt cậu ta lên bờ xuống ruộng.” Dusty Olson, ngôi sao thể thao của Proctor hồi anh và Scott còn niên thiếu, kể lại. Trong các cuộc chạy việt dã, Dusty cùng đám bạn thường ném cả đồng bòn vào Scott và chuồn mất. “Anh ta chẳng bao giờ đuổi kịp.” Dusty nói. “Không ai hiểu được tại sao anh ta lại chạy chậm như vậy, vì Gã Cà Giật đó tập luyện chăm chỉ hơn bất kỳ ai khác.”

Scott cũng chẳng có nhiều thời gian để tập luyện. Khi Scott còn đang học phổ thông, mẹ anh đã mắc phải bệnh đa xơ cứng. Lúc đó, vì là anh cả trong ba anh em, Scott có nhiệm vụ chăm sóc mẹ sau khi tan học, dọn dẹp nhà cửa, và đi gom củi nhóm bếp lò trong khi người cha đi làm. Nhiều năm sau đó, các tay chạy bộ siêu dài kỳ cựu thường tỏ vẻ không bằng lòng với những tiếng thét của Scott tại vạch xuất phát, hay các cú nhảy kiểu kung-fu vào các trạm tiếp tế của anh. Nhưng một khi trải qua thời niên thiếu nhọc nhằn, và chứng kiến mẹ mình chìm dần vào cơn ác mộng đau đớn, thì có lẽ bạn sẽ không thể kiếm chế được niềm vui khi được bỏ lại hết mọi thứ và rảo chân chạy lên các ngọn đồi.

Sau khi mẹ của Scott phải chuyển hẳn vào bệnh xá, anh thường phải cô đơn một mình vào các buổi chiều trống trải, với trái tim nặng trĩu. Thật may mắn, đúng vào lúc Scott cần một người bạn, thì Dusty lại cần một người đồng đội. Họ là một cặp đôi kỳ cục, nhưng lại ăn ro đến lạ lùng; Dusty thèm khát phiêu lưu mạo hiểm, còn Scott thì muốn bỏ trốn thực tại. Dusty ham mê vô độ với các cuộc thi đấu. Ngay sau khi giành chức vô địch giải trượt tuyết kiểu Nordic quốc gia và giải chạy việt dã khu vực, anh đã thuyết phục Scott cùng tham gia giải chạy đường mòn Minnesota Voyageur Ultra – 50 dặm. “Tôi lừa mãi, anh ta mới chịu tham gia.” Dusty kể lại. Scott chưa từng chạy được tới nửa cự ly đó, nhưng do quá nể Dusty nên anh không dám từ chối.

Giữa chừng cuộc đua, giày của Dusty bị tuột ra và kẹt lại dưới bùn. Trước khi anh kịp lôi được chiếc giày lên thì Scott đã biến mất. Anh ta đã xé toang các cánh rừng và về đích giải chạy siêu dài đầu tiên của mình với vị trí thứ nhì, trước Dusty hơn năm phút. “Cái quái gì đang xảy ra vậy?” Dusty tự hỏi. Đêm đó, điện thoại của Dusty đổ chuông liên tục. “Tất cả đám bạn đều trêu chọc tôi, họ nói rằng: ‘Đồ kém cỏi! Cậu bị Gã Cà Giật cho hít khói!’”

Ngay cả Scott cũng ngạc nhiên không kém. *Vậy là, anh nhận ra, cuối cùng tất cả nỗi buồn đau cũng mang lại ích lợi gì đó.* Nỗi tuyệt vọng khi chăm sóc một người mẹ chẳng bao giờ có thể khỏe lên, nỗi

chán nản khi đuổi theo đám bạn xấu xa thích trêu chọc mà anh chẳng bao giờ bắt kịp – được lặng lẽ trui rèn thành khả năng nỗ lực nhiều hơn khi mọi sự có vẻ ngày càng tệ hơn. Huấn luyện viên Vigil chắc hẳn sẽ rất xúc động; Scott đã chẳng đòi hỏi gì từ sự chịu đựng của mình, và lại thu được nhiều hơn những gì anh mong đợi.

Hoàn toàn tình cờ, Scott có được thứ lợi hại nhất trong kho vũ khí của một người chạy bộ siêu dài: thay vì chịu thúc thủ trước cơn mỏi mệt, thì bạn phải nắm bắt lấy nó. Bạn không chịu để nó biến mất. Bạn hiểu rõ nó tới mức không thấy sợ hãi nữa. Lisa Smith-Batchen, cô gái với vẻ mặt tươi tắn và mái tóc dài bồng bềnh, một người chạy bộ siêu dài ở bang Idaho, thường luyện tập dưới bão tuyết và giành chiến thắng trong một cuộc đua sáu ngày ở Sahara, đã nói về sự kiệt sức như thể nó là một con thú cưng vui nhộn. “Tôi thích Con Thú ấy.” Cô nói. “Tôi mong nó xuất hiện, bởi mỗi lần nó đến, tôi lại trị được nó tốt hơn trước. Tôi điều khiển được nó dễ dàng hơn.” Mỗi khi Con Thú xuất hiện, Lisa biết sẽ phải đối phó với điều gì và sẵn sàng chiến đấu. Đó chẳng phải là lý do chính để cô chạy xuyên qua sa mạc hay sao – đưa nỗ lực luyện tập của mình vào thực chiến? Để có một cuộc vật lộn nhẹ nhàng với Con Thú và cho nó biết ai mới là chủ nhân? Bạn không thể căm ghét Con Thú và mong chiến thắng được nó. Cách duy nhất để thuần phục được thứ gì đó, như tất cả các triết gia và các nhà di truyền học sẽ khuyên bạn, là hãy yêu lấy nó.

Scott sẽ không bao giờ nấn ná dưới cái bóng của Dusty, hay bất kỳ người chạy bộ nào khác. “Bất kỳ ai từng nhìn thấy anh lướt nhanh trên núi ở những dặm cuối cùng của một cuộc đua 100 dặm đều sẽ bị thay đổi hoàn toàn.” Một tay chạy bộ đường mòn đã kính nể thốt lên như vậy trên Letsrun.com, trang trao đổi tin tức về mọi vấn đề liên quan đến chạy bộ, sau khi được chứng kiến Scott phá tan kỷ lục tại giải Western States. Và vì một lý do hoàn toàn khác, Scott còn là một người hùng của đám người chạy ở cuối đoàn đua, những người thường chạy quá chậm và chẳng được nhìn thấy anh. Sau khi về nhất ở một cuộc đua 100 dặm, Scott chắc chắn thèm được tắm nước nóng và nằm nghỉ trên đệm êm. Nhưng thay vì đi khỏi đó, Scott lại cuốn quanh mình bằng một chiếc túi ngủ và đứng đợi bên vạch đích. Khi Mặt trời lên vào sáng hôm sau, Scott sẽ vẫn đứng đó, cổ vũ đến khản giọng, để cho người chạy bộ kiên gan cuối cùng biết rằng anh không đơn độc.

Khi bước sang tuổi 31, Scott gần như bất khả chiến bại. Tháng sáu hằng năm, lại có một nhóm Những Tay Súng Trẻ có mặt ở giải Western States với hy vọng đoạt danh hiệu của anh, nhưng năm nào cũng vậy, khi về tới vạch đích, họ lại trông thấy Scott đứng đó, quần mình trong chiếc túi ngủ. “Nhưng, rồi sao nữa?” Scott băn khoăn. Giờ đây, khi đã biến cơ thể mình thành một chiếc xe Ferrari, anh sẽ phải làm gì tiếp theo? Tiếp tục đua với đồng hồ bấm giờ và đám tay mơ cho tới khi họ bắt đầu hạ được mình? Chạy bộ không phải để giành chiến thắng. Anh đã hiểu điều đó kể từ những ngày còn là Gã Cà Giật đơn độc, phải hỗn hển xa phía sau Dusty, với đám bùn bê bết trên mặt. Vẻ đẹp thực sự của chạy bộ là....

Thực ra, Scott cũng chẳng biết rõ nữa. Nhưng khi giành chiến thắng lần thứ bảy tại giải Western States vào năm 2005, thì anh đã biết cần tìm nó ở đâu.

Hai tuần sau giải Western States, Scott rời khỏi vùng núi non và lái xe trên một quãng đường dài, vượt qua sa mạc Mojave để tới vạch xuất phát của giải đua nổi tiếng, giải Siêu marathon Badwater. Trong cùng một tháng, Ann Trason chạy hai giải đua siêu dài, nhưng ít nhất cô còn chịu chạy trên Trái đất. Còn Scott thì lại chạy giải đua thứ hai trên bề mặt Mặt trời.

Thung lũng Chết là một dụng cụ nướng thịt hoàn hảo, là lò nướng Foreman trong tủ bếp của Mẹ Thiên nhiên. Nó là một biển muối lớn, sáng long lanh, được bao bọc vòng quanh bởi những dãy núi vây hãm sức nóng lại, và dồn hết nhiệt lượng đó lên đầu bạn. Nhiệt độ không khí trung bình quanh ở khoảng hơn 51 độ C, nhưng khi Mặt trời mọc và bắt đầu nung nóng nền đất trên sa mạc, đường chạy dưới chân Scott có thể lên tới nhiệt độ nóng bỏng 93 độ C – đúng nhiệt độ bạn cần để nướng chín từ từ một tảng thịt bò. Chưa hết, không khí khô tới mức khi cảm thấy khát, thì bạn có thể

là đã chết chắc rồi. Mồ hôi bị hút khỏi cơ thể nhanh tới mức, bạn có thể bị mất nước nghiêm trọng trước khi cảm nhận được nó trong cổ họng. Cứ cố tiết kiệm nước, thì bạn sẽ chỉ còn là một cái xác chết biết đi.

Thế nhưng, cứ đến tháng bảy, lại có 90 người chạy bộ đến từ khắp thế giới, dành 60 giờ liên tục để chạy dọc tuyến đường cao tốc số 190 ngoằn ngoèo như một dải băng màu đen. Họ luôn phải cố gắng chạy trên các vạch sơn trắng để phần đế giày chạy không bị nóng chảy ra. Ở dặm thứ 17, họ sẽ đi qua Thung lũng Lò nung, nơi từng có lúc đạt tới nhiệt độ cao nhất được ghi lại tại Hoa Kỳ (khoảng 56,7 độ C). Sau đó, mọi sự sẽ càng ngày càng tệ hơn: họ vẫn phải leo qua ba quả núi, và phải đối mặt với các ảo giác, với cái dạ dày làm loạn, và phải trải qua ít nhất một đêm dài chạy bộ trong bóng tối trước khi tới được vạch đích. Tất nhiên, đó là nếu họ tới được đích. Lisa Smith-Batchen là người Mỹ duy nhất từng vô địch giải Marathon trên Cát dài sáu ngày, xuyên qua sa mạc Sahara, nhưng chính cô đã phải rời giải Badwater năm 1999 và được truyền dịch khẩn cấp để tránh cho hai quả thận khô cạn ngưng hoạt động.

Một sử gia đã từng viết về Thung lũng Chết: “Đây là vùng đất thảm họa.” Tham gia giải chạy xuyên qua trung tâm của vùng đất chết chóc này mang lại một trải nghiệm kỳ quái và có hơi hướng của Transylvania. Nơi đây, có những người leo núi đi lạc cào xé những chiếc lưới đã thâm đen của mình trước khi chết khát, như bác sĩ Ben Jones thường kể lại. Người ta đã tuyển mộ khẩn cấp bác sĩ Jones để thực hiện khám nghiệm thi thể một người leo núi được phát hiện trong cát, ngay trong khi ông đang chạy giải Badwater năm 1991.

“Tôi là người duy nhất mà tôi biết từng thực hiện một cuộc khám nghiệm tử thi trong khi đang tham gia một giải chạy.” Ông nói. Bản thân ông cũng chẳng lạ gì chuyện này; “Badwater Ben” từng nổi tiếng vì yêu cầu đội hỗ trợ mình mang theo nguyên một chiếc quan tài chứa đầy nước đá ra đường cao tốc để giúp ông làm nguội cơ thể. Khi các tay chạy bộ chậm hơn đuổi kịp, họ giật bản mình khi nhìn thấy tay đua kinh nghiệm nhất đường đua đang nằm bên lề đường trong một chiếc quan tài, mắt nhắm nghiền và tay khoanh trước ngực.

Vậy thì thật khó mà hiểu được là Scott đang nghĩ gì? Anh lớn lên với các đường trượt tuyết việt dã ở Minnesota. Anh thì biết gì về chuyện giày bị nóng chảy và mấy cái quan tài đựng đá lạnh? Ngay cả giám đốc giải đua Badwater, Chris Kostman, cũng nghĩ rằng Scott chơi quá sức mình: “Giải đua này dài hơn giải có cự ly dài nhất mà anh ta từng chạy đến 35 dặm,” Kostman nói, “và còn dài gấp đôi giải có cự ly dài nhất mà Scott từng chạy trên đường nhựa. Hơn nữa, nhiệt độ thì cao hơn nhiều so với mức anh ta từng trải qua.”

Kostman còn nhiều điều chưa biết. Scott đã tập trung suốt cả năm đó để rèn luyện các kỹ năng chạy đường mòn cho giải Western States, tới mức chưa lần nào chạy đường nhựa quá 10 dặm. Còn việc làm quen với nhiệt độ cao... Ở Seattle thì gần như ngày nào cũng có mưa. Thung lũng Chết lại đang ở vào một trong những mùa hè nóng nhất trong lịch sử, với nhiệt độ vào khoảng hơn 54 độ C. Thời điểm nhiệt độ xuống thấp nhất trong ngày mát mẻ nhất vẫn nóng hơn rất nhiều so với cả mùa hè ở Seattle.

Hy vọng duy nhất của một người chạy bộ để vượt qua được giải Badwater, là có một đội hỗ trợ dạn dày kinh nghiệm giám sát các chỉ số cơ thể, và cung cấp calo để tiêu hoá, cùng với đồ uống có điện giải. Một trong các đối thủ mạnh nhất của Scott năm đó mang theo cả một chuyên gia dinh dưỡng và bốn chiếc xe thùng được đặc chế, để hỗ trợ anh ta tiến nhanh hơn trên đường đua. Còn Scott, anh có vợ mình, hai người bạn đến từ Seattle, và Dusty, đấy là nếu như Dusty tỉnh lại được sau cơn say do vụ tiệc tùng ngay trước khi cuộc đua diễn ra.

Mức độ cạnh tranh mà Scott sẽ gặp phải cũng cam go không kém gì sức nóng. Anh phải thi đấu với Mike Sweeny, người hai lần vô địch giải đua nóng bức đến ngột ngạt H.U.R.T 100 ở Hawaii, và Ferg Hawke, tay đua Canada được chuẩn bị vô cùng kỹ lưỡng, cũng là người đã về nhì sít sao ở giải Badwater năm trước. Pam Reed, người hai lần giành chức vô địch giải Badwater đã trở lại, và chính

Marshall Ulrich, người được mệnh danh Ngài Badwater, cũng có mặt. Marshall Ulrich là người chạy bộ siêu dài đã tự nhổ bỏ hết móng chân. Marshall không chỉ vô địch giải Badwater tới bốn lần, mà trong cả bốn lần đó, ông đều chạy mà *không hề dừng nghỉ*. Có lần, Marshall nổi hứng chạy xuyên qua Thung lũng Chết một mình, tự đẩy thức ăn và nước uống trên một chiếc xe đẩy. Và Marshall không chỉ bền bỉ, ông còn thừa khôn ngoan. Một trong các chiến thuật yêu thích của ông là yêu cầu đội hỗ trợ của mình dần dần che bớt ánh đèn hậu của xe thùng hỗ trợ sau khi trời tối bằng băng dính điện. Những người cố gắng đuổi theo ông vào buổi đêm chắc sẽ phải bỏ cuộc, vì tin rằng Marshall đang biến mất, trong khi thực ra ông chỉ chạy trước họ khoảng nửa dặm.

Vài giây trước lúc đồng hồ chỉ đúng 10 giờ sáng, ai đó bật nhạc. Các bàn tay đặt lên trước ngực khi tiếng nhạc quốc ca vang lên. Chỉ riêng việc đứng đó dưới ánh mặt trời lên cao buổi sáng đã là không thể chịu nổi, trừ những cựu binh của Badwater. Sự dạn dày kinh nghiệm của họ thể hiện ngay trên trang phục thi đấu: Pam, Ferg và Mike Sweeney đều mặc những chiếc quần ngắn lóng lánh bóng và áo bó. Trông họ hoàn toàn không có vẻ gì bận tâm tới ánh mặt trời thiêu đốt trên cao. Còn Scott lại trông như thể sắp đi vào một khu vực có tác nhân sinh học nguy hiểm: Anh được phủ kín từ cằm tới tận đầu ngón chân bằng một bộ đồ chống nắng màu trắng, trông như một gã nhà quê Minnesota thực thụ, với mái tóc tết gọn trong một chiếc mũ kiểu lính lê dương của Pháp.

XUẤT PHÁT! Scott lao khỏi vạch như người hùng Braveheart. Nhưng lần này, tiếng hét của anh nghe yếu ớt và buồn bã; nó bị nuốt chửng bởi sự mênh mông đến đáng sợ của sa mạc Mojave, như một tiếng vọng dưới đáy giếng. Mike Sweeney lại có cách riêng để làm cho Scott phải ngậm miệng: đề phòng trường hợp chàng trai Kỳ diệu có kế hoạch nào đó hòng bám đuổi, rồi tung đòn vào những dặm cuối, Sweeney dự định dẫn đầu và tạo khoảng cách không thể gỡ nổi ngay từ lúc xuất phát. Và anh hoàn toàn có thể làm được như vậy. Trong môn thể thao mà sự khiêu khích không phải là phổ biến này, Sweeney là một trong những kẻ thực sự đáng gờm. Khi còn ở độ tuổi đôi mươi, anh từng là một tay nhào lộn vách núi ở Acapulco (“Tôi vẫn thường vồ mạnh vào đỉnh đầu để làm nó cứng rắn hơn”), sau đó, làm hoa tiêu tàu biển ở vịnh San Francisco, chỉ huy một đội thủy thủ chuyên dẫn đường cho các con tàu vận tải khổng lồ. Trong khi Scott đang tận hưởng những ngọn gió mát lạnh, thoảng mùi cây thông trên núi trong suốt mùa hè, thì Sweeney phải chiến đấu với bánh lái con tàu, chống chọi với gió mạnh cấp gale-force (khoảng từ 60~70km/h), và tập chạy bộ trong phòng tắm hơi nhiệt độ cao lên tới hai giờ mỗi ngày.

Mike Sweeney dẫn đầu đoàn đua khi chạy qua Thung lũng Lò nung, ngay trước lúc giữa trưa. Nhiệt kế đang chỉ mức 52 độ C, nhưng Sweeney vẫn chẳng chùn bước và tiếp tục gia tăng khoảng cách. Tới dặm thứ 72, anh ta đã cách người thứ hai là Ferg Hawke 10 dặm. Đội hỗ trợ của Sweeney vận hành rất hiệu quả. Anh ta có ba vận động viên chạy bộ siêu dài làm người dẫn tốc độ, trong đó có bạn của anh ta, Luis Escobar, nhà vô địch giải H.U.R.T 100. Về dinh dưỡng, anh có Sunny Blende, nữ chuyên gia xinh đẹp trong lĩnh vực thể thao sức bền. Không chỉ theo dõi lượng calo của anh ta, cô còn tốc áo lên khoe ngực mỗi khi cảm thấy Sweeney cần được tiếp sức.

Trong khi đó, đội hình của Gã Cà Giật lại không suôn sẻ như vậy. Một người dẫn tốc độ của Scott đang cố gắng quạt cho anh bằng một chiếc áo khoác, mà không biết rằng Scott đã mệt tới mức chẳng muốn phàn nàn chuyện khóa kéo của chiếc áo đó đang quất lên lưng mình. Cùng lúc đó, vợ của Scott và cậu bạn thân nhất lại đang quất tháo lẫn nhau. Dusty khó chịu về chuyện Leah cứ cố cố vũ tình thần cho Scott bằng cách đọc tốc độ quãng không chính xác, còn Leah lại không hài lòng với việc Dusty cứ quen gọi chồng cô là đồ hèn nhát.

Khi chạy tới dặm thứ 60, Scott bị nôn và run lẩy bẩy. Anh phải chống tay xuống đầu gối, rồi sau đó khụy chân xuống lề đường. Anh nằm gục xuống đường, ngay giữa vũng mồ hôi và dốt dãi của chính mình. Leah và những người bạn chẳng buồn giúp anh đứng dậy, vì họ biết rằng trên đời này chẳng ai thuyết phục được Scott tốt hơn chính anh ta.

Scott nằm đó, và suy nghĩ xem sự tình đang tuyệt vọng tới mức nào. Anh còn chưa đi được đến nửa đường, và Sweeney thì đã ở quá xa phía trước, chẳng còn nhìn thấy được nữa. Ferg Hawke đã đi tới lưng chừng đường dốc lên đài quan sát Father Crowley, trong khi Scott còn chưa bắt đầu leo. Và những cơn gió! Cứ như chạy vào giữa luồng khí từ động cơ phản lực vậy. Trước đó vài dặm, Scott đã cố gắng hạ nhiệt bằng cách nhúng cả đầu và phần thân trên vào một thùng giữ nhiệt chứa đầy nước đá, cố giữ mình dưới nước như vậy cho tới khi phổi chực muốn nổ tung ra. Nhưng ngay khi chui ra, anh lại có cảm giác như đang bị nướng chín.

Không có cách nào hết! Scott tự nhủ. Mình xong đời rồi. Và muốn giành chiến thắng, thì mình phải làm thứ gì đó cực kỳ "bệnh".

Bệnh tới mức nào?

Là bắt đầu lại từ đầu. Là giả như bạn vừa mới tỉnh dậy sau một đêm ngon giấc, và cuộc đua còn chưa bắt đầu. Và bạn sẽ phải chạy 80 dặm tiếp theo nhanh hơn kỷ lục chạy 80 dặm của chính mình từ trước tới nay.

Không có cơ hội nào đâu, Gã Cà Giật.

Đúng vậy. Mình biết.

Scott nằm bất động như một xác chết trong 10 phút. Sau đó, anh ta đứng dậy, làm đúng như thế, và phá tan kỷ lục của giải Badwater với thời gian 24 giờ 36 phút.

Vua đường mòn, vua đường nhựa. Cú đúp năm 2005 của Scott là một trong những màn trình diễn vĩ đại nhất trong lịch sử chạy bộ siêu dài, và anh giành được thành tích này vào thời điểm phù hợp nhất. Đúng vào lúc Scott trở thành ngôi sao vĩ đại nhất trong môn chạy siêu dài, thì chạy siêu dài lại đang trở nên quyến rũ. Đó là thời gian Dean Karnazes ngực trần xuất hiện trên bìa tạp chí, và kể cho David Letterman nghe chuyện mình gọi bánh pizza bằng điện thoại di động khi đang chạy quãng đường 250 dặm. Còn khi Dean tuyên bố chuẩn bị chạy 300 dặm, Pam Reed ngay lập tức chạy luôn 301 dặm, và đến lượt chính cô xuất hiện trên chương trình tivi của Letterman, cùng một hợp đồng viết lời ký, một trong những tựa đề tạp chí vĩ đại nhất: BÀ NỘI TRỢ LIỀU LĨNH SĂN ĐUỐI NAM SIÊU MẪU TRONG CUỘC ĐUA THỂ THAO SINH TỬ.

*Vậyyyyyy... cuốn hồi ký của Scott Jurek ở đâu? Và các chiến dịch marketing nữa? Đâu rồi cuộc chạy còi trần trên máy chạy bộ phía trên Quảng Trường Thời Đại, theo kiểu Karnazes? "Nói về các cuộc đua đường mòn từ 100 dặm trở lên, không ai trong lịch sử có thể sánh được với anh. Thậm chí, bạn hoàn toàn có thể nói rằng anh là người chạy siêu dài vĩ đại nhất mọi thời đại." Tổng biên tập tạp chí *UltraRunning*, Don Allison nhận định. "Tài năng của anh chẳng ai sánh nổi."*

Vậy, anh đang ở đâu?

Biến mất. Thay vì khuếch trương danh tiếng sau mùa hè đầy vẻ vang ấy, Scott và Leah lại ngay lập tức biến mất vào rừng sâu để lặng lẽ ăn mừng. Scott chẳng quan tâm chút nào đến mấy chương trình trò chuyện trên truyền hình, thậm chí, anh còn chẳng có tivi. Anh đã đọc sách của Dean và Pam, cùng các bài viết trên các tạp chí, và chúng chỉ khiến anh thấy kinh tởm. "Toàn diễn trò!" Anh lẩm bẩm. Họ đang biến một môn thể thao đẹp đẽ, một món quà kỳ diệu như thể con người được chấp cánh bay lên này, thành trò mua vui.

Khi cùng Leah trở về căn hộ nhỏ của hai người, Scott tìm thấy thêm một bức thư nữa trong số những bức thư điên khùng vẫn đang chờ đợi anh. Trong khoảng hai năm vừa qua, Scott thỉnh thoảng lại nhận được những bức thư từ một gã vẫn hay ký tên với các bút danh khác nhau: Caballo Loco (Ngựa Điên)... Caballo Confuso (Ngựa Lẫn Lộn)... Caballo Blanco (Ngựa Trắng). Gã này viết gì đó về một cuộc đua, mà nếu Scott có thể tham gia, mang lại sức mạnh cho con người, vân vân... Thông thường, Scott lướt qua những bức thư như vậy, rồi xóa luôn, nhưng lần này, một từ đã khiến anh chú ý: *Chingón*.

Ồ, chẳng phải đó là từ tục tĩu trong tiếng Tây Ban Nha hay sao? Scott không giỏi tiếng Tây Ban Nha, nhưng anh có thể nhận ra các từ ngữ chửi tục. Có phải gã Ngựa Điên này đang chửi mắng anh không? Scott đọc lại bức thư, lần này thì kỹ hơn:

Tôi vẫn kể với người Rarámuri rằng bạn tôi, Ramón Chingón người Apache, tuyên bố rằng anh ta có thể đánh bại bất kỳ ai. Những người Tarahumara không thua kém những người Apache, và họ nhà Quimare thì còn giỏi hơn một chút. Nhưng câu hỏi ở đây là, ai có thể ghê gớm hơn Ramon?

Giải mã ngôn ngữ của Caballo chẳng dễ dàng chút nào, nhưng Scott có thể hiểu lờ mờ rằng có vẻ như Scott được coi là Ramón Chingón, là Gã Khốn Đời Bại sẽ tới đó và dạy cho người Tarahumara một bài học. Như vậy là, cái gã mà Scott chưa từng gặp này đang cố gắng khơi gợi một trận đấu nảy lửa giữa những người Tarahumara và kẻ thù truyền kiếp của họ là người Apache, và gã đó muốn Scott đóng vai kẻ ác giấu mặt? *Thật điên khùng...*

Scott đã đặt tay lên nút xóa thư, rồi dừng lại. Nghĩ lại thì... chẳng phải đó là điều Scott muốn làm hay sao? Đi tìm những người chạy bộ giỏi nhất và những cung đường chạy khó nhằn nhất thế giới và thống trị tất cả? Sẽ tới lúc chẳng ai, kể cả những người chạy bộ siêu dài, có thể nhớ được tên tuổi của Pam Reed hay Dean Karnazes. Nhưng nếu Scott thực sự giỏi như anh nghĩ – hoặc giỏi như anh dám nghĩ – thì anh sẽ chạy giỏi hơn bất kỳ ai. Scott không chỉ muốn trở thành người giỏi nhất thế giới, mà còn muốn là người giỏi nhất mọi thời đại.

Nhưng cũng như tất cả các nhà vô địch khác, anh bị vướng phải Lời nguyền Ali: anh có thể đánh bại bất kỳ ai còn sống, nhưng vẫn phải chịu thua những người đã chết (hoặc ít nhất đã nghỉ thi đấu từ lâu.) Tất cả võ sĩ quyền anh hạng nặng có thể đều đã từng nghe câu này: “Ừ, anh giỏi đấy, nhưng anh sẽ không thể đánh bại được Ali vào thời kỳ đỉnh cao đâu.” Tương tự như vậy, dù Scott có lập ra bao nhiêu kỷ lục đi nữa, thì vẫn luôn có một câu hỏi bị bỏ ngỏ: điều gì sẽ xảy ra nếu như anh có mặt ở Leadville vào năm 1994? Liệu anh có đánh bại được Juan Herrera và Đội Tarahumara, hay họ lại săn đuổi và hạ gục anh như săn một con hươu, giống như những gì họ đã làm với Nàng *bruja*?

Những người anh hùng trong quá khứ là bất khả chiến bại, được bảo vệ mãi mãi bởi cánh cửa thời gian – trừ khi có một người lạ bí ẩn nào đó bỗng xuất hiện một cách kỳ diệu và mang theo chiếc chìa khóa. Biết đâu, chính Scott, nhờ gã Caballo này, lại là vận động viên duy nhất có thể xoay ngược thời gian, và thử thách bản thân với những con người bất tử.

Ai có thể ghê gớm hơn Ramón?

Chín tháng sau, tôi lại có mặt ở biên giới Mexico để chạy đua với thời gian và không được phép sai sót. Tối thứ bảy, ngày 25 tháng 2 năm 2006, tôi còn 24 giờ để một lần nữa tìm thấy Caballo.

Ngay khi nhận được thư phản hồi từ Scott Jurek, Caballo lập tức bắt tay vào sắp đặt công việc hậu cần theo kiểu làm xiếc đu dây. Anh chỉ có cơ hội rất ngắn ngủi để thực hiện ý định của mình, vì cuộc đua không thể diễn ra trong thời gian thu hoạch mùa thu, trong mùa đông mưa gió, hay dưới ánh nắng thiêu đốt của mùa hè, khi rất nhiều người Tarahumara di cư tới các hang động mát mẻ hơn trong hẻm núi. Caballo cũng đồng thời phải tránh lễ Giáng Sinh, Tuần lễ Phục Sinh, ngày Hội Guadalupana và ít nhất là nửa tá đám cưới truyền thống diễn ra vào các ngày cuối tuần nữa.

Cuối cùng Caballo cũng tìm ra thời điểm để tổ chức cuộc đua: chủ nhật, mùng 5 tháng 3. Từ lúc đó, phần công việc khó khăn nhất mới thực sự bắt đầu: Vì gần như chẳng có đủ thời gian chạy từ làng này qua làng khác để thông báo thông tin hậu cần của cuộc đua, nên anh phải tính toán chính xác thời gian, địa điểm để những tay đua Tarahumara gặp gỡ chúng tôi trên đường đi tới địa điểm dự thi. Nếu anh tính toán sai, thì mọi việc sẽ thất bại; nội việc liệu có người Tarahumara nào xuất hiện hay không đã là vô cùng khó nói, rồi nếu như họ có mặt ở điểm hẹn mà chúng tôi lại không có ở đó, thì họ sẽ bỏ đi.

Caballo phải ước lượng phương án khả thi nhất, rồi lập tức lên đường đi vào vùng hẻm núi để loan tin, như anh ta đã gửi thư cho tôi một vài tuần sau đó:

Tôi đã chạy khoảng 30 dặm tới vùng đất của người Tarahumara và vừa quay trở lại vào ngày hôm nay, y như người truyền tin từ thời xưa vậy. Mẩu tin đó tiếp cho tôi nhiều sức lực hơn cả túi pinole mà tôi mang theo. Rất may là tôi đã gặp được cả Manuel Luna và Felipe Quimare trên cùng lượt chạy này, trong cùng một ngày. Khi nói chuyện với họ, tôi có thể cảm nhận được sự phấn khích ngay cả trên gương mặt lúc nào cũng nghiêm nghị kiểu Geronimo của Manuel.

Nhưng trong khi mọi việc có vẻ thuận buồm xuôi gió với Caballo, thì phần việc của tôi lại khó đến phát điên. Ngay khi hay tin Jurek có thể sẽ đối đầu với người Tarahumara, một loạt anh tài trong làng chạy siêu dài đột ngột muốn thử sức. Nhưng chẳng thể nào biết được có bao nhiêu người sẽ thực sự xuất hiện – và ngay cả ngôi sao hút khách của cuộc chơi này cũng thế.

Đúng theo phong cách Jurek, Scott hầu như không nói với bất kỳ ai rằng anh định làm gì, vì vậy, tin phong thanh về kế hoạch của anh chỉ lan ra khoảng hơn một tháng trước khi cuộc đua được tổ chức. Anh thậm chí còn khiến tôi phải đoán mò suốt, trong khi tôi gần như là đầu mối liên lạc duy nhất của anh. Scott gửi thư cho tôi vài lần để hỏi về cách thức di chuyển đến địa điểm cuộc đua, nhưng đến thời gian cận kề, anh biến mất khỏi ra đa. Hai tuần trước khi diễn ra cuộc đua, tôi giật mình nhìn thấy một bài viết trên trang tin của tạp chí *Runner's World* do một người chạy bộ ở bang Texas viết, rằng bản thân mình cũng ngã ngựa khi buổi sáng hôm đó, lúc đến vạch xuất phát của giải Austin Marathon, anh thấy người chạy bộ siêu dài vĩ đại nhất (và cũng nổi tiếng là ần dật nhất) nước Mỹ đang đứng ngay cạnh mình.

Giải Austin w? Theo như thông tin tôi nghe được lần gần đây nhất, thì vào thời điểm ấy, đáng lẽ ra Scott phải đang ở cách đó 2.000 dặm, để cùng vợ mình vượt qua Baja và bắt kịp chuyến tàu Chihuahua-Pacific đi tới Creel. Và cái giải marathon địa phương đó thì có ý nghĩa gì cơ chứ – tại sao Scott lại bay từ đầu này sang đầu kia nước Mỹ để tham gia một giải chạy đường nhựa nhỏ lẻ, trong khi đáng nhẽ anh phải tập luyện khắt khe cho cuộc quyết đấu để đời trên đường mòn? Chẳng cần phải nghi ngờ gì, hẳn là anh đang có ý đồ; và cũng như mọi khi, dù có đang xây dựng chiến lược nào đi nữa, thì nó cũng bị giấu kín riêng trong đầu anh mà thôi.

Vì vậy, cho tới khi đến El Paso, Texas vào ngày thứ bảy đó, tôi vẫn không rõ là mình đang chuẩn bị dẫn đầu cả một trung đội, hay sẽ phải chiến đấu đơn độc. Tôi vào nhận phòng ở khách sạn Hilton gần sân bay, đặt một chuyến xe qua biên giới vào năm giờ sáng hôm sau, rồi lộn lại sân bay. Tôi tin chắc là chỉ lãng phí thời gian, nhưng cũng có khả năng là tôi sẽ đón được Jenn “Mookie” Shelton và Billy Đầu Đất, một cặp đôi nổi tiếng 21 tuổi gần đây đã liên tục làm náo loạn làng chạy siêu dài ở Bờ Đông, ít nhất là trừ những lúc họ bận đi lướt sóng, tiệc tùng hoặc đóng tiền tại ngoại do phạm tội tấn công người khác (Jenn), hoặc hành xử mất trật tự (Billy), hoặc khóa thân nơi công cộng (cả hai người, vì đã có một loạt các cuộc ân ái ngay bên lề đường mòn, khiến họ bị bắt và bị phạt lao động công ích).

Jenn và Billy mới chỉ bắt đầu chạy bộ từ hai năm trước, nhưng Billy đã giành chiến thắng ở một số giải 50 km dữ dội nhất vùng Bờ Đông, trong khi “cô gái trẻ đẹp Jenn Shelton,” như blogger chuyên viết về các cuộc đua siêu dài Joey Anderson miêu tả, vừa đạt kỷ lục một trong những lần chạy đua 100 dặm với thời gian nhanh nhất cả nước. “Nếu cô nàng trẻ trung này vung vợt tennis cũng giỏi như chạy bộ,” Anderson viết, “thì cô sẽ trở thành một trong những phụ nữ giàu có nhất làng thể thao, với tất cả những nhà tài trợ mà cô thu hút được.”

Tôi đã nói chuyện với Jenn một lần qua điện thoại, và mặc dù cô cũng như Bill hào hứng phát điên lên và sẵn sàng leo núi vào vùng Copper Canyon, tôi không thấy có cách nào để họ tham gia được. Cả cô lẫn gã Đầu Đất đều không có tiền, chẳng có thẻ tín dụng, và không có thời gian nghỉ ở trường: họ đều đang học đại học, và cuộc đua của Caballo rơi vào đúng giữa khoảng thời gian thi giữa kỳ, đồng nghĩa với việc họ sẽ mất cả kỳ học nếu bỏ thi. Nhưng hai ngày trước khi tôi bay tới El Paso, tôi bắt gặp nhận được bức thư điên rồ này:

Hãy đợi chúng tôi! Bọn tôi có thể đến lúc 8 giờ 10 phút tối.

El Paso là ở Texas, phải không?

Sau đó – lại là im lặng. Với hy vọng mong manh rằng Jenn và Billy thực sự tìm được đúng thành phố và lừa bịp sao đó để lên được máy bay, tôi ra sân bay để tìm kiếm thử. Tôi chưa từng gặp họ, nhưng danh tiếng ngoài vòng pháp luật của cặp đôi này đã giúp tôi hình dung được rất rõ rệt. Khi tôi khu nhận hành lý, ngay lập tức, tôi bị hút vào một cặp đôi trông như đám thanh thiếu niên bỏ trốn bằng cách đi nhờ xe tới Lollapalooza.

“Jenn phải không?” Tôi hỏi.

“Chuẩn luôn!”

Jenn đi dép tông, mặc quần ngắn lướt sóng và một chiếc áo phông màu mè. Mái tóc lúa mì mùa hè được tết thành các bím, khiến cô trông như cô bé Pipi Tất Dài với mái tóc hoe vàng. Trông cô xinh xắn và nhỏ bé như một vận động viên trượt băng nghệ thuật, một hình ảnh mà cô từng cố gắng xóa bỏ bằng cách cạo đầu đinh và xăm lên cánh tay phải một con dơi ma cà rồng bụi chằng, màu đen, chỉ để sau này phát hiện ra rằng trông nó giống hệt như logo của rượu rum Bacardi. “Sao cũng được!” Jenn nhún vai và nói. “Ai bảo đi tin lời quảng cáo.”

Cũng như Jenn, Billy có vẻ đẹp thô ráp và ăn mặc kiểu bãi biển. Cậu ta có một hình xăm kiểu bộ lạc thổ dân phía sau cổ và có mớ tóc mai dày, lẫn vào với mái tóc bù xù cháy nắng. Với chiếc quần đùi đi biển hoa hoét và cơ bắp nổi rõ của dân lướt sóng, trông cậu ta – ít nhất là nếu so với Jenn – “cứ như là một gã người tuyết cỡ nhỏ vừa cướp tú đồ lót của ai đó.”

“Không thể tin được là các bạn lại đến kíp.” Tôi nói. “Nhưng kế hoạch có chút thay đổi. Scott Jurek sẽ không gặp chúng ta ở Mexico.”

“Ôi, chết mẹ tôi rồi!” Jenn nói. “Tôi biết ngay là chuyện hay như thế chẳng thể có thật mà.”

“Thay vào đó, anh ta đã đến đây.” Trên đường tới sân bay, tôi để ý thấy có hai gã chạy bộ dọc theo bãi đỗ xe. Họ cách quá xa để tôi có thể nhận mặt được, nhưng những bước chân nhẹ như lướt trên đường đã làm lộ danh tính của họ. Sau khi giới thiệu qua loa, họ đã đi đến chỗ quán bar trong khi tôi tiếp tục đi ra sân bay.

“Scott đang ở đây á?”

“Phải. Tôi vừa gặp anh ta trên đường đến đây. Anh ta đang ở quầy bar khách sạn cùng với Luis Escobar.”

“Scott cũng uống rượu à?”

“Có vẻ như vậy.”

“Ngooooon rồi!”

Jenn và Billy vợ vội đồ đạc – chiếc túi mua sắm của Nike lấp ló que trị liệu và túi đựng đồ thể thao, với mẫu túi ngủ vẫn còn mắc ở khoá kéo – và chúng tôi bắt đầu đi qua bãi đỗ xe.

“VẬY, trông Scott như thế nào?” Jenn hỏi. Chạy bộ siêu dài, cũng giống như nhạc rap, bị chia cắt bởi địa lý; là đám dân chơi Bò Đông, Jenn và Billy hầu như chỉ tham gia các giải đua gần chỗ họ và chưa chạm trán với các nhân vật kiệt xuất của Bò Tây. Đối với họ – mà thực ra là giống như hầu hết những người chạy bộ siêu dài – Scott cũng bí ẩn chẳng khác nào những người Tarahumara.

“Tôi chỉ vừa gặp anh ta sơ sơ thôi!” Tôi nói. “Rất khó dò xét được anh ấy, tôi chỉ có thể kể được như vậy.”

Đáng lẽ ra, tôi nên ngậm miệng lại ngay ở đó. Nhưng ai mà đoán trước được khi nào chuyện vụn vặt lại trở thành thảm họa? Làm sao mà tôi biết được rằng một cử chỉ thân thiện, như việc tôi tặng Caballo đôi giày chạy của mình, lại suýt nữa làm anh ta mất mạng? Cũng giống như vậy, tôi không hề ngờ được rằng mấy lời nói tiếp theo của mình lại sắp sửa gây nên thảm họa:

“Hay là,” tôi gợi ý, “các bạn thử chuốc cho anh ta say xem có dễ hơn chút nào không.”

Chuẩn bị gặp Chúa trời của các bạn.” Tôi nói khi chúng tôi bước vào quầy bar khách sạn. “... đang uống một ly bia lạnh.”

Scott đang ngồi trên ghế quầy bar, nhắm nháp một ly Fat Tire Ale. Billy buông chiếc túi thể thao xuống và chìa tay ra hào hứng, còn Jenn nấp sau lưng tôi. Cô hầu như chẳng cho Billy kịp nói một lời nào trên suốt đoạn đường từ bãi đỗ xe đến đây, nhưng bây giờ, với sự có mặt của Scott, cô bị choáng ngợp bởi thần tượng. Ít nhất là tôi nghĩ thế, cho tới lúc tôi nhận thấy sự khác lạ trong ánh mắt cô. Jenn chẳng phải đang e lệ; mà cô đang dò xét anh ta. Scott có thể đang săn đuổi những người Tarahumara, nhưng anh nên đề phòng những kẻ đang săn đuổi mình.

“Chúng ta đã tới đủ hết chưa nhỉ?” Scott hỏi.

Tôi ngó quanh quầy bar và đếm. Jenn và Billy đang gọi bia. Bên cạnh họ là Eric Orton, một huấn luyện viên thể thao mạo hiểm đến từ bang Wyoming và là môn đệ lâu năm của người Tarahumara. Eric đã biến tôi thành dự án tái thiết sau thảm họa của riêng anh; trong chín tháng vừa qua, chúng tôi gặp nhau hằng tuần, thậm chí đôi khi là hằng ngày, vì Eric muốn biến tôi từ một đồng đồ nát thành một người chạy bộ siêu dài không thể gục ngã. Tôi biết chắc chắn rằng anh sẽ có mặt, dù có phải bỏ lại vợ mình cùng cô con gái mới sinh giữa mùa đông khắc nghiệt của bang Wyoming, thì anh cũng không đòi nào chịu ngồi ở nhà trong khi tôi đưa tác phẩm của anh vào thử nghiệm. Tôi nói thẳng rằng anh đã sai lầm và tôi không thể chạy nổi 50 dặm; và giờ đây, chúng tôi sẽ cùng xem anh có đúng hay không.

Ngồi hai bên Scott là Luis Escobar và cha anh, Joe Ramírez. Luis không chỉ là một người chạy siêu dài đáng gờm, từng giành chức vô địch ở giải H.U.R.T 100 và tham gia giải Badwater, mà còn là một trong những nhiếp ảnh gia hàng đầu trong các giải đua của môn này (tất nhiên, một phần là nhờ đôi chân đã đưa anh đi tới những nơi mà không nhiếp ảnh gia nào khác đến được). Hoàn toàn tình cờ, Luis trước đó mới gọi Scott để chắc chắn rằng họ sẽ gặp nhau ở Coyote Fourplay, một sự kiện nửa bí mật nửa công khai, miễn phí hoàn toàn, nhưng chỉ những ai được mời mới có thể tham dự, được mô tả là “một bữa tiệc hỗn độn ngu ngốc bốn ngày bao gồm những cái đầu bị cắt rời của lũ chó đồng cỏ, đồ ăn nhẹ bị đầu độc, quần lót treo trên cây, và 120 dặm đường mòn mà bạn sẽ ước rằng mình đã bỏ lỡ.”

Fourplay được tổ chức vào cuối tháng hai hằng năm trong khu rừng vắng ở Oxnard, California, và là dịp để một nhóm những người chạy đường dài có cơ hội được chơi xỏ và đim hàng nhau. Hằng ngày, những người tham dự Fourplay sẽ chạy khoảng từ 30 đến 50 dặm đường mòn, được đánh dấu bởi những hộp sọ chó đồng cỏ đã được tẩm ướp và đồ lót phụ nữ. Hằng đêm, họ sẽ thi đấu bowling, biểu diễn tài lẻ và chơi xỏ nhau bằng đủ loại trò đùa, chẳng hạn như trao thanh năng lượng ProBar bằng thức ăn đông lạnh cho mèo rồi dán giấy bọc như cũ. Fourplay là một trận chiến sinh tử cho đam mê nghiệp dư thích chạy đến mệt nhoài và quật phá hết cỡ; nó không thực sự dành cho dân chuyên nghiệp, những tay luôn lo lắng đến kế hoạch tham gia các giải đua hay cam kết với nhà tài trợ. Như một lẽ tự nhiên, Scott chẳng bao giờ bỏ lỡ sự kiện này.

Cho tới năm 2006. “Xin lỗi, tôi bận việc khác!” Scott nói với Luis. Khi Luis biết việc đó là gì, tim anh ta rộn lên. Chưa ai từng chụp bức ảnh nào về cuộc đua của người Tarahumara trên chính sân nhà của họ. Nhưng vậy cũng tốt, họ chỉ chạy cho vui, mà có mặt bọn quý da trắng thì chẳng vui gì cả. Các cuộc đua của họ là ngẫu hứng, bí mật, và hoàn toàn không để người ngoài biết đến. Nhưng nếu Caballo có thể tổ chức được cuộc đua như đã hứa, thì một vài kẻ điên rồ nhưng may mắn sẽ có cơ hội

được bước vào thế giới của người Tarahumara. Lần đầu tiên, tất cả bọn họ sẽ cùng được là Người Chạy Bộ.

Cha của Luis là Joe, người có gương mặt như tạc từ gỗ sồi, với mái tóc đuôi ngựa màu xám, và những chiếc vòng ngọc lam của một phù thủy thổ dân Mỹ. Nhưng ông thực ra lại là một người lao động nhập cư, trong hơn 60 năm khó khăn, đã lần lượt trở thành người đi tuần đường cao tốc ở California, bếp trưởng và cuối cùng là họa sĩ mang đậm màu sắc và văn hoá Mexico. Khi Joe nghe nói con mình đang chuẩn bị về quê hương để chiêm ngưỡng những người anh hùng thời cổ đại pho diễn sức mạnh, ông kiên quyết đòi đi cùng. Chỉ riêng chuyến leo núi cũng có thể đủ làm ông mất mạng, nhưng Joe chẳng hề nao núng. Còn hơn cả đám mê chạy đường dài đang vây quanh, người con của đồn điền luôn là người sống sót.

“Còn gã chân đất nọ thì sao?” Tôi hỏi. “Anh ta vẫn đến chứ?”

Khoảng vài tháng trước, một gã nào đó tự xưng là “Ted Chân Đất” bắt đầu oanh tạc Caballo với một đồng thư từ. Anh ta có vẻ như là Bruce Wayne của chạy bộ chân trần, là người thừa kế giàu có, được thừa hưởng gia tài là một công viên vui chơi ở California, anh ta cống hiến bản thân cho việc đấu tranh chống lại tội ác lớn nhất từng thực hiện đối với bàn chân con người: phát minh ra giày chạy. Ted Chân Đất tin rằng chúng ta có thể thoát khỏi các chấn thương ở chân bằng việc vứt bỏ những đôi giày Nike, và anh ta sẵn sàng lấy bản thân mình ra làm bằng chứng: anh đã chạy giải marathon Los Angeles và Santa Clarita bằng chân đất và hoàn thành đủ nhanh để đạt tiêu chuẩn tham dự giải đua cấp cao Boston Marathon. Người ta đồn rằng anh luyện tập bằng cách chạy chân trần trên dãy núi San Gabriel, kéo vợ cùng con gái qua các con phố ở Burbank trên xe kéo. Bây giờ, anh đang tới Mexico để gặp gỡ người Tarahumara và tìm hiểu xem bí quyết cho sự bền bỉ đáng kinh ngạc của họ có phải là do họ chạy gần như hoàn toàn bằng chân trần hay không.

“Anh ta hẳn là sẽ đến sau.” Luis nói.

“Tôi nghĩ vậy là đủ người rồi. Caballo chắc sẽ sượng phát điên.”

“Vậy gã đó là thế nào?” Scott hỏi.

Tôi nhún vai. “Tôi thực sự không biết gì nhiều. Tôi chỉ gặp anh ta mỗi một lần.”

Scott nheo mắt. Billy và Jenn đã rời mắt khỏi quầy bar và ngoái đầu sang, bất thành linh tỏ ra quan tâm đến tôi hơn là mấy cốc bia mà họ đang gọi. Không khí của cả nhóm ngay lập tức thay đổi. Chỉ vài giây trước, tất cả mọi người đều đang uống và tán chuyện, nhưng giờ đây, chỉ có sự im lặng và chút căng thẳng.

“Sao vậy?” Tôi hỏi.

“Tôi cứ nghĩ các anh là bạn tốt của nhau.” Scott nói.

“Bạn ấy à? Còn lâu!” Tôi trả lời. “Gã này hoàn toàn là một bí ẩn. Tôi thậm chí còn chẳng biết anh ta sống ở đâu. Tôi thậm chí chẳng biết tên thật của anh ta.”

“Thế thì làm sao anh biết được anh ta có nói thật hay không?” Joe Ramírez hỏi. “Chết tiệt. Có khi hẳn ta chẳng biết người Tarahumara nào ấy chứ.”

“Họ biết anh ta.” Tôi nói. “Tôi chỉ có thể nói y như những gì tôi đã viết. Anh ta hơi kỳ cục, anh ta chạy rất giỏi, và anh ta đã ở dưới đó một thời gian dài. Đó là tất cả những gì tôi biết về gã này.”

Mọi người im lặng một lát và suy ngẫm, cả tôi cũng vậy. Tại sao chúng tôi lại tin tưởng Caballo? Tôi đã mãi mê luyện tập cho cuộc đua, và quên mất rằng thử thách thực sự là phải sống sót qua được chuyến đi này. Tôi chẳng có tí thông tin nào về con người thật của Caballo, hay anh đang định dẫn chúng tôi tới đâu. Anh có thể hoàn toàn loạn trí hoặc chẳng có khả năng thực hiện điều đang hồ hởi chuẩn bị, và kết quả thì đều như nhau: khi tới Barrancas, chúng tôi sẽ bị nướng chín.

“Rồi!” Jenn lên tiếng. “Mấy anh định làm gì đêm nay? Tôi đã hứa sẽ uống một chén margarita tủy lúy với Billy.”

Nếu như phần còn lại của đám người có thoáng chút hồ nghi, thì họ đều bỏ nó sang một bên. Scott, Luis, Eric và Joe đều đồng ý leo lên chiếc xe của khách sạn cùng với Jenn và Billy để đi vào khu trung tâm uống chút gì đó. Tôi thì không. Phía trước chúng tôi là quãng đường dài, và tôi muốn được nghỉ ngơi càng nhiều càng tốt. Không giống như bọn họ, tôi đã từng đi tới đó. Tôi biết chúng tôi sắp sửa đến một nơi như thế nào.

Đâu đó khoảng nửa đêm, tôi bừng tỉnh bởi tiếng hét ở ngay gần. Gần lắm – như thế, ngay trong phòng tôi vậy. Và, một tiếng động lớn làm rung chuyển cả phòng tắm.

“Billy, dậy đi!” Ai đó hét lên.

“Để tôi ở yên đây. Tôi ổn mà.”

“Cậu phải dậy đi.”

Tôi bật đèn, và nhìn thấy Eric Orton, người huấn luyện viên thể thao mạo hiểm, đang đứng ở cửa. “Đám trẻ...” Anh ta lắc đầu. “Tôi không biết thế nào nữa.”

“Mọi người ổn cả chứ?”

“Tôi không biết đâu.”

Tôi ngồi dậy, vẫn đang ngái ngủ và đi tới cửa phòng tắm. Billy đang nằm sòng soài trong bồn tắm, mắt nhắm nghiền. Vết nôn oẹ dầy khắp áo cậu ta... và cả bồn cầu... và sàn nhà tắm. Jenn đã mất quần áo và bị thâm một bên mắt; cô chỉ mặc quần ngắn và áo lót màu tím, với con mắt trái sưng vù. Cô nắm cánh tay của Billy và cố nhắc cậu ta dậy.

“Giúp tôi nâng anh lấy lên!” Jenn hỏi.

“Mắt cô bị sao vậy?”

“Ý anh là gì?”

“ĐỂ TÔI YÊN!” Billy hét lên, cười ré lên kiểu kẻ ác trong phim, rồi ngất lịm.

Chúa ơi. Tôi ngồi xổm xuống gần cậu ta trong bồn tắm và tìm những chỗ không dính nhom nhóp trên người để bám vào. Tôi xúc được nách cậu ta lên, nhưng không tìm được chỗ thịt mềm nào để nắm lấy; Billy quá cơ bắp, nâng cậu ta lên cứ như thể nhắc một tảng thăn bò vậy. Tôi cuối cùng cũng xoay xở lôi được anh chàng ra khỏi bồn tắm và vào phòng khách. Eric và tôi định ở chung một phòng, nhưng khi Jenn và Billy đến mà không đặt phòng trước, mà có vẻ như họ cũng chẳng có tiền thuê nổi phòng, chúng tôi để họ ở chung.

Và họ nằm lăn ra ngay. Ngay khi Eric mở được chiếc ghế gấp ra, Jenn nằm vật xuống như một mó giẻ. Tôi kéo Billy nằm duỗi ra bên cạnh Jenn, thò đầu ra ngoài rìa ghế. Tôi kip để một chiếc giỏ rác dưới mặt cậu ta ngay trước khi một bãi nôn màu hồng khác tuôn ra xối xả. Cậu ta vẫn tiếp tục nôn oẹ khi tôi tắt đèn.

Trở lại buồng ngủ kè đó, Eric kể tôi nghe. Họ đi tới quán Tex-Mex, và trong khi mọi người ngồi ăn thì Jenn và Billy có một cuộc đấu rượu, với một bình margarita to cỡ cái vạc. Tới lúc, Billy đi khỏi đó để tìm nhà vệ sinh và chẳng quay lại nữa. Cùng lúc ấy, Jenn lại giải trí bằng cách giật điện thoại di động của Scott khi anh đang chúc vợ ngủ ngon, và hét vào đó “Cứu với! Tôi đang bị bao vây bởi đồng dương vật!”

May sao, đúng lúc đó thì Ted Chân Đất xuất hiện. Anh ta đã đến khách sạn, nghe nói rằng nhóm bạn đi cùng đang nhập nhệ, nên chiếm luôn chiếc xe khách sạn và thuyết phục người tài xế chở đi lòng vòng cho tới khi tìm được những người kia. Lần dừng bánh đầu tiên, người lái xe nhìn thấy Billy đang nằm ngủ trong bãi đỗ xe. Anh này lôi Billy vào xe còn Ted Chân Đất đi gọi những người còn lại. Billy không quậy phá được nữa, thì Jenn làm bù; trong chuyến đi ngược về khách sạn, cô liên tục nhào lộn trong ghế ngồi cho tới khi người tài xế dừng xe lại và dọa ném cô ra ngoài nếu không chịu ngồi xuống.

Tuy nhiên, quyền năng của người lái xe chỉ có hiệu lực trong chiếc xe mà thôi. Khi anh ta dừng lại trước cửa khách sạn, Jenn lại lồng lên. Cô chạy vào khách sạn, trượt qua sảnh và ngã vào một bồn phun nước chứa đầy cây thủy sinh, đập mặt vào đá hoa cương đến thâm cả mắt. Cô nhòe dậy, ướt từ đầu đến chân, vung vẩy hai nắm tay đầy lá cây trên đầu, như vừa chiến thắng trong trận Derby Kentucky.

“Cô ơi! Cô ơi!” Người lễ tân van nài, trước khi nhớ ra rằng van xin chẳng có ích gì với mấy kẻ say xỉn trong bồn nước. “Các vị lo quản lý cô ta đi!” Cô lễ tân cảnh cáo những người còn lại. “Nếu không tôi sẽ phải tống hết các vị ra khỏi đây.”

Được thôi. Luis và Ted Chân Đất ngáng ngã Jenn và đè cô xuống, vật lộn lôi cô vào thang máy. Jenn liên tục giãy giụa, cố thoát ra trong khi Scott và Eric thì lôi Billy vào theo. “Thả tôi raaaaa!” Nhân viên khách sạn có thể nghe thấy tiếng Jenn rên rĩ khi cửa thang máy đóng lại. “Tôi sẽ ngoan mà! Tôi hứa...”

“Khốn kiếp thật!” Tôi nói và ngó đồng hồ. “Chỉ năm tiếng nữa là chúng ta phải dựng cỗ bọn say xỉn này dậy và ra khỏi đây.”

“Tôi có thể đưa Billy đi!” Eric nói. “Jenn thì phần hết cho anh.”

Khoảng sau ba giờ sáng, điện thoại tôi đổ chuông.

“Ông McDougall?”

“Ừm?”

“Tôi là Terry ở sảnh lễ tân. Người bạn nhỏ của ông lại cần giúp đỡ để đi lên lầu.”

“Hả? Không phải, lần này không phải cô ta đâu.” Tôi nói và dò dẫm bật đèn. “Cô ta ở ngay...” Tôi nhìn quanh. Không thấy Jenn. “Được rồi. Tôi xuống ngay đây.”

Khi xuống tới sảnh, tôi thấy Jenn chỉ mặc áo lót và quần đùi. Cô nở nụ cười hớn hở, như muốn nói: “Thật tình cờ!” Bên cạnh cô là một gã cao lớn đi ủng cao bồi và thất lưng của dân thi cưới ngựa. Anh ta liếc con mắt thâm tím của Jenn, rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn con mắt thâm tím của cô như thể đang cân nhắc xem có nên cho tôi một trận hay không.

Có vẻ như cô đã tỉnh dậy để vào nhà vệ sinh, nhưng lại lang thang quá khỏi nhà tắm và cuối cùng lại đi xuống sảnh. Sau khi giải quyết nỗi buồn cạnh máy bán nước giải khát, cô nghe thấy tiếng nhạc và bắt đầu đi tìm hiểu. Cuối sảnh, người ta đang tổ chức một tiệc cưới.

“Ê NÀY!!!” Mọi người hô lên khi Jenn thò đầu vào.

“Ê MỌI NGƯỜI!” Jenn đáp lời, và lượn vào tìm đồ uống. Cô nhảy cộ mừng với chú rể, nốc hết một ly bia, và chống cự mấy gã tưởng rằng cô nàng nóng bỏng đang say sưa lão đảo, ăn mặc hở hang xuất hiện bất ngờ vào lúc ba giờ sáng này là món tiêu khiển riêng cho buổi tiệc. Jenn tiếp tục lang thang và cuối cùng lại trở về sảnh.

“Cô em ạ, tốt nhất là đừng uống như thế ở chỗ cô đang đi đến!” Cô lễ tân nói vọng theo khi Jenn loạng choạng đi về phía thang máy. “Bọn họ sẽ hãm hiếp và bỏ mặc cho cô chết đó.” Cô lễ tân đó biết rõ mình đang nói gì; điểm dừng đầu tiên của chúng tôi trên đường tới vùng hẻm núi là Juárez, một thị trấn biên giới loạn lạc tới mức hàng trăm cô gái trẻ cỡ tuổi Jenn đã bị giết và vứt xác ngoài sa mạc trong vài năm qua; 500 người khác đã bị giết chỉ trong một năm. Tất cả những mối nghi hoặc rằng ai đang nắm quyền kiểm soát ở Juárez đều đã tan biến, khi hàng tá cảnh sát trưởng đã bỏ việc hoặc bị giết sau khi các trùm ma túy treo danh sách của họ lên các bảng điện thoại.

“Được rồi!” Jenn vẫy tay tạm biệt. “Xin lỗi về mấy cái cây nhé.”

Tôi giúp cô trở lại nằm trên ghế xô-pha, rồi khoá cửa hai lần để đảm bảo không còn vụ trốn chạy nào nữa. Tôi xem giờ. Khi thật, 3 giờ 30 sáng. Chúng tôi phải ra khỏi cửa sau 90 phút nữa, nếu không thì chẳng có cơ hội gặp được Caballo. Ngay lúc này, anh hẳn đang ra khỏi vùng hẻm núi và đi về phía thị trấn Creel. Từ nơi đó, anh sẽ dẫn chúng tôi xuống vùng Barrancas. Hai ngày sau đó, chúng tôi sẽ

phải cùng có mặt tại một điểm nào đó trên đường mòn trong dãy núi Batopilas, nơi những người Tarahumara sẽ đợi chúng tôi. Vấn đề khó khăn nằm ở lịch xe buýt tới Creel; nếu ngày mai chúng tôi xuất phát muộn, thì sẽ chẳng thể biết lúc nào mới tới nơi. Tôi biết là Caballo sẽ không đợi; đối với anh, chẳng khó khăn gì khi phải lựa chọn giữa việc bỏ rơi chúng tôi và lỡ hẹn với người Tarahumara.

“Này, các anh chắc phải đi trước thôi!” Tôi bảo Eric khi trở lại phòng ngủ. “Cha của Luis biết nói tiếng Tây Ban Nha, vì vậy ông có thể đưa các anh tới Creel. Tôi sẽ đi sau với hai người này ngay khi bọn họ có thể đi được.”

“Vậy thì làm thế nào chúng tôi tìm được Caballo?”

“Anh sẽ nhận ra anh ta thôi. Anh ta một mình một kiểu.”

Eric nghĩ một lúc. “Anh có chắc là không muốn tôi đợi cho hai đứa kia một xô nước đá chứ?”

“Nghe hay đấy!” Tôi nói. “Nhưng lúc này, tốt nhất để họ ngủ.”

Khoảng một giờ sau, chúng tôi nghe thấy tiếng động trong phòng tắm. “Đúng là hết cách!” Tôi lầm bầm, và bò dậy để xem lần này đến lượt ai nôn oẹ. Nhưng thay vào đó, tôi lại thấy Billy đứng dưới vòi sen, người đầy xà phòng và Jenn đang đánh răng.

“Chào buổi sáng!” Jenn nói. “Mắt tôi bị làm sao vậy?”

Nửa giờ sau, sáu người chúng tôi lại quay trở lại chiếc xe của khách sạn và đi xuyên qua những con phố buổi sáng âm thấp của El Paso, hướng về phía biên giới Mexico. Chúng tôi sẽ phải vượt qua biên giới sang Juárez, rồi nhảy hết xe buýt này đến xe buýt khác vượt qua sa mạc Chihuahua tới rìa Barrancas. Ngay cả khi may mắn nhất, thì chúng tôi vẫn phải chuẩn bị đối mặt với 15 giờ liên tục trên những chiếc xe buýt rệu rã của Mexico trước khi tới được Creel.

“Ai kiếm được cho tôi một chai Mountain Dew sẽ có được cơ thể tôi!” Jenn rên rỉ, mắt nhắm nghiền và áp mặt vào cửa sổ mát lạnh của chiếc xe. “Và có luôn cả Billy nữa.”

“Nếu họ chạy như cách mà họ chơi bời, thì người Tarahumara chẳng có cửa mà chiến thắng!” Eric lầm bầm. “Anh tìm đâu ra hai đứa này vậy?”

Jenn và Billy gặp nhau vào mùa hè năm 2002, sau khi Billy học xong năm thứ nhất tại trường Đại học Virginia Commonwealth và trở về nhà làm nhân viên cứu hộ trên bãi biển Virginia. Một buổi sáng, cậu ta đến trạm gác và phát hiện ra thần may mắn lại ra tay. Đồng đội mới của cậu ta như bước ra từ quảng cáo bia Corona, một cô nàng xinh đẹp với điểm số cao nhất trong mọi thang đánh giá của Billy: cô là dân lướt ván, một con mọt sách bí mật, và là dân chơi thứ dữ, đi một chiếc xe Mitsubishi cỡ cỡ cỡ với hình nhà văn quái dị Hunter S. Thompson đang cầm một khẩu súng lục Magnum cỡ nòng .44, khắc trên nắp máy.

Nhưng ngay lập tức, Jenn bắt đầu làm khó cậu. Cô cứ quẩn lấy chiếc mũ bóng chày Đại học North Carolina (UNC) của Billy và không chịu buông ra. “Anh này!” Jenn nói. “Tôi thích cái mũ đó!” Cô đã học ở UNC một năm rồi bỏ học và chuyển đến San Francisco để làm thơ, vì vậy, nếu có lý lẽ nào trên bờ biển này, thì cô mới là người đáng được đội chiếc mũ Tar Heels đó, chứ không phải gã lướt sóng xinh trai chỉ đội nó để đám tóc mái điệu đàng không vương vào mắt...

“Cũng được!” Billy buột miệng. “Của cô đấy.”

“Ngon!”

“Nếu như,” Billy nói tiếp, “cô chịu khóa thân chạy dọc bờ biển.”

Jenn cười chế giễu. “Anh được đấy. Ngay sau giờ làm nhé.”

Billy lắc đầu. “Không được. Ngay bây giờ.”

Chỉ lát sau, những tiếng hú hét và reo hò cổ vũ vang lên, làm rung chuyển cả đường lát gỗ bờ biển khi Jenn chạy vọt ra khỏi nhà vệ sinh di động, với bộ đồ cứu hộ nằm vo lại dưới đất. *Được rồi, chơi luôn!* Cô chạy tới trạm gác tiếp theo cách đó một dãy nhà, quay lại và chạy ngược về đám bà mẹ, trẻ con đáng nhẽ cần được bảo vệ khỏi nhiều thứ, trong đó có lũ sinh viên bỏ học nổi con điên chạy khóa thân. Thật may, Jenn không bị tổng giam (sau này thì có, vì tội làm chập động cơ xe tải của đội trưởng đội cứu hộ bằng cách nhét cua sống dưới nắp máy).

Trong những phút yên ả, Jenn và Billy nói chuyện về các con sóng lớn và sách vở. Jenn tôn sùng thơ Beat và cô định học ngành sáng tác ở trường Viết thơ Thoát xác Jack Kerouac, ấy là nếu có lúc nào đó cô muốn đi học lại và lấy một tấm bằng. Sau đó, cô đọc được cuốn sách *It's Not About a Bike* (Không chỉ là chiếc xe đạp) của Lance Armstrong và phải lòng với một dòng thơ kiểu chiến binh mới.

Cô nhận ra rằng Lance không phải chỉ là một gã cục súc trên xe đạp; anh là một triết gia, một Beat thế hệ sau, một Dharma Bum (“Phật tử lang thang”) căng buồm lướt trên biển đường nhựa để tìm kiếm cảm xúc và Trải nghiệm Tinh túy. Cô biết Armstrong từng chiến thắng căn bệnh ung thư, nhưng không biết anh đã cận kề với cái chết đến mức nào. Lúc Armstrong được phẫu thuật, các khối u đã lan ra khắp não, phổi, và tinh hoàn. Sau khi điều trị hoá trị liệu, anh yếu tới mức không đi bộ nổi, nhưng lại phải đưa ra một quyết định khẩn cấp: nhận khoản bảo hiểm trị giá 1,5 triệu đô-la hay từ chối nó và xây dựng lại chính mình thành một vận động viên sức bền? Nhận tiền, và anh ta sẽ chẳng phải lo lắng gì cho đến cuối đời. Từ chối khoản tiền và căn bệnh tái phát, anh sẽ tiêu đời; anh sẽ chẳng có tiền, không có bảo hiểm y tế, và chẳng sống nổi đến tuổi 30.

“Quên mẹ trò lướt sóng đi!” Billy thốt lên. Cậu ta nhận ra, lựa chọn cuộc sống nhiều rủi ro không phải vì thích sự nguy hiểm. Đó là vì sự tò mò; kiểu tò mò táo bạo, giống như cách mà Lance đã làm khi bị coi là phế nhân và vẫn quyết định thử xem liệu mình có thể xây dựng từ một cơ thể tàn lụi thành một cỗ máy đánh bại cả thế giới. Cách mà Kerouac đã làm, khi quyết định đi theo một con đường và sau đó viết về nó theo từng con điên dại, bất cần và nghĩ sẽ chẳng bao giờ in nổi. Nhìn nhận

vấn đề theo cách đó, Jenn và Billy có thể lần ra mối liên hệ trực tiếp từ một nhà thơ phong cách Beat tới nhà vô địch xe đạp đua, xuống tới một cặp đôi cứu hộ bờ biển Virginia suốt ngày nốc bia Pabst Blue Ribbon. Chẳng ai trông đợi họ làm nên trò trống gì, nên họ có thể thử làm bất cứ điều gì. Tính bạo gan đang vẫy gọi.

“Em đã bao giờ nghe nói đến Mountain Masochist chưa?” Billy hỏi Jenn.

3 Kẻ khổ dâm trên núi (ND)

“Chưa. Đó là ai vậy?”

“Đó là một cuộc đua, đầu đất ạ. 50 dặm trên núi.”

Họ đều chưa từng chạy một giải marathon nào bao giờ. Họ sống ở bãi biển suốt từ nhỏ đến giờ, hầu như chưa từng nhìn thấy núi, chứ đừng nói đến chuyện chạy trên đó. Họ cũng chẳng thể tập luyện nghiêm túc được, vì thứ cao nhất quanh bờ biển Virginia chỉ là một đụn cát. Đối với họ, 50 dặm trên núi là hoàn toàn quá sức.

“Vụ này được đấy!” Jenn nói. “Em sẽ chơi.”

Họ thực sự cần sự trợ giúp, vì vậy, Jenn lại tìm kiếm ở chỗ mà cô vẫn tìm khi cần được chỉ dẫn. Như thường lệ, mấy kẻ nghiện rượu và hút sách mà cô yêu thích luôn là cứu tinh kịp thời. Đầu tiên, cô và Billy nghiên cứu cuốn *The Dharma Bums* (Phật tử lang thang) và bắt đầu ghi nhớ miêu tả của Jack Kerouac về chuyến đi trên dãy núi Cascadia.

“Hãy thử thiền định trên đường mòn, cứ đi và nhìn xuống lối mòn dưới chân bạn, đừng nhìn quanh và rơi vào trạng thái thôi miên khi mặt đất lướt qua phía dưới.” Kerouac viết. “Những con đường mòn là như vậy: bạn trôi qua nó trong một thiên đường kiểu Arden Shakespeare và trông đợi được nhìn thấy những nàng tiên rừng, những chàng tiên thổi sáo, rồi bất chợt, bạn cố gắng vùng vẫy giữa một mặt trời địa ngục sục sôi trong bụi đất, với những cây tầm ma và cây sồi độc... y như ngoài đời vậy.”

“Toàn bộ cách tiếp cận với chạy đường mòn của chúng tôi đều bắt nguồn từ cuốn sách ấy.” Billy sau này kể lại với tôi. Còn về cảm hứng, thì họ lấy từ Charles Bukowski: “Nếu bạn định thử, thì hãy làm hết sức.” Theo Barfly (Kẻ lang thang quán rượu). “Không có cảm xúc nào khác giống được như thế. / chỉ còn có bạn và các vị thần / và những bóng đêm sẽ bùng cháy... bạn sẽ lướt trên cuộc đời thẳng tới / nụ cười hoàn hảo, đó là / cuộc chiến duy nhất xứng đáng.”

Chẳng bao lâu sau, dân lướt sóng để ý thấy nhiều chuyện kỳ cục vào các buổi tối khi Mặt trời lặn trên Đại Tây Dương. Những lời tung kinh vang vọng khắp các đụn cát – “*Ào mậậậnnngggg! Đĩềềmmmm báo! Ảảảảoooo giấccccc!*” – sau đó, một quái vật bốn chân nửa người nửa thú sẽ xuất hiện, nhảy nhót, hú hét. Khi nó tới gần, họ có thể nhận ra đó thực ra là hai người, chạy sóng vai nhau. Một cô gái trẻ mảnh mai với chiếc khăn quăn “Gay Pride” trên đầu và một con dơi hút máu xăm trên cánh tay, còn người kia, thì họ chỉ có thể đoán, là một võ sĩ người sói dưới ánh trăng.

Trước khi bắt đầu buổi chạy tối, Jenn và Billy nhét băng ghi âm Allen Ginsberg đọc tập thơ Howl (Tiếng hú) vào máy Walkman. Họ thống nhất với nhau là khi nào chạy bộ không còn hào hứng bằng lướt sóng nữa, thì họ sẽ từ bỏ. Vì vậy, để có được cảm giác lướt đi và dâng trào như khi lướt sóng, cảm giác như được nâng lên và cuốn theo, họ chạy theo nhịp của những vần thơ Beat.

“*Những phép màu! Ngất ngậy! Trôi theo dòng sông nước Mỹ!*” Họ hò hét trong khi chạy dọc theo mép nước.

“*Những tình yêu mới! Thế hệ điên khùng! Lăn xuống theo những tảng đá của thời gian!*”

Tại giải Old Dominion 100 vài tháng sau đó, các tình nguyện viên tại trạm tiếp tế ở giữa chặng đường nghe thấy tiếng hét vọng qua những cánh rừng. Chỉ lát sau, một cô gái tóc tết bím chạy ào ra khỏi những rặng cây. Cô lộn nhào trồng cây chuối, rồi đứng lên trở lại và bắt đầu đấm bốc với khoảng không.

“Mày chỉ có vậy thôi sao, Old Dominion?” Cô hét lên khi tung các nắm đấm vào không khí. Là thành viên duy nhất trong đội hỗ trợ của Jenn, chàng Billy đứng đợi cùng đồ ăn ưa thích của cô: nước ngọt có ga Mountain Dew và bánh pizza pho mát. Jenn ngừng nhảy nhót, tiến vào và bắt đầu chén một lát pizza.

Các tình nguyện viên tại trạm tiếp tế tròn mắt. “Cung oi!” Một trong số họ cảnh báo. “Em nên chạy chậm bớt đi. Chưa tới 20 dặm cuối thì chưa tính là đã chạy được nửa của 100 dặm đâu.”

“Được rồi!” Jenn nói. Sau đó, cô lau cái miệng đầy mỡ bằng chiếc áo lót thể thao, ợ lên một hơi Mountain Dew và chạy khỏi đó.

“Cậu phải bảo cô ta chạy chậm bớt đi.” Một trong những tình nguyện viên tại trạm tiếp tế nói với Billy. “Cô ấy đang chạy nhanh hơn kỷ lục của giải những ba giờ đấy.” Vượt qua 100 dặm trên núi không giống chạy giải marathon trong thành phố; nếu gặp vấn đề gì trong bóng tối, thì phải may mắn lắm bạn mới quay trở ra được.

Billy nhún vai. Sau một năm lãng mạn với Jenn, cậu ta đã hiểu được rằng cô có khả năng làm bất cứ điều gì, ngoại trừ giảm tốc độ. Ngay cả khi cô muốn kiểm soát bản thân, thì bất kỳ điều gì đang trào dâng trong cô – tình cảm, cảm hứng, cơn bực bội hay niềm vui – cũng sẽ tuôn chảy ra ngoài. Dù sao đi nữa, đây cũng là cô gái đã tham gia đội bóng bầu dục của UNC và lập ra một kỷ lục mà trước đó vẫn được coi là không thể đạt được trong suốt chiều dài lịch sử 170 năm của môn thể thao này: Quá quậy trong các Bữa tiệc Bóng bầu dục. “Cô ấy điên cuồng tới mức, đám con trai trong đội bóng nam phải vật ngã cô và khiêng về phòng.” Jessie Polini, bạn thân nhất của cô ở UNC kể. Jenn luôn luôn lao hết tốc lực, và chỉ nghĩ cách đối phó với những bức tường đá sau khi va phải chúng.

Lần này, bức tường đá trở lại để báo thù tại mốc 75 dặm. Lúc đó là sáu giờ tối. Mặt trời đã lặn từ khi Jenn bắt đầu chạy vào khoảng năm giờ sáng, và cô còn cả một cuộc marathon phía trước. Lần này, khi lết vào trạm tiếp tế, Jenn không còn biểu diễn quyền anh với khoảng không nữa. Cô đứng trước bàn đồ ăn, ngăn người vì mỏi mệt, mệt đến mức không ăn nổi và đầu óc đã quá mụ mị để quyết định xem nên làm gì khác. Cô chỉ biết một điều duy nhất, là nếu ngồi xuống, cô sẽ không thể đứng lên được nữa.

“Đi thôi nào!” Ai đó la lên.

Billy vừa tới nơi và bắt đầu cởi áo khoác. Bên trong, cậu ta mặc quần đùi lướt ván và một chiếc áo phông hình ban nhạc rock, với tay áo đã bị xé bỏ. Một số vận động viên marathon cảm thấy hứng khởi khi có một người bạn chạy dẫn tốc độ giúp họ trong khoảng hai, ba dặm cuối; còn Billy thì đang nhảy vào chơi nguyên một cự ly marathon. Jenn cảm thấy phấn chấn. Gã Đầu Đất này. Đáng mặt lắm!

“Em ăn thêm một ít pizza nhé?” Billy hỏi.

“Ui, chịu thôi!”

“Cũng được. Sẵn sàng chưa?”

“Chơi luôn.”

Hai người bọn họ lại chạy xuống đường mòn. Jenn chạy trong im lặng, vẫn cảm thấy rất tệ hại và đấu tranh tư tưởng với ý muốn quay về trạm tiếp tế và bỏ cuộc. Billy đi cùng và hỗ trợ cô bằng cách ở kề bên. Jenn vật vã qua một dặm, thêm một dặm nữa, và rồi điều kỳ lạ bắt đầu xuất hiện: nỗi tuyệt vọng của cô nhường chỗ cho sự hãnh diện, bởi cảm giác rằng thật tuyệt biết bao khi lang thang trong chốn hoang vu diệu kỳ này, dưới ánh hoàng hôn thiêu đốt, cảm thấy tự do và tràn trệ, thấy mình đang lướt nhanh, những cơn gió nhẹ trong rừng giúp làn da đắm mồ hôi trở nên mát mẻ.

Tới 10 giờ 30 phút đêm đó, Jenn và Billy đã vượt qua tất cả các vận động viên khác trong rừng, trừ một người duy nhất. Jenn không chỉ về đích; cô đã về đích thứ nhì chung cuộc, và là nữ vận động viên chạy giải này nhanh nhất, phá vỡ kỷ lục cũ với ba giờ cách biệt (tới ngày hôm nay, kỷ lục 17 giờ 34 phút của cô vẫn được giữ nguyên). Khi bảng xếp hạng toàn quốc được công bố vài tháng sau đó, Jenn phát hiện ra cô nằm trong ba vận động viên chạy 100 dặm hàng đầu nước Mỹ. Và chẳng lâu sau

đó, cô đạt kỷ lục thế giới: thành tích 14 giờ 57 phút tại giải Rocky Raccoon 100 vẫn là thành tích tốt nhất trên đường mòn nền đất cự ly 100 dặm của vận động viên nữ trên toàn thế giới.

Mùa thu năm đó, một bức ảnh xuất hiện trên tạp chí *UltraRunning*. Bức ảnh có hình Jenn hoàn thành một cuộc đua 30 dặm đầu đó trong một khu rừng xa xăm ở bang Virginia. Không có gì ngạc nhiên trong thành tích của cô ở giải này (về đích thứ ba) hay quần áo của cô (quần ngắn màu đen, áo lót thể thao màu đen đơn giản), hoặc tính nghệ thuật của bức ảnh (thiếu sáng, và bị cắt xén thô bạo). Jenn chẳng phải đang chiến đấu đến một kết cục cay đắng, hay sai chân trên đỉnh núi với hàm răng nghiến chặt như một người mẫu của Nike, hoặc cố gắng vươn tới vinh quang với vẻ mặt nhăn nhó thể hiện quyết tâm đến nghệt thở. Tất cả những gì cô đang làm là... chạy. Chạy, và mỉm cười.

Nhưng nụ cười đó lại gây xúc động lạ thường. Bạn có thể nhận ra ngay rằng cô đang bùng nổ hết cỡ, như thể cô chẳng muốn làm bất kỳ điều gì khác trên đời hơn là việc đang làm ngay lúc ấy, ở nơi đây, trên một đường mòn bị quên lãng giữa vùng Appalachian hoang dã. Mặc dù chỉ chạy dài hơn bốn dặm so với một cuộc marathon, cô trông vẫn nhanh nhẹn và vô lo, với cặp mắt lấp lánh, mái tóc đuôi ngựa đung đưa quanh đầu như tấm áo tung bay trên tay một cầu thủ bóng đá Brazil đang ăn mừng thắng lợi. Niềm vui sướng mộc mạc của cô là thứ hiển hiện; nó toát ra từ nụ cười trên môi, thật thà và không chút è dè, đến mức như thấy cô đang đắm chìm cảm hứng nghệ thuật vậy.

Có thể đúng là như vậy. Mỗi khi một hình thức nghệ thuật nào đó mất đi ngọn lửa, khi nó bị suy yếu bởi sự pha tạp của tri thức và những nguyên tắc căn bản mờ dần thành truyền thống cũ rích, thì lại có một nhóm nổi loạn cấp tiến nào đó thổi bùng nó lên và xây dựng lại từ đống đổ nát. Những vận động viên chạy bộ siêu dài thuộc thế hệ Những Tay Súng Trẻ giống như những nhà văn trong Thế hệ Bỏ đi vào những năm 20, các nhà thơ Beat những năm 50, và các nhạc sĩ dòng nhạc rock vào những năm 60: họ nghèo khó và bị lờ đi, và không bị vướng bận bởi những kỳ vọng hay kim hãm. Họ là những họa sĩ vẽ trên cơ thể, chơi đùa với những bảng màu là sức chịu đựng của con người.

“Vậy tại sao không phải là các cuộc đua marathon?” Tôi hỏi Jenn trong một cuộc điện thoại để phỏng vấn cô về thế hệ Những Tay Súng Trẻ. “Cô có nghĩ mình vượt qua được vòng tuyển chọn Olympic?”

“Cái anh này, thật là...” Cô nói. “Thời gian đạt tiêu chuẩn là 2 giờ 48 phút. Ai mà chả làm được.” Jenn có thể chạy một cuộc marathon dưới ba giờ trong bộ bikini buộc dây, nốc một vai bia ở dặm thứ 23 – và sẵn sàng làm được như vậy, chỉ năm ngày sau khi hoàn thành cuộc đua 50 dặm đường mòn ở dãy núi Blue Ridge.

“Nhưng sau đó thì sao?” Jenn tiếp. “Tôi ghét cách người ta cường điệu hóa marathon. Có gì bí hiểm đâu nhỉ? Tôi biết một cô gái tập luyện cho đợt tuyển chọn và cô ta lập kế hoạch từng bài tập cho tận ba năm liền! Cô ta tập tốc độ trên đường chạy sân vận động gần như hai ngày một lần. Tôi không làm nổi. Có lần, đáng nhẽ phải chạy cùng cô ta vào lúc sáu giờ sáng, tôi đã gọi cho cô ta lúc hai giờ đêm để nói rằng tôi đang say bét vì uống margarita, và chắc là không đến được.”

Jenn chẳng có huấn luyện viên hay chương trình tập luyện; cô thậm chí còn chẳng có nổi một cái đồng hồ. Cô chỉ bò ra khỏi giường vào mỗi sáng, xức một chiếc bánh kẹp chay, và sau đó chạy xa đến đâu và nhanh tới mức nào tùy thích, mà thông thường là khoảng 20 dặm. Sau đó cô sẽ nhảy lên ván trượt pa-tanh thay vì mua vé đỗ xe tháng, và trượt ván tới lớp ở Old Dominion, nơi cô mới quay lại để tiếp tục học và liên tục đạt điểm A.

“Tôi thực ra chẳng bao giờ nói chuyện này với ai, vì nghe có vẻ vờ vịt, nhưng tôi đã bắt đầu chạy siêu dài để trở thành một con người tốt hơn trước.” Jenn nói với tôi. “Tôi đã nghĩ, nếu có thể chạy được 100 dặm, bạn sẽ ở trạng thái thiên định. Bạn sẽ trở thành Phật, mang lại hòa bình và nụ cười đến cho thế giới. Có vẻ không đúng với trường hợp của tôi – tôi vẫn là cái đồ quậy phá như trước – nhưng vẫn hy vọng nó có thể làm con người trở nên tốt đẹp hơn, hiền hòa hơn.

“Khi tôi chạy đường dài,” cô nói tiếp, “lúc đó, điều quan trọng duy nhất trên đời là hoàn thành cuộc chạy. Chỉ có lúc ấy, đầu tôi mới không phát hỏa. Mọi thứ trở nên tĩnh lặng, và tôi như đang

thuần túy trôi đi. Chỉ có tôi với từng cử động và chuyển động. Tôi yêu thích điều đó – trở thành giống người man rợ, chạy xuyên qua rừng.”

Nghe Jenn nói, tôi cảm tưởng như đang nói chuyện với bóng ma của Caballo Blanco. “Cô nói chuyện giống một gã tôi gặp ở Mexico đến lạ lùng.” Tôi bảo. “Vài tuần nữa, tôi sẽ xuống đó để tham dự một cuộc đua của anh ta với người Tarahumara.”

“Không thể nào!”

“Scott Jurek có thể cũng đến nữa.”

“Anh... đang... *đùa tôi!*” Cô Phạt nhỏ gào lên. “Thật sao? Tôi với bạn tôi tham gia được không? Ôi, không. Chết tiệt! Chúng tôi phải thi giữa kỳ vào tuần đó. Tôi phải bàn với bạn tôi ngay mới được. Cho tôi đến mai để trả lời nhé, được chứ?”

Sáng hôm sau, như đã hứa hẹn, Jenn gửi tôi một tin nhắn:

Mẹ tôi nghĩ anh là một kẻ giết người hàng loạt, và sẽ giết chúng tôi trong sa mạc. Cũng đáng để liều đấy. Vậy, chúng tôi sẽ gặp các anh ở đâu?

Chúng tôi tới Creel sau khi Mặt trời đã lặn khá lâu, chiếc xe buýt rên rỉ suốt quãng đường rùng mình thật mạnh khi dừng lại, má phanh rít lên như đánh tiếng thờ phào. Ngoài cửa sổ, chiếc mũ rom cũ kỹ ma quái của Caballo nhấp nhô tiến lại trong bóng tối.

Thật không thể tin được rằng chuyến đi xuyên qua sa mạc Chihuahua lại suôn sẻ đến vậy. Thường thì khả năng vượt biên giới và bắt được bốn lượt xe buýt liên tục mà không chiếc nào bị hỏng dọc đường hay bị trễ tới nửa ngày là ngang với xác suất thắng máy đánh bạc ở Tijuana. Trên bất kỳ chuyến đi nào xuyên qua Chihuahua, chắc chắn có ai đó sẽ phải an ủi bạn bằng câu châm ngôn vùng này: “Chẳng có gì diễn ra đúng theo kế hoạch, nhưng rồi mọi thứ đều sẽ ổn cả.” Nhưng kế hoạch của chúng tôi lần này, cho tới giờ vẫn tỏ ra là không có sai sót, không có bia rượu, và chẳng có băng đảng ma túy.

Tất nhiên, đó là trước khi Caballo gặp Ted Chân Đất.

“CABALLO BLANCO! LÀ ANH, PHẢI KHÔNG?”

Trước khi kịp ra khỏi xe buýt, tôi đã nghe thấy giọng nói oang oang như súng nổ. “ANH LÀ Caballo! TUYỆT! Anh có thể gọi tôi là MONO! CON KHỈ! Là TÔI đó, con KHỈ. Đó là linh vật của tôi...”

Khi bước ra khỏi cửa xe, tôi thấy Caballo đang nhìn chằm chằm vào Ted Chân Đất với vẻ hoài nghi đáng sợ. Đám còn lại chúng tôi đã khám phá ra trên xe buýt, Ted Chân Đất nói suốt cả chuyến đi. Như Charlie Parker chơi kèn saxophone: anh ta có thể bắt đầu mà chẳng cần bắt nhịp, rồi tuôn ra thành dòng, có vẻ như liên tục hít vào bằng đường mũi, đồng thời duy trì được luồng âm thanh tuôn ra không ngừng nghỉ từ miệng. Trong 30 giây đầu tiên ở Creel, Caballo bị tổng cho một lượng chuyện trò còn nhiều hơn mức anh nghe thấy suốt cả năm. Tôi có thoáng chút thương cảm, nhưng chỉ thoáng qua thôi. Bởi lẽ, chúng tôi đã phải nghe Băng phát Tài liệu tổng hợp của Ted Chân Đất trong suốt 15 giờ qua. Bây giờ đến lượt Caballo.

“... người Tarahumara là nguồn cảm hứng LỚN của tôi. Lần đầu tiên tôi đọc được rằng người Tarahumara có thể chạy được một giải đua 100 dặm bằng dép, nó như một sự giác ngộ, vừa gây sốc, vừa làm đảo lộn mọi thứ, khác với những gì mà tôi vẫn nghĩ là CẦN THIẾT đối với con người để chinh phục cự ly đó, tôi nhớ mình đã nghĩ: Chuyện QUÁI gì thế này? Thế QUÁI nào mà họ làm được? Đó là thứ đầu tiên, LỖ HỔNG ĐẦU TIÊN TRÊN BỨC TƯỜNG, thứ mà CÓ THỂ các công ty sản xuất giày hiện đại không giải đáp được hết...”

Bạn chẳng cần phải nghe Ted Chân Đất nói mới mừng tượng được trí não hỗn độn của anh ta; chỉ cần nhìn anh ta là đủ. Trang phục của anh ta là một sự kết hợp giữa Chiến binh Lạt ma Tây Tạng và cô nhóc trượt pa-tanh: quần thụng vải bò có dây buộc ở thắt lưng, áo may ô trắng bó sát, dép đi nhà tắm của Nhật Bản, miếng bùa hình đầu lâu bằng đồng trước ngực, và chiếc khăn màu đỏ buộc nút quanh cổ. Với cái đầu cạo trọc, thân hình rắn như bê tông, và cặp mắt màu tối lia ngang dọc khắp nơi, đáng chú ý không kém giọng nói, anh ta trông giống như Chú Fester⁴ trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

4 Nhân vật trong phim Addams Family (ND).

“Ồ. Được rồi, ông bạn!” Caballo lầm bầm, lách qua Ted để chào đám còn lại chúng tôi. Chúng tôi xách đồng ba lô và theo chân Caballo đi dọc con phố chính duy nhất của Creel, tới chỗ trọ ở rìa thị trấn đã được anh sắp xếp trước. Tất thấy đã đói mềm và mệt rũ ra sau chuyến đi dài, run rẩy trong cái lạnh của vùng cao nguyên và chẳng mong đợi gì ngoài một chiếc giường ấm áp cùng một bát

frijoles nóng của Mamá – tất cả chúng tôi đều như vậy, trừ Ted, người tin rằng việc cần thiết trước nhất là tiếp tục câu chuyện cuộc đời mình mà anh ta đã bắt đầu kể cho Caballo từ giây đầu tiên gặp gỡ.

Caballo đã gần tới giới hạn chịu đựng, nhưng anh quyết định không ngắt lời. Anh có một số thông tin tồi tệ, chưa biết làm cách nào cho chúng tôi biết mà không khiến tất cả lập tức quay lại và leo lên chiếc xe buýt nọ.

“Cuộc đời tôi là một vụ nổ có kiểm soát.” Ted Chân Đất thích nói như vậy. Anh ta sống ở Burbank, trong một khu vực nhỏ có gì đó giống căn phòng của đứa trẻ nổi loạn trong phim Big của Tom Hanks. Trên mặt sân phủ kín xe thể thao Spyder nhiều màu như kẹo dẻo, ngựa gỗ, xe đạp có bánh xe cỡ lớn theo kiểu từ thời Victoria, xe Jeep cổ, áp phích quảng cáo rạp xiếc, bể bơi nước mặn, và bồn nước nóng được tuần tiễu bởi chú rùa sa mạc California, loài đang nằm trong diện bị đe dọa tuyệt chủng. Thay cho một ga-ra để ô tô, lại có hai chiếc lều rạp xiếc khổng lồ. Thường xuyên ra vào khu nhà một tầng là một lũ chó mèo các loại, một con ngỗng, một con vẹt cánh, 36 chú bồ câu đưa thư, và một nhóm gà châu Á kỳ quặc với móng vuốt phủ đầy lông mịn.

“Tôi quên mấy câu đao to búa lớn của Heidegger rồi, nhưng có cái câu nào đó ý nói rằng tôi là hiện thân của chính nơi này.” Ted nói, mặc dù nơi đó chẳng hề thuộc về anh ta. Khu đất đó là của anh họ anh ta, Dan, một thiên tài cơ khí tự học, người đã một mình khởi tạo công việc kinh doanh hàng đầu thế giới trong lĩnh vực phục chế, sửa chữa vòng quay ngựa gỗ. “Dita Von Teese đã biểu diễn thoát y trên một trong những con ngựa của chúng tôi.” Ted nói. “Christina Aguilera đã mang theo một con trong chuyến lưu diễn của cô ấy.” Khi Dan đang phải trải qua vụ ly hôn tồi tệ vài năm trước đó, Ted nghĩ rằng điều mà anh mình cần là được gặp mình nhiều hơn, vì vậy, anh ta xuất hiện trước cửa nhà Dan cùng với vợ, con gái, cả gánh xiếc thú rồi không chịu rời đi nữa. “Dan dành cả ngày để chiến đấu với những món đồ cơ khí to lớn, lạnh lẽo, xấu xa và chui ra với những ngón tay nhỏ giọt dầu nhớt, như máu chảy từ móng vuốt của một con chim săn mồi.” Ted nói. “Đó là lý do tại sao chúng tôi không thể tách nhau được. Anh ấy sẽ phát điên nếu như không có tôi bên cạnh để tranh cãi.”

Ted cố gắng tỏ ra có ích bằng cách mở một gian hàng trực tuyến nhỏ chuyên bán đồ trang trí cho vòng quay ngựa gỗ, rồi quản lý gian hàng bằng một chiếc Mac từ phòng ngủ còn thừa của Dan. Công việc đó không kiếm được nhiều tiền, nhưng cho phép Ted có nhiều thời gian để tập luyện cho các chuyến đi 50 dặm trên chiếc xe đạp thời Victoria cao tới một mét tám và tập bổ trợ bằng cách đẩy vợ và con gái trên một chiếc xe kéo. Caballo đã hoàn toàn lầm tưởng về sự giàu có của Ted, chủ yếu là vì những bức thư điện tử của Ted thường ám áp những kế hoạch phù hợp với một nhà đầu tư Microsoft thuở sơ khai. Ví dụ như, trong khi cả đám chúng tôi đang đắn đo về giá vé máy bay hạng thường tới El Paso, thì Ted lại hỏi han về đường băng hạ cánh ở vùng hoang vu Mexico để dành cho máy bay riêng cỡ nhỏ. Chẳng phải là Ted có máy bay riêng; anh ta thậm chí còn chẳng thể coi là có ô tô. Anh ta đi lại trên một chiếc VW Beetle đời '66 rên rĩ đang ngày càng xuống cấp, và chẳng thể lái nó đi xa khỏi nhà hơn 25 dặm. Nhưng đối với Ted, như vậy cũng chẳng sao: trên thực tế, việc đó nằm trong tính toán của anh ta. “Như vậy, tôi sẽ chẳng bao giờ phải đi đâu xa.” Anh ta giải thích. “Tôi tự chọn lối sống nghèo khó, và thấy như vậy là cực kỳ tự do.”

Thời sinh viên khi anh ta còn học tại Đại học California, Berkeley, Ted đã phải lòng cô bạn cùng lớp, Jenny Shimizu. Tối nọ, trong lúc đang ngồi chơi tại căn hộ của cô, anh ta gặp hai người bạn mới của Jenny: Chase Chen, một họa sĩ trẻ đến từ Trung Quốc, và em gái của Chase, là Joan. Cả hai anh em Chen đều không giỏi tiếng Anh, vì vậy, Ted tự phong mình làm đại sứ văn hóa riêng của họ. Tình bạn đó mang lại lợi ích lớn cho tất cả: Ted có được một nhóm khán giả thưởng thức dòng suy nghĩ mang hơi hướng nhạc giao hưởng của anh ta, và anh em nhà Chen được tiếp xúc với một dòng thác lũ từ vựng mới, còn Jenny thì được trốn thoát một lúc khỏi cuộc tán tỉnh của Ted. Chỉ sau vài năm, ba trong số bốn người này bắt đầu trở nên nổi tiếng ở tầm quốc tế: Joan Chen đã trở thành ngôi sao Hollywood và một trong “50 người đẹp nhất” do tạp chí People bình chọn. Chase trở thành họa sĩ vẽ

chân dung được các nhà phê bình khen ngợi và gần như là họa sĩ gốc Á được trả công cao nhất trong thế hệ của anh ta. Jenny Shimizu trở thành người mẫu và một trong những người phụ nữ đồng tính nổi tiếng nhất hành tinh (“một tên tuổi trong giới đồng tính”, theo tạp chí Pink Paper) vì các mối quan hệ tình ái với Madonna và Angelina Jolie (một con đường sự nghiệp mà Ted không hề lường trước nổi, bất chấp đã nhìn thấy hình xăm trên bắp tay phải của Jenny: cô gái nóng bỏng cười trên một chiếc mô lết hiệu Snap-on).

Về phần Ted thì...

Anh ta quả thực có lọt được vào danh sách một trong 30 người đứng đầu thế giới trong môn nhịn thở. “Tôi đã đạt tới ngưỡng 5 phút 15 giây.” Ted nói. “Cả một mùa hè, tôi đã tập luyện trong bể bơi.” Nhưng, chao ôi, cái môn nhịn thở đó chẳng khác gì một cô ả đòng đánh kém chung thủy, và chẳng bao lâu sau Ted bị hất cẳng khỏi bảng danh sách bởi những người khác còn chuyên tâm hơn với cái môn nghệ thuật hít-vào-ít-hơn-so-với-người-thường ấy. Bạn hẳn phải thấy thương cảm tốt độ cho gã tội nghiệp này, kẻ đang sủi tăm những giấc mơ bong bóng vinh quang dưới đáy bể bơi của người anh họ, trong khi bạn bè gã đã hoặc đang vẽ nên những tuyệt tác, ngủ với siêu sao, hoặc được quay những thước phim cận cảnh bởi Bernado Bertolucci.

Và điều tệ nhất là gì? Nhịn thở chính là lúc mà Ted thực sự ở đỉnh cao nỗ lực. Vì một lẽ nào đó, chính điều này đã lôi cuốn Lisa, người phụ nữ sau này trở thành vợ anh ta. Họ là bạn cùng nhà trọ, nhưng vì Lisa làm bảo vệ ở một quán bar nhạc rock dòng heavy-metal và chỉ về nhà vào lúc ba giờ sáng, nên cô thường về nhà và chỉ thấy phiên bản Ted khô ráo ngồi im lặng ở bàn bếp, ăn cơm với đậu và chúm mũi vào triết học Pháp. Sức bền bỉ và trí thông minh của anh ta đã là huyền thoại đối với các bạn cùng nhà; Ted có thể vẽ vôi suốt buổi sáng, trượt ván cả buổi chiều, và học thuộc động từ tiếng Nhật suốt đêm. Anh ta sẽ soạn sẵn cho Lisa một đĩa đậu nóng, và lúc đó, khi cái động cơ sung mãn cuối cùng cũng phải thấm mệt, anh ta sẽ ngừng biểu diễn và để cho cô nói chuyện. Thỉnh thoảng, anh ta lại chêm vào một câu nhận xét tinh tế, rồi khuyến khích cô nói tiếp. Hầu như chưa ai từng thấy Ted như vậy cả. Đó quả là một thiệt thòi lớn cho mọi người – và cho cả anh ta nữa.

Nhưng Chase Chen nhận ra được điều này. Con mắt nghệ thuật của anh đồng thời thấy được tính mãnh liệt câm lặng là kết quả của con bão mang tên Ted. Xét cho cùng thì, ngón nghề của Chase chính là “vũ điệu kịch tính giữa ánh nắng và bóng tối”, và chao ôi, Ted thì lúc nào mà chẳng đang biểu diễn một vũ điệu kịch tính. Điều khiến Chase bị cám dỗ không phải là hành động, mà là sự hào hứng trước đó; không phải là bước nhảy của nữ nghệ sĩ múa ba lê, mà là khoảnh khắc trước khi rời mặt đất, khi sức mạnh đang nén lại như lò xo và mọi điều đều là có thể. Anh đã nhìn thấy được điều đó trong các khoảnh khắc im lặng của Ted, nhìn thấy sức mạnh âm ỉ với khả năng không giới hạn, và đó là lúc Chase với tay lấy giá vẽ. Trong nhiều năm, Chase dùng Ted làm mẫu vẽ; và nhiều trong số những tác phẩm tuyệt vời nhất của Chase, chính là chân dung của Ted, Lisa và Ona, cô con gái đáng yêu, rạng rỡ của họ. Chase bị mê hoặc bởi hình ảnh thế giới phản chiếu từ Ted, tới mức anh đã xuất bản cả một cuốn sách chỉ toàn tranh chân dung của Ted và gia đình anh ta: Ted và Ona chui trong chiếc Beetle cũ kỹ... Ona vùi đầu vào một cuốn sách... Lisa ngoái đầu liếc nhìn Ona, sản phẩm sống động từ ánh nắng và bóng tối của cha cô bé.

Mặc dầu vậy, tới lúc gần 40 tuổi, sự nghiệp khiêu vũ kịch tính kéo dài bốn thập kỷ của Ted chẳng đưa anh ta tới đâu ngoài việc xuất hiện như vai phụ trong tuyệt tác của kẻ khác và tá túc ở phòng thừa trong biệt thự của người anh họ. Nhưng ngay khi anh ta tưởng như đã bước qua cây cầu nối giữa bên này là tiềm năng vĩ đại và bên kia là tài năng bị uống phí, thì điều kỳ diệu đã xảy ra:

Anh ta bị đau lưng.

Vào năm 2003, Ted quyết định mừng sinh nhật thứ 40 bằng một sự kiện thử thách sức bền của chính mình, Ironman Nhằm Thời đại. Đó sẽ là một thử thách ba môn phối hợp kiểu Ironman gồm 2,4 dặm bơi biển, 112 dặm đạp xe, và 26,2 dặm chạy bộ – nhưng vì những lý do mà chỉ Ted mới hiểu, tất cả công cụ dùng trong sự kiện này sẽ phải có niên đại từ những năm 1890. Anh ta đã sẵn sàng cho hai

phần ba quãng đường; anh ta đủ khỏe để thực hiện phần bơi trong bộ đồ len, và rất thành thạo trên chiếc xe đạp bánh cao ngất ngưỡng của mình. Nhưng phần chạy – nó như muốn giết chết anh ta vậy.

“Mỗi lần chạy khoảng một tiếng đồng hồ, tôi phải chịu cơn đau thắt lưng dưới.” Ted nói. “Cảm giác đó thật chán nản. Tôi thậm chí chẳng thể tưởng tượng nổi việc chạy hết được một cuộc marathon.” Và điều tệ hại nhất còn chưa tới: nếu không thể chịu nổi sáu dặm trên đôi giày chạy bộ đệm nảy hiện đại, thì sẽ phải đổi đầu với cơn đau lớn mức nào khi chơi kiểu dữ dằn theo phong cách thời Victoria. Giày chạy bộ mới chỉ xuất hiện cùng khoảng thời gian với tàu con thoi; còn trước đó, bố của bạn vẫn chạy bằng các đôi giày đế cao su dành cho phòng tập thể thao, còn ông nội bạn thì đi dép da. Suốt hàng triệu năm, loài người vẫn chạy mà không có hỗ trợ vòm gan bàn chân, không có kiểm soát tiếp đất lệch chân, hay những miếng đệm có gel lỏng dưới gót giày. Làm thế nào mà họ chạy được, Ted không thể hiểu nổi. Nhưng việc nào đi việc ấy; chỉ còn chưa tới sáu tháng nữa là đến sinh nhật của anh ta, vì vậy ưu tiên hàng đầu của Ted là tìm ra cách nào đó, bất kỳ cách nào, để chạy hết 26 dặm trên đôi chân của mình. Tới khi tìm ra cách rồi, anh ta sẽ lo chuyện chuyển đổi sang chạy bằng những chiếc dép da bò đáng sợ ấy sau.

“Một khi đã quyết định, thì tôi luôn tìm ra cách thực hiện.” Ted nói. “Vì vậy, tôi bắt đầu tìm hiểu.” Đầu tiên, anh ta đi kiểm tra tại một bác sĩ chuyên cơ xương khớp và một bác sĩ phẫu thuật chỉnh hình, cả hai người này đều khẳng định anh ta hoàn toàn không sao hết. Họ nói, chạy bộ vốn đã là một môn thể thao nguy hiểm và một trong các hiểm họa chính là lực sốc va đập dội ngược theo chân lên cột sống. Nhưng các bác sĩ cũng mang lại tin mừng: nếu Ted nhất quyết muốn chạy, thì anh ta vẫn có thể được chữa bằng thể tín dụng. Các đôi giày chạy bộ hàng đầu cùng với các miếng xốp đệm gót chân, theo lời họ, sẽ giảm chấn động lên chân đến mức đủ để hoàn thành một cuộc marathon.

Ted đã tiêu tốn cả một gia tài, mà thực ra chẳng phải tiền của anh ta, vào những đôi giày đắt tiền nhất, để rồi lại bị đập tắt hy vọng khi phát hiện ra chúng chẳng ích gì. Nhưng thay vì đổ lỗi cho mấy vị bác sĩ nọ, anh ta lại đổ lỗi cho những đôi giày: anh ta cho rằng mình cần loại giày đệm êm hơn mức mà bộ phận nghiên cứu và phát triển công nghệ bom khí của Nike mất 30 năm mới nghĩ ra nổi. Vì vậy, anh ta nghiêng rặng gửi 300 đô-la tới Thụy Sĩ để mua một đôi giày Kangoo Jumps, loại giày nảy nhất thế giới. Về bản chất, Kangoo giống như giày trượt cho sói Wile E. Coyote⁵: thay vào chỗ bánh xe của giày trượt là hệ thống giảm sóc bằng lò xo thép, giúp bạn nảy tung tung như đang đi trên Mặt trăng.

5 Nhân vật trong phim hoạt hình Looney Tunes (BTV)

Khi gói hàng tới nơi vào sáu tuần sau đó, Ted phấn khích đến run cả người. Anh ta thử vài bước nhún nhảy... tuyệt quá! Cảm giác như bước đi với môi của Mick Jagger gắn dưới đế giày vậy. Ôi, chắc đây chính là lời giải đáp. Ted nghĩ vậy khi anh ta bắt đầu nảy tung tung xuống phố. Nhưng khi tới góc phố, thì anh ta lại ôm lưng và bắt đầu chửi rủa. “Cảm giác mà tôi có sau một giờ chạy bằng giày thường thì với đôi ủng Kangoo này, lại gần như thấy ngay lập tức.” Ted nói. “Tất cả những gì tôi vẫn tưởng là mình cần bỗng dưng tan nát hết.”

Tức giận và chán nản, anh ta lôi tuột đôi giày đó ra khỏi chân. Anh ta chỉ muốn tống ngay đôi giày Kangoo ngu ngốc đó vào hộp và gửi chúng về Thụy Sĩ, kèm theo lời chỉ dẫn việc tống khứ những đôi khác sau này. Anh ta lững thững đi về bằng chân đất, bực bội và thất vọng đến mức phải gần hết quãng đường mới nhận thấy điều gì đó đang xảy ra: lưng anh ta không đau. Không hề đau chút nào!

Ê... Ted nghĩ. Hay là mình thử đi bộ nhanh hết cự ly marathon bằng chân đất. Chân đất thì hoàn toàn đạt yêu cầu là trang phục thể thao những năm 1890 rồi.

Vì vậy, mỗi ngày, Ted lại đi giày chạy bộ vào và đi bộ tới khu đập Hansen, một bán đảo đầy cây bụi và hồ nước mà anh ta gọi là “Chốn hoang vu cuối cùng của Los Angeles.” Khi tới đó, anh ta lại tháo giày ra và đi chân đất dọc theo các lối mòn. “Tôi ngỡ ngàng khi biết được cảm giác đó dễ chịu đến thế nào.” Anh ta nhớ lại. “Các đôi giày đã gây ra biết bao đau đớn, trong khi chỉ cần tháo chúng ra, bàn chân bạn sẽ giống như cá được thả xuống nước. Về sau tôi bỏ luôn giày ở nhà.”

Nhưng tại sao khi không có giày đệm, lưng anh ta lại thấy đỡ hơn chứ không tệ đi? Anh ta lên mạng để tìm kiếm lời giải đáp, và kết quả hiện ra như khi vén một đám lá trong rừng rậm và phát hiện một bộ tộc bí ẩn ở Amazon. Ted phát hiện ra cả một cộng đồng quốc tế toàn những người chạy bộ chân đất, có đầy đủ những kiến thức uyên bác cổ xưa, cùng những biệt danh kiểu bộ lạc và được dẫn dắt bởi một nhà hiền triết vĩ đại với bộ râu xồm, “Ken Bob Chân Trần” Saxton. Và thật may, bộ tộc này toàn những người thích viết lách.

Ted sục sạo đồng tư liệu tích lũy trong nhiều năm của Ken Bob Chân Trần. Anh ta phát hiện ra rằng Leonardo da Vinci coi bàn chân con người, với hệ thống giảm chấn tự nhiên bao gồm một phần tư tổng số xương trong cả cơ thể, là “một tuyệt tác về thiết kế và là cả một công trình nghệ thuật.” Anh ta biết về Abebe Bikila – vận động viên marathon người Ethiopia đã chạy chân đất trên nền đường đá cuội ở Rome để giành chiến thắng tại nội dung marathon tại Olympic năm 1960 – và về bác sĩ Charlie Robbins, giọng nói đơ độc trong giới y khoa, người đã từng chạy bộ chân đất và tranh cãi rằng chạy marathon không có hại, nhưng chạy bằng giày thì, chẳng khác nào bị bắn bằng súng, chắc chắn sẽ đau.

Nhưng hơn tất cả, Ted sững sờ trước “Tuyên ngôn Ngón chân trần” của Ken Bob Chân Trần. Đọc nó, Ted thấy lạnh cả sống lưng, như thể nó nhằm vào chính anh ta vậy. “Nhiều người trong số các bạn có thể đang bị hành hạ bởi các chấn thương dai dẳng liên quan đến chạy bộ.” Ken Bob Chân Trần mở đầu:

Giày chặn cơn đau, chứ không ngăn được chấn động!

Chính cơn đau sẽ dạy ta cách chạy sao cho thoải mái!

Ngay từ lúc bắt đầu chạy chân đất, bạn sẽ thay đổi cách chạy của mình.

“Đó cứ như khoảnh khắc Eureka.” Ted nhớ lại. Đột nhiên, mọi việc trở nên rõ ràng. Vậy ra đó chính là lý do mà đôi giày Kangoo Jumps thối tha ấy làm lưng của anh ta đau đến vậy! Chính lớp đệm dưới bàn chân khiến anh ta sai những bước dài, luènh khuyènh làm phần lưng dưới bị vặn xoắn. Khi chuyển sang chạy chân đất, động tác chạy của anh ta ngay lập tức trở nên ngay ngắn; lưng anh ta dựng thẳng lên, và hai chân chạy gọn gàng thẳng dưới thân người.

“Thế mới hiểu tại sao chân chúng ta lại nhạy cảm đến vậy.” Ted trầm ngâm. “Chúng là các thiết bị tự điều chỉnh. Che đậy bàn chân bằng các đôi giày cũng giống như tắt chuông báo khói đi vậy.”

Ngay trong buổi chạy chân đất đầu tiên, Ted chạy năm dặm và... không cảm thấy gì. Không hề đau chút nào. Anh ta tăng thời gian chạy lên một giờ, rồi hai. Chỉ trong vài tháng, Ted đã biến đổi hoàn toàn từ một kẻ không thể chạy bộ, thường xuyên phải chịu đau đớn và sợ hãi, thành một vận động viên marathon chân đất, với tốc độ giúp anh ta làm được điều mà đến 99,9% người chạy bộ không làm nổi: đạt tiêu chuẩn tham dự giải Boston Marathon.

Say sưa với tài năng bất ngờ mới mẻ này, Ted tiếp tục thử thách bản thân xa hơn nữa. Anh ta tiếp tục chạy giải Mother Road 100 – giải đua 100 dặm trên đường nhựa thuộc quốc lộ 66 cũ – và tham gia giải Leona Divide 50 dặm, rồi sau đó là giải đua sức bền Angeles Crest 100 dặm xuyên qua dãy San Gabriel. Mỗi khi vấp phải đoạn đường nhiều sỏi đá, hay có mảnh thủy tinh, anh ta lại lòi ra đôi “găng chân” cao su có tên là Vibram FiveFingers và chạy tiếp. Chẳng bao lâu sau, anh ta không còn là người chạy bộ bình thường nữa mà trở thành một trong những người chạy bộ chân đất cừ khôi nhất nước Mỹ, có vai vế về kỹ thuật chạy bộ và giày dép thời kỳ cổ xưa. Có tờ báo đã đăng bài về sức khỏe bàn chân với tiêu đề: **LIỆU TED CHÂN ĐẤT SẼ LÀM GÌ?**

Cuộc tiến hoá của Ted đã hoàn thành. Anh ta đã nổi lên từ đáy nước, học cách chạy bộ, và bắt được con mồi duy nhất mình khao khát – không phải của cải, mà là danh tiếng.

“Dừng lại!”

Caballo nói với tất cả chúng tôi, chứ không phải riêng mình Ted. Anh ta bất ngờ bắt chúng tôi dừng lại khi cả đám đang bước trên một cây cầu ván bắc qua rãnh nước.

“Tôi cần tất cả cất lời thề độc.” Anh ta nói. “Vì vậy, hãy đưa tay phải lên và lặp lại theo tôi.”

Eric liếc qua tôi. “Chuyện quái gì thế này?”

“Tôi chịu.”

“Các người phải thề ngay tại đây, trước khi chúng ta bước qua phía bên kia.” Caballo khẳng định. “Đằng sau các người là lối ra. Còn đây là lối vào. Các người muốn vào, thì phải thề độc.”

Chúng tôi nhún vai, bỏ ba lô xuống và cùng đưa tay lên.

“Nếu tôi bị thương, bị lạc, hay mất mạng...” Caballo bắt đầu.

“Nếu tôi bị thương, bị lạc, hay mất mạng...” chúng tôi đồng thanh.

“... Thì đó là lỗi của riêng tôi mà thôi.”

“... Thì đó là lỗi của riêng tôi mà thôi!”

“Ừm... amen.”

“AMEN!”

Caballo dẫn chúng tôi tới căn nhà nhỏ, nơi anh và tôi đã cùng ăn trong ngày đầu gặp gỡ. Tất cả chen chúc vào phòng khách của Mamá trong khi con gái của bà kê sát hai chiếc bàn lại với nhau. Luis cùng cha mình mò qua bên kia phố và mang về hai túi to đựng đầy các lon bia. Jenn và Billy nhấp vài ngụm Tecate và bắt đầu hoạt bát trở lại. Chúng tôi cùng nâng và cụng ly với Caballo. Sau đó, anh ta quay sang tôi và bắt đầu vào việc. Đột nhiên, lời thề trên cây cầu nọ trở nên sáng tỏ.

“Anh có nhớ con trai của Manuel Luna không?”

“Marcelino?” Tất nhiên là tôi nhớ cậu bé Đuốc Sống chứ. Tôi vẫn thường tưởng tượng trong đầu cảnh thay mặt cậu ta ký hợp đồng với Nike từ khi nhìn thấy cậu ở trường của người Tarahumara. “Cậu ta cũng tới chứ?”

“Không!” Caballo nói. “Thằng bé chết rồi. Ai đó đã đánh đập nó tới chết. Chúng giết thằng bé ngay trên đường mòn. Nó bị đâm vào cổ và dưới nách, còn đầu thì bị đập nát.”

“Kẻ nào... điều gì đã xảy ra vậy?” Tôi lắp bắp.

“Dạo gần đây mấy vụ dính dáng đến ma túy xảy ra thường xuyên.” Caballo nói. “Có thể Marcelino đã nhìn thấy điều gì đó mà đáng nhẽ ra thằng bé không nên thấy. Có thể bọn chúng bắt thằng bé mang ma túy ra khỏi thung lũng, nhưng nó từ chối. Chẳng ai biết được. Manuel đang đau khổ lắm. Anh ta ghé qua nhà tôi khi đi trình báo với cảnh sát. Nhưng họ cũng sẽ chẳng làm gì đâu. Ở đây đâu có luật pháp gì.”

Tôi ngồi chết trân tại chỗ. Tôi còn nhớ bọn vận chuyển ma túy trong Chiếc xe Chết chóc màu đỏ tươi mà chúng tôi gặp trên đường đến ngôi trường Tarahumara năm ngoái. Tôi bỗng tưởng tượng ra cảnh những người Tarahumara lén đến và lật chiếc xe đó rơi xuống vực vào buổi đêm, với lũ buôn ma túy cào cấu điên loạn vào đai an toàn, trong khi chiếc xe lăn lóc xuống triền núi và nổ tung thành một đụn lửa khổng lồ. Tôi thực ra chẳng biết liệu những kẻ trong Chiếc xe Chết chóc đó có liên quan gì hay không nữa. Lúc này tôi chỉ thấy muốn giết một ai đó.

Caballo vẫn tiếp tục nói. Anh ta đã thấm thía xong cái chết của Marcelino và lại quay trở về trạng thái bị ám ảnh bởi cuộc đua của mình. “Tôi biết rằng Manuel Luna sẽ không tới, nhưng tôi hy vọng Arnulfo sẽ có mặt. Và có thể có cả Silvino nữa.” Suốt mùa đông, Caballo đã nỗ lực xây dựng được một cơ cấu giải thưởng hấp dẫn; ngoài tiền túi, anh ta còn bất ngờ được Michael French liên hệ. Anh chàng người Texas này là vận động viên ba môn phối hợp, có của cải rủng rinh từ công ty riêng về công nghệ thông tin. French cảm thấy hứng thú sau khi đọc bài báo của tôi trên Runner’s World, và vì không tham dự được cuộc đua nên anh đã đề nghị ủng hộ bằng tiền mặt và ngô cho những người về đích đầu tiên trong cuộc đua.

“Gượng đã!” Tôi nói. “Anh vừa bảo Arnulfo sẽ tới à?”

“Ừ!” Caballo gật đầu.

Chắc anh ta đang nói đùa. Arnulfo? Anh ta thậm chí chẳng buồn trò chuyện với tôi, chứ đừng nói đến việc chạy cùng tôi. Nếu anh ta chẳng thèm chạy với một kẻ đến tận cửa nhà anh ta để thăm hỏi, thì vì lẽ gì lại vượt qua nhiều dãy núi để chạy cùng với một đám người lạ chưa từng gặp bao giờ? Và Silvino nữa chứ; tôi đã gặp Silvino lần gần nhất tôi tới đây. Chúng tôi tình cờ gặp anh ta ở Creel, ngay sau khi tôi đi chạy với Caballo. Anh ta lúc đó đang lái chiếc xe bán tải và mặc chiếc quần bò, chiến lợi phẩm trong cuộc đua ở California. Caballo móc đầu ra ý nghĩ rằng Silvino đoán hoài đến cuộc đua này cơ chứ? Thậm chí, có dẫu bọn tiền, Silvino cũng chẳng muốn chạy thêm một giải marathon nữa. Tôi hiểu về người Tarahumara đủ nhiều, đặc biệt là về hai người này, để biết rằng không lý nào bộ tộc Quimare lại có ý định tham dự giải.

“Thể thao thời Victoria thực sự hấp dẫn!” Ted vẫn tiếp tục ba hoa mà hoàn toàn không hay biết rằng chuyện những người Tarahumara xuất hiện tại giải đua lại đột ngột trở nên rất bất bình thường. “Đó cứ như lần đầu người ta vượt qua đèo eo biển Manche vậy. Anh đã từng lái xe đạp bánh cao chưa? Thiết kế của nó tài tình lắm...”

Trời đất, thật là một thảm họa. Caballo đang vò đầu bứt tai; lúc đó đã quá nửa đêm, và chỉ riêng việc ở cạnh nhiều người đã đủ khiến anh ta đau đầu. Jenn và Billy đã có một đồng lon Tecate trước mặt và ngủ thiếp đi trên bàn. Tôi thì đang ảo não, biết rằng Eric và Luis đã nhận ra tình thế căng thẳng. Riêng Scott thì không; anh ta chỉ ngồi ngả người ra sau, tỏ vẻ thích thú. Anh đã nghe toàn bộ câu chuyện và chẳng có vẻ gì là lo âu.

“Thôi, tôi phải đi ngủ đây!” Caballo nói. Anh dẫn chúng tôi tới một dãy nhà cũ kỹ nhưng gọn ghẽ ở rìa thị trấn. Các căn phòng trống huếch như buồng giam, nhưng lại sạch bong và ấm cúng nhờ các lò sưởi kiểu nồi trụ tròn, với những cành thông đang cháy kêu lách tách. Caballo lăm bắm gì đó rồi biến mất. Đám còn lại chúng tôi chia thành từng cặp. Eric và tôi chọn một căn phòng, Jenn và Billy hướng đến một phòng khác.

“Được rồi!” Ted vỗ tay và nói. “Ai ở cùng tôi đây?”

Im lặng.

“Thôi được!” Scott cất lời. “Nhưng anh phải để cho tôi ngủ đây.”

Chúng tôi đóng cửa và vùi vào đồng chăn len. Sự im lặng bao phủ Creel, và những gì Scott nghe thấy cuối cùng là giọng của Ted Chân Đất trong bóng tối.

“Nào, đầu oi!” Ted lăm bắm. “Nghỉ thôi. Đến giờ im lặng rồi!”

Cộc cộc... cộc cộc...

Khi bình minh lên, cửa sổ hãy còn đọng sương giá, thì cửa phòng chúng tôi đã bị gõ dồn.

“Này!” Giọng ai đó thì thào. “Các anh dậy chưa đây?”

Tôi vừa lò dò ra cửa, lạnh run, vừa bắn khoăn không hiểu hai Nhóc Tiệc Tùng bày trò gì lần này. Nhưng ngoài cửa lại là Luis và Scott, hai người đang hà hơi ấm vào bàn tay khum khum. Lúc đó còn rất sớm, bầu trời vẫn còn nhuộm màu cà phê sữa. Sớm tới mức lũ gà trống còn chưa cất tiếng gáy.

“Có muốn tranh thủ chạy một tí không?” Scott hỏi. “Caballo nói là chúng ta sẽ lên đường lúc tám giờ, vì vậy phải chạy ngay bây giờ.”

“Ồ, ờ. Được thôi!” Tôi nói. “Lần trước Caballo dẫn tôi lên một lối mòn tuyệt lắm. Để xem tôi có thể tìm thấy anh ta và...”

Cửa sổ căn phòng kế bên bật mở. Jenn thò đầu ra ngoài. “Các anh định đi chạy bây giờ à? Tôi đi với! Billy!” Cô ngoái đầu lại gọi với qua vai. “Nhắc mộng dậy đi, ông tướng!”

Tôi lấy đại một cái quần đùi và một chiếc áo gió. Eric ngáp dài và với đôi giày chạy. “Trời ạ, mấy người này đúng là bệnh thật.” Anh ta nói. “Caballo đâu nhỉ?”

“Không rõ. Để tôi đi tìm anh ta.”

Tôi bước xuống cuối dãy buồng liền kề nhau, đoán rằng Caballo chắc sẽ cố ở xa mọi người. Tôi gõ cửa buồng cuối cùng. Không có động tĩnh gì. Tuy nhiên, cái cửa có vẻ hơi nặng nên để cho chắc, tôi dùng cườm tay đấm mạnh lên cửa một lượt nữa.

“GÌ ĐẤY!!!” Giọng ai đó gầm lên. Rèm cửa mở bung và Caballo lộ mặt ra. Mắt anh ta vẫn còn đỏ ngầu và sung húp.

“Xin lỗi!” Tôi nói. “Anh bị cảm hay sao vậy?”

“Không phải!” Anh ta uể oải đáp. “Tôi chỉ đang cố ngủ thôi.” Mới chỉ bước vào chiến dịch được 12 giờ mà Caballo đã căng thẳng đến mức trần trọc suốt đêm và đau đầu suy nghĩ. Chỉ riêng việc phải ở thị trấn Creel đã đủ khiến anh thấy khó chịu. Thực ra, đây là một thị trấn nhỏ, dễ chịu, nhưng lại đại diện cho hai thứ mà Caballo ghét nhất: sự lừa gạt và áp bức. Thị trấn này được đặt tên theo Enrique Creel, một kẻ cướp đất hèn hạ nhưng lại nổi tiếng tới mức Cuộc cách mạng Mexico buộc phải vinh danh hắn. Enrique không chỉ bày mưu cướp đất của hàng nghìn nông dân Chihuahua, mà còn đích thân lo liệu để đảm bảo rằng bất kỳ người nông dân nào chống cự sẽ phải ngồi tù, nhờ vai trò bí mật khác của hắn, là đứng đầu một mạng lưới gián điệp của nhà độc tài Mexico Porfirio Díaz.

Enrique đào tẩu về El Paso khi lực lượng nổi dậy của Pancho Villa kéo đến tìm (bỏ lại một người con trai mà sau này phải chuộc lại từ quân nổi dậy với giá một triệu đô-la). Thế nhưng, khi đất nước Mexico đã trải qua giai đoạn chinh đốn không thể tránh khỏi ấy và quay lại với tình trạng tham nhũng quen thuộc, Enrique đã trở lại với niềm vinh quang đầy toan tính. Như để ghi lại công lao của hắn, một căn bệnh trầm kha của vùng này, người ta lấy tên của Enrique Creel được đặt cho nơi khởi phát của đủ loại tệ nạn ảnh hưởng đến Copper Canyon: khai thác lộ thiên, chặt phá cây, trồng cần sa, và du lịch bằng xe khách cỡ lớn. Chỉ riêng việc phải có mặt ở đây đã khiến Caballo phát điên. Đối với anh, việc ở Creel giống như phải nghỉ trọ đêm trong một đồn điền nô lệ.

Mặc dầu vậy, vấn đề lớn hơn cả chính là anh không quen chịu trách nhiệm với bất kỳ ai, ngoại trừ kẻ đang xỏ chính đôi dép của mình. Giờ đây, khi thấy chúng tôi, anh càng nặng trĩu lo âu. Anh đã mất 10 năm để gây dựng lòng tin với người Tarahumara, và nó có thể tan tành chỉ trong 10 phút. Caballo hình dung cảnh Ted Chân Đất và Jenn léo nhéo vào những đôi tai khó lĩnh hội của người

Tarahumara... Luis cùng với chiếc máy ảnh của cha anh ta chớp đèn chói lóa vào mắt họ... Eric và tôi làm phiền họ với cả đống câu hỏi. Đúng là một ác mộng.

“Thôi, tôi không đi chạy đâu!” Anh ta rên rỉ và đóng sập rèm cửa.

Chỉ lát sau, bảy người chúng tôi – Scott, Luis, Eric, Jenn, Billy, Ted Chân Đất, và tôi – đã tới con đường mòn trái lá thông mà Caballo đã đưa tôi đến trước đó. Chúng tôi chui ra khỏi vòm cây ngay khi Mặt trời ló ra trên những rặng đá dựng đứng khổng lồ, khiến tất cả phải nheo mắt nhìn cả thế giới chuyển sang màu vàng chói. Sương mù cùng những giọt nước long lanh len lỏi quanh chúng tôi.

“Đẹp tuyệt!” Luis nói.

“Tôi chưa từng thấy nơi nào như thế này.” Billy nói. “Caballo quả sáng suốt. Tôi muốn được ở đây, sống đơn giản thôi, và chạy suốt ngày trên đường mòn.”

“Anh ta tẩy não được cậu rồi!” Luis nói. “Giáo phái Ngựa Trắng.”

“Không phải anh ta đâu!” Billy phản đối. “Là tại nơi này đây.”

“Ngựa Non của em.” Jenn giễu cợt. “Anh trông cũng giống Caballo đấy.”

Trong khi đám chúng tôi trêu đùa nhau, thì Scott lại chú ý quan sát Ted Chân Đất. Lối mòn chúng tôi vừa chạy uốn lượn xuyên qua một bãi đá, nhưng mặc dù chúng tôi phải nhảy lên nhảy xuống hết tầng này đến tầng khác, Ted vẫn không hề chậm lại chút nào.

“Này, anh đang đi cái gì dưới chân thế?” Jenn hỏi.

“Vibram Five Fingers.” Ted nói. “Thấy chúng tuyệt không? Tôi là vận động viên đầu tiên được dòng giày này tài trợ đấy!”

Quả vậy! Ted đã trở thành vận động viên chân đất chuyên nghiệp đầu tiên của nước Mỹ hiện đại. Giày FiveFingers được thiết kế để đi trên thuyền đua; với ý tưởng là tạo độ bám tốt trên bề mặt trơn nhẵn mà vẫn giúp người đi giày có cảm giác như đi chân không. Phải nhìn kỹ mới nhận ra chúng. Hai chiếc giày ôm khít bàn chân và từng ngón chân, nhìn như thể Ted nhúng lòng bàn chân vào mực màu xanh lục. Không lâu trước chuyến đi tới Copper Canyon, anh ta tình cờ thấy một bức ảnh giày FiveFingers trên mạng và ngay lập tức vớ lấy điện thoại. Bằng cách nào đó, anh ta đã vượt qua hết mớ bong bong những nhân viên trực tổng đài và trợ lý để nói chuyện trực tiếp được với Giám đốc điều hành Vibram Hoa Kỳ, chẳng phải ai khác, chính là...

Tony Post! Chính là vị quan chức của Rockport đã tài trợ cho người Tarahumara ở Leadville!

Tony nghe Ted nói, nhưng vẫn cực kỳ nghi ngại. Không phải ông không thích ý tưởng dựa vào sức mạnh bàn chân, thay vì lớp đế êm và tính năng kiểm soát chuyển động. Đã có lần, Tony còn chạy giải Boston Marathon với một đôi giày da Rockport để chứng minh rằng sự thoải mái và kết cấu tốt là tất cả những gì bạn cần, chứ không phải mấy thứ chống sốc, chống đập má ngoài, hỗ trợ bằng đệm gel hào nhoáng. Nhưng ít nhất, giày da Rockport còn đỡ vòm gan bàn chân và có phần đệm dưới đế; còn giày FiveFingers thì chẳng khác gì một miếng cao su với một cái khoá dán. Tuy vậy, Tony vẫn hứng thú và quyết định tự thử xem sao. “Tôi định thử chạy nhẹ nhàng khoảng một dặm.” Ông nói. “Cuối cùng, tôi chạy hẳn bảy dặm. Tôi chưa bao giờ nghĩ FiveFingers là giày chạy, nhưng sau lần đó, tôi chỉ coi nó là giày chạy.” Ngay khi về tới nhà, ông ta đã viết séc tài trợ chuyển đi cho Ted tham dự giải Boston Marathon.

Chúng tôi chạy sáu dặm trên bình nguyên đỉnh núi và đang quay trở lại Creel thì bỗng nhiên, từ đằng xa, một bóng đen mảnh khảnh ló ra từ rặng cây và di chuyển về phía chúng tôi.

“Phải Caballo không nhỉ?” Scott hỏi.

Jenn và Billy nhìn nhau, rồi tăng tốc phóng thẳng đến anh như hai con chó săn tuột dây xích. Ted Chân Đất và Luis đuổi theo họ. Scott ở lại với chúng tôi, nhưng bản năng ngựa đua khiến anh thấy ngứa ngáy. Anh liếc nhìn Eric và tôi với vẻ hồi lồi. “Các anh không phiền chứ, nếu tôi...?” Anh ta hỏi.

“Không hề gì!” Tôi nói. “Cứ đuổi theo họ đi.”

“Được.” Khi tiếng “-ược” rời khỏi miệng, anh đã cách chúng tôi khoảng năm mét, mái tóc bồng bênh như dải dây buộc ghi đông xe đạp trẻ con.

“Khiếp thật!” Tôi lẩm bẩm. Nhìn Scott vọt đi, đột nhiên tôi nhớ đến Marcelino. Scott chắc sẽ khoái cậu nhóc đó lắm. Cả Jenn và Billy nữa. Hẳn là bọn họ sẽ muốn gần gũi ngay với cậu bé như đám trẻ sinh ba người Tarahumara. Tôi thậm chí còn tưởng tượng ra được cảm xúc của Manuel Luna. Không, không phải; tôi đã cố gắng để không mừng tượng ra điều đó. Quý dữ đã theo chân người Tarahumara đến đây, tới tận cùng Trái đất, nơi chẳng còn đường trốn chạy. Ngay cả khi đang để tang đứa con trai tuyệt vời của mình, Manuel chắc cũng đang phải lo, không biết liệu rằng tiếp theo sẽ đến lượt đứa con nào.

“Anh có cần nghỉ một lát không?” Eric hỏi. “Anh cảm thấy sao?”

“Không cần đâu, tôi ổn mà. Chỉ đang suy nghĩ một chút thôi.”

Caballo đang đến gần; sau cuộc gặp gỡ, anh tiếp tục chạy về phía Eric và tôi, còn những người khác nghỉ lấy hơi và tạo dáng cho Luis chụp ảnh. Thật hay vì Caballo đã thay đổi ý định, và quyết định chạy; kể từ khi chúng tôi xuống khỏi chiếc xe buýt, đây là lần đầu tiên anh mỉm cười. Ánh mặt trời lấp lánh cùng với cảm giác dễ chịu thuộc khi thấy cơ thể ảm dần từ trong ra có vẻ đã làm dịu con lo lắng của anh. Và, bạn ạ, thật tuyệt khi được nhìn thấy anh ấy thể hiện! Chỉ cần nhìn anh, tôi đã cảm thấy lưng mình thẳng lên và guồng chân nhanh thêm, cứ như ai đó vừa bật nhạc bài Chariots of Fire (Những bánh xe rục lửa).

Nhưng có vẻ như chúng tôi cùng đang trầm trồ về nhau. “Nhìn anh kìa!” Caballo la lên. “Anh như con gấu đã lột xác.” Đạo trước, Caballo đã quyết định chọn linh vật cho tôi, trong khi anh là bạch mã, thì tôi lại là Oso – gấu xám ục ịch. Nhưng ít nhất thì anh đã bỏ bớt hàm ý châm chọc trong cái tên đó khi nhìn tôi lúc này, một năm sau cái lần tôi thờ phỉ phò và nhăn nhó khốn khổ chạy theo sau lưng anh.

“Anh khác hẳn cái gã mà tôi lôi lên đây lần trước.” Caballo nói.

“Tất cả là nhờ người này.” Tôi trả lời, và chìa ngón tay cái về phía Eric. Chính tháng Eric rèn giữa tôi theo phong cách của người Tarahumara đã mang lại kết quả kỳ diệu: Tôi đã giảm khoảng 12 cân và chạy dễ dàng trên con đường mòn mà trước đây đã từng khiến mình suýt chết. Và dẫu chạy bao nhiêu dặm – thậm chí lên tới 80 dặm một tuần – tôi vẫn cảm thấy nhẹ nhõm, thả lỏng và sẵn sàng chạy nhiều hơn. Và hơn hết, đây là lần đầu tiên sau một thập kỷ, tôi không còn chấn thương nào hết. “Anh ta đúng là có phép màu.”

“Chắc chắn rồi!” Caballo cười nhăn nhó. “Trước đây tôi đã nhìn thấy cái thứ mà anh ta phải cải tạo. Vậy, bí mật là gì?”

“Đó là một câu chuyện kỳ cục ...” Tôi bắt đầu kể, nhưng khi chạy tới chỗ Scott và mấy người kia, họ đều đang nghe Ted Chân Đất huyền thuyên. “Tôi sẽ kể cho anh sau.” Tôi hứa với Caballo.

Ted Chân Đất đã tháo đôi FiveFingers và biểu diễn những bước chạy hoàn hảo bằng chân đất. “Chạy chân đất thực sự cuốn hút con mắt nghệ thuật của tôi.” Ted nói. “Đây là ý tưởng của nghệ thuật lắp ghép đơn giản – ít hơn lại là nhiều hơn, giải pháp tốt nhất lại là nhẹ nhàng nhất. Sao phải thêm vào khi bạn sinh ra đã có đủ thứ bạn cần?”

“Anh nên thêm gì đó vào dưới gan bàn chân khi chúng ta vượt qua các hẻm núi.” Caballo nói. “Anh có mang các loại giày khác chứ?”

“Chắc chắn vậy.” Ted nói. “Tôi có mang theo dép tông đây.”

Caballo cười mỉm, chò Ted Chân Đất cười đáp lại để khẳng định rằng anh ta đang nói đùa. Nhưng không. Ted không nói đùa.

“Anh không mang giày á?” Caballo hỏi. “Anh định đi vào Barrancas chỉ với dép tông à?”

“Đừng lo gì cho tôi. Tôi đã leo dãy San Gabriel bằng chân đất. Mọi người nhìn tôi và đều nghĩ, ‘gã này điên chắc,’ và tôi sẽ nói rằng...”

“Đây không phải San Gay-Bree-All6!” Caballo nhổ bọt. “Gai xương rồng ở đây sắc lẹm. Chỉ cần dính một nhát vào chân là đi tong. Chưa cần vác theo anh trên những lối mòn ấy cũng đủ nguy hiểm rồi.”

6. Cách chơi chữ của từ đồng âm San Gabriel. Gay: gã đồng tính, Bree: ngọn đồi.

“Ôi ôi ôi, hai anh!” Scott vừa nói vừa chen vai vào và đẩy cả hai người này lùi xa nhau ra thêm một bước. “Caballo này, Ted chắc đã nghe câu ‘Ted, hãy đi giày vào!’ nhiều năm nay rồi. Nhưng nếu anh ta biết mình đang làm gì, thì chắc là anh ta nói thật đấy.”

“Nhưng anh ta biết cóc gì về vùng Barrancas.”

“Tôi biết rõ một điều.” Ted đập lại. “Rằng nếu ai đó gặp rắc rối ở đó, thì tôi đảm bảo với anh, người đó sẽ không phải là tôi!”

“Thật á?” Caballo gầm gừ. “Để xem nhé, anh bạn!” Anh quay lưng lại và đi xuống lối mòn.

“Ôi mẹ ơi!” Jenn nói. “Bây giờ ai mới là kẻ gây rắc rối hả, Ted?”

Chúng tôi đi theo Caballo về dãy phòng trọ, trong khi Ted Chân Đất vẫn oang oang tranh cãi với chúng tôi, với cái lưng của Caballo, và với thị trấn Creel đang rung mình tinh giắc. Tôi liếc đồng hồ; tôi rất muốn bảo Ted Chân Đất ngậm miệng lại và mua một đôi giày thể thao rẻ tiền để làm vui lòng Caballo, nhưng không còn đủ thời gian. Mỗi ngày chỉ có duy nhất một chiếc xe buýt chịu lặn bánh 10 tiếng đồng hồ vào vùng hẻm núi, và sẽ xuất phát trước khi các cửa hiệu mở cửa.

Trở lại khu phòng trọ, chúng tôi nhét quần áo vào ba lô. Tôi cho những người còn lại biết chỗ kiếm bữa sáng, rồi tôi qua ngõ buồng của Caballo. Anh ta không có trong đó. Cả ba lô cũng chẳng thấy đâu.

“Có thể anh ta đang ở đâu đó một mình để hạ hỏa.” Tôi tự nhủ. Có lẽ vậy. Nhưng tôi có một cảm giác đáng sợ là anh đã quyết định mặc xác chúng tôi và biến mất mãi mãi. Sau một đêm dài lo lắng không biết có phải mình đang mắc phải một lỗi trầm trọng hay không, tôi nghĩ anh đã có lời giải đáp.

Tôi giữ im lặng và hy vọng mọi sự không phải như vậy. Dù sao, chỉ khoảng 30 phút nữa, chúng tôi sẽ biết chiến dịch này đã đi tong, hay sống dở chết dở. Tôi khoác ba lô lên và đi bộ ngược lại chiếc cầu nhỏ bắc qua rãnh, nơi tất cả vừa thề thốt đêm qua. Tôi tìm thấy những người còn lại tại một nhà hàng nhỏ gần điểm bắt xe buýt, họ đang ăn đậu với món burrito thịt gà. Tôi xoi liến hai chiếc burrito rồi cắt thêm vài chiếc vào ba lô để dành. Khi chúng tôi đi tới chiếc xe buýt, nó đã nổ máy và sẵn sàng chuyển bánh. Người tài xế đang quăng nốt những chiếc túi cuối cùng lên nóc xe và ra hiệu cho chúng tôi.

“Espera!” Tôi nói. Chờ một chút. Vẫn không thấy Caballo đâu. Tôi thò đầu vào trong xe và rà các dãy ghế. Không có Caballo. Chết tiệt! Tôi ra ngoài thông báo tin này, nhưng tất cả đã biến mất. Tôi đi vòng ra đằng sau xe và thấy Scott đang trèo lên thang để lên nóc xe.

“Lên nào, Oso!” Caballo đang ở trên nóc xe, dỡ các túi đồ cho tài xế. Jenn và Billy ở ngay bên cạnh anh, nằm ngả ngốn trên một đồng hành lý thật êm. “Anh chẳng bao giờ được đi kiểu này lần thứ hai đâu.”

Chẳng ngạc nhiên gì khi người Tarahumara nghĩ Caballo là một bóng ma. Chẳng thể đoán được anh định làm gì, hay xuất hiện ở đâu. “Quên đi!” Tôi nói. “Tôi nhìn thấy con đường này rồi. Tôi sẽ kiếm chỗ đánh giắc, đâu đó giữa hai gã béo nhất trong xe.”

Ted Chân Đất bám lấy cái thang ngay sau Scott.

“Ê!” Tôi nói. “Sao anh không ngồi trong xe cùng tôi?”

“Không, cảm ơn! Tôi sẽ ngồi trên nóc.”

“Này!” Tôi nói toẹt luôn. “Có lẽ anh nên để Caballo yên một lát. Đừng đôn ép anh ta quá, không là tiêu luôn cả cuộc đua này đấy.”

“Không, bọn tôi ổn!” Ted bảo. “Chỉ cần anh ta hiểu tôi thôi.”

Phải rồi. Đó chính là điều mà anh ta cần đấy. Người tài xế đã ngồi vào sau tay lái, Eric và tôi nhảy lên xe và chui vào hàng ghế dưới cùng. Chiếc xe buýt hụi hơi, máy tắt khựng, rồi gầm rú trở lại. Chỉ lát sau, chúng tôi đi xuyên qua khu rừng và hướng về thị trấn khai mỏ La Bufa cũ kỹ và từ đó sẽ đi đến tận cuối con đường, tới ngôi làng Batopilas ở đáy vùng hẻm núi. Sau đó, chúng tôi sẽ đi bộ.

“Tôi đang chờ nghe thấy một tiếng thét và nhìn thấy Ted Chân Đất bị quăng khỏi nóc xe.” Eric bảo.

“Chẳng phải chuyện đùa đâu.” Những lời cuối cùng của Caballo trước khi bỏ đi vẫn văng vẳng bên tai tôi: Chờ xem, amigo!

Nhưng thì ra, Caballo đã quyết định rằng trước khi Ted Chân Đất kịp gây rắc rối, anh sẽ tự dạy cho gã này một bài học. Thật không may, đó là bài học khiến chúng tôi suýt mất mạng.

Ted chân đất đã đúng, dĩ nhiên là như vậy.

Lạc đầu đó trong những chuyện ồn ào giữa Ted và Caballo là một điểm mấu chốt: giày chạy bộ có thể là nguyên nhân gây tổn hại lớn nhất với bàn chân con người. Ted Chân Đất, theo cách kỳ lạ của riêng mình, đã trở thành Neil Armstrong của môn chạy đường dài thế kỷ 21, là phi hành gia với những bước chân nhỏ bé nhưng cống hiến lớn lao cho nhân loại. Và nếu như vai trò này nghe có vẻ quá nặng nề trên đôi vai của Ted Chân Đất, thì hãy xem xét lời nói của Tiến sĩ Daniel Lieberman, giáo sư môn nhân học sinh học tại Đại học Harvard:

“Rất nhiều chấn thương bàn chân và đầu gối đang hành hạ chúng ta là do chúng ta chạy bằng những đôi giày làm bàn chân yếu đi, khiến ta tiếp đất má ngoài nhiều hơn, gây ra những vấn đề cho đầu gối. Cho tới tận năm 1972, trước khi Nike phát minh ra giày thể thao hiện đại, thì con người vẫn chạy bằng các đôi giày có đế rất mỏng, có bàn chân khoẻ khoắn, và ít bị chấn thương đầu gối hơn nhiều.”

Và cái giá phải trả cho những chấn thương đó là gì? Những căn bệnh chết người có khả năng lây lan. “Con người thực sự buộc phải tập luyện ở ngưỡng hiếu khí để giữ cơ thể khoẻ mạnh, và tôi nghĩ rằng điều đó có gốc rễ sâu xa trong lịch sử tiến hóa của chúng ta.” Tiến sĩ Lieberman nói. “Nếu có một liều thuốc tiên nào đó giúp con người luôn mạnh khoẻ, thì đó chính là chạy bộ.”

Thuốc tiên ư? Lần cuối cùng, một nhà khoa học tâm cỡ tiến sĩ Lieberman phải dùng từ “thuốc tiên”, là khi penicilin được tạo ra. Tiến sĩ Lieberman biết như vậy, và ông thực sự có ý đó. Ông chia sẻ: nếu như giày chạy bộ chưa từng tồn tại thì bây giờ sẽ có nhiều người chạy bộ hơn. Nếu nhiều người chạy hơn, thì sẽ có ít người chết vì suy tim, đột quỵ, cao huyết áp, tắc động mạch, tiểu đường, và hầu hết các căn bệnh chết người phổ biến của phương Tây.

Những tội lỗi đó đang chong chắt ngay dưới mắt hăng Nike. Nhưng điều đáng chú ý nhất là gì? Nike đã biết rõ điều đó.

Vào tháng tư năm 2001, hai đại diện của Nike đang theo dõi đội điền kinh của trường Đại học Stanford tập luyện. Một phần công việc của đại diện hãng Nike là ghi nhận phản hồi từ những vận động viên chạy bộ được hãng này tài trợ, về việc họ thích đôi giày nào hơn, nhưng thời điểm đó, công việc của họ có vẻ khó khăn vì các vận động viên của Stanford đều dường như chẳng thích gì hết.

“Vin, tại sao họ lại tập bằng chân đất thế kia?” Họ gọi Vin Lananna, huấn luyện viên trưởng của Đại học Stanford. “Chúng tôi gửi không đủ giày cho các anh à?”

Huấn luyện viên Lananna bước lại và giải thích. “Tôi không chứng minh được chuyện này.” Ông nói. “Nhưng chắc chắn khi học trò của tôi tập với chân đất, họ chạy nhanh hơn và ít bị chấn thương hơn.”

Nhanh hơn và ít chấn thương hơn ư? Nếu là bất kỳ ai khác nói, mấy gã Nike này sẽ lịch sự từ hữ và lờ đi, nhưng người này lại là vị huấn luyện viên khả kính. Cũng như Joe Vigil, Lananna thường được nhắc tới với những từ “có tầm nhìn” hoặc “nhà cải cách”. Chỉ trong 10 năm ở Stanford, các đội điền kinh và việt dã của Lananna đã giành được năm giải vô địch đồng đội NCAA7 và 22 danh hiệu cá nhân, bản thân Lananna đã được phong tặng danh hiệu Huấn luyện viên việt dã NCAA của năm. Lananna đã đưa ba vận động viên chạy bộ đến Thế vận hội, và đang bận rộn với “Đội Nông trại” được Nike tài trợ, một câu lạc bộ các thành viên sau đại học gồm những người giỏi nhất trong số những người giỏi nhất. Đương nhiên, các đại diện của Nike hơi cáu khi biết Lananna cho rằng những đôi giày tốt nhất của Nike còn tệ hơn cả chân trần.

7. Hiệp hội thể thao các trường đại học toàn nước Mỹ (ND).

“Chúng ta đã ngăn cản bàn chân mình được ở tư thế tự nhiên bằng cách càng ngày càng thêm vào nhiều hỗ trợ hơn.” Lananna nhấn mạnh. Đó là lý do tại sao ông bắt học trò phải luôn luôn thực hiện một phần các bài tập bằng chân trần trong sân cỏ ở sân vận động. “Tôi biết rằng, với một công ty sản xuất giày, chuyện đội giày kinh doanh do mình tài trợ không sử dụng chính sản phẩm của mình là không hay chút nào. Tuy nhiên, con người đã trải qua hàng ngàn năm mà không có giày. Tôi nghĩ rằng chúng ta cứ cố điều chỉnh này nọ bằng giày và lại thành ra quá đáng. Ta sửa cả những thứ không cần sửa. Nếu như bạn tập luyện cho bàn chân khoẻ bằng cách đi chân đất, bạn sẽ giảm được nguy cơ gặp các vấn đề về gân gót chân, đầu gối, và gân lòng bàn chân.”

Gọi là “nguy cơ” thực ra chưa đủ; phải là “chắc cú” mới đúng. Hằng năm, có khoảng 65 đến 80% người chạy bộ gặp phải một chấn thương nào đó. Như vậy là gần như mọi người chạy bộ, trong mọi năm. Dù bạn là ai, dù bạn chạy nhiều đến mức nào, thì khả năng bị chấn thương cũng như nhau. Dù bạn là nam hay nữ, chạy nhanh hay chậm, béo phì hay săn chắc, thì bàn chân của bạn đều có thể gặp nguy hiểm.

Liệu thực hiện giãn cơ như một bậc thầy yoga có giúp bạn thoát được số phận đó không? Câu trả lời là không. Trong một nghiên cứu năm 1993 về các vận động viên Hà Lan đăng trên tờ *Tạp chí Y học Thể thao Hoa Kỳ*, một nhóm người chạy bộ được dạy cách khởi động làm nóng và giãn cơ, trong khi nhóm thứ hai không được huấn luyện gì về “phòng tránh chấn thương”. Tỷ lệ chấn thương của họ ra sao? Giống nhau hoàn toàn. Trong một nghiên cứu thực hiện vào năm tiếp theo tại Đại học Hawaii, việc giãn cơ thậm chí còn gây hậu quả tệ hơn; nghiên cứu này chỉ ra rằng, những người chạy bộ thực hiện giãn cơ có tỷ lệ chấn thương cao hơn đến 33%.

Tuy nhiên, may thay, chúng ta đang sống trong kỷ nguyên vàng công nghệ. Các công ty sản xuất giày chạy bộ có đến một phần tư thế kỷ để hoàn thiện thiết kế, vì vậy, về logic mà nói, tỷ lệ chấn thương hiện nay chắc phải sụt giảm chóng mặt. Thậm chí, Adidas còn làm ra một loại giày có mức giá 250 đô-la, với một con chip vi xử lý trong đế giày, nhằm lập tức điều chỉnh mức đệm đế giày cho từng bước chạy. Hãng Asics thì bỏ ra ba triệu đô-la và tám năm ròng – dài hơn ba năm so với thời gian Dự án Manhattan tạo ra quả bom nguyên tử đầu tiên – để sáng chế ra loại giày Kinsei đáng nể, với “bọc gel đa góc độ phần trước bàn chân”, tuyên bố rằng nó có khả năng “tăng cường lực đẩy giữa bàn chân” và có “phần gót giày với khả năng thích ứng vô hạn, giúp cách ly và hấp thụ va đập để giảm nghiêng bàn chân, hỗ trợ lực đẩy tới trước.” Quả là mức giá chất chúa cho một đôi giày mà bạn phải vứt vào sọt rác chỉ sau 90 ngày, nhưng ít nhất là bạn sẽ không bao giờ phải lê lét nữa.

Có thật như vậy không?

Rất tiếc!

“Kể từ khi những nghiên cứu nghiêm túc đầu tiên được thực hiện vào khoảng cuối những năm 70, thì số lượng lời ca cẩm về gân gót chân thực ra đã tăng khoảng 10%, trong khi chấn thương gân gan bàn chân thì vẫn giữ nguyên.” Tiến sĩ Stephen Pribut, chuyên gia về chấn thương trong chạy bộ và là cựu chủ tịch Học viện Y khoa Hoa Kỳ các bệnh về chân trong thể thao, đã nói: “Những tiến bộ về công nghệ trong 30 năm qua rất đáng kinh ngạc.” Tiến sĩ Irene Davis, giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chạy bộ của trường Đại học Delaware, nói thêm: “Chúng ta đã được thấy những cải tiến ngoạn mục trong lĩnh vực kiểm soát chuyển động và đệm lót. Vậy mà những phương thức chữa chạy đó có vẻ như chẳng đánh bại được các chấn thương.”

Thực tế là, chẳng có bằng chứng nào cho thấy giày chạy giúp phòng tránh chấn thương. Trong một bản nghiên cứu năm 2008 được thực hiện cho tờ *Tạp chí Y học Thể thao Anh Quốc*, Tiến sĩ Craig Richards, một nhà nghiên cứu tại Đại học Newcastle ở Australia, đã chỉ ra rằng không có một nghiên cứu dựa trên bằng chứng rõ ràng nào thể hiện rằng giày chạy giúp bạn ít bị chấn thương hơn.

Đó là một khám phá kinh ngạc, đã bị che giấu ngay trước mắt chúng ta suốt 35 năm qua. Tiến sĩ Richards đã sững sốt khi thấy một nền công nghiệp 20 tỷ đô-la dường như chẳng dựa trên gì khác ngoài những lời hứa suông và ước ao, tới mức ông đã đề ra một thách thức:

Liệu có công ty sản xuất giày nào sẵn sàng tuyên bố rằng, giày chạy bộ đường dài của họ làm giảm nguy cơ chấn thương cơ xương khớp do chạy bộ?

Liệu có nhà sản xuất giày nào sẵn sàng tuyên bố rằng, giày chạy bộ của họ sẽ cải thiện được hiệu suất chạy bộ đường dài?

Nếu như có nhà sản xuất nào tuyên bố được như trên, thì họ có các dữ liệu làm bằng chứng cho tuyên bố đó hay không?

Tiến sĩ Richards đã chờ đợi, và thậm chí còn thử liên hệ với các công ty sản xuất giày danh tiếng để tìm hiểu dữ liệu của họ. Đáp lại ông, chỉ hoàn toàn là im lặng.

Vậy, nếu như giày chạy bộ không làm bạn chạy nhanh hơn và không giúp bạn tránh chấn thương, thì thực chất, bạn đang trả tiền cho cái gì? Lợi ích của những vi mạch trong giày, “cơ cấu tăng cường lực đẩy”, đệm không khí, các hệ thống xoắn, và các thanh cuộn... là gì? Nếu bạn có một đôi giày Kinsei trong tủ, thì hãy chuẩn bị nghe tin xấu đi. Và họa vô đơn chí, có hẳn ba tin xấu cho bạn:

SỰ THẬT CAY ĐẮNG số 1: Đôi giày tốt nhất lại là tệ nhất

NGƯỜI CHẠY BỘ dùng giày cao cấp nhất lại dễ bị chấn thương hơn người chạy dùng giày rẻ tiền đến 123%. Đó là kết quả một nghiên cứu do bác sĩ Bernard Marti, chuyên gia y học dự phòng tại Đại học Bern, Thụy Sĩ, đứng đầu. Nhóm nghiên cứu của bác sĩ Marti đã phân tích 4.358 người chạy bộ trong giải Bern Grand-Prix, một giải đua đường phố cự ly 9,6 dặm. Tất cả người chạy tham dự giải đó đã điền vào một bảng hỏi chi tiết, cung cấp thông tin tỉ mỉ về thói quen luyện tập của họ, cũng như loại giày mà họ dùng trong năm trước đó; và kết quả là, 45% trong số họ bị chấn thương trong khoảng thời gian ấy.

Nhưng điều khiến bác sĩ Marti ngạc nhiên, như ông đã chỉ ra trong *Tạp chí Y học Thể thao Hoa kỳ* vào năm 1989: trên thực tế, điểm chung nhất của các chấn thương này không phải do mặt đường, tốc độ chạy, số dặm chạy hàng tuần, hay “động lực luyện tập thi đấu.” Cũng chẳng phải trọng lượng cơ thể, hay lịch sử chấn thương, mà là giá giày. Những người chạy bằng giày có giá cao hơn 95 đô-la lại dễ gặp chấn thương gấp đôi so với những người chạy bằng giày rẻ hơn 40 đô-la. Các nghiên cứu tiếp nối sau đó đã cho thấy kết quả tương tự, ví dụ như bản báo cáo năm 1991 trong *Tạp chí Y học và Khoa học trong Thể dục và Thể thao* chỉ ra rằng: “Những người chạy với những đôi giày chạy được quảng cáo là có các tính năng bảo vệ (ví dụ như êm hơn, ‘điều chỉnh đáp lệch cổ chân’...) lại bị chấn thương nhiều hơn đáng kể so với những người chạy các đôi giày ít tốn kém hơn (rẻ hơn 40 đô-la).”

Thật là một trò đùa độc ác: với giá đắt gấp đôi, bạn bị đau gấp đôi.

Với con mắt tinh tường, huấn luyện viên Vin Lananna đã tự mình nhận ra tình trạng này từ đầu những năm 80. “Tôi đã một lần đặt mua giày cao cấp cho đội mình, và trong vòng hai tuần, chúng tôi liên tục gặp phải chứng viêm gân bàn chân và gót chân. Vì vậy, tôi đã gửi trả những đôi giày đó và bảo họ: ‘Hãy gửi cho tôi loại giày rẻ thôi.’” Lananna nói. “Kể từ đó, chúng tôi luôn chỉ đặt mua giày cấp thấp. Không phải vì tôi keo kiệt. Đó là vì công việc của tôi là tạo ra những vận động viên chạy nhanh và khoẻ mạnh.”

SỰ THẬT CAY ĐẮNG số 2: Bàn chân thích bị hành hạ

TỪ TẬN NĂM 1988, Tiến sĩ Barry Bates, người phụ trách Phòng thí nghiệm Y học Sinh cơ học/Thể thao của Đại học Oregon, đã thu thập được dữ liệu gợi ý rằng giày chạy cũ lại an toàn hơn giày mới. Trong *Tạp chí Vật lý trị liệu về Chỉnh hình và Thể thao*, Tiến sĩ Bates và đồng sự cho rằng giày cũ với phần đệm lót mỏng bớt, giúp vận động viên chạy bộ kiểm soát được bàn chân tốt hơn.

Vậy thì tại sao khả năng kiểm soát bàn chân và những đế giày mòn vẹt lại giúp chân đỡ bị chấn thương hơn? Đó là vì một nhân tố màu nhiệm: Nỗi sợ. Trái ngược với điều mà những cái tên êm ái

như Adidas MegaBounce (Adidas Siêu Nảy) vẫn khiến bạn tin tưởng trước nay, phần đệm lót chẳng giúp gì cho việc giảm lực va đập. Về logic mà nói, điều này rất rõ ràng – lực va đập mà chân bạn phải chịu khi đang chạy có thể lên tới 12 lần trọng lượng cơ thể, vì vậy, thật phi lý khi tin rằng lớp cao su dày chỉ một xentimét lại có tác dụng gì đáng kể, ví dụ như trong trường hợp của tôi, tăng thịt hơn 1.200 kg nện xuống đất. Bạn bọc quả trứng bằng cái găng tay lót nồi rồi đập bằng búa, thì chẳng cách nào quả trứng lại còn nguyên vẹn được.

Khi E. C. Frederick, cựu giám đốc Phòng thí nghiệm Thể thao Nike hồi đó, đến dự cuộc họp của Hiệp hội Cơ sinh học Hoa Kỳ, ông ta mang theo một bất ngờ lớn. “Khi các đối tượng được thử nghiệm so sánh giữa việc dùng giày cứng với giày mềm,” ông ta nói, “lực va đập chẳng khác nhau chút nào.” Không khác nhau! “Và kỳ lạ là,” ông ta thêm, “đỉnh của lực đẩy trong phản lực chiều dọc từ mặt đất còn *cao hơn* trong trường hợp giày mềm.”

Kết luận gây băn khoăn là: giày càng đệm êm, thì bảo vệ càng kém.

Lúc đó, các nhà nghiên cứu ở Phòng thí nghiệm Y học Sinh cơ học/Thể thao Đại học Oregon cũng đang xác nhận kết quả này. Các nhà nghiên cứu ở Oregon đã tiết lộ trong một nghiên cứu năm 1988 cho *Tạp chí Vật lý trị liệu Chính hình và Thể thao*: khi các đôi giày chạy bị mòn bớt và phần đế lót cứng lại, bàn chân của người chạy bộ sẽ được ổn định và đỡ lắc lư hơn. Phải mất khoảng 10 năm, các nhà khoa học mới đưa ra được lời giải thích tại sao đôi giày cũ mà các công ty sản xuất đồ thể thao đang khuyến bạn vứt đi lại tốt hơn đôi giày mới mà họ giục bạn mua. Tại Đại học McGill ở Montreal, bác sĩ Steven Robbins và Tiến sĩ Edward Waked đã thực hiện một loạt các thử nghiệm ở các vận động viên thể dục dụng cụ. Họ phát hiện ra rằng thảm tiếp đất càng dày, thì các vận động viên thể dục dụng cụ lại càng nện chân xuống mạnh hơn khi tiếp đất. Theo bản năng, các vận động viên thể dục dụng cụ đi tìm sự ổn định. Khi cảm nhận thấy dưới chân là mặt phẳng mềm, họ nện xuống mạnh hơn để đảm bảo được thăng bằng.

Người chạy bộ cũng vậy. Robbins và Waked phát hiện ra: giống như việc tay bạn tự động vung lên khi trượt băng, đôi chân và bàn chân bạn cũng chúm xuống mạnh hơn theo bản năng khi thấy nền không chắc chắn. Khi chạy bằng giày có đệm êm, bàn chân bạn ấn mạnh qua lớp đế giày để tìm kiếm một mặt phẳng cứng và ổn định.

“Chúng tôi kết luận rằng sự thăng bằng và va đập theo phương dọc có liên quan mật thiết.” McGill viết. “Theo phát hiện của chúng tôi, các đôi giày thể thao hiện hành quá mềm và dày, và cần phải thiết kế lại nếu như muốn bảo vệ cho con người khi chơi thể thao.”

Cho tới khi đọc được nghiên cứu này, tôi vẫn bị ám ảnh bởi một việc mà mình đã gặp phải ở Phòng khám Chấn thương Chạy bộ. Tôi đã chạy qua chạy lại trên một tấm cảm biến lực, thay đổi giữa chân đất, một đôi giày cực mỏng, và đôi giày cực êm Nike Pegasus. Cứ mỗi lần tôi đổi giày, mức va đập cũng thay đổi theo, nhưng không theo chiều hướng mà tôi trông đợi. Lực va đập của tôi là thấp nhất khi chạy chân đất, và nặng nhất khi dùng đôi Pegasus. Tư thế chạy của tôi cũng thay đổi: Khi đổi giày thì theo bản năng, tôi cũng thay đổi bước chân tiếp đất. “Anh chạy tiếp gót nhiều hơn nhiều khi dùng đôi Pegasus.” Tiến sĩ Irene Davis kết luận.

David Smyntek đã quyết định kiểm tra giả thuyết về lực va đập bằng một thí nghiệm độc đáo. Vì vừa là người chạy bộ, vừa là nhà vật lý trị liệu với chuyên môn phục hồi cấp tính, Smyntek lo ngại khi chính những người khuyên anh mua giày mới lại chính là người bán giày. Anh thường xuyên nghe thấy tạp chí *Runner's World* và cửa hàng đồ chạy bộ gần nhà dặn dò rằng phải thay giày mới sau khi chạy được từ 300 đến 500 dặm, nhưng tại sao Arthur Newton, một trong những người chạy bộ siêu dài vĩ đại nhất mọi thời đại lại chẳng thấy có lý do gì để thay đổi giày đế cao su mỏng dính cho tới khi chạy ít nhất 4.000 dặm? Newton không chỉ giành thắng lợi trong giải đua Comrades 55 dặm đến năm lần vào những năm 1930, mà chân ông còn đủ dẻo dai để phá kỷ lục giải đua 100 dặm Bath-to-London ở tuổi 51.

Vì vậy, Smyntek quyết định thử xem anh có thể Newton-hon-cả-Newton hay không. “Khi đôi giày của tôi bị mòn lệch một bên,” anh băn khoăn, “hay là tại tôi đang đi ngược chân?” Và từ đó, cuộc Thí nghiệm Bàn chân Điên rồ bắt đầu: khi các đôi giày mòn đi ở mép ngoài, Dave đi giày ngược chân và tiếp tục chạy. “Bạn phải hiểu anh ấy.” Ken Learman, đồng nghiệp của Dave, nói. “Dave không phải hạng tầm thường. Anh ta hiểu kỳ, thông minh, và là kiểu người mà bạn không thể dễ dàng lừa được. Anh hay nói là: ‘À, nếu thường nó là như vậy, thì phải kiểm tra xem nó có đúng là như vậy hay không.’”

Trong 10 năm tiếp theo, David chạy năm dặm mỗi ngày, và không bỏ một ngày nào. Cho đến khi nhận ra mình có thể chạy thoải mái khi đi giày ngược bên, anh bắt đầu đặt câu hỏi tại sao mình cần giày chạy bộ. Dave lập luận, nếu như anh đang không dùng chúng theo cách được người ta thiết kế, thì có thể là thiết kế đó chẳng quan trọng gì hết. Từ đó trở đi, anh chỉ mua giày thể thao rẻ tiền.

“Và anh ta cứ như vậy đấy, chạy nhiều hơn hầu hết mọi người, với giày ngược bên mà chẳng gặp bất kỳ vấn đề gì.” Ken Learman nói. “Thí nghiệm đó đã dạy cho tất cả chúng ta một điều, rằng đối với giày chạy bộ, không phải cứ lấp lánh là vàng.”

SỰ THẬT CAY ĐẮNG CUỐI CÙNG: Ngay cả Alan Webb cũng nói: “Con người được thiết kế để chạy không giày.”

TRƯỚC KHI trở thành người chạy cự ly một dặm nhanh nhất nước Mỹ, Alan Webb chỉ là một gã tay mơ với bàn chân bẹt, dáng chạy xấu tệ hại. Nhưng huấn luyện viên trường trung học đã nhìn ra tiềm năng, và bắt tay vào một việc, nói một cách hoàn toàn không phóng đại chút nào, là tái tạo lại Alan từ đầu.

“Tôi bị dính chấn thương từ rất sớm, và có vẻ như hiển nhiên là cơ cấu sinh học của tôi tự gây ra.” Webb kể với tôi. “Vì thế, chúng tôi thực hiện các bài tập làm chắc khỏe bàn chân và các buổi đi bộ đặc biệt bằng chân đất.” Dần dần, Webb chứng kiến bàn chân mình biến đổi ngay trước mắt. “Khi các cơ ở bàn chân tôi khỏe hơn, thì vòm chân tôi cũng khum cao lên.” Nhờ các bài tập chân đất, Webb đồng thời giảm bớt được chấn thương, cho phép anh chịu được kiểu tập luyện hà khắc đã giúp phá kỷ lục một dặm của Mỹ, và đạt thời gian chạy 1.500 m nhanh nhất thế giới trong năm 2007.

“Chạy chân đất trở thành một trong những triết lý luyện tập của tôi nhiều năm qua.” Tiến sĩ Hartmann, chuyên gia vật lý trị liệu Ireland, Phù thủy Oz của những vận động viên chạy bộ giỏi nhất thế giới, chia sẻ. Paula Radcliffe không bao giờ chạy marathon nếu chưa đi gặp Tiến sĩ Hartmann, và kể cả những vị thần như Haile Gebrselassie và Khalid Khannouchi cũng tin tưởng giao phó chân cho ông. Trong nhiều thập kỷ, Tiến sĩ Hartmann đã ngăn ngấm theo dõi sự bùng nổ của dụng cụ chỉnh hình và những đôi giày chạy càng ngày càng phức tạp.

“Tình trạng suy yếu của hệ cơ bàn chân là vấn đề lớn nhất dẫn đến chấn thương, và chúng ta đã để mặc bàn chân mình suy yếu trầm trọng suốt 25 năm qua.” Tiến sĩ Hartmann nói. “Xoay nghiêng bàn chân đã biến thành khái niệm xấu, trong khi nó chỉ là chuyển động tự nhiên của bàn chân. Bàn chân vốn dĩ phải xoay nghiêng như vậy.”

Để thấy hiện tượng xoay nghiêng bàn chân, hãy tháo giày và chạy xuống đường. Trên nền đường cứng, bàn chân bạn sẽ thoáng chốc quên đi thói quen mắc phải khi chạy với giày và tự động chuyển về chế độ tự bảo vệ: bạn sẽ thấy mình tiếp đất ở rìa ngoài của bàn chân, rồi sau đó nhẹ nhàng cuộn từ ngón út vào tới ngón cái cho tới khi bàn chân nằm phẳng xuống. Đó chính là xoay nghiêng bàn chân, một kiểu xoắn nhẹ, làm giảm xóc, cho phép vòm bàn chân nén lại.

Nhưng vào những năm 70, một số người được nể trọng trong giới chạy bộ đã bắt đầu bày tỏ đôi chút nghi ngờ về tình trạng vặn xoắn đó. George Sheehan, bác sĩ tim mạch với những bài luận về vẻ đẹp của chạy bộ giúp ông trở thành vua triết lý của bộ môn marathon, chợt nghĩ rằng, xoay nghiêng bàn chân nhiều quá có thể là nguyên nhân chấn thương đầu gối khi chạy bộ. Ông vừa đúng, lại vừa sai, rất sai. Bạn phải tiếp đất bằng gót thì mới xoay nghiêng hết mức được, và bạn chỉ có thể tiếp đất

bằng gót khi nó được đệm. Dù sao đi nữa, các công ty giày phản ứng rất nhanh với lời kêu gọi của bác sĩ Sheehan và nghĩ ra một lời giải đáp như vũ khí hạt nhân; họ tạo ra những đôi giày được đệm lót quái dị và thiết kế siêu đẳng, để loại bỏ hoàn toàn tình trạng xoay nghiêng bàn chân.

“Nhưng khi bạn ngăn chặn một chuyển động tự nhiên,” Tiến sĩ Hartmann nói, “bạn đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến các chuyển động khác. Chúng tôi đã nghiên cứu, và chỉ có khoảng hai đến ba phần trăm dân số thực sự có vấn đề về sinh-cơ học. Vậy thì ai nhận được những tác nhân chính hình nọ? Mỗi khi chúng ta nhét chân ai đó vào một đôi giày có cơ cấu điều chỉnh, thì thực ra là chúng ta đang tạo ra những vấn đề mới, bằng việc đi chữa chạy những khuyết tật không tồn tại.” Trong một bản thú nhận gây sốc năm 2008, tạp chí *Runner's World* đã công nhận rằng trong nhiều năm, họ đã vô tình chỉ dẫn sai cho các độc giả, khuyến nghị người chạy bộ bị viêm gân gan bàn chân sử dụng giày có tính năng điều chỉnh: “Nhưng các nghiên cứu gần đây cho thấy các đôi giày có tính năng tăng cường sự ổn định chẳng những không giảm được chứng viêm gân gan bàn chân, mà còn làm trầm trọng hơn.”

“Hãy nhìn vào kết cấu!” Tiến sĩ Harmann giải thích. Vẽ lại sơ đồ bàn chân, bạn sẽ nhìn thấy một kiệt tác mà các kỹ sư đã phải gắng học theo trong suốt nhiều thế kỷ. Phần chính giữa bàn chân bạn là vòm chân, chính là thiết kế chịu tải tuyệt hảo nhất. Vẻ đẹp của hình vòm nằm ở chỗ nó trở nên mạnh mẽ hơn dưới lực nén; càng nén xuống mạnh, thì các bộ phận của nó càng kết lại chặt chẽ với nhau. Không có người thợ xây lành nghề nào lại đi đặt thứ gì dưới vòm để chống đỡ; nếu đẩy lên từ phía dưới, bạn sẽ làm suy yếu cả công trình. Đỡ cho vòm bàn chân từ mọi phía là một mạng lưới co giãn bao gồm 26 khúc xương, 33 khớp, 12 dây chằng đàn hồi, 18 cơ, tất cả đều có khả năng giãn ra và thả lỏng như một cây cầu treo chống động đất.

“Đút chân vào giày cũng tương tự như bó bột vào chân vậy.” Tiến sĩ Hartman nói. “Nếu tôi bó bột cho chân bạn, chúng ta sẽ nhận thấy tình trạng teo cơ từ 40 đến 60% trong vòng sáu tuần. Điều tương tự cũng xảy ra với chân bạn khi chúng bị nhét trong giày.” Khi có giày, các dây chằng bị cứng lại và cơ bị teo đi. Bàn chân bạn sinh ra là để chiến đấu và chống chọi dưới áp lực. Nếu để chúng lười biếng, không hoạt động, theo như phát hiện của Alan Webb, thì chúng sẽ sụp xuống. Nếu được tập luyện, chúng sẽ lại cong lên như cầu vồng.

“Tôi đã làm việc với hơn 100 vận động viên chạy bộ giỏi nhất của Kenya, và điểm chung ở họ là mức độ đàn hồi tuyệt hảo của bàn chân.” Tiến sĩ Hartmann nói tiếp. “Được như vậy là vì họ không hề chạy bộ bằng giày trước tuổi 17.” Tới ngày hôm nay, Tiến sĩ Hartmann vẫn tin rằng lời khuyên tốt nhất để phòng tránh chấn thương mà ông từng nghe là từ một huấn luyện viên, người ủng hộ việc “chạy bộ bằng chân trần trên thảm cỏ dẫm sương ba lần một tuần.”

Vị này không phải là chuyên gia y khoa duy nhất rao giảng về Chủ nghĩa Chân đất. Theo Tiến sĩ Paul W Brand, người phụ trách khoa phục hồi chức năng ở Bệnh viện công Hoa Kỳ tại Carville, Louisiana, đồng thời là giảng viên phẫu thuật ở Trường Đại học Y thuộc Đại học Louisiana State, chúng ta có thể loại bỏ hầu hết các vấn đề về bàn chân chỉ trong một thế hệ bằng cách vứt bỏ các đôi giày. Từ năm 1976, Tiến sĩ Brand đã chỉ ra rằng gần như tất cả các ca bệnh trong phòng chờ của ông – vết chai, viêm bao hoạt dịch, biến dạng ngón chân, bàn chân bẹt, sa vòm chân – hầu như không tồn tại ở những nước mà hầu hết người dân đi chân đất.

“Những người đi bộ bằng chân đất được nhận liên tục một luồng thông tin về nền đất và về mối liên hệ giữa nền đất với chính mình.” Tiến sĩ Brand nói. “Trong khi đó, bàn chân nhét trong giày lại ngủ yên trong một môi trường không biến đổi.”

Tiếng trống lệnh cho đạo quân chân đất đang nổi râm ran. Nhưng thay vì các bác sĩ dẫn đầu cuộc tấn công để tạo nên những bàn chân cơ bắp, thì nó lại biến thành một cuộc chiến nhảm nhí giữa các bác sĩ chữa bệnh về chân với chính bệnh nhân của họ. Những người ủng hộ chân đất như các bác sĩ Brand và Hartmann vẫn hiếm hoi, trong khi lối tư duy chữa chân theo kiểu truyền thống vẫn coi bàn

chân con người như một sai lầm của tạo hoá, một công việc còn dang dang dở, và vẫn có thể cải thiện bằng chiếc dùi chạm trở và các công cụ chỉnh hình.

Cách suy nghĩ sai lầm ngay từ đầu đó thể hiện hoàn hảo nhất trong cuốn sách *The Runners' Repair Manual* (Cẩm nang chữa trị cho người chạy bộ) của Tiến sĩ Murray Weisenfeld, bác sĩ hàng đầu chuyên chữa bệnh về chân trong thể thao. Đây là một trong những cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại về chăm sóc bàn chân, và nó được mở đầu với lời tuyên bố khủng khiếp này:

“Bàn chân con người bản chất không phải được thiết kế ra để đi bộ, càng không phải để chạy bộ đường dài.”

Vậy thì, theo cuốn “cẩm nang” này, chân chúng ta được thiết kế để làm gì? Trước hết là để bơi (“Bàn chân hiện nay đã trải qua quá trình tiến hóa từ vây của một loài cá nguyên thủy nào đó, và những cái vây này chĩa ra phía sau.”) Sau đó là leo trèo (“Bàn chân quặp lại được cho phép động vật có thể ngòi xồm trên cành cây mà không bị ngã.”)

Và sau đó thì sao nữa...?

Sau đó thì, theo như cách nhìn nhận về tiến hóa của bộ môn chữa bệnh về chân, chúng ta đã bị mắc kẹt. Trong khi phần còn lại của cơ thể chúng ta đã tiến hóa tuyệt vời để thích nghi với mặt đất cứng, thì vì một lý do nào đó, bộ phận duy nhất trên cơ thể chúng ta thực sự chạm đất lại bị bỏ lại. Chúng ta phát triển não bộ và bàn tay đủ khéo léo để thực hiện được giải phẫu trong mạch máu, nhưng bàn chân lại chưa từng tiến hóa xa hơn so với thời Đá cũ. “Bàn chân con người chưa hoàn toàn thích nghi với mặt đất.” Cuốn sách than vãn. “Chỉ có một bộ phận dân số được trời phú cho bàn chân thích nghi tốt với mặt đất.”

Vậy, những kẻ may mắn ít ỏi được ban tặng cho đôi chân tiến hóa hoàn hảo đó là ai vậy? Thực ra là chẳng có ai cả: “Thiên nhiên còn chưa vạch ra kế hoạch cho bàn chân hoàn hảo của người chạy bộ hiện đại.” Bác sĩ Weisenfeld viết. “Cho tới khi bàn chân hoàn hảo xuất hiện, thì kinh nghiệm của tôi cho thấy rằng chúng ta đều có khả năng rất cao để bị một loại chấn thương nào đó.” Thiên nhiên còn chưa đưa ra được bản thiết kế nào, vậy mà điều đó không ngăn được một số bác sĩ chuyên khoa về chân cố gắng tạo ra thiết kế của riêng họ. Và đó chính là kiểu tự tin thái quá – kiểu niềm tin tưởng rằng bốn năm đào tạo chữa bệnh về chân có thể vượt qua hai triệu năm chọn lọc tự nhiên – dẫn đến một loạt các chiến dịch vội vàng gây ra thảm họa trong những năm 70.

“Không lâu trước đây, chấn thương đầu gối của người chạy bộ vẫn được chữa chạy bằng phẫu thuật.” Bác sĩ Weisenfeld xác nhận. “Phương pháp này không đem lại kết cục tốt đẹp, vì bạn cần có phần sụn đỡ đó khi chạy bộ.” Khi các bệnh nhân xong việc dưới lưỡi dao mổ, họ nhận ra rằng cơn đau kéo dài của mình đã trở thành một tổn thương vĩnh viễn; không có sụn chêm đầu gối, họ sẽ không bao giờ chạy mà không bị đau được nữa. Bất chấp quá khứ sai lầm của chuyên ngành chữa chân trong nỗ lực đánh bại tạo hóa, cuốn cẩm nang kia chưa bao giờ khuyến nghị việc tập luyện để có bàn chân khỏe mạnh; thay vào đó, cách thức điều trị được lựa chọn luôn luôn là băng bó, dùng đệm chỉnh hình, hoặc phẫu thuật.

Thậm chí, ngay cả bác sĩ Irene Davis, người mà cả năng lực cũng như sự cởi mở trong tư duy ít ai bì kịp, cũng phải đến tận năm 2007 mới xem xét nghiêm túc về việc chạy chân trần và bởi đến lúc ấy, một trong số các bệnh nhân đã thẳng thừng chống đối lại bà. Người này đã ngán ngẩm tình trạng viêm gân gan bàn chân mãn tính, và muốn thử lấy độc trị độc, bằng cách chạy với giày đế mỏng như dép. Bác sĩ Davis bảo anh ta bị điên. Nhưng anh ta vẫn cứ làm.

“Và ngạc nhiên thay,” như tạp chí BioMechanics sau này đưa tin, “triệu chứng viêm gân gan bàn chân đã thuyên giảm và người bệnh bắt đầu chạy được những cự ly ngắn bằng giày.”

“Đây thường là cách chúng ta học hỏi được điều gì đó mới mẻ, khi bệnh nhân không chịu nghe lời.” Bác sĩ Davis từ tốn nói. “Tôi nghĩ rằng có thể tình trạng viêm gân bàn chân ở đất nước này lan rộng ra phần nào là vì chúng ta đã không để cho cơ bắp ở bàn chân thực hiện việc mà chúng sinh ra

để làm.” Bà bị ấn tượng về sự hồi phục của bệnh nhân nọ đến mức tự thêm bài đi bộ chân đất vào buổi tập của mình.

Nike sẽ không kiếm được 17 tỷ đô-la mỗi năm nếu những người như Ted Chân Đất trên khắp thế giới tạo nên trào lưu. Không lâu sau, khi hai đại diện hãng Nike trở về từ Stanford với tin tức rằng làn sóng chạy chân đất đã lan ra tới tận đường chạy của các vận động viên ưu tú tại trường đại học, Nike bắt tay ngay vào việc xem xét kiếm tiền từ chính vấn đề mà mình đã gây ra.

Đổ lỗi cho ông lớn xấu xa như Nike về cơn bệnh dịch chấn thương trong chạy bộ có vẻ quá dễ dãi – nhưng không sai, bởi đó chủ yếu là lỗi của họ. Công ty này được lập ra bởi Phil Knight, một vận động viên chạy bộ của Đại học Oregon, người sẵn sàng bán bất kỳ thứ gì và Bill Bowerman, huấn luyện viên của Đại học Oregon, người cho rằng mình biết hết mọi thứ. Trước khi hai người này bắt tay với nhau, giày chạy bộ hiện đại không tồn tại. Và hầu hết các chấn thương do chạy bộ hiện đại cũng vậy.

Là một người đi dạy bảo nhiều người về cách chạy, nhưng bản thân Bowerman lại chẳng chạy mấy. Ông ta chỉ bắt đầu chạy bộ thể dục đôi chút khi đã 50 tuổi, sau khi trải qua thời gian ở New Zealand cùng với Arthur Lydiard, cha đẻ môn chạy bộ thể hình (fitness running) và là huấn luyện viên chạy đường dài có tầm ảnh hưởng nhất mọi thời đại. Lydiard đã gây dựng Câu lạc bộ Những người chạy bộ Auckland từ cuối những năm 50 để giúp đỡ những nạn nhân phục hồi sau nhồi máu cơ tim. Chuyện này đã gây ra nhiều tranh cãi vào thời đó; vì nhiều bác sĩ cho rằng Lydiard đang lập ra một nhóm tự sát tập thể. Nhưng khi những người bệnh từng đau ốm nhận thấy sức khỏe được cải thiện nhiều tới mức nào sau vài tuần chạy bộ, họ bắt đầu rủ vợ, con và cả cha mẹ tham gia vào những buổi chạy đường mòn dài hai giờ đồng hồ.

Khi Bill Bowerman đến thăm lần đầu vào năm 1962, nhóm chạy bộ buổi sáng chủ nhật của Lydiard đã là nhóm đông đảo nhất ở Auckland. Bowerman cố gắng tham gia nhóm này, nhưng thể lực của ông ta tụt tới mức phải nhận sự trợ giúp từ một ông già 73 tuổi đã sống sót qua ba lần tắc động mạch vành. Sau này Bowerman nói: “Chúa ơi, thứ duy nhất giữ tôi sống sót chính là hy vọng rằng tôi sẽ chết.”

Nhưng ông ta trở về như một con người hoàn toàn khác, và nhanh chóng viết một cuốn sách bán chạy mà tựa đề đơn giản của nó đã đưa ra một từ ngữ mới, tạo nên sự ám ảnh cho công chúng Mỹ: Chạy bộ thể dục (Jogging). Ngoài những lúc viết lách và huấn luyện, Bowerman bận rộn với công việc tàn phá hệ thần kinh của chính mình và cái lò nướng bánh của bà vợ bằng cách loay hoay trong tầng hầm với đồng cao su nóng chảy để chế tạo ra một loại giày mới. Các thí nghiệm đó khiến Bowerman mắc chứng suy nhược thần kinh, nhưng đồng thời cũng tạo ra loại giày chạy có đệm lót êm nhất. Và thật trớ trêu, Bowerman đặt tên cho nó là Cortez, theo tên của kẻ xâm lược đã đến New York cướp vàng và gây ra trận dịch bệnh đậu mùa khủng khiếp.

Chiêu thức tài tình nhất của Bowerman là đề xuất ra kiểu chạy bộ mới chỉ có thể thực hiện được với kiểu giày mới của ông ta. Giày Cortez cho phép người ta chạy theo một kiểu mà trước đây không cách nào chạy an toàn được: tiếp đất bằng phần gót chân toàn xương. Trước khi chiếc giày đệm êm được sáng tạo ra, các vận động viên chạy bộ qua bao nhiêu thời kỳ đều có cùng một tư thế chạy: Jesse Owens, Roger Bannister, Frank Shorter, và ngay cả Emil Zatopek cũng chạy với lưng thẳng, đầu gối cong, bàn chân cào mạnh ra sau thẳng ngay dưới thân người. Họ không có lựa chọn nào khác: phần giảm chấn duy nhất đến từ sự cong gập của chân và phần đệm dày của lớp mỡ giữa bàn chân. Fred Wilt cũng xác nhận điều này vào năm 1959, trong ghi chép kinh điển về điền kinh của ông, How They Train (Họ tập luyện như thế nào), trong đó mô tả chi tiết kỹ thuật của hơn 80 vận động viên chạy bộ đứng đầu thế giới. “Bàn chân trước di chuyển về phía mặt đường chạy theo một tuyến hướng xuống, rồi hướng ra sau, như một đường quét (chứ không phải đâm hay nện xuống) và phần mép ngoài của ức bàn chân chạm xuống mặt đường chạy đầu tiên.” Wilt viết. “Chạy là kết quả của những lực đẩy phía sau trọng tâm cơ thể...”

Trên thực tế, khi Van Phillips, nhà thiết kế về y sinh tạo ra chiếc chân giả tuyệt hảo cho những vận động viên chạy bộ bị cụt chân năm 1984, ông ta thậm chí còn không lắp gót chân vào đó. Là một vận động viên cụt chân trái từ dưới đầu gối trong một tai nạn trượt ván trên mặt nước, Phillips hiểu rằng gót chân chỉ cần thiết khi đứng, chứ không phải khi chuyển động. Chiếc “Chân báo” hình chữ C của Phillips bắt chước hoạt động của chân người thật hiệu quả đến mức, nó cho phép vận động viên cụt cả hai chân người Nam Phi Oscar Pistorious thi đấu được với cả những vận động viên chạy nước rút hàng đầu thế giới.

Nhưng Bowerman đã có một ý tưởng: có khi bạn lại chạy được xa thêm một chút nếu tiếp đất *trước* trọng tâm. Đắp một miếng cao su dưới gót chân, ông suy tính, và bạn có thể duỗi thẳng chân, tiếp đất bằng gót, và kéo dài bước chạy. Trong cuốn *Jogging*, ông ta so sánh các kiểu chạy với nhau: với bước chạy “bệt chân” được tính giờ, ông ta thừa nhận rằng “mặt phẳng rộng đệm được cho bước chạy và nhẹ nhàng hơn cho phần còn lại của cơ thể.” Tuy vậy, ông ta vẫn tin rằng bước chạy “từ gót lên mũi” sẽ là “đỡ mệt mỏi nhất khi chạy đường dài.” Nếu bạn có loại giày phù hợp.

Chiến lược marketing của Bowerman quả là tài tình. “Một người vừa tạo ra thị trường cho sản phẩm vừa tạo ra chính sản phẩm ấy.” Như một người phụ trách chuyên mục tài chính tại Oregon nhận xét. “Đúng là thiên tài. Đây là thứ được học trong các trường kinh doanh.” Đối tác của Bowerman, vận động viên chạy bộ chuyển thành doanh nhân Phil Knight, thu xếp được một thỏa thuận sản xuất tại Nhật Bản và nhanh chóng bán được giày còn nhanh hơn tốc độ rời khỏi dây chuyền sản xuất. “Với lớp đệm của Cortez, chúng tôi có vị thế độc quyền cho tới tận năm diễn ra Olympic 1972.” Knight huênh hoang. Tới khi các công ty khác đã trang bị đầy đủ để bắt chước được chiếc giày mới đó, thì đôi Swoosh đã trở thành sản phẩm hàng đầu thế giới.

Hài lòng với phản ứng số đông về thiết kế nghiệp dư của mình, Bowerman cho phép trí tưởng tượng tha hồ cất cánh. Ông ta định làm một đôi giày chịu nước từ da cá, nhưng rồi phải để mẫu thiết kế đó chết ngay trên bản vẽ. Ông ta làm ra đôi LD-1000 Trainer, loại giày có phần đế rộng đến mức như đang chạy trên đĩa bánh. Bowerman cho rằng loại giày này sẽ loại trừ được xoay nghiêng cổ chân, mà bỏ qua mất một thực tế là nếu như bàn chân của vận động viên đó không thẳng một cách hoàn hảo, thì phần gót loe ra sẽ làm treo căng chân, đau cả bàn chân lẫn mắt cá.” Cựu vận động viên chạy bộ ở Oregon tên là Kenny Moore đã viết như vậy trong cuốn tiểu sử về Bowerman. Nói cách khác, chiếc giày được mong đợi sẽ cho bạn bước chạy hoàn hảo, lại chỉ có tác dụng khi bước chạy của bạn đã hoàn hảo sẵn rồi. Khi Bowerman nhận ra rằng đang tạo ra chấn thương, thay vì ngăn ngừa nó, ông ta đã phải sửa chữa lại và thu gọn phần gót chân trong các phiên bản sau.

Trở lại New Zealand, Arthur Lydiard hoảng sợ khi chứng kiến đồng hàng xuất khẩu ào ạt đổ ra từ Oregon và bản khoản không hiểu người bạn của mình định làm điều quái quỷ gì. So với Bowerman, Lydiard hiểu biết hơn về chạy bộ; ông ta đã huấn luyện cho nhiều nhà vô địch Olympic, nhiều kỷ lục gia thế giới, và đã xây dựng một chương trình luyện tập đến nay vẫn được coi là tiêu chuẩn vàng. Lydiard thích Bill Bowerman và tôn trọng ông ta với tư cách là một huấn luyện viên, nhưng tròi đất ạ! Cái thứ rác rưởi mà ông ta đang bán là gì vậy?

Lydiard đã biết tất cả mấy thứ về xoay nghiêng bàn chân này chỉ là chiêu bài marketing nhắm nhí. “Bạn chỉ cần bảo một người bình thường ở bất kỳ độ tuổi nào bỏ giày ra và chạy dọc hành lang, bạn gần như sẽ luôn luôn thấy rằng chuyển động của bàn chân chẳng có tí dấu hiệu nào của nghiêng vào trong hay ra ngoài.” Lydiard phàn nàn. “Tình trạng lắc sang hai bên của mắt cá chân chỉ bắt đầu khi người ta tròng vào chân những đôi giày chạy, bởi vì kết cấu của rất nhiều loại giày chạy đó ngay lập tức sẽ thay đổi chuyển động của bàn chân.”

“Chúng ta đã từng chạy với giày vải.” Lydiard tiếp tục. “Chúng ta không bị viêm gân gan bàn chân, cũng chẳng xoay nghiêng bàn chân vào trong hay ra ngoài, chúng ta có thể mất một ít da vì lớp vải thô ráp khi chạy marathon, nhưng về cơ bản, ta không bị chấn thương nào ở bàn chân cả. Chỉ vài

trăm đô-la cho những đôi giày chạy công nghệ cao mới nhất chẳng đảm bảo tránh được chấn thương, mà thậm chí còn đảm bảo rằng sẽ bị chấn thương, không kiểu này thì kiểu khác.”

Cuối cùng, ngay cả Bowerman cũng bắt đầu nghi ngờ. Khi Nike gióng trống mở cờ khắp nơi, xào nấu ra đủ kiểu giày khác nhau và thay đổi mẫu mã từng năm một mà chẳng cần lý do gì ngoài việc có gì đó khác để bán, thì Bowerman bắt đầu cảm thấy sứ mệnh ban đầu của ông ta là làm ra một đôi giày tử tế đã bị xói mòn bởi một tư tưởng mới, mà ông ta tổng kết lại bằng hai từ: “Kiếm tiền.” Nike, ông ta phàn nàn trong một lá thư gửi đồng nghiệp, đang “phân phát một đồng rác rưởi.” Có vẻ như ngay cả với một thành viên sáng lập của Nike, thì lời lẽ của nhà phê bình xã hội Eric Hoffer cũng tỏ ra đúng đắn: “Mọi động cơ cao cả đều bắt đầu như một phong trào, trở thành công việc kinh doanh, và rồi biến thành thủ đoạn lường gạt.”

Bowerman đã qua đời trước khi trào lưu chạy chân đất dấy lên mạnh mẽ vào năm 2002, vì vậy, Nike quay trở lại với người thầy cũ của Bowerman để xem câu chuyện về chân đất này thực sự có giá trị gì hay không. “Dĩ nhiên!” Arthur Lydiard nói. “Nếu bạn nâng đỡ cho một bộ phận nào đó, thì nó sẽ suy yếu đi. Nếu dùng nó thật nhiều, thì nó sẽ khoẻ mạnh lên... Hãy chạy chân đất và bạn sẽ không gặp phải những chấn thương đó nữa. Loại giày cho phép chân bạn hoạt động như chạy chân trần – đó mới là giày mà tôi ủng hộ.” Lydiard kết luận.

Nike tiếp nối cho sự bùng nổ này với chính dữ liệu cụ thể của mình. Jeff Pisciotta, nghiên cứu viên cấp cao tại Phòng thí nghiệm Thể thao của Nike, đã tập hợp 20 vận động viên chạy bộ trên một bãi cỏ và ghi hình họ chạy bằng chân đất. Khi phóng to vào khung hình, anh giật mình với điều phát hiện được: các bàn chân thay vì nện xuống như khi đi giày, lại hoạt động như một loài động vật có trí óc riêng – giãn ra, bám lấy, tìm kiếm mặt đất với những ngón chân choãi rộng, tiếp đất theo kiểu lướt đi, như thiên nga đáp xuống mặt hồ.

“Cảnh đó thật đẹp!” Pisciotta, vẫn bị hớp hồn bởi những trông thấy, sau này kể lại với tôi. “Điều đó đã khiến chúng tôi nghĩ rằng khi bạn đi giày vào, thì nó sẽ kiểm soát một phần chân bạn.” Anh ngay lập tức triển khai nhóm đi thu thập tất cả các đoạn phim về những nền văn hóa chạy chân đất đang tồn tại. “Trên khắp Trái đất, chúng tôi tìm thấy vài nhóm người vẫn đang chạy chân trần, và bạn sẽ thấy rằng trong quá trình đẩy đi và tiếp đất, biên độ chuyển động ở bàn chân cũng như sự tham gia của các ngón chân của họ nhiều hơn rất nhiều. Bàn chân họ thả lỏng, xoè, choãi ra, bám lấy mặt đất, đồng nghĩa với việc bạn ít bị xoay nghiêng bàn chân hơn và áp lực được phân tán ra rộng hơn.”

Đối mặt với kết luận gần như không thể tránh né được rằng lâu nay mình chỉ bán những thứ đồ nhảm nhí, Nike lập tức lèo lái sang hướng khác. Jeff Pisciotta trở thành người đứng đầu một dự án tối mật tưởng chừng như bất khả thi: tìm cách kiếm ra tiền từ chân đất.

Phải mất hai năm làm việc, Pisciotta mới trình làng được tuyệt phẩm của mình. Trong các mẫu quảng cáo trên tivi phát trên khắp thế giới, có nhiều hình ảnh các vận động viên chân đất – những vận động viên marathon người Kenya chạy dọc theo một đường mòn nền đất, các vận động viên bơi lội bấu ngón chân vào bục xuất phát, các vận động viên thể dục dụng cụ và những vũ công capoeira người Brazil, cùng với những người leo núi, đô vật, võ sư karate và người chơi bóng đá bãi biển – tới mức sau một thời gian, thì thật khó mà nhớ được là ai thường đi giày, và vì sao.

Lấp lóe trên những hình ảnh đó là dòng thông điệp truyền cảm hứng như: “Bàn chân của bạn là nền tảng! Hãy đánh thức chúng! Làm cho chúng khoẻ lên! Kết nối với mặt đất... Công nghệ của thiên nhiên cho phép chuyển động thật tự nhiên... Tăng cường sức mạnh cho bàn chân bạn.” Viết nguệch ngoạc dưới lòng một bàn chân trần là dòng chữ: “Hiệu năng xuất phát từ đây.” Và sau đó là kết luận trọng đại ở cuối cùng: cảnh “Nhón chân qua những đóa tulip” lên tới cao trào làm nền, chúng ta quay lại với các vận động viên người Kenya mà lúc này, bàn chân họ đã được trang bị thêm một loại giày mỏng nhỏ bé nào đấy. Đó là loại giày mới Nike Free, một dạng dép có gai còn mỏng hơn cả chiếc giày Cortez khi xưa.

Còn khẩu hiệu của nó là gì?

“Hãy chạy chân đất!”

*Em yêu, thị trấn này đang xé nát thân em;
Đó là một cái bẫy chết người, là một nơi tị sát...*

- **Bruce Springsteen**, *Sinh ra để chạy*

Khuôn mặt Caballo Blanco ửng hồng lên ánh tự hào, vì vậy, tôi cố gắng nghĩ ra câu gì hay ho để khen ngợi.

Chúng tôi vừa tới Batopilas, một thị trấn khai mỏ cũ kỹ nằm sâu hơn 2.400 m dưới miệng của vùng hẻm núi. Thị trấn này được xây dựng từ 400 năm trước, khi các nhà thám hiểm Tây Ban Nha phát hiện ra quặng bạc trong dòng sông đầy đá, và thị trấn này hầu như chẳng thay đổi gì kể từ khi đó. Vẫn là một dãy nhà nhỏ ôm sát bờ sông, nơi lừa thồ nhiều ngang với xe cộ, và chiếc điện thoại có dây đầu tiên được lắp đặt khi thế giới đang bắt đầu lập trình cho iPod.

Để xuống được đây, bạn phải có lá gan thép cùng niềm tin sắt đá đặt vào người bạn đồng hành, người khiến bạn lo lắng nhất chính là tài xế xe buýt. Lối duy nhất để vào Batopilas là một con đường đất uốn lượn quanh bờ vực dựng đứng, và hạ độ cao khoảng 2.100 m chỉ trong vòng chưa đến 10 dặm. Khi chiếc xe buýt oằn mình quanh các khúc cua tay áo, chúng tôi phải bám thật chặt và nhìn xa xuống phía dưới, nơi chất đồng những xác xe mà người lái chỉ nhờ sơ sẩy dăm xentimét. Hai năm sau đó, Caballo cũng tự mình đóng góp vào nghĩa địa thép dưới đó khi chiếc xe bán tải của anh trượt ra ngoài mép vực và lộn xuống. Caballo kịp nhào ra ngoài và chúng kiến chiếc xe bùng cháy tít xa phía dưới. Sau này, những mảnh nhỏ của cái xác xe bị cháy sém vẫn được người ta thu lượm về làm bùa may mắn.

Sau khi chiếc xe buýt dừng lại ngoài rìa thị trấn, chúng tôi leo xuống thật chậm, với khuôn mặt dính bụi và mồ hôi muối đọng như thổ dân vẽ mặt, hệt như mặt của Caballo lần đầu tôi gặp anh. “Đây rồi!” Caballo hú lên. “Chỗ ở của tôi đây.”

Chúng tôi nhìn quanh, nhưng thứ duy nhất đi vào tầm mắt chỉ là tàn tích của một nhà thờ cũ bên kia sông. Mái của nó đã biến mất, và những bức tường đá màu đỏ đang sụp dần vào vách núi màu hồng đỏ, nơi mà từ đó, những bức tường ấy được tạc ra, trông như thể một lâu đài cát đang tan chảy trở lại thành cát. Nó thật hoàn hảo; Caballo đã tìm được chốn lý tưởng cho một hồn ma sống. Tôi chỉ có thể tưởng tượng là sẽ hãi hùng đến mức nào khi đi qua đây vào buổi đêm và nhìn thấy cái bóng ma quái của anh nhảy nhót xung quanh đồng lửa, khi anh đi loanh quanh đồng đổ nát ấy như gã lùn Quasimodo.

“Ồ, đó thật là, ờ... khác lạ!” Tôi lúng búng.

“Không phải đâu, anh bạn!” Anh nói. “Ờ đằng này.” Anh chỉ tay ra đằng sau lưng chúng tôi, về phía một đường mòn mờ nhạt nhỏ bé khuất vào trong đám xương rồng. Caballo bắt đầu leo lên, và chúng tôi bám theo anh, nắm lấy các bụi cây để giữ thăng bằng trong khi vừa mò mẫm leo vừa lê lét lên con đường đá.

“Khi thật, Caballo ạ!” Luis nói. “Đây chắc là đường chạy duy nhất trên thế giới cần được đánh dấu và phải có trạm tiếp tế ngay từ dặm thứ hai.”

Sau khoảng 100 m, chúng tôi đến một bụi cây chanh dại và tìm thấy một túp lều nhỏ có tường bằng đất sét. Caballo đã dựng nó bằng cách bê các tảng đá từ dưới dòng sông lên, rồi lộn đi lộn lại quãng đường hiểm trở đó hàng trăm lần với đá cuội lòng sông tron nhẵn trên tay. Nơi này còn phù hợp để làm chỗ ở cho Caballo hơn cả ngôi nhà thờ đổ nát; ở đây, trong pháo đài cô độc tự tạo này, anh có thể nhìn thấy mọi thứ dưới thung lũng sông mà không hề bị phát hiện.

Chúng tôi bước vào trong và thấy một chiếc giường dã chiến nhỏ, một đồng dép thể thao bỏ đi, khoảng ba bốn cuốn sách về Ngựa Điên và những người thổ dân da đỏ Mỹ khác trên một giá sách cạnh chiếc đèn dầu. Tất cả chỉ có vậy; không điện, không nước máy, không nhà vệ sinh. Đằng sau căn lều, Caballo đã dọn quang những cây xương rồng và san phẳng một khoảng đất nhỏ để nghỉ ngơi sau một buổi chạy, hút chút gì đó để thư giãn, và ngắm nhìn cảnh vật hoang sơ thời tiền sử. Dù Ted Chân Đất có rêu rao rằng anh ta là hiện thân của nơi mình ở đến thế nào đi nữa, thì cũng không thể sánh được với sự tương hợp giữa Caballo và túp lều này.

Caballo muốn cho chúng tôi ăn thật nhanh và sau đó rảnh rang đi ngủ. Mấy ngày tới sẽ vắt kiệt sức của tất cả chúng tôi, và cả đám hầu như chưa được nghỉ ngơi mấy kể từ khi tới El Paso. Anh dẫn chúng tôi quay trở lại lối đi bí mật kia và ngược lên con đường để đi tới một cửa hiệu bán hàng qua cửa sổ trước; bạn thò đầu vào cửa sổ đó và nếu người chủ cửa hiệu tên là Mario có thứ bạn muốn, bạn sẽ có được nó. Mario cho chúng tôi thuê vài căn phòng nhỏ ở trên gác với một buồng tắm vòi sen nước lạnh ở cuối hành lang.

Caballo muốn chúng tôi bỏ lại đồng hành lý và đi kiếm đồ ăn ngay lập tức, nhưng Ted Chân Đất cứ khăng khăng phải thay đồ và vào buồng tắm để gột rửa bụi đường trước. Anh ta chạy ra khỏi buồng tắm, vừa chạy vừa la hét.

“Chúa ơi! Cái vòi sen có dây điện hở. Tôi vừa bị giật bắn cả mình!”

Eric nhìn tôi. “Anh có nghĩ là do Caballo làm không?”

“Cũng chỉ là giết người trong khi tự vệ chính đáng thôi.” Tôi nói. “Chẳng bồi thẩm đoàn nào tuyên bố có tội đâu.” Chiến trường bão tố Ted Chân Đất – Caballo Blanco chưa khá khẩm hơn được chút nào kể từ khi chúng tôi rời khỏi Creel. Trong một lần dừng nghỉ, Caballo trèo khỏi nóc xe và chui xuống tận cuối chiếc xe buýt để trốn. “Gã đó không biết im lặng là gì.” Caballo nổi đóa. “Hắn đến từ L.A, chắc hẳn nghĩ là không được để chỗ nào thiếu tiếng ồn.”

Sau khi chúng tôi sắp xếp xong nơi ở, chỗ Mario, Caballo lại dẫn chúng tôi đến một bà Mamá khác. Chúng tôi thậm chí chẳng phải gọi đồ ăn; ngay khi chúng tôi tới, Dona Mila lôi mọi thứ từ trong tủ lạnh ra. Chẳng mấy chốc, các đĩa đồ ăn được bày ra, nào là sốt kem bơ, đậu pinto, xương rồng cắt lát và cà chua dầm dấm thơm, cơm Tây Ban Nha và thịt bò hầm với gan gà thơm phức.

“Ăn nhiều vào nhé!” Caballo nói. “Các bạn sẽ cần chúng vào ngày mai đấy.” Anh bảo sẽ đưa chúng tôi đi leo núi để khởi động. Chỉ là một cuộc dạo chơi lên ngọn núi gần đó để chúng tôi có dịp nếm thử địa hình sẽ phải vượt qua để đến được đường đua. Anh nhắc đi nhắc lại là không có gì ghê gớm đâu, nhưng sau đó lại dặn chúng tôi ăn thật nhiều và đi ngủ sớm. Tôi càng lo lắng hơn sau khi một ông già người Mỹ có mái tóc bạc trắng bước vào và nhập hội.

“Sửa soạn đến đâu rồi, Ngựa?” Ông chào Caballo. Đó là Bob Francis. Ông xuống Batopilas lần đầu tiên vào những năm 60, và một phần con người ông mãi mãi ở lại nơi này. Dù có con cháu ở San Diego nhưng Bob vẫn dành gần hết cả năm lang thang quanh Batopilas, có lúc dẫn đường cho những người leo núi, lúc khác lại đi thăm Patricio Luna, một người bạn Tarahumara, cũng chính là chú của Manuel Luna. Họ gặp nhau 30 năm trước, khi Bob bị lạc trong hẻm núi. Patricio tìm thấy ông, cho ông ăn, và đưa về nghỉ trong hang của nhà mình đêm đó.

Nhờ tình bằng hữu lâu năm với Patricio, mà Bob là một trong số những người Mỹ ít ỏi từng được dự một lễ hội *tesgiiinada* của người Tarahumara – lễ hội marathon nhậu nhẹt được tổ chức trước các trận bóng và đôi khi còn khiến các trận bóng đó không thể diễn ra. Ngay cả Caballo cũng chưa đạt được mức tin tưởng đó với người Tarahumara, và sau khi nghe những câu chuyện của Bob, anh không dám chắc mình có muốn được như vậy hay không nữa.

“Những người bạn Tarahumara lâu năm, những gã mà tôi vẫn nghĩ là nhút nhát, hiền lành, bỗng nhiên nhay chồm vào mặt tôi, sẵn vào sát ngực tôi, tuôn ra những lời thóa mạ, chực xông vào đánh lộn.” Bob kể. “Cùng lúc đó, vợ họ lại chui vào bụi với những người đàn ông khác, đám con gái mới

lớn thì khỏa thân vật lộn. Họ không cho lũ trẻ con tham gia những cuộc tiệc tùng như thế; anh biết lý do rồi đấy.”

Mọi chuyện đều có thể xảy ra trong lễ hội *tesgiinada*, Bob giải thích, bởi vì mọi thứ rồi sẽ bị đổ tội hết cho *peyote*, loại rượu tequila tự chưng cất, và *tesgiino*, loại bia ngô rất mạnh. Những bữa tiệc tùng này có thể trở nên rất điên rồ, nhưng thực ra lại có mục đích tốt đẹp và hoàn toàn tinh tảo: chúng có tác dụng như một cái van xả áp, để giải thoát cho những cảm xúc chỉ muốn bùng nổ. Cũng như chúng ta, người Tarahumara có những ham muốn và nỗi buồn đau giấu kín, nhưng trong một xã hội mà tất cả mọi người đều tin tưởng ở nhau và không có cảnh sát xen vào giữa, thì phải có một cách nào đó để thỏa mãn dục vọng cũng như hận thù. Vậy thì còn điều gì hay hơn một lễ hội nhậu nhẹt chứ? Tất cả mọi người đều chơi bời hết cỡ, đến mức điên loạn, và rồi, sau khi bị trừng phạt bởi những vết thâm tím và con say xin, họ lại phủ bụi trên mình và tiếp tục sống.

“Tôi hoàn toàn có thể làm đám cưới hoặc bị giết đến 20 lần trước khi buổi đêm chấm dứt.” Bob nói. “Nhưng tôi đã đủ tinh tảo để bỏ bầu rượu xuống và rời khỏi đó trước khi mấy trò bậy bạ bắt đầu.” Nếu có ai hiểu rõ vùng Barrancas bằng Caballo, thì người đó chính là Bob, và đó là lý do tại sao, mặc dù ông đã có hơi men và có vẻ muốn ba hoa một chút, thì tôi vẫn chú ý kỹ khi ông bắt đầu câu chuyện với Ted.

“Mấy cái thứ chết tiệt kia sẽ tiêu đòi vào ngày mai.” Bob nói, và chỉ tay vào đôi giày Five Fingers trên chân Ted.

“Tôi còn chẳng định dùng chúng cơ.” Ted bảo.

“Vậy nghe còn được.” Bob nói.

“Tôi sẽ chạy chân đất.” Ted trả lời.

Bob quay sang Caballo. “Anh ta đang đùa hả Ngựa?”

Caballo chỉ mỉm cười.

Sáng sớm hôm sau, Caballo đến chỗ chúng tôi khi Mặt trời ló rạng trên vùng hẻm núi. “Ngày mai chúng ta sẽ đi về hướng đó.” Caballo nói và chỉ tay qua cửa sổ phòng tôi, về phía một ngọn núi đang lùi tít đằng xa. Giữa chúng tôi và ngọn núi đó là cả một biển những ngọn đồi thấp, với cây cối mọc um tùm tới mức khó mà tưởng tượng được lại có một lối mòn đi xuyên qua. “Sáng nay, chúng ta sẽ chạy trên một trong những ngọn núi nhỏ đó.”

“Cần khoảng bao nhiêu nước nhỉ?” Scott hỏi.

“Tôi chỉ mang từng này thôi.” Caballo nói và vung vẩy cái chai nhựa nửa lít. “Có thể lấy thêm nước từ một con suối ở trên đỉnh.”

“Còn thức ăn?”

“Không cần!” Caballo nhún vai và cùng Scott đi gọi những người khác. “Chúng ta sẽ trở lại trước bữa trưa thôi.”

“Tôi vẫn sẽ mang túi nước to này.” Eric nói với tôi, và đổ đầy vào ba lô nước ba lít. “Và tôi nghĩ anh cũng nên làm vậy.”

“Thật sao? Caballo nói chúng ta chỉ đi khoảng 10 dặm thôi.”

“Mang nhiều nước cũng chẳng hại gì khi đến nơi hoang vắng.” Eric nói. “Ngay cả khi không cần dùng đến, thì vẫn có thể coi như đang luyện tập. Và anh cũng không thể chắc là không có chuyện gì xảy ra, nhỡ đâu anh phải ở lại ngoài đó lâu hơn anh tưởng.”

Tôi bỏ chai nước cầm tay xuống và với lấy ba lô nước. “Nhớ mang theo các viên i-ốt trong trường hợp anh cần làm sạch nước để uống. Và cứ mang theo ít gel nhé.” Eric thêm vào. “Trong một ngày chạy giải, anh sẽ cần khoảng 200 calo mỗi giờ. Mẹo hay ở đây là học cách nạp ít một mỗi lần, sao cho anh được cung cấp năng lượng vừa đủ đều đặn mà không làm cho dạ dày mình quá tải. Đây sẽ là bài tập tốt đấy.”

Chúng tôi đi bộ dọc theo thị trấn Batopilas, qua những người bán hàng đang dùng tay vẩy nước lên các tảng đá để không cho bụi bặm bốc lên. Bọn trẻ con đang đến trường trong những chiếc áo trắng tinh, mái tóc đen đẫm nước, dừng tán chuyện với nhau để chào hỏi chúng tôi: “Buenos días.”

“Hôm nay chắc sẽ nóng.” Caballo nói, khi chúng tôi chui vào một cửa hàng không có biển hiệu phía trước. “¿Hay teléfono?” Anh hỏi người phụ nữ vừa bước ra chào. Điện thoại có hoạt động không đấy?

“*Todavía no!*” Cô ta nói và lắc đầu vẻ khổ sở. Vẫn chưa. Clarita vận hành hai chiếc điện thoại công cộng duy nhất ở Batopilas, nhưng đường dây đang gặp sự cố suốt ba ngày qua, khiến cho radio sóng ngắn trở thành phương tiện truyền thông duy nhất. Đây là lần đầu tiên tôi nhận ra chúng tôi đang bị cô lập đến mức nào; chúng tôi không có cách nào biết được về những việc đang xảy ra ở thế giới bên ngoài, hoặc cho thế giới bên ngoài biết về những gì đang xảy ra với mình. Chúng tôi đã hết sức tin tưởng vào Caballo, và một lần nữa, tôi lại tự hỏi mình; dù Caballo có hiểu biết vùng này đến mức nào, thì vẫn quá điên rồ khi trao mạng sống vào tay một gã không có vẻ quan tâm lắm đến mạng sống của chính mình.

Nhưng lúc này, tiếng sôi ùng ục của dạ dày tôi cùng với mùi thơm từ đồ ăn sáng do Clarita chuẩn bị đã dẹp hết những ý nghĩ đó qua một bên. Clarita mang lên những đĩa to đựng *huevos rancheros*, món trứng rán được phủ sốt salsa tự chế với rau mùi tươi mới băm, xếp lên trên bánh ngô tortilla dày đập làm bằng tay. Thức ăn quá ngon khiến chúng tôi không thể ăn ngốn ngấu, mà buộc phải nán lại, rót thêm cà phê vài lần trước khi đứng dậy sẵn sàng lên đường. Eric và tôi học theo Scott và nhét thêm *tortilla* vào túi để ăn sau.

Mãi đến khi ăn xong, chúng tôi mới nhận ra rằng hai Nhóc Tiệc Tùng vẫn chưa xuất hiện. Tôi kiểm tra đồng hồ; đã quá 10 giờ sáng.

“Bỏ chúng lại thôi!” Caballo nói.

“Để tôi chạy về gọi họ!” Luis đề nghị.

“Thôi!” Caballo ngăn lại. “Chắc mấy đứa ấy vẫn còn ngủ. Ta phải đi ngay nếu muốn tránh cái nóng buổi chiều.”

Có lẽ như thế là tốt hơn cả; họ có thể nghỉ ngơi một ngày để bù nước cho cơ thể và lấy lại sức cho chuyến đi ngày mai. “Dù thế nào cũng không được cho chúng đi theo chúng tôi.” Caballo dặn cha của Luis, người không đi cùng sáng nay. “Nếu chúng bị lạc ngoài đó, thì sẽ không bao giờ tìm thấy được. Tôi không nói đùa đâu.”

Eric và tôi siết chặt ba lô nước, tôi quấn khăn trên đầu. Đầu tôi bắt đầu nóng bốc hơi. Caballo lượn qua một kẽ hở trên bức tường ngăn và dò đường qua các tảng đá lớn để đi tới bờ sông. Ted Chân Đất chạy dẫn lên trước để đi cùng anh, thể hiện rằng mình có thể nhảy nhót từ tảng đá này sang tảng đá khác khéo léo thế nào bằng chân đất. Nếu Caballo thấy thán phục, thì anh ta cũng vờ như không biết.

“NÀY CÁC ANH! CHỜ VỚI!” Jenn và Billy đang chạy ào xuống từ con phố phía sau chúng tôi. Billy còn đang cầm áo trên tay, còn dây giày của Jenn thì chưa buộc.

“Các bạn có chắc là muốn đi cùng không đấy?” Scott hỏi khi họ sửa soạn xong trang phục. “Các bạn còn chưa ăn gì cơ mà.”

Jenn bẻ một phong PowerBar làm đôi và đưa cho Billy một nửa. Mỗi người bọn họ mang theo một chai nước nhỏ, chắc không chứa quá sáu ngụm. “Bọn tôi ổn mà!” Billy nói.

Chúng tôi đi theo bờ sông ngồn ngang đá khoảng một dặm, rồi rẽ vào một rãnh khô. Chúng tôi không hện mà cùng ngẫu hứng chuyển sang chạy chậm. Cái rãnh đó rộng rãi và nhiều cát, đủ khoảng trống để Scott và Ted Chân Đất chạy bên cạnh Caballo thành hàng ba.

“Nhìn bàn chân họ kìa!” Eric bảo tôi. Mặc dù Scott đi đôi giày chạy đường mòn Brooks mà anh hỗ trợ thiết kế còn Caballo thì đi xăng đan, nhưng họ đều lướt bàn chân trên mặt đất giống y như Ted

làm đối với đôi chân trần, bước chạy của họ đồng bộ hoàn hảo. Cứ như xem một đội ngựa xiếc Lipizzaner chạy trên sân khấu.

Sau khoảng một dặm, Caballo rẽ sang một lối đi dốc lên do nước xói mòn tạo thành và lẩn nhón đá dẫn lên ngọn núi. Eric và tôi nhả bớt tốc độ và chuyển sang đi bộ, tuân theo tín hiệu của dân chạy siêu dài: “Nếu bạn không nhìn thấy được đỉnh, thì hãy đi bộ.” Khi chạy quãng đường 50 dặm, chẳng lợi lộc gì khi cố sức leo lên dốc để rồi phải lê lét khi đi xuống; bạn chỉ thiệt vài giây nếu đi bộ, và sau đó có thể giành lại thời gian bằng cách đổ nhanh xuống dốc. Eric tin rằng đó là một trong những lý do tại sao những người chạy bộ siêu dài không dễ bị chấn thương và hầu như không bao giờ bị kiệt sức: “Họ biết cách tập luyện, mà không làm hỏng chuyện.”

Trong lúc đi bộ, chúng tôi đã bắt kịp Ted Chân Đất. Anh ta đã phải chậm lại để tìm chỗ đặt chân trên những tảng đá sắc nhọn, to bằng nắm tay. Tôi nheo mắt nhìn lên lối mòn phía trước: chúng tôi còn ít nhất một dặm đường đá vụn nữa trước khi đường mòn hết dốc, và hy vọng sẽ phẳng phiu hơn.

“Ted, đôi Five Fingers của anh đâu rồi?” Tôi hỏi.

“Tôi chẳng cần giày.” Anh ta nói. “Tôi đã đánh cược với Caballo rằng nếu tôi hoàn thành được buổi leo núi này, anh ta sẽ không được cái kính khi tôi chạy chân đất nữa.”

“Anh ta gài bẫy anh trong lần cá cược này rồi!” Tôi bảo. “Thế này thì khác gì chạy trên đá dăm.”

“Con người không phát minh ra nền đất thô ráp, Oso ạ!” Ted nói. “Chúng ta sáng chế ra mặt đường phẳng mịn. Chân anh hoàn toàn thoải mái khi nó thay đổi hình dáng để áp lên các hòn đá. Tất cả những gì anh cần làm là thư giãn và để chân thả lỏng. Như đi massage chân vậy. O, này!” Anh ta gọi với theo khi tôi và Eric bứt lên phía trước. “Tôi bày cho anh một mẹo tuyệt vời nhé. Lần sau, nếu bàn chân anh bị đau, hãy đi bộ trên những hòn đá tron nhãn trong lòng suối nước lạnh. Kỳ diệu lắm!”

Eric và tôi bỏ mặc Ted ba hoa một mình, vừa nhảy nhót vừa chạy. Ánh nắng hắt lên từ những hòn đá loang loáng và nhiệt độ tăng dần, khiến chúng tôi có cảm giác như đang leo thẳng lên Mặt trời. Và theo cách nào đó, chúng tôi đúng là đang làm như vậy thật; sau khoảng hai dặm, tôi kiểm tra độ cao bằng đồng hồ và nhận ra đã leo hơn 300 m. Nhưng không lâu sau, đường mòn trở nên bằng phẳng, mặt đường cũng mềm hơn, từ đá sỏi chuyển thành đường đất mòn dấu vết chân.

Những người khác đang ở trước chúng tôi vài trăm mét, nên Eric và tôi bắt đầu chạy để thu ngắn khoảng cách. Trước khi chúng tôi bắt kịp họ, Ted Chân Đất đã lao vụt qua. “Đến lúc uống nước rồi!” Anh ta nói, vung vẩy chai nước rỗng. “Tôi sẽ đợi các anh ở chỗ con suối.”

Đường mòn bắt ngờ lại rẽ ngoặt lên cao, khúc khuỷu hình chữ chi. 450 m... 600 m... Chúng tôi rạp người xuống con dốc, cảm giác như chỉ tiến được vài xentimet mỗi bước. Sau ba tiếng đồng hồ và sáu dặm leo dốc mệt nhọc, chúng tôi vẫn chưa tới được con suối; và cũng chẳng thấy bóng cây nào từ khi rời khỏi bờ sông.

“Thấy chưa?” Eric vung vẩy vòi uống của ba lô nước. “Mấy người kia chắc phải khát khô rồi!”

“Và đôi meo nữa!” Tôi vừa để thêm vào, vừa xé một phong hạt và ngũ cốc tổng hợp granola không qua chế biến.

Ở độ cao khoảng hơn 1.600 m, chúng tôi tìm thấy Caballo và những người còn lại trong nhóm đứng đợi trong hốc rỗng dưới một cái cây bách. “Có ai cần viên i-ốt không?” Tôi hỏi.

“Tôi nghĩ là không.” Luis nói. “Anh nhìn mà xem.”

Dưới gốc cây có một bồn đá tự nhiên được tạo thành nhờ dòng suối mát mẻ, nhỏ giọt qua nhiều thế kỷ. Chỉ có điều, lúc này ở đó không có nước.

“Ở đây đang bị hạn hán.” Caballo nói. “Tôi quên búng mắt.”

Nhưng có khả năng, một dòng suối khác vẫn chảy ở độ cao khoảng vài chục mét phía trên núi. Caballo tình nguyện chạy lên đó kiểm tra. Jenn, Billy và Luis đã quá khát nên không thể chờ được nữa và đi theo anh. Ted đưa chai nước của mình cho Luis nhờ lấy hộ và ngồi đợi trong bóng cây cùng

chúng tôi. Tôi cho anh uống vài ngụm từ ba lô nước của mình, còn Scott thì chia cho anh một ít bánh mì pita và sốt hummus.

“Anh không dùng gel à?” Eric hỏi.

“Tôi thích đồ ăn thật hơn.” Scott trả lời. “Nó cũng dễ mang theo và ta nạp được calo thực, chứ không phải thứ năng lượng bị tiêu nhanh.” Là một vận động viên đỉnh cao được các công ty lớn tài trợ, Scott có thể dễ dàng chọn đồ ăn tùy thích trên khắp thế giới, nhưng sau khi thử nghiệm với tất cả các loại – mọi thứ, từ thịt hươu tới Happy Meals và các phong thức ăn hữu cơ không qua chế biến – cuối cùng anh ta lại chọn lối ăn uống rất giống với người Tarahumara.

“Lớn lên ở Minnesota nên trước đây tôi ăn uống rất lộn xộn.” Anh kể. “Bữa trưa thường là hai suất gà rán McChicken và phần khoai tây chiên to.” Hồi còn chơi môn trượt tuyết kiểu Nordic và chạy việt dã ở trường trung học, các huấn luyện viên thường xuyên bảo rằng anh cần rất nhiều thịt nạc để tái tạo cơ bắp sau một bài tập nặng, thế nhưng càng nghiên cứu sâu về các vận động viên sức bền truyền thống, Scott càng tìm thấy nhiều người ăn chay hơn.

Cũng giống như các Nhà sư Marathon ở Nhật Bản mà anh vừa đọc được; họ chạy một cuộc siêu marathon mỗi ngày trong bảy năm liền, với cự ly tổng cộng khoảng 25.000 dặm mà không ăn gì khác ngoài xúp đậu tương miso, đậu phụ và các loại rau. Còn Percy Cerutti, thiên tài điên rồ người Úc, đã từng huấn luyện nhiều vận động viên siêu dài vĩ đại nhất mọi thời đại thì sao? Cerutti tin rằng thức ăn thậm chí còn không nên nấu, chứ đừng nói đến chuyện giết mổ: ông bắt các học trò trải qua ba bữa ăn hằng ngày toàn yến mạch, trái cây, các loại hạt sống và pho mát. Ngay cả Cliff Young, người nông dân 63 tuổi đã làm chấn động cả nước Úc năm 1983 khi đánh bại cả những vận động viên chạy bộ siêu dài cừ khôi nhất nước trong cuộc đua 507 dặm từ Sydney tới Melbourne, cũng chỉ ăn toàn đậu, yến mạch và bia trong suốt cuộc đua (“Tôi từng cho lũ bê con ăn bằng tay và chúng nghĩ tôi là mẹ chúng.” Young nói. “Tôi không thể ngủ ngon nổi trong những đêm đó khi biết rằng chúng sẽ bị giết.” Ông chuyển sang ăn các loại hạt, khoai tây và ngũ cốc ngon hơn rất nhiều. Và ông cũng chạy rất giỏi nữa.)

Scott cũng không rõ tại sao chế độ dinh dưỡng không có thịt lại hiệu quả với những người chạy bộ vĩ đại, nhưng anh nghĩ nên tin vào kết quả trước và tìm hiểu nguyên nhân sau. Từ đó, anh không cho bất cứ sản phẩm gì từ động vật vào miệng nữa – cả trứng, pho mát, thậm chí cả kem – anh giảm bớt cả đường, bột mì. Anh không mang theo Snicker và PowerBar trong các cuộc chạy dài nữa; thay vào đó, anh lại nhét vào túi các món bánh burrito gạo, bánh mì pita nhồi sốt hummus và quả ô liu Kalamata, cùng với bánh mì tự nướng phủ đậu đỏ và phết hạt diêm mạch. Thời gian bị lật cổ chân, anh tránh dùng ibuprofen và phụ thuộc hoàn toàn vào ấu tào và ăn thật nhiều tỏi, gừng.

“Tất nhiên là tôi cũng nghi ngờ.” Scott nói. “Mọi người đều bảo tôi sẽ yếu đi, tôi có thể sẽ không phục hồi nổi giữa các bài tập, tôi sẽ bị rạn xương do áp lực và thiếu máu. Nhưng sự thực là tôi lại thấy dễ chịu hơn, vì đang ăn đồ ăn với chất lượng dinh dưỡng cao hơn. Và sau khi chiến thắng ở giải Western States, tôi không bao giờ quay trở lại chế độ ăn lúc trước nữa.”

Bằng cách áp dụng chế độ ăn uống dựa trên hoa quả, rau và các loại thức ăn nguyên hạt, Scott thu nạp được lượng dinh dưỡng tối đa từ lượng calo thấp nhất có thể, vì vậy, cơ thể anh không bị buộc phải mang theo hoặc xử lý những khối thức ăn vô bổ. Và vì carbohydrate được dọn khỏi dạ dày nhanh hơn protein, nên anh có nhiều thời gian tập luyện trong ngày hơn, vì không phải ngồi chờ một cục thịt nào đó tiêu hóa hết. Rau, các loại hạt và đậu chứa tất cả các axit amin cần thiết để tạo cơ bắp. Giống như một người chạy bộ Tarahumara, anh luôn sẵn sàng chạy bất kỳ cự ly nào, vào bất kỳ lúc nào.

Tất nhiên, là trừ khi anh ta bị hết nước.

“Không ổn rồi, các anh ạ!” Luis kêu lên khi chạy ngược trở xuống. “Con suối trên đó cũng cạn khô.” Anh bắt đầu lo lắng; anh vừa thử đi tiểu tiện, và sau bốn giờ liền đổ mồ hôi dưới cái nóng đến

35 độ, nước tiểu của anh trông cứ như cà phê mua ở cửa hàng tiện tích vậy. “Tôi nghĩ là chúng ta nên cố chạy về thôi.”

Scott và Caballo đồng ý. “Nếu chúng ta dốc sức, thì chỉ khoảng một giờ là xuống đến nơi thôi.” Caballo nói. “Oso!” Anh ta hỏi tôi. “Anh ổn chứ?”

“Ừ, tôi không sao.” Tôi trả lời. “Và chúng tôi vẫn còn nước đây.”

“Được rồi, vậy thì cùng làm thôi.” Ted Chân Đất nói.

Chúng tôi bắt đầu chạy thành hàng xuống đường mòn, Caballo và Scott chạy đầu tiên. Ted Chân Đất quả là đáng nể; anh ta chạy nhanh xuống dốc sát ngay sau Luis và Scott, hai trong số những người đổ dốc giỏi nhất trong môn thể thao này. Khi những tay cừ khôi nhất rượt đuổi nhau thì tốc độ trở nên rất dữ dội. “YEEEEAAHHH, PHÊ CHƯA!” Jenn và Billy hú lên.

“Chậm bớt lại!” Eric bảo tôi. “Chúng ta sẽ ngã nếu cứ cố bám theo họ.”

Chúng tôi chạy chậm bớt, tụt sâu lại đằng sau trong khi những người còn lại chạy vọt từ bên nọ sang bên kia trên con đường hình chữ chi. Chạy đổ dốc có thể làm tan nát cơ tứ đầu đùi của bạn, chưa kể bạn có thể bị lật cổ chân nữa. Vì vậy, mẹo ở đây là phải giả như bạn đang chạy lên dốc: giồng bàn chân thẳng dưới cơ thể như một người thợ xẻ đang lăn một cây gỗ, rồi kiểm soát tốc độ bằng cách ngả người ra sau, và thu ngắn các bước chạy.

Đến giữa buổi chiều, cái nóng trong vùng hẻm núi lên đến đỉnh điểm, gần tới 38 độ. Những người khác đã ra khỏi tầm mắt nên Eric và tôi cứ thong thả, chạy chậm rãi, thường xuyên uống nước từ hai ba lô nước đang cạn đi rất nhanh. Chúng tôi dò dẫm cẩn thận tìm lối đi xuống giữa một mạng lưới lằng nhằng các lối mòn mà không để ý rằng khoảng một giờ trước đó, Jenn và Billy đã biến mất.

“Máu dê cũng ngon đấy!” Billy khẳng định. “Chúng ta có thể uống máu, rồi ăn thịt. Thịt dê cũng ngon nữa.” Cậu ta đã đọc một cuốn tự truyện của người đàn ông đã thoát chết trên sa mạc Arizona nhờ dùng đá đập chết một con ngựa hoang và hút máu từ cổ nó. *Geronimo cũng đã dùng cách đó.* Billy nghĩ. *Gurom đã, có thể là Kit Carson mới đúng...*

Uống máu ấy à? Jenn, với cái cổ quá khát khô không nói chuyện nổi, chỉ biết trừng mắt nhìn Billy. Cậu ta mất trí rồi, cô nghĩ. Hai người bọn họ còn chẳng đi bộ nổi, gã Đầu Đất này lại nói đến chuyện giết một con dê mà họ không thể bắt nổi bằng một con dao, thậm chí giờ này dao cũng chẳng có. Cậu ta còn tệ hơn cả mình. Cậu ta...

Đột nhiên, bụng cô quặn thắt lại đến mức không thở nổi. Cô đã hiểu ra. Billy không phải đang hóa dại vì sức nóng. Cậu ta nói năng điên rồ như vậy là vì chuyện duy nhất không điên rồ để nói bây giờ lại là điều mà cậu ta không muốn thừa nhận: họ không có cách nào thoát được khỏi đây.

Vào một ngày bình thường, không ai trên đời này có thể bỏ rơi Jenn và Billy trong một cuộc chạy đường mòn ven ven sáu dặm, nhưng hôm nay lại là một ngày tệ hại. Cái nóng, cơn say vầng vất, và hai cái bụng trống không đã bắt kịp họ khi mới xuống núi được nửa đường. Họ đã lạc mất Caballo sau một lối ngoặt gấp, rồi họ gặp phải một ngã ba trên đường mòn. Và sau đó, họ nhận ra mình hoàn toàn cô độc.

Mất phương hướng, Jenn và Billy lang thang ra khỏi ngọn núi và lọt vào một mê cung đá với những lối đi chằng chịt tỏa ra khắp hướng. Những bức tường đá hấp nhiều nhiệt ra tới mức, Jenn ngờ rằng cô và Billy chỉ đang đi theo bất kỳ hướng nào trông có vẻ đỡ nắng hơn. Jenn thấy chóng mặt, như thể tâm trí cô đang trôi nổi tự do ra khỏi cơ thể. Họ chưa ăn gì sau khi chia nhau phong PowerBar sáu giờ trước, và chưa được uống ngụm nước nào từ giữa trưa. Ngay cả cơn sốc nhiệt không quật ngã họ, thì Jenn biết rằng họ vẫn nguy to: cái nóng gần 38 độ đó sẽ sụt giảm, nhưng sau đó nó sẽ giảm tiếp. Đến khi Mặt trời lặn, họ sẽ run rẩy trong cái lạnh buổi đêm, chỉ mặc độc quần đùi lướt ván và áo phông, chết vì khát và phơi nhiệt tại một trong những nơi khó tiếp cận nhất của Mexico.

Họ sẽ biến thành hai cái xác kỳ dị, Jenn nghĩ trong khi họ lê bước bên nhau. Bất kỳ ai tìm thấy họ sau này sẽ phải băn khoăn tại sao hai người cứu hộ bờ biển 22 tuổi mặc đồ lướt sóng lại xong đời dưới đáy vực ở Mexico, cứ như có một con sóng quái gờ từ tận Baja quăng họ đến đây. Jenn chưa từng cảm thấy khát đến thế; cô đã từng sụt hơn năm cân sau một cuộc đua 100 dặm nhưng cũng không cảm thấy mệt mỏi vô vọng như lúc này.

“Nhìn kia!”

“Khát nước gặp mưa rào!” Jenn kinh ngạc. Dưới một gò đá, Billy tìm thấy một vũng nước. Họ chạy về phía đó, luống cuống vặn mấy cái nắp chai, rồi khựng lại.

Vũng nước đó không hẳn là nước. Nó là bùn đen có váng màu xanh lục, đầy ruồi nặng vo ve và bị lũ dê, lừa khuấy lên. Jenn cúi xuống nhìn kỹ hơn. Ôi chao! Mùi kinh tởm tới mức họ biết ngay là nếu uống một ngụm nước trong đó thì sẽ ra sao; đến đêm, họ sẽ trở nên yếu nhót vì cơn sốt và tiêu chảy đến mức không lê lét nổi, hoặc bị nhiễm khuẩn tả, trùng roi hay giun chỉ, thứ bệnh chỉ có thể chữa bằng cách từ từ lôi những con giun dài gần một mét ra khỏi cục áp xe nổi lên trên da hay trong hốc mắt của bạn.

Nhưng họ cũng biết điều gì sẽ xảy ra nếu không uống ngụm nước ấy. Jenn vừa mới đọc câu chuyện về hai người bạn thân bị lạc trong một vùng hẻm núi ở New Mexico và hóa điên vì nắng sau cả một ngày không được uống nước, để rồi một trong hai người đâm người kia tới chết. Cô cũng nhìn thấy những bức ảnh của người leo núi được tìm thấy ở Thung lũng Chết với miệng đầy đất, vì trong những khoảnh khắc sống sót cuối cùng, họ đã cố gắng tìm cách hút lấy hơi ẩm từ những đụn cát khô cằn. Cô và Billy có thể tránh cái vũng nước đó rồi chết khát, hoặc đánh liều nuốt vài ngụm rồi chết vì nguyên nhân khác.

“Cứ tạm nhìn đã!” Billy nói. “Nếu không thể tìm thấy đường sau một giờ nữa, thì ta sẽ quay lại chỗ này.”

“Được. Đường này nhé?” Cô nói, và chỉ tay theo một hướng còn đi xa hơn khỏi Batopilas và dẫn thẳng tới vùng hoang vu trải dài 400 dặm ra tận biển Cortez.

Billy nhún vai. Sáng nay họ đã quá vội vã và còn chiu chiu choáng nên chẳng hề chú ý xem đang đi về hướng nào, mà thực ra cũng chẳng quan trọng lắm: nhìn phía nào thì cảnh vật trông cũng giống y hệt. Vừa đi Jenn vừa nhớ lại lúc cô chế giễu mẹ mình đêm hôm trước khi cô cùng Billy đến El Paso. “Jenn.” Mẹ cô van nài. “Con đâu có biết những người này. Làm sao con biết họ có chăm lo cho con không nếu có chuyện gì tồi tệ xảy ra?”

Khốn kiếp thật! Jenn nghĩ. *Mẹ nói đúng.*

“Được bao lâu rồi nhỉ?” Cô hỏi Billy.

“Khoảng 10 phút.”

“Em chẳng đợi được nữa đâu. Mình quay lại đi.”

“Thôi được.”

Khi họ tìm lại được vũng nước nọ, Jenn đã sẵn sàng quỳ sụp xuống và vục mồm uống luôn, nhưng Billy đã giữ cô lại. Cậu ta gạt đám váng xanh ra, lấy tay bịt miệng hở của cái chai, rồi vục nó sâu xuống và lấy nước từ đáy vũng, với hy vọng nhỏ nhoi rằng nước ở dưới lớp váng hẳn sẽ ít vi khuẩn hơn. Cậu ta đưa cái chai cho Jenn, rồi cũng lấy nước vào chai của cô theo cách đó.

“Em vẫn biết là sẽ có ngày anh giết em mà.” Jenn nói. Họ cụng chai, nói “Chúc sức khỏe” rồi bắt đầu uống, cố gắng để không nôn ra.

Họ uống cạn chai, rồi lấy thêm đầy nước, bắt đầu đi về phía tây vào vùng hoang vu. Trước khi kịp đi xa, họ nhận ra những cái bóng đồ đang bắt đầu trải dài ra phía bên kia hẻm núi.

“Chúng ta phải lấy nhiều nước hơn.” Billy nói. Cậu ta ghét phải quay lại, nhưng cơ hội duy nhất để họ sống sót được qua đêm nay là trở về vũng nước và trụ lại đó tới bình minh. Có thể sau khi họ

uống ba chai nước đầy, họ sẽ đủ sức leo lên núi một lần nữa để nhìn được quang cảnh xung quanh trước khi bóng tối sập xuống.

Rồi sau đó, họ quay lại, một lần nữa, đi vào sa mạc đá.

“Billy ơi!” Jenn nói. “Chúng ta gặp rắc rối to rồi.”

Billy không trả lời. Cậu ta đang đau đầu muốn chết, và không hiểu sao một dòng thơ trong bài Tiếng hú cứ giáng những nhịp quặn đau vào sọ cậu:

... những ai biến mất vào núi lửa ở Mexico chẳng để lại bất cứ thứ gì ngoài đồng quần áo vải thô, với dung nham và tro tàn của thi ca...

Biến mất ở Mexico, Billy nghĩ. Chẳng để lại gì.

“Billy.” Jenn lặp lại. Trước đây cô và Đầu Đất từng gây ra cho nhau nhiều đau khổ, nhưng họ đã tìm ra cách để không còn làm tan vỡ trái tim nhau và trở thành bạn thân. Cô đã lôi Billy vào chuyện này, và cảm thấy khổ sở vì những gì sẽ xảy ra cho cậu hơn là với cô.

“Là thật đấy, Billy.” Jenn nói. Nước mắt bắt đầu chảy xuống khuôn mặt cô. “Chúng ta sẽ chết ở đây. Hôm nay chúng ta sẽ chết.”

“IM ĐI!” Billy hét lên, cậu ta bị kích động khi trông thấy những giọt nước mắt của Jenn tới mức nổi cơn điên chẳng ra dáng Đầu Đất ngày thường nữa. “IM NGAY ĐI NÀO!”

Cơn nóng giận làm cả hai khựng lại, lặng im. Và trong khoảnh khắc đó, họ nghe thấy một tiếng động: tiếng đá lăn lạo xạo đầu đó phía sau lưng.

“Ê!” Jenn và Billy đồng thanh hét. “Ê NÀY! NÀY!”

Họ vùng chạy trước cả khi nhận ra mình hoàn toàn không biết là đang chạy đến cái gì. Caballo đã cảnh báo cho họ rằng nếu có thứ gì còn nguy hiểm hơn cả bị lạc ở nơi này, thì chính là bị tìm thấy.

Jenn và Billy khựng lại, cố gắng nhìn vào các vùng bóng tối phía dưới đỉnh thung lũng. Liệu có phải là người Tarahumara không? Một thợ săn Tarahumara sẽ vô nhân ảnh, Caballo đã nói vậy; anh ta sẽ quan sát từ xa, và nếu như không thích thứ mình nhìn thấy, anh ta sẽ biến mất vào rừng sâu. Nhỡ là bọn canh gác cho các băng đảng ma túy thì sao? Dù đó là ai đi nữa thì họ vẫn phải liều thôi.

“NÀY!” Họ hô lên. “AI ĐẤY?”

Họ lắng nghe cho tới khi tiếng vọng cuối cùng của chính họ tan biến. Rồi một cái bóng tách ra từ hẻm núi, tiến dần về phía họ.

“Anh nghe thấy chứ?” Eric hỏi tôi.

Phải mất hai giờ chúng tôi mới xuống được tới chân núi. Chúng tôi liên tục mất dấu của lối mòn, phải dừng lại, đi ngược lên và lật lại trí nhớ để tìm dấu vết trước khi tiếp tục. Đám dê hoang đã biến ngọn núi thành một mạng lưới chằng chịt các lối mòn mờ nhạt, và Mặt trời thì đang lặn qua mép đỉnh hẻm núi, khiến việc định hướng trở nên khó khăn hơn.

Cuối cùng chúng tôi phát hiện ra một lòng suối cạn phía xa bên dưới mà tôi tin chắc sẽ dẫn đến dòng sông. Cũng vừa kịp lúc; tôi vừa uống hết nước nửa giờ trước và bắt đầu thấy khô miệng. Tôi chuyển sang chạy, nhưng Eric đã gọi giật lại. “Phải kiểm tra cho chắc đã.” Anh ta bảo. Anh ta leo ngược lên mép vực đá để xem lại hướng đi và vị trí.

“Có vẻ ổn đấy!” Anh gọi vọng xuống. Anh bắt đầu leo xuống – và ngay lúc đó đã nghe thấy tiếng vọng đến từ đâu đó trong những rãnh đá. Anh ta gọi tôi lên, và hai chúng tôi bắt đầu đi theo tiếng vọng. Một lát sau, chúng tôi tìm thấy Jenn và Billy. Jenn vẫn đang nước mắt giàn giụa. Eric đưa nước cho họ, còn tôi cho họ mấy gói gel cuối cùng.

“Các bạn thực sự đã uống nước ở kia à?” Tôi hỏi và nhìn bãi phân lừa nằm trong vũng nước, vẫn hy vọng rằng họ nhầm với một vũng nước khác.

“Đúng vậy!” Jenn nói. “Chúng tôi vừa quay lại để lấy thêm đây.”

Tôi lôi máy ảnh ra chụp để đề phòng sau này một chuyên gia về bệnh truyền nhiễm muốn nhìn rõ xem thứ gì đã chui vào bụng họ. Dù kinh tởm tới đâu đi nữa, thì vũng nước đó cũng đã cứu mạng họ: nếu Jenn và Billy không quay lại để lấy thêm nước đựng vào thời khắc ấy, thì hẳn là họ vẫn đang đi sâu hơn nữa vào vùng đất hoang vu, với những bức tường đá của vùng hẻm núi khép lại sau lưng.

“Cô còn chạy thêm được chút nữa không?” Tôi hỏi Jenn. “Tôi nghĩ là chúng ta không xa ngôi làng lắm đâu.”

“Được.” Jenn trả lời.

Chúng tôi bắt đầu chạy chậm rãi, nhưng có vẻ như nước và gel đã giúp Jenn và Billy hồi sinh, họ bắt đầu chạy với một tốc độ mà tôi gần như không thể theo nổi. Một lần nữa, tôi lại kinh ngạc với sức hồi phục của họ sau khi cận kề cõi chết. Eric dẫn chúng tôi xuống lòng suối cạn, rồi tìm thấy một chỗ quanh ở một rãnh đá mà anh nhận ra. Chúng tôi rẽ ngoặt sang trái, và ngay cả khi ánh sáng đang dần dần yếu đi, tôi vẫn có thể nhận ra đám bụi đất trước mặt có dấu chân người. Khoảng một dặm rưỡi sau đó, chúng tôi ra khỏi rãnh đá và thấy Scott cùng với Luis đang sốt ruột ngồi đợi ngoài rìa Batopilas.

Chúng tôi mua bốn lít nước từ một cửa hàng tạp hóa và bỏ vào cả nắm i-ốt. “Tôi chẳng biết thế này có tác dụng gì không,” Eric nói, “nhưng may ra các bạn có thể tổng được đám vi khuẩn đã nuốt vào.” Jenn và Billy ngồi bên lề đường, bắt đầu nốc ừng ực. Trong khi họ uống nước, Scott giải thích rằng không ai nhận ra Jenn và Billy đã biến mất cho tới khi cả đám còn lại đã xuống núi. Đến lúc đó, mọi người đều đã mất nước trầm trọng tới mức việc quay lại để tìm kiếm chỉ làm cho tất cả cùng gặp nguy hiểm. Caballo cầm lấy một chai nước và đi một mình, dặn dò những người còn lại ở yên tại chỗ; anh không muốn đám khách của mình lại tò đi khắp nơi trong vùng hẻm núi vào buổi đêm.

Khoảng nửa giờ sau, Caballo chạy trở lại Batopilas, mặt đỏ lựng và đầm mồ hôi. Anh đã không gặp chúng tôi ở mấy lối rẽ vào các rãnh đá, và khi nhận ra rằng việc đi tìm một mình như vậy là vô vọng đến mức nào, anh quay trở lại thị trấn để tìm sự giúp đỡ. Anh nhìn Eric và tôi – mệt mỏi nhưng vẫn đứng vững – rồi nhìn hai người chạy siêu dài trẻ tuổi, kiệt sức và thẫn thờ bên lề đường. Tôi đã đoán được Caballo đang nghĩ gì trước cả khi anh nói ra.

“Bí quyết của anh là gì vậy?” Anh ta hỏi Eric, hất hàm về phía tôi. “Anh đã sửa chữa anh ta như thế nào vậy?”

Tôi gặp Eric năm ngoái, ngay khi vừa chán nản tháo đôi giày chạy và nằm lăn ra mặt sông băng lạnh giá. Tôi lại bị đau lần nữa – và theo như tôi nhớ thì đó chính là lần cuối cùng.

Ngay khi về nhà sau chuyến đi Barrancas, tôi bắt đầu thực hành các bài học của Caballo. Tôi không thể chờ đợi, chỉ muốn xỏ chân vào giày mỗi buổi chiều và cố gắng tìm lại cảm xúc khi ở Creel, khi việc chạy đằng sau Caballo khiến cho chặng đường có vẻ thật dễ dàng, nhẹ nhàng, êm ái, và nhanh tới mức tôi chẳng hề muốn dừng lại. Trong khi chạy, tôi cố gắng chiếu lại đoạn phim hình ảnh Caballo đang chạy được ghi lại trong tâm trí. Tôi cố gắng nhớ lại cách anh lướt lên đồi, như thể đang bị người ngoài hành tinh bắt cóc mà vẫn giữ mọi thứ trên cơ thể được thả lỏng, trừ hai khuỷu tay xương xẩu, liên tục vung mạnh như một con Robot Rock'em-Sock'em. Mặc dù có dáng người cao lóng không, nhưng nhìn Caballo chạy trên đường mòn, tôi lại liên tưởng đến Muhammad Ali trên võ đài: lóng lẻo như cây rong biển bị sóng cuộn nhồi, chỉ có một thoáng dữ dằn sẵn sàng bùng nổ.

Sau hai tháng, tôi đã nâng cự ly lên sáu dặm một ngày và một buổi chạy 10 dặm vào cuối tuần. Tu thể chạy của tôi chưa thể tốt nghiệp cấp độ Tron tru, nhưng tôi vẫn giữ được ở đâu đó giữa mức Dễ dàng và Nhanh. Mặc dầu vậy, tôi bắt đầu hơi lo lắng; dù hết sức thận trọng, nhưng chân của tôi đã lại bắt đầu nổi loạn; khẩu súng phun lửa trong bàn chân phải của tôi đã bắt đầu đánh lửa và đằng sau bắp vế có cảm giác giật giật, như thể gân gót chân tôi đã bị thay bằng dây đàn piano vậy. Tôi gom được cả đồng sách về giãn cơ và nghiêm chỉnh dành ra nửa giờ để thả lỏng sau mỗi buổi chạy, nhưng bóng ma của cây kim tiêm cortisone ở chỗ bác sĩ Torg vẫn theo đuổi tôi.

Đến cuối mùa xuân, đã đến lúc làm thử nghiệm. Nhờ một người bạn kiếm lâm, tôi may mắn có được cơ hội hoàn hảo: một cuộc chạy bộ dài ba ngày, cự ly 50 dặm xuyên qua dòng sông No Return ở bang Idaho, hơn 10.000 km² đất hoang chưa ai đụng chạm đến của phần nước Mỹ lục địa. Việc bố trí cũng thật hoàn hảo: đồ tiếp tế của chúng tôi sẽ được một con la thồ đi, vì vậy, tất cả những gì tôi và bốn người chạy bộ khác phải làm là vượt qua 15 dặm đường đất mỗi ngày từ điểm cắm trại này sang điểm cắm trại khác.

“Trước khi tới Idaho, tôi gần như không biết gì về rừng rú.” Jenni Blake bắt đầu kể, trong lúc dẫn chúng tôi xuống một dải đường mòn hẹp uốn quanh các cây bách xù. Nhìn cô lướt trên đường mòn như đám thanh niên, thật khó mà tin được rằng cô đã tới đây được 20 năm; ở tuổi 38, Jenni vẫn để tóc mái, cặp mắt xanh màu chiến thắng, chân tay thon gọn và rám nắng như sinh viên năm thứ nhất đang đi nghỉ hè. Điều lạ lùng là cô bây giờ còn vô tư lự hơn cả hồi trẻ.

“Tôi mắc chứng thèm ăn vô độ hồi đại học và rất tự ti về bản thân, cho đến khi tới được nơi này.” Jenni nói. Cô đến đây với tư cách tình nguyện viên mùa hè, và ngay lập tức được người ta đưa cho một chiếc cưa gỗ cùng khẩu phần thức ăn trong hai tuần và giao nhiệm vụ đi tới rừng hoang để dọn dẹp đường mòn. Cô suýt oằn xuống bởi sức nặng của chiếc ba lô, nhưng rồi cố gắng kìm nén những nỗi nghi ngờ và lên đường, một mình, đi vào rừng.

Lúc bình minh, cô xỏ giày thể thao, không mặc gì thêm và bắt đầu chạy xuyên qua rừng cây, dưới ánh mặt trời đang dần sưởi ấm cơ thể trần trụi. “Hồi ấy, tôi ở đây một mình trong nhiều tuần liền.” Jenni giải thích. “Chẳng ai nhìn thấy tôi được, vì vậy, tôi cứ thế đi, đi và đi mãi. Đó là cảm giác tuyệt vời đến mức khó tưởng tượng.” Cô không cần đồng hồ hay một tuyến chạy; cô áng chừng tốc độ bằng cảm giác khi gió thổi trên da, và cứ thế chạy dọc theo các lối mòn đầy lá thông cho tới khi đôi chân và phổi van nài cô quay trở lại chỗ cắm trại.

Jenni trở nên đáng gờm từ khi đó, thường xuyên chạy những cự ly dài ngay cả khi bang Idaho bị tuyết phủ kín. Có thể cô đang cố gắng chống chọi với những vấn đề sâu xa nào đó, nhưng cũng có thể

(theo như Bill Clinton) là chẳng có điều gì không ổn với Jenni lại không thể được sửa chữa bằng những gì phù hợp với Jenni.

Thế nhưng, khi cố gắng hoàn thành đoạn xuống dốc cuối cùng ba ngày sau đó, tôi gần như chẳng đi bộ nổi. Tôi tập tễnh bước xuống suối và ngồi luôn ở đó, vừa cúi tiết, vừa không hiểu chuyện gì đang xảy ra với mình. Tôi phải mất ba ngày mới chạy được cùng cự ly đường đua của Caballo, bị rách một bên gân gót chân, có khi là cả hai, và một cảm giác đau ở gót chân mà tôi ngờ rằng chính là loại chấn thương vẫn được coi là vết cắn ma cà rồng trong môn chạy bộ: viêm gân gan bàn chân (PF).

Một khi con ma PF cắm răng nanh vào gót chân bạn, thì bạn có nguy cơ chịu trận đến hết đời. Chỉ cần xem bất kỳ diễn đàn nào về chạy bộ, đảm bảo là bạn sẽ tìm thấy một đồng mục trao đổi của những người dính phải PF khẩn thiết cầu xin phương thuốc cứu chữa. Mọi người đều nhiệt tình đưa ra những phương pháp chữa trị như – bó chân buổi đêm, tắt đàn hồi, sóng siêu âm, sốc điện, cortisone, miếng lót chỉnh hình – nhưng các tin nhắn như vậy vẫn tiếp tục xuất hiện bởi vì có vẻ như mọi biện pháp trên đều không có hiệu quả.

Vậy thì làm thế nào Caballo có thể lao được xuống những con dốc còn dài hơn cả Grand Canyon chỉ bằng đôi xăng đan cũ nát, trong khi tôi chẳng thể chạy tổng quãng đường ít ỏi trong vài tháng mà không gặp rắc rối lớn? Wilt Chamberlain 60 tuổi, cao hơn 2,3 m, nặng gần 125 kg, lại chẳng hề hấn khi chạy hết cuộc đua siêu dài cự ly 50 dặm, sau khi đầu gối ông đã trải qua cả sự nghiệp chơi bóng rổ. Chưa hết, một thủy thủ Na Uy tên là Mensen Ernst thậm chí chẳng nhớ rõ đất liền là thế nào khi lên bờ vào năm 1832, thế nhưng vẫn chạy hết quãng đường từ Paris đến Moscow và thắng cược, trung bình chạy hơn 200 km mỗi ngày trong 14 ngày, mà chẳng biết mình đã xỏ loại giày què kèch nào, và chạy trên những loại mặt đường nào.

Và đó mới chỉ là lần tập dượt của Mensen, trước khi anh thực sự nghiêm túc: sau này, anh ta chạy từ Constantinople đến Calcutta, nhẹ nhàng vượt qua 90 dặm mỗi ngày trong suốt hai tháng liền. Như vậy không phải là chẳng hề hấn gì với anh ta; Mensen phải nghỉ hẳn ba ngày trước khi... chạy 5.400 dặm ngược trở về nhà. Vậy tại sao Mensen lại chẳng bao giờ bị viêm gân gan bàn chân? Anh chẳng thể bị nổi, vì chân anh vẫn trong tình trạng tuyệt vời một năm sau đó, khi bỏ mạng vì bệnh lị trên chặng đường chạy đến tận đầu nguồn sông Nile.

Bất kỳ nơi đâu, tôi cũng gặp một lô những người chạy bộ siêu phàm xuất hiện ra từ bóng tối. Chỉ cách chỗ tôi ở vài dặm ở Maryland, cô bé Mackenzie Riford 13 tuổi đã vui vẻ chạy hết giải JFK 50 dặm cùng với mẹ (“Cháu thấy vui lắm!”), trong khi Jack Kirk – người được mệnh danh là “Quái vật Dipsea” – vẫn chạy giải Dipsea Trail Race khủng khiếp ở tuổi 96. Giải đua này bắt đầu với đoạn lên dốc trên vách đá cao 671 bậc, nghĩa là một người già gần bằng nửa nước Mỹ đã leo lên cầu thang cao 50 tầng trước khi chạy vào rừng. “Bạn không ngừng chạy khi già đi.” Quái vật nói. “Bạn già đi vì bạn ngừng chạy.”

Vậy thì tôi đã bỏ sót điều gì? Tình trạng của tôi lúc này còn tệ hơn cả lúc tôi bắt đầu; tôi không chỉ không thể chạy đua được với những người Tarahumara, mà tôi ngờ rằng bàn chân với chứng viêm gân PF sẽ còn khiến tôi không thể đến nổi vạch xuất phát.

“Anh giống y như những người khác.” Eric Orton bảo tôi. “Anh chẳng hiểu mình đang làm gì hết.”

Vài tuần sau thất bại ê chề ở Idaho, tôi đi phỏng vấn Eric theo yêu cầu của một tạp chí. Là một huấn luyện viên thể thao mạo hiểm ở Jackson Hole, Wyoming, và từng phụ trách lĩnh vực thể thao cho Trung tâm Khoa học Y tế của Đại học Colorado, chuyên môn của Eric là bóc tách các môn thể thao sức bền tới từng chuyển động cơ bản nhất để tìm ra kỹ năng có thể áp dụng sang môn thể thao khác. Anh nghiên cứu môn leo núi để tìm ra kỹ thuật về vai, áp dụng cho người chèo thuyền kayak, và áp dụng cơ chế lực đẩy mượt mà của môn trượt tuyết kiểu Nordic cho môn xe đạp địa hình. Điều mà anh đang thực sự tìm kiếm chính là những nguyên tắc thiết kế cơ bản nhất; anh tin rằng tiến bộ vĩ đại

tiếp theo trong thể dục thể thao sẽ không phải về luyện tập hay công nghệ, mà là kỹ thuật – vận động viên tránh được chấn thương sẽ chiến thắng trong các cuộc thi đấu.

Anh đã đọc bài báo của tôi về Caballo cùng người Tarahumara, và đặc biệt tò mò muốn nghe thêm về họ. “Những gì người Tarahumara đang làm chính là nghệ thuật của cơ thể.” Anh nói. “Không ai trên Trái đất này tạo lập được đức tính tốt dựa trên động lực tự thân như vậy.” Eric bị người Tarahumara cuốn hút từ khi một vận động viên mà anh huấn luyện để tham gia giải Leadville trở về với những câu chuyện lạ kỳ về đám thổ dân siêu đẳng chạy như bay trong hoàng hôn Druidic, mặc áo choàng, chân đi dép xăng đan. Eric đã mày mò trong thư viện để tìm tài liệu về người Tarahumara, nhưng tất cả chỉ là vài tài liệu nhân chủng học từ những năm 50 cùng một ghi chép không chuyên của cặp vợ chồng đi du lịch xuyên Mexico trên xe thùng cắm trại. Đó rõ ràng là một lỗ hổng kỳ dị trong tư liệu thể thao. Chạy đường dài là môn thể thao được nhiều người chơi nhất thế giới, nhưng hầu như không có tài liệu nào ghi chép về những người chơi môn thể thao này giỏi nhất.

“Ai cũng nghĩ mình biết cách chạy, nhưng thực ra nó phức tạp chẳng kém các môn khác.” Eric bảo tôi. “Cứ hỏi hầu hết mọi người thì sẽ thấy, họ đều nói rằng ‘ai chả chạy như nhau.’ Thật nực cười! Có phải ai cũng bơi giống nhau đâu?” Với các môn thể thao khác, phần dạy cách chơi rất quan trọng; bạn không thể cứ ra sân rồi cầm gậy golf quật túi bụi, hoặc trượt xuống sườn núi với dụng cụ trượt tuyết, mà phải được ai đó dạy cho từng bước một, và hướng dẫn tư thế đúng. Nếu không, chắc chắn là hiệu quả sẽ không cao và chuyện bị chấn thương là khó tránh khỏi.

“Chạy bộ cũng vậy thôi.” Eric giải thích. “Nếu học sai cách, bạn sẽ không bao giờ biết được rằng chơi môn này thích đến thế nào.” Anh gắng hỏi tôi từng chi tiết về cuộc đua mà tôi được xem ở trường học của người Tarahumara. (“Trận bóng gỗ nhỏ.” Anh trầm tư. “Họ tập chạy bằng cách chơi đá bóng; chuyện đó không thể là tình cờ.”) Rồi anh đề nghị, rằng sẽ giúp tôi sẵn sàng cho cuộc đua của Caballo, và đổi lại, tôi phải bảo lãnh cho anh ta với Caballo.

“Nếu cuộc đua này diễn ra thật, chúng ta nhất định phải có mặt.” Eric giục giã. “Đó sẽ là cuộc đua chạy bộ siêu dài vĩ đại nhất.”

“Tôi không nghĩ mình sinh ra để chạy 50 dặm.” Tôi nói.

“Ai cũng được sinh ra để chạy bộ hết.” Anh trả lời.

“Cứ mỗi lần tăng cự ly lên, tôi lại bị chấn thương.”

“Lần này sẽ khác.”

“Tôi có nên dùng miếng lót chính hình không?”

“Quên mấy thứ đó đi.”

Tôi vẫn bán tín bán nghi, nhưng sự tự tin tuyệt đối của Eric đã chiến thắng. “Chắc tôi phải giảm cân trước để giảm tải cho chân nhĩ.”

“Chế độ ăn uống của anh sẽ tự động thay đổi thôi. Cứ chờ xem!”

“Thế còn yoga thì sao? Sẽ có ích chứ?”

“Quên yoga đi. Tất cả những vận động viên chạy bộ tập yoga mà tôi biết đều bị chấn thương hết.”

Nghe thấy những điều này, tôi phấn chấn hơn hẳn. “Anh thực sự nghĩ rằng tôi làm được à?”

“Tôi nói thật nhé.” Eric bảo. “Anh sẽ không được phép có sai sót. Nhưng anh sẽ làm được.” Tôi phải quên tất cả những gì từng biết về chạy bộ và bắt đầu lại từ đầu.

“Hãy sẵn sàng để quay ngược về quá khứ.” Eric nói. “Anh sẽ trở về với thời kỳ bộ lạc.”

Vài tuần sau, một người đàn ông với cái chân phải vẹo vọ từ dưới đầu gối trở xuống lết đến gặp tôi và mang theo một sợi dây thừng. Anh ta buộc sợi dây đó quanh hông tôi và kéo thật chắc. “Đi nào!” Anh ta hét.

Tôi gặp nghiêng người ra trước để kéo căng sợi thừng, ra sức khua chân để kéo người kia về phía trước. Anh ta buông dây, và tôi phóng vọt đi. “Tốt!” Anh ta nói. “Cứ khi nào chạy, hãy nhớ lại cảm

giác bị ghì bởi sợi dây. Nó sẽ giúp anh giữ bàn chân ở dưới cơ thể, người anh sẽ hướng thẳng về phía trước, và anh sẽ không dùng đến gót chân nữa.”

Eric đã chỉ cho tôi cách biến đổi thành thổ dân bộ lạc bằng việc đi xuống bang Virginia để theo học Ken Mierke, một nhà sinh lý học thể dục và là một vận động viên ba môn phối hợp từng vô địch thế giới, gặp chứng bệnh loạn dưỡng cơ nên tìm mọi cách để có được cách chạy bộ hiệu quả nhất. “Tôi là bằng chứng sống về óc hài hước của Chúa trời.” Ken thường hay nói. “Tôi từng là đứa trẻ bị quá cân với một chân bị tật nhưng lại có người cha sống bằng thể thao. Vì vậy, là một đứa nhóc béo phì bị teo cơ, tôi chậm hơn rất nhiều so với đối thủ. Tôi đã học cách nghiên cứu mọi thứ và tìm ra cách tốt hơn.”

Trong môn bóng rổ, Ken không thể dốc bóng, nên anh tập luyện ném bóng ba điểm và tập thành thục cú ném bóng một tay giơ cao. Anh không thể đuổi kịp một thủ quân hay chạy thoát ăn điểm ở môn bóng bầu dục, nhưng lại nghiên cứu các góc của cơ thể, các đường tấn công và trở thành hậu vệ trái đáng gờm. Anh không thể đuổi kịp một cú vô lê chéo sân, nên khi chơi tennis, anh luyện một cú giao bóng và trả bóng dữ dội. “Nếu tôi không thể chạy đuổi kịp anh, thì tôi sẽ thắng anh bằng cái đầu.” Anh ta nói. “Tôi sẽ tìm ra điểm yếu của anh và biến nó thành thế mạnh của tôi.”

Vì cơ bắp về chân phải bị teo nên khi bắt đầu thi đấu ba môn phối hợp, Ken chỉ có thể chạy được với một chiếc giày nặng trĩu tự chế từ giày trượt pa-tanh và lò xo lá. Thứ đó khiến cho anh gặp bất lợi về cân nặng so với các vận động viên cụt chi trong nhóm vận động viên khuyết tật, vì vậy, việc nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng để bù đắp cho đôi giày nặng hơn 3 kg ấy sẽ mang lại thay đổi vô cùng to lớn.

Ken có cả đồng băng quay các vận động viên chạy bộ người Kenya và anh xem kỹ từng khung hình một. Sau nhiều giờ nghiên cứu, anh đột nhiên phát hiện ra: những vận động viên marathon giỏi nhất thế giới chạy giống y như trẻ con học mẫu giáo. “Hãy nhìn lũ trẻ con chạy nhảy ngoài sân chơi. Chân chúng tiếp đất thẳng dưới thân người, và chúng đạp đẩy mạnh ra phía sau.” Ken nói. “Các vận động viên Kenya cũng làm giống hệt như vậy. Cách họ chạy chân đất từ khi còn nhỏ giống y như cách họ chạy bây giờ, khác hoàn toàn với cách người Mỹ chạy bộ.” Cầm giấy bút, Ken ngồi xem lại các đoạn băng và ghi chép lại tất cả những yếu tố quan trọng trong bước chạy của người Kenya. Sau đó anh bắt đầu đi tìm kiếm chuột bạch để thí nghiệm.

May sao, lúc đó Ken hiện đang thực hiện thử nghiệm sinh lý học trên các vận động viên ba môn phối hợp. Đây là công việc nằm trong các nghiên cứu vận động học của anh tại Đại học Virginia Polytechnic, vì vậy anh được tiếp cận với rất nhiều vận động viên. Các vận động viên chạy bộ thường dễ phản kháng lại những ai muốn đụng chạm đến bước chạy của mình, nhưng các Ironman thì lại sẵn sàng thử mọi thứ. “Các vận động viên ba môn phối hợp thường có tư duy cấp tiến.” Ken giải thích. “Đây là một môn thể thao trẻ tuổi, nên nó không bị sa lầy trong các truyền thống cũ. Hồi năm 1988, các vận động viên ba môn phối hợp bắt đầu dùng giá tì tay khí động học trên xe đạp, và các vận động viên đua xe đạp đã chế nhạo họ không thương tiếc – cho tới khi Greg Lemond dùng một bộ giá như vậy và giành chức vô địch Tour de France với chênh lệch sét sao là tám giây.”

Vật thí nghiệm đầu tiên của Ken là Alan Melvin, một vận động viên ba môn phối hợp đẳng cấp thế giới đã vào độ tuổi hơn 60. Trước tiên, Ken đặt ra ngưỡng luyện tập bằng cách để Melvin chạy 400 m hết sức. Sau đó anh cài một máy gõ nhịp lên áo của ông.

“Cái này để làm gì vậy?”

“Ông đặt nó ở ngưỡng 180 nhịp/phút, rồi chạy theo nhịp nhé.”

“Tại sao?”

“Các vận động viên Kenya có tốc độ guồng chân siêu nhanh.” Ken nói. “Thu ngắn bước chân lại, tăng tốc độ guồng chân và chạy nhẹ nhàng hơn thì có hiệu quả cao hơn các bước dài và gắng sức.”

“Tôi không hiểu.” Alan nói. “Sải bước dài thì phải lợi hơn sải bước ngắn chứ?”

“Tôi hỏi ông nhé.” Ken đáp. “Ông đã bao giờ trông thấy mấy gã chạy chân đất trong các cuộc đua 10.000 km chưa?”

“Rồi. Họ khua chân cuống quýt như đang chạy trên than nóng.”

“Thế ông đã thắng được gã nào chạy chân đất như vậy chưa?”

Alan ngẫm nghĩ. “Cũng có lý.”

Sau khi tập luyện năm tháng, Alan trở lại để kiểm tra. Ông chạy bốn quãng lặp dài một dặm, và mỗi vòng trong sân vận động lần này đều nhanh hơn kỷ lục cá nhân cự ly 400 m của ông trước đây. “Đây là một người đã từng chạy bộ 40 năm trời và đã nằm trong 10 người đứng đầu nhóm tuổi.” Ken chỉ ra. “Đây không phải là tiến bộ của một người mới tập. Trên thực tế, là một vận động viên 62 tuổi, đáng nhẽ ông ta phải yếu đi mới đúng.”

Ken cũng thí nghiệm trên cả bản thân mình. Anh chạy kém tới mức trong lần đạt thành tích tốt nhất ở cuộc đua ba môn phối hợp, anh dẫn đầu sau khi hoàn thành phần đạp xe, nhanh hơn người kế tiếp 10 phút, để rồi vẫn thua cuộc. Chỉ sau một năm kể từ khi sáng tạo ra kỹ thuật mới vào năm 1997, Ken đã trở nên bất bại. Anh giành chức vô địch thế giới ở hạng mục của vận động viên khuyết tật trong hai năm liên tiếp. Khi tin đồn rằng Ken đã tìm ra được cách chạy không chỉ nhanh mà còn nhẹ nhàng cho đôi chân, các vận động viên ba môn phối hợp khác bắt đầu thuê anh làm huấn luyện viên. Từ đó, Ken huấn luyện cho 10 vận động viên giành được chức vô địch quốc gia và lập kế hoạch cho hơn 100 vận động viên khác.

Tin rằng đã tìm lại được thứ nghệ thuật cổ xưa, Ken đặt tên phương pháp của mình là Evolution Running (Chạy bộ tiến hóa). Thật tình cờ, hai trường phái chạy chân đất khác cũng nổi lên cùng thời gian đó. “Chi Running” (Chạy bộ khí công), dựa trên sự cân bằng và tối thiểu hóa của thái cực quyền, rộ lên ở San Francisco, còn ở Florida, Tiến sĩ Nicholas Romanov, một nhà sinh lý học thể dục, lại dạy phương pháp POSE. Làn sóng tối thiểu hóa không dựa vào sự sao chép hay lai tạp, mà dường như là lời kinh cứu rỗi đáp lại nhu cầu cấp bách muốn đối phó với căn bệnh truyền nhiễm mang tên chấn thương trong chạy bộ. Tối thiểu hóa cũng chính là logic cơ học thuần túy của cái mà Ted Chân Đất gọi là “nghệ thuật ứng tác từ những thứ có sẵn của trường phái chân đất” – cách gọi tao nhã của phương thuốc ít-chính-là-nhiều.

Nhưng một hệ thống đơn giản lại chưa chắc dễ học, đây là điều tôi phát hiện ra khi xem lại đoạn băng Ken Mierke quay tôi chạy. Trong đầu tôi vẫn hình dung ra cảm giác Dễ dàng, Nhẹ nhàng và Tron tru, nhưng đoạn băng lại cho thấy tôi vẫn nảy lên xuống và khom người tới trước như bị hút vào tâm bão. Ken giải thích rằng việc tôi thấy dễ dàng áp dụng phong cách của Caballo, chính là sai lầm của tôi.

“Khi tôi dạy kỹ thuật này cho một ai đó rồi hỏi họ cảm thấy thế nào, nếu họ trả lời ‘Tuyệt!’ thì tôi sẽ nói ‘Hông rồi!’ Điều đó có nghĩa là họ chưa thay đổi gì hết. Sự thay đổi đáng lẽ phải tạo ra sự gương gào. Sẽ có giai đoạn, anh thấy mình không còn dễ dàng chạy theo cách cũ, nhưng lại chưa cảm thấy thoải mái khi chạy theo cách mới. Anh sẽ không chỉ thích nghi về kỹ năng, mà phải thích nghi đến tận các mô; anh đang kích hoạt những cơ bắp ngủ quên suốt cuộc đời mình.”

Eric có cách để tránh được hoàn toàn các lỗi sai khi dạy kỹ năng này.

“Hãy tưởng tượng con anh chạy ra phố và anh phải tăng tốc đuổi theo bằng chân đất.” Eric bảo tôi sau khi tôi xong phần việc với Ken. “Anh sẽ tự động chuyển sang tư thế hoàn hảo – chạy bằng phần trước bàn chân, với lưng thẳng, đầu ổn định, cánh tay vung cao, khuỷu tay vung trước sau, và bàn chân chạm đất nhanh gọn ở phần trước, sau đó chân đạp ra sau, vung cao về phía hông.”

Sau đó, để cho bước chạy nhẹ nhàng như lời thì thầm thấm vào cơ bắp, Eric lên chương trình luyện tập, trong đó có rất nhiều bài chạy lặp lên dốc. “Anh sẽ không thể chạy lên dốc mạnh mẽ với một tư thế xấu được.” Eric giải thích. “Thực sự không thể được. Nếu anh cứ cố tiếp đất bằng gót với chân duỗi thẳng, thì anh sẽ bị ngã ngửa ra sau.”

Eric bắt tôi mua thiết bị đo nhịp tim để tôi có thể sửa được lỗi phổ biến thứ hai trong môn chạy bộ: tốc độ. Chúng ta hầu như chẳng biết gì về tốc độ hay dáng chạy. “Hầu hết người chạy bộ đều chạy các bài tập chậm với tốc độ quá nhanh, và chạy các bài tập nhanh với tốc độ quá chậm.” Ken Mierke nói. “Vì thế họ đều tập cho cơ thể đốt đường, đó là điều không vận động viên chạy đường dài nào muốn cả. Anh có đủ mỡ dự trữ để chạy tới tận California, vì vậy, anh càng tập cho cơ thể quen với việc đốt mỡ thay cho đốt đường nhiều hơn, thì phần dự trữ đường ít ỏi trong anh càng trụ được lâu hơn.”

Cách để kích hoạt hệ thống đốt mỡ trong cơ thể là duy trì cơ thể ở dưới ngưỡng hiếu khí – ngưỡng thở khó nhọc – trong bài chạy sức bền. Trước khi giày đế êm và nền đường lát phẳng ra đời, việc duy trì tốc độ dưới ngưỡng này dễ hơn nhiều; cứ thử lao nhanh trên đường mòn đầy đá vụn với đôi xăng đan hở ngón mà xem, bạn sẽ thấy hết muốn tăng tốc ngay. Khi bàn chân không được bảo vệ bằng các sản phẩm nhân tạo, bạn buộc phải chú ý và điều chỉnh tốc độ: khi liền lỉnh chạy nhanh và ầu, cơn đau dẫn lên từ xương ống chân sẽ làm bạn phải chậm bớt.

Tôi háo hức muốn chơi hết cỡ kiểu Caballo, thay giày chạy bằng xăng đan, nhưng Eric cảnh báo rằng tôi sẽ rước về một vết rạn xương nếu thành linh thay đổi sau khi để bàn chân nghỉ ngơi 40 năm qua. Vì mục tiêu số một là chuẩn bị cho 50 dặm đường mòn, tôi không có thời gian tập luyện sức mạnh bàn chân trước khi tập luyện chính thức. Bắt đầu từ việc bảo vệ bản thân, tôi thử nghiệm một số loại giày đế thấp trước khi dùng một mẫu giày cũ trên eBay: đôi Nike Pegasus8 tồn kho từ năm 2000, loại giày cho cảm giác đế bệt như đôi Cortez ngày xưa.

8. Chính sách của Nike, cứ 10 tháng lại rút các đôi giày bán chạy nhất khỏi kệ hàng, tạo cảm hứng cho vài bản trường ca tục tĩu trên một số diễn đàn. Ví dụ, đôi Nike Pegasus, bán ra vào năm 1981, được tôn sùng bởi thiết kế xù xì nhưng đẹp mắt năm 1983, và mặc dù trở thành đôi giày chạy bộ phổ biến nhất mọi thời đại, vẫn bị ngừng sản xuất vào năm 1998, rồi lại xuất hiện như một con quái vật mới vào năm 2000. Tại sao lại như vậy? Chẳng phải để cải tiến giày, như một cựu chuyên gia thiết kế giày cho Nike, người từng làm việc với đôi Pegasus đầu tiên, nói với tôi, mà là để tăng doanh số; Nike nhằm vào việc tăng gấp ba doanh số bán hàng bằng cách dụ dỗ người chạy bộ mua hai, ba, thậm chí năm đôi giày mỗi lượt, để phòng trường hợp họ không được nhìn thấy đôi giày yêu thích của mình nữa.

Đến tuần thứ hai, Eric đã bắt tôi chạy các bài tập dài hai giờ đồng hồ, lời khuyên duy nhất của anh là tập trung vào tư thế chạy, và giữ tốc độ thoải mái tới mức thỉnh thoảng có thể ngậm mồm mà vẫn thở được. (50 năm trước, Arthur Lydiard đã đề ra một mẹo tương tự nhưng cách làm ngược lại để kiểm soát nhịp tim và tốc độ: “Chỉ chạy ở tốc độ có thể nói chuyện được.”) Tới tuần thứ tư, Eric bắt đầu đưa thêm các bài tập tốc độ: “Anh chạy được thoải mái ở tốc độ càng cao,” anh dạy tôi, “thì càng tốn ít năng lượng hơn. Chạy nhanh đồng nghĩa với việc thời gian nện chân xuống đường sẽ ngắn hơn.” Chưa tới tám tuần tập theo chương trình của anh, mỗi tuần tôi đã chạy được nhiều dặm hơn và chạy được với tốc độ nhanh hơn so với trước đây.

Đó là lúc tôi quyết định ăn gian. Eric đã hứa rằng chế độ ăn uống của tôi sẽ tự điều chỉnh khi tổng số dặm chạy được của tôi tăng lên, nhưng tôi vẫn nghi ngờ nên không muốn chỉ ngồi đợi. Tôi có một người bạn là vận động viên xe đạp, anh này có thói quen vớt các chai nước trước khi đạp lên dốc; vậy nếu 350 ml nước có khả năng làm anh ta chậm lại, thì chẳng khó để tính toán xem khoảng 13 cân nặng thừa có thể ảnh hưởng tới tôi như thế nào. Nhưng nếu tôi định đụng chạm đến chế độ ăn uống của mình chỉ vài tháng trước cuộc đua 50 dặm, tôi cần phải thực hiện một cách thận trọng khi làm theo kiểu Tarahumara: Tôi cần phải vừa khỏe mạnh lên vừa phải gầy bớt đi.

Tôi đã lần tìm ra được Tony Ramirez, người thợ làm vườn ở Laredo, thị trấn biên giới Mexico, đã từng vào ra vùng đất của người Tarahumara suốt 30 năm qua và giờ đang trồng giống ngô cổ truyền của người Tarahumara, tự xay pinole cho mình. “Tôi thích món pinole. Mê mẩn luôn ấy.” Tony bảo tôi. “Đó là một loại protein không đầy đủ, nhưng khi kết hợp với đậu hạt, nó còn giàu dinh dưỡng

hơn cả một miếng bít tết xương chũ T. Họ thường hòa lẫn món này với nước và uống, nhưng tôi lại thích ăn khô hơn. Nó có vị như ngô bung xay nát.

“Anh có biết chất phenol không?” Tony nói thêm. “Đó là các hợp chất tự nhiên trong thực vật có tác dụng kháng bệnh. Chúng có khả năng tăng cường hệ miễn dịch.” Khi các nhà nghiên cứu ở Đại học Cornell thực hiện phân tích so sánh giữa lúa mì, lúa mạch, ngô và gạo để xem loại nào có lượng phenol cao nhất, thì ngô vượt trội hơn hẳn. Và vì là thực phẩm ít béo, chế biến từ thức ăn nguyên hạt, nên pinole còn làm giảm nguy cơ tiểu đường và một loạt bệnh ung thư liên quan đến đường tiêu hóa – trên thực tế là giảm nguy cơ của mọi loại bệnh ung thư. Theo lời Tiến sĩ Robert Weinberg, một giáo sư nghiên cứu về ung thư tại MIT và là người phát hiện ra loại gien đầu tiên có khả năng áp chế khối u, thì cứ bảy ca tử vong vì bệnh ung thư lại có một ca có nguyên nhân từ mỡ thừa trong cơ thể. Mọi sự rất rõ ràng: giảm mỡ, là giảm được nguy cơ ung thư.

Vì vậy, điều kỳ diệu của người Tarahumara, khi nói đến ung thư, thì thực ra chẳng có gì bí ẩn cả. “Thay đổi phong cách sống, bạn sẽ giảm nguy cơ ung thư từ 60 đến 70%.” Tiến sĩ Weinberg nói. Ông chỉ ra rằng ung thư ruột kết, tuyến tiền liệt và ung thư vú hầu như chưa hề có ở Nhật Bản, cho tới khi người Nhật bắt đầu ăn uống theo kiểu Mỹ; chỉ trong vài thập kỷ, tỷ lệ tử vong của họ do ba loại bệnh này bỗng chốc tăng vọt. Hiệp hội Ung bướu Hoa Kỳ đã thực hiện so sánh giữa người gầy và người béo trong năm 2003, kết quả còn đáng lo ngại hơn cả mức họ dự tính: cả đàn ông và phụ nữ quá cân đều có nguy cơ tử vong cao hơn hẳn vì (ít nhất) 10 loại bệnh ung thư khác nhau.

Vì vậy, bước đầu tiên hướng tới việc loại bỏ hẳn căn bệnh ung thư theo kiểu của người Tarahumara, đơn giản là ăn ít đi. Bước thứ hai, về lý thuyết thì cũng dễ dàng không kém, nhưng khi thực hiện lại khó khăn hơn, đó là ăn uống tốt hơn. Cùng với việc tập thể dục nhiều hơn, theo như lời Tiến sĩ Weinberg, chúng ta cần xây dựng chế độ ăn uống dựa trên hoa quả và các loại rau thay vì thịt đỏ và carbohydrate đã qua chế biến. Bằng chứng thuyết phục nhất đến từ việc quan sát cách các tế bào ung thư chiến đấu để sinh tồn: sau khi các khối u di căn bị loại bỏ bằng phẫu thuật, chúng có nguy cơ phát triển trở lại ở các bệnh nhân có “chế độ dinh dưỡng truyền thống kiểu phương Tây” cao hơn đến 300% so với những bệnh nhân ăn nhiều trái cây và rau củ. Đây là kết quả dựa trên một báo cáo năm 2007 của Tạp chí Hiệp hội Y khoa Hoa Kỳ. Tại sao lại như vậy? Bởi vì những tế bào ung thư còn sót lại sau phẫu thuật có vẻ như bị protein động vật kích thích. Loại bỏ các loại thức ăn đó khỏi chế độ ăn, và các khối u thậm chí chẳng xuất hiện ngay từ đầu. Huấn luyện viên Joe Vigil vẫn thường nói: ăn như một người nghèo khổ, bạn sẽ chỉ gặp bác sĩ ngoài sân golf mà thôi.

“Các món ăn của người Tarahumara đều có thể kiếm được dễ dàng.” Tony bảo tôi. “Chủ yếu bao gồm đậu thận, quả bí, ớt, rau xanh dại, món bột ngô nấu đường – pinole, và rất nhiều hạt chia. Ngay cả món pinole cũng chẳng khó kiếm như mọi người thường nghĩ đâu.” Trang web Nativeseeds.org vẫn bán thứ thực phẩm này cùng các hạt giống thụ phấn mở trong trường hợp bạn muốn tự trồng ngô và làm món pinole bằng máy pha cà phê. Protein không thành vấn đề; theo một nghiên cứu năm 1979 trong Tạp chí Dinh dưỡng Y khoa Hoa Kỳ, chế độ dinh dưỡng truyền thống của người Tarahumara còn vượt qua ngưỡng khuyến nghị hằng ngày của Liên hợp quốc đến hơn 50%. Về canxi giúp xương chắc khỏe, nó lọt từ đá vôi vào món tortilla và pinole, khi phụ nữ Tarahumara dùng loại đá này làm mềm hạt ngô.

“Vậy còn bia thì sao?” Tôi hỏi. “Liệu có ích lợi gì khi uống như người Tarahumara không?”

“Có và không.” Tony nói. “Món tesguino của người Tarahumara chỉ được lên men rất ít, do đó có độ cồn rất thấp và giàu dinh dưỡng.” Vì vậy, món bia của người Tarahumara lại là một nguồn thực phẩm bổ dưỡng – như món đồ uống xay từ thực phẩm nguyên hạt vậy – trong khi bia của chúng ta lại chỉ là nước đường. Tôi có thể tự ủ được thứ đồ uống gần giống bia từ ngô tại nhà, nhưng Tony còn có một ý tưởng hay hơn. “Hãy trồng phong lữ dại!” Anh gợi ý. “Hoặc mua bột bán sẵn trên mạng.” Phong lữ là thần dược của người Tarahumara. Theo Tạp chí Hóa học Nông nghiệp và Thực phẩm, nó có tác dụng không thua kém rượu vang đỏ trong việc trung hòa các yếu tố căn nguyên gây bệnh tự

do. Như một tác giả đã viết, phong lối đại là thuốc “chống mọi thứ – chống viêm nhiễm, chống vi rút, chống vi khuẩn, chống oxy hóa.”

Tôi bắt đầu tích trữ pinole và hạt chia, và đặt mua cả vài loại hạt ngô giống của người Tarahumara để trồng ở vườn sau: hạt cocopah, mayo yellow chapalote và pinole maiz. Nhưng, suy nghĩ một cách thực tế, tôi hiểu rằng sau chẳng bao lâu, tôi sẽ chán ngấy đám hạt cũng như ngô sấy khô, và rồi lại nhồi hamburger trở lại. Thật may là tôi đã nói chuyện với Tiến sĩ Ruth Heidrich trước.

“Anh đã bao giờ thử ăn sáng bằng xa-lát chưa?” Bà hỏi tôi. Tiến sĩ Ruth là vận động viên ba môn phối hợp từng hoàn thành cuộc đua Ironman sáu lần, và theo như tạp chí Living Fit, thì bà là một trong 10 phụ nữ có cơ thể khỏe mạnh nhất nước Mỹ. Theo lời bà kể thì bà trở thành vận động viên và Tiến sĩ trong ngành giáo dục y khoa sau khi mắc bệnh ung thư vú, từ 24 năm trước. Việc tập thể dục đã cho thấy khả năng giảm đến 50% tỷ lệ tái phát ung thư vú, vì vậy, ngay khi chỉ khâu sau phẫu thuật vẫn còn nằm trên ngực, Tiến sĩ Ruth đã bắt đầu luyện tập để tham gia cuộc đua ba môn phối hợp đầu tiên. Bà cũng bắt đầu nghiên cứu chế độ ăn uống của các nền văn hóa không bị mắc bệnh ung thư, và dần trở nên tin rằng cần phải ngay lập tức thay đổi từ chế độ ăn truyền thống của Mỹ – mà bà vẫn gọi là SAD (Standard American Diet) – và ăn uống giống với người Tarahumara hơn.

Tình trạng sức khỏe của tôi chẳng khác nào có khẩu súng chĩa vào đầu.” Tiến sĩ Ruth kể. “Tôi rất sợ hãi, tôi đã phải mặc cả với quỷ dữ. Để rồi sau khi so sánh, tôi thấy rằng bỏ ăn thịt cũng chẳng phải là chuyện ghê gớm lắm.” Bà có một quy tắc đơn giản: nếu thức ăn đó đến từ cây cỏ, thì bà sẽ ăn; nếu nó đến từ động vật, bà sẽ không ăn. Tiến sĩ Ruth có nhiều thứ để mất hơn tôi nhiều nếu như bà sai lầm, nhưng gần như ngay lập tức, bà cảm nhận được sự cải thiện về sức khỏe.

Sức bền của bà tăng nhanh tới mức chỉ trong vòng một năm, bà đã chuyển từ chạy 10K lên marathon và tham gia Ironman. “Ngay cả chỉ số cholesterol của tôi cũng giảm từ 230 xuống 160 chỉ trong 21 ngày.” Bà nói thêm. Khi tuân theo cách ăn uống của người Tarahumara, bữa trưa và tối của bà chủ yếu dựa vào hoa quả, đậu, khoai lang, thức ăn nguyên hạt, các loại rau, còn bữa sáng thường là xa-lát.

“Nếu ngay từ buổi sáng, anh đưa rau xanh vào cơ thể đầu tiên, anh sẽ giảm cân rất tốt”. Bà hối thúc tôi. Vì một bữa xa-lát đầy đủ sẽ chứa rất nhiều carbohydrate giàu dinh dưỡng và ít chất béo, nên tôi có thể ăn thật nhiều và không bị đói hay nôn nao khi cần tập luyện. Hơn nữa, các loại rau xanh chứa sẵn nước, nên chúng rất phù hợp để tiếp nước cho cơ thể sau giấc ngủ dài buổi đêm. Và chẳng còn cách nào khác hay hơn để nhồi đủ năm loại rau vào bụng mỗi ngày, là tổng chúng vào hết trong một lượt.

Vì vậy, ngay sáng hôm sau, tôi thử luôn. Tôi đi quanh bếp với một bát to để trộn thức ăn, và cho vào đó nửa quả táo mà con gái tôi ăn dở, một ít đậu thận hơi cũ, một nhúm rau chân vịt, và một đồng súp lơ xanh băm vụn, hy vọng nó sẽ có hương vị giống xa-lát bắp cải. Tiến sĩ Ruth thường làm phong phú món xa-lát của mình bằng cách thêm mật mía, nhưng tôi nghĩ rằng như vậy sẽ nạp thêm chất béo và đường, nên tôi tăng độ lên một chút, và gia giảm món xa-lát bằng nước sốt làm từ hạt hoa anh túc ngon tuyệt.

Chỉ sau hai miếng, tôi đã bị tẩy não. Tôi vui mừng phát hiện ra rằng, bữa sáng xa-lát cũng đồng thời mang lại cảm giác như ăn món sốt ngọt rưới thêm, giống như bánh kếp (pancake) và si-rô vậy. Món này ăn dễ chịu hơn nhiều so với bánh quế đông lạnh, và hơn hết là tôi có thể nhồi rau đến xanh ruột mà vẫn đủ sức lao ra ngoài để tập luyện chỉ một giờ sau đó.

“Người Tarahumara không phải là những người chạy bộ tuyệt vời.” Eric nhắn tin khi tôi bước sang tháng tập luyện thứ hai. “Họ là những vận động viên vĩ đại, và hai khái niệm này rất khác nhau.” Người chạy bộ cũng giống như công nhân trong dây chuyền sản xuất; họ giỏi trong một nghề và lặp đi lặp lại hành động đó đến nát cả máy móc. Các vận động viên thì khác. Họ giống như Tarzan.

Tarzan boi lội, vật lộn, nhảy nhót và đu dây. Anh ta khỏe mạnh và có sức bùng nổ. Bạn sẽ không thể biết trước được Tarzan sẽ làm gì tiếp theo, đó chính là lý do tại sao anh ta không bị chấn thương.

“Cơ thể anh cần phải bị sốc để có được sức đàn hồi.” Eric giải thích. Cứ lặp đi lặp lại thời gian biểu hằng ngày, thì hệ cơ xương sẽ nhanh chóng tìm ra cách để thích nghi và trở nên quen thuộc. Nhưng nếu bạn làm cho nó bất ngờ với những thử thách mới – nhảy qua một con suối, bò trườn kiểu đặc công dưới một khúc gỗ, hoặc chạy hết tốc lực tới khi phổi muốn nổ tung ra – thì một loạt dây thần kinh và bó cơ phụ trợ sẽ đột ngột bị kích hoạt vận động.

Đối với người Tarahumara, đó lại là đời sống hằng ngày. Người Tarahumara phải đối mặt với những điều không lường trước mỗi khi rời hang động, bởi vì họ chẳng bao giờ biết rằng mình phải chạy nhanh tới mức nào để đuổi theo một con thỏ, hay sẽ phải mang bao nhiêu củi về nhà, và chuyến leo núi sẽ khó khăn thế nào trong một cơn bão mùa đông. Thử thách đầu tiên mà họ phải đối mặt từ khi còn nhỏ là sống sót trên rìa một vách đá; trò chơi đầu tiên và cũng là trò mà họ chơi suốt cả đời là môn bóng chạy, một môn thể thao biến động khôn lường. Bạn không thể đưa quả bóng gỗ qua một đám đá lớn nhón nếu không sẵn sàng khuyu gối, tăng bóng, dẫn bóng lùi, chạy nước rút, nhảy vào và nhảy ra khỏi các rãnh.

Trước khi người Tarahumara chạy đường dài, họ đã trở nên mạnh mẽ. Và nếu tôi muốn giữ mình khỏe khoắn, Eric đã căn dặn, thì tốt nhất là tôi cũng làm giống như họ. Vì vậy, thay vì giãn cơ trước khi chạy, tôi phải vào bài tập ngay. Khuyu gối, hít đất, nhún đầu gối giậm nhảy, gập bụng; cứ hai ngày một lần, Eric lại bắt tôi dành nửa giờ tập các bài sức mạnh thô và gần như tất cả các bài đó đều thực hiện trên một quả bóng yoga để nâng cao khả năng thăng bằng và kích hoạt các nhóm cơ phụ trợ. Ngay khi vừa xong, tôi phải chạy lên dốc. “Anh không thể leo uể oải lên một con dốc được.” Eric chỉ ra. Các lượt leo dốc dài vừa sốc vừa mệt, và ép tôi phải chú ý vào tư thế chạy, thay đổi các nhóm cơ như các tay đua Tour de France đổi đĩa và líp. Frank Shorter vẫn thường nói: “Bài tập dốc chính là bài tập tốc độ ẩn mình.”

Đó là năm mà thị trấn quê nhà tôi ở Pennsylvania dính một trận bão nhiệt đới vào dịp Giáng sinh. Vào ngày đầu năm mới, tôi mặc quần soóc và áo giữ nhiệt để chạy năm dặm trên đường mòn, chỉ là một bài tập nhẹ để giãn cơ trong ngày nghỉ. Tôi chạy xuyên qua khu rừng trong nửa giờ, rồi rẽ qua một cánh đồng cỏ khô héo bởi mùa đông và quay trở về nhà. Ánh mặt trời ấm áp cùng hương thơm của cỏ bị ánh nắng hun chiếu thật là xa xỉ, khiến tôi cứ chậm bót lại, và cố kéo dài dặm chạy cuối cùng lâu hết mức có thể.

Khi chỉ còn cách nhà khoảng 100 m, tôi dừng lại, cởi bỏ chiếc áo giữ nhiệt, và quay lại để chạy thêm một lượt xuyên qua đồng cỏ khô. Tôi chạy hết lượt đó, rồi lại bắt đầu thêm một lượt nữa, và cởi bỏ luôn cả áo phông. Tới vòng thứ tư, cả tất và giày chạy của tôi cũng nằm chung trong đồng cỏ, bàn chân trần của tôi được nâng niu bởi cỏ khô và lớp đất ấm áp. Tới vòng thứ sáu, tôi sờ tay xuống chun quần, rồi quyết định không đung tới chiếc quần soóc khi nghĩ đến người hàng xóm 82 tuổi. Cuối cùng thì tôi cũng lấy lại được cảm giác khi chạy cùng Caballo – cảm giác Dễ dàng, Nhẹ nhàng, Tron tru và Nhanh, như thể tôi có thể chạy nhanh hơn quãng sáng Mặt trời mọc, và rồi sẽ chạy tiếp được trong cả buổi sáng nữa.

Cũng như Caballo, bí quyết của người Tarahumara bắt đầu có hiệu quả với tôi trước cả khi tôi hiểu được nó. Vì ăn uống nhẹ nhàng hơn và không bị gián đoạn bởi chấn thương, nên tôi có thể chạy được nhiều hơn; và vì chạy nhiều hơn, tôi ngủ ngon hơn, thoải mái hơn, nhịp tim khi nghỉ ngơi cũng chậm lại. Thậm chí tính cách của tôi cũng thay đổi: thói nóng nảy mà tôi vẫn coi là một phần của gien Ailen-Y trong mình đã giảm xuống, tới mức vợ tôi đã phải lên tiếng. “Này, nếu đây là kết quả của chạy siêu dài, thì từ giờ em sẽ buộc dây giày cho anh.” Tôi biết các bài tập ngưỡng aerobic là thuốc chống trầm cảm, nhưng chưa từng nhận ra nó có khả năng giúp ổn định cảm xúc, và – tôi ghét phải dùng từ này – đúng là nó có tính thiền định. Nếu không tìm ra được câu trả lời cho những khó khăn của mình sau một buổi chạy kéo dài bốn giờ đồng hồ, thì chắc là bạn sẽ chẳng bao giờ tìm thấy đâu.

Tôi vẫn chờ đợi những bóng ma của quá khứ ò ạt kéo đến – gân gót chân rên xiết, gân kheo thét gào, và gân gan bàn chân ám ảnh. Tôi bắt đầu mang điện thoại di động trong các buổi chạy dài hơn, tin rằng một ngày nào đó, tôi sẽ lại phải lết bên mép đường. Mỗi khi thấy một cảm giác nhói, tôi lại rà một lượt:

Lưng đã thẳng chưa? Xong.

Đầu gối gập và đưa ra phía trước? Xong.

Gót chân vung ra sau?... À, đây rồi. Mỗi khi tôi thực hiện điều chỉnh, điểm nhói đó lại dịu đi và biến mất. Tới khi Eric nâng bài tập chạy của tôi lên năm giờ vào tháng cuối cùng trước cuộc đua, tất cả các bóng ma đó, cùng với chiếc điện thoại di động đều đã bị lãng quên.

Lần đầu tiên trong đời, tôi hồi hộp chờ đợi các cuộc chạy siêu dài, không với cảm giác sợ sệt, mà là mong mỏi. Ted Chân Đất đã mô tả thế nào nhỉ? Như cá trườn về với nước. Đúng là vậy. Tôi cảm thấy mình sinh ra để chạy.

Và theo ba nhà khoa học khác thường, thì đúng là như vậy.

20 năm trước, trong một phòng thí nghiệm nhỏ dưới tầng hầm, một nhà khoa học trẻ đang nhìn chăm chăm vào một cái xác và nhận thấy định mệnh của mình cũng đang nhìn lại.

Lúc đó, David Carrier vẫn còn là sinh viên tại Đại học Utah. Anh bối rối trước một cái xác thỏ, và đang cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của mấy bộ phận xương xấu ngay phía trên mông nó. Mấy mẫu xương đó cứ luẩn quẩn mãi trong đầu anh, bởi đáng lý ra, chúng không nằm ở đó. David là một sinh viên nổi đình đám trong lớp sinh học tiến hóa của Giáo sư Dennis Bramble, và anh biết rõ mình sẽ nhìn thấy gì mỗi khi mổ bụng của một loài có vú. Mấy bó cơ hoành to ở vùng bụng ư? Vì cần phải bám vào một thứ gì đó chắc khỏe, nên chúng nối với đối sống thắt lưng, giống y như cách ta cột cánh buồm vào các thanh sào vậy. Tất cả các loài động vật có vú, từ cá voi cho đến gấu túi Úc, đều như vậy. Tuy nhiên, thỏ lại khác; thay vì bám vào một bộ phận nào đó vững chắc, cơ bụng của nó lại nối với mấy thứ mỏng mảnh trông giống như cánh gà này.

David thử ấn ngón tay vào. Hay thật; nó nén lại như một chiếc lò xo Slinky, rồi lại bật duỗi trở ra. Nhưng tại sao, trong cả thế giới động vật có vú, riêng loài thỏ lại cần cái bụng có cơ chế co giãn như lò xo?

“Điều này khiến tôi phải suy nghĩ về động tác chạy của chúng, cách chúng cong lưng lại trong từng bước nhảy.” Carrier sau này kể với tôi. “Khi giẫm bật bằng chân sau, chúng vươn dài lưng ra, và ngay khi tiếp đất bằng chân trước, lưng chúng lập tức cong lại.” Rất nhiều động vật có vú gập lưng lại như thế, anh trầm ngâm. Ngay cả cá voi và cá heo cũng quẫy đuôi lên và xuống, trong khi đó, cá mập lại quật đuôi sang hai bên. “Hãy nghĩ đến chuyển động của loài báo, nó cong lưng lên như sâu đo.” David nói. “Quả là ví dụ kinh điển.”

Tuyệt thật! David thấy như sắp phát hiện ra thứ gì đó. Loài mèo lớn và loài thỏ nhỏ bé có cách chạy giống nhau, nhưng một loài thì có lò xo Slinky gắn với cơ hoành, còn loài kia lại không. Một loài nhanh nhẹn, nhưng loài kia phải nhanh hơn, ít nhất là trong chốc lát. Tại sao vậy? Đây chỉ là kinh tế học đơn giản: nếu sư tử núi bắt hết thỏ, thì sẽ chẳng còn thỏ nữa, và sau đó, cũng sẽ chẳng còn sư tử núi. Tuy nhiên, loài thỏ lại có một vấn đề lớn bẩm sinh: không giống các loài biết chạy khác, chúng không có vũ khí dự phòng. Chúng không có cặp sừng, hay móng guốc đá hậu mạnh mẽ, và không được đồng loại bảo vệ do không di chuyển theo bầy đàn. Đối với thỏ, đây là chuyện sinh tử; một là thoát thân đến nơi an toàn, hai là biến thành thức ăn cho mèo.

Được rồi, David nghĩ, có thể mấy cái lò xo Slinky này có liên quan gì đó đến tốc độ. Vậy, thứ gì giúp bạn chạy nhanh? David bắt đầu làm phép loại trừ từng yếu tố. Để xem nào. Cần một cơ thể có hình dáng khí động học. Phản xạ tuyệt vời. Cặp chân khỏe. Mao mạch lưu lượng lớn. Các sợi cơ co rút nhanh. Bàn chân nhỏ, nhanh nhẹn. Dây chằng giúp bù năng lượng đàn hồi. Cơ bắp nhỏ gắn bàn chân, cơ bắp dày dặn hơn gắn các khớp...

Khốn kiếp thật. David nhanh chóng nhận ra mình đang đi vào ngõ cụt. Có nhiều yếu tố tác động đến tốc độ, và loài thỏ cũng như loài ăn thịt chúng hầu hết đều có những điểm chung này. Thay vì tìm ra được sự khác nhau, thì anh lại phát hiện ra chúng giống nhau như thế nào. Vì vậy, anh thử một mẹo mà Tiến sĩ Bramble đã dạy: khi không tìm được câu trả lời, hãy thử lật ngược câu hỏi. Hãy quên việc đi tìm thứ làm tăng tốc độ – mà quay sang tìm thứ làm giảm tốc độ? Xét cho cùng, điều quan trọng không phải là loài thỏ có thể chạy nhanh đến mức nào, mà là nó có thể duy trì tốc độ cao đến đâu cho tới khi tìm thấy một cái hang để trốn.

Câu hỏi này thì dễ rồi: ngoài dùng dây thừng trói chân, thì cách nhanh nhất để khiến động vật có vú phải dừng lại là cắt nguồn không khí của nó. Không có không khí là không có tốc độ; cứ thử chạy

nước rút và nhin thở xem bạn chạy được bao xa. Cơ bắp của bạn cần oxy để đốt calo và chuyển hóa thành năng lượng, vì vậy, bạn càng trao đổi khí – hít oxy vào, thở carbonic ra – nhanh bao nhiêu, thì càng giữ được tốc độ tối đa lâu bấy nhiêu. Đó là lý do tại sao các tay đua tham dự giải Tour de France thường xuyên bị phát hiện có máu người khác trong cơ thể; các túi máu được truyền trái phép đó cung cấp thêm hồng cầu, cho phép đưa thêm oxy tới cơ bắp họ.

Guom đã... vậy thì, để một con thỏ giữ được cự ly khoảng một bước nhảy trước hàm răng của kẻ săn mồi, nó sẽ cần nhiều không khí hơn so với loài động vật có vú to lớn đang bám đuôi. David mừng rỡ ra thiết bị bay thời Victoria, một loại máy móc kỳ quặc nhưng khả thi, được gắn với một đồng pít tông và các van hơi nước, cùng với một mạng lưới vô vàn cánh tay đòn kều lục khục. Các cánh tay đòn! Có vẻ như mấy cái lò xo Slinky kia bắt đầu có ý nghĩa. Chúng hẳn phải là các cánh tay đòn giúp tăng áp cho lá phổi của lũ thỏ, hút khí vào và bơm khí ra mạnh như chiếc bễ lò rèn.

David tính toán lại các con số để xem lý thuyết của mình có đúng không và... chính xác! Đúng như vậy, mọi thứ đều trùng khớp: Thỏ đồng cỏ có thể đạt tốc độ hơn 72 km/h, nhưng vì cần thêm năng lượng bổ sung để vận hành các cánh tay đòn nọ (cùng với nhiều thứ khác nữa), nên chúng chỉ duy trì được tốc độ này trong khoảng nửa dặm. Trong khi đó, loài báo sư tử, chó đồng cỏ, và cáo lại có khả năng chạy được xa hơn rất nhiều, nhưng chỉ đạt tốc độ tối đa chưa tới 65 km/h. Mấy chiếc lò xo Slinky kia giúp cân bằng cuộc chơi, cho phép lũ thỏ không có sức chống cự ấy đứng 45 giây quyết định chuyện sống chết. Nhanh chóng tìm chỗ trú ẩn và sống lâu như cậu thỏ Thumper⁹; hoặc tự phụ về tốc độ rồi chết trong chưa đầy một phút.

9. Nhân vật trong phim hoạt hình Bambi của Disney (ND).

“Thử nghĩ xem nào,” anh ta tự nhủ, “nếu loại bỏ cơ cấu tay đòn đó, thì sẽ chẳng có gì khác với các loài có vú còn lại?” Có thể đó chính là lý do tại sao cơ hoành của các loài còn lại gắn với đốt sống lưng – không phải vì phần sống lưng này chắc khỏe mà là vì nó co giãn được!

“Rõ ràng là khi các con vật nhún bật và vươn dài lưng ra, động tác đó không chỉ tạo lực đẩy mà còn hỗ trợ hô hấp.” David nói. Anh tưởng tượng hình ảnh con linh dương đang chạy tháo thân trên thảo nguyên, và đuôi sát sau nó là một vết nhòe hình. Anh tập trung vào vết nhòe đó, dừng hình lại, rồi tua chậm từng khung hình một:

Tách! – Khi con báo vươn dài thân mình trong một bước nhảy, xương lồng ngực của nó kéo giãn ra phía sau, hút khí vào phổi và...

Tách! – Lúc này, hai chân trước của nó gập mạnh về phía sau cho tới khi bàn chân trước và sau chạm được vào nhau. Lúc này xương sống của con báo cong lại, bóp chặt khoảng trống trong lồng ngực để ép hết không khí ra khỏi phổi, và...

Vậy là đã rõ – nó giống như một cỗ máy thời Victoria đang thở phì phò, có điều ít cơ cấu tăng áp hơn.

Tim David đập rộn lên. Không khí! Cơ thể của chúng ta được thiết kế là để thu nhận không khí! Lật phương trình đầu tiên lại, như Tiến sĩ Bramble đã dạy, ta sẽ thấy: việc thu nạp khí có thể đã quyết định cấu tạo cơ thể chúng ta.

Chúa ơi, chuyện thật đơn giản – và cũng quá sững sờ. Vì nếu David đúng, anh vừa giải mã được bí ẩn vĩ đại nhất về sự tiến hóa của loài người. Chưa ai biết tại sao những con người thời kỳ đầu tiên lại làm cho mình khác biệt với các sinh vật khác, bằng cách nhấc đôi tay khỏi nền đất và đứng thẳng lên. Đó chính là để thở! Để mở rộng cổ họng, mở căng lồng ngực, hít không khí vào tốt hơn so với bất kỳ loài vật nào khác trên Trái đất.

Nhưng đó mới chỉ là điểm khởi đầu. David nhanh chóng nhận ra, khi thở tốt hơn, sẽ trở nên giỏi hơn trong việc...

“Chạy bộ ấy à? Cậu nói là loài người tiến hóa để chạy?”

Tiến sĩ Dennis Bramble chăm chú nghe David Carrier trình bày giả thuyết của mình. Sau đó, ông nhẹ nhàng đưa nó vào tầm ngắm, và bắn vỡ vụn. Ông đã cố gắng nhẹ nhàng; David là một sinh viên xuất sắc, có tư duy độc lập, nhưng lần này, Bramble ngờ rằng, cậu ta đã trở thành nạn nhân của lỗi phổ biến nhất trong khoa học: Hội Chứng Cây Búa Tiện Lợi, đó là khi cây búa trong tay bạn khiến mọi thứ xung quanh đều trông giống cái đinh.

Tiến sĩ Bramble biết đôi chút về đời tư của David, vào các chiều xuân nắng ấm, David thích được lao ra khỏi phòng thí nghiệm, và chạy đường mòn ở rặng núi Wasatch, trải dài tới tận ngay sau khuôn viên của Đại học Utah. Tiến sĩ Bramble cũng là một người chạy bộ, vì vậy, ông hiểu sức hấp dẫn của nó, nhưng ta luôn phải cẩn thận với những chuyện như thế; rủi ro nghề nghiệp lớn nhất đối với một nhà sinh vật học, sau chuyện phải lòng người phụ tá nghiên cứu, chính là phải lòng với các sở thích của mình. Bạn sẽ trở thành vật nghiên cứu của chính mình; bạn bắt đầu nhìn nhận thế giới như một hình ảnh phản chiếu chính cuộc sống của bạn, và cuộc sống của chính bạn sẽ trở thành điểm tham chiếu cho hầu hết mọi sự kiện trên thế giới.

“David!” Tiến sĩ Bramble bắt đầu nói. “Các loài vật tiến hóa theo đặc điểm ưu việt, chứ không theo điểm yếu. Xét về chạy bộ, loài người không chỉ kém cỏi – mà còn tồi tệ.” Chẳng cần xét về mặt sinh học; chỉ cần nhìn vào ô tô và xe máy là đủ. Xe bốn bánh nhanh hơn hai bánh, bởi vì khi dựng đứng lên sẽ mất lực đẩy, mức độ ổn định và độ khí động học. Hãy chuyển các mẫu thiết kế đó sang thế giới động vật. Hồ dài khoảng ba mét và có hình dáng như tên lửa hành trình. Trong cuộc đua bút tốc giữa rừng rậm, con người sẽ phải chạy hệt cổ chai trên đôi chân khẳng khiu, với bước chạy ngắn, và mức độ cản gió vô cùng tệ hại.

“Vâng, em hiểu.” David nói. Khi chúng ta nhấc đôi tay khỏi mặt đất, tất cả mọi thứ như rơi xuống địa ngục. Ta đánh mất tốc độ cơ bản và từ bỏ sức mạnh phần trên của cơ thể...

Khá đấy nhóc! Bramble nghĩ. Cậu học rất nhanh.

Nhưng David chưa nói xong: vậy tại sao ta lại từ bỏ cả sức mạnh và tốc độ cùng lúc? Như thế, ta vừa không chạy được, vừa không chiến đấu nổi, cũng không có khả năng trèo cao. Ta đáng nhẽ đã bị quét sạch – trừ khi đổi lại, ta thu được thứ gì đó kỳ diệu. Đúng không ạ?

Tiến sĩ Bramble phải thừa nhận, đây quả là cách đặt câu hỏi thông minh. Loài báo săn cực nhanh nhưng lại yếu đuối; chúng phải đi săn ban ngày để tránh các sát thủ ban đêm như sư tử hay báo sư tử, chúng phải từ bỏ con mồi vừa săn được và chạy trốn khi lũ kẻ cướp nhỏ con như linh cẩu xuất hiện. Mặt khác, khi đột lại đủ khỏe để nhấc chiếc xe SUV nặng hai tấn, nhưng với tốc độ tối đa chỉ hơn 20 dặm một giờ, nó sẽ dễ dàng bị chiếc SUV đang chạy số một nghiền nát. Còn con người thì sao, chúng ta dở báo dở khi đột – vừa chậm vừa yếu đuối.

“Vậy tại sao chúng ta lại tiến hóa thành một loài yếu đuối hơn, thay vì mạnh mẽ hơn?” David khẳng định. “Chuyện này xảy ra rất lâu trước khi chúng ta chế tạo vũ khí. Vậy lợi thế về di truyền của việc đó là gì?”

Tiến sĩ Bramble hình dung cảnh tượng đó trong đầu. Ông tưởng tượng một bầy người nguyên thủy di chuyển trong tư thế ngồi bò, nhanh nhẹn và mạnh mẽ, giữ đầu thấp để đảm bảo an toàn, không bị phát hiện khi họ nhẹ nhàng đi qua rừng cây. Một ngày nọ, bỗng đâu xuất hiện một gã chậm chạp, gầy gò, ngực hóp, với vóc người chẳng to lớn hơn phụ nữ và liên tục tự biến mình thành mục tiêu săn đuổi của loài hổ bằng cách đi bộ ngoài chỗ trống. Gã này quá éo là để chiến đấu, quá chậm chạp để có thể chạy thoát, quá yếu đuối để cuốn hút được bạn tình và sinh con đẻ cái. Theo logic, một kẻ như vậy chắc chắn phải tuyệt chủng – ấy vậy mà, cái gã yếu nhót này lại trở thành cha đẻ của nhân loại, trong khi những người anh em khỏe mạnh hơn, nhanh nhẹn hơn gã lại biến mất vào hư vô.

Giả định đó thực ra là câu chuyện mô tả rất chính xác về bí ẩn của người Neanderthal. Nhiều người nghĩ rằng người Neanderthal là tổ tiên của chúng ta, nhưng thực ra họ lại là một loài tương tự (hay như một số người hay gọi là loài phụ) từng cạnh tranh với Homo sapiens để sinh tồn. “Cạnh

tranh” thực chất là cách nói giảm nhẹ; người Neanderthal đánh bại chúng ta trên mọi phương diện. Họ khỏe hơn, dữ dằn hơn, và có thể còn thông minh hơn nữa: họ có cơ bắp vạm vỡ hơn, xương cốt cứng cáp, khó gãy hơn, có cơ chế cách nhiệt để chịu lạnh tốt hơn, và như các dấu vết hóa thạch cho thấy, thì họ có bộ não to hơn. Người Neanderthal là những thợ săn cừ khôi và là thợ chế tạo vũ khí tài tình, thậm chí có thể tạo ra ngôn ngữ trước cả chúng ta nữa. Họ có bước khởi điểm vượt lên trước rất nhiều trong cuộc đua giành quyền thống trị; vào lúc người *Homo sapiens* đầu tiên xuất hiện ở châu Âu, người Neanderthal đã sống yên ổn ở đó trong khoảng gần 200.000 năm. Nếu phải chọn giữa người Neanderthal và những tổ tiên đầu tiên của chúng ta trong một cuộc thi tuyển Người sống sót Cuối cùng, bạn chắc chắn sẽ chọn người Neanderthal ngay tức khắc.

Vậy – họ đâu rồi?

Chỉ trong vòng 10.000 năm kể từ khi người *Homo sapiens* đặt chân đến châu Âu, người Neanderthal đã biến mất. Chuyện đó xảy ra như thế nào thì không ai biết. Cách lý giải duy nhất là một yếu tố bí ẩn nào đó đã cho chúng ta – những sinh vật yếu hơn, ngu ngốc hơn, gầy gò hơn – một lợi thế sinh tử so với những Ngôi sao Kỳ Băng Hà kia. Đó không phải là sức mạnh, vũ khí, cũng không phải sự thông minh.

Vậy, liệu đó có phải là khả năng chạy bộ? Tiến sĩ Bramble băn khoăn. Liệu có phải David đang thực sự khám phá được điều gì mới?

Chỉ có một cách duy nhất để tìm ra: tìm hiểu những cái xương.

“Ban đầu, tôi rất hoài nghi về David, vì cùng những lý do mà các nhà khoa học Hình thái học sẽ hồ nghi.” Tiến sĩ Bramble sau này nói với tôi. Hình thái học về cơ bản là khoa học của kỹ thuật nghịch đảo; nó xem xét cách một cơ thể được cấu tạo nên và cố gắng tìm hiểu xem cơ thể đó sẽ vận hành như thế nào. Các nhà Hình thái học biết phải tìm thứ gì ở các cỗ máy tốc độ cao, và cơ thể người không hề có các đặc tính đó. Chỉ cần nhìn vào mông chúng ta là thấy ngay. “Trong toàn bộ lịch sử các loại cột sống trên Trái đất – *toàn bộ nhé* – loài người là loài chạy bộ hai chân duy nhất mà không có đuôi.” Bramble về sau phát biểu. Chạy bộ chỉ là một cú ngã có kiểm soát, vì vậy, làm thế nào để rẽ được và không bị đập mặt xuống đất khi không có bánh lái đối trọng, như chiếc đuôi chuột túi?

“Điều đó đã dẫn tôi tới việc, giống như những người khác sẽ làm, là dẹp bỏ ý nghĩ rằng loài người đã tiến hóa thành động vật chạy bộ.” Bramble nói. “Và tôi chắc hẳn là sẽ tin như thế rồi tiếp tục hoài nghi, nếu như trước đây tôi chưa từng học qua Hóa thạch học.”

Chuyên môn thứ hai của Tiến sĩ Bramble về hóa thạch cho phép ông so sánh xem cấu trúc cơ thể con người đã thay đổi như thế nào qua nhiều thiên niên kỷ và kiểm tra chéo với các cấu trúc cơ thể khác. Ngay lập tức, ông phát hiện ra điểm bất hợp lý. “Thay vì nhìn vào bản danh sách quen thuộc, giống như hầu hết các nhà Hình thái học khác thường làm, và loại bỏ những điều biết trước là sẽ xuất hiện, tôi lại bắt đầu tập trung vào những điểm bất thường.” Bramble kể. “Nói cách khác, tôi đi tìm thứ đáng nhẽ không có mặt ở đó.” Ông bắt đầu bằng việc chia thế giới động vật thành hai loại: loài chạy bộ và loài đi bộ. Loài chạy bộ bao gồm ngựa và chó; các loài đi bộ bao gồm lợn và tinh tinh. Nếu như con người được thiết kế ra để đi bộ là chủ yếu và chỉ chạy trong các tình huống khẩn cấp, thì các bộ phận cơ học của ta sẽ có nhiều điểm tương đồng hơn với các loài đi bộ khác.

Loài tinh tinh là một ví dụ hoàn hảo để bắt đầu xem xét. Chúng không chỉ là một ví dụ kinh điển của loài đi bộ, mà còn là họ hàng còn sống gần gũi nhất với chúng ta; sau hơn sáu triệu năm tiến hóa độc lập, chúng ta vẫn có chuỗi ADN giống với tinh tinh đến 95%. Nhưng một trong những điểm mà ta không có chung với tinh tinh, theo Bramble ghi nhận, là gân gót chân Achilles, tức gân nối bắp chân với gót: ta có, còn tinh tinh thì không. Chúng ta có bàn chân khác biệt: bàn chân của chúng ta khum hình vòm, còn bàn chân của tinh tinh thì bẹt. Các ngón chân của chúng ta ngắn và thẳng, thuận tiện cho chạy bộ, còn ngón chân của tinh tinh thì dài và tòe ra, phù hợp hơn với đi bộ. Và hãy xem phần mông nữa: chúng ta có phần cơ mông lớn khỏe mạnh, còn tinh tinh thì hầu như không có. Tiếp theo, Tiến sĩ Bramble tập trung vào một sợi dây chằng ít được biết đến nằm phía sau đầu, gọi là dây

chằng gáy. Tinh tinh không có dây chằng này. Lợn cũng không. Còn những loài nào có? Chó. Ngựa. Và con người.

Bây giờ mọi chuyện trở nên khó hiểu. Dây chằng gáy chỉ có ích trong việc giữ đầu ổn định khi động vật di chuyển nhanh; nếu là loài đi bộ, bạn chẳng cần đến nó. Mông lớn cũng chỉ cần thiết cho việc chạy bộ. (Tự thử nghiệm thế này: bóp tay vào mông và đi bộ quanh phòng mà xem. Nó sẽ ở trạng thái mềm mại, và chỉ siết lại rắn chắc khi bạn bắt đầu chạy. Nhiệm vụ của phần mông là ngăn không cho quán tính của phần thân trên khiến bạn ngã dập mặt.) Tương tự như vậy, gân gót chân Achilles chẳng có tác dụng gì khi đi bộ, đó là lý do tại sao tinh tinh không có gân này. Cả loài Australopithecus (Người vượn phương nam), tổ tiên bốn triệu năm có hình dạng nửa khỉ của chúng ta, cũng không có gân này. Các vết tích về gân Achilles chỉ bắt đầu xuất hiện khoảng hai triệu năm sau đó, ở Homo erectus (Người đứng thẳng).

Tiến sĩ Bramble tiếp tục xem xét kỹ hơn các hộp sọ và giết mình. *Trời đất!* Ông nghĩ. *Có vấn đề ở đây.* Phần sau xương sọ của người Australopithecus rất nhẵn, nhưng khi kiểm tra sọ người Homo erectus, ông thấy một rãnh nông cho dây chằng gáy. Một dòng thời gian có vẻ bí ẩn nhưng rõ ràng đang thành hình: khi cơ thể con người thay đổi theo thời gian, nó đã lựa chọn có thêm đặc tính của loài chạy bộ.

Kỳ quặc thật! Tiến sĩ Bramble nghĩ. *Vì sao chúng ta lại có được những thứ đặc thù cho chạy bộ, trong khi các loài đi bộ khác lại không có?* Với một động vật đi bộ, gân Achilles chỉ là thứ thừa thãi. Đi bằng hai chân cũng giống như đi cà kheo; bạn đặt bàn chân, dịch chuyển trọng tâm trên chân đó và lặp lại. Bạn sẽ chẳng bao giờ cần đến những sợi gân co giãn, kém vững chắc ở phần chân đế. Điều duy nhất sợi gân gót chân Achilles làm được là giãn ra như một sợi dây cao su.

Một sợi dây cao su! Tiến sĩ Bramble vừa tự hào xen lẫn xấu hổ. Dây cao su... Ông đứng đó, tự vỗ ngực rằng mình không giống như các nhà Hình thái học khác, quen “loại bỏ các yếu tố mà họ biết là sẽ có,” trong khi chính ông lại chẳng khác nào một người cận thị; ông không hề nghĩ chút nào đến yếu tố dây cao su. Khi David bắt đầu nói về chạy bộ, Tiến sĩ Bramble đã cho rằng cậu ta nói về tốc độ. Nhưng có hai kiểu người chạy bộ vĩ đại khác biệt: người chạy nước rút và người chạy marathon. Có thể, chạy bộ của con người là chạy dài, chứ không phải chạy nhanh. Điều này lý giải được tại sao chân và bàn chân của ta lại chứa nhiều dây chằng đàn hồi đến thế – bởi vì các sợi dây chằng đàn hồi sẽ lưu giữ và hoàn trả năng lượng, giống như động cơ dây chun của máy bay đồ chơi làm bằng gỗ nhẹ. Bạn xoắn sợi dây chun càng nhiều, thì chiếc máy bay bay được càng xa; tương tự, bạn càng kéo giãn dây chằng thì càng được hoàn trả nhiều năng lượng khi chân vươn ra và vung về phía sau.

Và nếu như phải thiết kế một cỗ máy chạy đường dài, Tiến sĩ Bramble nghĩ, *thì mình sẽ lắp cho thật nhiều dây cao su để tối đa hóa sức bền.* Chạy bộ thực chất chỉ là nhảy, bật nảy từ chân này sang chân kia. Các sợi dây chằng không liên quan gì đến việc đi bộ, nhưng lại rất lợi về năng lượng khi nhảy. Vì vậy, hãy quên tốc độ đi; có thể chúng ta sinh ra để trở thành người chạy marathon giỏi nhất thế giới.

“Và hãy tự hỏi mình xem tại sao chỉ duy nhất một loài trên thế giới có ham mê tụ tập hàng chục nghìn cá thể để chạy 26 dặm dưới trời nóng bức chỉ để cho vui!” Tiến sĩ Bramble nghĩ. “Mấy trò giải trí đều có lý do của nó cả.”

Tiến sĩ Bramble và David Carrier bắt đầu đưa mô hình Vận động viên marathon Vĩ đại nhất Thế giới vào thực nghiệm. Các bằng chứng nhanh chóng xuất hiện khắp nơi, cả ở những chỗ họ không tìm kiếm. Một trong những phát hiện lớn đầu tiên đến một cách tình cờ khi David cho một con ngựa chạy bộ. “Chúng tôi muốn quay phim con ngựa để xem dáng chạy của nó phối hợp với việc hít thở như thế nào.” Tiến sĩ Bramble nói. “Cần có người giữ cho các dây dợ dụng cụ không bị xoắn rối, nên David phải chạy song song với con ngựa.” Khi xem lại đoạn băng, họ cảm thấy có điều gì đó không bình thường, ngay cả Bramble cũng không nhận ra được. Ông phải tua lại đoạn băng vài lần mới chợt nhận ra: ngay cả khi David và con ngựa chạy với cùng một tốc độ, thì chân của David vẫn di chuyển chậm hơn.

“Điều này thật bất ngờ!” Tiến sĩ Bramble giải thích. “Ngay cả khi con ngựa có tới bốn cái chân rất dài, thì sải chân của David vẫn dài hơn.” So với một nhà khoa học, David có thể trạng khỏe mạnh tuyệt vời, nhưng trong giới chạy bộ, anh chỉ là một gã có chiều cao trung bình, cân nặng trung bình, và nằm trong khoảng giữa của đoàn đua, là một vận động viên trung bình trên mọi phương diện. Điều đó đưa đến một lý giải duy nhất: nghe có vẻ kỳ quặc nhưng một người bình thường có sải chân dài hơn một con ngựa. Loài ngựa trông như có vẻ như đang vọt đi những bước rất dài về phía trước, nhưng vó của chúng vung ra phía sau trước khi chạm xuống nền đường. Kết quả là: mặc dù những vận động viên chạy bộ loài người với cơ chế cơ sinh học uyển chuyển thường có sải chân ngắn, họ vẫn đi được quãng đường xa hơn trên mỗi bước chân so với loài ngựa, đồng nghĩa với việc họ chạy hiệu quả hơn. Hay nói cách khác, với cùng lượng xăng trong bình chứa, về lý thuyết, con người có thể chạy xa hơn một con ngựa.

Nhưng tại sao phải bằng lòng với lý thuyết mà không kiểm nghiệm thực tế? Cứ đến tháng mười, vài chục người chạy bộ và kỵ sĩ lại đối đầu trong cuộc đua 50 dặm Người đấu Ngựa ở Prescott, Arizona. Năm 1999, một người chạy bộ địa phương tên là Paul Bonnet đã vượt qua những con ngựa dẫn đầu trên con dốc cao ở núi Mingus và không thấy chúng lần nào nữa cho tới khi về đích. Năm tiếp theo, Dennis Poolheco bắt đầu một chuỗi thành tích đáng nể: đánh bại tất cả đàn ông, phụ nữ, và ngựa trong sáu năm liên tiếp, cho tới khi Paul Bonnet giành lại được danh hiệu đó vào năm 2006. Phải mất tám năm, một con ngựa mới bắt kịp được hai người này và giành chiến thắng.

Tuy nhiên, những phát hiện kiểu này chỉ mang lại thêm chút niềm vui cho hai nhà khoa học ở Utah khi họ nghiên cứu sâu hơn và tiến gần đến bước đột phá lớn. Đúng như David đã nghi ngờ vào cái ngày nhìn chăm chăm vào xác thỏ và thấy lịch sử sự sống đang nhìn lại chính mình, quá trình tiến hóa có vẻ phụ thuộc hết vào không khí; loài vật tiến hóa càng cao, thì bộ chế hòa khí của nó càng tốt. Lấy loài bò sát làm ví dụ, David cho thần lặn lên máy chạy bộ và phát hiện ra chúng không thể vừa chạy vừa hít thở. Chúng giỏi lắm cũng chỉ chạy vội được một quãng ngắn rồi phải dừng lại thở hỗn hển.

Tiến sĩ Bramble lại làm việc ở nấc cao hơn một chút trong thang tiến hóa, với loài mèo lớn. Ông phát hiện rằng ở rất nhiều động vật bốn chân khi chạy, cơ quan nội tạng của chúng văng từ sau ra trước liên tục như nước trong bồn tắm. Mỗi khi chân trước của báo sấn chạm đất, ruột của nó chồm lên phía trước nén vào phổi, ép không khí ra. Khi nó vươn người dài ra cho bước chạy tiếp theo, bộ ruột của nó lại trượt ra phía sau, giúp hút không khí trở vào phổi. Tuy nhiên, thêm cú đấm vào phổi đó để tăng công suất lại có điểm thiệt thòi, đó là nó giới hạn loài báo sấn chỉ thở được một lần trong mỗi bước chạy.

Trên thực tế, Tiến sĩ Bramble bất ngờ phát hiện ra tất cả các loài có vú chạy bộ đều bị hạn chế bởi chu kỳ chạy một bước, thở một lần. Trên toàn thế giới, ông cùng David chỉ tìm thấy duy nhất một ngoại lệ:

Chính là bạn.

“Khi các động vật bốn chân chạy, chúng bị mắc kẹt với một nhịp thở, một nhịp chạy.” Tiến sĩ Bramble nói. “Nhưng những người chạy bộ mà chúng tôi từng làm thí nghiệm thì không ai chạy với nhịp một-một đó. Họ có thể lựa chọn trong nhiều nhịp khác nhau, và nhịp hai-một được ưa thích hơn cả.” Lý do khiến chúng ta có thể tự do hít thở theo yêu cầu của nhịp tim cũng chính là lý do mà chúng ta cần tắm rửa vào ngày hè: chúng ta là loài động vật có vú duy nhất chủ yếu hạ nhiệt nhờ vào việc bài tiết mồ hôi. Tất cả các loài vật có lông trên thế giới đều làm mát chủ yếu nhờ hô hấp, điều này khiến toàn bộ hệ thống điều hòa nhiệt độ cơ thể của chúng bị ràng buộc chặt chẽ với lá phổi. Ở con người, hàng triệu tuyến mồ hôi được tạo ra trong quá trình tiến hóa, mới chính là động cơ có chức năng làm mát tốt nhất.

“Đó là lợi ích của việc là động vật không lông và có khả năng toát mồ hôi.” David giải thích. “Chúng ta còn có thể đi tiếp, chừng nào còn toát được mồ hôi.” Một nhóm các nhà khoa học ở Havard

từng xác thực điều này bằng cách đặt nhiệt kế vào hậu môn của báo đốm và cho nó chạy trên máy. Khi nhiệt độ lên tới khoảng 40,5 độ C, con báo ngừng lại. Đó là phản ứng tự nhiên của mọi động vật có vú biết chạy; khi cơ thể tích tụ lượng nhiệt cao hơn lượng nhiệt mà chúng có thể thải ra bằng miệng, chúng bắt buộc phải dừng lại, nếu không sẽ chết.

Thật tuyệt vời! Với đôi chân nhún bật, phần thân trên mảnh dẻ, các tuyến mồ hôi, lớp da không có lông và cơ thể đứng thẳng hứng chịu ít nhiệt từ Mặt trời hơn – chúng ta rõ ràng là loài chạy marathon giỏi nhất thế giới. Nhưng như vậy thì sao? Chọn lọc tự nhiên chủ yếu có hai vấn đề – ăn và không bị ăn – và việc có thể chạy được 20 dặm sẽ vô nghĩa nếu bạn để lũ hươu biến mất trong vòng 20 giây đầu tiên, và một con hổ có thể đuổi kịp bạn trong vòng 10 giây. Sức bền có ích gì trên một chiến trường mà tốc độ là yếu tố quan trọng nhất?

Đó là câu hỏi mà Tiến sĩ Bramble nghiền ngẫm vào khoảng đầu những năm 90, khi đang đi nghỉ mát và gặp Tiến sĩ Dan Lieberman trong dịp thăm Đại học Havard. Thời gian đó, Lieberman lại đang nghiên cứu đầu bên kia của Thế vận hội các loài động vật; ông cho một con lợn lên máy tập chạy và cố tìm hiểu xem tại sao nó lại chạy kém như vậy.

“Hãy nhìn đầu nó mà xem.” Bramble chỉ ra. “Đầu nó cứ lắc lư loạn xạ. Lợn không có dây chằng gáy.”

Tiến sĩ Lieberman lập tức đóng tai lên. Là một nhà nhân chủng học tiến hóa, ông biết rằng không có thứ gì trên cơ thể chúng ta thay đổi nhiều bằng hình dáng hộp sọ, cũng như không thứ nào khác có thể miêu tả nhiều điều về chúng ta hơn hộp sọ. Ngay cả món burrito bạn dùng trong bữa sáng cũng có vai trò nhất định; các nghiên cứu của Tiến sĩ Lieberman đã chỉ ra rằng trong khi chế độ ăn uống của chúng ta thay đổi qua nhiều thế kỷ, chuyển từ những thứ dai như rễ cây và thịt sống sang các món được nấu chín, mềm xốp như mì Ý và thịt bò xay, thì mặt chúng ta cũng nhỏ dần đi. Mặt của Ben Franklin to hơn mặt của bạn; và mặt của Caesar thì còn to hơn mặt Franklin.

Hai nhà khoa học của Đại học Harvard và Utah đã thống nhất ngay từ bước đầu, chủ yếu là nhờ vào thái độ của Lieberman: ông đã không thờ dãi ngao ngán khi nghe Bramble tóm tắt lý thuyết Người Chạy Bộ. “Không ai trong giới khoa học nghiên cứu kỹ vấn đề này.” Bramble nói. “Cứ có một bài nghiên cứu về chạy bộ thì có đến 4.000 bài về đi bộ. Mỗi khi tôi nêu vấn đề này ra ở các hội nghị, mọi người lại lập tức đồng thanh: ‘Ừm, nhưng chúng ta chậm mà.’ Họ quá tập trung vào tốc độ và không hiểu được tại sao sức bền lại là một lợi thế.”

Thực ra, chính Tiến sĩ Bramble cũng chưa tìm ra được lý do. Là các nhà sinh vật học, ông và David Carrier có thể giải mã được lý do tại sao cỗ máy được thiết kế như vậy, nhưng họ vẫn cần một nhà nhân chủng học để xác định được rằng với thiết kế đó, thì cỗ máy đó thực sự làm được gì. “Tôi biết nhiều về tiến hóa và một chút về vận động.” Lieberman nói. “Dennis thì biết nhiều về vận động, nhưng lại không am hiểu mấy về tiến hoá.”

Trong khi trao đổi ý tưởng, Bramble nhận ra Lieberman chính là cạ cộng sự nghiên cứu của mình. Lieberman là một nhà khoa học với niềm tin rằng muốn có kinh nghiệm thì tay phải nhuộm bẩn. Nhiều năm rày, Lieberman thường tổ chức tiệc nướng ngoài trời theo kiểu thời Cro-Magnon¹⁰ trên bãi cỏ của trường Havard trong giờ dạy môn tiến hóa. Để mô tả mức độ khéo léo cần thiết khi sử dụng công cụ thời nguyên thủy, ông bắt sinh viên làm thịt dê bằng các viên đá được ghè sắc, rồi nấu thịt dê trên đồng lửa. Ngay khi mùi thịt dê nướng thơm phức bốc lên và nghi lễ uống rượu sau giết mổ diễn ra thì bài tập về nhà đã biến thành bữa tiệc tại gia. “Cuối cùng nó biến thành một kiểu lễ hội nhậu nhẹt.” Lieberman kể lại trong Tạp chí Đại học Havard.

10 Giai đoạn cuối thời kỳ Đá cũ (ND).

Nhưng còn có một lý do quan trọng hơn khiến Lieberman là người hoàn hảo để lý giải bí ẩn về Người Chạy Bộ: lời giải có vẻ liên quan đến chuyên môn của ông, là cái đầu. Tất cả mọi người đều biết rằng tại một thời điểm nào đó trong lịch sử, con người thời kỳ đầu đã tiếp cận được nguồn cung cấp protein lớn, tạo điều kiện cho não của họ phát triển như một miếng bọt biển khô kiệt rơi vào xô

nước. Bộ não chúng ta cứ tiếp tục to lên cho tới khi đạt tới mức to gấp bảy lần não của bất kỳ loài động vật có vú cùng cỡ. Chúng còn tiêu thụ một lượng calo cực lớn; mặc dù não chỉ chiếm khoảng 2% trọng lượng cơ thể nhưng cần tới 20% năng lượng của cả cơ thể, trong khi ở tinh tinh, mức này chỉ là 9%.

Tiến sĩ Lieberman lao vào nghiên cứu về Người Chạy Bộ với lòng nhiệt huyết sáng tạo thường thấy ở ông. Không lâu sau, các sinh viên ghé qua văn phòng của Lieberman ở tầng trên cùng Bảo tàng Peabody của Đại học Havard đều giật mình khi thấy một người đàn ông cụt tay, mồ hôi nhễ nhại, chạy trên máy chạy bộ với cốc đựng phô-mai kem rỗng không buộc trên đầu. “Loài người thật kỳ quặc.” Lieberman nói khi ấn nút trên bảng điều khiển. “Không động vật nào có cái cổ giống chúng ta.” Ông ngừng lại để gào to câu hỏi với người đang chạy trên máy. “Anh còn chạy nhanh hơn tới mức nào nữa hả Willie?”

“Nhanh hơn cái máy này!” Willie đáp vọng lại, và gõ gõ bàn tay trái bằng thép vào tay vịn của máy chạy bộ. Willie Stewart bị mất một tay lúc 18 tuổi do sợi dây thép mà anh đang vác trên một công trường bị cuốn vào tua-bin đang quay, nhưng anh đã hồi phục và trở thành nhà vô địch ba môn phối hợp và môn bóng bầu dục. Ngoài cái cốc đựng phô-mai kem được dùng để giữ cố định một con quay hồi chuyển, Willie còn có các điện cực gắn trên ngực và chân. Tiến sĩ Lieberman tuyển mộ anh để kiểm chứng giả thuyết rằng đầu của con người, với vị trí độc đáo nằm thẳng trên cổ, đóng vai trò như vật nặng trên mái giúp cho các tòa nhà chọc trời không bị nghiêng ngả trong gió mạnh. Lieberman tin rằng đầu không chỉ to ra vì chúng ta chạy giỏi lên mà chúng ta chạy giỏi lên bởi vì đầu to ra, tăng thêm khả năng thăng bằng.

“Đầu phối hợp hoạt động với cánh tay, giúp bạn không bị vấp người và lắc lư trong khi sải bước.” Tiến sĩ Lieberman nói. Trong khi đó, hai cánh tay lại có chức năng như vật đối trọng giữ thăng bằng giúp cho đầu đứng thẳng. “Đó là cách động vật hai chân giải quyết vấn đề giữ ổn định cho đầu khi cổ chuyển động. Đặc điểm tiến hóa này chỉ có ý nghĩa khi chạy bộ.”

Nhưng bí ẩn lớn vẫn còn đó: thức ăn. Bằng cách đánh giá tốc độ tăng trưởng nhanh như Godzilla của đầu người, Lieberman có thể xác định chính xác thời điểm mà thực đơn của người hàng động thay đổi. Đó là thời gian khoảng hai triệu năm trước, khi khi không đuôi Australopithecus – với bộ não nhỏ tí, quai hàm lớn, có chế độ ăn uống của dê, gồm toàn các loại cây cứng, nhiều xơ – tiến hóa thành Homo erectus, tổ tiên mảnh khảnh, chân dài của chúng ta, với cái đầu to, hàm răng nhỏ, có khả năng cắn xé, phù hợp với việc ăn thịt sống và hoa quả mềm. Điều duy nhất tạo nên sự chuyển biến đột ngột ấy: đó là chế độ ăn uống mà không một loài linh trưởng nào từng ăn trước đó, với lượng cung cấp thịt ổn định, giàu calo, chất béo và protein.

“Vậy, họ kiếm nguồn cung cấp thịt đó ở chỗ quái nào nhỉ?” Lieberman hỏi, với tất cả sự khoái trá của một người đàn ông không ngần ngại cắt xé thịt dê bằng một mảnh đá gè. “Cung và tên chỉ có 20.000 năm tuổi. Giáo đầu nhọn cũng chỉ xuất hiện từ 200.000 năm trước. Nhưng người đứng thẳng Homo erectus đã xuất hiện từ cách đây hai triệu năm. Điều đó có nghĩa là trong hầu hết thời gian tồn tại – gần hai triệu năm! – con người đã kiếm thịt bằng tay không.”

Lieberman bắt đầu xem xét các khả năng. “Có thể con người trộm xác động vật bị giết bởi các loài săn mồi khác?” Ông tự hỏi. “Lên vào và cuỗm lấy thức ăn khi lũ sư tử đang ngủ chằm?”

Không được. Như vậy, chúng ta có thể nếm thịt, nhưng đó không phải là nguồn cung ứng đảm bảo. Bạn phải đến được điểm con mồi bị giết trước loài kèn kèn, bởi chúng có thể xé xác một con linh dương trong vài phút và “nhai xương như bánh quy giòn”, như Lieberman vẫn thường nói. Ngay cả như vậy, thì bạn cũng chỉ kịp xé vài miếng thịt trước khi con mắt đáng sợ của sư tử mở ra, hay một đám linh cẩu xuất hiện khiến bạn phải bỏ đi.

“Được rồi, có thể chúng ta không có giáo mác. Nhưng chúng ta có thể nhảy lên lưng lợn rừng và siết cổ nó. Hoặc dùng chùy đập chết.”

Đừng đùa! Với khả năng vật lộn và húc của loài lợn rừng, bạn sẽ bị nghiền nát bàn chân, xương sườn gãy vụn. Bạn có thể chiến thắng, nhưng sẽ phải trả giá đắt; chỉ một vết rạn mắt cá giữa thời tiền sử khi đang đi săn mồi cho bữa tối cũng đủ biến chính bạn thành bữa tối.

Không biết Lieberman còn bị mắc kẹt bao lâu nữa nếu như chú chó của ông không mang đến câu trả lời. Vào một buổi chiều hè, Lieberman đưa Vashti, chú chó lai giống Border Collie béo ị của ông, chạy bộ quãng đường năm dặm quanh hồ Fresh. Hôm đó trời nóng, và chỉ sau vài dặm, Vashti đã ngồi thụp xuống dưới một bóng cây, nhất quyết không chịu đi nữa. Lieberman cảm thấy sốt ruột; ừ, trời đúng là có hơi nóng, nhưng không đến nỗi...

Trong khi đợi con chó hạ nhiệt, Lieberman đột nhiên nhớ lại lúc nghiên cứu các hóa thạch ở châu Phi. Những đợt không khí nóng sáng lấp lánh tràn khắp vùng hoang mạc bị Mặt trời thiêu đốt, mặt đất khô cằn hấp thụ nhiệt rồi dội ngược sức nóng đó xuyên qua đế giày của ông. Những bản báo cáo nhân học mà ông từng đọc nhiều năm trước bỗng ùa về; chúng kể về những người thợ săn châu Phi từng săn loài linh dương xuyên qua thảo nguyên, và những người thổ dân Tarahumara đuổi theo lũ hươu “cho tới khi móng guốc của chúng rụng ra”. Lieberman vẫn thường gạt bỏ những câu chuyện kiểu như vậy, cho rằng đó chỉ là lời đồn thổi, hay truyền thuyết về một thời đại vàng son của lớp siêu anh hùng chưa từng tồn tại. Nhưng lúc này, ông bắt đầu cảm thấy băn khoăn...

Vậy, phải mất bao lâu để có thể đuổi theo một con vật cho tới chết? Ông tự hỏi. Thật may, trong các phòng thí nghiệm của Havard có các nghiên cứu tuyệt vời nhất về chuyển động trên thế giới (họ nỗ lực đến mức nhét cả nhiệt kế vào hậu môn của một con báo), vì vậy, tất cả dữ liệu mà Lieberman cần đã ở trong tầm tay. Khi trở lại văn phòng, ông bắt đầu tính toán. Ông bắt tay vào công việc. Một người chạy bộ thư giãn với sức chạy tương đối có thể chạy trung bình khoảng 3-4 m/s. Một con hươu phi nước kiệu ở tốc độ gần như vậy. Nhưng đây là điểm mấu chốt: khi một con hươu muốn tăng tốc lên 4 m/s, nó phải chuyển sang bước chạy thờ nặng nhọc, *trong khi con người vẫn có thể di chuyển nhanh như vậy mà vẫn trong khoảng chạy bộ thư giãn*. Một con hươu có thể chạy nước rút nhanh hơn nhiều, nhưng chúng ta lại nhanh hơn khi chạy thông thả; vì vậy, khi Bambi bắt đầu chuyển sang trạng thái nợ oxy, thì chúng ta còn chưa tới mức thờ khó nhọc.

Lieberman tiếp tục tìm kiếm, và phát hiện ra một phép so sánh còn ý nghĩa hơn: tốc độ tối đa của ngựa là 7,7 m/s. Chúng có thể giữ được tốc độ đó trong khoảng 10 phút, rồi phải giảm xuống 5,8 m/s. Nhưng một vận động viên marathon cấp cao có thể chạy hàng giờ ở tốc độ 6 m/s. Ngựa có thể bùng nổ ngay từ vạch xuất phát, như Dennis Poolheco đã nhận thấy trong Cuộc Đua Người Đấu Ngựa, nhưng nếu kiên trì và có cự ly đủ dài, bạn có thể từ từ rút ngắn khoảng cách.

Bạn thậm chí còn chẳng phải chạy nhanh. Lieberman nhận ra. *Tất cả những gì phải làm là giữ con mồi trong tầm mắt, và sau 10 phút, bạn sẽ tiến gần đến nó hơn.*

Lieberman bắt đầu tính toán thêm cả nhiệt độ, tốc độ và khối lượng cơ thể. Ngay lập tức, mọi thứ được phơi bày: lời giải đáp cho bí ẩn về Người Chạy Bộ. Để chạy đuổi theo một con linh dương tới chết, tất cả những gì bạn phải làm là dọa cho nó sợ và phi nước đại trong một ngày nóng. “Nếu bạn giữ cự ly vừa đủ gần để nó nhìn thấy được bạn, thì nó sẽ liên tục cố gắng chạy ra xa. Sau khi chạy khoảng từ 10 tới 15 km, nó sẽ rơi vào tình trạng tăng thân nhiệt và gục xuống.” Đơn giản là: nếu bạn có thể chạy được khoảng sáu dặm trong một ngày hè, thì chính anh đấy, bạn tôi ạ, anh sẽ là thứ vũ khí chết chóc trong thế giới động vật. Chúng ta có thể giải phóng được nhiệt khi đang chạy, nhưng động vật khác lại không thể thở hỗn hển khi đang phi nước đại.

“Chúng ta có thể chạy trong tình trạng mà không loài vật nào khác chạy nổi.” Lieberman nhận ra. “Và thậm chí điều đó còn chẳng đến nỗi khó. Nếu vị giáo sư trung niên có thể chạy thắng được chú chó trong ngày nắng, thì thử tưởng tượng xem, toán thợ săn hùng hực khí thế có thể làm gì với một con linh dương bị tăng thân nhiệt.”

Không khó hình dung khuôn mặt nhăn nhó của Chúa tể Vũ trụ, người Neanderthal, khi họ nhìn những gã Người Chạy Bộ mới mẻ này chạy phía sau những chú Bambi bé nhỏ đang nhảy nhót, hoặc

chạy cả ngày dưới ánh nắng mặt trời oi bức để rồi trở về với đồng khoai trên tay. Người Chạy Bộ có thể kiếm được cả đồng thịt bằng cách chạy bộ, nhưng không thể chạy bộ với cái bụng đầy thịt, do đó, họ phải thường xuyên nạp carbohydrate từ rễ cây và hoa quả, và để dành thịt linh dương cho những dịp nạp năng lượng đặc biệt. Họ đi kiếm ăn cùng nhau – Người Đàn Ông Chạy Bộ, Người Đàn Bà Chạy Bộ, Trẻ Con Chạy Bộ, và Người Già Chạy Bộ – nhưng hầu như vẫn ăn khoai sắn, hoặc sấu bọ nhiều hơn thịt.

Ôi dào. Người Neanderthal chẳng bao giờ thèm ăn mấy con sấu bọ và thức ăn moi dưới đất lên như vậy; họ ăn thịt và chỉ thịt mà thôi, và không phải là mấy con linh dương bé tẹo mềm nhẽo đâu nhé. Người Neanderthal chỉ ăn thịt loại một: gấu, bò rừng và nai sừng tấm có thịt xen lẫn mỡ mềm xốp, tê giác với bộ gan giàu chất sắt, voi ma mút với bộ não ngọt lịm béo ngậy và trong xương có món tủy thơm mát bờ môi. Tuy nhiên, thử săn đuổi các con quái vật đó mà xem, chúng sẽ quay lại đuổi theo bạn. Thay vào đó, bạn phải dùng trí khôn để đánh bại chúng. Người Neanderthal thường lừa chúng vào điểm phục kích, và tung ra đòn tấn công gọn gàng, áp tới từ mọi phía với ngọn giáo bằng gỗ dài gần hai mét rưỡi. Kiểu săn đó không dành cho những kẻ lạnh tính; người Neanderthal thường bị những vết thương giống trong trò chơi thuần phục thú bất kham của cao bồi, họ bị thương ở cổ và đầu khi bị những con thú đang lông lộn quăng quật, nhưng họ sẽ được đồng đội chăm sóc hoặc chôn cất tử tế. Không giống tổ tiên thực sự của chúng ta, đám Người Chạy Bộ láo nháo, người Neanderthal là những thợ săn hùng mạnh mà chúng ta thường tưởng tượng khi nghĩ về quá khứ; họ vai kề vai trong các trận chiến, họ lập thành một chiến tuyến gồm những bộ não biết tư duy và lòng quả cảm, họ là những chiến binh thông thái được trang bị cơ bắp to khỏe nhưng vẫn đủ tinh tế để biết nấu thịt từ từ cho mềm ra trong các lò đắp bằng đất, và họ giữ phụ nữ, trẻ em tránh xa các mối đe dọa.

Người Neanderthal thống trị Trái đất – cho tới khi khí hậu trở nên dễ chịu hơn. Khoảng 45.000 năm trước, mùa đông dài đằng đẵng chấm dứt và một chiến trường nóng bức xuất hiện. Rừng rậm bị thu hẹp, để lại các thảo nguyên khô cằn kéo dài đến tận chân trời. Khí hậu mới này thật tuyệt vời những Người Chạy Bộ; số lượng đàn linh dương bùng nổ và cơ man các loại củ trời lên khắp nơi trên hoang mạc.

Cuộc sống của người Neanderthal lại trở nên khó khăn hơn; những ngọn giáo dài và các cuộc phục kích trong hẻm núi của họ đều vô hiệu trước loài thú sống bầy đàn trên đồng cỏ, và loài thú lớn mà họ thích lại trốn sâu hơn vào những cánh rừng đang ngày càng thu hẹp. Vậy tại sao họ lại không học luôn chiến thuật săn mồi của Người Chạy Bộ? Họ thông minh và chắc chắn là đủ khỏe mạnh, nhưng đó lại chính là vấn đề; họ quá khỏe. Khi nhiệt độ lên cao hơn 30 độ C, vài cân chênh lệch về khối lượng cơ thể đã tạo nên khác biệt lớn lao – tới mức, để duy trì cân bằng về nhiệt, một vận động viên chạy bộ nặng khoảng 80 cân phải giảm bớt tốc độ đến ba phút mỗi dặm trong một cuộc đua marathon so với một vận động viên nặng khoảng 50 kg. Trong cuộc rượt đuổi hươu kéo dài hai giờ, Người Chạy Bộ có thể bỏ xa người Neanderthal tới hơn 10 dặm.

Với cơ thể nặng nề, người Neanderthal phải đi theo đàn voi răng mấu to lớn vào các khu rừng đang tàn lụi và trôi vào quên lãng. Thế giới mới thuộc về Người Chạy Bộ, và chạy bộ đơn giản không phải là dành cho họ.

Cá nhân David Carrier biết rằng giả thuyết về Người Chạy Bộ có một điểm yếu chết người. Và bí mật đó cứ giày vò anh mãi cho tới lúc suýt biến anh thành kẻ sát nhân.

“Quả là tôi đã bị ám ảnh.” Anh thừa nhận khi tôi gặp ở phòng thí nghiệm tại Đại học Utah, 25 năm và ba học vị sau khoảnh khắc đầy cảm hứng cạnh chiếc bàn mổ nọ hồi năm 1982. Bây giờ anh đã là Tiến sĩ David Carrier, giáo sư bộ môn sinh học, với mớ ria mép chồi xể đã điểm bạc và cặp kính tròn không viền trên cặp mắt nâu tràn đầy nhiệt huyết. “Lúc đó tôi chỉ thèm được tóm lấy thứ gì đó bằng cả hai tay mình và nói: ‘Hãy nhìn đi! Đã thoả mãn chưa?’”

Vấn đề là thế này: Rượt đuổi một con vật cho đến chết chính là phiên bản thuyết tiến hóa của tội ác hoàn hảo. Đi săn bằng sức bền (theo cách gọi của các nhà nhân chủng học) không để lại bất kỳ chứng

cứ pháp y nào hết – không có đầu mũi tên, không có dấu vết giáo đâm trên xương sống – vậy làm thế nào đưa được một vụ án mạng ra xét xử khi bạn không thể trình ra được xác chết, vũ khí, hay nhân chứng? Bất kể Tiến sĩ Bramble có xuất chúng đến mức nào trong lĩnh vực sinh lý học, hay Tiến sĩ Lieberman có dày dặn kinh nghiệm tới đâu về hóa thạch, thì họ cũng không có cách nào chứng minh được rằng chính đôi chân của chúng ta trước đây đã từng là vũ khí chết chóc, nếu không đưa ra được bằng chứng rằng có ai đó, ở một nơi nào đó, đã từng chạy đuổi theo một con vật cho tới khi nó gục chết. Bạn có thể thao thao bất tuyệt về bất kỳ lý thuyết nào liên quan đến năng lực của con người (ví dụ như “Chúng ta có thể tự dừng được nhịp tim! Ta có thể uốn cong chiếc thìa chỉ bằng ý nghĩ!”), nhưng cuối cùng bạn vẫn không cách nào biến một giả thuyết nghe rất thuyết phục thành thực tế có kiểm nghiệm nếu không đưa ra được vật chứng.

“Tôi thất vọng vì cứ tìm thấy các câu chuyện kể ở khắp nơi.” David Carrier nói. Bạn cứ phóng bừa một chiếc phi tiêu lên bản đồ, thì khả năng rất cao là nơi mũi tên cắm vào cũng chính là một địa điểm từng có câu chuyện kể về kỹ thuật đi săn bằng sức bền này. Các bộ tộc Goshutes và Papago ở miền tây nước Mỹ từng lưu truyền các câu chuyện như thế; và tương tự, người Bụi rậm Kalahari ở Botswana, thổ dân châu Úc, các chiến binh Masai ở Kenya, người Seri và thổ dân da đỏ Tarahumara ở Mexico đều có những câu chuyện tương tự. Vấn đề là tất cả những chuyện kể đó đều đã được truyền lại từ bốn đến năm đời; bằng chứng để chứng minh cho các câu chuyện đó cũng nhiều ngang với bằng chứng chứng minh rằng Davy Crockett¹¹ đã từng giết được một con gấu khi mới lên ba.

11 Người anh hùng của Mỹ ở thế kỷ 18-19 (ND).

“Chúng tôi chẳng tìm thấy ai từng thực hiện được một chuyến đi săn bằng sức bền.” David kể. “Chúng tôi thậm chí còn chẳng tìm thấy ai đã từng chứng kiến một cuộc đi săn như vậy.” Rõ ràng giới khoa học có lý khi tiếp tục hoài nghi. Nếu như giả thuyết về Người Chạy Bộ là đúng, thì ít nhất phải có một người trong số sáu tỷ người trên Trái đất này còn khả năng săn mồi theo cách đó chứ. Chúng ta có thể đã không còn giữ thói quen này, cũng như không còn cần đến thứ kỹ năng ấy, nhưng hẳn phải còn giữ được khả năng đó: ADN của chúng ta đã không thay đổi chút nào trong nhiều thế kỷ qua, và giống nhau đến 99,9% trên khắp địa cầu, đồng nghĩa với việc chúng ta vẫn có sẵn các bộ phận cơ thể giống như bất kỳ một người săn bắn-hái lượm cổ đại nào. Vậy thì tại sao không ai trong số chúng ta có thể bắt nổi một con hươu yếu ớt?

“Đó là lý do tại sao tôi quyết định tự làm việc này.” David nói. Hồi chưa tốt nghiệp đại học, tôi vẫn thường tham gia các cuộc đua trên núi và có rất nhiều kỷ niệm vui ở đó. Vì vậy, khi nghiên cứu các cách hít thở khác nhau khi chạy, tôi nghĩ sẽ dễ dàng hơn khi tìm hiểu xem điều đó có tác động gì đến giống loài của chúng ta. So với những người không bao giờ rời phòng thí nghiệm, thì đối với tôi, ý tưởng đó ít lạ lẫm hơn nhiều.”

Và cũng chẳng lạ lẫm gì khi anh nghĩ rằng, nếu không tìm được người hang động, anh có thể tự mình trở thành vật thử nghiệm. Mùa hè năm 1984, David thuyết phục anh trai của mình là Scott, một cây bút tự do và là phóng viên cho National Public Radio (NPR), đi tới Wyoming để bắt linh dương hoang dã. Scott ít chạy bộ, nhưng David thì có sức khỏe rất tốt và sẵn động lực được khơi gợi từ tính bất tử của khoa học. Khi có cả hai anh em, David tính toán rằng, sẽ mất khoảng hai giờ để họ hạ gục được bằng chứng nặng hàng tạ thịt.

“Chúng tôi lái xe ra khỏi đường quốc lộ, đi vài dặm dọc theo một con đường đất và gặp một bình nguyên đầy cây ngải đắng, khô quạnh, núi vây tứ phía. Và lũ linh dương thì ở khắp mọi nơi.” Scott sau này miêu tả lại quang cảnh đó cho các thính giả của chuyên mục This American Life trên đài NPR. “Chúng tôi dừng xe và bắt đầu chạy đuổi theo ba con mồi – một con đực và hai con cái. Chúng chạy rất nhanh, nhưng chỉ trong các quãng ngắn, rồi sau đó dừng lại và nhìn chúng tôi cho tới khi chúng tôi đuổi kịp. Sau đó, chúng lại bỏ chạy. Có lúc chúng chạy khoảng một phần tư dặm, lúc thì nửa dặm.”

Thật hoàn hảo! Mọi thứ y như David dự đoán. Lũ linh dương không đủ thời gian để làm nguội cơ thể trước khi David và Scott hò hét đuổi tới nơi. Chỉ thêm khoảng vài dặm nữa thôi, David nghĩ, mình có thể lên đường trở lại Salt Lake với một cốp xe chứa đầy thịt hươu và một băng hình tuyệt hảo để đập xuống mặt bàn Tiến sĩ Bramble. Nhưng anh trai anh lại cảm thấy có chuyện bất thường.

“Ba con linh dương nọ nhìn tôi như thể biết đích xác rằng chúng tôi đang định làm gì, và chúng chẳng tỏ vẻ gì là lo sợ cả.” Scott nói tiếp. Anh mau chóng nhận ra tại sao lũ linh dương lại bình thản như vậy khi đối mặt với điều đáng lẽ phải là cái chết đang lơ lửng trên đầu. Thay vì khuyu xuống vì kiệt sức, chúng lại chơi trò trốn tìm; khi bắt đầu thờ hồn hển, chúng lại chạy vòng lại và trốn trong đàn, để mặc David và Scott ngỡ ngác không biết con linh dương nào đang mệt mỏi và con nào còn khỏe mạnh. “Chúng lẩn trốn, lẩn vào đàn và thay đổi vị trí.” Scott nói. “Không con linh dương nào đứng đơn lẻ, chúng di chuyển trên sa mạc như một đám hạt thủy ngân trên mặt bàn thủy tinh.”

Hai ngày tiếp theo, hai anh em tiếp tục đuổi theo các hạt thủy ngân trên bình nguyên ở Wyoming, mà không nhận ra họ đang mắc phải một sai lầm nghiêm trọng. Thất bại của David lại vô tình là bằng chứng cho chính giả thuyết của anh: con người chạy theo cách hoàn toàn khác các loài còn lại trên Trái đất. Bạn không thể bắt được các loài vật khác bằng cách bắt chước chúng, và đặc biệt là không thể dựa trên các ước tính thô sơ về khả năng chạy của động vật mà chúng ta quan sát được trong thể thao. David và Scott hoàn toàn lệ thuộc vào bản năng, sức mạnh và sức bền mà không nhận ra rằng chạy đường dài, đối với con người, ở đỉnh cao của tiến hóa, còn phức tạp hơn thế nhiều. Đó là sự phối kết các chiến thuật và kỹ năng đã được gọt giũa hoàn hảo trong suốt hàng triệu năm dài phải đứng trước quyết định: làm hay là chết. Và cũng như bất kỳ loại hình nghệ thuật thẩm mỹ nào, chạy bộ đường dài của con người đòi hỏi mối liên kết giữa bộ não và cơ thể mà không một loài nào khác đạt được.

Nhưng đó là một nghệ thuật đã bị lãng quên. Đây là điều mà Scott Carrier phát hiện ra sau khi nghiên cứu suốt cả thập kỷ sau đó. Có một điều kỳ lạ đã xảy ra trên các bình nguyên ở Wyoming dạo đó: sự cuốn hút của một môn nghệ thuật thất truyền đã đi vào máu của Scott và không chịu tan biến. Bất chấp thất bại ê chề của chuyến đi ấy, Scott tiếp tục thay mặt em trai, dành nhiều năm nghiên cứu kỹ thuật đi săn bằng sức bền. Anh thậm chí còn lập ra một tổ chức phi lợi nhuận với mục đích đi tìm những người thợ săn bằng sức bền cuối cùng, và tuyển mộ cả một người chạy bộ siêu dài kiệt xuất Creighton King – người hai lần phá kỷ lục giải Double Grand Canyon trước khi anh em Skaggs xuất hiện – tham gia vào chuyến thám hiểm tới biển Cortez, nơi có lời đồn rằng một bộ tộc nhỏ thổ dân Seri vẫn đang giữ mối liên hệ với quá khứ chạy bộ của giống loài chúng ta.

Scott tìm thấy bộ tộc này – nhưng lại quá muộn. Có hai già làng từng học kỹ thuật cổ xưa đó từ cha của họ, nhưng không còn ứng dụng nó cả nửa thế kỷ, và quá già để có thể biểu diễn lại được.

Cuộc tìm kiếm đi vào ngõ cụt. Tới năm 2004, cuộc săn tìm người duy nhất trong sáu tỷ người trên Trái đất đã kéo dài 20 năm và không có kết quả. Scott Carrier đành phải từ bỏ. David Carrier đã buông xuôi từ lâu và lúc đó đang nghiên cứu các cấu trúc thể chất cho việc chiến đấu của loài linh trưởng. Dự án về những người thợ săn sức bền cuối cùng chìm xuống.

Nhưng, thường những lúc như vậy, chuông điện thoại lại reo lên.

“Rồi bỗng nhiên, tôi lại đang nói chuyện với người lạ mặt này.” Tiến sĩ Bramble bắt đầu kể. Ông trông như một gã cao bồi già, với mớ tóc xù màu xám và chiếc áo sơ mi vải mịn kiểu nông trang, một phong cách hoàn toàn phù hợp với những chiếc sọ động vật khô treo trên tường phòng thí nghiệm, cùng với lối kể chuyện như kiểu ngồi bên đống lửa trại. *Tới năm 2004*, Tiến sĩ Bramble nói, *nhóm hợp tác của hai trường đại học Utah-Havard đã xác định được 26 đặc điểm liên quan đến chạy đường dài trên cơ thể con người*. Với hy vọng nhỏ nhoi rằng sẽ tìm được Người Thợ Săn Cuối Cùng, họ quyết định cử cho đăng các kết quả nghiên cứu của mình. Tạp chí *Nature* đưa họ lên trang bìa, và cuối cùng, một bản của cuốn tạp chí đó đã tới tận thị trấn nằm trên bờ biển Nam Phi, nơi xuất phát của cuộc điện thoại này.

“Chuyện chạy đuổi một con linh dương tới chết không khó đâu.” Người lạ đó nói. “Tôi có thể chỉ cho ông biết phải làm như thế nào.”

“Xin lỗi, nhưng anh là ai vậy?”

“Louis Liebenberg. Tôi gọi từ Noordhoek.”

Bramble biết tất cả các tên tuổi trong lĩnh vực lý thuyết về chạy bộ, mà thực ra nhớ hết cũng chẳng khó lắm, vì họ chẳng đứng kín hết được một cửa hiệu bán đồ ăn tối. Nhưng Louis Liebenberg từ Noordhoek thì ông chưa từng nghe bao giờ.

“Anh là thợ săn à?” Bramble hỏi.

“Tôi á? Không.”

“Ồ... hay là nhà nhân chủng học?”

“Không nốt.”

“Thế chuyên môn của anh là gì?”

“Toán học. Toán và vật lý học.”

Toán học à? “Ồ... vậy thì... làm thế nào mà một nhà toán học lại biết cách săn linh dương?”

Bramble nghe thấy tiếng cười. “Gần như là ngẫu nhiên.”

Thật éo le khi cuộc đời của Louis Liebenberg và David Carrier gắn chặt với nhau suốt hàng thập kỷ mà họ không hề hay biết. Vào khoảng đầu những năm 80, Louis cũng chỉ là một cậu sinh viên, và cũng như David, anh bị sốc khi phát hiện ra một góc nhìn về sự tiến hóa của loài người mà rất ít người tin tưởng.

Một phần vấn đề của Louis nằm ở chính kiến thức, kinh nghiệm của anh: Anh chẳng có tí nào. Thời điểm đó, anh chưa đầy 20 tuổi và đang theo học chuyên ngành toán học và vật lý ứng dụng tại Đại học Cape Town. Khi tham gia một môn học tự chọn trong lĩnh vực lý luận khoa học, anh bắt đầu băn khoăn về vụ nổ Big Bang của tâm trí của loài người. Tại sao chúng ta lại có bước nhảy vọt từ tư duy sinh tồn cơ bản, giống như các loài động vật khác, lên tới các ý tưởng phức tạp ghê gớm như logic, tính hài hước, khả năng diễn dịch, lập luận trừu tượng, và năng lực tưởng tượng sáng tạo? Được rồi, cứ cho là người nguyên thủy đã nâng cấp phần cứng của mình bằng một bộ não lớn hơn – nhưng anh ta làm thế nào có được phần mềm? Bộ não to lên là một quá trình hữu cơ, nhưng đủ khả năng sử dụng bộ não đó để bước vào tương lai và kết nối các sự vật, sự việc trong suy nghĩ, ví dụ như từ một cái điều, một chiếc chìa khoá và một tia sét, suy ra được sự truyền điện thì cứ như là phép thuật. Như vậy, mỗi lửa khơi gợi cảm hứng đến từ đâu?

Louis tin rằng lời giải đáp nằm đâu đó trên các sa mạc miền nam châu Phi. Mặc dù chỉ là một gã trai thành phố mù mờ về thế giới tự nhiên, nhưng anh có linh cảm rằng nơi tốt nhất để tìm kiếm sự ra đời của tư duy con người chính là nơi sự sống của loài người bắt đầu. “Tôi có một linh tính mơ hồ rằng nghệ thuật theo dấu con mồi có thể là biểu hiện cho nguồn gốc của khoa học.” Louis nói. Và nếu như vậy thì còn ai đáng để nghiên cứu hơn những người Bụi rậm ở sa mạc Kalahari, những người vừa là bậc thầy về theo dấu động vật, vừa là tàn tích quá khứ tiền sử của giống loài chúng ta?

Vì thế, ở tuổi 22, Louis quyết định bỏ học và viết một chương mới trong lịch sử tự nhiên bằng cách thử nghiệm lý thuyết của mình với người Bụi rậm. Đó là một kế hoạch tham vọng đến điên rồ với chàng sinh viên bỏ học mà vốn kiến thức về nhân chủng học, khả năng sinh tồn ngoài hoang dã, hay các phương pháp khoa học, chỉ là con số không. Anh không biết nói tiếng mẹ đẻ của người Bụi rậm, tiếng !Kabee, mà cũng chẳng biết nói thứ tiếng du nhập của họ, tiếng Afrikaans. Anh thậm chí chẳng biết tí gì về theo dấu động vật, lý do thôi thúc anh lên đường. Nhưng vậy thì có sao chứ? Louis nhún vai, và bắt tay vào việc. Anh tìm được một người phiên dịch tiếng Afrikaans, liên hệ với những người hướng dẫn về săn bắt và các nhà nhân chủng học, rồi cuối cùng đặt chân lên con đường cao tốc Trans-Kalahari để tới Botswana, Namibia... và cả những miền đất chưa được biết tới.

Giống như Scott Carrier, Louis sớm nhận ra rằng mình sẽ thua trong cuộc đua với thời gian. “Tôi đi hết từ làng này tới làng khác để tìm kiếm những người Bụi rậm đi săn bằng cung và tên, vì họ hẳn sẽ phải có các kỹ năng lần tìm theo dấu vết.” Louis nói. Nhưng các cuộc đi săn thú lớn và các chủ trang trại dần dần lấy đi hết vùng đất săn bắn của họ, để rồi hầu hết những người Bụi rậm đều phải từ bỏ đời sống du cư và chấp nhận sống trong các khu bảo tồn của chính phủ. Sự suy giảm của họ thật buồn thảm; thay vì lang thang trong miền hoang dã, nhiều người Bụi rậm phải sống nhờ vào đồng lương rẻ mạt từ các công việc trong nông trại, và phải nhìn chị em gái cũng như con gái mình bước chân vào các nhà thổ tại các trạm nghỉ của cánh lái xe tải.

Louis vẫn miệt mài tìm kiếm. Phía xa trên sa mạc Kalahari, anh cuối cùng cũng gặp được một đám người Bụi rậm sống ngoài vòng pháp luật, mà theo lời anh: “vẫn bướng bỉnh bám trụ tự do và độc lập, không chịu bán mình cho lao động chân tay hay đi điếm.” Thì ra, cuộc tìm kiếm Một người trong Sáu tỷ người cũng không quá sai về mặt toán học: trên sa mạc Kalahari, còn lại đúng sáu thợ săn chân chính.

Đám người sống ngoài vòng pháp luật nọ đồng ý cho Louis ở cùng, đó một lời đề nghị mà anh quyết thực hiện cho đến nơi đến chốn. Anh phải đồng ý đóng vai một người họ hàng rảnh rỗi của họ, nghĩa là phải ăn lông ở lỗ với những người Bụi rậm ấy trong vòng bốn năm tiếp theo. Chàng trai thành phố Cape Town đã phải học cách sống với thực đơn của người Bụi rậm, chỉ bao gồm rễ cây, dâu dại, thịt nhím và loài thỏ nhảy trông giống chuột đồng. Anh học cách giữ cho đồng lửa không bị tắt, và buộc kín căn lều ngay cả trong những đêm nóng và mờ hôi, vì lũ linh cầu vẫn thường lôi người ta ra khỏi chỗ ngủ hờ hênh và cắn đứt cuống họng họ. Anh biết rằng nếu tình cờ chạm mặt một con sư tử cái đang giận dữ, cùng lũ con nhỏ, thì bạn cần phải đứng thẳng người và dọa nó lùi bước, nhưng ở tình huống tương tự với một con tê giác, thì bạn phải chạy trốn chết.

Nói về học hỏi kỹ năng, thì không gì bằng sinh tồn; chỉ riêng việc cố gắng kiếm đồ ăn bỏ bụng hằng ngày và tránh chọc giận lũ thú, như khi hai con sói lưng đen đang âu yếm nhau dưới bóng một cây bao báp chẳng hạn, đã là cách tuyệt vời nhất để Louis bắt đầu hấp thụ ma thuật của một bậc thầy về theo dấu động vật. Anh học cách nhìn vào bãi phân của lũ ngựa vằn và phân biệt được bãi nào là của con nào; anh phát hiện ra, ruột cũng có các đường rãnh và khía để lại các hoa văn đặc trưng trên phân thải. Biết cách phân biệt chúng, thì bạn có thể tìm ra được một con ngựa vằn đơn lẻ trong cả một đàn đang chạy tán mát và theo dấu nó dựa trên các chất thải đặc trưng. Louis học cách cúi gập người xuống nhìn đám dấu vết của một con cáo và hình dung được chính xác nó đã làm những gì: ở đây, nó đi chậm rãi như thể đã đánh hơi thấy mùi chuột và bọ cạp, và xem này, đây có vẻ là chỗ mà nó bắt đầu chạy đi với thứ gì đó trong mồm. Một vệt cát bị quét theo hình xoắn cho anh biết chỗ nào vừa có một con đà điểu tẩm cát, và từ đó giúp anh lần tìm tới ổ trứng của nó. Lũ chồn đất châu Phi thường đào hang ở vùng đất cát cứng, vậy tại sao chúng lại đào bới ở chỗ cát mềm này? Hẳn là ở đây phải có một ổ bọ cạp ngon lành...

Ngay cả khi đã biết đọc các dấu hiệu trên đất, thì bạn cũng gần như chưa biết gì hết; cấp độ tiếp theo là theo dấu con mồi ngay cả khi không có dấu vết, một trạng thái cao hơn của lập luận, còn được gọi một cách bóng bẩy là “đi săn bằng suy đoán”. Cách duy nhất làm được điều này, theo như Louis phát hiện ra, là bạn phải rời khỏi hiện tại và đi vào tương lai, đặt mình vào tâm trí của con vật mà bạn đang săn đuổi. Khi học được cách suy nghĩ như loài vật khác, bạn có thể phỏng đoán được điều nó định làm và phản ứng được trước cả khi nó thực hiện hành động đó. Nghe cứ như chuyện trên phim, khi những thanh tra FBI làm được những điều có vẻ phi lý như đoán trước tương lai, hay “nhìn bằng mắt của kẻ sát nhân”. Nhưng ở ngoài đó, trên các bình nguyên Kalahari, phóng tâm trí của mình lại hết sức thực tế và là một thứ kỹ năng chết chóc.

“Khi lần theo dấu một con vật, người thợ săn sẽ cố gắng suy nghĩ như con vật đó để dự đoán được nó sẽ đi theo hướng nào.” Louis nói. “Nhìn vào các dấu vết nó để lại, người thợ săn có thể hình dung được động tác của con vật đó và cảm nhận được chính chuyển động đó trong người mình. Bạn rơi

vào trạng thái xuất thần, với sự tập trung cao độ. Chuyện đó thực ra rất nguy hiểm, bởi lẽ bạn sẽ không còn cảm nhận được cơ thể mình nữa, và cứ thế ép mình tới khi bạn gục xuống.”

Hình dung... đồng cảm... suy nghĩ trừu tượng và phỏng đoán trước: ngoài vụ gục ngã ra, thì chẳng phải đó chính là cơ chế thần kinh mà chúng ta dùng cho khoa học, y tế và sáng tạo nghệ thuật hay sao? “Khi lần theo dấu con mồi, bạn đang tạo ra các liên kết nhân quả trong trí não, bởi vì bạn không thực sự nhìn thấy điều mà con vật đã làm.” Louis nhận ra. “Đó chính là cốt lõi của khoa học.” Với kỹ năng đi săn bằng suy đoán, những người thợ săn sơ khai của loài người còn làm được nhiều hơn cả việc kết nối các điểm chấm; họ đã kết nối được những điểm chấm chỉ tồn tại trong tâm trí họ.

Một buổi sáng nọ, bốn trong số những người Bụi rậm nọ – !Nate, !Nam!kabe, Kayate và Boro/xao – đánh thức Louis dậy trước bình minh để mời anh dự một buổi đi săn đặc biệt. Đùng ăn sáng, họ dặn, và hãy uống thật nhiều nước. Louis uống hết một ca cà phê, vớ lấy đôi ủng và lật đật bám theo sau đám thợ săn khi họ đi theo hàng qua đồng cỏ trong bóng tối. Mặt trời lên cao và bắt đầu thiêu đốt trên đầu, nhưng những người thợ săn đó vẫn dấn bước. Cuối cùng, sau khi đã đi bộ gần 20 dặm, họ tìm thấy một đám kudu, loài linh dương vô cùng nhanh nhẹn. Đó là lúc những người Bụi rậm bắt đầu chạy.

Louis đứng đó, ngơ ngác. Anh biết các quy tắc đi săn bằng cung tên của người Bụi rậm: bò rạp xuống đất, trườn vào tới tầm tên, và bắn. Thế thì đây là cái quái gì vậy? Anh đã từng được nghe một chút về kỹ năng săn mồi bằng sức bền, nhưng anh nghĩ nếu nó không phải là thứ kỹ năng từ thời cổ thì cũng chỉ là chuyện bịa: Hoặc con vật bị ngã gãy cổ khi đang chạy trốn, hoặc đó chỉ là chuyện tầm phào. Những người này không thể nào bắt kudu chỉ bằng chân được. Không thể nào. Nhưng anh ta càng nói “Không thể nào” thì những người Bụi rậm nọ càng đi xa hơn, vì vậy, Louis không nghĩ ngợi gì nữa mà bắt đầu chạy.

“Đây là cách của chúng tôi.” !Nate nói khi Louis hốt hển đuổi tới nơi. Bốn người thợ săn chạy le làng phía sau con kudu. Mỗi khi các con vật chạy vào một bụi cây keo, thì một trong số những người thợ săn sẽ tách khỏi nhóm và lừa con kudu nọ ra ngoài nắng. Cả đàn có thể tản ra, tụm lại, rồi lại chạy tản mát, nhưng bốn người Bụi rậm chỉ chạy và bám sát sau một con kudu duy nhất, tách nó khỏi đàn mỗi khi nó tìm cách lẩn vào, lừa nó ra khỏi bóng cây mỗi khi nó muốn nghỉ. Nếu không chắc là phải đuổi theo con nào, họ sẽ ngồi xuống, kiểm tra dấu vết trên đất và điều chỉnh lại cuộc săn đuổi.

Trong khi đang dốc hết sức để bám theo nhóm, Louis bất ngờ khi thấy !Nate, người khỏe mạnh và giỏi nhất trong đám thợ săn người Bụi rậm, lại chạy từ từ phía sau cùng mình. !Nate thậm chí còn không mang theo bình nước như những người thợ săn khác. Khi cuộc săn đuổi đã diễn ra được khoảng 90 phút, Louis phát hiện ra được lý do: khi một trong những người thợ săn lớn tuổi hơn thấy mệt mỏi và ngừng lại, ông ta đưa bình nước cho !Nate. !Nate uống cạn bình đó, rồi đổi cái bình không ấy lấy nửa bình nước khi người thợ săn thứ hai ngừng chạy.

Louis chạy lếch thếch phía sau, quyết tâm quan sát cuộc đi săn từ đầu đến cuối. Anh hối hận vì đã chọn đôi ủng đi rừng nặng nề; đám người Bụi rậm ngày xưa chỉ đi những đôi giày nhẹ, làm từ da hươu cao cổ, còn bây giờ, họ có những đôi giày thể thao mỏng mảnh, giữ cho bàn chân thoáng mát trong khi chạy. Louis cảm nhận được những gì mà anh đang trông thấy ở con kudu; anh thấy nó chạy quanh co như người say rượu... đầu gối trước của nó cong lại, duỗi ra... nó hồi phục và lại chạy đi... rồi gục xuống nền đất.

Và Louis cũng vậy. Khi tới được con kudu quy ngã, anh đã bị nóng lên tới mức không ra mồ hôi được nữa. Anh ngã sấp mặt xuống cát. “Khi tập trung vào cuộc săn đuổi, bạn sẽ nỗ lực đến các ngưỡng giới hạn. Bạn sẽ không nhận ra được là mình kiệt sức.” Louis sau này giải thích. Nói cách khác, anh cũng có được thành tích; Louis đã thực sự chuyển được vị trí sang con vật bị săn và chạy hết sức, cứ như chính anh ta bị săn đuổi. Anh thất bại vì đã không biết kiểm tra chính vết chân của mình; vì các giác quan cảm nhận tình trạng cơ thể rất dễ bị tê liệt, người Bụi rậm từ lâu đã biết cách thường xuyên kiểm tra chính vết chân mình. Nếu các vết chân của họ cũng tệ không kém gì bước

chân kudu, họ sẽ dừng lại, rửa mặt, ngâm một ngum nước đầy và cho nó trôi từ từ xuống cổ họng. Sau khi nuốt chỗ nước cuối cùng, họ sẽ đi bộ và kiểm tra lại các dấu chân của mình một lần nữa.

Đầu Louis lúc này đang giật giật, và mắt anh thì đang mờ dần. Anh gần như bất tỉnh, nhưng cũng đủ nhận thức để cảm thấy sợ hãi; anh đang nằm trên sa mạc với nhiệt độ khoảng gần 42 độ C, và hiểu rằng mình chỉ có duy nhất một cơ hội để giữ mạng. Anh dò dẫm với lấy con dao giắt ở thắt lưng và lết tới chỗ xác con kudu. Nếu rạch bụng nó, anh có thể uống nước được từ đó.

“KHÔNG!” !Nate ngăn Louis lại. Không như các loài linh dương khác, kudu ăn lá cây keo, có chứa chất độc đối với con người. !Nate trấn an Louis, bảo anh gắng chịu thêm một chút nữa, rồi chạy vọt đi: mặc dù !Nate đã đi bộ 20 dặm và chạy thêm 15 dặm, anh vẫn đủ sức chạy thêm 12 dặm nữa để lấy cho Louis một ít nước. !Nate không để cho anh uống chỗ nước ấy ngay. Đầu tiên, anh ta đắp nước lên đầu Louis, sau đó rửa mặt cho anh, và sau khi da của Louis bắt đầu nguội bớt, anh mới cho !Nate nhấp từng ngum nước nhỏ.

Sau đó, khi !Nate đưa Louis về khu lều trại, Louis cảm thấy kinh ngạc về hiệu quả ghê gớm của kỹ thuật săn mồi bằng sức bền. “Nó hiệu quả hơn nhiều so với cung và tên.” Anh nhận xét. “Dùng cung tên thì phải bắn rất nhiều lần thì mới săn được một con thú. Bạn có thể bắn trúng con vật nhưng vẫn mất nó, hoặc các loài vật ăn xác có thể ngửi thấy mùi máu và đến được chỗ con thú trước cả bạn, hoặc có thể phải mất cả đêm thì chất độc ở đầu mũi tên mới phát huy tác dụng. Tỷ lệ thành công của các phát tên rất thấp, vì vậy, tính trên số ngày đi săn, thì sản lượng thịt của kỹ thuật săn bằng sức bền cao hơn nhiều.”

Sau này, khi đã trải qua các cuộc đi săn bằng sức bền thứ hai, thứ ba và thứ tư thì Louis mới hiểu được là anh đã may mắn đến mức nào trong lần đầu tiên; con kudu đầu tiên đó gục ngã chỉ sau hai giờ, nhưng tất cả các con sau đó lại khiến những người Bụi rậm phải chạy từ ba đến năm giờ đồng hồ (có thể nhận ra rằng quãng thời gian này tương ứng với quãng thời gian để người thời nay chạy hết được phiên bản mới của môn đi săn thời tiền sử, môn marathon. *Các môn giải trí đều có lý lẽ của nó*).

Để thành công với vai trò thợ săn, Louis phải cải tạo bản thân để trở thành người chạy bộ. Anh từng là vận động viên cự ly trung bình cử khôi thời trung học, giành được chức vô địch cự ly 1.500 m và về đích ở vị trí thứ hai, kém chỉ vài giây sát sao với người về nhất trong cự ly 800 m. Nhưng để đi săn được cùng người Bụi rậm, anh phải quên hết mọi thứ từng được các huấn luyện viên hiện đại chỉ bảo và học theo phong cách cổ xưa. Là một vận động viên chạy trên đường piste, anh thường hạ thấp đầu và đập chân thật mạnh, nhưng khi làm môn đệ của người Bụi rậm, anh phải thẳng lưng, giữ tầm mắt ở trên cao và luôn luôn cảnh giác trong từng bước chạy. Anh không thể lơ là hay bỏ qua con đau; thay vào đó, tâm trí anh phải liên tục xoay chuyển giữa thực tại – gạt đám bụi và mồ hôi trên trán – và tưởng tượng, khi phải chơi trò chiến tranh trí não, để nghĩ trước con mồi của mình một bước.

Tốc độ chạy không cần phải quá dữ dội; người Bụi rậm chạy ở tốc độ trung bình khoảng 10 phút mỗi dặm (khoảng 6 phút 15 giây mỗi kilômét), nhưng họ phải chạy nhiều dặm trên cát mềm và cây bụi, và phải thỉnh thoảng dừng lại để kiểm tra dấu vết. Họ thỉnh thoảng tăng tốc và chạy nước rút, nhưng biết giảm tốc độ sau đó và hồi phục ngay trong khi chạy. Họ buộc phải làm như thế, bởi lẽ, đi săn bằng sức bền cũng như xuất hiện tại vạch xuất phát mà không biết là bạn sẽ phải chạy cự ly bán marathon, marathon hay một cự ly siêu dài. Sau một thời gian, Louis bắt đầu cảm nhận về chạy giống như cách người khác nhìn nhận về đi bộ; anh học cách giảm tốc độ và để gông chân theo một nhịp nhanh nhưng nhẹ nhàng, như một ngưỡng chuyển động nền có thể duy trì suốt cả ngày, và vẫn để dành được năng lượng dự trữ đủ để tăng tốc khi cần thiết.

Chế độ ăn uống của anh cũng thay đổi theo. Là một người săn bắn-hái lượm, bạn sẽ không bao giờ hoàn toàn nghỉ ngơi; bạn có thể đang đi bộ về nhà sau một ngày dài mệt mỏi thu hoạch khoai, nhưng nếu con mồi lọt vào tầm mắt, bạn lại có thể buông hết đồ đạc xuống để chạy. Vì thế, Louis phải học cách ăn nhẹ, ăn ít một suốt cả ngày hơn là ăn các bữa thật no, không bao giờ được để mình bị khát, và sinh hoạt hằng ngày như đang trong một cuộc đua.

Mùa hè ở Kalahari trở nên mát mẻ hơn, trời chuyển dần sang đông, nhưng các cuộc đi săn vẫn tiếp diễn. Thì ra, các Tiến sĩ ở hai Đại học Utah-Havard đã nhầm ở một phần trong lý thuyết về Người Chạy bộ: săn mồi bằng sức bền không phụ thuộc vào sức nóng chết người, bởi vì người Bụi rậm đã nghĩ ra những phương cách rất tài tình chạy và săn thú trong mọi loại thời tiết. Trong mùa mưa, cả linh dương duiker và linh dương gemsbok, sừng như ngọn giáo, đều có thể bị sốc nhiệt vì cát ướt làm trượt móng guốc, khiến chân chúng phải nện xuống đất mạnh hơn. Loài linh dương sừng cong hartebeest sống rất thoải mái ở đồng cỏ cao đến tầm thắt lưng người, nhưng lại tro trọi và yếu ớt khi nền đất khô cằn trong mùa đông. Khi trăng tròn, linh dương thường nhanh nhẹn vào buổi đêm, và uể oải vào tảng sáng; đến mùa xuân, chúng lại thường bị yếu đi vì bệnh tiêu chảy do ăn các lá xanh non.

Tới khi Louis đã sẵn sàng trở về nhà từ miền đất bụi rậm và bắt tay vào viết cuốn sách *The Art of Tracking: Orgin of Science* (Nghệ thuật Lăn theo dấu vết: Nguồn gốc của Khoa học), anh đã quá quen với các cuộc chạy dài, tới mức bỏ qua tầm quan trọng của chúng. Anh hầu như không nhắc gì đến chạy bộ trong cuốn sách, tập trung nhiều vào yêu cầu về tinh thần của cuộc đua hơn là phần thể chất. Đến lúc một cuốn tạp chí Nature lọt vào tay, anh mới hiểu hết giá trị của những gì được nhìn thấy ở Kalahari, và bốc máy điện thoại gọi đến Utah.

Ông biết vì sao con người chạy marathon không? Anh ta hỏi Tiến sĩ Bramble. Bởi vì chạy bộ có cội rễ trong trí tưởng tượng chung của chúng ta, và trí tưởng tượng của chúng ta lại bắt nguồn từ chạy bộ. Ngôn ngữ, nghệ thuật, khoa học; tàu vũ trụ con thoi, bức họa *Starry Night* (Đêm đầy sao), giải phẫu mạch; tất cả đều bắt nguồn từ khả năng chạy được của con người. Chạy bộ là sức mạnh siêu phàm đã khiến chúng ta trở thành con người – đồng nghĩa với việc đó là quyền năng đặc biệt mà chúng ta ai cũng có.

“Vậy thì tại sao lại có nhiều người ghét nó đến vậy?” Tôi hỏi Tiến sĩ Bramble khi ông kết thúc câu chuyện về Louis và người Bụi rậm. “Nếu chúng ta đều sinh ra để chạy, thì đáng nhẽ tất cả chúng ta đều phải thích thú với việc đó chứ?”

Tiến sĩ Bramble bắt đầu phần giải thích của mình bằng một câu đố. “Chuyện này thú vị đấy.” Ông ta bảo. “Chúng tôi đã theo dõi kết quả của giải đua New York City Marathon 2004 và so sánh thời gian về đích theo độ tuổi. Điều chúng tôi phát hiện ra là bắt đầu từ độ tuổi 19, những người chạy bộ chạy nhanh dần lên mỗi năm, cho tới tuổi 27. Sau tuổi 27, thành tích của họ bắt đầu suy giảm. Vậy, đây là câu hỏi – anh sẽ khoảng bao nhiêu tuổi khi chạy chậm trở lại bằng với mức thành tích hồi 19 tuổi?”

Được rồi. Tôi mở cuốn sổ tay sang một trang trắng và bắt đầu tính toán. Mất khoảng tám năm để đạt được thành tích tốt nhất, ở độ tuổi 27. Và nếu chậm đi cùng với tốc độ mà bạn đã chạy nhanh thêm, thì bạn sẽ trở lại mức thành tích của tuổi 19 khi đạt tới 36 tuổi: tám năm tăng, tám năm giảm. Nhưng tôi biết là trong việc này có gì đó bất thường, và tôi chắc chắn rằng nó liên quan đến việc ta có suy giảm nhanh như lúc ta tiến bộ hay không. “Chúng ta có lẽ giữ được tốc độ của mình lâu hơn một chút sau khi đạt được nó.” Tôi quyết định. Khi Khalid Khannouchi phá kỷ lục thế giới cự ly marathon, anh đang 26 tuổi, và sau đó ở tuổi 36, anh vẫn chạy được nhanh tới mức về đích ở vị trí thứ tư trong kỳ tuyển chọn Olympic của Mỹ năm 2008. Anh chỉ chậm bớt đi 10 phút trong khoảng thời gian 10 năm, bất chấp một loạt các chấn thương. Điều chỉnh theo sự suy giảm theo đường cong của Khannouchi, tôi nâng câu trả lời của mình lên mức 40.

“Bốn mươi...” Tôi bắt đầu nói, cho tới khi nhìn thấy nụ cười đang nở ra trên mặt Bramble. “... Lăm.” Tôi vội thêm vào. “Bốn mươi lăm.”

“Sai rồi.”

“50?”

“Sai nốt.”

“Chắc không thể là 55 được.”

“Anh nói đúng.” Bramble trả lời. “Không phải vậy. Mà là 64.”

“Ông không đùa đấy chứ? Vậy là...” tôi nhẩm tính nhanh. “Khoảng cách là 45 năm. Ông đang nói là đám thanh niên mười mấy tuổi không thắng nổi những người trung niên gấp ba tuổi mình sao?”

“Anh thấy kỳ diệu không?” Bramble hưởng ứng. “Anh thử nghĩ xem còn môn thể thao gắng sức nào khác lại có chuyện người già 64 tuổi thi đấu với đám trẻ 19. Boi à? Hay đấm bốc? Không có cửa đâu nhé! Có một điều rất lạ về loài người chúng ta; chúng ta không chỉ giỏi về chạy đường dài, mà còn có thể giữ phong độ tốt được trong một khoảng thời gian rất dài. Chúng ta là những cỗ máy sinh ra để chạy – và những cỗ máy này chẳng bao giờ hao mòn.”

Như Dipsea Demon vẫn thường nói: *bạn không ngừng chạy vì già. Bạn già đi vì bạn ngừng chạy...*

“Và điều này đúng với cả hai giới.” Tiến sĩ Bramble nói tiếp. “Phụ nữ cũng có kết quả giống như nam giới.” Điều này có lý, vì đã xảy ra một sự biến đổi lạ lùng khi giống loài chúng ta leo từ trên cây xuống mặt đất: chúng ta càng “con người” hơn, thì càng bình đẳng hơn. Nam và nữ giới gần như có kích thước cơ thể ngang nhau, ít nhất là so với các loài linh trưởng khác: Khi đột và orangutan đực nặng gấp đôi con cái; tinh tinh cái chỉ bằng khoảng hai phần ba tinh tinh đực; nhưng đối với loài người, nam và nữ chỉ chênh nhau về trọng lượng khoảng 15%. Trong quá trình tiến hóa, chúng ta đã bỏ bớt cơ bắp, trở nên mềm mại hơn, tập thể hơn... về cơ bản là, nữ tính hơn.

“Phụ nữ đã thực sự bị xem nhẹ.” Tiến sĩ Bramble nói. “Họ đã bị thiệt thòi về mặt tiến hóa. Ta luôn duy trì quan niệm rằng họ chỉ ngồi đó và chờ những người đàn ông mang thức ăn về, nhưng không có bất kỳ lý do nào khiến phụ nữ không thể tham gia vào nhóm đi săn.” Trên thực tế, nếu phụ nữ không đi săn cùng với nam giới mới là kỳ lạ, bởi họ mới thực sự cần thịt. Cơ thể con người được lợi nhiều nhất từ protein động vật khi còn nhỏ, thời kỳ thai nghén và cho con bú, vậy thì tại sao phụ nữ không đến gần với nguồn cung cấp thịt hết mức có thể? Những người săn bắn hái lượm sống du cư thay đổi vị trí cắm trại theo sự di chuyển của bầy đàn con mồi, vì vậy, thay vì mang thức ăn về nơi cắm trại, thì sẽ hợp lý hơn nếu như cả trại đi theo tới chỗ có thức ăn.

Chăm sóc con cái trong khi di chuyển thực ra không khó khăn lắm, như Kami Semick, một người chạy bộ siêu dài người Mỹ từng làm; cô thích chạy trên các lối mòn trên núi ở quanh Bend, Oregon, địu sau lưng cô con gái bốn tuổi, Baronie. Trẻ sơ sinh thì sao? Không vấn đề gì: tại giải đua Hardrock 100 năm 2007, Emily Baer vượt qua 90 người khác gồm cả nam lẫn nữ và về đích ở vị trí thứ tám chung cuộc, mà vẫn dừng lại ở tất cả các trạm để cho con mình bú sữa. Những người Bui rậm nay không còn du cư nữa, nhưng truyền thống bình đẳng trong việc đi săn vẫn tồn tại trong các bộ lạc Mbuti Pygmies ở Congo, nơi các ông chồng và các bà vợ cùng sát cánh đi săn lợn rừng bằng lưới. “Đó là vì họ hoàn toàn đủ sức sinh ra một đứa trẻ trong khi đi săn, và quay lại tham gia vào cuộc đi săn ngay trong buổi sáng hôm đó.” Nhà nhân chủng học Colin Turnbull, người từng sống nhiều năm với người Mbuti ghi nhận. “Các bà mẹ này không thấy có bất kỳ lý do nào khiến họ không nên tiếp tục tham gia.”

Bức tranh mà Tiến sĩ Bramble mô tả về quá khứ đang hiện ra càng lúc càng rõ nét và có sắc màu hơn. Tôi có thể nhìn thấy một nhóm thợ săn – cả già lẫn trẻ, cả nam và nữ – chạy bộ không mệt mỏi trên thảo nguyên. Những người phụ nữ chạy hàng đầu, dẫn cả nhóm theo các dấu vết còn mới, và ngay sau họ là những người lớn tuổi, mắt họ dán xuống nền đất và tâm trí họ như nằm trong đầu một con kudu đang chạy cách đó khoảng nửa dặm. Bám sát gót họ là đám thiếu niên háo hức học hỏi thêm các mẹo đi săn. Nhóm cơ bắp thực sự chạy ở phía sau; đàn ông ở độ tuổi 20, là những người chạy bộ và thợ săn khỏe mạnh nhất, chăm lo bảo vệ cho những người săn tìm dấu vết dẫn đầu, và giữ sức cho việc hạ sát con mồi. Còn những người bọc hậu? Chính là các Kami Semick của đồng cỏ, địu theo con cái của mình.

Xét cho cùng, chúng ta còn gì khác để làm nữa? Chẳng còn gì, ngoài việc chạy như điên và gấn bó với nhau. Con người là loài có tính cộng đồng và tập thể nhất trong các loài linh trưởng; khả năng phòng vệ của chúng ta trong một thế giới toàn các kẻ thù có răng sắc nhọn chính là tinh thần đoàn kết, và không có lý gì để nghĩ rằng chúng ta đột nhiên lại tách rời nhau ra trong thử thách cam go

nhất, cuộc săn tìm thức ăn. Tôi nhớ lại chuyện người thổ dân da đỏ Seri nói với Scott Carrier vào buổi hoàng hôn, sau những ngày đi săn bằng sức bền. “Ngày xưa mọi thứ tốt hơn.” Một già làng người Seri than thở. “Trước đây cả gia đình chúng tôi cùng tham gia. Cả cộng đồng là một gia đình. Chúng tôi chia sẻ mọi thứ và hợp tác với nhau, nhưng bây giờ, mọi người toàn cãi cọ và tranh giành, người nào cũng chỉ lo cho bản thân mình.”

Chạy bộ không chỉ biến họ trở thành người Seri thực thụ. Như huấn luyện viên Joe Vigil sau này cảm nhận ở chính những vận động viên của mình, rằng nó còn làm cho họ trở nên tốt đẹp hơn.

“Nhưng có một vấn đề.” Tiến sĩ Bramble vỗ vỗ lên trán. “Nó nằm ở ngay đây.” Theo ông, tài năng vĩ đại nhất của chúng ta cũng đồng thời tạo ra con quái vật hủy hoại chính chúng ta. “Không giống như bất kỳ thực thể sống nào trong lịch sử, loài người có sự xung đột giữa tâm trí và thể xác: ta có một cơ thể sinh ra để hành động, nhưng lại có một bộ não luôn tìm kiếm hiệu quả.” Sự sinh tử của chúng ta nằm ở sức bền, nhưng hãy nhớ: sức bền có nghĩa là phải tiết kiệm năng lượng, và đó lại là việc của bộ não. “Lý do khiến nhiều người tận dụng khả năng thiên bẩm di truyền về chạy bộ, trong khi những người khác không làm điều này bởi vì bộ não là một người đi mua sắm thích mặc cả.”

Suốt hàng triệu năm, chúng ta sống trong một thế giới không có cảnh sát, taxi hay cửa hàng Domino’s Pizza; chúng ta dựa vào đôi chân để giữ an toàn, tìm kiếm thức ăn, di chuyển, và chúng ta không thể chắc chắn là công việc này chỉ bắt đầu khi công việc khác đã kết thúc. Hãy xem cuộc đi săn khác thường của !Nate cùng Louis; !Nate chắc chắn không hề có kế hoạch chạy nhanh 10 km ngay sau khi đã đi bộ nửa ngày và hoàn tất một cuộc săn đuổi tốc độ cao, nhưng anh vẫn có đủ năng lượng dự phòng để cứu mạng Louis. Tổ tiên anh cũng chẳng bao giờ biết chắc, họ sẽ không trở thành thức ăn của loài khác ngay khi vừa bắt được con mồi; con linh dương mà họ săn đuổi từ lúc Mặt trời mọc có thể hấp dẫn các loài thú dữ, và buộc người thợ săn phải buông bỏ bữa trưa và chạy thoát thân. Cách duy nhất để sống sót là giữ lại một chút trong bình xăng – và đó chính là lúc bộ não làm việc.

“Bộ não luôn bày mưu tính kế để làm giảm chi phí, kiếm được nhiều hơn trong khi phải bỏ ra ít hơn, lưu trữ năng lượng và đảm bảo nó sẵn sàng cho tình huống khẩn cấp.” Bramble giải thích. “Chúng ta sở hữu một cỗ máy kỳ lạ, nhưng lại được điều khiển bởi một kẻ luôn nghĩ rằng: ‘Làm thế nào ta vận hành được nó mà không tốn chút năng lượng nào nhỉ?’ Tôi và anh đều biết rằng chạy bộ dễ chịu đến thế nào vì chúng ta đã hình thành thói quen chạy bộ.” Nhưng một khi đã đánh mất thói quen đó, thì giọng nói to nhất vang lên trong đầu chỉ còn là bản năng sinh tồn cổ xưa xúi giục bạn nghỉ ngơi. Và đó chính là sự trớ trêu cay đắng: sức bền tuyệt vời của ta đã cung cấp cho bộ não thức ăn để phát triển, và nay bộ não của ta lại làm sức bền của ta mai một đi.

“Chúng ta sống trong một nền văn hóa coi việc vận động tới cực hạn là điên rồ.” Tiến sĩ Bramble nói. “Bởi vì đó chính là điều mà bộ não nói với chúng ta: tại sao lại khởi động cỗ máy khi không cần thiết?”

Công bằng mà nói, bộ não của chúng ta vẫn biết lý lẽ trong 99% lịch sử của loài người; ngòi chơi là xa xỉ, vì thế nên bất kỳ khi nào có cơ hội để nghỉ ngơi và hồi phục là bạn sẽ nắm ngay lấy nó. Chỉ gần đây chúng ta mới bắt đầu có công nghệ biến sự lười nhác trở thành một phong cách sống; chúng ta đã ném cơ thể của người săn bắn-hái lượm vạm vỡ, bền bỉ vào một thế giới nhân tạo nhàn rỗi. Và điều gì sẽ xảy ra khi bạn đưa một sinh thể vào một môi trường mới lạ? Các nhà khoa học ở NASA đã băn khoăn về điều này trước khi thực hiện những chuyến bay đầu tiên vào vũ trụ. Cơ thể con người được thiết kế để phát triển mạnh mẽ dưới tác động của trọng lực, vì vậy, liệu rằng loại bỏ áp lực đó có giống như bước vào con đường đi tới Suối nguồn Tươi trẻ, khiến các nhà du hành vũ trụ cảm thấy mạnh mẽ hơn, khôn ngoan hơn và khỏe khoắn hơn? Xét cho cùng, tất cả calo mà họ ăn được sẽ được dùng cho việc nuôi dưỡng bộ não và cơ thể, thay vì phải tiêu tốn để chống trả cái lực kéo tàn nhẫn xuống phía dưới, phải không?

Hoàn toàn không. Khi các nhà du hành vũ trụ trở về Trái đất, họ đã bị lão hóa đi nhiều thập kỷ chỉ trong vài ngày. Xương của họ yếu hơn, và cơ bắp teo đi; họ bị mất ngủ, trầm cảm, họ gặp phải chứng

mệt mỏi cấp tính, và lúc nào cũng bơ phờ. Ngay cả chồi vị giác cũng suy giảm. Nếu cuối tuần chỉ nằm dài xem tivi trên ghế xô-pha, bạn sẽ hiểu được cảm giác đó, bởi vì ở đây, trên Trái đất, chúng ta đã tạo ra bong bóng không trọng lực của riêng mình; ta lấy đi công việc mà cơ thể chúng ta đáng nhẽ phải làm, và chúng ta phải trả giá cho nó. Hầu hết những kẻ sát nhân nguy hiểm nhất ở phương Tây – bệnh tim, đột quỵ, tiểu đường, trầm cảm, cao huyết áp, và hàng tá chứng bệnh ung thư khác nhau – đều chưa từng xuất hiện ở tổ tiên chúng ta. Họ không có thuốc chữa, nhưng họ sở hữu một viên đạn diệu kỳ – hoặc có thể là hai, nếu xem xét số ngón tay mà Tiến sĩ Bramble đang giơ lên làm hiệu.

“Anh có thể ngăn chặn các bệnh dịch ngay trên con đường tiến triển của chúng, chỉ với một phương thuốc này thôi.” Ông nói. Ông giơ hai ngón tay lên thành hình chữ V, rồi chậm chậm quay chúng xuống dưới và ngọ nguậy các ngón tay trong không khí. Người Chạy Bộ.

“Đơn giản vậy thôi.” Ông nói. “Hãy động đậy đôi chân của anh. Bởi vì nếu anh không nghĩ rằng mình sinh ra để chạy, thì anh không chỉ chối bỏ lịch sử, mà còn chối bỏ bản chất của chính mình.”

Quá khứ chẳng bao giờ chết.

Nó thậm chí chẳng bao giờ trôi qua.

- **William Faulkner**, *Kinh cầu hồn cho một nữ tu*

Tôi đã thức dậy sẵn và đang nhìn vào bóng tối khi Caballo tới và cào lên cánh cửa phòng.

“Oso?” Anh thì thầm.

“Vào đi!” Tôi thì thầm đáp lời. Tôi liếc nhìn đồng hồ: 4 giờ 30 sáng.

Khoảng nửa giờ nữa, chúng tôi phải lên đường đi đến điểm hẹn với người Tarahumara. Nhiều tháng trước, Caballo đã hẹn họ gặp chúng tôi ở một thung lũng nhỏ phủ bóng cây trên con đường mòn dẫn lên đỉnh Batopilas. Kế hoạch là cứ leo lên tiếp, vượt qua đỉnh núi, rồi đi xuống theo triền núi bên kia, băng qua sông và tới làng Urique. Tôi không biết liệu Caballo sẽ làm gì nếu người Tarahumara không xuất hiện – và cũng chẳng biết mình sẽ làm gì nếu gặp được họ.

Lữ khách cưỡi ngựa thường mất khoảng ba ngày để đi hết 35 dặm từ Batopilas tới Urique; còn Caballo định chỉ đi trong một ngày. Nếu tụt lại phía sau, liệu lần này có phải đến lượt tôi bị lạc lối trong vùng hẻm núi hay không? Và nếu những người Tarahumara không đến – liệu Caballo có dẫn chúng tôi vào miền đất không người để tìm họ? Liệu anh có biết là mình đang đi đâu hay không?

Chuyện đó khiến tôi không ngủ được. Nhưng hóa ra Caballo lại có những nỗi lo riêng. Anh đi vào và ngồi lên mép giường tôi.

“Anh nghĩ liệu mấy đứa nhóc có đủ sức không?” Anh hỏi.

Kỳ lạ là họ có vẻ vẫn ổn, sau bữa hút chết trong vùng hẻm núi. Họ ních căng bụng *tortillas* và *frijoles* vào bữa tối, và tôi vẫn chưa nghe thấy bất cứ tiếng kêu cứu nào phát ra từ nhà vệ sinh trong đêm đó.

“Bao lâu thì bệnh khuẩn giardia bắt đầu phát tác?” Tôi hỏi. Lữ trùng roi ký sinh giardia phải ủ bệnh một thời gian trong ruột trước khi phát tác thành chứng tiêu chảy, lên cơn sốt và đau thắt dạ dày.

“Khoảng từ một đến hai tuần.”

“Vậy nếu như không đỡ bệnh từ giờ tới tối nay, họ hẳn yên ổn tới sau cuộc đua.”

“Hừm!” Caballo lầm bầm. “Ồ.” Anh ngập ngừng, rõ ràng là đang lo lắng về chuyện gì khác. “Này!” Anh nói tiếp. “Chắc tôi phải nói chuyện nghiêm túc với Ted Chân Đất.” Vấn đề lần này không phải là bàn chân của Ted; mà là cái mồm của anh ta. “Nếu anh ta lại sẵn số vào người Rarámuri, thì họ sẽ cảm thấy không thoải mái.” Caballo nói. “Họ sẽ nghĩ rằng anh ta lại là một gã Fisher khác, và sẽ bỏ đi.”

“Vậy anh định làm gì?”

“Tôi sẽ bảo anh ta phải ngậm chặt miệng. Tôi không thích bắt ép này nọ, nhưng anh ta phải hiểu được điều đó.”

Tôi ngồi dậy và phụ anh đánh thức những người còn lại. Đêm qua, một người bạn của Caballo đã chất các túi đồ của chúng tôi lên một con lừa và đi trước tới Urique, vì vậy, chúng tôi chỉ phải mang đủ đồ ăn, nước uống. Bob Francis, người dẫn đường dày dạn trên vùng đất hoang, đã tình nguyện lái xe chở cha của Luis đi theo đường vòng quanh núi, trên chiếc xe bán tải 4 x 4 của mình, để ông không phải leo núi. Những người còn lại nhanh chóng rời phòng, và khoảng năm giờ sáng, chúng tôi đã bắt đầu lần đường qua các tảng đá lớn để tới con sông. Ánh trăng vùng hẻm núi còn lấp loáng trên mặt

nước, và lũ doi vẫn đang chao lượn trên đầu khi Caballo dẫn chúng tôi tới một con đường mòn mờ nhạt dọc theo mép nước. Chúng tôi đi theo hàng một và bắt đầu chuyển sang chạy chậm.

“Cặp Nhóc Tiệc Tùng khủng thật.” Eric nói khi nhìn họ lướt đi bên cạnh Caballo.

“Phải gọi là cặp Nhóc Phục Hồi mới đúng.” Tôi đồng tình. “Nhưng bản khoản lớn của Caballo lại là...” Tôi chỉ tay về phía Ted Chân Đất. Đồi leo núi của anh ta gồm một chiếc quần soóc đỏ, đôi giày xỏ ngón Five Finger xanh lá, và một chiếc bùa hình bộ xương người lủng lẳng trên cổ. Thay vì mặc áo, anh ta chỉ choàng một chiếc áo mưa màu đỏ, lấy mũ áo buộc thành nút dưới cằm, phần còn lại thì bay phấp phới trên vai. Kêu leng keng chõ cổ chân là một dải chuông mà anh ta giải thích là đã đọc được ở đâu đó, rằng các già làng người Tarahumara cũng đeo như vậy.

“Bùa linh đấy.” Eric cười mỉm. “Chúng ta có sẵn thầy pháp rồi.”

Khi Mặt trời lên, chúng tôi đã rời khỏi dòng sông và rẽ lên núi. Caballo gắng đi chuyển nhanh, thậm chí còn gắng sức hơn hôm trước. Chúng tôi vừa đi vừa ăn, nuốt vội vàng những miếng *tortilla* và thanh năng lượng, nhấp chút nước, phòng khi chỉ có từng đó nước cho cả ngày. Trời vừa sáng tỏ, tôi ngoái đầu lại và định vị. Ngôi làng đã biến mất như Brigadoon¹², bị rừng rậm nuốt chửng. Ngay cả con đường mòn phía sau lưng cũng như thể tan biến vào những tán lá màu xanh lục ngay khi chúng tôi vừa đi qua. Cảm giác như thể chúng tôi đang chìm dần vào một biển xanh không đáy.

12 Ngôi làng bí ẩn trong truyện cổ Scotland (ND).

“Không xa nữa đâu!” Tôi nghe thấy tiếng Caballo. Anh chỉ tay về phía một thứ gì đó mà tôi vẫn chưa nhìn rõ. “Thấy bụi cây kia không? Họ sẽ có mặt ở đó.”

“Nhà Arnulfo.” Luis nói, không giấu nổi sự phấn khích. “Được gặp ông ấy còn hơn cả gặp Michael Jordan.”

Tôi tiến lại gần và nhìn thấy bụi cây. Nhưng không thấy ai cả.

“Bệnh cúm đang hoành hành.” Caballo vừa nói, vừa chạy chậm lại và ngửa mặt nheo mắt nhìn lên những ngọn đồi phía trên để tìm kiếm dấu hiệu của sự sống. “Một số người chạy bộ có thể sẽ tới sau. Họ đang ốm. Hoặc họ phải chăm sóc gia đình.”

Eric và tôi đưa mắt nhìn nhau. Caballo chưa từng nhắc gì đến trận cúm. Tôi nhắc ba lô nước khỏi vai và chuẩn bị ngồi xuống nghỉ. *Tốt nhất là nghỉ ngơi một chút cho đến khi biết được chuyện tiếp theo*, tôi nghĩ và bỏ ba lô xuống dưới chân. Khi tôi ngước mắt lên đã thấy cả nửa tá người mặc váy trắng và áo choàng vây quanh. Chỉ trong chớp mắt, họ đã hiện ra từ trong khu rừng.

Chúng tôi đứng sững, chờ đợi hiệu lệnh của Caballo.

“Anh ta có ở đây không?” Luis thì thầm.

Tôi rà một lượt quanh vòng người Tarahumara tới khi nhận ra nụ cười kỳ dị quen thuộc trên gương mặt điển trai như tạc từ gỗ gụ. Ồ, anh ta đến thật rồi! Và thật khó tin, người em họ của anh ta, Silvino, cũng đứng ngay bên cạnh.

“Anh ta đấy! Tôi thì thảo đáp. Arnulfo nghe thấy và liếc về phía tôi. Anh ta nhếch môi lên thành một nụ cười nhẹ khi nhận ra tôi.

Caballo đang bấn loạn. Tôi nghĩ đó chỉ là cảm giác nhẹ nhõm, cho tới khi anh vươn cả hai tay về phía một người Tarahumara có vẻ mặt đau buồn, như Geronimo. “Manuel.” Caballo nói.

Manuel Luna không cười đáp trả, nhưng kẹp cả hai bàn tay của Caballo trong tay. Tôi bước tới. “Tôi từng được gặp con trai anh.” Tôi nói. “Thằng bé đối xử với tôi rất tốt, như một *quý ông* thực thụ.”

“Nó cũng kể cho tôi về anh.” Manuel nói. “Nó cũng muốn có mặt ở đây.”

Cuộc tái ngộ đầy cảm xúc giữa Caballo và Manuel đã phá vỡ bức tường ngăn cách giữa tất cả mọi người. Những người còn lại trong đoàn của Caballo lần lượt đi tới những người Tarahumara, trao nhau những cái bắt tay kiểu Tarahumara mà Caballo đã dạy trước, kiểu lướt nhẹ các đầu ngón tay này vừa có cảm giác đỡ tóm bắt, vừa thân tình hơn nắm chặt tay.

Caballo bắt đầu giới thiệu chúng tôi. Không phải bằng tên – trên thực tế, tôi nghĩ rằng mình còn không hề nghe thấy anh ta dùng tên của chúng tôi thêm lần nào nữa. Anh ta đã để ý kỹ chúng tôi trong ba ngày vừa qua, và cũng như anh ta nhìn thấy ở tôi một con oso, còn Ted Chân Đất thì đã tự nhận mình là một con khi, Caballo nghĩ đã xác định được linh vật cho đám còn lại.

“El Coyote13.” Anh ta nói và đặt tay lên lưng Luis. Billy thì trở thành El Lobo Joven – con sói trẻ. Eric, im lặng và thường xuyên quan sát, thì là El Gavilán, chim ưng. Khi giới thiệu đến Jenn, tôi nhận thấy thoáng hào hứng ánh lên trong mắt Manuel Luna. “La Brujita Bonita.” Caballo gọi tên cô như vậy. Đối với người Tarahumara đã đắm chìm trong những câu chuyện về hai năm oanh liệt ở giải Leadville và cuộc chiến lịch sử giữa Juan Herrera với Ann “the bruja” Trason, thì việc gọi một người chạy bộ trẻ tuổi là “Phù Thủy Nhỏ Xinh Đẹp” tạo ấn tượng mạnh ngang với việc đặt biệt hiệu cho một cầu thủ NBA nhỏ tuổi là “Người thừa kế của Jordan”.

13. *Chó sói đồng cỏ (ND).*

“¿Hija?” Manuel hỏi. Có phải Jenn là con gái của Ann Trason?

“Por sangre, no. Por corazón, sí.” Caballo trả lời. Không cùng dòng máu, nhưng cùng trái tim.

Cuối cùng, Caballo quay về phía Scott Jurek “El Venado,” anh ta nói, và lần này đến một người quá đằm tĩnh như Arnulfo cũng có phản ứng. Giờ thì không hiểu gã gringo điên khùng này đang chơi trò gì nữa? Tại sao Caballo lại gọi cái gã dong dỏng cao, tự tin tốt vời này là “hươu”? Có phải anh ta đang ngầm đá chân dưới gầm bàn với người Tarahumara, ra hiệu nước bài của mình vào ngày đua? Manuel vẫn nhớ rõ cách Caballo hối thúc những người Tarahumara ở Leadville phải kiên nhẫn bám sát gót Ann Trason và “săn đuổi cô ta như một con hươu”. Nhưng liệu Caballo có ủng hộ người Tarahumara hơn đồng bào của mình không? Hay có thể đó chỉ là một cái bẫy – có thể Caballo cố tình muốn lừa những người Tarahumara ghìm bót lại trong khi gã người Mỹ này tạo ra khoảng cách dẫn trước không thể phá nổi.

Tất cả đều bí ẩn, phức tạp, và cũng hết sức hào hứng đối với người Tarahumara, những người mà tình yêu dành cho chiến thuật trong các cuộc đua chẳng thua kém gì tình yêu dành cho bia ngô. Họ bắt đầu bông đùa với nhau, cho tới khi Ted Chân Đất chen vào. Không rõ là do vô tình, hay cố ý để phòng, mà Caballo đã bỏ qua Ted trong phần giới thiệu, và vì vậy, Ted tự trình bày luôn.

“Yo soy El Mono!” Anh ta phát biểu. “Là khi!” Gượng đã, Ted Chân Đất nghĩ; liệu có khi ở Mexico không nhỉ? Có khi người Tarahumara còn chẳng biết mono là con gì cũng nên. Và để đề phòng chuyện đó, anh ta bắt đầu khếch khếch và gãi gãi, những chiếc chuông dưới cổ chân anh ta kêu leng keng còn phần ống tay của chiếc áo mưa màu đỏ phất phơ trên mặt. Anh ta như đang nghĩ rằng bắt chước một thứ mà người ta chưa từng nghe tới bao giờ có thể khiến họ hiểu được.

Những người Tarahumara nhìn chằm chằm. Thật tình cờ, không ai trong số họ đeo chuông cả.

“Được rồi.” Caballo nói, có vẻ nôn nóng muốn hạ màn buổi biểu diễn ở đây. “¿Vámonos?”

Chúng tôi lại khoác ba lô lên vai. Dù đã leo núi gần năm giờ liên tục, nhưng chúng tôi vẫn phải tiếp tục chạy đua với Mặt trời, nếu muốn có cơ hội vượt sông trước khi trời tối. Caballo dẫn đầu, trong khi đám còn lại chúng tôi xếp ngẫu nhiên thành hàng một cùng với người Tarahumara. Tôi cố chen xuống cuối hàng để không làm chậm cả đoàn, nhưng Silvino không chịu nghe. Anh ta không chịu nhúc nhích nếu như tôi không đi trước.

“¿Por qué?” Tôi hỏi. Tại sao?

Thói quen thôi, Silvino nói; là một trong những tay đua bóng chạy hàng đầu vùng hẻm núi, anh ta có thói quen theo dõi đồng đội từ phía sau và để họ tự kéo cuộc đua, chờ đến thời điểm thích hợp mới phóng lên từ phía sau như viên đạn bắn khỏi nã cao su ở những dặm cuối cùng. Tôi cảm thấy hơi nhột nhạt khi nghĩ rằng mình là một thành viên của Biệt đội Chạy siêu dài Siêu sao Tarahumara – Hoa Kỳ, cho tới khi tôi dịch lại những gì Silvino nói cho Eric nghe.

“Có thể là như vậy.” Eric nói. “Hoặc cũng có thể là cuộc đua đã bắt đầu rồi.” Anh ta hát đầu về đằng xa phía trước. Arnulfo đang đi bộ ngay sau lưng Scott, và chăm chú quan sát anh ta.

Thi ca, âm nhạc, rừng thẳm, đại dương, sự tĩnh mịch – đó là những thứ có thể giúp bồi đắp thêm rất nhiều cho sức mạnh tinh thần. Tôi đã nhận ra được rằng tinh thần, cũng cần được tích trữ trước một cuộc đua nhiều không kém, thậm chí còn hơn cả tình trạng thể chất.

- **Herb Elliott**, nhà vô địch Olympic và từng giữ kỷ lục thế giới cự ly một dặm, người từng luyện tập bằng chân đất, làm thợ, và hoàn toàn không bị đánh bại cho đến tận khi nghỉ thi đấu.

Oye, Oso.” Một người bán hàng gọi và vẫy tôi vào.

Chỉ hai ngày sau khi tới Urique, chúng tôi nổi tiếng khắp nơi với các biệt danh linh thú mà Caballo đặt cho. Dĩ nhiên, “khắp nơi” có nghĩa là khoảng 500 m về mọi hướng; Urique là một ngôi làng nhỏ, kiểu Thế Giới Đã Mất, ở tận dưới đáy của vùng hẻm núi, như một viên sỏi nằm dưới đáy giếng. Ngay khi ăn xong bữa điểm tâm buổi sáng đầu tiên, chúng tôi đã bị cuốn vào đời sống ở địa phương. Một đội lính đóng ở rìa làng thường giơ tay chào Jenn khi họ đi tuần ngang qua và gọi: “¡Hola, Brujita!” Lũ trẻ chào hỏi Ted Chân Đất bằng cách hét lên “Buenos días, Señor Mono.” Chào buổi sáng, Ngài Khi.

“Này, Gấu!” Người bán hàng tiếp tục. “Anh có biết Arnulfo chưa từng bị đánh bại không? Anh có biết anh ta đã ba lần vô địch liên tiếp trong cuộc đua 100 km?”

Chưa có trận Kentucky Derby, cuộc bầu cử tổng thống, hay phiên xét xử người nổi tiếng về tội sát nhân nào lại từng bị coi là thiếu công bằng, theo cách vừa nồng nhiệt vừa chủ quan, như cách mà người dân Urique đánh giá giải đua của Caballo. Là một ngôi làng khai mỏ, nơi những ngày tươi đẹp nhất đã trôi qua từ hơn một thế kỷ trước, Urique chỉ còn hai niềm tự hào: địa hình khắc nghiệt và những người hàng xóm Tarahumara. Bây giờ, lần đầu tiên, một nhóm người chạy bộ nước ngoài kỳ lạ đã vượt bao đường đất để tới đây thử thách với cả hai thứ đó, và điều này đã nổ bùng lên thành một thứ gì đó còn hơn xa một cuộc đua: đối với người dân Urique, đây là cơ hội duy nhất trong đời để cho thế giới bên ngoài biết khí chất thực sự của mình.

Ngay cả Caballo cũng bất ngờ khi biết cuộc đua của mình đã vượt xa tầm mong đợi, và lớn dần lên thành cuộc đấu võ tự do Ultimate Fighting Competition trong thế giới ngầm của người chạy siêu dài. Chỉ trong hai ngày qua, người Tarahumara đã lo lắng khắp ngả. Tỉnh dậy vào buổi sáng sau chuyến leo núi từ Batopilas, chúng tôi thấy một đám thổ dân Tarahumara tha thân xuống từ những ngọn đồi phía trên. Caballo thậm chí còn chưa biết chắc rằng những người Tarahumara ở Urique còn chạy bộ nữa hay không; anh đã lo rằng, cũng giống như bi kịch của người Tarahumara ở Yerbabuena, chính phủ nâng cấp đường đất và làm người Tarahumara ở Urique từ những người chạy bộ, biến thành những gã chuyên đi nhờ xe. Họ rõ ràng trông giống những con người đang trong thời kỳ chuyển tiếp; người Tarahumara ở Urique vẫn đeo các thanh palia làm bằng gỗ (phiên bản bóng chạy của họ giống môn hockey tốc độ cao trên đất), nhưng thay vì mặc những chiếc váy trắng truyền thống và dép xăng đan, họ lại mặc quần đùi chạy bộ và giày thể thao nhận được từ các nhà truyền giáo Thiên Chúa.

Cùng buổi chiều hôm đó, Caballo vui mừng khôn xiết khi trông thấy Herbolisto, người đàn ông 51 tuổi, chạy bộ từ Chinivo, đi cùng ông là Nacho, nhà vô địch 41 tuổi đến từ một trong những khu dân cư lân cận của Herbolisto. Như Caballo lo lắng, Herbolisto đã phải nằm bẹp vì con cúm. Nhưng vì là một trong những người bạn Tarahumara lâu đời nhất của Caballo và ghét ý nghĩ phải bỏ lỡ cuộc đua này, nên ngay khi cảm thấy khá hơn một chút, ông đã với lấy túi đựng pinole và chạy một mình 60 dặm, chỉ dừng lại dọc đường để mời Nacho tham gia cuộc vui.

Đêm trước Ngày Đua, số lượng các tay đua đã tăng gấp ba lần, từ tám người, lên tới 25. Dọc các con đường chính của Urique, cuộc tranh luận rằng hiện nay ai là người chạy nhanh nhất đang trở nên

nóng hổi: Liệu đó có phải là Caballo Blanco, gã cựu binh mưu mẹo từng đánh cắp bí mật của cả người chạy bộ Mỹ và Tarahumara? Hay là người Tarahumara ở Urique, những thổ địa rành rẽ các lối mòn, bồi thêm lòng kiêu hãnh và được cổ vũ từ sân nhà? Một số thì đặt cược cho Billy Đầu Đất, con Sói Trẻ, người có thể hình như một vị thần lướt sóng, luôn thu hút mọi ánh nhìn mỗi khi đi bơi dưới dòng sông Urique. Nhưng các cuộc tranh cãi huyền ảo nhất vẫn ngả về hai ngôi sao: Arnulfo, đức vua của Copper Canyon, và gã người nước ngoài bí ẩn đang thách thức nhà vua, El Venado.

“*Sí, señor.*” Tôi trả lời người bán hàng. “Arnulfo đã ba lần giành chiến thắng trong cuộc đua 100 km trong hẻm núi. Nhưng gã Hươu đó đã bảy lần về nhất trong cuộc đua 100 dặm trên núi.”

“*Nhưng ở dưới này trời nóng lắm.*” Người bán hàng đáp trả. “*Người Tarahumara ấy à, họ ăn được cả sức nóng.*”

“Đúng vậy. Nhưng gã Hươu lại có lần giành thắng lợi trong cuộc đua 135 dặm xuyên qua một sa mạc tên là Thung lũng Chết vào giữa mùa hè. Và chưa từng có ai phá được kỷ lục của anh ta.”

“*Không ai đánh bại được người Tarahumara.*” Người bán hàng khẳng khái.

“Tôi cũng từng nghe vậy rồi. Vậy ông đặt cược cho bên nào?”

Ông ta nhún vai. “*Gã Hươu.*”

Dân làng Urique lớn lên với lòng ngưỡng mộ dành cho người Tarahumara, nhưng gã người lạ cao kều với đôi giày màu da cam sặc sỡ này lại không giống như bất cứ ai mà họ từng nhìn thấy. Cảm giác khi ngắm nhìn Scott chạy sóng vai bên Arnulfo thật kỳ lạ; mặc dù Scott chưa từng nhìn thấy người Tarahumara bao giờ, và Arnulfo cũng chưa từng nhìn thấy thế giới bên ngoài, nhưng vì một lẽ nào đó mà hai người đàn ông bị chia cách bởi 2.000 năm văn hóa này lại hình thành cùng một kiểu chạy. Họ tiếp cận nghệ thuật của mình từ hai hướng đối nhau của lịch sử, và gặp nhau ở chính giữa con đường.

Tôi được nhìn thấy cảnh đó lần đầu tiên trên núi Batopilas, sau khi chúng tôi đã lên tới đỉnh núi và đường mòn trở nên bằng phẳng, uốn quanh đỉnh chóp. Arnulfo tận dụng lợi thế đoạn đường bằng để tăng tốc. Scott khóa chặt bên cạnh anh ta. Ở nơi mà lối mòn lượn cong về phía Mặt trời đang lặn xuống, hai người bọn họ biến mất vào quầng sáng ấy. Trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, tôi không thể phân biệt được họ – họ trở thành hai cái bóng rực lửa, di chuyển với nhịp điệu và sự thanh nhã hoàn toàn giống nhau.

“Ghi được rồi!” Luis nói và chạy chậm lại phía sau để cho tôi xem hình ảnh trong chiếc máy ảnh kỹ thuật số. Anh ta đã chạy nước rút về phía trước và quay người lại chỉ vừa kịp lúc để chụp được mọi thứ mà tôi đã dần dần hiểu ra về chạy bộ trong quãng thời gian hai năm qua. Không phải Arnulfo và Scott có dáng chạy hay nụ cười ăn khớp với nhau; mà là họ đang cùng nhau nở nụ cười ngạo nghễ với niềm khoái lạc cơ bắp thuần túy, như lũ cá heo lao vút lên xuyên qua những con sóng. “Tôi sẽ phát khóc khi nhìn những bức hình này ở nhà mất thôi.” Luis nói. “*Chẳng khác gì chụp được Babe Ruth và Mickey Mantle¹⁴ trong cùng một khung hình.*” Nếu Arnulfo có lợi thế nào, thì chắc chắn nó sẽ không thể là lợi thế về phong cách hay tinh thần.

14 Hai ngôi sao bóng chày huyền thoại của Mỹ (ND).

Nhưng tôi còn có một lý do khác để đặt cược cho Scott. Trong những dặm cuối cùng khó khăn nhất của chuyến vượt núi tới Urique, anh liên tục chạy chậm lại cùng tôi và điều này khiến tôi băn khoăn. Anh đã vượt bao đường đất tới tận nơi này để gặp những người chạy bộ giỏi nhất thế giới, vậy tại sao lại phí thời gian với một trong số những người kém nhất trong đoàn? Anh không khó chịu vì tôi làm chậm chân mọi người hay sao? Bảy giờ đồng hồ xuống núi ngày hôm đó cuối cùng cũng đã cho tôi câu trả lời:

Điều mà huấn luyện viên Joe Vigil cảm nhận được về tâm tính, điều mà Tiến sĩ Bramble phỏng đoán bằng các mô hình nhân chủng học đều nằm trọn trong cuộc đời Scott. Anh hiểu rằng chúng tôi chạy đua không hẳn để đánh bại nhau, mà là để được ở bên nhau. Scott đã hiểu ra điều đó trước cả

khi anh được lựa chọn, từ khi còn chạy đường mòn cùng Dusty và đám bạn xuyên qua những cánh rừng Minnesota. Anh không giỏi và chẳng có lý do nào để tin rằng mình có lúc sẽ trở nên lừng lẫy, nhưng niềm vui mà anh có được từ chạy bộ chính là niềm vui khi mang được sức mạnh của mình gộp vào cả nhóm. Những người chạy bộ khác tìm cách trốn tránh sự mỏi mệt bằng cách vận to nhạc từ iPod hoặc tưởng tượng ra tiếng gào thét của đám đông trong sân vận động Olympic, còn Scott lại có một phương pháp đơn giản hơn: thật dễ dàng để thoát khỏi thân xác mình khi nghĩ đến một ai đó khác¹⁵.

15 Dù tôi có nghi ngờ giả thuyết này đến đâu đi nữa, thì những nghi ngờ đó cũng đều đã tiêu tan vào năm sau, khi tôi đi làm hậu cần cho Luis Escobar ở giải Badwater. Vào lúc ba giờ sáng, tôi lái xe vượt lên phía trước để xem tình trạng Scott thế nào, và bắt gặp anh đang dõn sức chạy trên một ngọn đồi cao hơn một kilômét. Lúc đó, anh đã chạy được 80 dặm, dưới nhiệt độ hơn 51 độ C và đang giữ tốc độ đủ để đạt kỷ lục mới cho đường đua này, nhưng khi trông thấy tôi, những từ ngữ đầu tiên rời khỏi miệng anh ta lại là: “Chó Sói Đồng Cỏ thế nào rồi?”

Đó là lý do người Tarahumara cá cược điên cuồng trước mỗi trận đua bóng; điều đó khiến họ trở thành đồng đội cùng chung sức, để những tay đua biết rằng tất cả đang vào trận cùng nhau. Tương tự như thế, những người Hopi coi chạy bộ như một kiểu cầu nguyện; họ dậm từng bước chạy như những món hiến tế cho những người thân yêu, và đổi lại, cầu khẩn Đấng tối cao ban sức mạnh cho những người thân yêu ấy. Khi đã hiểu được điều này, thì lý do tại sao Arnulfo không thích chạy đua ngoài vùng hẻm núi, và tại sao Silvino không bao giờ chạy ở bên ngoài nữa cũng không còn gì bí ẩn: Nếu họ không được chạy đua vì đồng bào mình, thì mọi chuyện còn ý nghĩa gì nữa? Còn Scott, với người mẹ đau ốm luôn trong tâm trí, lại thấm nhuần mối liên hệ giữa lòng thương cảm với sự cạnh tranh ngay từ thuở thiếu thời.

Tôi nhận ra, người Tarahumara lấy sức mạnh từ truyền thống này, còn Scott thì lại lấy từ bất kỳ truyền thống chạy bộ nào. Anh vừa là người lưu giữ, vừa là người sáng tạo, là một môn sinh tạp học, suy nghĩ về câu chuyện chạy bộ của người Navajo, người Bụi rậm Kalahari, và nhà sư marathon trên núi Hiei nghiêm túc chẳng kém gì các khái niệm như ngưỡng hiếu khí, ngưỡng lactate, hay sự áp dụng tối ưu của cả ba loại sợi cơ co rút (chứ không phải hai loại như hầu hết mọi người chạy bộ vẫn tưởng).

Arnulfo không chỉ đối mặt với một người Mỹ chạy nhanh. Anh sắp chạy đua với người Tarahumara-thế-kỷ-21 duy nhất trên thế giới.

Trong khi vẫn đang bận tranh luận cùng người bán hàng nọ xem ai giỏi hơn ai, thì tôi bỗng trông thấy Arnulfo đi dạo ngang qua. Tôi vớ lấy hai que kem Popsicle để cảm ơn mấy quả chanh anh đã cho tôi dạo trước, và chúng tôi cùng đi tìm một chỗ có bóng râm ngồi nghỉ. Tôi trông thấy Manuel Luna đang ngồi dưới một tán cây, vẻ cô đơn và trầm tư, vì vậy, tôi nghĩ không nên đến làm phiền. Tuy nhiên, Con Khỉ Chân Đất lại nhìn sự việc theo cách khác.

“MANUEL!” Ted Chân Đất gọi với sang từ bên kia đường.

Manuel giật mình ngẩng đầu lên.

“Amigo, thật mừng quá.” Ted Chân Đất hồ hởi. Anh ta đã loanh quanh đi tìm một ít cao su lớp xe để làm xăng đan kiểu Tarahumara, nhưng rồi lại nghĩ cần đi hỏi chuyên gia. Anh ta túm lấy tay Manuel đang ngo ngác và dẫn anh này vào một cửa hàng nhỏ xíu. Đúng như Ted Chân Đất nghĩ; không phải tất cả các loại cao su lớp xe đều như nhau. Từ điệu bộ miêu tả bằng tay của Manuel, thì Ted cần phải tìm một miếng cao su có rãnh khứa ở chính giữa, sao cho nút thắt của dây buộc ngón chân có thể ẩn được sâu vào và không bị mòn rách khi cọ xuống mặt đường.

Chỉ vài phút sau, Ted Chân Đất và Manuel Luna đã ra ngoài và chụm đầu vào nhau, vẽ nét viền hình bàn chân của Ted và cắt bỏ các mẫu thừa bằng con dao lưỡi to Victorinox của tôi. Họ loay hoay suốt cả buổi chiều, cắt cắt, xén xén và đo đạc, cho đến sát bữa tối, Ted mới có thể chạy thử xuống phố

bằng đôi Air Luna của mình. Từ đó trở đi, anh ta và Manuel Luna đánh lấy nhau một bước không rời. Họ tới chỗ ăn tối cùng nhau và lại loay quanh tìm chỗ ngồi trong nhà hàng chật kín khách.

Urique chỉ có một nhà hàng, nhưng dưới tay Mamá Tita, thì một thôi đã là đủ. Từ sáng sớm tới nửa đêm, trong suốt bốn ngày, người phụ nữ vui tính sáu mươi mấy tuổi này liên tục giữ lửa nồi bùng lên trên bốn miệng bếp ga cũ kỹ, chạy ngược chạy xuôi trong căn bếp nóng như trong phòng chứa nồi hơi, để nấu hàng núi đồ ăn cho tất cả đám người chạy bộ của Caballo, bao gồm: gà hầm, thịt dê, cá sông tẩm bột rán, thịt bò nướng, đậu nghiền và guacamole, cùng món rau trộn salsa đượm hương bạc hà thơm nức, được điểm thêm chanh ngọt, tinh dầu ớt cùng với rau mùi tươi. Bữa sáng, bà lại có trứng chiên với bơ làm từ sữa dê và ớt ngọt, ăn cùng với những tô đây ú *pinole* và bánh *flapjack* giống như bánh bông lan, món bánh đã khiến tôi phải xung phong vào bếp học việc suốt một buổi sáng để biết được công thức đặc biệt của nó.

Khi những người chạy bộ cả Mỹ và Tarahumara đã chen chúc đủ mặt quanh hai chiếc bàn dài trong vườn sau của Mamá Tita, Caballo bắt đầu gõ vào một vỏ chai bia và đứng lên. Tôi tưởng rằng anh chuẩn bị thông báo nội dung hướng dẫn cuối cùng cho cuộc đua, nhưng trong đầu anh lại có ý nghĩ khác.

“Rõ ràng là các bạn có vấn đề.” Anh ta bắt đầu. “Người Rarámuri không thích người Mexico. Người Mexico thì không thích người Mỹ. Còn người Mỹ thì chẳng thích ai cả. Nhưng tất cả các bạn đều đang ở đây. Và các bạn lại toàn làm những việc không bình thường. Tôi đã từng thấy người Rarámuri giúp đỡ những người ngoại tộc vượt sông. Tôi từng chứng kiến người Mexico tôn trọng người Rarámuri như những nhà vô địch vĩ đại. Và hãy nhìn đám gringo này, họ đang cư xử lễ độ với mọi người. Người Mexico, người Mỹ và người Rarámuri bình thường không hành xử như thế này.”

Ở góc phía xa, Ted nghĩ rằng anh ta có thể giúp đỡ Manuel bằng cách dịch thứ tiếng Tây Ban Nha vựng về của Caballo sang thứ tiếng Tây Ban Nha bồi còn tệ hại hơn. Và trong khi Ted cố gắng rặn từng chữ, thì một nụ cười thoáng hiện ra trên mặt Manuel. Cuối cùng thì nụ cười ấy cũng chịu ở lại trên gương mặt anh.

“Các bạn đang làm gì ở đây?” Caballo nói tiếp. “Các bạn phải trồng ngô. Các bạn phải chăm lo cho gia đình. Còn đám gringo các bạn nữa, các bạn đều biết rằng đến đây thì có thể gặp nguy hiểm. Và người Rarámuri thì càng không cần được dạy bảo về những hiểm nguy ấy. Một người bạn của tôi vừa mất đi người mà anh ta yêu thương, người rất có thể sẽ là nhà vô địch vĩ đại tiếp theo của người Rarámuri. Bạn tôi đang phải chịu nỗi đau thương, nhưng anh ấy là một người bạn chân thành. Vì thế, anh có mặt ở đây.”

Tất cả mọi người im lặng. Ted Chân Đất đặt tay lên lưng Manuel. Tôi chợt nhận ra rằng, trong đám những người Tarahumara mà anh ta có thể nhờ vả chuyện làm dép *huaraches*, việc anh ta chọn Manuel Luna không phải tình cờ.

“Tôi đã lo cuộc đua này sẽ trở thành một thảm họa, vì tôi nghĩ rằng các bạn quá tinh táo để có thể chịu đến đây.” Caballo rà một lượt quanh khu vườn, nhìn thấy Ted ở trong góc, và hai bên chăm chú nhìn nhau. “Người Mỹ các bạn thường tham lam và ích kỷ, nhưng rồi tôi lại thấy các bạn hành xử với một trái tim tốt đẹp. Các bạn hành xử vì tình yêu, làm điều tốt mà chẳng cần lý do. Và các bạn có biết ai thường làm mọi việc mà không cần có lý do đúng đắn hay không?”

“CABALLO!” Mọi người đồng thanh lớn tiếng.

“Ờ, phải rồi. Lũ người điên. Más Locos. Nhưng có một điểm đặc biệt ở người điên – đó là họ nhìn thấy những điều mà người khác không thấy. Chính quyền đang xây dựng đường sá, phá hủy nhiều lối mòn. Đôi khi Mẹ Thiên nhiên chiến thắng, và quét hết chúng bằng các trận lụt và lở đá. Nhưng bạn sẽ chẳng bao giờ biết chắc được. Bạn sẽ không thể biết liệu chúng ta còn có thể có cơ hội như thế này thêm lần nào nữa hay không. Ngày mai, sẽ là một trong những cuộc đua vĩ đại nhất mọi thời đại, và các bạn có biết ai sẽ được chứng kiến không? Chỉ có những kẻ điên rồ. Chỉ có lũ Más Locos các bạn mà thôi.”

“Más Locos!” Những chai bia được giơ lên cao, và những tiếng chạm chai lanh canh. Caballo Blanco, gã lang thang đơn độc ở vùng High Sierras, cuối cùng đã rời khỏi miền hoang vu và được những người bạn vây quanh. Sau nhiều năm thất vọng, nay anh ta chỉ còn phải chờ 12 giờ nữa cho tới khi giấc mơ của mình trở thành hiện thực.

“Ngày mai, các anh sẽ được xem những gì mà người điên nhìn thấy được. Tiếng súng hiệu lệnh sẽ nổ vào lúc đầu ngày, vì chúng ta sẽ được chạy rất nhiều đấy.”

“CABALLO! CABALLO MUÔN NĂM!”

Tôi thường tưởng tượng ra một người chạy bộ chạy nhanh hơn, kiểu như một bóng ma, đang chạy trước tôi với sải bước nhanh hơn.

- **Gabe Jennings** người về nhất ở cự ly 1.500 m, kỳ tuyển chọn Olympic Trial năm 2000 tại Hoa Kỳ.

Năm giờ sáng, Mamá Tita đã bày sẵn bánh tráng, đu đủ, và món pinole nóng trên mặt bàn. Arnulfo và Silvino đã đặt pozole – món canh đậm đà, gồm thịt bò nấu với cà chua và hạt ngô thom ngậy – cho bữa ăn trước khi đua. Tita, dù chỉ được ngủ có ba tiếng đồng hồ, vẫn vừa cười nói luôn miệng, vừa thoãn thoắt bung đồ ăn lên. Silvino đã thay sang bộ đồ đặc biệt chuyên mặc khi đua, là một chiếc áo choàng màu ngọc lam cùng với chiếc váy zapete màu trắng có viền thêu hoa.

“*Guapo!*” Caballo trầm trồ; trông đẹp đấy. Silvino cúi đầu thẹn thùng. Caballo đi qua đi lại trong khu vườn và nhấp cà phê với vẻ bút rút. Anh nghe nói rằng có mấy người nông dân định lừa gia súc lên một trong các lối mòn, nên đã trần trọc suốt cả đêm, tính toán phương án thay đổi đường chạy vào phút chót. Khi tinh dậy và lê bước xuống ăn sáng, anh ta mới biết rằng cha của Luis Escobar đã giải quyết vấn đề đó cùng với ông Bob già, người bạn gringo lang thang đến từ Batopilas của Caballo. Bọn họ tình cờ gặp những người chăn gia súc nọ tối hôm qua khi đi chụp ảnh phong cảnh và đã cảnh báo để những người này rời khỏi đường đua. Giờ đây, khi không còn canh cánh về đàn gia súc chạy tán loạn nữa, thì Caballo lại đang đi tìm kiếm một nỗi lo âu nào đó khác. Và anh ta cũng chẳng phải kiếm đâu xa.

“Hai đứa Nhóc đâu rồi?” Anh ta hỏi.

Đáp lại anh ta chỉ là những cái nhún vai.

“Chắc tôi phải đi gọi chúng thôi.” Anh ta nói. “Tôi không muốn hai đứa ấy lại tự giết mình bằng cách nhịn bữa sáng một lần nữa.”

Khi cùng Caballo bước ra ngoài, tôi bị choáng ngợp khi thấy cả thị trấn đã có mặt ở đó để chào đón chúng tôi. Trong khi chúng tôi ngồi ăn sáng phía bên trong, thì những vòng hoa tươi cùng với các dải băng bằng giấy đã được chằng ngang phố, và một ban nhạc mariachi đội mũ rộng vành sombrero, mặc quần áo đấu bò tốt torero, đang dạo đầu một vài giai điệu. Phụ nữ và trẻ con bắt đầu nhảy múa trên phố, còn ngài thị trưởng đang giương một khẩu súng sắn lên trời, ngắm trước để lát nữa không bắn nát các dải băng trang trí.

Tôi kiểm tra đồng hồ, và đột nhiên thấy ngợp thờ: chỉ còn 30 phút nữa là đến giờ xuất phát. Chuyển vượt núi dài 35 dặm tới Urique, như Caballo tiên đoán, “đã nhai nát và thải tôi ra ngoài”, để rồi chỉ trong vòng nửa giờ nữa, tôi lại phải lặp lại cả quãng đường như vậy một lần nữa, và phải chạy xa thêm 15 dặm nữa. Caballo đã vẽ ra một đường chạy quý quý; chúng tôi sẽ phải leo lên và xuống hơn 1.900 m trên quãng đường dài 50 dặm, bằng khí với mức tăng độ cao của nửa đầu giải Leadville Trail 100. Caballo không ở phe giám đốc giải Leadville, nhưng khi chọn địa hình cho giải thì anh ta cũng tồi tệ chẳng kém.

Caballo cùng tôi leo lên ngọn đồi để đi tới khách sạn nhỏ. Jenn và Billy vẫn ở trong phòng, đang tranh luận chuyện Billy có cần phải mang theo bình nước bổ sung hay không, và rồi cuối cùng thì cậu ta cũng chẳng thể tìm thấy cái bình ấy. Tôi lại có thừa một bình nước, vẫn dùng để đựng cà phê espresso, nên vội quay về phòng, đổ hết chỗ cà phê đi và quẳng nó cho Billy.

“Bây giờ thì ăn chút gì đi! Và phải nhanh lên!” Caballo gắt gỏng. “Ông thị trưởng sẽ bắn phát súng hiệu lệnh vào đúng bây giờ!”

Caballo và tôi vớ lấy mớ đồ nghề – một chiếc ba lô nước chứa đầy các gói gel và các phong PowerBar cho tôi, một bình nước và một túi pinole nhỏ xíu cho Caballo – rồi chúng tôi lại quay ngược xuống đồi. Chỉ còn 15 phút nữa. Chúng tôi rẽ về hướng nhà hàng của Tita, và nhận ra rằng cuộc tiệc tùng trên phố đã biến thành lễ hội Mardi Gras cỡ nhỏ. Luis và Ted đang xoay tít mấy người phụ nữ lớn tuổi và chống cự không cho cha của Luis chen vào nhảy cùng. Scott và Bob Francis thì đang vỗ tay và gắng hết sức hát cùng với các ca sĩ mariachi. Còn những người Tarahumara của Urique thì đã tập hợp được một dàn nhạc bộ gõ riêng, và đang dùng gậy chơi bóng palia gõ lên vỉa hè.

Caballo vui ra mặt. Anh len vào đám đông và bắt đầu biểu diễn kiểu lên đài của Muhammad Ali, hụp đầu, nghiêng người tránh né và tung các cú đấm vào khoảng không. Cả biển người cùng gầm lên. Mamá Tita thì gửi những chiếc hôn gió đến anh.

“*¡Andale!* Chúng ta sẽ được khiêu vũ suốt cả ngày!” Caballo khum hai bàn tay làm loa và gào lên. “Nhưng đây là nếu như không ai mất mạng. Hãy bảo trọng!” Anh ta quay về phía đám mariachi và đưa một ngón tay cửa ngang cổ. Hãy tắt nhạc. Giò trình diễn đã đến.

Caballo cùng ông thị trưởng bắt đầu dẹp đám người đang nhảy múa khỏi mặt đường và vẫy các tay đua về vạch xuất phát. Chúng tôi tùm tùm lại thành một mớ người kỳ quặc, với các khuôn mặt, thân thể và trang phục khác nhau. Những người Tarahumara của Urique mặc quần soóc và đi giày chạy bộ, tay vẫn cầm theo gậy palia. Scott đã cởi bỏ áo phông. Arnulfo và Silvino, trong bộ áo choàng sáng màu mà họ mang theo và để dành đặc biệt cho ngày đua, chen sát vào bên cạnh Scott; những người thợ săn Hươu sẽ không rời mắt khỏi chú Hươu dù chỉ một giây. Mặc dù không hề có thỏa thuận trước, chúng tôi đều đồng loạt chọn vạch xuất phát ngay chỗ một vết nứt trên nền đường và bước sát đến đó.

Lồng ngực tôi như bị bóp nghẹt. Eric cố len đến bên cạnh tôi. “Nghe này, tôi có tin xấu đây.” Anh ta nói. “Anh sẽ không giành chiến thắng được đâu. Dù có làm thế nào đi nữa, thì anh cũng sẽ phải ở ngoài đó suốt cả ngày. Vì vậy, tốt nhất là anh nên thả lỏng, chạy từ từ, và tận hưởng cuộc đua. Hãy nhớ lấy điều này – nếu như anh cảm thấy mình đang phải nỗ lực, thì có nghĩa là anh đang cố gắng quá mức rồi.”

“Thế thì tôi sẽ rình lúc bọn họ ngủ gật,” tôi rên rỉ, “và xuất chiêu.”

“Không được xuất chiêu trò gì hết nhé!” Eric cảnh cáo. Anh ta thậm chí còn chẳng muốn ý nghĩ đó lọt vào đầu tôi, dù chỉ là câu bông đùa. “Ngoài kia nhiệt độ có thể lên tới hơn 37 độ C. Nhiệm vụ của anh là phải về được đích bằng chính đôi chân của anh đấy.”

Mamá Tita bước tới chỗ từng tay đua, mắt ngấn lệ khi nắm tay chúng tôi. “Ten cuidado, cariño.” Bà dặn dò. Hãy cẩn thận, các con yêu!

“*¡Diez!... ¡Nueve!...*”

Ông thị trưởng bắt nhịp cho đám đông đếm ngược.

“*¡Ocho!... ¡Siete!...* Hai đứa Nhóc đâu rồi?” Caballo hét lớn.

Tôi nhìn quanh. Không thấy Jenn và Billy đâu hết.

“Bảo ông ấy gượng đã!” Tôi gào đáp trả.

Caballo lắc đầu. Anh quay mặt đi và vào tư thế chuẩn bị sẵn sàng. Anh ta đã chờ nhiều năm, thậm chí, đã phải đánh liều mạng sống cho thời khắc này. Anh sẽ không trì hoãn nó vì bất cứ ai hết.

“*¡BRUJITA!*” Những người lính trở về phía sau chúng tôi.

Jenn và Billy đang lao như bay xuống từ phía ngọn đồi, đúng vào lúc đám đông đếm đến “Cuatro.” Billy mặc quần đùi lướt sóng và cởi trần, còn Jenn thì mặc chiếc quần lửng màu đen bó sát, và chiếc áo con chạy bộ cũng màu đen. Tóc cô được tết chặt lại thành hai bím kiểu Pippi Tất Dài. Bị phân tán tư tưởng bởi đám lính hâm mộ, Jenn quẳng túi đồ tiếp tế chứa thức ăn và tất dự phòng sang phía bên kia con phố, khiến khán giả giật mình và né vội. Chiếc túi luồn qua chân họ và biến mất tăm. Tôi lao vội tới, giật lấy chiếc túi, mang nó đến bàn tiếp tế đúng vào lúc ngài thị trưởng bóp cò.

DOÀNG!

Scott nhảy vọt lên trong tiếng hét, Jenn thì tru như sói, còn Caballo thì cất tiếng hú. Người Tarahumara thì chỉ chạy. Đội Urique lao đi theo đội hình trên con đường đất, và biến mất vào vùng bóng tối chưa kịp được bình minh chiếu sáng. Caballo đã cảnh báo với chúng tôi rằng người Tarahumara sẽ xuất phát mạnh mẽ ngay từ đầu, nhưng trời ơi! Thật dữ dội. Scott đuổi theo họ, trong khi đó Arnulfo và Silvino thì bám anh ta sát gót. Tôi chạy thật chậm, để cả đoàn đua chạy vượt qua, cho đến khi đã ở hẳn vị trí cuối cùng. Giá mà có ai đó chạy cùng thì hay biết mấy, nhưng ở thời điểm này, tôi cảm thấy chạy một mình sẽ an toàn hơn. Lỗi lớn nhất mà tôi có thể mắc phải, chính là bị cuốn vào cuộc đua của người khác.

Hai dặm đầu tiên chỉ là một cuộc dạo chơi trên nền đường bằng phẳng dẫn ra khỏi thị trấn, dọc theo mặt đường đất xuống bờ sông. Những người Tarahumara Urique chạm đến mép nước trước, nhưng thay vì lao thẳng xuống để lội qua con nước nông rộng chừng 50 m ấy, đột nhiên họ dừng lại và sục sạo quanh bờ sông, lật từng tảng đá để tìm kiếm thứ gì đó.

Cái quái gì vậy...? Bob Francis băn khoăn. Ông đã đi trước cùng với cha của Luis để chụp ảnh từ bờ bên kia con sông. Ông trông thấy những người Tarahumara Urique lôi ra những chiếc túi nylon, kiểu túi mua sắm trong siêu thị, mà họ giấu dưới các tảng đá từ đêm hôm trước. Kẹp gậy palia vào nách, họ xỏ chân vào trong những chiếc túi, buộc chặt lại bằng phần quai xách, rồi bắt đầu lội qua sông, và vô tình trình diễn hậu quả của việc đưa công nghệ mới thay thế thứ gì đó vẫn hoạt động tốt suốt 10.000 năm qua: vì sợ làm ướt giày chạy bộ Salvation Army quý báu, người Tarahumara Urique đang lội bì bõm với những đôi ủng lội nước tự chế.

“Chúa ơi!” Bob lẩm bẩm. “Tôi chưa từng thấy trò này bao giờ.”

Khi những người Tarahumara Urique còn đang loay hoay trên những tảng đá tron nhẵn thì Scott đã tới bờ sông. Anh ta lao thẳng xuống sông, làm nước bắn tung tóe, còn Arnulfo và Silvino vẫn bám chặt sau lưng. Những người Tarahumara Urique đã tới được bờ bên kia, lật túi nylon ra, rồi lại giắt những chiếc túi đó vào cặp quần để dùng lại lần nữa. Họ bắt đầu hướng lên đụn cát dốc, trong khi Scott đang thu gọn khoảng cách nhanh chóng, đôi chân anh khua tung bụi cát. Khi những người Tarahumara Urique tới được con đường đất nhỏ dẫn lên núi thì Scott và hai người của tộc Quimare đã bắt kịp họ.

Cùng lúc đó, Jenn lại đang vướng phải một vấn đề khác. Cô cùng Billy và Luis sóng vai vượt qua sông cùng với một nhóm người Tarahumara, nhưng khi Jenn lao lên xé tung đôi cát, cô gặp chút rắc rối bên bàn tay phải. Những người chạy ultra thường dùng “bình nước đeo tay”, loại bình nước có quai đeo, quấn quanh bàn tay. Jenn đã đưa cho Billy một trong hai chiếc bình đeo tay này, và tự chế bình nước thứ hai cho mình từ băng dán thể thao và một chai nước suối. Khi gắng sức chạy lên đôi cát, bình nước đeo tay tự chế của cô tạo cảm giác bì bì khó chịu. Cảm giác đó dù nhỏ xíu, nhưng nó sẽ là thứ khó chịu mà cô sẽ phải chịu đựng từng phút một trong suốt tám giờ tiếp theo. Vậy, cô có nên để mặc nó như vậy hay không? Hay nên một lần nữa liều mạng chạy vào hẻm núi, chỉ với hơn chục ngụm nước trong tay?

Jenn bắt đầu cắn dải băng dính. Cô biết rằng, hy vọng duy nhất để có thể cạnh tranh được với những người Tarahumara, là phải chơi tất tay. Nếu cô quyết định đánh bạc và rồi thất bại, thì cũng chẳng sao. Nhưng nếu thất bại trong cuộc đua của cả đời người này chỉ vì chọn giải pháp an toàn, thì cô sẽ mãi mãi hối hận. Jenn vứt bỏ chai nước và thấy khá hơn ngay lập tức. Và tiếp theo đó, cô lại phải đưa ra một quyết định liều lĩnh hơn. Đến khi Mặt trời lên, cô hầu như sẽ không còn cơ hội đeo bám những người Tarahumara có khả năng “ăn được cả cái nóng” này nữa.

“Ồi dào, quên mẹ nó đi!” Jenn nghĩ. “Cứ tranh thủ chạy nhanh ngay lúc này, khi trời còn mát.” Chỉ trong năm bước chạy, cô đã bút khỏi tốp. “Hẹn gặp lại, các chàng trai.” Cô ngoái cổ lại chào.

Những người Tarahumara lập tức đuổi theo. Hai tay đua sành sỏi lớn tuổi, Sebastiano và Herbolisto chạy chắn phía trước Jenn, trong khi ba người Tarahumara khác bao vây cô từ hai bên. Jenn cố tìm một khoảng trống để vọt thoát đi. Thế nhưng, ngay lập tức, những người Tarahumara lại bủa vây và khóa chặt cô lại. Người Tarahumara bình thường rất hiền hòa, nhưng khi đã vào cuộc đua, họ chơi rất quyết liệt.

“Tôi không muốn nói ra điều này, nhưng Jenn sẽ gục ngã mất thôi.” Luis bảo Billy khi họ nhìn Jenn cố vọt lên đến lần thứ ba. Bọn họ mới chỉ chạy được đến dặm thứ ba trong một cuộc đua 50 dặm, vậy mà cô ấy đã bắt đầu chơi tay bo với nhóm tám người Tarahumara. “Nếu muốn hoàn thành được cuộc đua thì không thể chạy theo kiểu đó được.”

“Nhưng cô ấy luôn vượt qua được.” Billy nói.

“Vói đường đua này thì không.” Luis đáp. “Nhất là khi đụng phải những gã này.”

Nhờ có sự sắp đặt tài tình của Caballo, chúng tôi đều được chứng kiến trận đấu trong thời gian thực. Caballo vẽ ra đường chạy theo hình chữ Y, với vạch xuất phát nằm đúng ở điểm chính giữa. Như vậy, dân làng có thể được theo dõi cuộc đua nhiều lần liền, vì đường đua phải quanh đi và ngoặt trở lại, còn các đấu thủ luôn biết được rằng mình cách tốp dẫn đầu bao xa. Và đường đua hình chữ Y đó còn mang lại một lợi ích không ngờ khác: vào đúng thời điểm đó, Caballo bắt đầu cảm thấy nghi ngờ những người Tarahumara Urique.

Caballo chạy cách phía sau khoảng 400 m, vì vậy, anh có thể nhìn rõ Scott cùng đám thợ săn Huroi khi họ bắt kịp với người Tarahumara Urique trên ngọn đồi bên kia sông. Khi anh nhìn thấy bọn họ chạy ngược trở lại về phía mình sau đoạn quay đầu thứ nhất, Caballo kinh ngạc: chỉ trong quãng đường dài bốn dặm, đội Urique đã bứt lên dẫn trước *hẳn bốn phút*. Họ không những bứt phá khỏi hai đấu thủ cừ khôi nhất trong thế hệ người Tarahumara hiện tại, mà còn bỏ rơi tay đua leo dốc giỏi nhất trong lịch sử chạy bộ siêu dài phương Tây.

“KHÔNG. Thế. Thế. Được!” Caballo gầm lên khi đang chạy cùng tốp của mình, gồm Ted Chân Đất, Eric và Manuel Luna. Khi tới điểm quay đầu sau năm dặm đầu tiên, tại khu trú ngụ nhỏ của người Tarahumara ở Guadalupe Coronado, Caballo và Manuel bắt đầu dò hỏi các khán giả người Tarahumara. Và họ chẳng mất nhiều thời gian để hiểu chuyện: người Tarahumara Urique đã chạy trên một đường nhánh tắt và rút ngắn đường chạy. Thay vì tức giận, Caballo thấy xót xa cho họ. Anh nhận ra rằng, người Tarahumara ở Urique đã đánh mất tài năng chạy bộ cổ xưa, và mất luôn cả lòng tự tin với nó. Bọn họ không còn là Người Chạy Bộ nữa. Họ chỉ đang cố gắng một cách tuyệt vọng để sống như những cái bóng của bản thân mình trước đây.

Caballo tha thứ cho họ với tư cách một người bạn, nhưng với tư cách là giám đốc giải đua thì không. Anh quyết định: người Tarahumara Urique bị loại khỏi cuộc đua.

Về phần mình, chính tôi cũng bị bất ngờ khi chạm đến bờ sông. Tôi đã quá tập trung vào việc theo dõi cách bàn chân tiếp đất trong bóng tối và liên tục rà soát một bản danh sách các nội dung cần kiểm tra được sắp sẵn trong đầu (gập đầu gối... bước chân nhẹ như chim... không để lại vết), tới mức khi bắt đầu lội qua dòng nước sâu đến đầu gối, tôi sực nhận ra: Tôi vừa chạy hai dặm mà không hề gì. Thậm chí, còn hơn thế nữa – tôi thấy nhẹ nhàng, thư thái, với sức bật nảy cũng như năng lượng tràn trề còn hơn cả trước khi xuất phát.

“Khá lắm, Oso!” Bob Francis gọi vọng sang từ bờ bên kia. “Sắp tới đoạn hơi dốc lên đấy nhé. Nhưng không có gì đáng ngại đâu.”

Tôi chạy vọt khỏi làn nước và hướng lên đồi cát, cứ mỗi bước chân, hy vọng của tôi lại lớn dần lên. Đương nhiên, tôi còn phải chạy 48 dặm nữa, nhưng cứ như thế này thì rất có thể tôi sẽ vượt qua được khoảng hơn chục dặm đầu tiên mà chưa cần dốc sức. Tôi bắt đầu leo lên con đường đất nhỏ đúng lúc Mặt trời ló lên phía trên hẻm núi. Ngay lập tức, mọi vật bừng sáng: dòng sông lấp lánh, khu rừng xanh ngát mắt, con rắn san hô đang cuộn tròn ngay dưới chân tôi...

Tôi hét lên và nhảy khỏi lối mòn, trượt xuống sườn dốc dựng đứng và cố bám vào các cây bụi nhỏ để khỏi trượt sâu xuống dưới. Tôi có thể nhìn thấy con rắn ngay phía trên, nằm cuộn tròn, im lặng, sẵn sàng tấn công. Nếu leo ngược lên, rất có thể tôi sẽ dính cú đớp chết người; còn nếu trèo xuống về phía dòng sông, có thể tôi sẽ ngã lộn khỏi bờ đá. Cách duy nhất là bò ngang, vừa bò vừa bám từng bụi cây.

Hết bụi đầu tiên, đến bụi tiếp theo. Khi đã di chuyển ra xa thêm khoảng ba mét, tôi cẩn thận leo lên để trở lại lối mòn. Con rắn vẫn nằm đó, chặn đường đi, và may sao – nó đã chết. Ai đó đã quật gậy lưng nó bằng một cái que. Tôi dụi đám bụi đất trong mắt và kiểm tra xem có tổn hại gì không: Hai ống chân tôi bị đá cào xước, lòng bàn tay thì bị gai đâm, còn tim thì như gióng trống trong lồng ngực. Tôi dùng răng nhổ đám gai ra, rồi rửa tạm vết thương bằng nước uống. Phải đi tiếp thôi. Tôi không muốn ai bắt gặp cảnh mình đổ máu và hoảng loạn chỉ vì một con rắn đang chết thối.

Ánh nắng ngày càng gay gắt hơn khi tôi leo lên cao, nhưng sau khoảng thời gian giá lạnh ban sớm thì ánh nắng lúc này mang lại cảm giác phấn chấn hơn là mỏi mệt. Tôi luôn nhớ đến lời dặn dò của Eric – “Nếu có cảm giác như đang phải cố, thì có nghĩa là anh đang gắng sức quá mức” – cho nên, tôi quyết định không tự gò ép mình nữa và ngừng tự ám ảnh về từng bước chạy. Tôi bắt đầu chiêm ngưỡng quang cảnh vùng hẻm núi, ngắm nhìn Mặt trời biến đỉnh đồi bên kia dòng sông thành vàng khối. Tôi nhận ra là chẳng bao lâu nữa mình cũng sẽ lên cao ngang với đỉnh bên ấy.

Chỉ thoáng sau, Scott vọt ra từ một lối rẽ trên đường mòn. Anh mỉm cười với tôi, giơ ngón tay cái lên rồi lại biến mất. Arnulfo và Silvino ở ngay sau anh, áo choàng phất phơ như những cánh diều khi họ lướt đi. Tôi nhận ra mình hẳn phải đang rất gần điểm quay đầu năm dặm rồi. Tôi leo lên, vòng theo lối rẽ uốn quanh tiếp theo, và rồi ở đó hiện ra Guadalupe Coronado. Nơi đây, chỉ có một ngôi trường quét sơn trắng, vài căn nhà nhỏ, một cửa hiệu tí xíu bán nước có ga không lạnh và các túi bánh quy phủ bụi, không có gì hơn, thế nhưng, ngay từ khi cách hẳn một dặm, tôi đã nghe thấy tiếng hò reo và tiếng trống cổ vũ.

Một nhóm các tay đua vừa rời khỏi Guadalupe và bắt đầu cuộc rượt đuổi Scott và hai người trong tộc Quimares. Dẫn đầu nhóm này, không phải ai khác, chính là Brujita.

Ngay khi thấy cơ hội, Jenn lập tức chớp lấy. Trong chuyến leo núi đến đây qua đỉnh Batopilas, cô để ý thấy người Tarahumara chạy xuống dốc đứng theo cách mà họ chạy lên, theo một mạch chạy có kiểm soát và chắc chắn. Jenn thì khác, cô thích lao nhanh xuống dốc. “Đó là thể mạnh duy nhất của tôi,” cô nói, “và vì vậy, tôi sẽ tận dụng nó hết sức.” Do đó, thay vì tự làm mình mệt mỏi với việc cạnh tranh cùng Herbolisto, cô quyết định để ông ta dẫn tốc độ cho lượt leo lên. Ngay khi họ lên tới chỗ ngoặt quanh lại và bắt đầu chuyển dốc dài hơi, cô lập tức tăng tốc và bút phá.

Lần này, những người Tarahumara để mặc cô. Cô vượt lên trước xa tới mức khi cô tới đoạn lên dốc tiếp theo – đoạn đường phủ đá chỉ một người đi lọt hướng lên nhánh thứ hai của hình chữ Y ở dặm thứ 15 – Herbolisto và nhóm của ông ta không thể tới gần để bao vây nữa. Jenn cảm thấy tự tin tới mức khi tới chỗ ngoặt ở nhánh này, cô còn dừng lại để nghỉ lấy hơi và đổ thêm nước vào chai. Có vẻ như hôm nay thần may mắn đã mỉm cười với cô về chuyện nước nôi; Caballo đã nhờ dân làng Urique mang theo bình nước lọc tủa đi khắp thung lũng, và gần như cứ mỗi lần Jenn uống xong ngụm nước cuối cùng, thì cô lại gặp được một tình nguyện viên tiếp nước.

Khi cô còn đang rót nước vào chai thì Herbolisto, Sebastino và những người còn lại của nhóm bám đuôi bắt kịp. Họ chạy vòng qua mà không dừng lại, và Jenn cũng để mặc cho họ đi. Sau khi đã lấy đủ nước, cô bắt đầu lao rầm rập xuống dốc. Chỉ trong khoảng hai dặm, cô đã lại rút ngắn dần khoảng cách với họ và rồi lại vượt qua, bỏ họ lại phía sau. Cô bắt đầu hình dung đường chạy phía trước để tính toán xem có thể vượt được bao xa. Để xem nào... tiếp theo sẽ là hai dặm đổ dốc, rồi bốn dặm đường bằng quay trở về ngôi làng, rồi sau đó...

Bịch! Jenn ngã sấp mặt xuống đám đá, nảy tung lên rồi trượt sấp mặt thêm một đoạn trước khi dừng hẳn lại. Cô nằm đó, đau đến tối tăm mặt mũi. Đầu gối cô như vỡ nát và một cánh tay thì bê bết

máu. Trước khi cô kịp hoàn hồn và đứng lên được thì Herbolisto và nhóm tám người đã âm thầm lao xuống trên lối mòn. Họ lần lượt nhảy qua Jenn và biến mất, chẳng thèm ngoái nhìn lại.

Chắc họ đang nghĩ... Đáng đời đũa không biết cách chạy trên đường sỏi đá. Jenn cay đắng. Có vẻ như họ có lý. Cô cẩn thận đứng dậy để đánh giá các thương tổn. Hai ống đồng của cô trông như bánh pizza, nhưng đầu gối có vẻ như chỉ bị sưng và chỗ máu mà cô tưởng là tuôn ra từ bàn tay hóa ra chỉ là sô-cô-la nhót, bục ra từ một gói PowerGel mà cô nhét trong túi đựng nước cầm tay. Jenn thận trọng bước thêm vài bước, chuyển sang chạy chậm, và cảm thấy khá hơn nhiều so với cô tưởng. Cô cảm thấy thoải mái tới mức khi tới chân đồi đã bắt kịp và vượt qua tất cả những người Tarahumara nhảy qua cô lúc trước.

“¡BRUJITA!” Đám đông ở Urique như phát cuồng khi Jenn chạy về ngôi làng, người đầy vết máu nhưng vẫn mỉm cười khi đạt đến mốc 20 dặm. Cô dừng lại ở trạm tiếp tế để lôi ra một gói gel mới trong túi đồ, trong khi đó, Mamá Tita hào hứng lấy tạp dề thấm phần ống chân đầm máu của Jenn và liên tục gào *“¡Cuarto! ¡Estás en cuarto lugar!”*

“Cháu làm sao cơ? Một căn phòng á?” Khi đã chạy được nửa đường ra khỏi thị trấn thì vốn tiếng Tây Ban Nha ít ỏi của Jenn mới giúp cô luận ra được điều Mama Tita nói: cô đang ở vị trí thứ tư. Chỉ có Scott, Arnulfo và Silvino dẫn trước, và cô đang từ từ rút dần khoảng cách với họ. Caballo đã chọn cho cô một biệt danh hoàn hảo: 12 năm sau giải Leadville, phù thủy *bruja* đã trở lại để báo thù.

Nhưng giá mà cô có thể chịu được cái nóng ngày hôm ấy. Nhiệt độ lên đến gần 38 độ C khi Jenn bắt đầu tiến vào lò lửa – đoạn đường dốc khúc khuỷu – để tới khu định cư Los Alisos. Đường mòn này ôm sát theo một bức tường đá thẳng đứng, liên tục đổ xuống, dốc lên, rồi lại lao xuống tiếp, với mức tăng và giảm độ cao tới hơn 900 m. Bất kỳ quả đồi nào trong đoạn đường chạy tới Los Alisos cũng đều thuộc loại khó nhằn nhất trong đời cô, và có ít nhất nửa tá đồi như vậy nối tiếp nhau. Sức nóng tỏa ra từ những tảng đá như muốn hun da cô phồng rộp, nhưng cô vẫn phải bám sát bên phía tường đá thung lũng để tránh bị trượt khỏi mép vực và rơi xuống rãnh sâu phía dưới.

Khi vừa lên tới đỉnh một trong những ngọn đồi ấy thì Jenn bất chợt nép vào tường đá: Arnulfo và Silvino đang chạy sóng vai và lao như tên bắn về phía cô. Những người thợ săn Hươu khiến tất cả bất ngờ; chúng tôi đều nghĩ người Tarahumara sẽ bám sát gót Scott suốt cả ngày và sau đó bùng lên để vượt qua anh tại vạch xuất phát. Nhưng thay vào đó, họ lại quyết định tăng tốc và bứt lên trước.

Jenn đứng dựa lưng sát vào tường đá nóng để họ chạy qua. Trước khi kịp bắn khoăn rằng Scott đang ở đâu, thì cô lại phải lập tức nhảy nép vào tường một lần nữa. “Scott đang chạy thẳng lên con dốc quái quỷ này theo cách dữ dội nhất mà tôi từng nhìn thấy ở con người.” Jenn sau này kể lại. “Anh ấy lao rất nhanh, với tiếng thở ‘Phù-phù-phù-phù’. Tôi đang nghĩ không biết liệu Scott có buồn nhận ra mình hay không, vì đang quá tập trung, thì bỗng thấy anh ta ngẩng đầu lên và bắt đầu hét: ‘Yaaaah, Brujita, ôôôô!’”

Scott dừng lại và mô tả ngắn gọn cho Jenn biết về đoạn đường mòn phía trước, vị trí điểm tiếp nước. Sau đó anh ta hỏi cô một chút về Arnulfo và Silvino: Họ ở phía trước bao xa? Trông họ ra sao? Jenn đoán rằng họ đã chạy trước được khoảng ba phút và đang rất nỗ lực.

“Tốt đấy!” Scott gật đầu. Anh vỗ lên lưng cô và phóng vọt đi.

Jenn nhìn theo, nhận ra anh chạy ở mép đường mòn và ôm cua rất sát. Đó là một mẹo cũ của ông già Marshall Ulrich: làm như vậy sẽ khiến người đang dẫn trước khó ngoái đầu lại nhìn và phát hiện rằng bạn đang lên tới từ phía sau. Scott không bị bất ngờ chút nào vì quái chiêu của Arnulfo. Gã Hươu giờ đang quay lại săn đuổi các thợ săn.

“Chỉ cần chiến thắng đường chạy.” Tôi tự nhủ. “Không một ai khác. Chỉ đường chạy mà thôi.”

Trước khi bắt đầu giải quyết đoạn đường leo lên Los Alisos, tôi dừng một lát để trấn tĩnh lại. Tôi nhúng đầu xuống sông và giữ nguyên như vậy, hy vọng dòng nước sẽ làm mình nguội bốt, và cảm giác thiếu oxy sẽ kéo giật tôi trở lại thực tại. Tôi vừa tới giữa chặng và chỉ mất có bốn giờ đồng hồ.

Bốn giờ, cho một giải marathon đường mòn khó nhằn dưới nắng sa mạc! Tôi đã vượt rất xa so với kế hoạch, và bắt đầu có ý định cạnh tranh: Đuổi kịp Ted Chân Đất có khó lắm không? Chân anh ta chắc hẳn đang đau vì chạy suốt trên đá. Và Porfilio trông có vẻ như cũng đang phải gắng sức lắm rồi...

Nhưng thật may, việc nhúng đầu xuống nước đã mang lại hiệu quả. Tôi nhận ra lý do mình cảm thấy khỏe hơn nhiều so với buổi leo núi kéo dài từ Batopilas, là vì tôi đang chạy như những người Bụi rậm Kalahari. Tôi đã không cố gắng bắt kịp con linh dương; tôi chỉ giữ nó trong tầm mắt. Điều khiến tôi mệt lử đứ khi leo qua Batopilas chính là cố bắt kịp tốc độ của Caballo và những người khác. Còn ngày hôm nay, cho đến lúc này, tôi chỉ phải đọ sức với đường chạy, chứ không phải với các tay đua.

Trước khi trở nên quá tham vọng, tôi lại thử thêm một chiến thuật khác của người Bụi rậm, là thực hiện rà soát lại cơ thể một lượt. Và khi đó, tôi nhận ra mình đang ở trong tình trạng tệ hơn tôi vẫn nghĩ. Tôi khát, đói và chỉ còn một nửa chai nước. Tôi đã không đi tiểu trong suốt hơn một giờ qua, và nếu xét đến toàn bộ số nước đã uống vào thì đó không phải là một dấu hiệu tốt. Nếu như không lập tức tiếp nước cho cơ thể và nhồi một ít calo xuống cổ họng, tôi sẽ gặp rắc rối to trên các ngọn đồi dốc lên xuống liên tục phía trước. Khi bắt đầu lội qua đoạn sông rộng chừng 50 m, tôi lấy đầy nước sông vào ba lô nước, và bỏ vào vài viên i-ốt. Tôi sẽ chờ khoảng nửa giờ để chỗ nước đó được khử trùng, và trong thời gian đó, tôi cố nuốt trôi xuống một thanh ProBar – thanh thực phẩm thô hỗn hợp gồm hạt yến mạch cán dẹt, nho khô, chà là, và xi-rô gạo lứt – cùng với chỗ nước sạch còn lại.

Và tôi đã đứng khi làm như vậy. “Chuẩn bị tinh thần nhé!” Eric nhắc khi chúng tôi chạy qua nhau ở bờ bên kia con sông. “Trên đó căng hơn nhiều so với những gì anh nhớ đấy.” Các con dốc khó nhằn tới mức, Eric phải thừa nhận suýt nữa thì bỏ cuộc. Nhận một tin xấu như vậy chẳng khác nào ăn một cú đấm vào bụng, nhưng Eric tin rằng điều tệ hại nhất mà bạn có thể làm với một người chạy bộ, là cho anh ta hy vọng hão huyền. Sự khó lường sẽ giúp bạn tập trung hơn; nhưng nếu biết rõ mình chuẩn bị phải đương đầu với điều gì, thì bạn có thể thông thả giải quyết nó.

Eric đã không hề phóng đại. Trong suốt hơn một tiếng đồng hồ, tôi phải leo lên và trèo xuống các ngọn đồi thấp, thậm chí còn tưởng rằng mình bị lạc và sắp sửa biến mất vào vùng hoang vu. Chỉ có duy nhất một lối mòn, và tôi đang chạy đúng trên nó – nhưng cái vườn bưởi nhỏ ở Los Alisos nằm ở chỗ quái nào vậy? Nó đáng nhẽ phải nằm cách bờ sông khoảng bốn dặm, nhưng tôi cảm thấy như mình đã chạy tới tận 10 dặm rồi mà vẫn chưa nhìn thấy nó. Và cuối cùng, khi hai bắp đùi đã nóng ran, với các cơ đùi bắt đầu giật giật, tới mức tôi nghĩ mình sắp sụm xuống đến nơi, thì tôi bỗng nhìn thấy mấy cây bưởi trên quả đồi phía trước. Tôi leo lên được đến đỉnh, và ngồi thụp xuống bên cạnh một nhóm người Tarahumara khác của Urique. Họ nghe nói mình đã bị loại khỏi cuộc đua và quyết định ngồi hóng mát trong bóng râm trước khi đi bộ trở về làng.

“*No hay problema!*” Một trong số họ nói. Không vấn đề gì cả. “Tôi chẳng nào cũng đã quá mệt, không chạy tiếp được nữa rồi.” Anh ta đưa cho tôi một chiếc cốc thiếc cũ kỹ. Tôi chúi đầu vào cốc pinole làm theo kiểu địa phương, và quên phắt con vi khuẩn giardia chết tiệt. Nó thật mát, ngon ngon kiểu lạo xạo, như món đá bào trộn với ngô bung. Tôi xoi hết một cốc đầy, rồi thêm một cốc nữa, vừa ăn vừa nhìn lại con đường mòn vừa chạy qua. Xa xa phía dưới, dòng sông trông mờ nhạt như một vệt phấn vẽ trên vỉa hè. Tôi không thể tin được rằng mình đã chạy được từ dưới đó lên tận đây. Và càng không thể tin rằng tôi chuẩn bị phải lặp lại việc đó một lần nữa.

“*Thật không thể tin nổi!*” Caballo thốt lên.

Anh ta đấm mồ hôi, mắt bừng lên vì phấn khích. Vừa cố gắng hóp hơi, anh ta vừa gạt mồ hôi đang chảy ròng ròng trên ngực và vẩy ngang mặt tôi, tạo nên một màn giọt sương lóng lánh dưới ánh mặt trời thiêu đốt của Mexico. “Chúng ta đang có một sự kiện tầm cỡ thế giới!” Caballo hỗn hên. “Ở đây, một nơi mà không ai biết đến!”

Ở mốc 42 dặm, Silvino và Arnulfo vẫn đang dẫn trước Scott, trong khi đó Jenn đang bám theo phía sau cả ba người. Lần thứ hai chạy qua Urique, Jenn ngồi vật xuống một chiếc ghế để uống Coke, nhưng Mamá Tita đã xốc nách cô dậy và bắt cô đứng lên.

“¡Puedes, cariño, puedes!” Tita gào lớn. Con làm được mà, con yêu!

“Con không bỏ cuộc.” Jenn đáp. “Con chỉ thèm nước thôi.”

Nhưng đôi tay của Tita đã đặt lên lưng của Jenn, và đẩy cô trở lại mặt phố. Cũng vừa kịp lúc; Herbolisto và Sebastiano đã tận dụng được đoạn đường bằng dẫn vào thị trấn để rút ngắn khoảng cách với Jenn xuống chỉ còn hơn 400 m, trong khi đó Billy Đầu Đất đã bút khỏi Luis và bám phía sau nhóm này tầm 400 m.

“Hôm nay là ngày của mọi người!” Caballo nói. Anh đã bám theo đám dẫn đầu trong khoảng nửa giờ, và rồi nó khiến anh phát điên. Không phải vì thua cuộc; mà vì anh có nguy cơ bỏ lỡ mất khoảnh khắc mọi người về đích. Cảm giác chơi vui đó khó chịu tới mức Caballo cuối cùng đã quyết định bỏ cuộc trong cuộc đua của mình và đi tắt về Urique, để xem liệu mình có kịp tới đó và chứng kiến cuộc độ sức cuối cùng hay không.

Tôi nhìn anh chạy đi, và chỉ thèm được chạy theo. Tôi mệt lử, không thể tìm được đường tới cây cầu treo nhỏ xíu bắc qua sông, và không hiểu sao lại chui xuống phía dưới cây cầu ấy, để rồi buộc phải lội qua con sông đến lần thứ tư. Bàn chân ngấm nước của tôi trĩu nặng, tưởng như không nhấc lên nổi khi tôi loạng choạng lên bờ cát phía bên kia sông. Tôi đã chạy suốt cả ngày, và bây giờ tôi lại đang ở chính chân con dốc cao ngất như núi Alp mà tôi suýt ngã lộn khỏi đó sáng nay khi bị giật mình bởi con rắn chết. Tôi không thể nào kịp leo xuống trước khi Mặt trời lặn, nên lần này sẽ phải mò mẫm trong bóng tối.

Tôi gục đầu xuống và bắt đầu lê bước. Khi tôi ngẩng lên đã thấy một đám trẻ con Tarahumara vây quanh mình. Tôi nhắm mắt lại, rồi mở mắt lần nữa. Lũ trẻ vẫn ở đó. May sao chúng không phải là ảo giác, tôi mừng chảy nước mắt. Chúng từ đâu đến, và tại sao chúng lại chọn quanh quẩn với tôi, tôi không thể hiểu nổi. Chúng tôi cùng nhau leo cao dần lên trên ngọn đồi.

Sau khi đi được khoảng nửa dặm, bọn trẻ chạy vụt lên một đường mòn nhánh gần như vô hình và vẫy tôi đi theo.

“Không được!” Tôi trả lời đầy tiếc rẻ.

Bọn trẻ nhún vai, rồi biến mất vào bụi rậm. “Gracias!” Tôi rên lên, và ngay lập tức cảm thấy nhớ lũ trẻ. Tôi tiếp tục cố sức leo lên đồi, chuyển từ lê lết sang chạy nước kiệu mà thực ra chẳng nhanh hơn đi bộ là mấy. Khi tôi tới một đoạn đường bằng ngắn, lũ trẻ đã ngồi chờ sẵn ở đó. Vậy ra đó chính là cách người Tarahumara Urique bút lên dẫn trước được xa đến vậy. Lũ trẻ lại bật dậy, chạy song song với tôi một lần nữa, để rồi lại biến mất vào bụi rậm. Khoảng nửa dặm sau, chúng lại chui ra. Trò này biến thành một con ác mộng: Tôi cứ tiếp tục chạy mãi, chạy mãi, nhưng mọi thứ chẳng thay đổi. Ngọn đồi cứ như kéo dài ra mãi, và nhìn đâu đâu, tôi cũng thấy Lũ Trẻ Đồng Ngộ xuất hiện.

Nếu là Caballo, anh ta sẽ làm gì nhỉ? Tôi băn khoăn. Anh ta luôn tự đẩy mình vào tình thế khó khăn đến vô vọng trong vùng hẻm núi này, rồi luôn tìm được cách thoát ra. *Anh ta sẽ bắt đầu ở ngưỡng dễ.* Tôi tự nhủ. *Bởi vì nếu bạn chỉ làm được như vậy thôi, thì cũng đã là không tệ lắm rồi. Sau đó, anh ta sẽ đẩy lên mức nhẹ nhàng. Anh ta sẽ chạy ở ngưỡng không cần phải nỗ lực, như thể không cần quan tâm xem ngọn đồi cao bao nhiêu hay còn phải chạy bao xa...*

“OSO!” Ted Chân Đất chạy về phía tôi, trông như phát điên.

“Có mấy đứa trẻ cho tôi ít nước và tôi cảm thấy nước rất mát, tôi nghĩ là nên dùng nó để hạ nhiệt cơ thể.” Ted Chân Đất nói. “Vì thế, tôi té nước lên khắp người, phun nước ra xung quanh...”

Tôi gặp khó khăn khi dõi theo câu chuyện của Ted Chân Đất, bởi giọng của anh ta nghe lúc to lúc nhỏ, cứ như một chiếc đài bắt không đủ sóng. Tôi nhận ra rằng đường huyết của mình đã tụt xuống rất thấp, và tôi đang ở cận kề ngưỡng đụng tường.

“... và rồi, tôi chợt nghĩ: ‘Thôi chết, thôi chết, mình hết nước rồi...’”

Qua lời than vãn của Ted Chân Đất, tôi biết mình còn cách điểm quay đầu cỡ khoảng một dặm nữa. Tôi chẳng đủ kiên nhẫn để nghe, chỉ muốn lao thật nhanh tới trạm tiếp tế để nhai tiếp một thanh

năng lượng nữa và nghỉ một chút trước khi chạy nốt năm dặm cuối cùng.

“... Vì vậy, tôi tự nhủ rằng nếu phải đi tiểu, thì nên tiểu vào chai, để phòng trường hợp hết sạch nước, anh biết đấy, hết nhãn nhụi. Vì thế, tôi tè vào cái chai này, và nó có màu gần như nước cam. Trông có vẻ không ổn. Và còn nóng nữa. Tôi nghĩ mọi người nhìn tôi tè vào chai và nghĩ: ‘Oa, lũ ngoại nhân này ghê thật!’”

“Gượng đã!” Tôi bắt đầu hiểu ra. “Không phải anh đang uống nước tiểu đấy chứ?”

“Nó đúng là thứ đồ uống tệ nhất! Nó là món nước tiểu dở nhất mà tôi từng nếm. Anh có thể đóng chai thứ này và đem bán để dựng người chết sống dậy. Tôi vẫn biết là có thể uống được nước tiểu, nhưng quả là không thể khi nó đã bị đun nóng và bị xóc lên trong thận suốt 40 dặm. Đây là một thí nghiệm thất bại. Tôi sẽ không uống thứ nước tiểu này ngay cả khi nó là thứ chất lỏng duy nhất còn lại trên Trái đất.”

“Đây!” Tôi bảo, và đưa cho anh ta chỗ nước còn lại của mình. Tôi không hiểu tại sao anh ta không chịu quay lại trạm tiếp tế để lấy thêm nước nếu như cảm thấy lo lắng đến thế, nhưng tôi đã quá mệt và chẳng muốn hỏi thêm một câu nào nữa. Ted Chân Đất đổ bỏ thứ “nước thánh” của mình, lấy nước vào chai và quấy quả chạy đi. Dù có là kẻ lập dị, thì cũng không thể chối bỏ khả năng xoay xở cũng như lòng quyết tâm của anh ta; chỉ còn chưa tới năm dặm là anh ta cán đích trong cuộc chạy đua dài 50 dặm bằng dép cao su xỏ ngón, và sẵn sàng uống cả nước thải từ cơ thể để tới được đích.

Chỉ khi tới được điểm quay đầu Guadalupe thì cái đầu mù mịt của tôi mới vỡ lẽ ra được tại sao Chân Đất lại hết sạch nước: ở đây không còn chút nước nào hết. Và không một bóng người. Dân làng đã kéo về Urique tham gia tiệc tùng sau cuộc đua, đóng cửa luôn cả cửa hàng nhỏ và chẳng để lại ai để chỉ đường đến chỗ giếng nước. Tôi ngồi phịch xuống một tảng đá. Đầu óc tôi quay cuồng, còn miệng thì khô rộp lên tới mức không nhai nổi đồ ăn nữa. Ngay cả khi xoay xở nhét được vài miếng xuống cổ họng thì tôi cũng đã mất nước tới mức không thể hoàn thành nổi quãng đường dài một giờ đồng hồ để về đích nữa. Cách duy nhất để trở về Urique là đi bộ, nhưng tôi đã yếu đến mức không đi nổi.

“Cái giá phải trả cho lòng trắc ẩn đây.” Tôi lầm bầm. “Mình cho đi thứ gì đó, và mình nhận lại được gì? Một quả đắng.”

Và khi tôi ngồi đó, thảm bại, hơi thở nặng nhọc sau khi leo dốc dần chậm lại, đủ để tôi nghe thấy một âm thanh khác – một thứ tiếng huýt sáo lạnh lót kỳ lạ, dường như càng lúc càng đến gần hơn. Tôi nhóm dậy để nhìn, và ở đó, đang tiến lên ngọn đồi bị lãng quên này, là ông già Bob Francis.

“Này, amigo!” Bob vừa gọi tôi, vừa lôi ra hai lon nước xoài từ túi đeo trên vai, giơ chúng lên cao trên đầu và lắc lắc. “Tôi đã nghĩ bụng là anh sẽ cần ít đồ uống.”

Tôi sửng người. Ông Bob già đã leo năm dặm đường mòn khó khăn dưới nhiệt độ 35 độ C để mang nước quả cho tôi? Nhưng rồi tôi nhớ ra: vài ngày trước, Bob đã trầm trồ trước con dao mà tôi cho Ted Chân Đất mượn để làm dép xăng đan. Đó là một món đồ kỷ niệm từ chuyến thám hiểm châu Phi, nhưng vì Bob đã đối xử với chúng tôi rất tử tế nên tôi đành tặng cho ông con dao đó. Có thể chuyến giao hàng kỳ diệu này của Bob chỉ là một sự tình cờ may mắn, nhưng khi uống chỗ nước quả và chuẩn bị chạy về đích, tôi có cảm giác rằng mảnh cuối cùng trong bức tranh ghép về người Tarahumara đã về đúng vị trí.

Caballo và Tita bị xô đẩy vào đám đông ở vạch đích, cố nghển cổ lên để ngóng những người dẫn đầu đoàn đua. Caballo lôi ra từ trong túi một chiếc đồng hồ Timex cũ kỹ đã đứt dây và kiểm tra thời gian. Sáu tiếng. Có thể là quá nhanh, nhưng biết đâu...

“*Vienen!*” Ai đó hét lên. Họ đang tới kìa!

Caballo vội ngẩng đầu lên. Anh nheo mắt nhìn xuôi xuống con đường thẳng, phóng ánh nhìn xuyên qua những cái đầu đang nhô lên thụt xuống của các vũ công. Báo động nhầm! Đó chỉ là một đám bụi và – mà không, đúng thật rồi! Mớ tóc sẫm màu và áo choàng màu đỏ. Arnulfo đang dẫn đầu.

Silvino ở vị trí thứ hai, nhưng Scott đang rút ngắn khoảng cách. Khi chỉ còn cách một dặm, Scott vượt qua Silvino. Nhưng thay vì vọt đi thật nhanh, Scott vỗ vào lưng anh ta. “Đi nào!” Scott hét, vẫy Silvino chạy theo. Giật mình, Silvino rướn lên và cố theo kịp từng bước chạy của Scott. Họ cùng nhau đuổi theo Arnulfo.

Những tiếng hò reo đã nhấn chìm âm thanh của ban nhạc mariachi khi ba tay đua vào đoạn bứt tốc cuối cùng để về đích. Silvino loạng choạng, rồi lại dấn lên, nhưng không thể theo kịp tốc độ của Scott. Scott băng lên. Anh ta từng ở vị trí như thế này, và luôn tìm được chút sức mạnh còn lại. Arnulfo ngoái lại và nhìn thấy kẻ từng đánh bại những tay cừ khôi nhất thế giới đang dốc sức đuổi theo mình. Arnulfo lao vọt qua nền gạch của Urique, tiếng hò hét càng vang dội khi anh tiến dần tới dải băng. Và khi anh lao qua dải băng ấy, Tita đã ứa nước mắt.

Đám đông đã nuốt chửng lấy Arnulfo khi Scott chạy qua vạch đích ở vị trí thứ nhì. Caballo hồi há chạy tới để chúc mừng, nhưng Scott đẩy anh sang một bên mà không nói một lời. Scott không quen với việc bại trận, đặc biệt là trước một gã tiểu tốt, trong một cuộc đua vô danh giữa vùng hoang vu. Điều này chưa từng xảy ra với anh – nhưng anh biết mình phải làm gì.

Scott bước về phía Arnulfo và cúi đầu.

Đám đông như phát điên lên. Tita chạy vội tới để ôm Caballo và thấy anh đang lau nước mắt. Và trong mớ hỗn loạn ấy, Silvino gắng sức vượt qua vạch đích, theo sau là Herbolisto và Sebastiano.

Còn Jenn thì sao? Quyết định liều chết giành chiến thắng cuối cùng cũng hạ gục cô.

Khi về tới Guadalupe, Jenn như sắp ngã đến nơi. Cô ngồi sụp xuống tựa lưng vào một gốc cây và gục cái đầu đang quay cuồng xuống giữa hai đầu gối. Một đám người Tarahumara vây quanh, cố gắng động viên Jenn đứng dậy. Jenn ngẩng đầu và ra hiệu muốn uống nước.

“¿Agua?” Cô hỏi. “¿Agua purificada?”

Ai đó nhét vào tay cô một lon Coke ấm.

“Càng tốt!” Cô nói, miệng cười chua chát.

Cô vẫn còn đang nhấp từng ngụm soda thì chợt có tiếng hét. Sebastiano và Herbolisto đang chạy vào làng. Jenn không nhìn thấy họ được nữa khi đám đông vây quanh để chúc tụng và đưa pinole cho họ. Và rồi, Herbolisto đứng đó ngay trước mặt cô, chìa tay ra. Tay kia, ông ta chỉ về phía đường mòn. Cô ta có đi không? Jenn lắc đầu. “Chưa được!” Cô nói. Herbolisto bắt đầu chạy, rồi dừng lại và đi bộ ngược trở lại. Một lần nữa, ông chìa tay ra. Jenn mỉm cười và vẫy tay ra hiệu cho ông đi trước. “Đi đi nào!” Herbolisto vẫy tay tạm biệt.

Chẳng lâu sau khi ông biến mất trên đường mòn, tiếng hò hét lại vang lên. Ai đó báo tin đến cho Jenn: con Sói đang tới.

Đầu Đất! Jenn để dành lại cho cậu ta một ngụm Coke to, và cố gượng đứng dậy trong khi cậu ta uống hết chỗ nước. Tất cả những lần chạy cùng nhau, tính cả những buổi chạy lúc Mặt trời lặn trên bãi biển Virginia, họ chưa lần nào sóng đôi về đích.

“Sẵn sàng chưa?” Billy hỏi.

“Anh toi rồi đấy.”

Họ cùng nhau lao như bay xuống ngọn đồi dài, chạy rầm rập qua cây cầu treo lắt léo. Họ vừa tiến vào Urique vừa hú hét, với một kết quả không phải hồ thẹn: mặc dù Jenn phải chạy với đôi chân rướm máu còn Billy thì chuẩn bị cho cuộc đua như người bị bệnh ngủ li bì, ngoài bốn người Tarahumara, họ vẫn đánh bại được những người khác, bao gồm cả Luis và Eric, hai tay chạy bộ siêu dài dạn dày kinh nghiệm.

Manuel bỏ cuộc giữa chừng. Anh đã cố gắng hết sức để tham gia cuộc đua vì Caballo, nhưng nỗi đau sau cái chết của cậu con trai đã khiến anh không còn tâm trạng nào thi đấu. Nhưng dẫu tâm trí không thể hướng vào việc cuộc đua, anh vẫn dành toàn tâm toàn ý cho một đấu thủ khác. Manuel đi

lang thang dọc theo đường chạy để dõi theo Ted Chân Đất. Và rồi, Arnulfo... Scott và cả Jenn và Billy cũng theo bước anh. Một điều kỳ lạ bắt đầu xảy ra: những người chạy bộ càng chạy chậm, tiếng hò reo cổ vũ càng lớn. Mỗi khi có một tay đua gắng gượng vượt qua vạch đích – Luis và Porfilio, Eric và Ted Chân Đất – họ ngay lập tức quay lại và bắt đầu đi tìm những người chạy bộ còn chưa về tới nơi.

Từ trên ngọn đồi cao, tôi có thể nhìn thấy ánh sáng nhấp nháy của những ngọn đèn xanh đỏ treo trên con đường dẫn vào Urique. Mặt trời đã lặn, để lại tôi một mình chạy xuyên qua ánh sáng nhá nhem màu xám bạc của vùng hẻm núi sâu thẳm, thứ ánh sáng mờ ảo như ánh trăng, cứ tĩnh lặng như thế, không thay đổi, cho tới khi bạn cảm thấy tất mọi thứ đều đã đông cứng lại, trừ chính bạn. Và đúng lúc đó, từ những cái bóng màu trắng đục như sữa, hiện ra hình hài của kẻ lãng du đơn độc vùng High Sierras.

“Có cần bạn đồng hành không?” Caballo nói.

“Tuyệt vời.”

Chúng tôi cùng nhau chạy lóc cóc qua cây cầu treo, luồng không khí mát mẻ từ dòng sông khiến tôi cảm thấy thân thể nhẹ bỗng lạ lùng. Khi chúng tôi tới đoạn đường thẳng cuối cùng dẫn vào thị trấn, tiếng kèn trumpet trỗi lên. Chạy sóng đôi bên nhau, khớp từng nhịp bước, Caballo và tôi tiến vào Urique.

Tôi thậm chí còn chẳng biết mình có đi qua vạch đích hay không. Tôi chỉ nhìn thấy một cái bóng có mó tóc tết bím nháng lên khi Jenn lao vọt ra khỏi đám đông, khiến tôi sừng sốt. Eric đỡ tôi ngay trước khi tôi gục xuống nền đất và ấn một chai nước lạnh vào sau gáy tôi. Arnulfo và Scott, cả hai mắt đều đã vằn sọc đỏ, mỗi người dúm vào mỗi bên tay tôi một chai bia.

“Anh thật đáng kinh ngạc.” Scott bảo.

“Ừ.” Tôi nói. “Chậm một cách đáng kinh ngạc.” Tôi mất đến hơn 12 tiếng đồng hồ để về đích, đồng nghĩa với việc Scott và Arnulfo có thể chạy lại cả đường đua một lần nữa và vẫn về đích trước tôi.

“Ý tôi chính là như vậy đấy.” Scott khẳng định. “Tôi đã từng trải qua chuyện đó rồi, anh bạn ạ. Tôi đã từng ném nó rất nhiều lần. Để làm được như vậy thì cần nhiều lòng dũng cảm hơn cả chạy nhanh đấy.”

Tôi lê bước về phía Caballo, lúc này đang nằm dài ra dưới một gốc cây trong khi tiệc tùng nổi lên âm ĩ xung quanh. Không lâu sau đó, anh sẽ đứng dậy và có một bài phát biểu tuyệt vời bằng thứ tiếng Tây Ban Nha kỳ cục. Anh sẽ giới thiệu Bob Francis, lúc đó vừa kịp đi bộ về đến thị trấn để trao cho Scott một chiếc đai lưng trong nghi lễ của người Tarahumara, cho Arnulfo một con dao bấm của riêng ông. Caballo sẽ trao giải thưởng bằng tiền, để rồi nghẹn họng khi thấy cặp Nhóc Tiệc Tùng, dù chẳng còn đủ tiền để đi xe buýt quay về El Paso, vẫn tặng hết tiền mặt cho những người Tarahumara về đích sau họ. Caballo sẽ cười rống lên khi Herbolisto và Luis nhảy điệu Robot.

Nhưng tất cả những việc ấy sau đó mới xảy ra. Còn ngay lúc này, Caballo cảm thấy thỏa mãn với việc ngồi một mình dưới gốc cây, nhắm nháp bia, và chứng kiến giấc mơ của mình diễn ra ngay trước mắt.

Đầu óc của anh ấy từ quá lâu đã bị choán hết bởi những vấn đề không thể giải quyết của xã hội đương đại, và anh ấy vẫn đang tiếp tục chiến đấu với thiện tâm và nguồn năng lượng không giới hạn của mình. Những nỗ lực của anh ấy đã không ướng phí, nhưng có thể anh ấy sẽ không sống được tới lúc nhìn thấy thành quả của chúng.

- Theo Van Gogh, 1889

Anh phải nghe cái này.” Ted nắm lấy cánh tay tôi.

Khi thật! Anh ta bắt được tôi ngay khi tôi định chuồn khỏi bữa tiệc đường phố man dại và lết về, nằm lăn ra khách sạn. Tôi đã phải nghe toàn bộ phần bình luận sau giải của Ted Chân Đất, bao gồm cả nhận định: nước tiểu của con người không chỉ giàu dinh dưỡng mà còn là thuốc làm trắng răng, và tôi không thể tưởng tượng nổi tại sao anh ta có thể thấy thứ gì hấp dẫn hơn một trận ngủ say trên chiếc giường êm ái. Nhưng lần này không phải là giờ kể chuyện của Ted, mà là Caballo.

Ted Chân Đất kéo tôi trở lại khu vườn của Mamá Tita, tại đây, Caballo như đang hóp hồn Scott, Billy và một vài người khác. “Các anh đã bao giờ tỉnh dậy trong một phòng cấp cứu...” Caballo đang nói, “... mà cảm thấy bản khoăn không biết rằng mình có muốn tỉnh dậy hay không chưa?” Và cứ thế, anh đi vào câu chuyện mà tôi đã chờ đợi gần hai năm qua. Tôi hiểu tại sao anh lại chọn thời điểm đó. Khi trời sáng, tất cả chúng tôi sẽ lại tàn nát về nhà. Caballo không muốn chúng tôi quên đi những gì đã cùng nhau chia sẻ, vì vậy, lần đầu tiên, anh tiết lộ về thân thế của mình.

Anh sinh ra với cái tên Michael Randall Hickman, con của một Trung sĩ nhất Thủy quân Lục chiến. Việc thay đổi địa điểm đóng quân của cha anh đã khiến gia đình phải di chuyển lên xuống khắp vùng Bờ Tây. Vốn gầy gò và thường xuyên phải tự vệ khi nhập học ở các ngôi trường mới, ưu tiên số một của cậu nhóc Mike mỗi khi chuyển nhà là tìm Câu lạc bộ Thể thao Cảnh sát gần nhất để đăng ký học đấm bốc.

Những đứa nhóc vạm vỡ thường cười khẩy và nện găng vào nhau khi nhìn cậu một sách với mái tóc dài kiểu hippie óng mượt lúng túng bước vào võ đài, nhưng những nụ cười mỉa mai đó thường tắt ngay lập tức khi cánh tay trái vươn dài của cậu tung những cú đấm thẳng vào mắt chúng. Mike Hickman là một cậu bé nhạy cảm, ghét làm đau người khác, nhưng điều đó không ngăn cản cậu trở nên rất giỏi trong việc ấy. “Tôi thích mấy đứa to xác, cơ bắp, ‘bởi vì chúng cứ liên tục bám theo tôi.’” Anh ta hồi tưởng lại. “Nhưng lần đầu tiên hạ nốc ao một gã, tôi đã khóc. Và rất lâu sau đó, tôi không đấm nốc ao ai nữa.”

Sau khi tốt nghiệp trung học, Mike theo học ngành Tôn giáo phương Đông và Lịch sử thổ dân châu Mỹ tại Đại học Humboldt State. Để trang trải học phí, anh tham gia các trận đấm bốc chui, và tự đặt biệt danh là Cao bồi Du mục (Gypsy Cowboy). Vì anh chẳng ngại việc bước vào các phòng tập thể hình hiếm khi có mặt người da trắng, và ở những nơi này càng hiếm khi có một gã ăn chay mặt trắng huyền thuyên về nhịp điệu của vũ trụ với nước ép cỏ lúa mì, nên chẳng bao lâu, gã Cao bồi đã được thỏa sức thi đấu. Những gã cò cấp thấp người Mexico thích kéo anh ra một góc và thì thầm vào tai về các kèo thi đấu.

“Oye, compay.” Bọn chúng bảo. “Nghe này, bạn tôi. Chúng ta sẽ khơi lên một tin đồn, một lời thì thầm rất khế, rằng cậu là gã nghiệp dư hàng đầu ở miền đông. Lũ ngáo ở đây sẽ khoái lắm. Tất cả đám da trắng đó sẽ đem cả con ruột đặt cửa cho cậu.”

Chàng Cao bồi Du mục nhún vai. “Vây cũng được.”

“Cậu cứ nhảy múa quanh võ đài sao cho đừng để bị dần nát xác tới hiệp thứ tư.” Bọn họ dặn – hoặc hiệp thứ ba, hoặc hiệp thứ bảy, hay bất kỳ thời điểm nào khác đã được định trước. Chàng Cao bồi sẽ phải tự lo thân mình trước các võ sĩ da đen hạng nặng với thân hình khổng lồ, bằng cách tránh né và ôm chặt đối thủ, cho đến khi cần ngã xuống sàn đấu, nhưng khi đối đầu với các võ sĩ hạng trung Latin nhanh nhẹn, anh phải thực sự chiến đấu để sinh tồn. “Trời ạ, có lúc họ phải lôi thân xác bê bết máu của tôi ra khỏi đó.” Anh kể. Nhưng ngay cả khi ra trường, anh vẫn tiếp tục mắc kẹt với môn này. “Tôi lang thang khắp nơi để đánh đấm. Nhào xuống thảm, hay giành chiến thắng, hoặc đôi khi thua nhưng thực ra là thắng, chủ yếu là diễn sao cho đẹp, và học cách thi đấu mà không bị thương.”

Sau vài năm nhặt nhạnh tích góp từ thế giới ngầm của thi đấu đối kháng, chàng Cao bồi mang tiền thưởng, bay tới đảo Maui. Ở đó, anh quay lưng lại với các khu nghỉ dưỡng để đi về phía đông, tới con đập, khu tắm tối của hòn đảo và các ngôi đền bí ẩn ở Hana. Anh đi tìm mục đích đời mình. Nhưng lại tìm thấy Smitty, nhà tu hành ẩn dật sống trong một cái hang. Smitty dẫn Mike tới một cái hang dành cho anh, và các địa điểm thiêng liêng bí ẩn của Maui.

“Smitty chính là người đầu tiên đưa tôi đến với chạy bộ.” Caballo kể. Thỉnh thoảng, họ lại khởi hành ngay giữa buổi đêm để chạy 20 dặm lên Đường mòn Kaupo, để đi đến Ngôi nhà Mặt trời, ở độ cao hơn 900 m trên ngọn núi Haleakala. Họ thường ngồi im lặng khi những tia nắng sớm mai lóe lên trên Thái Bình Dương, rồi chạy trở xuống, chỉ mang theo vài quả đu đủ hái trên cây. Gã đấm bốc chui với cái tên Mike Hickman dần dần biến mất. Và ở vào chỗ của gã, trỗi dậy một con người khác với cái tên Micah True, cái tên lấy cảm hứng từ “tinh thần quả cảm và không biết sợ hãi” của nhà tiên tri Micah trong Kinh Cựu ước và lòng trung thành của một chú chó lai tên là True Dog. “Tôi không phải lúc nào cũng sống xứng đáng với tinh thần của True Dog.” Caballo thường nói. “Nhưng đó là tấm gương đáng để noi theo.”

Trong một lần chạy xuyên rừng sâu kiếm tìm lễ sống, chàng trai mới tái sinh Micah True gặp cô gái trẻ, xinh đẹp từ Seattle đến đây nghỉ mát. Họ khác nhau đến cùng cực – Melinda là một học viên cao học ngành Tâm lý và là con của một nhà đầu tư giàu có trong lĩnh vực ngân hàng, trong khi Micah chỉ là một kẻ sống trong hang động, theo nghĩa đen – nhưng họ lại yêu nhau. Và sau một năm ở vùng hoang dã, Micah quyết định rằng đã đến lúc để trở lại với thế giới.

Ầm! Chàng Cao bồi Du mục đã hạ nốc ao đối thủ thứ ba...

... rồi người thứ tư...

... và thứ năm...

Với nàng Melinda luôn chờ ở góc võ đài cùng những cuộc chạy bộ xuyên rừng mưa nhiệt đới trui rèn sức mạnh đôi chân, Micah gần như bất khả chiến bại; anh có thể nhảy nhót và tránh né cho tới khi cánh tay của đối thủ trĩu xuống như đồ bê tông. Ngay khi ấy, Micah sẽ lao vào và nện đối thủ xuống mặt võ đài. “Tôi được truyền cảm hứng từ tình yêu, thừa các vị.” Micah nói. Anh và Melinda chuyển đến sống tại Boulder, Colorado, ở đây, anh có thể chạy các lối mòn trên núi và kiếm được các trận đấu trên võ đài ở Denver.

“Anh ta trông chẳng giống võ sĩ gì cả.” Don Tobin, nhà vô địch kick-box hạng nhẹ vùng Rocky Mountain sau này kể lại với tôi. “Anh ta có mái tóc dài và đeo đôi găng cũ nát, như thể được truyền lại từ Rocky Graziano.” Don Tobin trở thành bạn của chàng Cao bồi và thỉnh thoảng làm đối thủ cùng nhau luyện tập, và cho tới tận bây giờ, anh ta vẫn rất hâm mộ tinh thần làm việc của chàng Cao bồi. “Anh ta tự tập luyện theo những cách khó tin. Vào ngày sinh nhật lần thứ 30, anh ta đi chạy 30 dặm. Hẳn 30 dặm!” Không nhiều vận động viên marathon của Mỹ đạt được con số đó.

Đến khi chuỗi trận bất bại đạt đến con số 12-0, danh tiếng của chàng Cao bồi đã trở nên dữ dội tới mức đủ để anh xuất hiện trên trang bìa của Westword, tuần báo ở Denver. Dưới tựa đề THÀNH PHỐ NĂM ĐẤM là bức hình Micah chiếm trọn cả trang, ngực trần đẫm mồ hôi, nắm đấm sẵn sàng và mớ

tóc tung bay, cặp mắt của anh vẫn giữ nguyên tia sáng mà tôi nhìn thấy 20 năm sau đó, khi tôi phục kích được anh ta ở Creel. “Tôi sẽ đấu với bất kỳ ai nếu có đủ tiền” là trích dẫn của chàng Cao bồi.

Bất kỳ ai? Bài báo đó lọt vào tay một người khởi xướng môn kick-box của ESPN, người này nhanh chóng tìm ra chàng Cao bồi và đưa ra một lời đề nghị. Mặc dù Micah là võ sĩ đấm bốc chứ không phải là dân kick-box, nhưng cô ta vẫn sẵn sàng đưa anh lên võ đài trong một trận đấu truyền hình quốc gia với đối thủ Larry Shepherd, võ sĩ hạng dưới nặng đứng thứ tư nước Mỹ. Micah thích cơ hội được nổi tiếng đó và món tiền thưởng kếch xù, nhưng anh đánh hơi thấy sự lừa lọc. Chỉ vài tháng trước, anh vẫn còn là một gã lập dị không nhà cửa, thiên định trên đỉnh núi; và nay, bọn họ lại đưa anh ra đấu với một võ sư có thể dùng đầu đập gạch. “Tất cả chỉ là một trò đùa lớn với bọn họ.” Micah nói. “Tôi là thằng dị hợm tóc dài mà họ muốn đẩy lên đài để mang lại những tràng cười cợt.”

Điều xảy ra tiếp theo đã tóm tắt lại toàn bộ cuộc đời của Caballo: những quyết định dễ dàng nhất mà anh từng đưa ra đều nằm ở giữa sự cẩn trọng và niềm kiêu hãnh. Khi tiếng chuông rung lên trong trận đấu *Superfight Night* của ESPN, chàng Cao bồi Du mục bỏ chiến thuật khôn ngoan quen thuộc là tránh né và nhảy múa. Thay vào đó, anh chạy thẳng sang bên kia võ đài và tấn công Shepherd bằng một cơn mưa những cú đấm cả trái và phải đầy giận dữ. “Anh ta không hiểu tôi đang làm gì, nên cứ đứng thủ thế ở góc võ đài, cố công tìm hiểu.” Micah nhớ lại. Micah co cánh tay phải lại để chuẩn bị cho một cú trời giáng, nhưng rồi lại nghĩ ra ý hay hơn. “Tôi đá vào mặt anh ta mạnh tới mức gãy cả ngón chân mình.” Micah nói. “Và cả mũi anh ta nữa.”

Reng reng reng.

Người ta giương cao cánh tay của Micah lên trời, trong khi đó, một vị bác sĩ đang kiểm tra mắt của Shepherd xem võng mạc có bị bong ra hay không. Một chiến thắng nốc ao nữa cho Cao bồi Du mục. Anh không thể chờ đợi lâu hơn để về nhà và ăn mừng với Melinda. Nhưng anh nhận ra Melinda đã chuẩn bị sẵn một cú nốc ao dành cho mình. Rất lâu trước khi cuộc nói chuyện đó kết thúc – trước khi cô thú thật về cuộc tình vụng trộm cũng như kế hoạch bỏ anh đi theo người khác và chuyển về sống tại Seattle – óc của Micah đã quay mòng mòng với nhiều câu hỏi. Không phải cho cô; mà là cho chính anh.

Anh vừa đập võ mặt một người đàn ông ngay trên sóng truyền hình quốc gia, tại sao? Để trở nên vĩ đại trong mắt của người khác? Để trở thành một nghệ sĩ trình diễn mà thành tích chỉ được đo đếm bằng tình cảm của người khác? Anh không ngu ngốc; anh có thể kết nối từ cậu bé hay lo lắng, có người cha vĩ đại như người hùng Santini, với kẻ cô đơn, thèm khát tình yêu mà anh ta đã trở thành. Anh là một võ sĩ vĩ đại, hay nói theo cách khác, chỉ là kẻ chuyên đòi hỏi?

Không lâu sau, *Tap chí Karate* gọi tới. Theo lời người phóng viên, Bảng xếp hạng cuối năm chuẩn bị ra mắt và trận đấu bất ngờ của Cao bồi Du mục đã đưa anh lên hạng thứ năm trong giới kick-box hạng dưới nặng toàn nước Mỹ. Sự nghiệp của chàng Cao bồi chuẩn bị lên hương; ngay khi Karate lên các sạp báo và các lời mời đổ tới, anh sẽ có bọn cơ hội kiếm nhiều tiền để tìm hiểu xem điều mình thực sự yêu thích là môn đấu đá, hay đơn giản là đánh nhau để được yêu.

“Xin lỗi!” Micah nói với người phóng viên nọ. “Nhưng tôi vừa mới quyết định giải nghệ.”

Làm cho chàng Cao bồi Du mục biến mất còn đơn giản hơn việc tống khứ Mike Hickman. Tất cả những gì không mang theo được trên lưng đều bị Micah vứt bỏ. Điện thoại ngắt kết nối, căn hộ bỏ không. Chiếc xe bán tải Chevy đời 69 trở thành nhà. Ban đêm, anh ngủ trong túi ngủ ở ghế sau. Ban ngày, anh đi cắt cỏ thuê và khuân vác đồ đạc. Thời gian còn lại, anh chạy bộ. Nếu như không thể có được Melinda, thì anh sẽ quyết làm cho mình kiệt sức. “Tôi ngủ dậy vào bốn giờ rưỡi sáng, chạy 20 dặm, và mọi việc sẽ tốt đẹp.” Micah nói. “Sau đó, tôi làm việc cả ngày và lại muốn có cảm giác đó một lần nữa. Vì vậy, tôi về nhà, uống một chai bia, ăn một ít đậu, và chạy thêm một chút nữa.”

Anh ta không biết mình chạy nhanh hay chậm, giỏi hay kém, cho đến khi lái xe tới Laramie, Wyoming trong một kỳ nghỉ cuối tuần hè 1986, để thử sức ở giải Rocky Mountain Double Marathon. Anh tự khiến mình phải ngạc nhiên khi giành giải nhất với thời gian 6 giờ 12 phút, vượt qua quãng

đường mòn có độ dài bằng hai cuộc marathon liền nhau, với thời gian chỉ hơn ba tiếng đồng hồ mỗi cuộc. Anh ta phát hiện ra, chạy đua siêu dài còn khó nhằn hơn cả đấu võ kiếm giải. Trên võ đài, đối thủ quyết định ta sẽ bị đánh mạnh tới mức nào, nhưng trên đường mòn, sự trừng phạt đến từ chính bản thân ta. Với một gã đang tìm cách tự hành xác đến tê dại, thì chạy bộ cực hạn có thể là môn thể thao thú vị tột cùng.

Mình có thể thi đấu chuyên nghiệp, nếu thoát khỏi mấy chấn thương dai dẳng này... Ý nghĩ đó chạy qua tâm trí của Micah khi đang đạp xe và đổ một con dốc gắt trên phố ở Boulder. Điều tiếp theo mà anh nhận thức được, là mình đang chớp chớp mắt nhìn vào ánh đèn chói chang trong phòng cấp cứu của Bệnh viện cộng đồng Boulder, mắt anh bị máu khô đóng đặc quánh và trán thì đầy vết khô. Cố gắng nhớ lại, thì có vẻ như anh đã vấp phải một viên sỏi trơn và văng cả người qua ghi đông xe đạp.

“Anh còn sống được là may lắm rồi đấy.” Bác sĩ bảo anh, trong khi đó thực ra chỉ là một cách nhìn nhận. Ở mặt kia của vấn đề, cái chết vẫn treo lơ lửng trên đầu anh. Micah vừa bước sang tuổi 41, và viễn cảnh nhìn từ cái cẳng ở phòng cấp cứu không có vẻ gì là đẹp đẽ. Anh không có bảo hiểm y tế, không nhà cửa, người thân, và không có công việc ổn định. Anh không có đủ tiền để ở lại qua đêm cho các bác sĩ theo dõi, và cũng chẳng có giường nằm dưỡng bệnh nếu ra viện.

Nghèo túng và tự do là cách sống mà anh chọn lựa, nhưng liệu anh có muốn chết như vậy không? Một người bạn đã để cho Micah nằm dưỡng thương trên ghế xô-pha của cô, và ở đó, trong vài ngày tiếp theo, anh suy nghĩ về tương lai. Chỉ có những kẻ nổi loạn may mắn mới có thể ra đi trong ánh hào quang, điều này Micah biết rất rõ. Kể từ hồi lớp hai, anh đã thần tượng Geronimo, người Apache dũng cảm từng trốn thoát kỵ binh Hoa Kỳ bằng cách chạy bộ xuyên qua vùng đất hoang Arizona. Nhưng kết cục của Geronimo ra sao? Một tù nhân, chết trong say xỉn dưới rãnh nước, trong một khu bảo tồn bụi bặm.

Khi đã bình phục, Micah đi tới Leadville. Và ở đó, trong một đêm kỳ diệu cùng chạy bộ xuyên rừng với Martimano Cervantes, anh đã tìm ra câu trả lời. Geronimo không thể chạy mãi mãi trong tự do, nhưng một gã “thổ dân da trắng” thì có thể. Một gã thổ dân da trắng không có tài sản, không cần đến ai, và không sợ bị biến mất khỏi Trái đất mà không để lại dấu vết.

“Vậy anh sống bằng gì?” Tôi hỏi.

“Mồ hôi.” Caballo trả lời. Cứ đến mùa hè, anh lại rời căn lều và đi xe buýt trở về Boulder, nơi chiếc xe bán tải cỡ lớn vẫn nằm đó chờ anh phía sau căn nhà của một người nông dân tốt bụng. Trong khoảng từ hai đến ba tháng, anh lấy lại danh tính Micah True và cố kiếm các công việc tự do kiểu như vận chuyển đồ nội thất. Ngay khi kiếm đủ tiền để sống qua một năm nữa, anh lại ra đi, biến mất xuống đáy sâu của vùng hẻm núi, và xỏ vào chân đôi xăng đan của El Caballo Blanco.

“Khi quá già, không làm việc được nữa, tôi sẽ làm điều mà Geronimo sẽ làm nếu họ để anh ta được tự do.” Caballo nói. “Tôi sẽ đi bộ vào vùng hẻm núi sâu thẳm và tìm một nơi yên tĩnh nằm xuống.” Không có chút cường điệu hay tự thương hại bản thân nào trong cách Caballo nói ra những lời này, đơn giản chỉ là một sự chấp nhận, rằng một ngày nào đó, cuộc sống mà anh ta đã lựa chọn sẽ đòi hỏi phải có một hành động biến mất cuối cùng.

“Vì vậy, có thể tôi sẽ gặp lại tất cả các bạn.” Caballo kết thúc câu chuyện, cùng lúc Tita tắt đèn và xua chúng tôi đi ngủ. “Hoặc có thể chẳng gặp nhau nữa.”

Lúc Mặt trời mọc sáng hôm sau, những người lính ở Urique đã đợi sẵn bên chiếc xe buýt mini nổ máy chờ bên ngoài nhà hàng của Tita. Khi Jenn tới nơi, đám lính lập tức đứng nghiêm.

“*Hasta luego, Brujita!*” Họ chào.

Jenn gửi tới họ nụ hôn gió kiểu các nữ minh tinh màn bạc với một cái vung tay thật rộng, rồi leo lên xe. Ted Chân Đất theo sau cô, rón rén trèo lên. Hai bàn chân anh ta được quấn vải băng bó dày tới mức gần như không chui vừa dép. “Không tệ lắm đâu, thật đấy!” Anh ta phân bua. “Chỉ hơi phải giữ gìn chút thôi.” Anh ta chen vào bên cạnh Scott, và được Scott ngồi dịch sang để nhường chỗ.

Đám còn lại chúng tôi lên xe và cố gắng để mình mấy đang đau nhức cảm thấy càng dễ chịu càng tốt trong chuyến đi gập ghềnh sắp tới. Người thợ làm *tortilla* của ngôi làng (đồng thời cũng là thợ cắt tóc, thợ giày, và là tài xế xe buýt) ngồi vào sau bánh lái, rồ máy rung lên bần bật. Ở bên ngoài, Caballo và Bob Francis đang đi dọc theo chiều dài chiếc xe buýt, áp bàn tay của họ lên từng ô cửa.

Manuel Luna, Arnulfo, và Silvino đứng cạnh họ khi chiếc xe buýt bắt đầu lăn bánh. Tất cả những người Tarahumara khác đều đã xuất phát từ trước để vượt qua quãng đường xa lắc trở về nhà, nhưng mặc dù ba người này phải đi xa nhất, họ vẫn ở lại chò để tiễn chúng tôi. Rất lâu sau đó, tôi vẫn còn nhìn thấy họ đứng trên đường, vẫy tay, cho tới khi cả thị trấn Urique biến mất vào một màn mây bụi.

LỜI CẢM ƠN

Năm 2005, Larry Weissman đọc các bài của tôi cắt ra từ tạp chí và tóm gọn lại thành một câu hỏi khôn ngoan. “Sức bền nằm ở trung tâm các câu chuyện của cậu.” Anh nói vậy, hoặc câu gì tương tự như thế. “Còn chuyện nào anh chưa kể không?”

“Ồ, cũng có. Tôi đã nghe nói về cuộc đua này ở Mexico...”

Kể từ đó, Larry và người vợ tuyệt vời của anh, Sascha, đóng vai trò là quản lý của tôi, chỉ cho tôi cách một mô ý tưởng thành lời đề xuất khả thi, giật dây nhắc nhở mỗi khi tôi trễ hạn. Không có họ, cuốn sách này vẫn chỉ là một câu chuyện phôi trên bàn bia.

Tạp chí Runner’s World, và đặc biệt là biên tập viên Jay Heinrichs đã cử tôi đến Copper Canyon và tỏ ra thích thú (dù chỉ một chút) về ý định phát hành chuyên đề người Tarahumara. Tôi còn nợ James Rexroad, nhiếp ảnh gia cự phách, vì đã bầu bạn cùng tôi và chụp những bức ảnh tuyệt vời trong chuyến đi đó. Người có bộ não cũng như dung tích phổi khổng lồ như biên tập viên danh dự của Runner’s World, Amby Burfoot, đã hào phóng chia sẻ với tôi kho thời gian, kinh nghiệm và thư viện của mình. Tôi vẫn giữ của ông 25 cuốn sách, và hứa trả lại nếu ông chịu chạy cùng tôi lần nữa.

Tôi đặc biệt biết ơn tạp chí Men’s Health. Nếu chưa đọc tạp chí này, bạn đang bỏ lỡ một trong những tờ tạp chí tuyệt vời nhất, đáng tin cậy bậc nhất. Tạp chí này có đội ngũ biên tập viên như Matt Marion và Peter Moore, những người cố vũ cho ý tưởng phi lý như cử tay viết bị chấn thương tới vùng hoang vu để tham gia cuộc thi chạy bộ với thổ dân da đỏ vô hình. Men’s Health đã cấp kinh phí cho tôi tập luyện rồi lại giúp tôi định hình câu chuyện. Giống như tất cả những thứ tôi đã từng viết cho Matt, nó được đưa đến tay anh như một tấm ga giường nhàu nhĩ và trở ra vuông vắn, phẳng đét như trong phòng khách sạn.

Là một nhóm người thường không được nhìn nhận đúng đắn, cộng đồng chạy bộ siêu dài đã ủng hộ nghiên cứu cũng như thử nghiệm cá nhân của tôi. Ken, Pat, và Cole Chlouber luôn khiến tôi cảm thấy như ở nhà khi tới Leadville và đã dạy cho tôi nhiều hơn cả mức tôi muốn học về đua lừa. Giám đốc giải Leadville, Merilee O’Neal, đã đáp ứng mọi yêu cầu mà tôi có thể nghĩ ra và còn cho tôi cái ôm dành cho người hoàn thành cuộc đua, mặc dù tôi chưa xứng đáng. David “Wild Man” Horton, Matt “Skyrunner” Carpenter, Lisa Smith-Batchen và Jay, Marshall và Heather Ulrich, Tony Krupicka – tất cả đã chia sẻ với tôi những câu chuyện phi thường và bí mật của đường mòn. Sunny Blende, chuyên gia dinh dưỡng của môn chạy siêu dài, đã giúp chúng tôi tránh được thảm họa trong sa mạc khi Jenn, Billy, Ted Chân Đất và tôi loay hoay hỗ trợ cho Luis Escobar ở giải Badwater 2006, và đưa ra định nghĩa tuyệt vời nhất về môn thể thao này: “Chạy siêu dài chỉ là cuộc thi ăn và uống, điểm thêm chút vận động và cảnh quan.”

Nếu như bạn không bị loạn óc bởi những đoạn lạc đề khi đọc cuốn sách này, thì cả tôi và bạn đều nợ lời cảm ơn với Edward Kastenmeier, người biên tập của tôi ở Knopf, và trợ lý của ông là Tim O’Connell. Ngoài ra, còn có Lexy Bloom, biên tập viên cấp cao ở Vintage Books, người đã đưa ra những nhận xét quý báu. Họ đã tìm ra cách cắt bớt phần mở thừa trong đồng chữ nghĩa của tôi mà không làm mất đi chút hương vị nào. Bạn tôi, Jason Fagoie, tác giả tuyệt tác *Horsmen of the Esophagus* (Kỵ sĩ của Esophagus), đã giúp tôi hiểu được sự khác nhau giữa kể chuyện và sự lan man. Max Potter là một tay bút cao thượng hiếm hoi khi khuyến khích một tay bút khác sáng tác. Patrick Doyle của tạp chí 5280 đã xác nhận tin tức trong cuộc đời bí ẩn của Caballo, và thậm chí tìm được tấm ảnh đăng báo tưởng như đã thất lạc hoàn toàn của chàng Cao bồi Du mục thời còn thi đấu. Nhiều năm trước, Susann Linnee đã hào phóng cho tôi một công việc tại Associated Press và sau đó dạy tôi cách làm công việc đó. Nếu có thêm nhiều người biết về Susan thì hẳn là sẽ có ít người chê trách nghề báo hơn.

Để trở thành một vận động viên vĩ đại, bạn cần phải chọn cha mẹ thật kỹ. Để sống sót được với tư cách nhà văn, bạn cũng cần điều tương tự ở gia đình. Các anh chị em ruột, anh chị em họ đã cho tôi nguồn động viên to lớn, và tha thứ vì tôi đã bỏ lỡ các ngày sinh nhật, cũng như các trách nhiệm khác. Hơn hết thảy, tôi nợ vợ tôi, Mika, và những cô con gái tuyệt vời, Sophie và Maya.

Giờ thì tôi đã hiểu tại sao người Tarahumara và nhóm Điên Rồ lại thân thiết với nhau như vậy. Họ là những con người kỳ diệu và hiếm có, và được ở bên họ là điểm phúc đời tôi. Tôi ước gì mình có thời gian để uống thêm một lon nước xoài với Bob Francis, người thổ dân da trắng vĩ đại. Không lâu sau cuộc đua, ông qua đời. Và cũng như hầu hết những cái chết ở Copper Canyon, cái chết của ông vẫn là một bí ẩn.

Trong khi vẫn đang gặm nhấm nỗi đau mất mát của người bạn già trung thành ấy, Caballo đã nhận được lời đề nghị hiếm có trong đời. The North Face, công ty dụng cụ thể thao ngoài trời nổi tiếng, đã đề nghị trở thành nhà tài trợ cho cuộc đua của anh ta. Tương lai của Caballo và cả cuộc đua của anh ta cuối cùng cũng được đảm bảo.

Caballo nghĩ rất kỹ. Trong khoảng một phút.

“Không, cảm ơn!” Anh quyết định. “Tôi không muốn mọi người làm bất cứ điều gì khác ngoài chạy, tiệc tùng, nhảy múa, ăn và chơi cùng chúng tôi. Chạy bộ nên được tự do, anh bạn ạ.”